

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Hoàng Khởi Phong**

#### **Tiểu sử**

Tên thật Nguyễn Vinh Hiền.  
Sinh năm 1943 tại Hải Dương.

#### **Tác phẩm**

Mặt trời lên (thơ, 1967), Phục hồi quyền chức làm người (thơ, 1970),  
Ngẩng mặt nhìn trăng sáng (kí sự, 1977), Ngày N+ (hồi kí, 1988),



## **Mục Lục**

<b>Một vì sao Nhân Văn vừa tắt – 2</b>
<b>Câu chuyện Nhân Văn – 12</b>
<b>Hoàng Khởi Phong: người thơ, người chứng...- Nguyễn Mộng Giác - 26</b>
<b>Gói đầu lên chữ nghĩa – 28</b>
<b>Trước giờ ngưng bắn – 40</b>
<b>Cá nhân tôi bỏ đi không có gì đáng tiếc – Nguyễn Mạnh Trinh - 52</b>

### **Phụ đính I:**

**Nhà văn Hoàng Khởi Phong trả lời...Nguyễn Mạnh Trinh - 11**  
**Cát bụi chân ai: Cuộc phiêu lưu - “Không, tôi là người viết truyện.”**  
**Phỏng vấn nhà văn Thế Uyên - Hai người đội mũ**

### **Phụ đính II:**

**Ngày N +....**  
(hồi ký)

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Một vì sao Nhân Văn vừa tắt



Phùng Quán (1933-1995)

### 1.

Năm 1954, khi vết dao chém đứt ngang mình đất nước còn đang đổ máu, tổ quốc của chúng ta bị chia thành hai miền thù hận, và toàn thể dân tộc bị đẩy vào thế một mất một còn. Trong bối cảnh lịch sử đó hầu như miền Nam của những người Việt Nam không cộng sản, dưới sự cai trị không mấy sáng suốt của Đệ nhất Cộng hòa, có một nhãn quan thiếu nghiêm chỉnh với mọi sinh hoạt của miền Bắc, phóng ra hét đợt “Tố cộng” này đến đợt khác, bất cứ cái gì khởi đi từ miền Bắc đều không đáng quan tâm, đều bị bịt kín. Thậm chí quay lưng lại với những sai lầm độc ác của chính quyền miền Bắc trong các đợt cải cách ruộng đất, đấu tố địa chủ, tiêu diệt cường hào diễn ra trên đất Bắc.

Lẽ ra miền Nam phải hỗ trợ cho các cuộc tranh đấu của những người cầm bút bên kia vĩ tuyến 17, khi những người này gióng lên tiếng nói bất khuất của họ ngay từ năm 1956, trong một số sách báo xuất bản vào thời điểm này. Mãi cho tới năm 1959, khi những nhà văn đích thực của miền Bắc đã bị chính quyền cộng sản đàn áp, người thì chết, kẻ thì sống dở, đến độ tiếng ta thán ngút trời mây; chính quyền cộng sản phải trấn an dân chúng bằng những đợt “sửa sai” phát động trên toàn miền Bắc, thì trong Nam học giả Hoàng Văn Chí, sau một thời gian dài quan sát, thu thập tài liệu cho xuất bản một tác phẩm viết về các cuộc tranh đấu của giới trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc. Đó là quyển *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*. Công trình biên khảo này hoàn toàn có tính cách cá nhân, không hề được sự hỗ trợ của chính quyền miền Nam. Mãi tới lúc đó những người ham đọc sách, thích suy nghĩ và quan sát chính trị và lịch sử ở miền Nam mới có dịp thấy được một phần những sự kiện đang xảy ra bên kia vĩ tuyến 17, bên kia vết thương chém ngang mình tổ quốc, một vết thương không bao giờ lành cho dù lịch sử có trôi đi thêm vài trăm năm nữa. Bởi vì vết thương nơi con sông Bến Hải chỉ là vết thương lập lại, làm rộng thêm miệng một vết thương cũ, kéo dài ba thế kỷ, nơi hai bờ sông Gianh trong thời Trịnh Nguyễn.

Trước khi tác phẩm biên khảo *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* ra đời, tên tuổi của Phùng Quán chỉ được biết tới trên đất Bắc. Khi miền Nam biết tới ông, chính là lúc ông đang

sống không sống được, chết chẳng chết cho. Học giả Hoàng Văn Chí giới thiệu Phùng Quán như sau:

“Phùng Quán năm nay (năm 1959) 25 tuổi, là một thanh niên nghèo. Trước đi bộ đội, sau được giới thiệu về trường dự bị đại học để học thêm. Về Hà Nội anh lại tiếp tục công tác văn nghệ trong quân đội.

Anh viết theo lối hiện thực xã hội và được coi là Triệu Tử Long trong nhóm đổi lập. Những bài thơ của anh được dư luận gọi là những “bom nguyên tử”.

Chúng tôi trích đăng bài *Chống tham ô lãng phí* đăng trong *Giai phẩm mùa Thu*, tháng 10. 1956 và bài *Lời mẹ dặn* đăng trong tờ Văn, tháng 9. 1957.

Anh không đòi hỏi gì hơn là quét sạch những rác rưởi trong xã hội và yêu cầu các nhà văn phải trung thành với tâm hồn mình: “Yêu ai cứ bảo rằng yêu, ghét ai cứ bảo là ghét”. Anh bị khùng bố chỉ vì dám nói như vậy.

Phùng Quán bị đưa đi chỉnh huấn và phải viết bài thú tội. Trong bản thú tội này nhà thơ trẻ tuổi thú nhận rằng sau khi nhóm *Nhân văn Giai phẩm* bị giải tán thì suốt ngày chỉ chơi với con bú dũ. Các bạn hỏi tại sao thích nuôi bú dũ, Phùng Quán trả lời: “Chơi với người chán lắm rồi, thành phải chơi với bú dũ.”

Một chế độ đã đào luyện cho thanh niên một tâm trạng như vậy đủ làm cho chúng ta suy nghĩ về chân giá trị của chế độ đó vậy”.

*Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* đưa ra hai bài thơ của Phùng Quán. Một trong hai bài thơ này, bài *Lời mẹ dặn* có thể nói không còn là thơ như chúng ta hằng mong đợi ở thơ. Đó là một bản tuyên ngôn cho nhân phẩm, dưới dạng thi ca. Bản tuyên ngôn giản dị đến độ đọc xong chúng ta cảm nhận được trong hơi thở của Phùng Quán có hơi thở của cuộc đời ông, và không phải chỉ là hơi thở của một mình ông, đó là hơi thở của cả một xã hội đang dồn dập gấp gấp vì thiếu khí trời để thở. Khi đọc thơ ông, tôi có cảm giác bất gặp hình ảnh những con cá mắc cạn, hai cái mang nhấp nháy liên hồi, và càng quẫy động càng tiến dần đến cái chết.

Ông vốn là người nhiệt thành yêu nước, từ khi còn niên thiếu đã là liên lạc viên cho các mặt trận, rồi từ đó bước một bước Phù Đổng trở thành một người lính, chân thành bảo vệ tổ quốc chống quân cướp nước. Ông lao mình vào tên đạn của quân thù những mong rằng cuộc chiến đấu mà ông góp phần sẽ mang lại tự do, cùng cơm no ấm cho đồng bào ông. Nào ngờ khi bóng quân thù mất đi, ông bỗng đối đầu với một chế độ cai trị còn hà khắc hơn cả quân xâm lược. Do đó trong thi ca của ông, người ta gặp lại anh lính tiên phong ngày nào, viết những dòng thơ như nhắm bắn thẳng vào quân thù trước mặt.

Chỉ với hai bài thơ, Phùng Quán đã hiện nguyên hình một anh lính thiện xạ trong thi ca. Cái đích bây giờ không phải là quân xâm lược mà là cả một guồng máy cai trị nặng nề và kịch cỡm. Trong *Trăng hoàng cung*, tác phẩm mới nhất của ông, do nhà Thanh Văn xuất bản tại Hoa Kỳ, ông viết:

... Từ năm 24 tuổi cho tới năm 56 tuổi, cơ chế quan liêu đã đánh trả tôi đến chí mạng. Tước đoạt của tôi quyền lao động thiêng liêng: sáng tác, xuất bản, quyền được sinh sống cho ra một con người. Và chìm ngập tôi trong bùn nhơ, lãng nhục trước công luận.

*Chịu chừng ấy đầy ải, lim thép sắt cũng gãy gục. Nhưng Thơ đã cứu tôi, giúp tôi đứng vững, dậy tôi dũng khí bền gan.*

*Nếu cần đi trở lại  
Tôi lại đi đường này  
Để cuối cùng lại chấm hết ở đây...*

## 2.

Nhà văn Phùng Quán sinh năm 1933. Năm 1954, sau hơn 80 năm dùng súng đạn cai trị nước Việt, khi người Pháp phải xuống tàu về nước ông 21 tuổi. Ông tự giới thiệu trong lời khai từ của *Trăng hoàng cung* như sau:

*... Hai mươi một tuổi, tôi, người lính chiến bước thẳng vào làng văn với cuốn tiểu thuyết đầu tay kể chuyện những người vượt ngục thất bại. Ngay sau đó tôi được coi là nhà văn. Nhưng với tôi Thơ mới là tất cả. Thơ là mạng sống, lý lịch của đời tôi...*

Năm 1957, cao điểm của phong trào Nhân Văn, ông 24 tuổi. Trước đó một năm, Phùng Quán viết bài thơ

*Chống tham ô lãng phí*, ngay lập tức ông trở thành “cái đích” của những “cái đích” do chính ông chọn. Tuy nhiên trong năm 1956 đó, lời kêu gọi “Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng” (Trăm nhà đua tiếng, trăm hoa đua nở) của Hồ Chí Minh chưa kịp ráo miệng, nên những “cái đích” của Phùng Quán nhìn ông một mũi giáo. Năm 1957, ông xả một đường gươm khốc liệt *Lời mẹ dặn* đúng vào lúc những “cái đích” của ông bắt đầu phản công. Trong thời điểm một mất một còn này, lẽ ra cần có một đạo quân mới mong đánh đổ được những con người trì trệ, quan liêu, máy móc thì nhóm Nhân Văn quanh đi quẩn lại có được một quân số không quá một trung đội. Vài chục người, ném vào một trận chiến mà bên kia là cả một đạo quân nghiêng nước. Thật là một trận chiến không cân xứng. Thế là đem trứng chọi đá, thế là trù dập bắt đầu.

Trong *Cát bụi chân ai* in cuối năm 1993, tác phẩm mới nhất của Tô Hoài, một trong những “cái đích” của Phùng Quán thời 24 tuổi, Tô Hoài hồi tưởng lại giai đoạn kinh hoàng này và tiết lộ cho người đọc những chi tiết không một ai biết được: Có người quá sợ nuốt dao cạo tự tử. Hay một họa sĩ được chọn làm tiểu đội trưởng trong chiến dịch cải cách ruộng đất. Để tránh né cảnh mình phải đứng ra tổ chức những buổi đấu tố, lãng nhục con người, họa sĩ này đã giả vờ đi lạc trong rừng hai ngày đêm. Khi tìm được thì ngơ ngẩn ngẩn, giống như bị ma ám, mồm miệng đầy đất cát. Tô Hoài cũng cho biết đã gặp Phùng Cung, một nhân vật xung kích khác của nhóm Nhân Văn. Cách mô tả của Tô Hoài cho thấy Phùng Cung như một bóng ma, mới được móc từ huyệt ra, lòi từ bãi tha ma về, toàn thân là một tổng hợp của mọi thứ bệnh gây nên do đói, nghèo, bệnh hoạn...

Tôi không có ý so sánh kích thước văn chương giữa Phùng Quán và Phùng Cung, nhưng quả thật *Lời mẹ dặn* đau hơn *Con ngựa già của Chúa Trịnh*. Thành thử một bài thơ viết từ năm 24 tuổi đã khiến ông bị trù dập, lãng nhục, tước đoạt quyền sống trong ba mươi hai năm trường, tới năm ông 56 tuổi.

Suốt ba mươi hai năm không được sống như một con người, Phùng Quán không bao

giờ vì những áp lực mà uốn cho cong cái lưng thật thẳng của ông. Ông không thể đầu hàng, ông không thể thỏa hiệp bởi một lý do giản dị: ông là tác giả những dòng thơ, tuyệt không bóng bẩy, không kêu, không rỗng, chỉ giản dị nhưng quyết liệt với bất cứ ai làm cho đời sống của dân chúng trở nên tồi tệ. Tôi xin ghi lại đây toàn bài thơ Lời mẹ dặn của ông:

## **Phùng Quán** **Lời mẹ dặn**

*Tôi mồ côi cha năm hai tuổi  
Mẹ tôi thương con không lấy chồng  
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải  
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn  
Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ  
Ngày ấy tôi mới lên năm  
Có lần tôi nói dối Mẹ  
Hôm sau tưởng phải ăn đòn  
Nhưng không Mẹ tôi chỉ buồn  
Ôm tôi hôn lên mái tóc  
- Con ơi - Trước khi nhắm mắt  
Cha con dặn con suốt đời  
Phải làm một người chân thật.  
- Mẹ ơi chân thật là gì?  
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt  
Con ơi một người chân thật  
Thấy vui muốn cười cứ cười  
Thấy buồn muốn khóc là khóc.  
Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu.  
Từ đấy người lớn hỏi tôi:  
- Bé ơi, bé yêu ai nhất?  
Nhớ lời mẹ tôi trả lời:  
- Bé yêu những người chân thật.  
Người lớn nhìn tôi không tin  
Cho tôi là con vẹt nhỏ  
Nhưng không! những lời dặn đó  
In vào trí óc của tôi  
Như trang giấy trắng tuyết vờ  
In lên vết son đỏ chói.*

*Người làm xiếc đi giầy thật khó  
Nhưng chưa khó bằng nhà văn  
Đi trọn đời trên con đường chân thật.*

*Năm nay tôi hai mươi năm tuổi  
Đứa bé mồ côi thành nhà văn*

*Đi trọn đời trên con đường chân thật.  
Yêu ai cứ bảo là yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu  
Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã  
Bút giấy tôi ai cướp giật đi  
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.*

Với những người yêu thi ca bóng bẩy, lãng mạn thì có thể những dòng thơ trên chưa chắc đã hay, nhưng không một ai có thể phủ nhận kích thước của những dòng thơ này lớn. Không hề dùng những từ ngữ có tính bác học, ai đọc cũng thấm vào hồn, cũng lặn vào máu. Khi viết những dòng thơ này, Phùng Quán đã tuyên chiến với bọn giả hình đầy dẫy trong xã hội miền Bắc. Tất nhiên ông cũng tuyên chiến với bọn giả hình trong miền Nam, bọn giả hình trong hiện tại và trong tương lai vậy.

Bản chất của Phùng Quán là một người lính quật cường, bất khuất. Ông vùng vẫy trong nghịch cảnh, ông không chịu đầu hàng dù cho toàn thể nhóm Nhân Văn đã tan thành những con người tiều tụy, trở thành những mảnh đời vất vưởng không nơi ăn chốn ở. Nguyễn Hữu Đang, một trí tuệ lớn, một kẻ sĩ thứ thật vào ở trong một cái chuồng lợn. Những tên tuổi như Trần Dần, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Lê Văn, Sĩ Ngọc, Văn Cao... tan tác trong một sớm một chiều. Đó chỉ là danh tính của những người đã nổi lên trên mặt tảng, còn biết bao người đã ngã quỵ trong tăm tối như Tô Hoài cho biết trong *Cát bụi chân ai*.

Theo tiết lộ của Văn Xương, một người bạn cũng dân bộ đội phục viên như Phùng Quán, và đã dạy Phùng Quán nghề “câu cá” độ nhật, khi cái bẫy đời đã ập xuống đầu ông: Những năm Phùng Quán 27, 28 tuổi mặt ông lúc nào cũng dàu dàu, nhàu nát, quần phục bạc màu, gương mặt xanh xao hốc hác, ánh mắt buồn rầu u uẩn. Ông thường mua một bát cơm và một bát canh, với vẻ lơ đãng như không biết mình đang ăn gì. Câu cá hợp lệ phải mua vé hai đồng câu suốt ngày, nếu ngày nào không có cá cắn câu thì mất cả chì lẫn chài, do đó Phùng Quán đi theo phường câu trộm. Thời gian này ông hay đọc thơ của Esenin, đặc biệt là những câu:

*Những số phận khác thường  
sinh ra thường định trước  
Tôi không thành nhà thơ thì cũng thành  
trộm cướp...*

Trước kia Phùng Quán chêm bia, cho là đáng, giờ đây ông nốc rượu cuốc lủi tì tì. Vì không được phép viết dưới tên mình, trong suốt ba mươi hai năm trời mây mù trong tăm tối, để có thể sống được ông đã “viết chui” hơn năm chục quyển sách dày mỏng, dưới hàng chục bút hiệu. Ông cũng câu trộm hơn 4 tấn cá. Ông được các bạn văn cùng thời vẽ chân dung ông thật giản dị: “*Cá trộm - Rượu chui - Văn chui*”

### 3.

Tôi có cảm giác không ổn, khi đọc lời giới thiệu tác phẩm *Trăng hoàng cung* của Phùng Quán do nhà xuất bản Thanh Văn ấn hành. Người viết lời giới thiệu dường như chỉ nhìn những dòng thơ trong tác phẩm này như những bài thơ tình thuần túy.

Tôi nghĩ có một cách hiểu Nàng Thơ của Phùng Quán khác hơn. Cả cuộc đời ông là một bài thơ hùng tráng, lắm liệt, quật cường. Nàng Thơ của ông chính là cuộc đời, cho dù cuộc đời đối với ông có tệ bạc, phũ phàng thế nào chăng nữa, ông vẫn chiến đấu, vẫn làm thơ cho cuộc đời tươi tốt hơn. Giản dị mà nói thì toàn bộ tác phẩm ngắn gọn thơ trộn lẫn với văn này là một thí dụ điển hình cho thành ngữ: “Ý tại, ngôn ngoại”. Cho dù có một mối tình thật sự của Phùng Quán với một giai nhân nào đó, cho dù ngôn ngữ thi ca của ông trong tác phẩm này đầy những “anh” và “em”, tôi vẫn không tin đây là những bài thơ tình thuần túy. Tôi tin tưởng mãnh liệt vào điều này bởi vì trong *Khai tử* của cuốn sách do chính ông viết, tôi đọc được những điều sau đây:

*Có những phút ngã lòng  
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy.*

.....

*Cạn thơ giữa cuộc đời, tôi quyết định rời bỏ thành phố, gia đình, bạn hữu, giữa cái tuổi năm mươi, lên rừng đào tìm mạch thơ giữa thiên nhiên.*

*Tôi đã sống suốt ba năm trong cái lán lợp tranh nửa, giữa một bãi đất phù sa cổ hoang vu, vùng đồi núi Thái Nguyên, mọc lút đầu cỏ dại và cây trinh nữ xanh. Xung quanh bãi đất hoang, con suối lớn Linh Nham vây bọc. Bàn ghế là rễ cây chết tôi lặn lên từ lòng suối. Giường nằm là cây coi cỏ thụ bị bão xô bật gốc, con suối Linh Nham mang từ rừng đại ngàn về, dâng lũ lên đến tận thêm lán, trao tặng tôi. Tôi vạt bằng mặt trên thân cây bằng rìu, rồi đục lỗ sâu xuống, phẳng phát hình cái áo quan; mùa đông nằm vào đó tránh được cái giá rét và sơn lam chướng khí. Tôi sống cùng một con chó, một con heo, một bầy gà; ăn bắp, sắn, rau lang, ốc suối, tôm cá tự đánh bắt lấy.*

*Mưa lũ không ai dám vượt suối dữ Linh Nham, nên có khi mười ngày liền không nói tiếng người. Trong ba năm thì có hai người bạn lặn lội tìm đến thăm. Trần Quốc Vượng, giáo sư sử học; Đỗ Quốc Thuấn, một bạn làm thơ trẻ.*

*Trước mặt lán, sát bờ suối, tôi đào cái huyệt rộng một mét, dài hai mét, sâu mét rưỡi. Tôi nguyện nếu không tìm thấy Thơ, tôi sẽ lặn xuống đó...*

*Đàn mới đất phù sa  
Sẽ thay phu đào huyệt  
Bao nghiệt ngã trần gian  
Chỉ một tuần vui hết...*

Tôi chưa được đọc một tác phẩm nào trọn vẹn của ông ngoài *Trăng hoàng cung*. Theo cách nhìn rất chủ quan của tôi thì cuốn sách này không phải là một cuốn sách hay. Có lẽ lần đầu gặp thơ Phùng Quán trong *Lời mẹ dặn* tạo cho tôi ấn tượng quá lớn. Khi đó tôi hai mươi tuổi, nhìn cuộc đời giản dị và lý tưởng. Những lời thơ tôi đọc trong tuổi thanh xuân đó đã chỉ hướng phần nào cho cuộc đời tôi sau này. Và lại hình ảnh Phùng Quán mà tôi mang trong đầu là hình ảnh của một “kẻ sĩ” trong thế trận bối thủy. Ông tựa

lưng vào bờ sông, đánh những đường gươm chí tử cho bản thân ông và cho cuộc đời. Trước mặt ông, hàng hàng lớp lớp những con người, tiêu máu xương dân chúng như tiêu bạc giả đang ùn ùn kéo tới. Thế mà ông vẫn sống còn, cho dù sống như cánh cò trắng phau, bay qua nền trời chiều chập tối.

Trong các tác phẩm xuất hiện dưới tên Phùng Quán, người ta hay nhắc tới *Vượt Côn Đảo* và *Tuổi thơ dữ dội*, tôi chưa có dịp đọc hai tác phẩm này, nhưng cũng qua bài viết của Văn Xương, đăng trên báo Người Hà Nội, tôi nghĩ *Tuổi thơ dữ dội* gồm một bộ ba cuốn có thể là một tác phẩm hay. Nhân vật chính của tác phẩm này, một cậu bé liên lạc viên 13, 14 tuổi, bị nghi ngờ là Việt gian. Cuối cùng khi đã bị đạ, thương tích đầy thân thể, vẫn cố gắng liên lạc về với anh trung đoàn trưởng, chỉ để thều thào trước khi chết: *"... Anh ơi! Em không phải là Việt gian, em là Vệ Quốc quân..."* Tôi tin chắc nhân vật chính này có mang phần nào hình ảnh của chính Phùng Quán. Ông từng là liên lạc viên trong thời niên thiếu.

Ông đã hoàn tất hơn năm chục tác phẩm dưới dạng "văn chui" với rất nhiều bút hiệu. Tôi không hiểu sau khi ông nằm xuống, những người làm văn học trong nước có bao giờ nghĩ đến những đóng góp âm thầm, như những bào thai phải đẻ non này. Cóp nhật, tuyển chọn lại những đóng góp có giá trị cao, in thành một *Phùng Quán toàn tập*. Phải có một cố gắng nào đó để trả ơn cho một nhà văn, nhà thơ đã vì sự sống còn của một xã hội, một dân tộc mà hứng chịu không biết bao nhiêu là oan khiên, cay đắng. Bị bỏ đói, bị lãng nhục, bị chèn ép đến độ không được sống như một con người. Thế mà ông vẫn không bao giờ oán hận cuộc đời. Ông chỉ thản nhiên sống như một con người.

Tôi không biết Phùng Quán có khi nào đọc Hermann Hesse, nhưng cách ông sống làm cho người đọc ông liên tưởng tới một ý tưởng của nhà văn Đức ấy: *"Cho dù có phải đau đớn quằn quại cách mấy đi chăng nữa, tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian điên dại này..."*

Nhưng chỉ cần có một bài thơ *Lời mẹ dặn* mà thôi, ông đã có một chỗ ngồi chắc chắn trong văn học Việt Nam cận đại. Tôi có cảm giác là những đóng góp của ông trên lãnh vực văn học tuy lớn, nhưng hình như không lớn bằng chính cuộc sống của ông.

#### 4.

Hình như các nhà văn, nhà thơ luôn luôn là kẻ tiên tri cho chính mình. Phùng Quán cũng vậy, làm như ông đã nhìn thấy trước cái chết của ông trong một tầm gần. Cách đây chưa đầy một tháng, tôi nhận được số Xuân Văn Học. Cũng như thường lệ hàng năm số báo này là số báo đúp, dày hơn hai trăm trang, như một quyển sách. Tôi lật qua những trang đầu. Nơi trang mục lục tôi đọc thấy tên Phùng Quán và bài viết *Chút nghĩa cũ càng* của ông. Lúc đó tôi đang bận làm một công việc gì đó trong tòa soạn Người Việt, nhưng tôi nhớ như in, tôi bỏ dở công việc đang làm, vào thư viện, ngồi một cách nghiêm chỉnh nơi bộ bàn ghế mới mua, còn thơm mùi vải mới. Tôi chọn một thể ngồi ngay ngắn, chăm chú đọc bài viết của một thi sĩ đã làm tôi chấn động trong tuổi thanh xuân. Tôi cũng phải thú thật một điều: Người viết lời giới thiệu cuốn *Trăng hoàng cung* làm cho tôi lo là khi đọc tác phẩm này. Thành thử giữa hai lần đọc Phùng Quán một cách nghiêm chỉnh, có một khoảng cách hơn ba mươi năm. Lần đầu đọc thơ *Lời mẹ dặn*, tôi 20, và lần này đọc văn *Chút nghĩa cũ càng* tôi đã 52. Hình như khoảng thời gian 32 năm cũng bằng khoảng thời gian Phùng Quán bị truy nã, trừ đạ. Ông và tôi có



những tiểu dị trong các đại đồng: Ông và tôi cùng mặc quân phục, chỗ khác nhau là ông quân phục miền Bắc và tôi quân phục miền Nam. Ông và tôi cùng bị lưu đầy, tôi lưu đầy ngoài nước, còn ông lưu đầy ngay chính nơi chôn nhau cắt rốn. Ông và tôi cùng cơm hàng cháo chợ, ông ăn cơm “bụi”, tôi ăn “food to go”. Đó là tôi chưa kể tới ông và tôi cùng viết văn và làm thơ. Ông “văn chui”, còn văn chương của chúng tôi nơi đây, người ta rao bán ê hề như những đồ dùng một lần rồi bỏ.

Hai lần đọc ông tôi có hai cảm giác khác nhau. Lần đầu là máu chảy bưng bưng trong huyết quản, lần này là một chút hiu quạnh trong lòng. Thơ của ông ngày trước cho tôi những phần nộ, tưởng như sắp xắn tay áo xông về phía trước. Văn của ông bây giờ cho tôi những đau xót bồng bềnh, như những đám mây trắng nổi trên trời. *Chút nghĩa cũ càng* ông viết về cái chết của nhà thơ Đoàn Phú Tứ, một thi sĩ lớn của văn học thời tiền chiến. Tất nhiên trước khi viết về cái chết của tác giả *Màu thời gian*, ông duyệt qua những công chên cay đắng trong những năm tháng cuối đời Đoàn Phú Tứ. Nào có khác gì đoạn đời của chính ông mấy năm gần đây. Mỗi người khổ một cách khác, đau một cách khác, nhưng sống thì cùng chết dở như nhau. Tôi trích ra đây một đoạn ngắn Phùng Quán viết về Đoàn Phú Tứ, nhưng có lẽ ông cũng viết cho chính ông:

*...Nhà thơ ngồi trên cái hòm gỗ thông xập xệ. Bức phản gỗ được dọn dẹp quang một góc làm bàn viết. Cạnh các tác phẩm của Ra-bơ-le, Stăng-đan, Íp-xen... mà ông đang dịch thuật theo một hợp đồng nào đó, là mùng mền cũ nát ám khói, những cái gối đen đúa mồ hôi, chiếc chiếu rách xơ cuộn tròn, một chai rượu sắp cạn đến đáy, vài cái chén sứt quai... Tóc ông ngả màu bạc cổ, dọn sóng, đuôi tóc xoắn mềm mại lòa xòa quanh gáy, ria mép hơi vênh lên, chòm râu nhọn được xén tỉa cẩn thận, làm tôn thêm vẻ đẹp thanh tú, quý phái của gương mặt ông. Nom ông như một đại công tước Nga, thời Sa Hoàng đang chơi trò giả trang. Tôi thường ngắm gương mặt ông và thầm nghĩ: Đó là một vẻ đẹp bên vững của thời gian, sự nghèo đói, túng quẫn không sao tàn phá nổi. Và tôi chột hiều tại sao vợ ông, chị Khiêm, kém ông những hai mươi tuổi, khá xinh đẹp, con nhà gia thế đã yêu ông say đắm, bỏ cửa bỏ nhà để theo ông...*

*Nhưng rồi năm tháng và cuộc sống cùng quẫn đói nghèo đã làm lụi tàn đi tất cả... Lụi tàn tình yêu, lụi tàn hy vọng, lụi tàn mộng mơ...*

Chỉ một đoạn văn ngắn, người đọc bắt gặp không biết bao nhiêu là hình ảnh, trộn với tình cảm, cộng với xót xa, hòa với khổ đau của Phùng Quán dành cho Đoàn Phú Tứ và dành cho chính Phùng Quán. Thế nhưng văn phong lạnh lùng, thản nhiên, cam chịu, không có vẻ gì là quy lụy, phân bua mà kỳ diệu thay người đọc còn bắt gặp được cái nồng, ấm, dịu dàng, thương yêu giữa hai người bạn.

Tôi chưa bao giờ được nhìn thấy dung nhan ông, nhưng cảm giác về ông thì thật là gần gũi. Trong khi đó nơi tôi đang sống, đang lặn lộn với đời có những người tôi biết mặt, quen tên, thỉnh thoảng có bắt tay mà tôi thấy hình như xa hàng vạn dặm. Càng ngày tôi càng đọc được nhiều tài liệu nói về những nhà văn đích thực của miền Bắc. Bốn chục năm trước là những Phan Khôi, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt... và bây giờ là những Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lưu Quang Vũ, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Trần Văn Thủy... Tất nhiên tôi đang nói tới những người cầm bút ngoài miền Bắc, nên không thể liệt kê những tên tuổi như Doãn Quốc Sĩ vốn là nhà văn của miền Nam, mặc dầu Doãn Quốc Sĩ là người miền Bắc. Chao ôi! cái chữ Bắc, Nam này mỗi lần nghe thấy là một lần tôi phải nhìn trước ngó sau. Thiệt ra Nam và Bắc nếu có, chỉ nằm trong tám lòng của mỗi con người.

Những tài liệu đã đọc khiến cho tôi cảm thấy tôi phải làm việc nhiều hơn nữa, bởi vì những nhà văn, nhà thơ đích thực trong nước hầu như đã làm được nhiều việc đáng kể, đã mô tả gần đủ xã hội họ đang sống. Để làm được điều này, trong gần nửa thế kỷ qua có nhiều nhà văn trước khi ngã xuống đã bị sỉ nhục, bị đầy ải, bị trấn áp, đè nén... Trong khi ở ngoài này dường như nhà văn chúng ta chỉ mới chạm được tới vành ngoài của sự thật. Chúng ta có quá nhiều điều để viết mà hình như chúng ta chưa... muốn viết. Nếu như sự thật có hai mặt, thì mặt bên trong dường như đã được vẽ lại gần đầy đủ, trong khi mặt ngoài ở phía chúng ta thì chỉ mới có được vài nét phác họa sơ khởi.

Tin Phùng Quán mất đến với tôi thật ngỡ ngàng. Những cơn mưa bão bất thường của California tưởng như kéo dài bất tận. Tôi mang sổ Xuân Văn Học ra đọc lại bài viết của ông. Chữ và nghĩa còn rành rành, giấy còn thơm mùi mực. Tôi gọi điện thoại cho Kỳ Hùng, một người có duyên với ông hơn tôi, vừa mới gặp ông không đầy một tháng. Té ra anh đã biết trước tôi vài tiếng đồng hồ. Anh hứa cho tôi mượn tấm hình anh chụp Phùng Quán cách ngày ông mất không đầy một tháng. Anh vội mua mang hai tấm hình tới tôi. Một tấm ảnh Phùng Quán đang đọc thơ, tấm còn lại đang hút điếu cày. Trong ảnh Phùng Quán già hơn tuổi thật nhiều. Ông thua Hoàng Cầm, Văn Cao cả chục tuổi, thế mà trong ảnh ông có vẻ già hơn Văn Cao, hơn hăm hơn Hoàng Cầm.

Kỳ Hùng cho tôi biết khi anh gặp Phùng Quán thì cái bụng của ông đã to chướng lên. Với những người bị bệnh xơ gan cổ chướng như Phùng Quán, mà bụng bắt đầu to là bắt đầu có chuyện. Thế nhưng ông trấn áp những cơn tàn phá thể xác bằng một vẻ thản nhiên như không có gì. Ông vẫn cười nói tự nhiên, vẫn rượu, bia, thuốc Lào, thuốc lá. Vẫn thức khuya, chong đôi mắt nhìn thấu bóng đêm, ngắm bóng mình trên vách. Tất nhiên ông hiểu bệnh trạng ông hơn ai hết, nên ông an nhiên chờ. Ông đã sống đời một người lính bảo vệ tổ quốc. Ông đã sống đời một nhà thơ, viết những bài thơ hết như bản tuyên ngôn của những người cầm bút chống lại bạo quyền. Ông đã sống đời một nhà văn, dùng ngòi bút mình chắm vào Sự Thật, và chấp nhận bất cứ một hậu quả nào. Sống tới ba con người trong một thể xác như thế, mà kéo dài sự góp mặt với đời sống, dưới một chế độ cai trị lạnh lùng, khắc nghiệt của miền Bắc được hơn 60 năm, thì quả là một kỳ lục. Mà lạ một điều, những con người phải đối phó với nhiều nghịch cảnh như ông thì lại hay sống dai. Cho tới nay những ngôi sao Nhân Văn còn nhiều. Trần Dần, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Lê Văn, Văn Cao... vẫn còn là những chứng nhân cho một giai đoạn khốc liệt của lịch sử Việt Nam cận đại. Phùng Quán là tay xung kích trẻ tuổi nhất của toàn nhóm Nhân Văn. Ông vội về làm chi, trong khi các nhà văn lớn tuổi hơn ông, ngoài 70, thân thể chỉ còn da với xương, nhưng đứng thật thẳng trên đôi chân, và cái cổ tuy có khểnh khi nhưng không bao giờ chịu gục xuống.

Ông vội về làm chi, dường như vẫn còn nhiều điều cần nói. Vẫn theo bài viết của Văn Xương: Ông đã phát thệ ba điều, ông làm được cả ba điều. Nhà văn Việt Nam như thế là nhất, bởi vì ba điều đó thuộc về danh dự của người cầm bút. Thế là ông không còn nợ đời, mà chỉ với một bài thơ *Lời mẹ dặn* không mà thôi, đời cũng đã nợ ông nhiều lắm. Sao không sống thêm ít năm, xem chừng ra bánh xe lịch sử đang quay, đời sắp trả nợ ông thì ông lại cho đời một cơ hội quyết. Ông đâu có giàu có gì, nhưng xem chừng vẫn hào phóng như tay lính trẻ trinh sát ngày nào. Đám tang ông diễn ra tại Hà Nội, mặc dù ông viết thơ cho một người bạn văn ở ngoài này là ông muốn được chôn trong mùi thơm của thông Ngự Bình. Theo một nguồn tin tôi đọc được, đám tang ông có 500 người đưa tiễn, một nguồn tin khác cho biết có tới 2000 người. Số người đi đưa như thế nhiều hay ít đối với một nhà văn, nhà thơ có ơn với đời? Tôi không nghĩ Phùng Quán coi điều này là quan trọng. Điều quan trọng với ông chính là ông đã Sống và Chết như thế nào? Và đó cũng là điều những người quan tâm đến văn học trong thời cận đại phải

biết: Ông đã sống như một “Nhà văn – Nhà thơ”, và ông đã chết như một “Con Người”.

Trong đám tang ông, người đọc diếu văn hẳn là Hoàng Cầm, chứ còn ai vào đây nữa, bởi vì gần đây khi Hoàng Cầm suy sụp, chính Phùng Quán là một trong những người muốn vực Hoàng Cầm dậy. Phùng Quán đã làm một bài thơ để đẩy lui những mầm suy tàn trong con người Hoàng Cầm, để ươm lại mạch thơ cho bạn và cho chính ông. Ông cũng vẫn là một tiên tri cho cái chết của ông: đằng sau quan tài của ông, không phải chỉ có thân nhân và bằng hữu. Còn có cả những người ông không biết mặt quen tên. Ấy là không kể tới những người xa cách ngàn trùng, muốn về đưa tiễn ông đến nơi an nghỉ cuối cùng nhưng hoàn cảnh chính trị không cho phép. Tôi tin chắc đằng sau quan tài ông, có một chút nhỏ phần hồn của núi sông, của Đảo Côn Sơn, suối Linh Nham, sông Hương, núi Ngự, hay của những cái hồ mà ông câu trộm cá trong những năm khốn đốn nhất trong cuộc đời. Tôi xin chép lại đây bài thơ của Phùng Quán tặng Hoàng Cầm để chấm dứt bài viết sự ra đi của ông. Để hiểu rằng tại sao người đọc diếu văn trước mộ Phùng Quán phải là Hoàng Cầm, và bên cạnh đó phải là những ngôi sao đã tạo nên vòm trời Nhân Văn ngày nào.

### **Thơ Phùng Quán tặng thi sĩ Hoàng Cầm**

*Tôi tin núi tàn!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin:  
Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp  
Tôi tin, nhà thơ anh đã viết:  
Cách đây 30 năm  
Những vần thơ lâm liệt!*  
.....  
*Tôi có một niềm tin,  
Chắc như đanh đóng cột.  
Ngày mai anh nhắm mắt,  
Đi sau linh cữu anh,  
Ngoài bạn hữu gia đình,  
Có cả con sông Đuống.  
Sông Đuống sẽ mặc đại tang,  
Khóc bên bồi bên lở,  
Sóng cuộn bờ nước nở,  
Ngàn đời chịu tang anh.  
Tôi tin núi tàn!  
Tôi tin sông lấp!  
Nhưng tôi không thể nào tin  
Một nhà thơ như anh  
Lại ngã lòng suy sụp.*

Việc Phùng Quán tin vào con sông Đuống sẽ khóc Hoàng Cầm bên lở bên bồi còn có thể hồ nghi, nhưng tôi tin khi nào còn những bà mẹ yêu thơ, dặn dò, dạy dỗ con cái thì ngày đó vẫn còn có người nhớ tới Phùng Quán, người đã làm bài thơ *Lời mẹ dặn*, và đem tặng những vần thơ này cho đời.

(Viết ngay khi nghe tin Phùng Quán mất ở Hà Nội)

## Câu chuyện Nhân Văn

Câu chuyện *Nhân văn* bắt đầu từ năm 1956, khi miền Bắc vì áp lực của Trung Cộng, mô phỏng cuộc cách mạng xã hội ở Trung Quốc, ông Hồ Chí Minh tuyên bố cho mọi người, mọi nhà được lên tiếng qua khẩu hiệu: "Bách hoa tề phóng, bách gia tranh minh - Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", thì một số người cầm bút ở miền Bắc gồm: Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Hữu Loan, Trần Dần, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt, Phùng Cung, Hoàng Cầm, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Sĩ Ngọc... đã nhân cơ hội này tập hợp lại, dựng nên tờ báo *Nhân văn*, đồng một lúc nhà thơ Nguyễn Bính tập kết từ Nam ra Bắc một mình một chợ với tờ *Trăm hoa*.

Vào thời điểm đó việc chia đôi đất nước qua Hiệp định Genève vừa được chẵn tròn hai năm, việc di cư của đồng bào miền Bắc vào Nam, cũng như đồng bào miền Nam ra tập kết ngoài Bắc vừa hoàn tất vồn vẹn một năm. Đoàn quân chiến thắng từ chiến khu Việt Bắc trở về tiếp thu Hà Nội, còn đang ngây ngất vì hào quang kháng chiến. Những người nhìn xa lo kiếm cho mình một chỗ ngồi, một chỗ dựa, một căn nhà... thì các văn nghệ sĩ vốn nhiều mơ ước, lại bị kiềm chế quá lâu trong guồng máy của chiến khu trong thời chiến, bây giờ qua lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, ai nấy đều thở ra một cái nhẹ nhõm. Những người làm văn nghệ có thể mơ hồ về tài năng của mình, nhưng họ cũng đủ tinh tế và nhạy cảm để nhìn thấy những điều diễn ra trước mắt, khi một sắc lệnh liên quan đến giới văn nghệ, được phổ biến vào ngày 15.12.1956. Thật ra những người cầm trịch cho guồng máy văn nghệ của nhà nước cũng chỉ phổ biến sắc lệnh này bằng miệng, trong một cuộc họp báo ở Phòng Thông tin tại phố Tràng Tiền. Sắc lệnh được ban hành bằng miệng này chỉ là nhắc lại một sắc lệnh đã được phổ biến bằng văn bản, vào tháng 10.1954, khi Hà Nội mới được tiếp thu sau 100 ngày ngổ cựa cho dân chúng di cư. Nội dung của sắc lệnh này bao gồm năm điểm:

- Không được chống chính phủ
- Không được xúi giục nhân dân và bộ đội làm loạn
- Không được nói xấu các nước bạn
- Không được tiết lộ bí mật quân sự
- Không được đăng tải các bài vở phương hại đến thuần phong mỹ tục.

Có một cái gì đó bất ổn trong nội dung năm điểm cấm này, đó là chưa kể tới điều cấm thứ ba không được nói xấu nước bạn" đầy khôi hài, mà lại có nhiều chất nô lệ cũng như phụ thuộc vào những nước nào được gọi là bạn.

Thành thử trước lời tuyên bố "Trăm hoa đua nở" của ông Hồ, những người làm văn nghệ đã từng nằm gai nếm mật trong chiến khu Việt Bắc hiểu được một điều, mà chính cụ Phan Khôi đã thú nhận: văn nghệ cam chịu phục vụ cho chính trị. Điều mà nhóm *Nhân văn* cũng như *Trăm hoa* của Nguyễn Bính nhắm tới là mong mỗi chính trị đừng có xen vào chuyên môn của văn nghệ. Câu chuyện *Nhân văn* ban đầu khởi đi chỉ giản dị như thế.

Như vậy *Nhân văn*, "Người và Việc" đã khởi đi từ năm 1956, cho tới nay hơn nửa thế kỷ đã qua đi. Việc thì mỗi ngày mỗi đẻ thêm ra, đến độ không một ai có thể kiểm kê được có bao nhiêu sự kiện đã xảy ra liên quan tới hai chữ *Nhân văn*? Có bao nhiêu cuốn sách, có bao nhiêu bài viết, có bao nhiêu văn thư, có bao nhiêu chỉ thị bằng chữ và bằng miệng, chĩa mũi dùi vào các thành viên của *Nhân văn*. Còn Người nói chung có hai loại: một là người của chế độ, và loại Người còn lại là những Người hình thành nên nhóm *Nhân văn*. Người của chế độ thì cứ lớp này văn tuồng, lớp khác tiến ra. Người

người ló ló tiến lên như tên một tác phẩm của Trần Dần, trong khi đó đạo quân *Nhân văn* vốn vẹn không đầy một trung đội. Qua nửa thế kỷ hiện nay chỉ còn lại vài ba người, mà trong đó Nguyễn Hữu Đang chỉ mới nằm xuống chưa đầy hai tuần lễ, thì Lê Đạt và Hoàng Cầm trong một cuộc phỏng vấn dành cho báo điện tử của nhà nước là *VietNamNet*, nhân dịp hai nhà thơ và nhà văn này được trao tặng giải thưởng nhà nước đã cho biết: "... Đây là một cử chỉ đẹp, cho dù đã muộn. Nhưng muộn còn hơn không..."

Trước đó, ông Đỗ Chu, một thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn học, đã phát biểu: "... Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh...". Ông Đỗ Chu quả là kiệm lời, không nói *lỗi* đó là cái gì, và vì sao mà năm 1988, nghĩa là sau hơn ba chục năm bị trừ dập đến độ sống không sống được, chết chẳng chết cho, những người liên quan tới *Nhân văn* đã được phục hồi hội tịch Hội Nhà văn, mặc dù sự phục hồi này theo những người am tường cho biết thì cũng chỉ phục hồi một nửa. Nghĩa là không có văn bản nào xác nhận đã được xoá bỏ các biện pháp kỷ luật, chỉ ngầm cho một số người được vào lại biên chế của nhà nước, với số lương khiêm tốn. Năm 1988 nhiều người trong vụ *Nhân văn* còn sống, những tên tuổi làm nên *Nhân văn* ngoại trừ Phan Khôi đã mất trước đó nhiều năm, nhưng Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang... mặc dù sống như những con ma trôi ngay giữa ban ngày, nhưng vẫn còn hiện diện giữa phố phường Hà Nội. Thế rồi mãi 19 năm sau nữa, năm 2007 mới có giải thưởng của nhà nước dành cho những đóng góp văn học của Hoàng Cầm và Lê Đạt.

Phải chăng nhà nước muốn làm hơn thế nữa, muốn tặng cho nhiều người xứng đáng hơn trong vai trò chủ chốt của nhóm *Nhân văn*, nhưng đã vấp phải những cái lưng thật thẳng, những tảng đá hết sức kiên trì như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Phùng Quán... nên vì đó mà mọi việc còn phải chờ cho tới khi những tảng đá kiên trì này đã lăn hết dốc đời. Phải chăng những cái lưng thật thẳng đó đòi hỏi mọi việc phải được minh bạch, như những câu thơ của Phùng Quán, trong bài thơ "Lời mẹ dặn":

*"... Yêu ai cứ bảo rằng yêu  
Ghét ai cứ bảo là ghét...  
Tôi muốn làm nhà văn chân thật  
Chân thật trọn đời  
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã  
Bút giấy tôi ai cướp giật đi  
Tôi sẽ dùng dao khắc văn trên đá".*

\*\*\*

Là một học sinh khá xuất sắc của ban Toán, cái duyên văn tự đến với tôi vào mùa hè năm 1959. Năm đó tôi học đệ tam không phải thi cử, mà lại con nhà nghèo không có phương tiện để đi chơi đây đó. Thú vui duy nhất của tôi trong mùa hè này là coi cạp đá banh, và lên nhà anh cả tôi đọc sách. Lần đầu tiên đến với chữ nghĩa, tôi không hiểu may hay rủi có hai cuốn sách đeo theo tôi suốt đời là cuốn *Giờ thứ 25* của nhà văn Rumania Constant Virgin Gheorghiu, và cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí. Dù bất cứ thời gian nào, bất cứ ở đâu nếu tôi có một cái kệ để sách, thì trên cái kệ có hai cuốn sách này, và tôi thường lấy ra đọc lại trong những lúc bị đời bầm dập. Khi đọc hai cuốn sách này lần đầu, tôi là một học sinh mới 16 tuổi, chưa đủ trí khôn để cảm nhận đầy đủ giá trị văn học của cả hai tác phẩm, song trong lòng tôi là những cơn chấn động mạnh. Có lẽ cái duyên văn tự đến với tôi không phải là những tác phẩm

thuần túy văn học, nên vì đó mà đời văn của tôi cũng trải qua, và trả giá khá nhiều cho những suy nghĩ mà tôi bắt được từ trong thơ của Phùng Quán, từ thái độ sống của Trần Dần. Trọn thời trai tráng của tôi, những bài thơ đầu đời được làm rải rác đó đây trên chặng đường quân ngũ, tôi noi dấu theo vết bánh xe mà Trần Dần, Phùng Quán đã từng đi qua.

Với tôi Trần Dần, Phùng Quán là hai cây bút tiêu biểu mà tôi nghĩ: trong một chế độ như miền Bắc, nếu không sản xuất được những nhà văn như nhóm *Nhân văn*, thì số phận của dân chúng ở ngoài đó còn nhiều phần cay đắng hơn. Thành thạo trong những lúc nhàn rỗi việc quân, nghĩ về văn chương và chữ nghĩa, tôi nghiệm ra một điều: mặc dù là một sĩ quan của miền Nam, đang tập tễnh cầm bút, tôi gần gũi với các tác giả trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* hơn là phần đông các tác giả của miền Nam. Thật ra tôi cũng chẳng có nhiều tác phẩm của họ để đọc, chỉ thấy rằng những người của *Nhân văn* dường như đã đứng ở thế bồi thủy, tựa lưng vào bờ sông để hành sử tư cách nhà văn của mình, mà trước mặt là cả một đạo quân của guồng máy cai trị đang ầm ầm xóc tới. Cũng trong lúc đó thì ở miền Nam, có thật nhiều người cầm bút rất nổi tiếng, khi cầm bút chỉ mong làm vui lòng các độc giả, viết những cuốn sách bán chạy vì đáp ứng đúng thị hiếu của người đọc, hơn là nghĩ đến một tác phẩm có thể sống lâu được với thời gian. Thế rồi đời sống cứ trôi đi, chiến tranh cứ lớn mạnh. Cho tới một đêm cuối tháng Tư năm 75, tôi leo lên con tàu HQ8 của Hải quân Quân lực Việt Nam Cộng hòa, hành lý vồn vện có một bộ quần áo trên người, một bộ trong túi xách tay cùng một cuốn sách duy nhất là cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, và trong túi vồn vện có 20 đô la, do mẹ tôi đã vét hết tiền nhà đổi được cho tôi dần túi mang đi. Cho dù phải sống xa quê hương, tôi vẫn tin rằng một chế độ có bạo tàn tới đâu chẳng nữa, nhưng nếu còn sản xuất được những người cầm bút như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán... thì tôi vẫn có quyền hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ quay về. Thành thử ngoài hành trang gọn nhẹ tôi đã viết ở trên, món hành trang nặng nhất mà tôi mang đi, chính là lòng cảm phục những người đã dựng nên tờ *Nhân văn*.

Năm 1995 Phùng Quán mất, trong tay tôi vồn vện chỉ có một cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, một cuốn *Trăng hoàng cung* của Phùng Quán, nhưng được in ở hải ngoại (mà tôi nghĩ đây là một tác phẩm không lấy gì làm hay lắm), một bài viết của Phùng Quán về Đoàn Phú Tứ trong số *Xuân Văn Học* 1995, và một vài bài báo liên quan tới Phùng Quán. Chỉ với một ít tư liệu nhỏ nhoi đó, tôi đã mất mười giờ liền để hoàn tất bài viết "Một vì sao Nhân văn vừa tắt". Sau khi bài viết được đăng tải trên tờ *Hợp Lưu*, tôi nhận được thư của bà Vũ Bội Trâm, cảm ơn về những tình cảm đặc biệt mà tôi đã dành cho chồng bà.

Sau khi Phùng Quán mất, chẳng bao lâu sau là Văn Cao, kế đó là Trần Dần, và chỉ một thời gian ngắn sau khi Trần Dần nằm xuống, nhà xuất bản *Văn nghệ* ở Cali cho phát hành cuốn nhật ký *Ghi* của ông. Nói cho đúng cuốn sách có thể chỉ gồm ghi chú ngắn, về "Người và Việc" đã xảy ra giữa những người cầm trịch chính trị và văn nghệ ở ngoài Bắc, với những Người trong nhóm *Nhân văn*. Những trang nhật ký của Trần Dần đã được gia đình chuyển ra ngoại quốc, và được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập.

Vốn trong lòng lúc nào cũng tâm phục với những người của *Nhân văn*, cuốn *Ghi* đến với tôi như là một liều thuốc quá mạnh, với đầy đủ những vị cay, đắng, chua, chát, mặn. Vị nào cũng quá đô, đến độ tôi vốn là người đọc sách nhanh, mà không thể nào đọc nổi cỡ hai chục trang một lần. Cứ đọc độ mười trang, tôi lại phải ngừng lại, ngẫm nghĩ, mường tượng ra những sự việc và những cảnh đời, những con người mà Trần Dần đã ghi lại. Cảm giác của tôi khi đọc được nửa cuốn *Ghi*, hết như một thanh niên mới lớn bị tình

phụ. Ngoại trừ Hữu Loan đã bỏ về quê đi thò xe, Nguyễn Hữu Đang bị bỏ tù, những người còn lại chỉ bị kỷ luật. Có nghĩa là chỉ bị kiểm thảo, đuổi ra khỏi hội nhà văn, rút biên chế, cưỡng bách lao động, học tập, chỉ định nơi cư trú... Chẳng lẽ những tính danh mà có một thời tôi đã coi như là chỉ dấu cho đời văn của mình, những Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Cung... lại có lúc cư xử với nhau tệ hại như thế sao?

Để nuốt cho được chén thuốc quá đắng này, tôi viết một bài ngắn đăng tải trên tờ *Việt Tide*, và cho rằng đó chỉ là những ghi chú nhỏ, như những nguyên liệu thô, mà chỉ có chính người ghi lại là Trần Dần mới có thể biết rõ cách sử dụng các nguyên liệu thô này như thế nào, để từ một đồng ghi chú bầy nhầy đó trở thành một tập tài liệu, hay một tác phẩm. Trước khi Phùng Quán mất chừng hai năm, một thân hữu của tôi về thăm quê hương, khi trở ra anh mời một số bằng hữu đến ăn một bữa cơm thân mật tại nhà, chỉ cốt khoe anh có giao tình với Văn Cao, là em kết nghĩa của Hoàng Cầm. Anh lục lọi mang ra một cuốn băng video, trong đó có cảnh Hoàng Cầm "hét thơ", anh mang ra những bản photo copy các bài thơ của Hoàng Cầm và của Văn Cao, với những lời đề tặng cực kỳ thân ái. Những thước phim cho tôi thấy có một cái gì đó đầy kịch tính, bởi vì những lời đề tặng cực kỳ thân ái đó được dùng cho bất kỳ ai đến thăm, như một sản phẩm được trao đổi giữa người viết và người đọc, mà chế độ cai trị không cho phép những người viết này được in ấn, xuất bản nên không có sách được bày bán trong các tiệm sách.

Sau khi Phùng Quán mất độ vài năm, tôi qua Âu châu lần đầu. Thăm Thế Giang ở Đức, chia với Thế Giang một số câu chuyện liên quan tới Trần Dần, ghé Pháp thăm vợ chồng Trần Vũ, để được nghe người ta bàn ra, tán vào về cách ứng xử của nhà thơ Lê Đạt, một nhân vật trong nhóm *Nhân văn*, được nhà nước cho sang Pháp chơi, cư ngụ tại nhà chị Thụy Khuê, một thân hữu của tạp chí *Văn học*. Thành thử trước khi chính thức uống chén thuốc *Ghi* quá đắng của Trần Dần, tôi đã được ném khai vị một số câu chuyện của vị của một nhân vật *Nhân văn* mà tôi đã hằng tâm phục thời trai trẻ.

Chỉ biết rằng theo những câu chuyện mà tôi nghe được, trong thời gian Lê Đạt ở Paris, lúc nào ông cũng ăn mặc như một tu sĩ tại gia, suốt ngày nằm ở trong phòng riêng. Mỗi khi có khách tới viếng, gia chủ phải vào thỉnh ra phòng khách. Đó là chưa kể gia chủ mỗi buổi sáng trước khi đi làm, đã té nhị để lại một số tiền trên bàn ăn, để đề phòng khách có đi đâu chơi thì có sẵn tiền xe. Suốt một tháng trời ở Paris, hình như Lê Đạt ít khi ra ngoài, và mỗi khi ra ngoài thì đã có người đưa kẻ đón, thế nhưng tiền xe thì mỗi ngày vẫn cứ nhận. Chắc có lẽ nhà thơ cho rằng với những năm tháng bị đầy đọa vì vụ *Nhân văn*, người hải ngoại có bốn phận chiều đãi, đền bù và ông có quyền thụ nhận những gì người ta dâng cúng. Ở nước Mỹ cũng có nhiều người vẫn đinh ninh rằng những năm tháng bị cầm tù trong các trại tù cải tạo, là một thứ quyền bất khả tư nghị, và những người đi trước phải có nghĩa vụ nào đó, trách nhiệm nào đó để đền đáp cho những năm tháng bị đọa đầy này.

Khi viết những dòng chữ này, một lần nữa tôi đọc lại cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, đọc thêm cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán mà tôi mới mua trong chuyến về thăm nhà mới đây, tất nhiên tôi cũng đọc lại cuốn *Ghi* của Trần Dần, nhưng cuốn này tôi chỉ đọc nhẩy cóc mà thôi. Tôi vẫn giữ đầy đủ lòng kính trọng những người đã làm nên *Nhân văn*, nhưng chen vào đó là lòng thương cảm vô bờ bến. Lần đầu đọc cuốn *Ghi* tôi bị "sốc", nhưng nhiều năm đã qua đi, cái chết của các ông Nguyễn Hữu Đang, của Đoàn Phú Tứ, của Văn Cao, Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung... và đời sống của những nhân vật này trong những năm bị sao chổi quét trên đầu, đã khiến cho tôi thấy chén thuốc *Ghi* coi vậy mà rồi tôi cũng nuốt được.

Bản tin được phổ biến trên nhiều báo trong nước cũng như hải ngoại cho tôi biết: bốn tác giả Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán và Trần Dần được nhận Giải thưởng Nhà nước. Trong số bốn người được nhận giải này có hai người đã nằm xuống là Phùng Quán và Trần Dần, thành thử hai người này không có cơ hội để trả lời cho tờ báo điện tử *VietNamNet*. Nhưng nếu Trần Dần và Phùng Quán còn hiện diện trên đời, tôi tin cả hai sẽ làm nhà nước không mấy hài lòng. Hai người còn sống là Hoàng Cầm và Lê Đạt thì mau mắn trả lời sẽ nhận giải thưởng trị giá 60 triệu đồng Việt Nam này.

Trong bản tin của tờ *Việt Tide*, tôi nhìn thấy ảnh Lê Đạt và Hoàng Cầm tươi cười hả hê. Nếu không được coi cuốn video Hoàng Cầm "hết thơ" mà một thân hữu của tôi, một bác sĩ và là em kết nghĩa của Hoàng Cầm đem qua Mỹ cho coi vào đầu thập niên 90, nếu không được nghe những chuyện kể về một nhà thơ *Nhân văn* qua thăm bên Pháp, chắc là trong hai lần ghé Hà Nội vào năm 2005 và 2006 để đi một vòng Bắc Việt, tôi đã có dịp gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt. Ít nhất trong hai lần về Hà Nội này, trong hai lần ghé thăm để thắp hương trên bàn thờ Phùng Quán, tôi đã được gợi ý gặp gỡ Hoàng Cầm và Lê Đạt, nhưng không hiểu sao tôi ngần ngại rồi quả quyết quay về.

Có lẽ dư âm của cuốn *Ghi*, của những thước phim Hoàng Cầm "hết thơ", và cách hành xử của Lê Đạt ở Paris là những ấn tượng quá mạnh, khiến tôi nghĩ mình nên đứng lại ở một khoảng cách đủ xa, để chiêm ngưỡng các nhân vật này, như tôi đã từng chiêm ngưỡng họ trong thời gian tôi còn ở quân đội. Thái độ mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng nhà nước của Hoàng Cầm và Lê Đạt, khiến cho tôi nghĩ nên ghi lại những gì tôi đã đọc về cái "sống" và cái "chết" của những nhân vật đã tạo nên biến cố *Nhân văn*, trước khi có một vài suy nghĩ liên quan tới việc "nhận" hay "không nhận" một giải thưởng được nhà nước trao quá muộn màng sau hơn nửa thế kỷ.

Vì không phải là một bài khảo cứu, tôi chỉ ghi tóm tắt về cuộc đời và cái chết của một vài nhân vật tiêu biểu cho nhóm *Nhân văn* gồm: Phan Khôi, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Nguyễn Hữu Đang và một nhân vật còn sống là nhà thơ Hữu Loan. Ngoài ra trong bài viết này, tôi chỉ nêu lên một vài chi tiết nhỏ liên quan tới các tác phẩm của những nhân vật này, bởi vì toàn bộ các sáng tác của nhóm *Nhân văn* đã được đăng tải và lưu trữ ở rất nhiều nơi.

\*

Người nằm xuống sớm nhất của nhóm *Nhân văn* là cụ Phan Khôi. Ông cũng là đại diện duy nhất của phe cụ học, nguyên là một cậu Tú nho học, sinh năm 1887, và là một nhân vật nổi bật trong buổi giao thời giữa hai nền văn chương Hán Nôm và văn chương Quốc ngữ. Năm 1907 cụ Phan ra Hà Nội, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục với cụ Lương Văn Can. Trong *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của học giả Hoàng Văn Chí xuất bản năm 1959 ở miền Nam, và mới đây trong tác phẩm *Nhớ cha tôi* của bà Phan Thị Mỹ Khanh xuất bản ở Đà Nẵng năm 2001, người đọc biết được một điều cụ Phan là một nhà nho yêu nước, nhưng cụ chẳng những không thích mà còn ghét cộng sản, mặc dù con trai cụ là Phan Thao, là một cán bộ cao cấp của cộng sản trong Ủy ban Trung bộ. Theo Hoàng Văn Chí, cụ lớn tiếng đã kích đường lối sắt máu của cộng sản thi hành ở Quảng Nam quê cụ, khi Việt Minh cướp chính quyền ở đây vào năm 1945. Để dàn xếp cho cụ, đích thân Hồ Chí Minh đã viết thư mời cụ ra Hà Nội hợp tác, nhưng kỳ thực là giao cụ cho Phan Bội là em thúc bá của cụ, và là Trung ương Ủy viên Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách quản thúc.

Trong một bài viết được đăng tải trong cuốn *Nhớ cha tôi*, Thiều Sơn, một nhân vật sau



cụ Phan chừng mười tuổi cho biết: *"Ông (Phan Khôi) có một người con là Phan Thao. Con là một cán bộ ở cấp bậc cao. Cha thì ghét cộng sản. Chống cộng nhưng cũng khẳng khái, không thần phục thực dân, không chịu mang tiếng theo giặc. Hai cha con cãi nhau kịch liệt, rồi con không thuyết phục được cha. Nó nói: "Chống cộng là quyền của cha, nhưng đây là toàn dân kháng chiến. Không lý cha có thể đặt mình dưới sự kiểm soát của giặc".*

Theo học giả Hoàng Văn Chí, cụ Phan Khôi có mặt trong vùng kháng chiến vì hoàn cảnh ép buộc, do đó người ta không lấy làm lạ ngay trong thời kháng chiến cụ đã có những bài thơ ngắn bày tỏ ý kiến của mình, dùng tài văn của mình để viết một câu chuyện trong đó cụ gọi một loại cây mà người Bắc gọi là "cây cứt lợn" còn trong Nam gọi là "cây chó đẻ" là "cỏ cộng sản". Để rời từ "cỏ cộng sản" cụ viết là cụ đã gặp một ông già người Thổ, gọi cái cây này là "cỏ cụ Hồ". Ông già người Thổ đó cho biết: Từ ngày cụ Hồ về lãnh đạo cách mạng, thấy cỏ này mọc rất nhiều, nên người dân địa phương gọi là "cỏ cụ Hồ", vì thứ cỏ này xuất hiện cùng một lúc với cụ Hồ thì gọi là "cỏ cụ Hồ".

Cụ Phan là một cây bút lý luận trụ cột của *Nhân văn-Giai phẩm*, mà trong đó bài viết đáng kể nhất là "Phê bình lãnh đạo văn nghệ", truyện ngắn "Ông Năm Chuột", "Ông bình voi", cùng một số thơ. Năm 70 tuổi cụ làm một bài thơ tự trào, trong đó có hai câu:  
*...Lên bảy mươi rồi mẹ nó ơi  
Thọ ta, ta chúc lọ phỉền ai...*

Bài thơ này tuy không xuất bản, nhưng đã được Nguyễn Công Hoan làm một bài thơ hoạ lại như sau:

*Nhấn bảo Phan Khôi khốn kiếp ơi  
Thọ mi, mi chúc chó hòng ai  
Văn chương! Đù mẹ thẳng cha bạc  
Tiết tháo! Tiên sư cái mẽ ngoài  
Lô-dịch, trước cam làm kiếp chó  
Nhân văn, nay lại hít gì voi  
Sống dai thêm tuổi, cho thêm nhục  
Thêm nhục cơm trời, chẳng thấy gai.*

Chỉ cần đọc bài thơ này, đủ hiểu đời sống của cụ Phan Khôi như thế nào, sau khi chế độ ra tay đàn áp nhóm *Nhân văn*. Cụ vẫn còn may mắn hơn nhiều người trong nhóm, vì chế độ nể mặt Phan Bội và Phan Thao là hai cán bộ cao cấp, bản án dành cho cụ Phan Khôi tương đối nhẹ. Cụ không phải chịu đựng những trừng phạt thể xác như Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung... mà chỉ bị quản thúc tại gia. Cụ mất năm 1959, nghĩa là chỉ ba năm sau khi vụ *Nhân văn-Giai phẩm* ra đời. Những người của Hà Nội thời đó cho biết: trong đám tang của cụ chỉ có lều tều vài người thân trong nhà, đẩy một chiếc xe như xe bò chở quan tài cụ ra nghĩa địa. Không có một vòng hoa, không có một lời ai điếu. Đó là chưa nói tới có một hai người con, vì e ngại cho tiền đồ của mình mà không dám đưa tang bố.

\*

Năm 1995 Phùng Quán mất vì căn bệnh ung thư. Trong *Nhân văn* ông là người lính xung kích trẻ tuổi nhất, nhưng lại là người nhanh chân nhất biến khỏi cuộc đời vào năm 62 tuổi. Vào thời điểm này nước Việt đã mở cửa về kinh tế, và cởi trói cho văn nghệ được vài năm, rồi lại trói lại. Khi mở cửa và cởi trói thì có những lời tuyên bố được rêu rao trên toàn bộ các hệ thống báo chí, truyền thanh và truyền hình. Nhưng khi trói lại thì chỉ là những văn thư nội bộ, các biện pháp kỷ luật hành chính, hay âm thầm tịch thu

sách, báo. Tuy nhiên lời tuyên bố cời trói cho văn nghệ của ông Nguyễn Văn Linh đã ảnh hưởng phần nào tới quyết định phục hồi hội tịch Hội Nhà văn cho các nhân vật trong nhóm *Nhân văn-Giai phẩm* vào năm 1988. Tuy được phục hồi hội tịch, chỉ có nghĩa là từ nay Phùng Quán được viết bằng bút hiệu của mình, không phải viết văn chui như trước. Ngay sau khi được thả lỏng, Phùng Quán như một con chim muốn bay vút lên không trung, ông thường xuyên đi đó đây. Khi thì về Thái Bình thăm Nguyễn Hữu Đang, lúc thì về thăm Hữu Loan ở Thanh Hoá, rồi về quê nội ở Huế, rồi vào Đà Lạt chơi với nhóm Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu và những chuyến đi này có khi kéo dài cả hai ba tháng trời. Thời gian này ông hít lấy cái không khí tự do cho no bụng phổi, tạm quên việc xuất bản sách cho chính mình, ngoại trừ một số nhà xuất bản tự tìm tới với Phùng Quán để in những tác phẩm của ông, còn chính ông thì để tâm thiết tha vào việc khác. Nên vì vậy mà mọi chi tiêu trong đời sống hằng ngày của gia đình Phùng Quán, vẫn hoàn toàn nằm trong số lương giáo viên cấp 3 ít ỏi của bà vợ.

Khi Phùng Quán mất, mặc dù giới văn nghệ đã bị trói lại, song ảnh hưởng của việc cời trói còn mạnh, nên đám tang ông được hàng ngàn người yêu thơ ông, cũng như các bạn văn, bạn chiến đấu, bạn câu cá trộm đã đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng, không đến nỗi hắt hiu như đám ma cụ Phan Khôi hơn hai chục năm trước, khi việc đàn áp *Nhân văn* còn đang bùng bùng sát khí. Như vậy trong suốt 32 năm từ 1956 tới 1988, bị ra khỏi biên chế nhà nước, thoát đầu là lao động cải tạo tại những công, nông trường rải rác trên lãnh thổ miền Bắc, Phùng Quán còn được lãnh một số tiền phụ cấp hằng tháng không bao giờ đủ dùng cho bản thân mình. Vài năm sau, Phùng Quán là người hoàn toàn không có một công ăn việc làm nào. Cuộc đời Phùng Quán từ sau cải tạo lao động cho đến khi được phục hồi hội tịch hội nhà văn, đã được ông tự tả bằng sáu chữ: "*Rượu chiu - cá trộm - văn chui*", có nghĩa là ông thường xuyên uống rượu mua chiu của những người quen, ông là tay câu cá trộm chuyên nghiệp ở các hồ nuôi cá quốc doanh như ở Hồ Tây, Hồ Bảy Mẫu, Hồ Hạ-le. Về lao động trí óc, ông viết văn chui dưới rất nhiều bút hiệu ma. Thậm chí có những người chưa bao giờ cầm bút viết một câu văn, nhưng nhờ cho mượn tên mà giờ đây tự nhiên có tác phẩm. Rồi đời sống trôi đi, vài người trong số này đã quên bằng việc cho Phùng Quán mượn tên, và tưởng chừng rằng chính mình đã viết nên một cuốn sách, rồi ra vào khệnh khạng in hết một nhà văn thực thụ.

Ông thú nhận đã câu trộm tới bốn tấn cá, để nuôi mình, bán để phụ tiền mua gạo, cải thiện bữa ăn cho vợ con, và phụ thêm thức ăn với một bà mẹ nuôi. Tưởng cũng nên nhắc lại ông lập gia đình với bà Vũ Bội Trâm, một giáo viên cấp ba của trường trung học Chu Văn An Hà Nội, nhưng vì hoàn cảnh mà bà vợ vẫn ở với gia đình, trong khi đó ông ăn ở tại nhà bà mẹ nuôi. Dù đã có với nhau hai mặt con, ông vẫn cứ phải ăn, ở với bà mẹ nuôi hàng chục năm trời, và chỉ được sống chung dưới một mái nhà với vợ con một thời gian không quá mười năm trước khi qua đời.

Phùng Quán cũng thú nhận về "văn chui", ông đã viết lời cho mấy chục cuốn truyện bằng tranh cho nhà xuất bản Kim Đồng, dưới những bút hiệu ma do nhà xuất bản tự ý đề tên. Có lần ông đã mượn đại cả tên Thanh Tịnh để dưới các quyển truyện bằng tranh này, khi truyện in xong, ông mang đến biếu Thanh Tịnh, và được nghe Thanh Tịnh nói một câu chí tình: "Anh đã chẳng có gì để giúp cho em, thì cho em mượn một cái tên".

Sau Phùng Quán một thời gian không lâu, đến lượt Văn Cao trở về với lòng đất. Nếu như Phùng Quán đến với *Nhân văn* như một tay xung kích trẻ, cả trong văn giới cũng như đời thường, thì Văn Cao là một tên tuổi chói lọi trong vòm trời văn nghệ. Ông là tác giả bài "Tiến quân ca" tức là quốc ca của miền Bắc. Đó là chưa kể những bản nhạc lừng

danh khác như “Trường ca sông Lô”, “Tình ca trung du”, “Không quân Việt Nam”, “Hải quân Việt Nam” và một số ca khúc hàng đầu trong thời kỳ phôi thai của âm nhạc Việt Nam như “Thiên thai”, “Suối mơ”, “Buồn tàn thu”, “Khối tình Trương Chi”, mà những bản nhạc sau của ông không được trình diễn ở miền Bắc, vì bị quy là sản phẩm của tiểu tư sản, lãng mạn, uỷ mị không phù hợp với không khí của thời chiến và của đường lối sáng tác xã hội chủ nghĩa.

Văn Cao đã từng ở trong Ban Âm sát Thành, đã từng cầm súng giết người, nghĩa là không phải là một người làm văn nghệ bình thường mà là người cách mạng đầy sắt máu nếu cần. Trước khi tham gia *Nhân văn-Giai phẩm*, Văn Cao đã từng được cho đi tham quan Mạc Tư Khoa, và từ đó người ta nghe được những ý tưởng thất vọng của ông về thiên đường xã hội chủ nghĩa. Không một ai phủ nhận được vị trí chói cùng của Văn Cao trong âm nhạc, nên khi ông hoà mình vào nhóm *Nhân văn*, ảnh hưởng của ông với quần chúng thường ngoạn rộng lớn hơn nhiều. Trong mấy số báo ngắn ngủi của *Nhân văn*, ông đã đóng góp chỉ hai bài thơ "Anh có nghe không" và "Những ngày báo hiệu mùa xuân". Khác hẳn với lời ca trong các bản nhạc khi thì hào hùng, đầy tình tự dân tộc, tràn trề sức sống vươn cao trong các bản nhạc được cho phép hát. Hay là những hình ảnh lãng mạn, trữ tình của những bản nhạc không ai cấm, nhưng không một ai muốn trình diễn. Giọng thơ của Văn Cao giờ đây u uất gói gắm những bão táp ẩn trong lòng ông, và trong lòng người.

Vì ảnh hưởng của Văn Cao quá lớn trong quần chúng, nên việc trừng phạt ông tương đối nhẹ hơn. Ông bị đình chỉ công tác trong ngành nhạc, bị đưa đi thực tế lao động một thời gian như là một lời cảnh cáo, rồi sau đó được tha về Hà Nội. Từ đó cho tới năm 1975 ông không hề viết một bản nhạc nào, ông nhận trình bày bìa cho tờ *Văn nghệ*, như là một công việc để kiếm cơm. Năm 1976, sau đúng hai chục năm im lặng, ông viết một bản nhạc đầu tiên, được đăng trên một tờ báo ở trong nước, nhưng ngay lập tức tờ báo bị tịch thu, và không một ai được nghe bản nhạc này cho tới năm 1995, tức là gần hai chục năm sau, không khí chính trị đã bớt ngộp, mới được trình diễn trước công chúng. Đó là bản nhạc "Mùa xuân đầu tiên".

Sau hơn hai chục năm không soạn nhạc, bài hát này có thể không hay bằng những sáng tác trước kia của Văn Cao, nhưng đó là một bài ca thức tỉnh lòng người. Khi mà cả nước vào trong thời điểm đầu sau 75, toàn bộ những người sáng tác văn, thơ, nhạc, kịch của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngoạc miệng ra kêu gào chiến thắng, ca tụng chiến thắng. Không thiếu gì những truyện ngắn, truyện dài, thơ được viết bởi trí tưởng tượng nghèo nàn, lại thiếu học vấn với những chiến công thật và giả, như là những truyện khoa học giả tưởng, mà nếu dùng phân tâm học để phân tích các truyện ngắn này, người ta còn thấy đó là sản phẩm của những đầu óc bệnh hoạn. Chỉ riêng mình Văn Cao viết về hoà bình bằng những lời ca man mác u hoài và đầy nước mắt: "... Từ đây người biết thương người, từ đây người biết yêu người... Giọt nước mắt trên vai anh, giọt nước mắt trên vai em - Mùa xuân êm ấm ấy chưa có về đâu, gà gáy trưa bên ven sông... Từ đây người biết quê hương...".

Lời ca của Văn Cao trong bài hát này vào những năm 77 ấy quả là lạc điệu, và người ta cảm phổ biến. Lời ca như những cái gai nhọn đâm vào mắt những người ngồi trên chót vót của quyền uy, lời ca như cảnh tình những người đang trong cơn lên đồng vì say men chiến thắng, nhưng nó chính là tiếng lòng của toàn dân. Từ năm 77 cho đến khi ông mất, Văn Cao không hề viết thêm một nốt nhạc nào, một dòng thơ nào. Ông uống rượu nhiều, nên hình ảnh ông mà tôi thấy trên một cuốn video dành riêng cho nhạc của ông, bên cạnh những ca sĩ măng tươi mơn mớn và là những giọng ca hàng đầu của

thời điểm đó như Ánh Tuyết, Hồng Nhung, Văn Cao là một ông già rúm ró đến thảm hại. Mặc dù suốt đời tôi chưa bao giờ được nhìn thấy Văn Cao bằng xương bằng thịt, nhưng tự đáy tâm tôi cảm thấy gần gũi với ông hơn nhạc sĩ Phạm Duy, người chỉ trú ngụ cách tôi một hai bloc đường, và một năm đôi lần tôi gặp mặt trong những dịp sinh hoạt của tờ báo *Người Việt*. Tôi phải ghi chú ở đây một điều: Nếu so sánh những gì Phạm Duy và Văn Cao để lại cho đời, thì gia tài của Phạm Duy đồ sộ hơn, nhưng thái độ khệnh khạng kẻ cá của Phạm Duy đã đẩy tôi lùi xa ông ra. Về tài hoa thì chưa chắc ai hơn ai, nhưng Phạm Duy thì may mắn đủ điều so với Văn Cao.

Đám tang của Văn Cao được thu hình để cho vào cuốn video thứ hai của ông, mà ở đó tôi thấy những bài điệu văn bày tỏ lòng xót thương của loài cá sấu. Nào có hề chi, khi ông còn sống, chính những giọt nước mắt ấy đã từng đầy đoạ ông, khiến cho ông sống không ra hình thái một con người, thế nhưng khi ông mản xuống cũng lại chính những tên giả hình đó đến khóc mướn thương vạy. Nhưng quan trọng hơn cả là bên cạnh và đằng sau xe tang, là một đoàn người dài lê thê, để chừng có tới hàng vạn người, chứng tỏ rằng khi nằm xuống ông đã để lại cho đời lòng thương tiếc khôn nguôi. Nào có sá gì trăm vòng hoa giả trá, cùng ngàn lời ai điệu đái bôi.

\*

Sau Văn Cao đến lượt Trần Dần nằm xuống. Tôi nhớ lại lần đầu khi đọc *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*, thái độ sống không khuất phục của Trần Dần khiến cho ông là người tôi cảm phục nhất. Ông sinh năm 1924, được kết nạp vào Đảng từ năm 1951, nhưng cũng sớm đánh mất niềm tin tưởng của ông vào Đảng cũng như của Đảng đối với ông, khi ông được điều về làm công tác viết báo cho Cục Quân huấn thuộc Trung ương. Không chịu nổi bầu không khí lúc nào cũng ngột ngạt, ông xin đổi ra mặt trận, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Chứng kiến cảnh quân kháng chiến ào ạt tấn công vào thành lũy kiên cố của quân Pháp, cũng như cái chết thê thảm của họa sĩ Tô Ngọc Vân, ông viết tác phẩm *Người người lớp lớp*, và cũng nhờ tác phẩm này ông được Đảng tin nhiệm trở lại, cho đi tham quan Trung Quốc. Nhưng khi từ Trung Quốc trở về, ông đã cùng một số nhà văn khác gửi lên Trung ương một kiến nghị, yêu cầu hạn chế sự can dự của cán bộ chính trị vào văn nghệ.

Cũng đúng vào thời gian này Trần Dần tự tiện lấy vợ, bất chấp sự can thiệp của Đảng. Mặc dù là đảng viên nhưng bản chất nghệ sĩ đã khiến cho ông không chịu nổi luyên ái quan Mác-xít, nên thẳng tay từ chối nhiều lần Đảng xây dựng cho ông với các nữ đồng chí khác. Sau cùng ông đã xin ra khỏi Đảng để lấy cho kỳ được người thiếu nữ mà ông yêu quý. Việc đại dột nhất của ông là viết bài phê bình và đả kích tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, nhân vật cầm trịch và đứng ở hàng chót vót của giới văn nghệ miền Bắc. Thế là ông đã đụng đến cái vẫy ngược của thú dữ, nên bị bắt giam ở một nhà giam trên Việt Bắc, trong khi bà vợ trẻ đang bụng mang dạ chửa, mà toàn bộ gia đình bên vợ đã di cư vào Nam. Có thể nói Trần Dần mới chính là linh hồn của nhóm *Nhân văn*, ông đóng góp bài cho tất cả các số báo *Nhân văn*, với khá nhiều bút hiệu mà trong đó hai bài thơ quan trọng nhất là "Nhất định thắng" và "Hãy đi mãi", ký bằng tên thật của ông, khiến cho người đọc cảm nhận như đây không hẳn là thơ, mà là lời tuyên chiến của ông đối với bọn giả hình đang chễm trệ trên đầu quần chúng.

Vốn là kiện tướng của cả nhóm, trong cuốn *Ghi* của ông, người đọc thấy đủ những đắng cay nghiệt ngã ập đến với ông trong thời gian bị kỷ luật. Từ hành xác, cho tới uy hiếp về tinh thần, ly gián ông với các bạn trong nhóm, khiến người nọ ngờ vực người kia. Đã có lần ông phần chí tự tử, nhưng sau khi được cứu sống ông đã cho biết ông phải sống để làm thơ ca tụng con người. Và quả là trong cuốn *Ghi*, người đọc đã nhận biết được ông

đã sống như thế nào. Trần Dần không phải là loại người thúc thủ chịu đòn, ông nghiêng rằng chịu đựng những trận đòn thù, nhưng thỉnh thoảng cũng có những đòn phản công ngoạn mục. Ông không hề mất tinh thần vì bị vây đánh từ tứ phương tám hướng. Khi người ta muốn ông phải cúi gầm xuống để sống, ông ngược mặt lên chịu đựng, nhìn đời và sống như thể một con người.

Ông khác với Phùng Quán một điều: với Phùng Quán thì Đảng có thể tốt, chỉ có những người đảng viên xấu, làm hoen ố xã hội chủ nghĩa, trong khi đó Trần Dần nhìn Đảng Cộng sản nghiêm khắc hơn nhiều. Nếu nổi đau thể xác của cả hai tương đương, thì về mặt tinh thần Phùng Quán bị đau hơn một tầng, bởi ông còn một lòng tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội và con người cộng sản. Nổi đau của Phùng Quán là sự oan ức mà ông phải gánh chịu, chỉ vì muốn làm tốt cho Đảng, trong khi đó thì với Trần Dần, đã yên hẳn một bề. Chính vì vậy mà đám tang Trần Dần tuy có đông người tham dự, nhưng có thể nói rất nhiều người đi sau xe tang của ông là người của chế độ. Vừa để làm cảnh đẹp cho màn chót của một vở kịch đời, vừa để phản ứng khi hữu sự. Vài năm sau khi ông nằm xuống, những ghi chú của ông được nhà văn Phạm Thị Hoài biên tập lại và cuốn *Ghi* ra đời. Đây chính là một đòn phản công cuối cùng của ông, mà ở đó người đọc có thể thấy được toàn bộ một vở kịch, mà trước đó người ta chỉ nhìn thấy những góc độ rất nhỏ, qua chủ quan của mỗi cá nhân. Tất nhiên *Ghi* cũng có cái nhìn chủ quan riêng của Trần Dần, song ông ghi lại toàn bộ mọi sự kiện, trong khi các nhân vật khác trong vụ hoặc là né tránh, hoặc là sợ hãi quá mà không dám ngoái đầu nhìn lại. Từ những sự kiện lớn tương đương với nhiều mạng người, cho đến những điều nhỏ li ti như cái kim, sợi chỉ đều được ông ghi lại với ngày tháng đầy đủ, bằng một giọng văn ngắn, gọn, sắc và lạnh. Ông cung ứng cho những thế hệ sau một cái nhìn toàn diện về bối cảnh, diễn tiến, hậu quả và ảnh hưởng của phong trào *Nhân văn*. Ông vẽ cho thế hệ sau bức tranh toàn cảnh của xã hội chủ nghĩa, với đầy đủ cái tính ác của xã hội này. Ông phơi bày cho mọi người thấy cái tâm địa, cái bản chất của những con người trong chế độ, kể cả chính mình.

\*

Mới đây nhất là cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang vào tháng 2.2007. Nào có gì đáng ghi lại cho cái chết của một ông lão chỉ thiếu 6 năm nữa là chẵn tròn trăm tuổi, nhất là khi còn sống ông không ở trong một chức vụ cao quý nào. Chẳng những thế ông còn tự ý bước ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo, nhập thân vào một nhóm nhỏ chưa quá một trung đội, để mơ đội đá vá trời. Đối với Nguyễn Hữu Đang, tôi chỉ muốn ghi lại ông đã sống như thế nào kể từ khi trận bão *Nhân văn* bắt đầu nổi lên trên các mặt hồ ở Hà Nội.

Đối với một guồng máy tổ chức mà chức vụ "thủ kho" đôi khi to hơn "thủ trưởng", thì cái quá khứ Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, Bộ Thanh niên, hay Thị trưởng đầu tiên của thành phố Hà Nội vào những năm 1945 thì ăn thua gì, huống hồ những chức vụ có tiếng mà không có miếng như Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập thì lại càng không đáng kể. Đã thế lại còn bị bắt bỏ tù 17 năm trời, bị quản chế ba năm, và sau đó là hai chục năm trời đối xử vô thuốc lá lấy cóc nhái, làm thức ăn, chui rúc lọ mọ nơi cái trái của một chuồng lợn ở vùng quê Thái Bình, thì ngay cả khi còn sống cũng không ăn thua gì huống hồ lại chết.

Vì vậy khi ông Nguyễn Hữu Đang mất, vài tờ báo in trong nước đưa tin chiếu lệ, nhưng không một tờ báo điện tử nào như *VietNamNet* có được vài dòng. Nhiều người cho rằng các báo điện tử của nhà nước không đưa tin, cốt để giấu người Việt hải ngoại được ngày nào hay ngày ấy về cái chết của ông Nguyễn Hữu Đang. Tôi không nghĩ như vậy. Người cộng sản làm gì cũng có nguyên tắc, có chỉ thị. Chẳng thế mà triết gia Trần Đức

Thảo, một nhân vật khác của *Nhân văn* khi sống cũng chẳng hơn ông Nguyễn Hữu Đang bao lắm, nhưng vì là triết gia nổi tiếng ở Pháp trước khi về Việt Nam vào đầu thập niên 50, nên vào lúc cuối đời ông Trần Đức Thảo được nước Pháp mời qua làm một bản nghiên cứu triết học gì đó. Ông chết ở bên Tây, tro cốt mang về Việt Nam cả hai tháng trời, để chờ quyết định là được để ở nghĩa trang Mai Dịch hay Văn Điển. Sống đã như ma xó, thì chết chôn ở đâu mà chẳng được.

Cũng cần ghi chú là trong thời gian chờ đợi gần hai tháng đó, hũ tro cốt của ông theo Phùng Quán cho biết, đã phải trả tiền thuê chỗ là năm ngàn đồng mỗi ngày. Trở lại với ông Nguyễn Hữu Đang, trong cuốn *Ba phút sự thật* của Phùng Quán, tôi đọc được một bài ký ghi lại chuyến đi thăm Nguyễn Hữu Đang của Phùng Quán, vào thời gian đầu thập niên 90, khi đó Nguyễn Hữu Đang đang ở Thái Bình, đã dờn khỏi cái trái của chuồng lợn hợp tác xã, dọn về ở trong cái trái của nhà bếp tập thể của một ngôi trường tại đây. Phùng Quán được Nguyễn Hữu Đang đãi cơm với hai món đặc sản chả cóc băm viên, món thứ hai là chả nhái băm viên có mì chính. Nguyễn Hữu Đang cho biết mười mấy năm nay nhờ bồi dưỡng với hai món đặc sản này, mà lúc nào ông cũng khoẻ. Có khi còn khoẻ hơn Phùng Quán là người trẻ hơn ông hai chục tuổi chẵn.

Trong bài ký, Phùng Quán hỏi: “*Thế nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng thường xuyên như thế*”, rồi Nguyễn Hữu Đang trả lời: “*Phải biết huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vở bao thuốc lá, mỗi lần lên thị xã Nam Định chơi, tôi nhất nhận về, đổi chác cho các cháu lấy cóc nhái. Cũng có tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vở bao ba số, đổi 3 con cóc hoặc 5 con nhái... Mỗi tháng tôi chỉ cần ba, bốn chục cái vở bao thuốc lá là thừa chất đạm, mà lại là loại đạm cao cấp...”. Thật là đau lòng cho "hạch toán kinh tế" của một khối óc lớn.*

Để biết rõ về con người Nguyễn Hữu Đang, tôi ghi lại thật vắn tắt đôi dòng tiểu sử của ông. Ông sinh năm 1913, theo học sư phạm từ năm 1932-1936. Năm 1937 tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương, 1938-1945 tham gia rồi làm Chủ tịch Hội Truyền bá Quốc ngữ, 1943 gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương. Trong đại hội Tân Trào 1945, khi thành lập chính phủ lâm thời ông được đề cử Thứ trưởng Bộ Tuyên truyền, rồi Bộ Thanh niên. 1946-1954 Trưởng ban Tuyên truyền Tổng bộ Việt Minh. 1954-1958 Biên tập viên báo *Văn nghệ*. Cuối năm 1956 biên tập báo *Nhân văn*, cộng tác với các giai phẩm. Bị bắt giam năm 1958. Năm 1960 bị kết án 17 năm tù. Được trả tự do năm 1973. 1989 được phục hồi một phần hội tịch Hội Nhà văn. 1990 được hưởng lương hưu trí. Từ năm 1993 về sống tại Hà Nội.

Chẳng biết ông ăn lương hưu trí bậc mấy, chỉ biết rằng ông có một cuốn sổ tiết kiệm gửi tiền ở nhà băng, phòng xa những khi hữu dụng. Khi Phùng Cung muốn in một tập thơ, nhưng không có khả năng chi phí ấn loát, Nguyễn Hữu Đang đã đưa toàn bộ số tiền ông dành dụm trong nhiều năm trời cho Phùng Cung đi in thơ.

Đọc xong tiểu sử của Nguyễn Hữu Đang, biết ông chưa bao giờ có vợ, rất nhiều lần tôi tự hỏi: Ông thương tiếc cõi đời chó má này làm chi mà sống dai thế. Sống một cuộc đời không ra dạng con người, mà lại chỉ có một mình một bóng, không có bổn phận trách nhiệm với ai, thì sao không tìm một lối đi thanh thản cho mình, như một giấc ngủ say. Ông có gì để tha thiết, tiếc nuối cuộc sống này? Mà nào có phải cuộc sống, nào có phải trần gian? Nơi ông trú ngụ chính là địa ngục, với ngạ quỷ trá hình người.

Mà không phải chỉ có một mình Nguyễn Hữu Đang sống dai, đa số những người dính líu tới *Nhân văn* đều khá thọ so với tuổi thọ trung bình của nước Việt. Ngoại trừ Phùng

Quán mất sớm ở tuổi ngoài 60, theo thứ tự thời gian từ Phan Khôi, Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung... ai nấy đều mất khi bước qua ngưỡng cửa bầy chục. Nguyễn Hữu Đang khi mất 94. Giờ đây còn lại ba người còn sống là Hoàng Cầm, Lê Đạt đều bước vào tuổi 80, và sau cùng Hữu Loan đã bước qua ngưỡng cửa chín chục. Tôi cứ băn khoăn mãi về sự sống dai của những người đã quá quen với đầy ải, khổ đau này. Phải có một lý do nào đó để họ tồn tại bằng mọi giá?

Hiện nay những tên tuổi lớn của *Nhân văn* còn lại ba người là Hữu Loan, Hoàng Cầm và Lê Đạt. Tôi tự hỏi tại sao Giải thưởng Nhà nước lại phát cho bốn người mà trong đó hai người đã chết là Phùng Quán và Trần Dần? Tại sao không để cho người chết được yên nghỉ, bằng cách bớt đi hai giải cho người đã khuất, nhưng thêm một giải thưởng cho người còn sống là Hữu Loan. Qua thắc mắc này tôi nghĩ chắc Hữu Loan cũng được đề nghị nhưng từ chối.

Đúng vậy, Hữu Loan, tác giả bài thơ tình "Mầu tím hoa sim", một bài thơ mà bất cứ một người lính Việt Nam nào, cả Nam lẫn Bắc đều thuộc vài câu đó là một người có cái lưng thật thẳng. So với Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan nào có thua kém gì.

Theo "Hữu Loan tự phỏng vấn" được đăng tải trên talawas, ông sinh năm 1916, kém Nguyễn Hữu Đang ba tuổi, theo học Quốc ngữ rất sớm và đồng thời hoạt động cách mạng ngay từ thời còn là học sinh trung học từ năm 1936 cho tới 1942. Từ 1943-1945 ông về quê đi cày, đánh cá làm Việt Minh và khởi nghĩa ở ngay huyện nhà. Cũng trong năm ấy, trong Ủy ban Lâm thời Tỉnh, ông giữ chức Trưởng ty cho bốn ty gồm: giáo dục, thông tin, công chính và thương chính, để rồi chán lại về quê đi cày, đánh cá nuôi bố mẹ già. Năm 1954 khi Việt Minh về tiếp quản thủ đô Hà Nội, ông nhận được điện gọi ra làm biên tập viên báo *Văn nghệ*, được vào biên chế Hội Nhà văn, rồi tham gia *Nhân văn* rồi lại chán những điều trước mắt, về quê đi cày và đi thờ từ năm 1958. Hiện nay vẫn cư ngụ ở quê nhà thuộc tỉnh Thanh Hoá. Ít nhất trong vài dòng tiểu sử do chính Hữu Loan cung cấp, người đọc bắt được hai lần ông chán, và mỗi lần chán là bỏ về quê đi cày, đánh cá, đi thờ, mà lần sau kéo dài từ năm 1958 tới nay là gần một nửa thế kỷ.

Cũng vẫn trong bài tự phỏng vấn này, Hữu Loan tiết lộ một điều là ông tham gia Việt Minh, lần đầu bỏ về thì bố mẹ giận, lần thứ hai thì con cháu oán. Thậm chí con trai ông tên Cường, thi đại học thừa điểm đi nước ngoài, nhưng đến trường trong nước cũng không được học, mà người ta lại cho một tên Cường nào đó gần giống tên con ông được thay vào chỗ xuất ngoại của con ông. Con cháu oán trách, giận hờn vì những người hoạt động Việt Minh trong vùng quê ông đều là đàn em ông cả, đều đã từng được ông sắp đặt chức vụ, giờ đây ai nấy đều ăn sung mặc sướng, nhà lầu xe hơi. Chỉ riêng mình ông là cơ cực bần hàn, may mà chỉ bị kỷ luật sơ sơ chưa đến nỗi vào tù ra khám như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần.

Có một đứa cháu điên tiết đã rủa ông: "*Ông là ngu nhất, ông bảo ông mầu mực. Cái mầu mực ấy đem mà vắt cho chó nó ăn. Chả đứa nào nó thương ông. Ông tự làm khổ ông, rồi khổ lây sang con cháu*". Lúc đó Hữu Loan lại phải đấu đũa con cháu: "*Thôi tao van xin chúng mày, nếu mầu mực mà lại được ngay ô tô với nhà lầu, thì chúng tranh nhau chết để làm mầu mực, chứ chả đến phần tao...*".

Lần thứ hai Hữu Loan bỏ về nhà chính là sau khi học tập vì vụ *Nhân văn*, khi Nguyễn Hữu Đang bị tố là đầu sỏ phản động, các học viên xúm nhau lại làm kiến nghị lên Trung ương yêu cầu xử tội, thì Hữu Loan là người duy nhất đã ký vào bản kiến nghị với lời ghi chú như sau: "*Khi Nguyễn Hữu Đang hoạt động với tôi, tôi thấy Nguyễn Hữu Đang là*

*người có tài có đức, tội trạng mới đây của Nguyễn Hữu Đang tôi chỉ tai nghe, mắt không thấy, nên không có kết luận - Ký tên Hữu Loan".*

Trong bài tự phỏng vấn này, bà vợ ông còn cho biết: Lần cuối còn có hai anh cán bộ đến nhà vận động ông ở lại. Họ nói từ sáng đến trưa, ông nhà tôi cầm cái bút lên bẻ làm đôi, bảo: "*Làm cán bộ, làm nhà văn khó lắm. Viết vừa lòng nhà nước thì dân chửi cho, viết vừa lòng dân thì có thể đi tù như chơi. Thôi tôi về đi cây*". Cứ như thế, suốt mấy chục năm trời nhà thơ Hữu Loan đi thồ đá, cùng với ba người con trai lớn, có khi phải thức dậy từ 3 giờ sáng, kéo ba chuyến xe cải tiến đá từ trên núi xuống, bán cho các thuyền buôn rồi các con mới ăn bát cơm độn để chạy bộ 7 cây số đi học. Cứ như thế hai vợ chồng nhà thơ nuôi đủ 10 người con từ năm 1958 cho tới nay, nghĩa là chỉ thiếu một năm là chẵn tròn nửa thế kỷ. Sau cùng còn lại hai người là Hoàng Cầm và Lê Đạt, hai nhân vật đã mau mắn trả lời "nhận" giải thưởng của nhà nước, mà qua lời ông Đỗ Chu nào đó thì phần thưởng này dành cho những đóng góp văn học của *Nhân văn*.

Về Hoàng Cầm thì không một ai phủ nhận được tài năng và những đóng góp của ông với thi ca qua những bài thơ lừng danh như "Bên kia sông Đuống", "Đêm liên hoan.." trong thời kháng chiến, "Em bé lên sáu tuổi" (trong *Nhân văn-Giai phẩm*) và đặc biệt là những vở kịch thơ, do đó những đóng góp của ông xứng đáng để nhận một giải thưởng về văn học. Tôi không phải là người quá khích đòi hỏi mọi nhà văn, nhà thơ phải sống kiên cường, không khuất phục như Trần Dần. Do đó tôi cảm thông với những hành động của Hoàng Cầm, đã được Trần Dần ghi lại trong cuốn *Ghi*. Nhà văn, nhà thơ vốn là những con người yếu đuối nên sợ khổ, sợ tù, sợ chết, là chuyện bình thường. Hoàng Cầm không phải là Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan... do đó không thể đòi hỏi ông hành xử như những tính danh vừa nêu trên. Đòi hỏi như thế thì cũng chẳng khác gì những người đã đầy đoạ *Nhân văn* trong nửa thế kỷ qua.

Với Lê Đạt thì khác. Nếu như giải thưởng nhà nước dành cho những đóng góp văn học, chúng ta thử kiểm điểm thành tích văn học của Lê Đạt. Trước tiên nếu những giá trị văn học ấy liên quan đến *Nhân văn-Giai phẩm*, thì đóng góp của Lê Đạt không có gì là đáng kể, ngoài bốn câu thơ mà cụ Phan Khôi đã dùng để dẫn vào cái truyện "Ông bình vôi". Suy luận của học giả Hoàng Văn Chí khi thực hiện cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* cho rằng bốn câu thơ này ám chỉ ông Hồ, càng già càng nhỏ lại, càng kém đi. Tôi cho cách suy luận này khá mơ hồ. Tôi không được đọc đủ nguyên bản các cuốn *Giai phẩm*, nhưng trong *Trăm hoa đua nở* của cụ Hoàng Văn Chí, thì hình như Lê Đạt chỉ đóng góp vồn vẹn bốn câu thơ này, do đó trong phần mục lục của cuốn sách, không thấy một phần nào dành riêng cho các sáng tác của Lê Đạt. Ông đã trả giá cho bốn câu thơ này bằng nhiều năm đầy ải, nhưng bù lại ông cũng hưởng lộc khá nhiều do bốn câu thơ này. Nếu kể cả những sáng tác sau này của Lê Đạt, gồm một tập văn *Hèn đại nhân*, mà tôi đã viết bài giới thiệu vào khoảng giữa thập niên 90, khi còn giữ phụ trang văn học của tờ *Người Việt*. Tôi còn nhớ như in nội dung bài giới thiệu này, và cho là ông đã khéo sử dụng thủ pháp "ý tại ngôn ngoại" viết những mẩu chuyện về những nhân vật ngoại quốc, nhưng thật ra là để nói chuyện Việt Nam. Đó là một cuốn sách hay, nhưng đóng góp về văn học của nó thì không có gì là cao. Gần đây dư luận ồn ào lên với tập thơ *Bóng chữ* của Lê Đạt. Nhiều người cho là ông đang cách tân thơ, tôi không nghĩ như vậy. Về điểm này thì cả Trần Dần sau khi chống trả mãnh liệt với đời, về già cũng hay cổ võ việc làm cách tân thơ, nhưng có lẽ cả Trần Dần, Lê Đạt, cũng như Phùng Cung trong tập *Xem đêm* chưa có một thành tựu nào đáng kể trong ngôn ngữ thi ca mới, mà cả ba đã nhiều lần thử nghiệm. Sau cùng tôi quay trở lại với ông Đỗ Chu, thành viên của hội đồng giải thưởng chuyên ngành văn với lời phát biểu: "*Có thể đây là lời xin lỗi của nhà nước đối với các anh...*". Vậy thì *lỗi* đó là *lỗi* gì, cần phải nói thẳng ra.



Thật ra thì chẳng nói người ta cũng biết: *lỗi* đó là cách hành xử của nhà nước với *Nhân văn*, những người đại diện tượng nhà nước chủ trương “Trăm hoa đua nở - Trăm nhà đua tiếng” thật, tượng nhà nước chống tham ô lãng phí thật, chống tệ sùng bái cá nhân thật, nên đã hăm hở xông vào những nơi xú ối, những mong giúp nhà nước dọn sạch những nơi cần dọn. Nào ngờ không phải vậy. Khi mà cả nước nói dối, như ông Hà Sĩ Phu đã nói “*Nói dối là quốc sách*”, thì càng háng hái nói thật bao nhiêu, càng háng hái dọn dẹp bao nhiêu thì càng nhiều tội bấy nhiêu. Đó là chưa kể những cái bẫy đã được những người sợ lung lay chỗ ngồi của mình, đào sẵn chờ các nhà văn sập hố. Dễ thường có cả trăm, ngàn cái bẫy trong cuốn *Ghi* của Trần Dần. Thế rồi để che đậy những lỗi lầm nhỏ, người ta mắc phải những lỗi lầm lớn hơn. Để làm mất đi những cái hố đã đào, người ta khoét to những cái hố đào sẵn.

Cứ lỗi to chồng lên lỗi nhỏ, cứ hố lớn phủ lên hố con, mãi rồi cũng có lúc thời thế đổi thay, và người ta phải một lần nhìn lại những biến cố đã đi vào lịch sử. Cách tuyên bố của ông Đỗ Chu giống như đánh bùn sang ao, sập xí sập ngầu cho qua chuyện. Miễn là có vài nhân vật thành danh của *Nhân văn* đứng ra nhận lãnh giải thưởng của nhà nước, là đã có thể xoa tay đóng lại một hồ sơ tồn đọng quá lâu.

Tôi ngờ rằng sau khi tuyên bố cõi trời cho văn nghệ, cho phục hồi hội tịch nhà văn của những người can dự vào *Nhân văn-Giai phẩm*, các nhân vật như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán, Hữu Loan... đều được tiếp xúc về giải thưởng này, thế nhưng đã không đạt được một sự biểu đồng tình nào. Từ năm 1988 cho tới 2007 là 19 năm trường, trong 19 năm đó thời gian đã cướp đi khá nhiều khuôn mặt tiêu biểu của *Nhân văn*, một nhóm người không lấy gì làm nhiều nhân số. Theo thứ tự thời gian từ năm 1993, thân chết đã đến viếng Trần Đức Thảo, Phùng Quán, Văn Cao, Trần Dần, Phùng Cung và mới nhất vào đầu năm 2007 là Nguyễn Hữu Đang. Chỉ sau khi an táng Nguyễn Hữu Đang vài tuần ngắn ngủi, Hoàng Cầm và Lê Đạt có tên trong danh sách những người được giải thưởng nhà nước, khiến tôi ngờ rằng nhà nước đã không thể chờ đợi lâu hơn nữa. Chờ nữa thì có khi phải lên thiên đàng, hay xuống địa ngục để phát giải thưởng này, do đó phải đành phải hài lòng với hai người tuyên bố nhận giải thưởng này. Nếu nói như ông Đỗ Chu, coi như là lời xin lỗi của nhà nước đối với anh em *Nhân văn*, thì tại sao lại không phát giải này cho cả Hữu Loan, người mà tôi tin rằng sự đóng góp cho văn học ít nhất cũng bằng nếu không muốn nói là nhiều hơn Lê Đạt.

Nhiều người ở hải ngoại cho là dứt khoát phải từ chối, bớt quá khích hơn thì cho là chỉ nhận giải với một đồng danh dự, nhưng phải có một văn bản xin lỗi chính thức của nhà nước. Có người còn dè bủ chê bai ít, có bốn chục triệu chưa đầy ba ngàn đô chẳng bõ bèn gì. Phải ba ngàn đô la ở nước Mỹ hiện nay chẳng làm được cái gì, không đủ tiền đặt cọc mua một cái xe mới, thế nhưng ở trong nước số tiền này là một gia tài không nhỏ, tương đương với bốn cây vàng. Và vì vậy tôi lại khâm phục Nguyễn Hữu Đang thêm một tầng nữa, khi toàn bộ gia tài của ông trong sổ tiết kiệm, công lao chắt chiu dành dụm bốn năm trời vốn vẹn được 4 triệu đồng (độ 250 đô la), ông đưa cả cho Phùng Cung để in thơ.

Tôi cho là Hoàng Cầm, Lê Đạt có thể nhận giải, dẫu cho giải chỉ là một, hai, năm, bảy triệu đồng, chứ đừng nói là tới 40 triệu đồng. Vẫn có thể nhận giải ngay cả khi nhà nước không chịu đưa ra một văn bản chính thức xin lỗi, với điều kiện là trong buổi lễ trao giải, dưới sự chứng kiến của nhiều người trong và ngoài văn giới, và nếu được phát biểu sau khi nhận giải, phải nghiêm trang xác định với mọi người hiện diện, về lời xin lỗi không đúng cách và quá muộn màng của nhà nước. Nếu chỉ im lặng nhận giải, tươi cười chụp

hình đăng báo, trả lời phỏng vấn một cách chung chung cho qua chuyện, thì có lẽ tôi cần ghi lại đây bài thơ đã làm cho cuộc đời Lê Đạt có quá nhiều chông gai và lấm đoạn trường. Bởi vì bài thơ đó không chỉ đúng với ông Hồ, mà đúng với mọi người kể cả tác giả của nó là Lê Đạt:

*"Những kiếp người sống lâu trăm tuổi  
Y như một cái bình vỡ  
Càng sống càng tồi  
Càng sống càng bé lại"*

Viết tới đây thì tôi có thể hiểu tại sao những người như Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Dần và cả Hoàng Cầm, Lê Đạt có nhiều sức sống mãnh liệt đến như vậy. Với một đất nước như Việt Nam trong giai đoạn lịch sử vừa qua, họ sống không phải chỉ là sống, mà để làm nhân chứng kể cả vật chứng cho những điều ác đang khổng chế cái thiện. Họ càng sống dai, thì cái lỗi càng lộ. Họ càng chịu đau thương, thì rồi mới có ngày mọi người phải nhìn thấy cái ác và điều quái. Nếu quả đúng như thế thì tôi cầu chúc cho Hữu Loan sống lâu trăm tuổi. Năm nay ông đã 91. Cách ông tự phỏng vấn, rồi tự trả lời cho biết ông còn rất minh mẫn, và nhìn trong hình ông còn khoẻ lắm. Trong tình hình này chín năm nữa mọi sự phải rõ ràng, không thể mập mờ đánh lộn con đen, như cách ông Đỗ Chu xin lỗi những người dính líu tới *Nhân văn*.

## Hoàng Khởi Phong, nhà thơ, người chứng... Nguyễn Mộng Giác

Chuyện xảy ra vào những tuần lễ kề cận ngày 30-4. Một tối cuối tuần, trong phòng khách một căn chung cư, "các bác các chú" tụ tập nhau vừa uống rượu vừa bàn tính chuẩn bị ngày Sài Gòn thất thủ. Câu chuyện lan man cuối cùng hết người này đến người nọ say mê kể lại những ngày vàng son trước 30-4 và những ô nhục khổ ải sau ngày bị thảm đó.

Căn phòng chật càng lúc càng ngập ngựa khối thuốc lá và hơi rượu. Người vợ hiền của gia chủ, cùng với đám con cái ngoan ngoãn lấp ló ở hành lang dẫn về các phòng ngủ, thông cảm chịu đựng tiếng ồn ào kể lể của "các bác các chú". Thế rồi vào một lúc nào đó đứa bé trai thì thảo bằng tiếng Anh với con chị: "Các chú các bác thiệt là kỳ cục (em dùng chữ "weird"). Giống như mấy đứa con nít đang cầm cây cà rem bị một thằng vô lại giật mất, tiếc cả đời, năm nào cũng tụ tập nhắc lại chuyện mất cây cà rem."

Chú bé trai ỷ y "các chú các bác" nghe tiếng Mỹ không quen, nhất là những cách đối đáp trên đường phố của giới trẻ, nên yên tâm không sợ "các chú các bác" hiểu và giận.

Tôi đã nghe những câu tương tự, và đau xót trong lòng. Vì đây là một trong những phát biểu vô tư hay độc ác (tùy theo quan niệm của từng người) của giới trẻ nhìn về lớp đi trước. Hơn thế nữa, đây là bằng chứng cái hố ngăn cách giữa hai thế hệ ngày càng rộng, do những hiểu lầm, do không ai nói cho giới trẻ biết không phải trước 1975 ai trong "các chú các bác" cũng đều hí hửng nắm chặt lấy cây cà rem. Trong những người đã oằn vai gánh chịu bao nỗi nhục nhã sau 30-4-75, rất có nhiều người chưa hề biết tới "cây cà rem", và nếu bây giờ họ dành trọn những ngày còn lại cho một lý tưởng nào đó, cũng không phải vì họ nhớ tiếc một cây cà rem.

Tôi thường tự hỏi vì sao sự hiểu lầm giữa trẻ và già, giữa "các chú các bác" với lớp trẻ

trường thành nơi đất người trầm trọng như vậy? Trước khi trách móc lớp trẻ, chúng ta phải tự vấn mình trước. Chúng ta đã làm gì? Có lúc nào chúng ta bình tĩnh nhìn thẳng vào quá khứ, và thẳng thắn nhận chịu trách nhiệm hay chưa?

Hàng năm kể từ gần tới ngày 30-4 là một loạt các bài báo, các hồi ký ra đời, người viết phần lớn là những vị có thẩm quyền, nắm quyền cao chức trọng thời Việt nam Cộng hòa. Tại các hiệu sách, không hề thiếu những hồi ký của các vị tướng từng hét ra lửa một thời. Không vị nào nhận mình có trách nhiệm trong cuộc triệt thoái vô tổ chức và bi thảm. Những vị đã bị đẩy ra rìa thì nặng lời chỉ trích người chiến hữu cầm quyền, nói thêm là nếu quyền hành vào tay mình, nhất định không thể có ngày 30-4-75. Những vị được ngòi ghe cao cho đến phút áp chót thì đổ lỗi cho người Mỹ phản bội.

Ai cũng bảo "kẻ khác làm tôi mất nước". Duy chỉ có ông Lê văn Phúc bảo "tôi làm tôi mất nước". Tuy cuốn sách có nhan đề đó của ông Lê văn Phúc, nhưng ông đã dùng lối giả vờ tự trào để phúng thế, không phải là một lời tự xưng tội, nhưng ít ra tác giả cũng nêu một gương sáng về lòng thành thực. Cuốn "Tôi làm tôi mất nước" được xuất bản đã gần bốn năm, từ đó đến nay họa hoằn lắm mới có người theo gương ông Phúc. Những người trung thực theo gương ông Phúc không thuộc hàng tướng lãnh, không thuộc tầng lớp được ưu đãi đang nhớ tiếc "cây cà rem" của thời vàng son cũ. Họ là những thường dân, những người lính cấp thấp trực tiếp cầm súng chiến đấu, máu họ đã đổ để bảo vệ phần đất mà hàng ngũ lãnh đạo Việt nam Cộng hòa đã để cho mất về tay Cộng sản. Họ không có gì để hối tiếc, không có gì phải hối hận về những gì đã làm. Nếu có hối hận, là hối hận đã không làm đủ phần vụ của mình, đã để cho cái guồng máy rệu rã ấy khi sụp đổ kéo sụp theo cuộc đời họ, gia đình họ, gây họa cho thân nhân họ.

Năm 1986, tôi được đọc những lời chứng thực của một Sĩ quan Thủy quân Lục chiến viết về mặt trận Quảng trị-Huế, cuốn "Tháng Ba Gãy Súng" của Cao Xuân Huy. Năm nay, tôi lại được đọc thêm một cuốn hồi ký giá trị khác, cuốn "Ngày N +..." của nhà thơ Hoàng Khởi Phong. Những cuốn hồi ký như "Tháng Ba Gãy Súng" hay "Ngày N +...", theo tôi nghĩ, sẽ giúp cho các em đã thốt những lời độc ác bất công trên đây có cơ hội hiểu lớp người đi trước hơn, có cái nhìn đúng đắn hơn về nỗi tiếc nỗi hận mà "các chú các bác" phải đau lòng ôn lại nhắc lại hàng năm, như người bị một vết thương sâu lâu lâu phải can đảm ngắm lại vết sẹo dù biết là sẽ phải xót xa.

Để xóa tan những hiểu lầm của lớp đi sau, không có gì hữu hiệu hơn là phải thẳng thắn, chân thực. Đừng nói quanh bảo chữa. Điều đó lại càng quan trọng hơn đối với người cầm bút. Tôi được quen với nhà thơ Hoàng Khởi Phong đã lâu, và phần nào chịu ảnh hưởng từ cái tính sôi nổi, nhiệt thành, thẳng thắn của anh. Hồi đó vào khoảng năm 1971, lúc tôi mới mon men bước vào làng văn. Một người bạn chung, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, giới thiệu cho chúng tôi biết nhau. Tôi thì tự giới thiệu bằng một vài truyện ngắn đăng trên Bách khoa và Văn. Hoàng Khởi Phong thì vừa tự xuất bản một tập thơ, cuốn "Phục hồi quyền chức làm người". Nhan đề một tập thơ mà giống như một cương lĩnh chính trị, khác với những nhan đề đầy thi vị nhờ có mây bay hoa nở khác. Chưa gặp người, tôi đã vội đoán tác giả tập thơ này đang đi chênh vênh giữa hành động và suy tưởng, giữa lý thuyết với thực tế, đang vùng vẫy muốn thoát ra khỏi guồng máy vì là một nhà thơ, nhưng đồng thời cũng say mê tạo dựng một thứ guồng máy khác, vì khao khát hành động. Khi đã gặp người, nghe Hoàng Khởi Phong kể những nỗi thăng trầm lao đao của mình, tôi thấy mình đoán đúng. Mỗi lần gặp nhau, anh sôi nổi phát biểu những nhận định thời cuộc giống như sôi nổi bàn luận văn chương. Cái chất văn nghệ làm hại sự nghiệp quân đội của anh, khiến anh gặp nhiều khốn đốn, bị nhiều khiển trách. Anh bị chuyển chuyển nhiều lần, bị đưa đến những nhiệm sở khó và xấu. Nhưng

cũng chính nhờ những kinh nghiệm xương máu ấy mà thơ anh càng sôi nổi, đậm chất bi tráng.

Chúng tôi bật tin nhau trong những ngày thất tán đưa đến cảnh Sài Gòn sụp đổ. Tôi kẹt lại Việt Nam, còn Hoàng Khởi Phong đã thoát được khỏi những đòn trả thù (chắc chắn là sẽ dữ dội) của Cộng sản, ra đi từ năm 1975. Bảy năm sau, mừng mừng tủi tủi gặp lại nhau trên đất khách, điều tôi mừng hơn hết là ông bạn cũ vẫn không khác xưa. Từ ông đại úy Trưởng đồn Quân cảnh tới người thợ tiện chuyên làm ca đêm, Hoàng Khởi Phong vẫn vậy. Vẫn tiếng nói sang sảng. Vẫn những phát biểu sôi nổi quá khích. Vẫn đôi mắt sáng rỡ khi nói tới thơ. Anh vẫn chưa giải quyết được mối mâu thuẫn kéo dài giữa nhiệt tình chính trị và đam mê văn chương, vẫn tin tưởng là đến một lúc nào đó, hai thứ đam mê phải hội nhập thành một. Lúc huyền thoại trở thành thực tế. Lúc những bậc minh quân chịu mài mực cho các thi bá viết thơ. Ai lại không mơ như vậy?

Trong lúc chờ đợi cái thời hoàng kim viễn tưởng ấy, từng người đành phải nhìn thẳng vào cái thực trước mắt. "Ngày N + ..." của Hoàng Khởi Phong là cái nhìn đó. Có điều đáng mừng là anh ôn lại nỗi đau cũ với cái nhìn của nhà thơ, nghĩa là hết sức chân thật, hết sức đam mê sôi nổi. Anh có thể sai lầm, hoặc trí nhớ không nguyên vẹn, nhưng lòng đam mê cái đúng, cái tốt của anh thì hiển hiện trên từng trang tập hồi ký này.

Tôi cho điều đó mới là quan trọng.

21-10-1988

## Gối đầu lên chữ nghĩa



Mai Thảo đứng trước bức chân dung ông do Tạ Tỵ họa

« Người ta nhận thấy nghệ thuật không có biên giới không thu hẹp trong những đề mục: một cương lĩnh chính trị — như nghệ thuật cộng sản đã chết chìm trong bể giáo điều — nhất thiết nó phải là đen hay đỏ nhất thiết nó phải khuôn theo một hình thể đi theo một con đường. Nói thế không có nghĩa là hỗn loạn là vô lập trường, là thế nào cũng được. Tôi chỉ muốn vẽ lên một hình ảnh: một trái núi chồi nắng và rất cao, nghệ thuật ngự trên đỉnh và những người leo núi để thực hiện đúng cái việc muốn tới cái đỉnh cao đẹp ấy phải đi trên những hướng đi riêng. »

Càng trong bài này ở một đoạn khác tôi viết :

« Yếu tố thường trực của nghệ thuật là đổi mới, — không phải là đổi thay — phát biểu theo một quan niệm tiến bộ là nó luôn luôn đòi hỏi những khám phá mới, nó phải là một sự kiện cách mạng, sống động và tiến triển không lao giờ ngừng. »

Nhắc lại một vài ý kiến cũ, tôi chỉ muốn nhấn mạnh vào một quan niệm chủ yếu đã hướng dẫn tôi từ ba năm nay, xuất bản Sáng Tạo và gửi nó đến bạn đọc. Tôi chỉ nói một quan niệm. Tôi không giám nói đến những thực hiện. Mỗi buổi sáng, ngồi đọc tập thơ và những sáng tác phẩm của bạn đọc từ khắp nơi trên toàn quốc gửi về tòa soạn, góp phần vào việc xây dựng tạp chí, vẫn là một thiếu thốn. Mọi hi vọng cho tới khi nhất lượng được — trong một bài văn một câu thơ — một ý tưởng mới xúc cảm mới, một kỹ thuật biểu hiện mới, gọi chung là những khám phá, chúng là những viên ngọc quý phần chiếu ánh sáng tâm hồn người viết, chúng tỏ cái khả năng sáng tạo trong tâm hồn người viết. Đôi khi

*Sách một dãy nằm trơ trên giá  
Cạnh người thân thể cũng trơ trơ  
Sách, người hai cõi cùng hư hoại  
Nơi một ngàn chương thiếu một tờ  
(Mai Thảo)*

Căn phòng rộng chừng mười mét vuông. Một giường nhỏ, một bàn viết, một ghế ngồi, một chần, một gối... Nói tóm lại đồ vật trong căn phòng này có đơn vị là một, không hai. Ngoại trừ sách thì chất từ sàn gác lên tới trần nhà. Hàng ngàn quyển sách và báo. Sách nằm trong các thùng giấy, trong các kệ, các hộc. Sách vương vãi khắp nơi, trên giường, gầm bàn. Xó xỉnh nào cũng đầy sách. Trên tường là vài bức hình. Một bức hình chụp đã khá lâu, để chừng cũng ba bốn chục năm qua đi giữa người và ảnh. Tôi nhận ra ngay hai nhân vật trong bức hình này: gia chủ và một người bạn thân nhất của ông. Người bạn vong niên hơn ông đúng một giáp. Người bạn ông đã có thời dạy học và là thầy bắt đấm dĩ với kẻ đang viết những dòng chữ này. Bắt đấm dĩ bởi vì nghề chính của ông không phải là dạy học mà là làm thơ. Điều đáng tiếc là ở một nơi tên là Việt Nam không có nghề nào mang tên là thi sĩ. Gia chủ có tên là Nguyễn Đăng Quý, người bạn vong niên chụp chung với ông trong tấm hình có tên là Vũ Hoàng Chương.

Cái tên Nguyễn Đăng Quý hầu như chỉ được dùng để làm giấy tờ, trên thẻ kiểm tra khi còn ở trong nước, hay trên thẻ xanh kể từ khi lưu lạc xứ người. Tên Nguyễn Đăng Quý hiện nay chỉ còn dùng duy nhất trên các quyển check book. Kỳ dư không một ai gọi ông bằng cái tên cha sinh mẹ đẻ này. Bởi vì người ta thường gọi ông bằng một cái tên khác do ông tự chọn cho mình khi hành nghề "nhà văn". Tên do ông tự chọn là Mai Thảo. Tấm hình chụp khi cả hai người còn trẻ, còn cả một con đường thật dài để đi. Con đường còn đó nhưng một trong hai người đã nằm xuống. Thấm thoát mà Vũ Hoàng Chương đã nằm xuống được hơn mười lăm năm. Phần ông tuy còn sống, còn ăn và còn thở nhưng mà là một cuộc sống càng ngày càng lạ lẫm, càng thu hẹp. Năm nay ông gần bảy chục. Có sá kể gì một hai năm giữa sáu tám và bảy mươi. Cái tuổi thất thập chóp mắt mà đã tới. Ông vẫn là một kẻ ăn cơm ở các hàng cơm, đi ra khỏi nhà thì ngồi xích lô. Nơi đây không có xích lô thì ngồi xe buýt, xe hoả hay máy bay để đi xa thăm bằng hữu. Ông vẫn là kẻ hơi lạnh lạnh với người lạ mặt, nhưng thật ân cần với những người thân. Thân đây không có nghĩa là máu mủ ruột rà.

Tôi nhớ cách đây vài năm, khoảng năm năm trở về trước tôi không mấy có thiện cảm với Mai Thảo. Tính hơi lạnh lạnh của ông cộng với tính không thích bắt quàng làm họ với những người sang của tôi, làm cho nhiều năm dài tôi trông thấy ông như trông thấy một người nào đó trong siêu thị. Mai Thảo thì đâu có lý gì tới chuyện đó, phần tôi cũng ít thì giờ tìm hiểu những người mà tôi nghĩ là chỉ có tiếng. Cho tới một ngày trong một bữa tiệc sinh nhật ở nhà một người cả hai chúng tôi cùng quen, tôi được sắp ngồi bên cạnh ông. Chẳng lẽ cả hai đều không nói một lời. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi thật sự nói chuyện với Mai Thảo.

Trong bữa tiệc Mai Thảo ăn rất ít, ông uống khá nhiều. Khi đã ngà ngà Mai Thảo nói về thơ. Tất nhiên không phải là thơ của ông. Tôi bị Mai Thảo chinh phục ngay trong lần nói chuyện đầu tiên giữa hai người. Tôi chưa thấy ai ứng khẩu về thơ hay hơn ông. Ông nói về thơ của Quang Dũng, Thâm Tâm, Hồ Dzếnh, Trần Huyền Trân... Hình như ông thuộc không sót một nhà thơ tiền chiến nào, miễn là những nhà thơ đó chỉ cần có một bài thơ hay. Không hiểu làm thế nào ông chứa được nhiều thơ của người khác trong khi lượng rượu đã bão hoà trong người ông. Những lúc đó ông là một Mai Thảo khác, không hề có một chút lạnh lạnh nào. Trái lại giọng ông sang sảng, nồng nhiệt tựa như chính ông

là tác giả đang đọc cho bằng hữu nghe những sáng tác mới nhất của ông. Không bao giờ Mai Thảo đọc thơ xuôi mà thôi. Bao giờ ông cũng giải thích, nói tới những giai thoại vì đầu bài thơ ông sắp đọc được hoàn thành. Những lúc đó nhiều khi ông đọc thoại. Đôi lúc tôi tưởng chừng ông không màng tới những ai có mặt. Ông miên man nói về thơ, ông đọc những bài thơ tuyệt hay của nhiều thi sĩ đã không còn trong cõi đời này nữa. Mai Thảo có một giọng đọc thơ trầm, ấm, không hùng tráng nhưng rất truyền cảm. Khi ông đọc những bài thơ buồn, người đa cảm chỉ nghe thơ ông đọc cách một bức vách có thể khóc được.

Trước khi đứng dậy để đi làm ca ba tôi nói với Mai Thảo một câu: "Giả dụ những người cầm bút đều là anh em một nhà, thì tôi là một đứa em ngỗ ngược, ít nhất là đối với Mai Thảo. Kể từ nay tôi thôi không còn là đứa em ngỗ ngược nữa". Kể từ đó tới nay năm năm đã qua, tôi giữ được những lời đã nói, tuy vậy tôi vẫn đứng hơi xa Mai Thảo. Trước kia tôi hay tránh Mai Thảo, bây giờ tôi không tìm tới ông nhưng cũng không đến nỗi phải lánh mặt mỗi khi tình cờ gặp gỡ trong các nhà người quen, trong các tiệm ăn, trong các bàn nhậu. Có lần Mai Thảo và tôi gặp nhau trong một quán nhậu. Khi tiệc tan mọi người đùn cho tôi việc đưa Mai Thảo về nhà. Mãi sau này tôi mới biết những người quen đi uống rượu với ông ai cũng sốt sắng đi đón, nhưng ngại đưa về. Tôi nhớ như in lần đầu tiên đưa ông về sau một cữ rượu lớn. Lúc đó đã hơn một giờ đêm. Tôi đưa Mai Thảo về đến khu chung cư của ông. Chung cư của những người già bao giờ cũng vắng vẻ yên tĩnh sau mười giờ đêm.

Cái bóng của hai chúng tôi vẽ lên trên tường những hình thù buồn bã. Tôi dìu nhẹ ông đi trong cái hành lang của chung cư dài và sâu như một cái hầm. Bước qua cái cổng ngách, vừa đặt chân lên nấc thang đầu tiên, đột nhiên quay phắt người lại ông nói: "*Về nhà giờ này làm cái gì nhỉ? Nó lạnh như một cái nhà mồ. Hay là mình đi chỗ nào uống tiếp đi, để tôi lên lấy chai rượu*". Tôi vội can ông: "*Giờ này các quán Việt Nam đóng cửa hết rồi, chỉ còn tiệm Mỹ thôi anh ạ*". "*Tiệm Mỹ thì chán quá nhỉ. Hay là Phong lên ngồi chơi một lát rồi hãy về. Ngủ lại đây cũng chẳng sao*". Phải lò mò một hồi Mai Thảo mới tra nôi cái chìa khoá vào trong ổ. Ông lầu bầu nói những câu vô nghĩa trong khi mở cánh cửa vào nhà. Trong phòng của Mai Thảo mọi thứ đồ vật chỉ có một, tôi lơ lảo ngồi dưới sàn. Ông lấy ra chai rượu và hai cái ly. Ông không bao giờ ép rượu một ai, uống được bao nhiêu thì tùy ý. Rượu trong nhà Mai Thảo có bao giờ hết được. Bây giờ tôi chợt nhớ ra ở nhà Mai Thảo đồ vật nào cũng chỉ có một, ngoại trừ rượu và sách. "*Sách vẫn ngàn pho lẻ một tờ*". Và rượu thì ngàn chung vẫn còn thiếu, cho dù có tri kỷ hay không. Có tri kỷ uống cách khác, không tri kỷ thì uống một mình. Trong khoảng không gian mười mét vuông đó là giang sơn của riêng ông. Nơi ông ở là một bầu không khí trộn lẫn giữa rượu và thơ. Ở nơi đây ông không làm rộn đời sống. Tôi chỉ mong rằng đời sống cũng không làm rộn ông.

Đêm đó tôi ngồi lại nghe ông nói chuyện thơ, gần sáng ông mệt nhoài, lăn ra ngủ. Tôi lặng lẽ ra về khi trời gần sáng.

\*\*\*

Gần đây tôi có ý định viết một số bài về các người đi trước tôi một thế hệ. Mới đó mà tôi đã bước vào tuổi năm mươi, những người trước tôi một thế hệ nghĩa là bước vào tuổi bảy mươi bây giờ cũng chẳng còn nhiều. Phải chi tôi làm việc này sớm hơn nhiều năm thì tôi đã có dịp viết về Vũ Khắc Khoan, vị thầy dạy sử của tôi trong đệ nhất B1 Chu Văn An niên khoá 1961, tôi có thể gặp gỡ và viết về Bình Nguyên Lộc, một nhà văn chưa kịp hít đầy buồng phổi luồng khí của tự do đã ra người thiên cổ nơi xứ người. Hiện nay những người còn lại tôi có thể nhắm đếm trên đầu ngón tay. Một Phạm Duy của âm nhạc, một Tạ Tỵ của hội họa, một Võ Phiến của văn, một Mai Thảo của thơ... Còn

những ai nữa thuộc vào lớp bảy mươi, một Nghiêm Xuân Hồng, một Nguyễn Khắc Kham, một Như Phong... Đó là những con người của một thời khác. Thời đó dường như người ta xử với nhau có tình hơn bây giờ. Thời đó dường như người ta sống với nhau ít giả dối hơn bây giờ, ít nguy tín hơn bây giờ. Mới có hai mươi năm sau, mới chỉ có một thế hệ mà hình như chúng tôi đang sống trong một bầu không khí khác. Thế hệ của Mai Thảo chỉ cách chúng tôi có hai mươi năm. Ông nói về những người đồng thời với ông. Ông nói về cuộc đời của ông, ông nói về các bạn ông. Chỉ lạ một điều là giọng nói hết như là một người đang kể chuyện cổ tích. Khi nói về quá khứ xa xôi mấy chục năm giọng ông xúc động như lạc đi. Đôi mắt ông long lanh, mơ màng và thỉnh thoảng rục lên những ánh mắt kỳ lạ. Ông cúi xuống lặng thinh vài phút. Ngừng mặt lên, ông cất giọng sau một cái đằng hắng. Giọng ông trầm và ấm. Ông nói về tiểu sử của ông:

*"... Tôi cùng quê với Tú Xương và Trần Cao Lĩnh. Tôi sinh năm Mão, nhỏ hơn Vũ Hoàng Chương chẵn tròn một giáp. Nếu bạn có ý định viết một bài về những người thất thập cổ lai hy gì đó thì tôi chưa tới bảy chục. Hai năm nữa bạn hãy tới, tôi chỉ mong rằng ngày đó tôi còn hiện diện trong căn phòng này, giữa những quyển sách đang đọc dở, những chai rượu đang uống nửa chừng. Trong trường hợp bạn muốn viết một bài về tôi, nhà văn Mai Thảo thì không nhất thiết phải đợi tới bảy, tám chục mà làm gì. Đối với tôi điều quan trọng là khi anh "ở với Đòi" anh làm được gì? Anh chơi với ai? Anh sống như thế nào? Có nhiều người càng sống càng bé lại, "Ông bình vôi" của cụ Phan Khôi chẳng hạn, càng thọ thì ruột càng đặc lại có ích gì.*

*Thật tình ra tôi không muốn phát biểu điều gì. Nhưng đôi khi việc thông tin không đầy đủ, thành thử có nhiều điều tôi không nói mà hiện nay người ta cứ nghĩ là tôi nói. Có nhiều bài báo viết về tôi mà khi đọc xong tôi không nhận ra chính tôi, thành thử nhiều khi không nói cũng không phải. Thôi thì nói một lần cho xong, để còn có thì giờ làm việc khác..."*

... Chính quán ông là Bắc Ninh, quê hương của quan họ, của những cô gái Nội Duệ, Cầu Lim. Nhưng sang đến đời song thân Mai Thảo, ông cụ lập nghiệp phương xa, rồi dời sang Nam Định. Do đó toàn thể mấy anh em ông cùng sinh ra và lớn lên ở Nam Định. Như thế ông cùng quê với Tú Xương, với Trần Cao Lĩnh. Hồi nhỏ ông học ở tỉnh lỵ, khi ra học ở Hà Nội thì chiến tranh Việt Pháp đang tái phát dưới rất nhiều hình thức.

Lúc mới ra học ở Hà Nội, gọi là đi học nhưng kỳ thực không khí thời chiến tranh đã phủ trùm lên đất nước, thành thử vừa học vừa ngóng. Mai Thảo có vài người bạn thân, ông còn nhớ tên, hiện họ còn ở Hà Nội. Mai Thảo cùng các bạn có một giấc mơ chung, nói theo cách nói của Đinh Hùng là giấc mơ "ngoài cửa lớp" tất cả trở thành những người làm văn nghệ. Nghĩa là những người làm thơ, viết văn, vẽ tranh và đặt nhạc. Cũng có thể là những người ca hát, đóng kịch, đóng phim... Khi Pháp quân tái chiếm Hải Phòng thì toàn quốc đi vào một trận chiến dai dẳng. Lệnh tiêu thổ kháng chiến được ban ra. Ở Hà Nội bọn thanh niên, sinh viên, học sinh ở lứa tuổi Mai Thảo ngày ấy được thúc đẩy bởi lòng yêu nước ngùn ngụt trong trái tim. Những người yêu nước vô vị lợi đó thành lập những đội quân gọi là "Tự vệ Thành". Những đội quân đó tuy chẳng ghê gớm gì, song những người thanh niên yêu nước vô ngần đó đã làm đoạn hậu cho một cuộc triệt thoái để toàn bộ quân chính quy rút ra chiến khu Việt Bắc.

Khoảng thời gian Tự vệ Thành chiến đấu với quân Pháp trong cố đô Thăng Long không dài, song với nhiều người trong lứa tuổi Mai Thảo, cho đến chết không bao giờ quên thời khoảng ngắn ngủi đó. Nó hằn vào trong óc những người như ông như là những bản khắc, những đường chạm trở trong các cổ vật. Đó là những con người đã đem tuổi

thanh xuân, cả thể xác cũng như tinh thần dâng hiến cho tổ quốc. Giấc mơ ra khỏi cửa lớp sẽ trở thành những người làm văn nghệ đến với Mai Thảo khá sớm. Cùng với hai người bạn là Xuân Thiêm và Trung Nguyên, cả ba làm tờ báo đầu tiên là tờ *Dòng Việt*. Tờ báo sống được vồn vẹn bốn số thì cả ba người phải chia tay, bởi vì ai ai cũng muốn ra chiến khu. Cũng phải nói thêm khi đó cả ba người bạn không hề có một chút nhỏ kinh nghiệm nào trong lãnh vực báo chí.

Năm năm ở ngoài đó ông là một người hoạt động trong lãnh vực văn nghệ. Giản dị thì gọi là văn công. Thời đó Mai Thảo là một thanh niên tràn trề sức sống. Ông làm nhiệm vụ được giao phó một cách cẩn trọng, bởi ông biết đánh Tây không phải chỉ trong một sớm một chiều. Chữ trường kỳ kháng chiến lúc bấy giờ là một từ ngữ ở cửa miệng mọi người. Mai Thảo không chú tâm đến chính trị, song những người chính trị viên lại chú tâm tới ông. Thời gian cuối thập niên 40, nếu là người chỉ thích làm văn nghệ như Mai Thảo thì không có những bận tâm lớn, nhưng nếu là người có chút máu chính trị chảy trong huyết quản thì sẽ có khá nhiều rắc rối. Hồi đó Quốc với Cộng còn đầu lạng vào nhau cùng chống quân xâm lăng. Phe Cộng còn náu mình khiêm tốn dưới cái vỏ Việt Minh, phe Quốc thôi thì Duy Dân, Đại Việt, cùng hàng hàng, lớp lớp những người yêu nước thuần túy, không ở trong một đảng phái nào như Mai Thảo.

Mai Thảo đã nói ông không chú tâm tới chính trị, không hẳn là chính trị buông tha ông. Anh chính trị viên trong đoàn của Mai Thảo cho ông biết là ông có đủ điều kiện để vào Đảng. Khi đó Đoàn của Mai Thảo đang hoạt động tuyên truyền trong những vùng sát với vùng bị quân Pháp chiếm đóng, những ai được tuyển chọn phải về Việt Bắc làm lễ kết nạp, tuyên thệ. Phần Mai Thảo, ông có thể gia nhập Đảng ngay tại chỗ công tác. Nghĩa là ông có giá dưới con mắt của anh chính trị viên. Anh ta nói với Mai Thảo là vào Đảng sẽ được đãi ngộ đủ điều, những cái xe đạp tốt nhất, những loại thuốc quý nhất. Gần như là muốn gì được nấy.

Ông nghĩ lại trong thời gian đó kháng chiến dần dần lộ hình tích Cộng Sản, những buổi phê và tự phê hằng đêm, những buổi học tập chính trị. Sách vở của Lenin, Karl Max, Mao Trạch Đông đầy dẫy khắp cơ quan. Người nào người nấy bí bí, mặt mặt. Ông là người văn nghệ, thần trí bay trên vòm trời kia như một con đại bàng. Đâu có thể là đà như ngọn cỏ. Mai Thảo nói với anh chính trị viên định kết nạp ông vào Đảng là ông cần vài ngày suy nghĩ. Chuyện tuyên thệ gia nhập Đảng không thể là một quyết định vội vã được. Đó là một chuyện quan trọng nhất cho một đời người.

Trong ba đêm liền ông ngồi soi mình bên một dòng sông, lặng nhìn con nước chảy, lắng nghe tiếng lòng mình. Đối với nhiều người gia nhập Đảng là một ân sủng lớn. Song ông là một người văn nghệ. Công tâm mà nói, việc vào Đảng làm tăng giá trị tinh thần của chính ông. Phải nhấn mạnh chữ tinh thần này, bởi vì có đáng gì dăm ba món đồ vật của một đồng, công một nén đó. Nếu tuyên thệ từ nay ông là người chân liền, không phải chân rời. Từ nay sau lưng ông là cả một lực lượng đang bành trướng. Nếu tuyên thệ từ nay sau lưng ông là cả một guồng máy khổng lồ, nuốt chửng con người ta như ngốn những nguyên liệu làm chuyển động guồng máy này.

Mặt khác những buổi học tập chính trị, những buổi phê và tự phê, những buổi truy nhau đến đỏ mồ hôi trán, những ánh mắt dò xét nghi kỵ. Kháng chiến càng ngày càng để lộ bản chất đấu tranh giai cấp. Thế mà ông cụ Mai Thảo thì giàu có tiếng ở Nam Định, gia đình ông theo kiểu định nghĩa của cộng sản thì hiển nhiên là thành phần bóc lột dân lành, sống trên thặng dư kinh tế và lao động của người. Ông hiểu ông là ai? Muốn gì? Ông cũng biết tính ông không thể là một người phản bội một khi đã tuyên thệ. Suốt ba



ngày liền ông dỗi mắt qua bên kia sông, cái vùng "địch tạm chiếm" hiện giờ không biết ra sao. Có điều chỗ này không phải là chỗ của ông. Mai Thảo nói với người chính trị viên có lòng ưu ái ông là ông muốn về nhà. Anh chính trị viên nhìn ông và nói: *"Như vậy là anh xoá hết không còn gì. Công lao mấy năm của anh bù cho tội này cũng vừa đủ. Thế là tay trắng, sạch sành sanh"*.

Thuở đó những người chính trị viên chưa ghê rợn như sau này, vì guồng máy mới hoạt động chưa lâu, các bánh xe chưa trơn mỡ. Ví thử những năm 50, 60 mà nói như thế e rằng không có chỗ mà chôn. Thành thử Mai Thảo có mạng mà về thành. Năm đó là năm 1951. Lúc quay lưng lại mà đi đau lắm, khóc được. Ông có cảm giác như là người bị tình phụ. Năm năm đi kháng chiến, ông dỗi mắt qua bên kia sông, nơi mà trong thơ tiền chiến các thi sĩ lớn của thời đó gọi là "vùng địch đóng". Giờ đây ở trong thành ông dỗi mắt ngược lại, nơi những người bạn cũ của ông đang thở bầu không khí của chiến tranh. Nơi ông ở cái gì cũng có vẻ tạm bợ. Ông là một người làm văn nghệ, sớm nhìn thấy cái giả và thực của nơi ông sinh hoạt. Chính vì vậy mà ông bỏ về thành, và ở Hà Nội ông nhìn thấy trước có một đêm nào đó ông phải già từ. Không khí của những năm 51, 52, 53 là một không khí ngùi ngùi của việc chia ly. Ông là nhà văn nên ông cảm nhận được điều này. Bây giờ ngồi đây nghiệm lại, ông cảm nhận được cái không khí chia ly đó bàng bạc khắp ngọn cỏ khóm cây.

Từ năm 1951 cho tới năm 1954 ông làm một vài việc với gia đình có tính cách sinh kế. Cũng chỉ là những chuyến đi buôn bán ầm ớ, qua lại hai bờ của một dòng sông. Lén lút đi lại giữa hai vùng đất "tự do" và vùng địch đóng". Đó là cái thời một nhạc sĩ nào đó đã viết trong một bản nhạc:

*"... Bên đây là phía tự do,  
máu người dân Việt còn cần cho luống cấy.  
Bên kia là phía sâu u,  
có người dân Việt gục đầu bên quân thù..."*

Những chuyến đi buôn này cho Mai Thảo cái cảm giác ông đang làm một cái gì đó, một công việc nào đó hơn là những thúc bách của sinh kế.

Năm 1954, hiệp định Genève chia đôi đất nước được ký kết do sự sắp xếp của các đại cường. Mai Thảo nấn ná mãi cho tới những ngày sau cùng mới di cư vào Nam vào đầu năm 1955. Bởi vì ông cảm nhận thật rõ ràng ra đi là không có ngày về. Trong vùng đất mới ở miền Nam ông may mắn gặp gỡ vài người có lòng yêu văn chương, chữ nghĩa. Đó là các tên tuổi: Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sĩ Tế, Thanh Nam, Mặc Đỗ, Ngọc Dũng, Duy Thanh... Năm 1956 ông hoàn thành tập truyện đầu tay của một đời văn nghiệp Mai Thảo. Đó là tác phẩm *Đêm già từ Hà Nội*. Cũng trong năm này, ông cùng với mấy người bạn vừa kể tên ở trên, cả nhóm cho ra đời tạp chí *Sáng tạo*.

Trước sau cả hai bộ *Sáng tạo* cũ và mới gồm 56 số báo. Công tâm mà nói đó là tạp chí thuần túy văn chương đầu tiên của miền Nam. Nó thổi một luồng gió mới vào sinh hoạt chữ nghĩa của miền Nam. Khi tạp chí *Sáng tạo* đình bản, Mai Thảo trông coi tờ *Nghệ thuật* một thời gian trước khi lo lắng cho tờ *Văn*.

Năm 1975 ập tới, Mai Thảo kẹt lại ở Việt Nam. Ông trốn lánh suốt ba năm liền, năm 1978 ông thành công trong một chuyến vượt biên. Thoạt kỳ thủy ông tới Seattle. Nơi đó ông có vài người bạn cũ đang làm một tờ báo cho người Việt tị nạn. Mai Thảo ở đây làm tờ *Đất mới* với Vũ Đức Vinh, Thanh Nam, Tuý Hồng. Khi tờ *Đất mới* đình bản, ông về định cư tại vùng Nam California này và làm lại tờ *Văn* ở hải ngoại. Thấm thoát mà tờ

Văn hải ngoại đã ở với chữ nghĩa 14 năm qua. Có một điều ông muốn nói về tạp chí Văn: "Tờ Văn và tôi là hai thực thể không thể chia cắt. Tôi nghĩ rằng trong một tương lai không xa tôi sẽ cho đình bản tờ Văn. Hiện nay điều kiện sức khỏe của tôi còn cho phép. Khi nào nó không cho phép tôi sẽ biết. Tôi hiểu những biến đổi bên trong lục phủ, ngũ tạng của tôi. Rất nhiều bằng hữu của tôi không muốn tờ Văn bị đình bản, họ có thể lèo lái cho nó sống. Nhưng đó là một tờ báo khác, chỉ có cái vỏ là tờ Văn mà thôi, còn cái ruột có thể là một tờ nào đó. Nó giống hình ảnh của một con ốc mượn hồn".

\*\*\*

Năm 1956 khi tạp chí *Sáng tạo* xuất hiện ở miền Nam, nó hết như những cây lúa nhú lên trong một khoảnh đất phì nhiêu không người khai phá. Mỗi số báo là một bước đi tới. Những người chủ trương hăm hở tiến lên, không nhìn lại những con đường đã cũ. Thời đó ở miền Nam chỉ có những tờ báo, năm thì mười họa mới có một quyển sách ra đời. Ngôi "chợ văn chương" hết sức tiêu điều, tịch mịch. *Sáng tạo* đem một luồng gió mới đến cho văn học miền Nam nói riêng. Nói chung thì là cả hai miền, bởi vì ở miền Bắc lúc đó là lúc những người cầm bút nhìn nhau đôi khi còn tệ hơn là cầm thú trong vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*. Có không ít nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ chết chỉ vì muốn làm một người chân thật, một người mà Phùng Quán đã viết:

"...Yêu ai cứ bảo rằng yêu  
Ghét ai cứ bảo rằng ghét  
Dù ai cầm dao dọa giết  
Cũng không nói ghét thành yêu  
Dù ai ngon ngọt nuông chiều  
Cũng không nói yêu thành ghét  
Bút giáy tôi ai cướp giết đi  
Tôi sẽ dùng dao  
Khắc văn trên đá"

Đứng trên phương diện chữ nghĩa thì những câu thơ này không hay, nhưng nó lớn bao trùm cả thời đại đó. Ảnh hưởng của *Nhân văn- Giai phẩm* cho tới ngày nay, gần bốn chục năm qua đi mà vẫn chưa hoàn toàn tan biến.

May mắn hơn những người cầm bút ở miền Bắc, những ngôi sao vừa loé lên trên vòm trời văn chương của miền Nam trong giai đoạn này, những Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên... như những con ngựa phi nước đại trên những đồi cỏ mênh mông, những khu rừng bát ngát. Nếu *Tự lực Văn đoàn* là một hiện tượng của văn học Việt Nam trong thập niên 30, 40 thì hai mươi năm sau, *Sáng tạo* là một hiện tượng khác. Nó làm mới văn chương. Nếu coi văn học như những đợt sóng của một dòng trường giang cuộn cuộn, thì *Tự lực* là một con sóng lớn và đi trước, *Sáng tạo* là một con sóng nhỏ hơn đi liền ngay sau đó. *Tự lực* là một khoảng đất mới vỡ, *Sáng tạo* là hoa và trái đầu mùa. Những hoa và trái này đều luôn phủ nhận ảnh hưởng của *Tự lực*, vẫn không thể chối cãi là đã khởi đi từ một vị trí mới, do công khai phá nửa chừng của những người mang tên là *Tự lực*. Khi tạp chí *Văn học* (hải ngoại) nêu vấn đề văn học hải ngoại có phải là văn học miền Nam nói dài hay không? Mai Thảo cho biết: Ông không thích danh từ "nói dài". Ông thích danh từ "tiếp tục".

Mai Thảo cũng đồng ý cách hình dung văn học như một dòng sông, nhưng ông không thích cái hạn hẹp của chiều ngang với những đợt sóng tuần tự tiến vào bờ. Ông cho rằng dòng sông văn học của chúng ta có thượng nguồn từ thời tự chủ Lý, Trần. Càng xuôi ra biển nhân loại, dòng trường giang càng lớn. Có lúc dòng trường giang này chuyên chở lịch sử. Cũng có lúc nó lọt thỏm vào trong lịch sử. Hiện nay dòng lịch sử nghẽn lại, dòng văn học trong nước cũng tạm thời ngưng chảy.

Do lẽ đó chúng ta, những kẻ đã may mắn hay là không may mắn thoát ra được nước ngoài, chúng ta tiếp tục những công việc chúng ta đã bỏ dở ở trong nước. Đối với Mai Thảo ông nhìn văn học hải ngoại một cách giản dị: Khi chúng ta không được làm văn học ở trong nước, mà chúng ta đang sinh sống hải ngoại, đang viết văn làm thơ ở bên ngoài tổ quốc thì có nghĩa là chúng ta đang làm văn học ở hải ngoại.

Mai Thảo nhìn văn học như thế, do đó ông không đặt vấn đề nên hay không nên "tiếp tục". Đó là việc đương nhiên phải như thế. Ông cũng tiếc cho những khối lượng nước đang cố làm đầy cho dòng văn học ở nơi đây. Theo ông những người viết mới thật đúng là những người khởi hành một chuyến đi xa xôi diệu vợi mà không có một chút hành lý nào trên người. Ông cho là những anh em trẻ tuổi, mới nhập vào dòng văn chương hải ngoại chịu nhiều thiệt thòi hơn những anh em đã khởi nghiệp từ trong nước. Mai Thảo tự nhận là ông đứng ở trong hạ nguồn của dòng trường giang này. Ít nhất ông cũng có được vài điểm tựa, một vài bến nghỉ chân trong suốt cuộc hành trình. Với những anh em khởi nghiệp ở hải ngoại này thì dòng sông đã mất dấu trên mặt đất, nó chảy ngầm trong lòng dân tộc, chảy ngầm trong lòng đất mẹ cách nơi đây cả một đại dương. Mai Thảo cho biết:

*"Những người hiện nay khởi đi từ California, Virginia, Paris, Sydney... là những người khởi đi tự chính mình. Nó có tính chất mờ cô vì chúng ta đã bị cắt rời ra khỏi tổ quốc, ra khỏi tiền nhân của chúng ta. Họ đã khởi hành trên một sự trợ trợ không thể nói được. Khi chúng ta còn ở quê nhà, chúng ta có cả một hệ thống giáo dục tiểu, trung và đại học. Con em chúng ta học văn học sử suốt những năm miệt mài trên ghế nhà trường. Ở nơi đây chúng ta không thể dạy dỗ con em chúng ta những điều chúng ta muốn".*

Hiện nay ở đây chúng ta làm gì có cả một thể hệ sinh viên yêu mến một nhà văn hay một nhà thơ nào. Các trường ốc chỉ dạy cho sinh viên những kiến thức khoa học kỹ thuật, những nghề nghiệp thực dụng để nuôi thân mà thôi. Ở nơi đây cộng đồng chúng ta không có được một thư viện sách Việt, một trong những điều tối ư cần thiết cho một nền văn học sinh động, hay những giải thưởng văn chương đúng nghĩa. Cũng có vài cơ sở, vài tờ báo thiết lập giải thưởng văn chương. Song dường như những cái giải đó không nói lên được một điều gì. Tuy nhiên điều quan trọng với Mai Thảo là chúng ta đã có một nền văn chương hải ngoại bằng bất cứ giá nào. Đó quả là một điều đáng kể.

Nếu như trong hai mươi năm qua, những người làm văn nghệ ở miền Nam thoát được ra hải ngoại, không viết văn làm thơ lại thì có nghĩa là cộng sản đã thành công trong việc một mình một chợ, mặc dù trong cái chợ chữ nghĩa của cộng sản thì người bán với người mua là một. Cái chợ đó nó kỳ lạ lắm, nó có từng mùa. Mùa chiến thắng thì trong toàn bộ sách vở của những người viết miền Bắc (Mai Thảo không dùng chữ văn công) chỉ nói đến chiến thắng. Chiến thắng đủ hình, đủ kiểu, dưới mọi hình thức. Thơ thì văn, thơ, nhạc, kịch om xòm cả lên. Toàn thị là chiến thắng, kể cả những chiến thắng không thể có với những đầu óc bình thường không bệnh hoạn. Sang đến mùa đổi mới thì quần chúng lại khổ với những cái nhìn đổi mới thiếu chất sáng tạo. Thật là cảnh muôn người như một. Có một đạo từ *Văn học*, số 49 phát hành tháng Hai 1990 gióng lên tiếng nói đầu tiên về "Văn chương phản kháng" ở trong nước. Thế là ở hải ngoại này nổi lên một trận bút chiến cho tới bây giờ vẫn không ngã ngũ, mà có lẽ sẽ không bao giờ ngã ngũ. Theo Mai Thảo, việc tranh luận giữa các anh em ở hải ngoại này có một điều đáng tiếc là đã gây ra nhiều bất hòa, thậm chí có nhiều anh em không nhìn được mặt nhau nữa. Tranh cãi, bút chiến là những yếu tố cản bản cho sự tiến bộ. Nhưng tranh cãi, bút chiến,

lý luận không có nghĩa là mạ lỵ, bôi bẩn, chụp mũ...

Mai Thảo có cái nhìn cực kỳ khe khắt với văn học trong nước. Ông cho rằng ngoài Bắc trước 75 và trong nước sau 75, những người cầm bút của xã hội chủ nghĩa (không kể những nhà văn của miền Nam còn kẹt lại) có sản xuất một số tác phẩm. Song một nền văn học không thể chỉ dựa vào một số sách có mặt là đương nhiên có một dòng văn học. Theo Mai Thảo, một dòng văn học nhân bản và khai phóng phải hội đủ vài yếu tố:

- Trước tiên là những người viết đích thực, có nghĩa là viết không theo một chỉ thị nào, không rập theo một khuôn mẫu nào. Viết vì những thôi thúc, đòi hỏi của chính nhà văn, nhà thơ chứ không phải vì nhu cầu của chế độ.

- Kế đến là một bầu không khí tươi mát cho người viết cũng như kẻ đọc. Cái mà Tây phương gọi là tự do dân Chủ. Hiện nay ở trong nước người viết cũng như người đọc luôn có một tên "chính uỷ" núp sau lưng.

- Sau cùng độc giả (quần chúng) phải có một đời sống tương đối ổn định. Một đời sống không chỉ lo cái ăn, hộ khẩu, đảng, đoàn, lý lịch, bí danh... Đúng vậy, một đời sống không cần dư giả nhưng khi người ta mua một quyển sách, người ta không thèm thủng một tô phở, một cữ rượu, một manh quần, một tấm áo.

Do cách nhìn đó, với Mai Thảo ở trong nước hiện nay có rất ít nhà văn, nhà thơ. Ông công nhận là có, song đó là những con số có thể đếm được trên đầu ngón tay. Những nhà văn hiếm hoi này nương vào những khe hở của lãnh đạo, cống hiến cho người đọc một số tác phẩm đúng nghĩa. Ông nói về những nhà văn thành danh của xã hội chủ nghĩa với một giọng hơi khôi hài: *"Khi miền Bắc chiến thắng, những người viết ở ngoài đó mới có dịp nhìn thật kỹ những đồng nghiệp trong Nam. Chúng ta bay lượn như những cánh đại bàng, chúng ta có muôn hồng, nghìn tía. Chúng ta có thể xấu, có thể đẹp nhưng dứt khoát chúng ta không có mặc đồng phục."*

Xã hội cộng sản có biệt tài về thiêu huỷ. Họ san thành bình địa những ngôi nhà mà không chú trọng tới những con người trú ngụ trong ngôi nhà đó. Họ san phẳng những ngôi mộ trong các nghĩa trang và cũng không lý gì tới những bộ xương. Người sống sờ sờ còn chả ăn thua hưởng hồ người chết. Hãy kiểm lại những Phan Khôi, Văn Cao, Nguyễn Tuân, Hoàng Cầm, Trần Dần, Quang Dũng, Phùng Quán, Hữu Loan, Nguyễn Hữu Đang, Đào Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh, Nguyễn Hồng, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tố Hữu, Nguyễn Bính, Tô Hoài, Hồ Dzếnh... và hàng trăm tên tuổi thành danh khác. Những người vừa kể đã có gì, làm gì thời tiền chiến và thời kháng chiến. Kế đó họ có gì, làm gì sau khi về tới thủ đô Hà Nội từ 54 cho tới 75. Và từ đó tới nay cũng gần hai mươi năm qua đi sự nghiệp những danh tính nói trên đã đóng góp những gì cho nền văn học trong nước?

Năm 1956 khi xảy ra vụ án *Nhân văn-Giai phẩm*, và những năm gần đây khi chế độ đó đối với giới văn nghệ nay trời, mai cời. Chúng ta, những người làm văn học ở trong Nam hồi đó và ở hải ngoại bây giờ, lúc nào cũng đồng đạc lên tiếng bênh vực cho những người cầm bút không may mắn. Mặc dù sự lên tiếng của chúng ta như là đánh vào bị bông, nhưng chúng ta biểu lộ tinh thần "Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ". Mà nào có phải chỉ có một con ngựa mà thôi. Ít ra cũng là chín phần mười cái tàu ngựa ở ngoài đó. Năm 1975 nổ ra, những người làm văn nghệ miền Nam được yên thân đầu khoảng một năm đầu. Thiệt ra họ cũng chả tử tế gì, họ còn bận tung một mẻ lưới lớn, bắt giữ những cựu sĩ quan của miền Nam. Họ sợ bút mây động rừng, nên kiên nhẫn chờ một

năm sau mới tung một mẻ lưới khác đối với các văn nghệ sĩ của miền Nam.

Ngày mùng 4 tháng Ba năm 1976, Hoàng Chinh người cầm đầu ngành công an văn hoá ở ngoài Bắc tung ra một danh sách cho thuộc cấp thi hành: Một danh sách bắt giữ đích danh hơn bốn chục người cầm bút của miền Nam. Đặc biệt là nhà văn nhà báo gốc Bắc Kỳ di cư. Họ bắt trong thanh thiên bạch nhật, chả có gì phải giấu giếm. Họ cũng tin rằng các nhà văn của miền Nam không có một con đường nào thoát thân, nên thông thả đến gõ cửa từng nhà. Mai Thảo may mắn không có nhà trong lúc công an đến bao vây nơi cư trú của ông. Nhờ được thông báo kịp thời, Mai Thảo bắt đầu một cuộc sống trốn tránh. Những cây bút tên tuổi nhất còn kẹt lại trong nước hầu như không một ai tránh khỏi. Bao nhiêu người đã nằm xuống do cách nhìn sai lạc, độc ác của những tên cán bộ quân giáo. Vũ Hoàng Chương khi được tha về hai ngày sau hấp hối trên giường bệnh. Ông trả lời câu hỏi của bà vợ là: *"Họ đâu cần đánh đập gì. Họ chỉ bỏ đói thôi"*. Hồ Hữu Tường thì một buổi sáng người nhà mở cửa, thấy xác ông lạnh cứng tựa cột đèn gần nhà. Thật là sống khôn thác thiêng đã chết mà còn biết đường tìm về gần nhà. Nguyễn Mạnh Côn trong những ngày cuối cùng bụng rỗng vì tuyệt thực, đến khi thèm sống phải làm đơn xin ăn. Rút cục cái đơn mang đến kết quả là biệt giam trong cầu tiêu, mà cũng không được một hạt cơm vào bụng, rút cục vẫn là đi mà chết với cái bụng lép kẹp. Rời Dương Hùng Cường... cùng biết bao nhiêu những cái chết âm thầm khác.

Nói làm sao cho hết được những khổ đau người miền Nam phải gánh chịu sau mùa quốc nạn đó. Những con người bị đầy đọa, hành hạ giống như là cầm thú. Có người bị giam cầm cả chục năm. Những Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ, Phan Nhật Nam, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng... nay bắt mai thả. Không một ai dưới mười năm đầy ải.

Mai Thảo nêu lên một câu hỏi: Những người như Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Duy, Nhật Tuấn... cùng những nhà văn, nhà thơ khác của miền Bắc đâu? Họ giữ thái độ mũ ni che tai. Tuyệt không có một lời, một cử chỉ gì là có một tấm lòng.

Cái chế độ cộng sản đó không bao giờ coi những con người như những con người. Nhất là những con người văn nghệ, đại dốt chơi văn giỡn chữ thôi trăm thứ tội. Họ bắt rồi thả, họ trói rồi cởi đến độ có lần Nguyễn Sa chuyện văn cùng Mai Thảo có nói: *"Bọn chúng ta có phải là chó là lợn đâu mà cứ nay trói mai cởi"*. Cái guồng máy đó quan sát chúng ta từ chân tơ cho tới kẽ tóc. Họ rình mò chúng ta. Chúng ta chỉ cần làm sai ý họ, nói sai điều họ nói là đủ rủ tù. Mà trong chế độ đó đi tù thì mười phần chết hết chín. Khi được thả còn sống cũng ngơ ngơ ngác ngác, hồn vía lên mây, cái gì cũng sợ. Riết rồi hèn người đi. Nhiều khi sống mà tệ hơn là đã chết.

Do đó Mai Thảo cho là không thể giao lưu văn hoá với trong nước. Giao lưu thì phải hai chiều, làm gì có một cuộc giao lưu một chiều. Họ luôn luôn muốn phủ nhận chúng ta. Người thì bị giam cầm, trong những cái lồng vĩ đại, nhiều khi mỗi người chỉ được một mét vuông, khi được thả đã có ai viết lại cho ra hồn. Bởi vì khi họ bắt, họ bắt các nhà văn. Đến khi họ thả thì chỉ là những cái bóng của con người. Còn sách của chúng ta ư? Sách thì bị cấm toàn bộ. Dạo họ mới vào trong Nam, họ nhìn các tác phẩm của chúng ta dưới những cái kính hiển vi. Họ bươi móc từng chữ, nhìn ngắm tác phẩm của chúng ta dưới mọi góc độ, mà kỳ lạ thay góc độ nào họ cũng tìm thấy vi trùng. Làm như thể dưới ngòi bút của chúng ta không thể có những bài văn thuần túy. Họ tuyệt không nhìn thấy chúng ta. Qua những dụng cụ phóng đại họ chỉ thấy sai sót của chúng ta. Tất nhiên những sai sót này cũng do họ định nghĩa. Họ đâu có khác Tần Thủy Hoàng, tịch thu sách và không cho chúng ta sống bằng cách nhốt chúng ta trong các nhà tù. Thế thì có

khác gì hơn hai ngàn năm trước nhà Tần đốt sách thiêu học trò.

Mai Thảo không có ý kiến về việc bắc một cây cầu giữa trong nước và ngoài nước. Ông nghĩ là công việc các anh em *Hợp lưu* và *Thông luận* đang làm, sẽ không mang đến sự thông cảm thật sự giữa những người cầm bút trong và ngoài nước. Bởi vì sự chia cách đã quá lâu, và khoảng cách đã quá xa. Tuy nhiên ông vẫn tôn trọng các cố gắng của tất cả mọi con người.

\*\*\*

Khi được hỏi về dòng văn học của chúng ta dường như không có những tác phẩm vĩ đại như *Chiến tranh và hoà bình* của Tolstoi, Mai Thảo cho rằng dòng văn học phải chia xẻ số phần cùng giống nòi. Giống nòi của chúng ta đang lằm than không thể tưởng tượng được, đang trải qua những cơn sóng gió lớn nhất trong lịch sử, thì những người cầm bút chia xẻ những lằm than này, do đó văn chương không nhất thiết phải có những tác phẩm lớn, do đó nhà văn Việt Nam chú trọng nhiều tới cái hay, cái đẹp của ngôn từ hơn là chú trọng tới cái lớn lao vĩ đại. Ông cũng không quên nói tới thực tế của những người viết văn của chúng ta. Hình như không một nhà văn đúng nghĩa nào sống được thuần tuý bằng ngòi bút của mình (Cũng có một số sống hoàn toàn bằng ngòi bút, nhưng những người này phần lớn không phải là nhà văn thuần tuý, đa phần họ là nhà báo). Khởi kỳ thủy của nền văn chương quốc ngữ cụ Tản Đà có viết một câu thơ bất hủ: "*Văn chương hạ giới rẻ như bèo. Kiếm được đồng lãi thật là khó*". Gần chúng ta hơn, Nguyễn Vỹ nói thẳng, chẳng cần rào đón gì: "*Nhà văn An Nam khổ như chó*". Dường như cho tới bây giờ hoàn cảnh của nhà văn trong và ngoài nước vẫn không có gì cải thiện.

Đúng vậy ở nước ta không có nghề nhà văn. Kiểm điểm lại hầu như mọi nhà văn đều có một nghề khác nuôi sống bản thân và gia đình mình. Những nhà văn của chúng ta may mắn ra thì làm bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ, giáo sư... Không may may mắn thì đầu đường xó chợ "sinh vô gia cư, tử vô địa táng" cũng không phải là hiếm. Ngày còn ở trong nước bấy, tám phần mười nhà văn của chúng ta là nhà binh. Nghĩ cũng tức cười, nhà văn là đủ hà cơ còn thêm vào chữ quân đội, thành ra một thứ gọi là "nhà văn quân đội". Quân đội thì có nhiều ngành nghề do đó mới có những nhà văn không quân, hải quân, nhảy dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân... và nhà văn cảnh sát, không phải để giữ trật tự cho những người viết mà chỉ vì ông nhà văn đó có gốc là cảnh sát.

Làm thế nào chúng ta vẫn chu toàn được bổn phận với vợ, và ba, bốn, năm, sáu, bảy... đứa con mà vẫn sáng tác những tác phẩm vĩ đại được? Viết một tác phẩm lớn không phải là một việc dễ dàng gì. Nó đòi hỏi người viết một hùng tâm lớn. Đó là một công việc dài hơi, năm, mười năm chúm đầu vào bàn viết. Khi viết được chữ Hết cho trang cuối thì đã tới cuối dốc đời. Tóc đã bạc, lưng đã còng, mắt đã mờ và gối đã mỏi. Ấy là những người còn viết được chữ hết cho tác phẩm, có nhiều người chưa kịp viết chữ hết này đã viết chữ hết cho chính cuộc đời mình. Trong năm mười năm này còn cơm áo, vợ con, nhà cửa... Trăm ngàn thứ hệ lụy quán quýt, quấn quít ở đời. Giữ cho lòng ngay ngắn chỉ để ngồi xuống viết một, hai ngàn trang sách thật không phải là một chuyện dễ dàng và giản dị. Ấy là chưa kể phải viết cho hay, chứ không phải cho đầy trang sách. Một tác phẩm lớn nó dung chứa được xã hội mà tác giả đang sống, nó còn chuyên chở một chút nào đó của tương lai. Một tác phẩm lớn phải phản ánh được xã hội đương thời, đồng thời mở được một chút nào đó cho xã hội sắp tới. Thế mà bản sắc của chúng ta là một dân tộc không chuộng sự to lớn, vĩ đại. Chúng ta không có những lâu đài, dinh thự nguy nga. So với các quốc gia có lịch sử lập quốc vài ngàn năm, tiền nhân chúng ta đã để lại cho chúng ta những giá trị tinh thần nhiều hơn là những tích lũy về của cải.

Suốt hai thế kỷ nay giống nòi của chúng ta chỉ mãi lo giải quyết những vấn đề trước

mất. Mà những vấn đề đó nào có to lớn gì. Đó là cơm ăn, áo mặc. Đó là tương lai cho tuổi trẻ, sự an bình cho người già. Suốt hai thế kỷ nay giống nòi ta kiệt đi vì chiến tranh. Hết nội chiến thì lại chống ngoại xâm. Hết chống ngoại xâm thì lại chống giặc nghèo, giặc dốt... Hai thế kỷ nay chúng ta không hề có một thời khoảng thanh thoi, nhàn nhã. Với một bối cảnh xã hội như thế quả tình là khó cho một nhà văn muốn hoàn thành một tác phẩm lớn. Mai Thảo cũng phát biểu về thơ. Theo ông dân tộc Việt Nam là một dân tộc thi sĩ. Điều đặc biệt của thi ca Việt Nam là thơ là của dân gian mà ra, chứ không phải là do những thi sĩ của cung đình. Thơ Đường của Trung Hoa phát triển từ kẻ sĩ, từ những chốn dinh thự của vua quan và đi xuống với dân gian. Chỉ có Trung Hoa vào đời Đường, cách chúng ta hơn ngàn năm mới có những thi sĩ như Lý Bạch, vào quán uống rượu khỏi trả tiền vì đã có thể... tín dụng của nhà vua cấp phát, để chủ quán đến lấy tiền nơi quan đầu tỉnh. Trong khi đó ngôi sao Bắc Đẩu của thi ca Việt Nam, thi hào Nguyễn Du nghèo đến độ đã có thời là thợ săn với tên hiệu là Hồng Sơn Liệp Hộ, lánh nạn binh đao về ở ẩn trong núi gần quê vợ.

Thi hào của chúng ta có lần xuống núi được dân làng mời uống rượu, ông rất vui mừng khi ra về, lần vào túi mấy đồng tiền kẽm vợ giao cho lúc trước khi ra khỏi nhà vẫn còn nguyên không sút mẻ gì. Ca dao của chúng ta, cái nôi của thi ca Việt Nam là một loại văn chương truyền khẩu. Mãi sau này chúng ta mới san định lại, chép nhặt lại in thành sách giáo khoa. Thơ của chúng ta bàng bạc khắp mọi nơi. Hang cùng ngõ hẻm nào cũng có những bài hát ru em, những câu hò tình tứ. Ca dao chạm tới hết thảy mọi hệ lụy của đời sống. Ca dao không phải kiêng cử gì bởi vì không có ai là tác giả, cho nên không ngại đụng chạm, không sợ bạo quyền. Chính ca dao đã ươm hồn thơ cho những nhà thơ lớn trước và sau thiên tài Nguyễn Du của chúng ta.

Nhân nói về thi ca Mai Thảo đề cập tới vài nhà thơ hiện tại. Ông cho Tô Thùy Yên là một nhà thơ lớn, Thanh Tâm Tuyền là một nhà thơ mở được một con đường mới cho thi ca Việt Nam, và Bùi Giáng là một nhà thơ không thể nói tới đơn vị "bài". Bởi vì có thể nói thơ Bùi Giáng chỉ có một bài mà thôi, một bài thơ dài bảy, tám, chín, mười ngàn câu thơ, phải in thành hai, ba, bốn quyển thơ gì đó. Thơ của Bùi Giáng đi liền một lèo, đi thẳng một mạch. Nhà thơ quen thói ngược ngạo nên ngắt vụn ra, đặt cho những cái tên nên nó thành những bài thơ.

Ông cũng đề cập tới thơ tiền chiến. Những danh tính như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Quang Dũng, Xuân Diệu, Huy Cận, Hữu Loan, Trần Huyền Trân, Hoàng Cầm, Hồ Dzếnh, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Thâm Tâm... là những nhà thơ lớn của thời tiền chiến và kháng chiến. Ông lấy làm lạ là nền thi ca mới của chúng ta đã lên tới đỉnh cao ngắt ngay từ lúc mới khởi đầu. Thời gian dài lọc đã gần nửa thế kỷ qua, những nhà thơ lớn thời đó xem chừng đông hơn những nhà thơ lớn hiện tại.

Mai Thảo cho biết, hiện nay ở hải ngoại vấn đề cơm áo đối với nhà văn không còn sinh tử như trong nước. Nhưng nhà văn lại có những khó khăn khác. Hiện nay chúng ta trú ngụ tại nhiều quốc gia, trải dài trên năm đại lục. Mỗi một nơi chúng ta đối phó với một khó khăn khác, thế mà chúng ta không có những kinh nghiệm lưu vong như cộng đồng Trung Hoa, Do Thái. Đó là hai cộng đồng dân tộc có kinh nghiệm lưu vong hàng ngàn năm. Chúng ta hiện nay chia ra làm hai thành phần dân tộc. Thành phần đại đa số hiện đang sống chết với đất nước nơi quê nhà, và chúng ta là thành phần thiểu số đang sống xa tổ quốc hàng vạn dặm. Đã thế chúng ta lại không thể nào thu về một mối, do đó phát sinh những khó khăn trong nội bộ của cộng đồng cũng như những khó khăn đến từ bên ngoài. Mai Thảo cho biết ông có nhận được những lời đề nghị mời ông về sống tại quê nhà. Ngay trong lòng Hà Nội, nơi mà ông đã phải bỏ mà đi trong tuổi thanh xuân. Những

lời đề nghị này dựa vào tình bạn của mấy chục năm cũ, những lá thư rất cảm động này làm cho ông như sống lại những cung thương ngày cũ. Tuy nhiên ông chưa hề trả lời những đề nghị quyến rũ này.

\*\*\*

Mai Thảo cho biết ông là nhà văn chơi với tất cả mọi người, mọi giới. Ông chỉ tránh những người xấu chứ không tránh một người nào chỉ vì họ là người Trung hay người Nam. Ông giao thiệp với các người làm văn nghệ sáng tác cũng như trình diễn. Ông đánh bạn với những người hầu sáng trong các tiệm cơm ông ăn hàng ngày, đến độ đã có những người hầu sáng khi rót rượu cho ông, thường quay mình che không cho chủ tiệm nhìn thấy đang rót rượu cho Mai Thảo, và thường chỉ thôi rót khi ông đã gạt đầu ra dấu bảo thôi. Mai Thảo là bạn của những người phu xích lô trong những cuộc xe xa, gần. Nhiều phu xe nhả mặt ông đến độ cứ lặng lẽ đạp đi khi ông đang lúi húi móc ví trả tiền. Phải thân cận với họ như thế nào để có thể nhận được những tấm lòng ấm áp như thế. Đối với các nghệ sĩ trình diễn, ông tham dự các đêm tập tuồng mới của các nghệ sĩ cải lương cho tới khi tàn cuộc thì trời đã gần rạng. Ông lấy đêm làm ngày, mà ngày thì bắt đầu vào quá Ngọ. Ông cho biết trong gần năm mươi năm nay, mỗi ngày ông móc túi ra, lấy ví trả tiền bốn lần cho bốn bữa ăn.

Điểm tâm buổi sáng, cơm trưa, cơm chiều và bữa khuya. Ở trong nước cũng vậy và bây giờ ở ngoại quốc cũng thế, ông đi đi về về nơi trú ngụ của ông, bốn lần một ngày lặng lẽ như một cái bóng.

Trước sau ông viết hơn bốn chục quyển truyện. Tôi vẫn thích quyển sách đầu tay của ông là quyển *Đêm giã từ Hà Nội*, cái tên của nó đánh trúng tâm tư của cả triệu người Bắc di cư nên vì thế mà độc giả Bắc đón nhận tác phẩm này như một điều tự nhiên. Dường như tâm lý quần chúng thuở chia đôi đất nước, trong cơn hoang mang của lịch sử cũng cảm nhận như vậy, do đó quyển sách đã được tái bản nhiều lần. Đó là một quyển sách đem về cho ông một số tiền tác quyền lớn. Trên phương diện văn chương chữ nghĩa ông là một người may mắn mà không may mắn.

May mắn ở chỗ ông là một trong vài người chỉ sống bằng ngòi bút của mình. Suốt một đời người không làm một điều gì khác hơn là viết. Thế mà không nghèo, thế mà lúc nào cũng phong lưu cơm Tây, rượu chát và tối tối đi phòng trà, đi nhảy đầm. Quanh năm suốt tháng đánh răng vào buổi trưa, lên giường vào lúc gần sáng. Ông kiếm tiền dễ dàng và tiêu cũng dễ dàng. Chính cái bén nhọn trong cách phô diễn chữ nghĩa của ông, khiến ông vừa xuất hiện là ngay lập tức chinh phục được quần chúng. Ông trở thành một nhà văn ăn khách hơn bất cứ một nhà văn nào cùng thời với ông. Có một thời gian ông viết năm cái feuilleton trong một ngày. Chính vì năm cái feuilleton một ngày mà ông trở thành không may mắn trong sự may mắn của chính ông. Nó làm hại cho văn chương. Khi ông đứng trước "tiền đường" của ngôi nhà văn học, ông khoa chân múa tay, hò hét về chữ nghĩa thì tôi là một người lính hai mươi tuổi. Thế giới của Mai Thảo là một thế giới hoàn toàn xa lạ với những người lính như tôi. Nơi ông ở là thành phố, an toàn tương đối so với chỗ của tôi. Chỗ ông lui tới là trà đình, tửu quán, là phòng trà, sàn nhảy. Trong khi nơi tôi ở, tuy chỉ là một loại lính chuyên môn, nhưng không phải vì vậy mà không giáp mặt với chiến tranh. Tôi phải thú thật một điều là sau tập truyện *Đêm giã từ Hà Nội* của ông, tôi đọc thêm vài tác phẩm khác, những nhân vật ông dựng ra trong các tác phẩm sau này tôi không cảm được, mặc dù những thị dân thành phố thì hết sức ngưỡng mộ. Đôi khi lẩn thẩn tôi hay tự hỏi những nhân vật của Mai Thảo hình như chỉ có chơi mà không có làm. Trong lúc đất nước thì chiến tranh toi bời hoa lá, nhân vật của ông sao mà nhớn nhỡ, vô trách nhiệm quá chừng.



Tuy nhiên bất cứ ai thích đọc sách đều nhận thấy Mai Thảo có một bút pháp riêng. Cách dùng chữ của ông cầu kỳ và bóng bẩy, câu văn ngắn, gọn. Trong tác phẩm của ông người ta bắt gặp những đoạn văn ngắn đẹp như một bài thơ, những đoạn văn này có thể coi như là những bài thơ xuôi mà ông đặt rải rác vào trong truyện ngắn, truyện dài của ông. Hình như ông để rải trong khi dựng truyện bao nhiêu thì ông gạn lọc chữ nghĩa bấy nhiêu. Do đó truyện của ông khi đăng hàng ngày trên các nhật báo có một sức quyến rũ riêng biệt.

Từ khi qua Mỹ, đời sống của ông thu gọn lại bởi nhiều nguyên nhân. Trước tiên Tiểu Sài Gòn không phải là Sài Gòn, kể đó tuổi thì mỗi ngày mỗi cao, bạn bè rải rác khắp năm châu bốn biển. Mỗi năm ông đi xa vài chuyến. Khi về thu mình trong căn gác nhỏ. Nơi đó ông hoá thân, nhập ông vào với tờ Văn thành một, chăm chút tờ báo như là chăm con mọn. Tự tay viết địa chỉ các độc giả mà không dùng computer, hàng tháng mang báo đi in, hàng tuần mang báo đi gửi. Mỗi chiều đi ăn, mỗi tuần vài cữ nhậu. Hiện nay ông chỉ còn nhậu với một số những người thân cận gần gũi.

Vài năm trước đây ông nhậu mỗi buổi chiều. Ai rủ cũng đi, chẳng từ chối một ai, bởi vì đời sống sao mà buồn tẻ. Vài năm trước đây ông nhậu với đủ mọi hạng người. Tại sao không? Bởi vì ông đã tự nhận ông là người giang hồ của năm châu bốn biển. Do đó có những tiếng không lành, có những cảnh không đẹp. Chung quy cũng bởi cuộc sống ông quanh quẩn quá, mà ngày thì dài lê thê. Tiếng là chăm nom tờ báo như chăm con mọn, nhưng thật tình giờ rảnh không phải là ít. Hơn thế nữa trong cộng đồng thu hẹp của chúng ta, dù muốn hay không ông là một danh sĩ. Có không ít những người cho rằng ngồi cùng bàn với ông là một điều vinh dự, đó là những người có lòng với chữ nghĩa, văn chương. Nhưng có không ít những kẻ khi ngồi chung bàn với ông thì tưởng chừng như đã lột xác, lác mình một cái đã trở thành... văn nghệ sĩ. Ông vẫn là người có tiếng cao ngạo, nên chỉ thoáng qua một thời gian là ông nhận chân được những cữ nhậu như thế vừa vô bổ, vừa phí thời giờ mà đôi khi còn bực mình. Những năm gần đây ông hay uống ở nhà, vả lại ông uống nhiều hơn ăn thì cần gì phải la cà nơi quán xá. Chính vì những lời đàm tiếu quanh ông, đã làm ông cô quạnh thêm nơi đất trịch này.

Năm nay Mai Thảo 68 tuổi, ông làm quen với văn chương chữ nghĩa suốt năm chục năm ròng rã. Hay khác đi, khi ông bắt đầu thực hiện "giấc mơ ngoài cửa lớp" của ông cùng một thời gian tôi mở mắt chào đời. Thấm thoát mà chính tôi cũng đã làm quen với chữ nghĩa cũng đã ba chục năm, quen với ông năm năm. Tôi chưa biết một người nào sống cả đời với chữ nghĩa như Mai Thảo. Tôi không biết một người nào yêu văn chương như ông.

Yêu suốt từ thuở thanh xuân, cho tới khi đầu bạc gần kề miệng lỗ. Trong suốt năm mươi năm gối đầu lên chữ nghĩa này tôi chưa hề thấy ông sử dụng chữ nghĩa như là một vũ khí đánh người. Thời của chúng ta là thời của bọn đao bút, thế mà tôi thấy ông khi viết sổ tay, nhắc đến tất cả mọi người với lòng ưu ái, cho dù trong những người ông nhắc tới không thiếu gì kẻ đối với ông *"Bên ngoài thon thót nói cười. Mà trong nham hiểm giết người không dao"*. Cũng không thiếu gì kẻ cút tận tuy bên ông chỉ vì một dòng chữ ông cho có khác gì một vòng hoa quàng cổ. Mai Thảo quả thật là một người rộng rãi trên phương diện chữ nghĩa. Chữ nghĩa nào có phải của riêng ông, chữ nghĩa của cuộc đời ông đem trả lại cho đời. Hà có gì ông phải chật hẹp?

Mai Thảo thành danh là một nhà văn, có nhiều người tặng ông là nhà văn hàng đầu. Xin nhường phần thẩm định này cho các nhà viết phê bình văn học. Phần tôi là một người viết đi sau ông gần hai chục năm. Trong gần năm mươi quyển sách ký tên Mai Thảo tôi

thích *Đêm già từ Hà Nội*, tác phẩm đầu tay của ông, nhưng tôi yêu *Ta thấy hình ta những miếu đền* tập thơ duy nhất của ông. Tôi nghĩ là chính cuộc đời ông là tác phẩm lớn nhất của nhà văn Mai Thảo. Tác phẩm đó viết bằng những trận cười thâm đậm suốt sáng, bằng những cô quạnh, tịch mịch của bảy mươi năm méo mó chấp làm người. Hãy đọc quyển sách "Đời" này với một tấm lòng mở, bởi vì quyển sách đó sẽ không có chữ với những tấm lòng chật hẹp. Bởi tôi yêu tập thơ của ông, nên xin mượn thơ của chính ông để đúc kết bài viết này. Thơ của Mai Thảo còn nhiều lắm, nếu trích nữa e rằng bài viết này sẽ dài thêm vài chục bài thơ. Dài có, ngắn có. Thất ngôn có, tứ tuyệt có. Tự do có, thơ xuôi có. Trước khi chấm dứt bài viết, tôi cầu chúc ông, nhà văn Mai Thảo những điều tôi "không" bắt gặp trong thơ ông.

## Trước giờ ngưng bắn



1- Chúng tôi giao tình đã ba mươi năm có lẽ. Thời đó là thời của những cuộc xuống đường Phật Giáo nhằm chống lại sự cai trị của một chế độ mà người ta gọi là bạo quyền, gia đình trị của họ Ngô. Khi mà dân chúng đã vùng dậy, mọi tầng lớp xã hội đã đứng lên từ học sinh tới thợ thuyền, từ trường học tới chùa chiền, và vào phút chót lại có những ông tướng cùng quân đội dưới quyền ủng hộ thì chế độ phải đổ. Mãi nhiều năm sau và ngay cả bây giờ có lẽ cũng cần có những người viết sử, đúng thật là những người chép sử ghi lại thời gian 1963, cái thời khoảng dù muốn hay không cũng đã là một trong những dấu mốc lịch sử của thời cận đại.

Tôi vẫn nghĩ là kết quả của năm 1963 không tránh được. Nhưng những chính quyền sau chính quyền nhà Ngô cũng chẳng hơn gì. Bởi đó mà năm 1975 nổ ra như một trái bom nguyên tử. Sức tác hại ngay lập tức thì mọi người đã biết, ảnh hưởng dây chuyền của nó thì ngày nay chúng ta sẽ phải tẩy xóa, tháo gỡ trong vòng một hai thế hệ.

Năm 1963, Cao Xuân Huy là một học sinh đệ tam mười sáu tuổi đầu. Khởi nói thì cũng biết anh đã tham gia những cuộc biểu tình nồng nhiệt như thế nào. Còn tôi hai mươi tuổi chẵn với một cái lon chuẩn úy còn mới tinh khời trên cổ áo. Huy học với các em tôi, nên vì vậy mà Huy gọi tôi là anh. Ba mươi năm sau ở xứ người, giờ đây anh gọi tôi là bác, xưng em y như ba mươi năm trước. Nói như thế có nghĩa là giữa tôi và Huy là hai người anh em họ... Hồng Bàng.

Trong ba mươi năm giao tình đó, có những lúc anh em xa cách, hoặc là vì hoàn cảnh chiến tranh, chúng tôi đều là lính mỗi người một phương. Thời gian gần đây có một thời khoảng ngắn chúng tôi ít đi lại vì những sự hiểu lầm hơn là những xung khắc có tính cách chí tử như nhân cách hay là chính trị chẳng hạn.

Năm 1970, hai anh em cùng trú đóng ở Pleiku, Huy được gọi đi thụ huấn. Chúng tôi tạm xa nhau từ đó. Huy ra trường đội nón xanh, đóng tại địa đầu Quảng Trị, mùa hè năm 72 về Sài Gòn với một cái nạng trên người. Chưa lành hẳn thì trận chiến trở nên khốc liệt trước khi ngưng bắn. Cả hai bên đều muốn chiếm đất, giành dân. Trên cái màng da beo của đất nước, bên nào cũng muốn cắm được nhiều cờ. Khi nói về giai đoạn xa nhau này, Huy luôn giữ được nụ cười thật trẻ thơ, y như những năm còn đi học...

2-... Chiều tối ngày 26-1-73, đang nằm võng lơ mơ sau bữa cơm chiều. Đại Đội Trưởng của tôi đi họp khẩn trên Lữ Đoàn, người thì chưa thấy về mà tiếng đã oang oang trên máy truyền tin. Tôi nhận lệnh cho đơn vị sửa soạn đại đội hành quân, cuốn lều, thu võng. Mọi chi tiết sẽ cho biết sau khi nào Đại Đội Trưởng về tới. Tôi biết là có chuyện lớn. Mấy hôm nay thôi thì máy mất, lòng bùng ở lỗ tai, toàn là những điềm gỡ chẳng có gì là phấn khởi. Bên tai tôi bọn lính sửa soạn thôi thì náo loạn, tít mù. Tối mịt ông xếp về. Ghé vào tôi ông ấy nói:

"Bằng mọi giá mình phải lấy được Cửa Việt trước khi ngưng bắn có hiệu lực.

Tôi hỏi khi nào thì ngưng chiến có hiệu lực?

"8 giờ sáng ngày 28-1-73.

Tôi tính nhắm còn hơn ba mươi tiếng nữa. Rán giữ mạng, giữ cái củ cái để còn về mà du hí với đào địch, trước khi có một... cái gọi là vợ...

Tại tuyến xuất phát tôi được biết chi tiết hơn. Bọn tôi có năm đại đội để tấn công một Trung Đoàn có vị trí phòng thủ sẵn. Thành phần trừ bị chỉ có một đại đội làm cảnh. Như vậy bên ta có một tiểu đoàn rươi, thay vì phải có cỡ năm tiểu đoàn để làm một nhiệm vụ như thế này. Kệ mẹ nó, tới đâu hay tới đó chớ chẳng lẽ bây giờ khóc nhè hay sao?

Năm đại đội mỗi đại đội chia nhau một mục tiêu phụ. Tràn qua được mục tiêu phụ này sẽ hợp làm một để tiến đánh Cửa Việt, trung tâm điểm của cuộc hành quân, mà thượng cấp đã nói là bằng mọi giá phải cắm được cờ của quân ta tại địa điểm này. Bọn tôi được phát mỗi người hai lá cờ to... bằng hai bàn tay chèo. Một cái mang trong người, một cái bỏ ở ba lô.

Tôi coi nửa đại đội, hơn tám mươi người lính dưới quyền. Tụi tôi tràn qua mục tiêu phụ không mấy khó khăn. Địch chết ở đây trong mũi tấn công của tôi cũng đến bảy, tám chục mạng. Tụi tôi cũng mệt chút đỉnh, nhưng lệnh là phải tiến. Những người tử trận và bị thương cứ để tại chỗ, ngưng bắn rồi tính sau. Tính tôi có vẻ vô tâm nhưng trong chiến trận không thể vô tâm được. Vô tâm là kể như mang tính mạng mình và thuộc cấp ra bán rẻ cho địch rồi còn gì nữa. Do đó khi đã tràn qua mục tiêu phụ tôi để lại bốn trụ lục soát phía sau, để khỏi có cảnh bị địch quân từ những chỗ nấp tiến ra bắn mình từ phía sau lưng.

Chuyện cứ như là xi-nê. Mấy ông nội để lại này phát giác ra được một cái hầm, vò được bốn cậu, thế rồi tuần tự trước sau có hơn bốn chục cậu ra hàng trong cả chục cái hầm nguy trang cẩn thận. Bốn thằng ông nội của tôi cũng phát hoảng. Nhưng không, những người anh em bên kia ngoan ngoãn biết điều, bỏ súng vào một đống như đống củi, hai tay để sau gáy ngồi xếp hàng tư, mắt không biết vui hay là buồn nhìn ra ngoài khơi, nhìn tới phía súng đang nổ rát mặt người. Không có cả dây trói thành thử bốn tên lính của tôi cũng đành đứng gác tứ phía chờ tiểu đoàn bộ tiến lên giải giao về phía hậu tuyến.

Năm giờ chiều. Bọn tôi gom đại đội thành một mũi tấn công. Thật ra làm gì có thì giờ để chỉnh lại đội ngũ. Năm mũi tên nhỏ hướng về một điểm chung. Địa ngục cuối cùng phải chẳng là đây. Tôi nhủ thầm nhiều lần phải sống để mà về, nhưng người tôi như say khới súng, cứ lao đi về phía đằng trước. Lính lếch thếch theo sau. Chập tối tụi tôi đục được vào phòng tuyến của địch một miếng. Tôi thấy cũng đã đủ chỗ cho cắm một lá cờ, đó là chưa kể tới những mũi nhọn khác. Lệnh cho lính ngưng lại, phòng thủ ngay tại công sự của địch. Đêm nay may ra được ngủ yên. Tám giờ sáng mai là có thể yên tâm đứng hút thuốc, chấp bọn chúng cả ngàn thằng đứng quanh. Làm gì được nhau nào. Ngưng bắn

rồi, nó có làm gì thì tôi cũng mặc kệ nó. Kiểm điểm lại đàn em tôi, sáng nay tại tuyến xuất phát ông Đại Đội Trưởng một nửa, tôi một nửa, mỗi người dẫn một cánh hơn tám chục người. Tôi còn lại được hơn hai chục trụ. Những ai không có mặt giờ này hoặc là đã chết hoặc là đã bị thương. Mong rằng đã có người chiếu cố ở phía sau. Nửa đêm, trời lúc mưa, lúc tạnh, những làn hơi nước bốc lên mù mù. Trời với đất làm như cũng đồng cảm với người. Mặt trăng hạ tuần khi tỏ, khi mờ làm như lầy với cái "... Hồn tử sĩ gió ù ù thổi. Mặt chinh phu trắng dôi dôi soi. Chinh phu tử sĩ mấy người. Nào ai mặc mặt, nào ai gọi hồn...".

Vẫn như chuyện xi-nê. Một bộ đội Cộng Sản có lẽ ở chỗ mục tiêu mà tụi tôi đã tràn qua ban ngày, mãi tới bây giờ mới về tới phòng tuyến sau lưng. Hấn không biết công sự phòng thủ đã đổi chủ. Hấn mang một cái máy truyền tin to tổ bố, hấn vất xuống đất nghe đánh huyệt. Hấn chép miệng chửi thề:

- "Địt mẹ tụi Ngụy làm tở rách cả áo. Đồng chí nào xin hớp nước coi".

Tôi nhin cười không được, bật cười trong bóng đêm. Hầm tối như bưng nên tên này vẫn chưa hay biết gì, hấn chửi thêm một câu nữa.

- "Địt mẹ cười cái gì. Chạy trốn chết, lẩn như trạch từ chiều tới giờ mới về được..."

Tôi kê khẩu M-16 ngay mang tai cậu ta nổ chơi một phát. Cu cậu chỉ còn có nước đưa tay chịu trói. Bọn tôi ngồi dựa vách hầm, ngủ gà ngủ gật chờ sáng, chờ lệnh tấn công sau cùng trước khi lệnh ngưng bắn có hiệu lực.

Gần sáng bắt đầu tấn công tiếp. Tụi tôi mở thêm những đợt xung phong. Thật khó mà có thể nói cho hết cái không khí, cùng cảm nghĩ của tôi lúc đó. Có điều tôi có cảm giác là tôi sẽ đứng vững được đến sáng, đến tám giờ sáng, đến khi mọi người buông súng để cho lệnh ngưng bắn có hiệu lực. Cứ nghe tiếng súng cá nhân của địch bắn về phía chúng tôi thì biết là chúng có nhiều tay súng hơn chúng tôi vài lần. Không hiểu ở những mũi dùi khác của TQLC thì sao. Tình hình này không hiểu tụi tôi có chịu đựng nổi tới khi mặt trời mọc hay không? Lại thêm số đạn mang theo có hạn, nhiều binh sĩ của tôi đang bắn về phía Cộng Sản bằng súng và đạn đã tịch thu của họ.

Ngày đó là một ngày nhiều sương khói. Đã hơn bảy giờ sáng mà còn mù mù tầm tối. Đột nhiên mặt trời lộ ra sau những đám mây. Cảnh vật như đang từ cõi âm ty, chợt thấy những ánh sáng của dương trần. Tới lúc đó tôi mới thấy tụi tôi hoàn toàn ở vào vị trí bất lợi. Địch ở trên cao, bố trí thành hình vòng cung. Tụi tôi ở dưới thấp, lẩn được vào vòng cung một khoảng lọt thỏm vào trong như là đang ở trong một cái rọ.

Còn hơn bốn mươi phút nữa mới tới 8 giờ sáng. Súng của địch bắn như mưa rào, mà mình bắt buộc phải nằm chịu đòn. Lợi dụng tối trời còn có thể tấn công, chứ bây giờ sáng tỏ mặt người thì chỉ có nước nằm chịu trận. May mà mặt trời lộ ra rồi, chứ ló sớm là tụi tôi đi... ỉa.

Tôi cố thu nhỏ người lại đằng sau một đụn cát. Đạn vun vút bay qua vị trí tụi tôi. Tôi độ chừng những người bộ đội bên kia chắc có lẽ cũng có tâm trạng chờ ngưng bắn như tôi nên họ cũng không phản công. Ai mà lại thích chết trong cái giờ thứ hai mươi lăm này. Tất nhiên họ phản công thì tụi tôi lãnh đủ, nhưng họ cũng phải lãnh... không thiếu, nếu muốn đánh bật được tụi tôi ra khỏi vị trí đã chiếm. Tụi tôi thì không thể tấn công. Còn họ thì cũng không thể phản công.

Nửa giờ sau cùng đó dài như một thế kỷ. Tôi nhớ là tôi thu mình như một con tôm, đầu gục xuống, thỉnh thoảng liếc mắt nhìn cái đồng hồ tay. Tám giờ kém năm phút, tôi đưa thử cái que lên cao dò xét. Cái que vừa nhô lên chưa đầy một gang đã bị đạn tiện đứt.

Tôi bảo tên lính truyền tin:

"Mày to hòng, chút nữa đúng tám giờ mày gào lên cho chúng nó biết đã đến giờ... thôi bắn".

Tám giờ đúng thẳng bé gân cổ lên gào. Tiếng súng có vẻ thưa dần. Vài phút sau tiếng súng im hẳn. Lại một điều tai tôi ù vì súng đạn của đôi bên, thế nhưng tôi nghe rất rõ

tiếng gió sớm mang lại cái âm thanh vi vu của gió lùa qua những hàng dương thấp, cùng với tiếng rì rào của sóng biển vọng từ xa lại. Tôi dặn thằng nhỏ: “Mày đưa thử một ngón tay lên coi, một ngón thôi. Nhớ là ngón trỏ của bàn tay phải, để lỡ có bề gì về được còn có hy vọng giải ngũ.”

Thằng nhỏ rụt rè đưa ngón tay lên. Vài phút sau thấy không có gì, cậu nhỏ nhô người đứng dậy. Tôi cũng nhồm lên. Trước mắt tôi, chỉ cách một khoảng không đầy hai mươi thước, và ở trên cao hơn chừng ba thước, những người anh em bên kia đã đứng dậy hết. Họ có chừng hơn hai trăm người. Đứng lố nhố đen ngòm một khoảng cỡ vài ngọn đồi cát. Tôi phất tay cho lính đứng dậy hết. Tụi tôi còn được hơn hai chục mống. Một tên lính của tôi đi thẳng tới chỗ địch, vài người bộ đội vây lấy nó. Tôi vội vàng cho lính hòm súng sẵn. Nhưng không, tên lính móc gói thuốc lá ra mời, những người mà mới năm phút trước đây còn bắn về phía tụi tôi sới xả. Tôi cũng tiến lên. Ta và địch ôm nhau. Không khóc nhưng nước mắt chảy lã lã trên khuôn mặt của những người lính, cùng những người bộ đội. Tên bộ đội ôm lấy thân người tôi trông như một chú bé còn búng ra sữa, lớp lông măng màu hung hung chưa kịp nhú ra thành râu dưới cằm. Tôi nghĩ thầm, người này mười tám tuổi là cùng. Tên này chắc có máu khô hài. Nó xoa dit tôi, miệng hỏi một cách khá đều:

“Cái đuôi anh giấu ở đâu?”

Vừa tức, vừa buồn cười. Tôi cũng cười đều trả lời:

“Đuôi tao để ở đằng trước chứ không phải đằng sau.”

Mãi tới lúc đó tôi nhìn thấy một lá cờ treo trên cột cần thận, màu đỏ như sắc máu tươi vừa mới chảy ra khỏi thân thể. Ngôi sao vàng chói lọi như nhảy múa trong bầu trời xám xịt. Tôi hỏi mấy tên lính trở lại để treo cờ. Tụi tôi moi ra những cái cờ to bằng... hai bàn tay ra cột vào những bụi dương thấp, mọc lòa xòa trên những ngọn đồi cát chập chùng. Tôi ngán ngẩm chẳng muốn treo lá cờ tôi mang trong người. Một tên có lẽ là chính trị viên của họ cười mím khi nói với tôi:

“Cứ trông cảnh tượng này thì biết chính nghĩa đang thuộc về ai.”

Tôi dần lại kịp chứ không thì nó đã nhận một cái đế súng vào mặt. Mà nếu như tên này nhận một cái đế súng vào mặt, thì chắc chắn tôi sẽ lãnh nguyên một tràng AK vào người.

Quân hai bên ngồi xuống cát nói chuyện với nhau, mời nhau hút thuốc. Tôi vẫn trối giữ người bộ đội bị bắt tới qua vì chui lộn vào hầm của tụi tôi. Nói thiệt với bác lúc đó tôi như mơ, nhưng nhìn chung quanh thì rõ ràng là thật. Bộ đội đông hơn tụi tôi cả chục lần. Giờ này mà họ giữ que thì thật là tụi tôi đi... đá. Khoan nói tới chuyện nhân số họ đông gấp mười, chỉ nói về vũ khí giờ đó mà đánh nhau thì trong bọn tôi sẽ có vài người bắn súng... miệng.

Buổi chiều đầu tiên ngưng bắn, họ thổi cơm rồi mời tụi tôi ăn. Tụi tôi đâu còn cái gì để mà bánh, không một cái ba lô nào còn, tất cả đều cháy rụi. Lính ta ngồi xen kẽ với bộ đội, cơm ăn vào miệng tôi cũng chẳng biết ngon hay không? Cái cảm giác nó mơ hồ, lằng đằng và... kỳ cục.

Thần trí tôi lằng lằng suốt cả ngày, cho tới khi chiều xuống, nhìn ra khơi sao thấy lòng mình buồn buồn, trống trải. Chẳng phải vì tôi khát máu thích bắn giết gì. Ngẫm lại mấy năm vừa qua, bom đạn đã tha cho tôi, nhưng có biết bao nhiêu người bạn đã không còn hiện diện trên cõi đời này. Đừng nói đâu xa, sáng nay ở tuyến xuất phát có tám mươi anh em, đêm đầu tiên ngưng bắn quanh tôi chỉ còn có hai chục lẻ nằm lệt thòm trong một đơn vị của họ hơn hai trăm con người. Còn họ. Sáng nay trước giờ ngưng họ có bao nhiêu người. Họ đã mất bao nhiêu người?

Đêm ập xuống, hai chục anh em tụi tôi co lại. Trăng đêm nay lấp ló trên trời. Cái màu trắng cũng úa vàng và bệnh hoạn. Gần nửa đêm ngưng bắn đầu tiên, đã có tiếng súng

nổ từ phía một cánh quân bạn. Tụi tôi cũng ăn một quả không giạt. Tôi còn biết làm gì hơn là cho lính phòng thủ chu vi, và nằm thao thức chập chờn cho đến sáng. Cảm giác của tôi ngay lúc đó khó có thể nói được. Nó lâng lâng như người say sóng chứ không hẳn hoan tũn mừng mừng. Cả người tôi ngầy ngật như hâm hấp sốt. Thú thật với bác tôi cũng không chú trọng lắm tới vấn đề danh từ. Da beo cũng thế, mà tại chỗ cũng vậy. Có cái gì khác đâu nếu như ai ở đâu ở yên đó. Đừng có lấn đất giành dân là được rồi. Trong đêm ngưng bắn đầu tiên đó gió rít lên. Làm như là gió có vẻ không muốn ngưng chiến. Gió ở đâu mà nhiều đến thế. Hệt như những oan hồn uổng tử do bom đạn của cả hai bên, ở dưới âm ty hiện về than khóc cho hòa bình đến quá chậm. Gió luồn qua những triền núi từ phía Tây, len lỏi giữa những thung lũng, quét lên những ngọn đồi khiến cát bay mù mịt.

Tôi chập chờn nửa thức nửa ngủ. Sáng tinh mơ đã tỉnh dậy. Bên kia, một lá đại kỳ to bằng hai cái chiếu bay phàn phật trong gió. Lá cờ ngạo nghễ, mới tinh màu đỏ rực rỡ, với ngôi sao vàng chói lọi. Lá cờ được sửa soạn từ hồi nào, đã được tính toán đúng với thời điểm xuất hiện. Không một đơn vị trưởng nào lại điên cho dựng một cái cột cờ nơi chốn hành quân. Như vậy trong đêm qua khi tôi nửa thức nửa ngủ thì người anh em bên kia hàng rào đã chơi chúng tôi một quả ra gì, qua sự xuất hiện của cái cột cờ lừng lững mọc lên giữa một ngọn đồi cát thấp. Giữa tiếng gió làm lá cờ bay phàn phật, giữa cái u u, minh minh của đêm chưa tàn và ngày chưa rạng, màu đỏ của lá cờ làm cho tôi lạnh cả gáy, tỉnh cả người.

Tôi cuống cuống hô lính đi kiểm cờ. Cờ với lại chả quạt. Tôi nghĩ ngay lập tức cái trò ăn mảnh này thì tụi tôi yếu thấy rõ. Chơi bằng súng với đạn thế mà coi bộ dễ chịu. Cái trò cắm cờ này thì đào đâu ra cờ bây giờ. Nửa giờ đồng hồ sau tụi tôi moi được một cái cờ to bằng hai... bàn tay chéo. Một thằng lạc đã kiếm được một cái que. Thôi thì có còn hơn không. Cái cờ không nhìn đến thì thôi, nhìn đến thì chỉ muốn ra phờ cái cờ bằng hai cái chiếu kia ra làm trăm mảnh. Nó đỏ rực rỡ quật vào mặt mình từ tuốt đằng xa những cái tát trái muốn bật ngựa.

Sau này trở về chỗ đóng quân có tính cách lâu dài. Tôi vì tự ái cũng có, vì sĩ diện cũng có, tụi tôi cố kiếm cho được một cái cờ có kích thước sáu tấc, một mét so với cái cờ cách đó không xa với kích thước là hai mét, ba mét. Khỏi phải nói thì bác cũng biết là tôi nghĩ gì. Đã thế gió Lào quét suốt ngày nên chỉ một tháng sau cờ của bọn tôi tua ra như những cái bao bố tời. Cờ của họ lúc nào cũng tươi rói, rực rỡ, ngạo nghễ bay trong nắng và gió.

Lính tráng của cả hai bên cắm cờ khắp nơi, từ trong rừng cây ra tới những cồn cát, từ những ngôi nhà bỏ hoang tới những túp lều ở tạm. Khỏi hài nhất là quanh vị trí đóng quân để cho khỏi phải thay cờ hoài hủ, mấy ông chiến tranh chính trị của ta đã lấy những tấm tôn cắt thành hình lá cờ bay, trên đó vẽ màu vàng với ba sọc đỏ. Cờ làm bằng tôn mà lại còn uốn hình gợn sóng ra dáng đang tung bay trong gió trông mới diệu làm sao. Qua vài cơn mưa, cùng với ít ngày nắng dữ là màu mè bay hết, trông thấy muốn cười cũng không cười nổi, bác ạ... Thật đúng là sáng kiến hết thuốc chữa của chiến tranh chính trị.

Trở lại với đêm ngưng bắn đầu tiên vừa tỉnh dậy. Một người bộ đội mang đến cho tôi một tối hậu thư, mà người gửi là Trung tá Phạm Văn Đính, nguyên Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 56, Sư Đoàn 3 Bộ Binh. Trung đoàn này đã đầu hàng địch vào đầu mùa hè 72. Tối hậu thư đó cho tôi biết là tôi phải rút khỏi nơi này, hay là trở về với "nhân dân", như ông ta đã làm trong năm 72. Nếu không tôi sẽ bị tấn công, kể cả tấn công bằng chiến xa.

Để hỗ trợ cho tối hậu thư này buổi trưa tôi nhìn thấy hai chiếc T-54 chạy loăng quăng gần chỗ tôi đóng quân. Cát bay mù trời, chiến xa chạy tới chạy lui như những con cua khổng lồ từ biển bò vào. Hai chiếc chiến xa đậu trên hai ngọn đồi cát thấp, cách chỗ tụi tôi không đầy một trăm thước. Tôi soát lại thấy tụi tôi còn có một ống M-72 duy nhất...

Giờ của tối hậu thư là 12 giờ đêm nay. Đêm thứ hai kể từ lúc ngưng chiến có hiệu lực. Tôi còn biết làm gì hơn là chờ. Và nên nhớ là chờ với một cái lệnh không được nổ súng. Đứa nào nổ súng là ra tòa án quân sự cấp kỳ. Trong bóng tối của đêm ngưng bắn đầu tiên, tôi trần trọc suy nghĩ. Từ vị trí một sĩ quan cấp thấp, tôi nhìn ngược lên trên trong hàng ngũ chỉ huy, tôi cảm thấy tại tôi có thể ra tòa thật sự chứ không nói dỡn. Bởi vì đã ngưng bắn rồi, ai cũng sợ trách nhiệm. Tôi như một con hổ đã bị lọt vào trong một hẻm núi, trước mắt là cái hố sâu, sau lưng là những tên thợ săn reo hò tỏ mở, đèn đuốc thì sáng rực cả một góc rừng.

Khoảng tám giờ tối hôm đó tại tôi được lệnh rút. Mà dường như Cộng Sản cũng để cho tại tôi rút một cách an toàn. Chứ nó đánh thật thì tại tôi chỉ còn... củ cải và hai trái lựu đạn để chơi tại nó mà thôi. Mang có mấy trăm viên đạn thì đã tổ cạ lảng trong suốt ba mươi giờ chiến đấu cật lực. Đã có lúc tại tôi phải mượn súng... Tàu bắn Chệt rồi. Không thể tiếp tế nổi trong hoàn cảnh và địa thế... da beo, da cọp, nửa dơi, nửa chuột này.

\*

3 - Tôi lại rút về sau sông Thạch Hãn, cách đó khoảng một cây số. Đêm lại nghe mấy thằng thợ hát nhà quê bốc thơm đời lính, nghe thối không chịu nổi. Mấy cái thằng nhà quê, thất học, lại không biết gì về đời lính, mà cứ ca tụng đời lính này sẽ chỉ làm cho người lính xa lạ hơn, nhơm nhếch hơn, xấu xí hơn. Thế mới biết cái chiến tranh chính trị của chúng ta nó là một cái gì đó chẳng ra làm sao cả...

Tại tôi đóng giữa những cồn cát, xa xa lơ thơ mấy cái lều tranh, mấy nóc nhà của dân tị nạn Cộng Sản chán trại tị nạn mò về dựng lều ở tạm. Cái hồi đó gió ở đâu mà nhiều thế. Gió Lào nóng như điên, gió Trường Sơn lại lạnh đến độ bác tha lỗi, nó teo cả cái đó lại. Ban đêm mỗi lần đi tiểu mò muốn chết mới thấy của nợ. Mà đúng là của nợ thật, hăm lăm hăm sáu tuổi đầu. Sinh lực thì đang ở vào cái lúc phương cương nhất, đêm đêm nằm xem những trái hỏa châu thỉnh thoảng vọt lên trời cao, nở ra trong đêm tối soi sáng những ngọn đồi cát, những bụi cây rừng. Đẹp thì có đẹp nhưng mà buồn và chán không chịu nổi.

Đã thế lại còn điên tiết lên vì những bài ca tụng lính rẻ tiền của các cậu Hùng Cường, Nhật Trường, ửng oảng vang lên từ mấy cái radio nhỏ bằng bàn tay của mấy thằng em nằm gần. Có lần tôi ngứa mắt đá mẹ nó cái radio văng đi. Mẹ kiếp đang nằm phơi nắng mà cứ ra rả cái kiểu "...Anh ở đâu thì em đó..." hay "...Anh là lính đa tình..." thì thật đúng là giết người ta mà không cần bóp cò súng rồi còn gì nữa.

Vị trí đóng quân của hai bên cách nhau đâu có xa gì cho cam. Buổi chiều khói thổi cơm của cả hai bên trông thấy rõ mồn một. Cả hai bên cùng lấy nước ở một khúc sông, một dòng suối hay là một con lạch. Buổi chiều nhiều khi nghe trong gió tiếng bộ đội Cộng Sản đánh bóng chuyền reo hò vang cả một góc núi. Thế có lộn tiết không? Hai bên cách nhau có một cái hàng rào kẽm gai sơ sài, lính gác hai bên mặt đối mặt chỉ cách nhau chưa đầy ba thước.

Gọi là hàng rào cho nó oai, chứ thật ra nó mong manh giống như hồi nhỏ chơi trò chiến tranh, vẽ một đường phấn xuống đất là đã có địa giới cho cả hai bên bắn súng miệng rồi.

Cả hai bên án binh bất động trong vài ngày đầu. Tình cảnh như thế mà bảo tôi không vi phạm e rằng cũng khó, huống hồ là mấy thằng trời đánh. Những vi phạm ban đầu mới chỉ liên quan đến cờ với lại chả quạt. Bên này nhổ cờ của bên kia, bên kia nhổ cờ của bên này. Tổ qua, tổ lại mãi thì có ngày vi phạm bằng súng. Thôi thì có chơi có chịu. Cứ nhì nhằng như thế cho tới năm 75, ngày quân ta mất Ban Mê Thuột. Tới đó thì bác đã biết những gì bác đã làm trong cơn mê. Phần tôi thì cơn mê ập tới lẹ đến nỗi bây giờ gần hai mươi năm qua đi, tôi vẫn còn tưởng như nó mới xảy ra không lâu...

...Cái tháng tư năm 75 đó nó đến một cách kỳ cục. Lạ một điều là trước khi có những cơn giông thì bầu trời làm như oi ả, im phẳng phắc. Trong chiến trận cũng vậy, trước khi bom đạn nổ ra tôi bời hoa lá thì những ngày cuối tháng hai cho tới đầu tháng ba 75 hầu như chỗ tôi đóng quân là một chỗ thanh bình. Đêm đêm nằm ở nơi gió cát địa đầu, tụi tôi lắng nghe tình hình chiến sự vùng hai qua mấy cái đài BBC, VOA thổ tả, khi gió.

Đánh chắc cái mẹ gì mà lạ thế này.

Đùng một cái tụi tôi được lệnh bỏ vị trí hành quân rút về phòng thủ Huế, rồi từ Huế lại di tản... chiến thuật về Thuận An. Ở Thuận An chính mắt tôi đã nhìn thấy những điều mà tôi không bao giờ quên được. Cái cảnh chen lấn để xuống tàu Hải Quân ở ngoài bãi biển(1). Đến bây giờ tôi vẫn còn uất vì cái khoảng thời gian ngắn ngủi này. Uất vì chẳng hề nghe các... đại bàng ra lệnh đánh gì cả. Có được bắn phát nào đâu. Mà rồi cũng chẳng thấy... đại bàng với lại... mặt trời gì cả. Qua cái máy truyền tin lệnh của mấy đại ca chỉ là... rút, rút và rút. Điều này thì đến cả cái ruột của bọn tôi người ta cũng sắp... rút ra luôn. Nằm cứng ở bãi biển nhìn chiến xa của mình trong cơn hoảng loạn, chạy cán bừa lên lính của mình. Máu của bên ta do bên ta gây ra đổ ngẫu một vũng biển, nhiều xác người lênh bênh...

Bọn chúng đến vô tụi tôi trọn gói ngay tại bờ biển. Tụi tôi được áp tải ngược trở lại phía Bắc, giam giữ trong những doanh trại cũ của Cộng Sản, bỏ lại đằng sau trong khi truy kích quân ta. Ai thì tôi không biết, chứ riêng tôi thì Sài Gòn vẫn còn, miền Nam vẫn còn. Xui thì bị bắt, năm 73 đã từng trao đổi tù binh của hai miền. Ăn cơm nhà pha Việt Cộng một thời gian thử coi răng của mình có cứng không.

Ở tù ai mà chẳng buồn, nhưng rồi cũng chẳng sao, sẽ có ngày về làm lại. Trong thời gian này tụi tôi được coi là tù binh, được chúng đối xử theo quy chế giam giữ tù binh, ăn uống đầy đủ bẩy trăm gram gạo một ngày. Có một buổi tối một tên chính trị viên Cộng Sản tới nói chuyện với tù binh tụi tôi. Trại này giam giữ những tù binh có cấp bậc từ trung úy tới trung tá. Tên chính trị viên này hỏi:

"Trong số các anh có ai đã từng tham gia một hoạt động nào có ích cho Cách Mạng? Bấy, tám cánh tay rút rề đưa lên. Tên chính trị viên chỉ một người và hỏi đã làm gì thì được viên sĩ quan của mình trả lời ông ta là trung tá, coi Quân Tiếp Vụ đâu ở Huế hay là Đà Nẵng gì đó, ông chống lại ông Diệm. Tên chính trị viên này nói một cách mỉa mai:

"Như thế là các anh tranh ăn chứ không phải là hoạt động cho Cách Mạng".

Hắn chỉ một người thứ hai và hỏi đã làm gì, người này nói là đã đi theo bộ đội kêu gọi binh lính ra đầu hàng khi họ đánh chiếm Đà Nẵng, tên chính trị viên này trả lời là:

"Như thế là anh theo đuổi chứ không phải là Cách Mạng. "

Mấy cánh tay dơ lên rút rề bây giờ lại rút rề hạ xuống. Tôi được gọi lên làm việc, sau phần khai lý lịch tên chấp pháp hỏi tôi là đã tham gia bao nhiêu cuộc hành quân. Tôi trả lời là một. Hắn hỏi tiếp là đi lính lên tới Trung úy mà sao lại chỉ có một cuộc hành quân mà thôi. Tôi trả lời là tôi hành quân từ ngày mới ra trường cho tới bây giờ cuộc hành quân vẫn chưa chấm dứt. Hắn hỏi tiếp đã giết bao nhiêu quân Cách Mạng? Tôi trả lời có đếm đâu mà biết.

Thời gian đó tôi đinh ninh rằng miền Nam sẽ mãi mãi còn đó. Tôi bị bắt cùng binh sĩ. Thầy trò, anh em, trông xuống, quân nhân các đơn vị khác nhìn vào thì phải cố mà giữ mình cho bảnh. Tuyệt không để cho Cộng Sản mỉa mai cái kiêu tranh ăn với lại theo đuôi. Nó nhớm nhếch, mất tư cách. Chẳng gì cũng là quan hai Thủy Quân Lục Chiến. Đây là lúc phải cho chúng thấy phẩm giá của mình, phong thái của mình. Kỳ dư mọi chuyện khác hậu xét. Tụi tôi bị bắt đầu được một tháng. Ngày ngày chúng đánh đòn cân não, mở máy phóng thanh nghe điếc cả tai. Tất nhiên là đài của chúng nó nên nhờ vậy mà tôi không tin quân ta lùi chi mà lẹ thế. Mới hôm trước Qui Nhơn là ả địa đầu, hôm sau bộ chúng có cánh hay sao mà bay qua khỏi Tuy Hòa, nhẩy vô tới tận Nha



Trang làm chủ. Ăn một cánh quân ở đèo Đại Lãnh thì chúng có mọc cánh cũng phải rụng đuôi mới có thể làm khó Nha Trang được. Lúc này mà tụi chúng cho bọn tôi nghe đài BBC hay VOA chắc là sẽ có thêm khối người tự tử.

Ngày 30-4-75. Tôi đang ngồi lơ mơ nghĩ ngợi vớ vẩn về tình trạng rối mù của trận chiến. Cái loa quái ác ở ngoài đang thuật chuyện chiến trường, mà cứ y như là ký giả Huyền Vũ trực tiếp truyền thanh đá banh không bằng. Lúc này tôi hút thuốc lào đã nhuyển lảm. Tôi vẽ một điều thuốc cho vào nỏ. Tay kia cầm một cái đóm đã châm lửa. Đột nhiên trên loa phóng thanh nghe rõ mồn một tiếng Tổng Thống Dương văn Minh hạ lệnh cho quân đội thôi chiến đấu, chờ bàn giao đơn vị, doanh trại cho Cộng Sản.

Thế là đầu hàng rồi còn gì nữa. Còn đâu là Sài Gòn, niềm hy vọng cuối cùng của tất cả chúng tôi. Chúng tôi mới bị bắt chỉ trong vòng một tháng, thế mà đã ra nông nỗi này. Cái điều cay tuột ra khỏi tay rơi xuống đất mà tôi không hay, lửa trên cái đóm cháy tới tận ngón tay mới biết. Nước mắt tôi ràn rụa. Tôi bỏ vào nằm vật trên giường, chìm đắm trong một nỗi tuyệt vọng vô bờ. Việc ở tù thì bác cứ đọc cả chục quyển hồi ký của những sĩ quan đi học tập cải tạo là đủ biết. Tôi chỉ muốn nói thêm một việc đó là những người làm ăng ten trong tù. Tất nhiên là phải có. Nhưng có một lần... Tôi phải chuyển phòng, cái tên nằm giường bên cạnh đeo tôi như bóng với hình. Một đêm kia tôi tỉnh dậy đi đại, tên đó cũng theo tôi đi đại. Trong lúc cả hai đang... vậy, nó nói với tôi nhẹ như hơi thở:

“Anh Huy ơi, có làm bất cứ cái gì cho em làm theo, kể cả trốn trại. Tụi nó muốn em theo dõi anh. Anh phải cẩn thận.”

Việc đó cho tôi biết có những người cam tâm làm ăng ten để được về sớm. Cái vụ về sớm do làm ăng ten này tôi cũng nghi lắm. Đã có thằng hèn muốn làm ăng ten tình nguyện như thế, thì tội gì mà cho về sớm. Cho nó hưởng một chút ơn mưa móc để mà dùng bề lâu, bề dài có khi còn tốt hơn là phải tuyển một thằng khác. Và lại cũng cần phải cho tù cảm thù, nghi ngờ lẫn nhau thì cai tù dễ nắm tình trạng trong tù hơn. Tuy vậy cũng có những người bị bắt làm ăng ten như cái anh chàng đứng đại với tôi chẳng hạn. Khó có thể từ chối khi mạng mình ở trong tay người, nhưng tôi nghĩ có thiếu gì người nhận mà không làm. Tất cả do bản chất con người hèn hay không hèn mà ra. Cũng phải nói thêm là còn do biết dùng hay không biết dùng cái đầu... Trong những quyển hồi ký sau này tôi đọc được ở đây, có nhiều quyển... tức cười lắm. Nhưng tôi nghĩ chẳng nên làm mất hòa khí... Như bác đã biết năm 1954 tôi vào Nam với mẹ. Cha ở lại ngoài Bắc, ông có tham gia Nhân Văn Giai Phẩm nhưng không phải là một tên tuổi lớn mà cũng đã nhòe cả người ra. Năm 80, tôi nhận được giấy tha. Cũng trong thời gian này bố tôi là một cán bộ hoạt động trong ngành văn hóa. Ông được đi công tác Quảng Trị, nên nhân đó mà đi thẳng tới Huế đón gặp tôi.

Ngày xa đất Bắc tôi mới có sáu bảy tuổi gì đó, chưa gặp mặt cha. Cha con xa nhau gần ba mươi năm mới gặp lại lần đầu. Tôi từ nhà giam ở Bình Điền mò ra, năm năm trong câm nín, năm năm trong u hoài. Gần ba mươi năm... cha và con, cha và con. Tôi gặp lại bố tôi ở Huế, hai cha con đi ăn chè tại một quán chè bên bờ sông Hương. Con sông này mấy năm nay hình như con nước trôi cũng... chậm chạp, lững lờ hơn trước.

Hai bố con đang ăn. Ông cụ buông thìa nhìn tôi hỏi:

“Chắc là mày ghét Việt Cộng lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn thế này?”

Tôi trả lời ngay lập tức:

“Ghét thì không ghét gì, nhưng mà bắn được thằng nào đỡ thằng ấy”.

Ông bố tôi trầm ngâm một chút rồi hỏi:

“Như vậy là mày bắn cả bố mày à?”

Tôi cũng trả lời ngay lập tức:

“Bán chứ, ở ngoài mặt trận thì phải bán để mà sống chứ, vớ lại có biết ai là bố đâu”? Đó là lần duy nhất hai bố con gặp gỡ nói chuyện. Tính ra từ năm 54, tôi theo mẹ vào Nam cho tới khi xuống ghe vượt biên hai bố con nói được có vài câu lại chẳng ra làm sao cả... Tôi không phải không muốn dịu dàng với người đã sinh ra tôi. Bố tôi thì như bác đã biết, đã tham gia Nhân Văn Giai Phẩm thì chắc cũng chẳng ưa gì Cộng Sản. Nhưng cái hoàn cảnh gặp nhau nó kỳ cục quá. Chính tôi đã không được sửa soạn tâm lý, lại cộng với những năm tháng trong tù bẽ bẽ gì cũng đã ảnh hưởng tới phản ứng sốc nổi của tôi. Những dòng chữ muộn màng do bác ghi lại tại đây, ông bố tôi cũng sẽ không bao giờ được đọc. Thôi, hãy đẩy nó lại, viết ra chẳng giúp được ai mà chỉ làm cho tôi vỡ ra thêm một lần nữa...

\*

4- Năm 84 hai anh em chúng tôi gặp lại sau hơn mười năm xa cách.

Lúc này Huy đã có vợ con, đã đem được vợ con sang Mỹ sau một chuyến vượt biên đầy bất trắc. Chúng tôi ở chung với nhau trong một khoảng thời gian khá dài. Trong khoảng thời gian này tôi nhìn người em mà không phải là... em vớ thật nhiều đau sót. Thoạt kỳ thủy Huy làm sơn sửa xe bị đụng với một người bạn nhà binh cũ. Mặt mũi lúc nào cũng đầy bụi sơn. Có một lần khi tôi đến thăm tại chỗ làm việc tôi thấy Huy đang chui ở gầm xe. Tất nhiên đi làm lao động ở xứ người thì ai cũng như ai, nhưng tôi vẫn cảm thấy ở Huy có cái gì bức bối. Vài tháng sau Huy đi sửa chữa tủ lạnh với người bạn học thời thơ ấu. Lại mình trần trùng trục, trời nắng chang chang đi khênh những cái tủ lạnh cũ. Làm thợ vịn nào có khó gì ngoại trừ cái sức đủ để hai người khênh một cái tủ lạnh từ trong nhà ra tới xe truck.

Vài tháng sau Huy bỏ việc tủ lạnh. Lần này anh mặc đồ đẹp đi làm văn phòng phụ tá pháp lý. Kỳ này chung, cả hai cùng làm chủ... Cha chả, làm chủ coi bộ vậy mà khó. Cái nghề phụ tá pháp lý này lúc nào cũng đòi hỏi người ta ngọt như mía lùi, mà ông em tôi thì mặt lúc nào cũng lừ đừ như ông Từ giữ đền. Cọ sát với nghề vài tháng nữa Huy lại bỏ.

Người bạn cùng làm chủ với Huy và cũng là người bạn đồng thuyền, do Huy tổ chức khi vượt biên kiên nhẫn theo nghề phụ tá pháp lý. Bây giờ anh ta có gia tài nghe đâu cũng cả triệu đô la kể cả nhà cửa, xe cộ, nhẫn hột soàn... Nghe đâu bây giờ anh ta bắt đầu mon men đi làm... chính trị. Ở ngoại quốc này chúng ta làm chính trị dễ, yêu nước cũng dễ, làm văn chương cũng dễ. Láy nhau cũng dễ, bỏ nhau cũng dễ. Làm thương mại cũng dễ, khai phá sản cũng dễ. Nói tóm lại ở đây cái gì cũng dễ, chỉ trừ có một tấm lòng chân thật là hơi... khó chút xíu.

Có một đạo Huy hay tụ họp với những người bạn nhà binh cũ. Người ta có thể đuổi Huy ra khỏi Quân Đội, đạo quân mà Huy đã giữ vai trò những người tiền đạo rồi cũng tan biến đi. Nhưng không bao giờ người ta có thể lấy lại cái chất Quân Đội ra khỏi con người Huy. Anh như bị ám ảnh bởi lá cờ.

Lá cờ đã phủ vào mặt biết bao nhiêu bằng hữu. Đạo ở tù, có nhiều tên quân giáo lấy cờ của Miền Nam may quần đùi. Đã có nhiều sĩ quan trẻ phản đối và bày tỏ lòng bất phục, cho dù có bị hành hạ, biệt giam. Những phản ứng này đã làm cho những tên quân giáo phải thôi không dám khinh khi những người thất thế. Lá cờ như một ám ảnh không bao giờ nguôi trong lòng Huy. Dần dần tôi biết ông em tôi đang vận động xây một cái cột cờ trong khu buôn bán.

Cột cờ xây xong, mời mấy ông...tướng tới dự lễ khánh thành, thì được mấy ông Quảng Lạc này cho biết hể có ông A thì không có ông B. Chính những ông tướng A, B, C này là những người nhờ cái cờ này mà đã mang lại biết bao nhiêu lợi nhuận nơi quê nhà. Bây giờ sang đây lá cờ đã không còn cung ứng được chút nào tiền bạc cũng như địa vị thì các vị đó lần.

Tôi rất muốn nói với Huy một điều là hãy để lá cờ đỏ nằm yên trong tâm khảm. Nếu nó linh thiêng thì nó đã khắc trong trái tim ta, không cần phải vẽ lên áo dài, vẽ lên cà vạt. Cũng không phải cần vẽ lên trán đi biểu tình như một trò hề rẻ tiền nào đó. Dựng một cái cột cờ thì dù muốn hay không, cũng có vài anh hoạt đầu thò mặt vào ăn có. Những người thiện chí thật dần dần bỏ đi.

Bây giờ ở đâu người ta cũng thấy vo ve những lời nói rỗng tuếch, những khẩu hiệu đã cũ như một món đồ chơi bị vất trong các kẹt tủ. Lịch sử cũng như thời gian không bao giờ đứng lại. Chỉ có những con người đứng lại bám chặt vào một cái cọc của lịch sử, ôm riết lấy một cái mốc thời gian. Những con người đó giống như lớp rêu xanh mướt, nhờn nhờn và bần. Những lớp rêu này chỉ làm mục cái mốc thời gian hay cái cọc của lịch sử không hơn kém. Những con người bám chặt vào quá khứ này lúc nào cũng hò hét. Lại một điều họ không bao giờ biết là chính họ đang bị thời gian cũng như lịch sử đào thải.

Hôm khánh thành, có làm lễ rước quốc kỳ và quân kỳ. Ông em tôi quần áo nhà binh bảnh chọe, trông cứ như...lính thật. Đến khi thượng kỳ Huy thấy là cờ trong tâm khảm của Huy nhỏ, treo ngang với lá cờ của tiểu bang. Trên cao hơn một chút là lá cờ Mỹ to và ngạo nghễ bay trong gió. Từ đó tôi không thấy Huy nói gì về những ngày thứ hai có làm lễ thượng kỳ, hát quốc ca. Những người có lòng thật lại từ từ lẩn vì...ngượng. Cái dòng xe hơi dài bất tận đã át đi những lời ca trong nhịp sống vội vàng.

Tôi rất nhiều lần muốn nói với Huy, là lịch sử không bao giờ đứng yên. Trên đà đi tới của lịch sử rất có thể một lá cờ khác sẽ xuất hiện. Lá cờ mới này sẽ thay thế tất cả những lá cờ đã cũ. Nhưng với Huy tôi hiểu được một điều cho dù sẽ có thể có một lá cờ mới, đủ sức quy tụ mọi thành phần dân chúng từ Nam ra Bắc thì trong tận đáy lòng Huy, vẫn sống mãi lá cờ đã phủ lên mặt rất nhiều đồng đội.

\*\*\*

5-Những năm gần đây ông em tôi chơi... bạo. Ông đi làm báo, viết văn. Quyển “Tháng Ba Gãy Súng” không phải là một kiệt tác văn chương, nhưng là một kiệt tác của lòng thẳng thắn, và sự chân thật. Huy viết về những năm tháng sau cùng trong cuộc đời quân ngũ của Huy. Huy viết về cái xấu và tốt của chính Huy một cách thần nhiên, không rào đón, không phóng đại. Huy không bao giờ tự nhận là đang làm văn chương. Nhận hay không nhận thì cái đó thật ra cũng chỉ có giá trị tương đối. Nếu nghĩ rằng văn chương chính là đời sống được thể hiện trên giấy, thì Huy đang sống lại một lần nữa đoạn đường chiến binh anh đã trải qua trong suốt tuổi thanh xuân của anh.

Trí nhớ của anh về những phút vinh quang thì ít. Bởi vì đời của một người lính thật sự, một người lính đã tan nhà, vỡ nước thì làm gì có được nhiều phút vinh quang. Có điều những nhục nhằn thì dường như lúc nào cũng đeo đuổi, ám ảnh Huy, y hết như lá cờ to bằng...hai bàn tay chéo. Những nhục nhằn này đã chiếm hầu hết toàn bộ đời sống Huy khi còn ở quê nhà. Sau “Tháng Ba Gãy Súng” anh đang chép lại một hồi ký khác, vẽ lại một đoạn đời khác: Đó là toàn bộ trận đánh Cửa Việt, mà một phần thật nhỏ hình ảnh đã được dùng để viết nên những giòng chữ này. Sẽ là một toàn cảnh của trận đánh với sự đóng góp của những nhân chứng hiện còn sống và đang có mặt rải rác nơi đây. Cầu mong Huy sớm hoàn thành tác phẩm thứ hai này. Chúng tôi giao tình với nhau đã ba mươi năm có lẽ. Trước kia Huy gọi tôi là anh, bây giờ vẫn vậy. Nhưng tôi hiểu tôi thật không xứng với chữ anh này.

California, tháng Bảy 1993

[ Trích Cây Tùng Trước Bão, Nxb Thời Văn 2001 ]

\* Trích hồi ký “Tháng Ba Gãy Súng” của Cao xuân Huy, do nhà xuất bản Văn Khoa phát hành vào năm 1986.

\*\*\*

### Ghi chú thêm về Cao Xuân Huy trong đời sống hiện tại, 1993

Từ khi chúng tôi gặp lại nhau nơi đất khách quê người, tôi và Cao Xuân Huy gặp nhau thường xuyên, vì chúng tôi là anh em họ... Hồng Bàng. Có một thời gian chúng tôi chung sống với nhau dưới một mái nhà trong thị xã Garden Grove. Thời gian này ngoài vợ chồng Cao Xuân Huy, còn có bố con Nguyễn Mộng Giác. Năm 1985, tờ Văn Học được hình thành từ căn bếp của ngôi nhà này. Và cũng tại căn nhà này Cao Xuân Huy hoàn tất những trang bản thảo đầu tiên của cuốn "Tháng Ba Gãy Súng", với sự khích lệ của Nguyễn Mộng Giác và tôi. Có một thời gian dài bằng hữu tụ họp khắp nơi về chơi, và ngôi nhà này hết như một trại tị nạn.

Ngày chúng tôi ở chung với nhau, hai cháu gái con Huy đứa lớn còn đang học Tiểu Học, đứa nhỏ mới tập nói bi bô, giờ đây cả hai đã là những thiếu nữ đầy tương lai. Cháu lớn đã hoàn tất 4 năm dự bị y khoa, và cháu nhỏ thì đã sắp xong Trung Học. Thu nhập chính của gia đình có được, do sự cần cù nhẫn nại của Minh, vợ Huy đảm trách. Phần Huy, anh đi làm buổi đực, buổi cái, bữa có, bữa không. Cái gì Huy cũng làm, cái gì cũng không làm, thành thử gia đình Huy sống một đời sống không dư giả, nhưng không khí gia đình lúc nào cũng đầm ấm, yên vui.

Có một thời gian Huy làm kỹ thuật cho báo Người Việt. Mỗi ngày tôi và Huy thấy nhau một lần, thế nhưng có khi cả tuần không có chuyện để nói. Tôi biết tự đáy lòng Huy vẫn là một người lính đúng nghĩa. Anh sống với quá khứ nhiều hơn hiện tại. Bất kỳ ai trước kia đội nón xanh của TQLC cũng là bạn của Huy. Chính vì quảng giao như thế, anh viết rất chậm, bởi vì những người lính cũ gặp lại nhau, có bao giờ thiếu những cử nhậu long trời lở đất. Đã có lần anh bị phạt cấm lái xe trong vòng 6 tháng, cùng với 1,800 đô la về tội lái xe với một lượng rượu khá cao trong người. Anh viết càng chậm hơn nữa vì anh viết rất kỹ, mỗi truyện ngắn sửa đi sửa lại năm lần, bầy lượm.

Anh đang chúm mũi vào một cuốn tự truyện, mà tôi tin rằng sẽ tạo được một chấn động mạnh hơn "Tháng Ba Gãy Súng", bởi vì trong cuốn tự truyện này người đọc sẽ được nhìn thấy Cao Xuân Huy, trong hai tư cách nhà văn và người lính. Cuốn tự truyện khởi đi từ một "lý lịch trích ngang", của một người lính thất thế bị cầm tù. Để từ đó bước trở thành một nhà văn lưu vong, trong một cộng đồng tị nạn mà mọi điều đều có thể làm giả, kể cả nhà văn. Tôi tin chắc cuốn sách sẽ mang đến cho người đọc nhiều sự thật, về những "hiện tượng" văn học hải ngoại trong thời gian xáo trộn gần đây. Phải chi tôi là "anh thật" của Huy, tôi sẽ lạm dụng vị trí của tôi, để thúc Huy viết cho xong cuốn tự truyện của anh. Nếu cuốn sách đó chưa hoàn tất, Huy khó có thể bình tâm làm bất cứ một công việc gì.

Tôi và Huy biết nhau từ ngày Huy còn học Trung Học. Thoắt một cái hơn ba chục năm đã qua đi, cả hai chúng tôi đã bước qua tuổi "tri thiên mệnh". Quảng đời còn lại của chúng tôi không còn dài, tôi tin rằng Huy đã trải qua một cuộc đời nhiều sóng to, gió lớn, giờ đây con cái đã lớn, anh sẽ tìm được sự bình an trong tâm hồn, để hoàn tất những gì anh còn đang bỏ dở.

**Cá nhân tôi bỏ đi không có gì đáng tiếc**

**Nguyễn Mạnh Trinh** thực hiện



Nguyễn Mạnh Trinh (NMT): *Đối với chiến tranh Việt Nam, qua nhiều thời điểm từ 1970 cho tới nay 1989 hình như ở nơi anh có sự thay đổi cảm xúc cũng như suy nghĩ?*

Hoàng Khởi Phong (HKP): Khi tôi còn trẻ đi lính xa nhà, tuy buồn nhưng tôi không thể nào nghĩ nổi những bản nhạc kiểu tâm lý chiến rẻ tiền như: "Anh là lính đa tình", "Kẻ ở miền xa", "Tiền lính tính liền", "Đám cưới nhà binh"... Nhưng binh sĩ của tôi thì khác, họ hát ồm ồm mỗi

bài hát suốt một hai tháng. Tôi rất ghét những anh thợ hát trốn lính, khi đi hát thì lại hay mặc đồ dù, đồ bông, đồ bay, đồ...lặn. Cho tới một hôm cách đây mười năm, tôi ngỡ ngàng trong một khu thương mại của người Việt trên đất Mỹ, trong một dịp đi hội chợ Tết. Cũng vẫn những anh thợ hát đó, vẫn đồ dù, đồ bông, đồ bay, đồ...lặn đó, vẫn "Kẻ ở miền xa" (bây giờ thì xa tuốt mù khơi), vẫn những lời hát ngô nghê, ngớ ngẩn của nhiều năm trước. Tôi nhìn lại những bộ dạng, nhân dáng đáng ghét đó, tự nhiên quặn đau trong lòng. Cả một trời xa đổ về, cả một thời cũ ủa tới. Tôi thấy thương thân mình, thương cả mấy anh thợ hát, cả những bài hát xưa đã nhiều lần làm tôi lộn tiết.

NMT: *Anh có thể kể những đụng chạm với chiến tranh, với chết chóc trong đời sống hậu cứ của anh?*

HKP: Trong đời binh nghiệp gần 13 năm, tôi có mặt ở đủ bốn vùng chiến thuật. Tôi làm việc ở 15 tỉnh, một hải đảo. Có nhiều chỗ tôi đổi tới làm việc vài ba lần, như Pleiku năm 65, 70 và 75, Biên Hòa năm 64 và 69, Vũng Tàu 2 dạo... Phần lớn những thuyền chuyển của tôi đều là bị phạt, khi thì vì vô kỷ luật thật, khi thì vì không chịu làm một cái bánh xe trong một guồng máy. Tôi là lính chuyên môn. Nếu kẻ tiểu ẩn ẩn mình trong thâm sơn cùng cốc, kẻ trung ẩn nấu mình nơi chợ búa phố phường và kẻ đại ẩn nương mình trong chốn triều đình thì tôi là kẻ... đại trốn lính, chuyên bắt những người khác đi lính. Nếu tôi nói tôi đánh giặc ghê gớm lắm thì các ông Cao Xuân Huy (Thủy Quân Lục Chiến), Phan Nhật Nam, Nguyễn Vũ, Khánh Trường (Nhảy Dù), Nguyễn Ý Thuần (Biệt Động Quân) sẽ cười. Nhưng quả thật trước 75, về chuyện giáp mặt kẻ thù thì các ông vừa kể không một ông nào theo kịp tôi. Tôi có tới 6 năm phục vụ trong các trại tù binh nên có dịp quan sát người lính của cả hai phía. Quân Đội Miền Nam thì mỗi lúc mỗi mất đi cái thuần chất chuyên nghiệp và bị chính trị thẩm thấu càng ngày càng đậm. Ngoài ra, tẻ trạng bè phái, tham nhũng cũng làm cho nó càng lúc càng giống như một con bệnh bị suy nhược. Còn những kẻ trong hàng rào, họ không phải chỉ ngu ngốc kiểu: "cái nồi ngồi trên cái cốc" hay nói ngọng "nằm nụng, nếu náo, lói mò.." như chúng ta vẫn giễu cợt. Đằng sau cái đàn độn bề ngoài đó, họ là một khối vững chắc, họ là những cái máy người. Gật và lắc do sự ưng thuận hay không của một vài kẻ khác. Họ cũng có những âu lo riêng tư như chúng ta, nhưng phản ứng trước một sự kiện thì đồng bộ. Đây không phải là sự đoàn kết, mà là sự sợ hãi, muôn người như một. Tôi xót xa cho họ, tôi đau buồn cho những người lính của tôi và cho tôi. Tôi hồi hộp chờ đợi một điều tồi tệ nhưng không bao giờ nghĩ, điều tồi tệ đó lớn đến độ kinh hoàng như năm 75.

NMT: *Anh làm thơ phản chiến hồi đó có phải vì bức đồng tuổi trẻ? Vì thích chống đối để tỏ ra mình tiến bộ? Hoặc vì nhận thức được vai trò tốt thì trong chiến tranh ủy nhiệm?*

HKP: Tôi dứt khoát là người không "hiếu chiến" nhưng cũng không "phản chiến". Điều quan trọng là trận chiến và tính chất của trận chiến. Tôi thèm làm lính của vua... Quang Trung, tôi thèm làm lính của ông... Đề Thám. Tôi tiếc là mình quá trẻ để không thể làm

một chiến sĩ có mặt tại Chapa, đánh trận Sông Lô, hay có mặt trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng. Nói tóm lại đó là những trận chiến chống ngoại xâm (vấn đề Quốc, Cộng là một chuyện khác đến sau). Tôi rất mê thơ Quang Dũng: "...*Rải rác biên cương mờ viễn xứ - Chiến trường đi chẳng hẹn ngày xanh...*" Vậy thì tôi phản chiến ở chỗ nào? Tôi không phải là một người hùng mũ đỏ mũ xanh nhưng dứt khoát tôi không hèn. Tôi không phải là một sĩ quan gương mẫu nhưng cũng không nhu nhược, nhắm mắt nghe lệnh thượng cấp. Tôi là một người lính, có cơ hội suy nghĩ về mình, về đồng đội, về địch quân. Tôi cố gắng chống trả trong hiện tại, và mơ ước trong tương lai chúng ta có những người chỉ huy đúng nghĩa, có tài có đức. Nếu Miền Nam trụ được thêm 10 năm nữa, tôi nghĩ là chúng ta đã không ngồi tại chỗ đang ngồi ngày hôm nay, lái xe hơi tốt, mặc quần áo đẹp xong rồi cười sằng sặc về vụ "cái nồi ngồi trên cái cốc".

Tôi không thích chữ "phản chiến". Nhạc của Trịnh Công Sơn nói lên niềm tha thiết của con người với hòa bình và cũng nói lên thân phận bèo bọt của con người trong thời chiến. Mà đã là con người thì ở đâu cũng vậy, ai cũng thích một đời sống bình yên, không chết chóc. Nhạc của Trịnh Công Sơn nếu có làm hao hụt tinh thần chiến đấu của Miền Nam như thế nào thì cũng làm hao hụt tinh thần chiến đấu của quân đội Bắc Việt y như vậy. Vấn đề là Miền Nam đã không vận dụng đúng mức cái chất nhạc u uất này, chẳng những thế chúng ta còn đẩy Trịnh Công Sơn mỗi ngày mỗi xa chúng ta, nên tôi không lấy làm lạ khi năm 1975 anh ta "hân hoan ngã về phía những người thắng trận".

NMT: *Bây giờ khi cầm bút, anh có nghĩ mình vẫn là người lính của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà (QLVNCH)?*

HKP: Nhà văn, nhiều đó đủ rồi. Tôi có 13 năm ở lính nên hay viết về đời lính, nhưng không phải vì thế mà bây giờ vẫn tự coi mình là một quân nhân. Tôi là một cựu quân nhân QLVNCH, cái này không có gì lộn cợn. Nhưng giờ này mà vẫn muốn là lính, là cấp tá, cấp tướng, vẫn muốn được gọi bằng cấp bậc cũ thì không thể chấp nhận được. Cái mũ casquette của sĩ quan có một cái khiên, trong cái khiên này, ngay chính giữa là phù hiệu của QLVNCH, bên trên có một hàng chữ: TỔ QUỐC, DANH DỰ, TRÁCH NHIỆM. Đó là ba tín niệm một sĩ quan phải đội trên đầu. Khi còn tại chức, anh đội lên đầu mấy chữ đó hay anh ngồi lên mấy chữ đó?

NMT: *Viết về những ngày tàn của cuộc chiến Việt Nam, qua Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng, Ngày N+... và Cây Tùng Trước Bão, anh có mục đích gì? Vì dằn vặt của ký ức? Hay muốn từ những sự kiện ấy hướng tâm nhìn và dự phóng tương lai dân tộc Việt Nam?*

HKP: Mục đích chính của tôi không lớn như anh đặt trong câu hỏi. Nó khiêm tốn hơn, tôi mong cống hiến cho những thế hệ sau một phần nhỏ của SỰ THẬT, những nhà văn khác cống hiến phần của họ. Những thế hệ sau sẽ có cơ hội ráp nối những phần nhỏ SỰ THẬT này, để có một SỰ THẬT tổng hợp của một giai đoạn lịch sử. Họ sẽ thấy những phần nào ĐÚNG, phần nào SAI, họ sẽ có những dữ kiện tốt, để chu toàn bổn phận của họ đối với giai đoạn lịch sử của họ.

NMT: *Ngày N+... có phải là một hồi ký? Như vậy có phần nào hư cấu hiện diện ở trong không? Hay tất cả những chi tiết đều là 100% sự thật?*

HKP: Ngày N+... là một cuốn hồi ký, không có gì hư cấu trong đó. Tôi biết trí nhớ của tôi rất tốt, khiêm tốn thì tôi nhớ được 80%, 20% còn lại có thể là sai, nhưng nhớ lộn thì không phải là hư cấu. Trong trường hợp tái bản, tôi sẽ sửa lại vài chi tiết sai về tên người cũng như sự kiện. Hiện nay tôi biết đã làm ba chi tiết, trong đó có một chi tiết liên quan đến người em họ tôi là Đại Úy Đàm Quang Thức, Nhảy Dù. Anh ta không chết, đi học tập hơn 10 năm và đã về nhà.

NMT: *Có người nói trong Ngày N+... có sự lãng mạn của những bài thơ. Vậy chất thơ ấy có phải là hư cấu? Hay chỉ là cốt lõi ngôn ngữ Hoàng Khởi Phong?*

HKP: Cũng chỉ là cảnh mặt trời lặn mà có người thấy thê lương, có người thấy huy hoàng, lại có người chẳng thấy một chút ấn tượng nào. Trong cảnh hỗn loạn cùng cực của một cuộc rút lui, nếu viết lại ngay lúc đó, tôi chắc là sẽ có nhiều hình ảnh khác, sẽ có nhiều súng nổ, đạn bay, người chết như ngã rạ. Mười năm sau, những cái còn lại trong đầu chính là những hình ảnh mạnh mẽ nhất, sắc nét nhất và lắng đọng nhất. Nếu nó lãng mạn như một bài thơ, thì điều đó có nghĩa là ngay cả chiến tranh và cõi chết cũng có chất lãng mạn, chất thơ của nó.

NMT: *Từ Ngừng Mặt Nhìn Trăng Sáng cho tới Ngày N+..., anh có sửa đổi thêm thắt gì không? Sự thêm thắt ấy do nhớ lại nhiều chi tiết hơn hay là trộn lẫn thêm những suy tưởng và cả những hư cấu cần thiết?*

HKP: Phần đầu của Ngày N+... (Pleiku - Tuy Hòa) gồm 70 trang giữ nguyên từ *Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng*. Phần hai (Qui Nhơn - Phú Quốc) và phần ba (Sài Gòn - Subic Bay) và lá thư gửi cho các em học sinh của Trường Tiểu Học Vườn Hồng được viết sau này. Lí do là khi

thực hiện *Ngẩng Mặt Nhìn Trăng Sáng*, số tiền của nhà xuất bản Bối Cảnh dành cho cuốn sách đó của Hoàng Chính Nghĩa và tôi chỉ có thể in được bấy nhiêu. Ngày đó in tại nhà in Mỹ đắt gấp ba bây giờ in tại nhà in Việt. Sau này nhà Văn Nghệ muốn tái bản cuốn đó, tôi đề nghị để tôi viết trọn vẹn cuốn sách mà 10 năm trước tôi chỉ in được một phần thật nhỏ.

NMT: *Một đoạn trong Ngày N+... anh viết về những em Thiếu Sinh Quân ở Pleiku, trong ngày di tản, hoặc các em Hướng Đạo Sinh dắt dìu nhau ở Liên Tỉnh Lộ 7B, những đoạn ấy rất cảm động. Từ những trường hợp ấy, anh nghĩ gì đến những đứa trẻ trong đời sống hôm nay? Và liên tưởng nào khác xa hơn những cảnh anh đã chứng kiến?*

HKP: Hơn một thế kỷ, các thế hệ trẻ thơ của nước ta đã quen thuộc với chiến tranh từ thời thơ ấu, đến độ nhìn súng đạn như đồ vật quen thuộc trong nhà. Đến khi khôn lớn, được người ta nhét một khẩu súng vào tay thì không thấy nó là một vật bất thường. Kiểm điểm

lại, trong thế kỷ 20 này người Việt tham dự bao nhiêu cuộc chiến tranh? Chống Pháp, chống Mỹ, chống lẫn nhau, rồi đánh Tàu, đánh Cao Miên. Ấy là chưa kể thời gian chống Nhật và một trận đánh ít người nhớ là chống Liên Quân Anh-Ấn khi đoàn quân này vào giải giới từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam. Thử hỏi trong thế kỷ 20 này, có trẻ thơ nước nào như trẻ thơ nước Việt không?

NMT: *Nếu có người đề nghị mang lá thư anh gửi cho các em học sinh của Trường Tiểu Học Vườn Hồng lên đầu cuốn Ngày N+..., anh nghĩ thế nào? Có phải đó là một phương cách mở đầu quyển sách với ấn tượng mạnh?*

HKP: Lá thư gửi cho các em học sinh của Trường Tiểu Học Vườn Hồng phải ở cuối, bởi cuốn sách không nên đóng lại bằng những đờn đau, ê chề, nhục nhã. Cá nhân tôi bỏ đi không có gì đáng tiếc, nhưng tôi còn một chút hy vọng vào tương lai của xứ sở. Quốc gia chúng ta đã từng bị Bắc Phương đô hộ cả ngàn năm, đã bị Tây Phương cai trị cả trăm năm, mà nước Việt vẫn tồn tại trên bản đồ thế giới. Chúng ta mới có một cuộc chiến Nam Bắc 20 năm, nhưng chúng ta đã từng có một cuộc tương tranh Trịnh Nguyễn kéo dài tới hai thế kỷ. Lịch sử không bao giờ ngưng lại tại đây. Đây chỉ là một giai đoạn lịch sử bất lợi cho miền Nam, cho toàn thể dân tộc. Tôi gửi những hy vọng của tôi qua tập sách này, đến các thế hệ kế tiếp. Tôi hy vọng họ sẽ thấy được những sai lầm của thế hệ chúng ta, ngõ hầu họ có thể tránh

được những điều làm phương hại đến vai trò của họ, trong giai đoạn lịch sử sắp tới. Do đó trước khi được ngỏ lời với họ, tôi phải có can đảm đi qua những vũng bùn của chính tôi.

NMT: *Những tác phẩm khác của anh như Thư Không Người Nhận, Thư Gửi Người Bạn Cũ, Cháo Lú... có thể sắp vào loại nào? Tạp ghi? Tùy bút? Nghị luận chính trị pha lẫn với văn chương?*

HKP: Cả loạt bài anh đề cập đến có nhiều chất chính trị, nhưng điều quan trọng không phải là xếp nó vào loại nào, mà là tôi làm bật được cái gì trong đó. Theo tôi một nhà văn không nhất thiết phải có hành vi chính trị, nhưng trong thời điểm của chúng ta, nhà văn phải có ý thức về chính trị. Đây cũng chính là điểm mà anh Nguyễn Mộng Giác đôi lần tỏ ý băn khoăn về tôi, bởi vì đối với phần lớn các nhà văn, chữ "chính trị" bao hàm những ý nghĩa không mấy tốt đẹp.

NMT: *Đối tượng của anh khi viết những bài văn trên là ai? Có phải là sẽ đi xa hơn là những tâm sự với những người thân, với Trần Hữu Lục, Vị Ý...*

HKP: Thời điểm chúng ta đang sống là một thời điểm thật lạ lùng và phức tạp. Chúng ta có thể bị quất ngã bởi một nghìn thứ. Trước tiên hết là hai phe Quốc và Cộng, phe nào cũng có thể đón con người quy xuống như đón một cây chuối. Xã hội miền Bắc có những khó khăn của họ, và xã hội trong Nam có những khó khăn khác. Thư gửi một người bạn văn có thể là những suy nghĩ giữa Trần Hữu Lục và tôi, có thể giữa anh và một nhà văn nào đó còn ở lại quê nhà, có thể giữa bất kỳ một nhà văn nào ở đây với một nhà văn phía bên kia. Nếu chúng ta nhìn rõ mình đang ở đâu trong cơn biến động này, và giới hạn những hoạt động của mình trong những gì mình có thể làm tốt, như thế là chúng ta đã tiến được một bước về phía hành trình tìm lại chính mình. Chiến tranh thì quá lớn, trong góc nhìn hạn hẹp của mỗi nhà văn, nếu còn để những thiên kiến, đổ kỵ, hẹp hòi, thiên cận... chi phối thì viết làm chi. Chúng ta là nhà văn, nhà văn Việt Nam ít người giàu có. Nhà văn chỉ có mỗi một tấm lòng, do đó tôi muốn mở toang nó ra và không ngần ngại đem chính mình ra làm một ví dụ. Xấu hay tốt cũng tùy vào các sự kiện, và bởi cách nhìn của những tấm lòng khác.

NMT: *Chuyện 30-4-75 có phải là chuyện dài Nhân Dân Tự Vệ không? Nếu có người tiếp tục viết về đề tài ấy, anh nghĩ sẽ có sự nhầm lẫn của độc giả không? (Xin loại trừ các cuốn hồi ký viết theo đơn đặt hàng, hay những lời chối quanh quẩn)*

HKP: Chuyện 30-4-75? Nếu chúng ta còn một chút liêm sỉ, thì chúng ta phải giữ trang sử u buồn này một cách nghiêm túc. Tôi viết cuốn *Ngày N+...*, không phải để bào chữa cho những hành vi của tôi, mà để nói lên những gì liên quan đến 45 ngày cuối cùng của tôi tại miền Nam, và tôi cũng tin rằng có nhiều người khác viết hồi ký về giai đoạn này, với một trái tim thất lại. Về phía những người đọc, sau 15, 20 năm ổn định nơi xứ người, có nhiều người không muốn quay đầu nhìn lại, mà muốn xóa hẳn cái ký ức của giai đoạn u buồn tang tóc này. Tôi thông cảm với họ, đôi khi người ta phải quên đi để mà sống thanh thản. Tôi cũng biết có một số hồi ký được viết với thiên kiến lệch lạc, đổ tội quanh quẩn. Làm thế nào được, đến giờ này vẫn còn nhiều người ca tụng ông Thiệu là danh tướng, ông Khiêm, ông Viên là danh tướng. Ông Kỳ thì xui hơn, không được ai ca tụng là danh tướng, chỉ vì ông đã hết tiền, đã một lần khai "bankrupcy". Nhưng ông Kỳ đích thân viết một cuốn hồi ký cho ông, nên không cần những người khác viết hộ. Giờ này mà viết ca tụng các ông Thiệu, Khiêm, Viên, Toàn, Quang... là danh tướng thì chẳng những hết thuốc chữa, mà còn là một hành vi phi nhỏ vào những nắm mồ hoang vô chủ của những người lính vô danh, đã nằm xuống trong khi bảo vệ các phần đất càng ngày càng ngày thu hẹp lại, cũng như những người dân chết oan trong thời điểm tháng 4-75. Tôi không nghĩ là có sự nhầm lẫn của độc giả với những cuốn sách được



viết bằng sự chân thành. Những ai muốn quên thì đã không đọc, có gì vào tận mắt họ cũng quay đi. Còn những độc giả muốn nhìn cho rõ sự thật, họ sẽ tìm đọc. Lấy ví dụ cuốn sách của anh Cao Xuân Huy, không đọc nó thì thôi, đã "bấp" được vài trang thì sẽ phải đi cho kỳ hết cuốn sách. Đồi lúc tôi có cảm giác hình như thăm kịch đến từ phía đối phương ít hơn thăm kịch đến từ phía chúng ta đối với chúng ta. Đừng bắt Nhân Dân Tự Vệ phải xấu hổ về sự thất bại của cả miền Nam. Nhân Dân Tự Vệ đâu có tầm vóc, kích thước lớn quá vậy?

*NMT: Nhà văn Nguyễn Mộng Giác có nhận xét anh là người đi chênh vênh giữa suy tưởng và hành động, giữa lý thuyết và thực tế, mong tạo dựng một guồng máy khác với guồng máy hiện nay và khao khát hành động.*

HKP: Anh Nguyễn Mộng Giác và tôi giao thiệp với nhau qua nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn, đến nay cũng đã trên 20 năm. Anh Giác có một lúc nào đó sợ tôi sao lãng việc viết và sa chân vào con đường hoạt động chính trị. Ngày đó chúng tôi còn trẻ, mới 25, 26 tuổi đầu và mơ đội đá vá trời. Tôi thấy chính quyền miền Nam mỗi lúc mỗi xa chính nghĩa dân tộc, do đó trong thâm tâm, tôi mong có một sự thay đổi lớn. Nếu có sự tiếc nuối nào thì tôi tiếc là mình chưa bao giờ đích thực dấn thân. Nơi đây, bây giờ (1995) việc dấn thân trong lãnh vực chính trị đôi lúc làm cho tôi... buồn cười. Tôi biết có những nhân vật cùng một lúc có mặt trong 5, 6 đoàn thể. Chỉ cần có mặt thôi, vì nhiều khi cuối tuần buồn chẳng biết đi đâu. Nhiều người lớn tuổi sợ rằng đời đã quên mình, nên hốt hoảng hành động, nói năng như người lên đồng. Nơi đây có những trò "chích máu ăn thề". Máu thì chích được một giọt, thề thì ăn toàn cao lương mỹ vị. Bây giờ tôi hết còn muốn dấn thân, nhưng những suy nghĩ thì không thay đổi được.

*NMT: Anh có để ý đến những sinh hoạt chính trị bây giờ? Nếu có, anh nghĩ sao về những điều sẽ làm thay đổi thời thế hôm nay?*

HKP: Chúng ta là những kẻ đã chạy trốn tổ quốc, bởi không thể chịu nổi cái khung cảnh mà hơn 2000 năm trước Khổng Tử gọi là: "hà chính mãnh ư hổ". Chúng ta chọn lựa tự do, cho dù tự do chỉ là những ý niệm vô cùng trừu tượng. Nói một cách khác: Chúng ta phải bỏ nơi phải bỏ, và tới nơi phải tới. Chỗ phải bỏ mới gần là địa ngục, chỗ phải tới thì không hẳn là thiên đường. Do đó mà có một số đông chúng ta sống ở đây, mà hồn thì ở nơi khác. Những người nào đã tìm thấy thiên đường nơi đây, thì không còn gì phải bàn. Còn những ai đột nhiên một buổi sáng tinh dậy, thấy hoa đào nở ở nơi góc vườn mà lòng quặn lại, nhớ tới những cánh mai vàng của chốn cũ; nhìn những cơn mưa rào gõ vào kính xe bông thấy ẩn hiện những đứa trẻ tắm mưa, cối trường chạy luông tuồng trong con ngõ hẹp; nửa khuya thức giấc chập chờn như nghe tiếng rao quà ban đêm, và mỗi năm cứ đến ngày 30 tháng Tư, không muốn tham gia bất cứ một cuộc hội họp nào, cứ lủi thủi trong căn phòng hẹp, hay leo lên xe tìm đến một chỗ vắng người; những người đó không thể không nghĩ đến chính trị.

Nhưng bước vào vấn đề này, chúng ta bước vào một mớ chỉ rối mù. Chưa bao giờ chúng ta có nhiều nhân sĩ cộng đồng như thời điểm hiện tại. Những nhân sĩ này mặc đồ lớn, xuất hiện ở chốn quan, hôn, tang, tế và chờ dịp lên micro phát biểu. Bây giờ chúng ta có tới 12 đài phát thanh, tôi lắng nghe nhiều lời phát biểu trong các cuộc hội luận chính trị trên làn sóng phát thanh, mà lổ tai lũng bùng cả ngày. Tôi phục những vị phát biểu đầu Ngô mình Sở này ở chỗ họ là những người...can đảm. Có nhiều lần tôi được thấy những lá cờ Việt Nam Cộng Hoà được may lên áo dài, cà vạt. Một lần trong hội chợ Tết tổ chức tại Pomona, tôi thấy một phụ nữ Mỹ cao, to, béo, trắng, mặc áo dài màu vàng, ba sọc đỏ chạy vắt chéo ngang ngực, và tay ôm một con chó nhỏ xíu đi ve vẩy. Hình ảnh này trông vô cùng giễu cợt, lạ một điều là những nhân sĩ cộng đồng tổ chức hội chợ này không một ai cảm thấy khó chịu, và dường như họ còn hãnh diện đi bên

cạnh người phụ nữ Mỹ phốp pháp ôm con chó nhỏ ấy, cười tươi như hoa những khi được chụp hình. Có một ông ca sĩ thuộc vào hàng lính kiểng ngày xưa, bây giờ đã trở thành thi sĩ, mỗi khi đi biểu tình còn sơn màu cờ lên mặt. Tôi đã nhiều lần đưa tay lên vành mũ, lên chỗ ngang chân mày, ngược nhìn lá cờ đỏ bay lượn giữa trời xanh. Nó đã phủ lên quan tài của cả triệu người trong cuộc chiến. Nếu thật sự lá cờ đỏ ngự trị trong lòng chúng ta, thì không cần phải may lên áo, cà vạt, vẽ lên mặt lên trán, mà hãy ghi thật sâu trong tim, trong óc. Tôi nghe các bạn sang sau kể lại: Nhiều sĩ quan Quân lực Việt Nam cộng hoà, trong thời gian đi tù cải tạo, thù bị biệt giam, bỏ đói vài ngày, chứ không chịu lấy cờ may quần đùi. Tập quán của người Mỹ cho phép dùng quốc kỳ để may xi-líp, nhưng với chúng ta thì không nên làm như thế.

Tôi chưa bao giờ thấy nhiều lãnh tụ như hiện nay, có cảm giác như mỗi ngày gặp hàng trăm lãnh tụ, nhiều như thế e rằng không phải của thật. Lịch sử đã một thời có 12 sứ quân, bây giờ chúng ta có trăm, ngàn, vạn, mớ sứ quân. Chỉ tiếc rằng các sứ quân hôm nay đã hiếm tài, lại ít đức (Tôi nói có bằng chứng. Anh cứ chỉ cho tôi một sứ quân, tôi sẽ có cả chục bằng cờ của các sứ quân khác hạch tội). Trong chính trị chúng ta đang lạm phát lãnh tụ, thì cũng hết như trong văn chương chúng ta đang ở vào triều đại thối sáo bầy. Hãy lấy một con số khiêm nhường, trong hàng trăm lãnh tụ hiện nay đang bí bí, mặt mặt, đang hô hào, đang diễn thuyết, có bao nhiêu người thực sự làm công việc chính họ đang hô hào? Khi đặt nghi vấn như vậy, tôi biết rất rõ có nhiều người chống cộng vì sợ người đời quên mất cái địa vị cũ của mình. Có nhiều người chống cộng vì business, và thiếu gì người vì cái danh hão để được lòng người đẹp. Lấy ví dụ cụ thể: Vấn đề bang giao giữa Mỹ và Việt Nam. Việc này ảnh hưởng đến tất cả mọi người, trong nước cũng như ngoài nước, chống cộng hay không chống cộng, hoạt động chính trị hay không hoạt động chính trị. Nếu chúng ta chống việc bang giao, thì tại sao chống? Nếu cổ võ thì tại sao cổ võ? Những dấu hiệu của việc bang giao đã có từ nhiều nhiệm kỳ Tổng Thống Mỹ, thế mà ngày Hoa Kỳ bãi bỏ cấm vận, tôi đã nghe một lãnh tụ cộng đồng cho biết là ông ta bị "sốc". Không thể bị sốc trong khi hoạt động chính trị, phải tỉnh táo và chủ động trong việc làm. Không thể hoạt động chính trị trong cung cách hết sức thụ động, chờ coi người Mỹ làm gì. Nhiều người hoạt động chính trị còn giữ được nguyên vẹn tính nô lệ, trông chờ người Mỹ bật đèn xanh hay đỏ, rồi mới án binh bất động hay xắn tay áo vào việc. Đối với cộng sản cũng chờ coi họ làm gì rồi mới có phản ứng. Tôi không đặt vấn đề chống hay thuận trong việc bang giao. Tôi đặt vấn đề nếu Hoa Kỳ và Việt Nam bang giao thì phải làm gì? Các đoàn thể và đảng phái chính trị hễ đảng đàn thuyết pháp thì luôn luôn kêu gọi đoàn kết, thế có nghĩa là chúng ta đang chia rẽ cùng cực. Hãy mở các tờ báo, lắng nghe các đài phát thanh để ước lượng được sự chia rẽ trầm trọng đến như thế nào.

NMT: *Viết với anh có phải là một nhu cầu cần thiết? Hay chỉ là một việc làm cọt đũa cho qua ngày ở xứ người?*

HKP: Thú thật với anh, chính tôi cũng không biết rõ điều này. Có lúc tôi thấy mình đáng bị "bỏ" vào thùng cất kỹ, do đó trong vòng mười năm liền tôi không viết một chữ nào. Thời gian làm nhà xuất bản Bó Cái, tôi nhìn thấy sách của mình bị bày bán tại những cái kệ trong các chợ thực phẩm Việt Nam, cạnh mắm tôm, nước mắm. Có thể với một số người nào đó, văn chương của tôi làm mắm thêm nặng mùi. Cho dù có như thế thật tôi cũng xấu hổ và thu sách về. Văn chương tôi có dở, tôi cũng không nở nhìn thấy nó nằm đó. Dường như tại đây, có nhiều người khéo làm ăn, tài xoay trở, kiếm được rất nhiều tiền, và dùng tiền để mua một cái danh hão. Danh hão nào dễ mua cho bằng cái danh "nhà văn, nhà thơ". Viết xem chừng cũng dễ, có tiền in sách ra, mời bạn bè đến ra mắt, có ăn, có dạ vũ, khéo khích động thì lại thu vốn về ngay trong lần ra mắt, rồi có phóng sự đăng báo,

hàng vài chục tấm hình chi chít mấy trang báo, ai nấy đều ăn mặc như tài tử xi nê. Kế đó lại được vài nhà văn "cổ thụ" chuyên về khen, viết bài tường thuật. Tôi đã thấy một cuốn sách hơn hai trăm trang, có tới 40 người viết lời khen, in ngay trong cuốn sách, được các nhà văn lớn, nhỏ ấn chứng văn tài, ví vớ Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Bà Huyện Thanh Quan... ai ai cũng được chụp hình bên cạnh lời khen của mình, thành thử cuốn sách giống như một sưu tập hình ảnh nhiều hơn là một tác phẩm văn chương. Lại thêm mấy ông "đàn anh văn nghệ", ông nào khó tính và tưởng rằng mình ôm được cái "chiếu văn học" khi di tản, đuổi các người viết mới như đuổi tà. Có ông lại quá dễ tính, mang "chiếu văn học" ra, "ấn" mọi người ngồi xuống. Mấy ông dễ tính này cứ sờ vào ai là người đó thành nhà văn, nhà thơ ráo trội. Việc lạm phát các nhà văn, nhà thơ làm cho văn chương dễ bị phá sản. Đó là lý do có một thời gian tôi thấy mình không nên léo hánh tới chữ nghĩa. Tôi không bao giờ có ý định bõn cợt với chữ nghĩa, nhưng tôi cũng không cho việc viết là một nhu cầu tối cần thiết. Điều quan trọng là mình viết cái gì, và quan trọng hơn nữa là phải viết cho tới, cũng như phải giữ được cái liêm sỉ tối thiểu của người cầm bút. Cái liêm sỉ tối thiểu này hạn hẹp trong việc cầm bút mà thôi. Tôi không đòi hỏi nhà văn phải là một nhà đạo đức, nhưng tôi đòi hỏi nhà văn không thể vì một mối lợi mà bê queo ngòi bút của mình, càng không thể vì phe nhóm, mà chụp mũ người này, ca tụng người khác.

NMT: *Anh có luôn luôn suy nghĩ, bây giờ chúng ta phải cầm bút như thế nào?*

HKP: Nếu một nhà tu lên đường bằng niềm tin, thì nhà văn phải lên đường lòng chân thật.

Vấn đề của những người cầm bút lưu vong chúng ta lại khác hẳn. Thực tế thì làm nhà văn quả có "dễ ợc", nên nơi đây chúng ta có nhiều loại nhà văn. Ở đây không một ai vì viết văn mà bị dọa bỏ tù, cúp hộ khẩu, đuổi sở, công an áo vàng nhòm ngó, con cái không bị đuổi trường. Nhưng nếu không thích viết văn, thì cũng không một ai gí súng vào màng tang bắt phải viết. Chúng ta có những nhà văn chuyên về quảng cáo, nhà văn chuyên về đánh đấm, nhà văn chuyên về thời trang, chuyên về điện ảnh, thẩm mỹ và dĩ nhiên rất nhiều nhà văn chống cộng. Một trong những cách hữu hiệu nhất để chống lại bạo quyền là hãy làm tốt những gì mình phải làm, không nhất thiết là nhà văn, ai nấy đều làm đúng công việc của mình, tạo thành một cộng đồng có sức mạnh cụ thể, chứ không phải một cộng đồng cãi nhau ngày này sang tháng khác, năm này sang năm nọ như hiện nay.

NMT: *Vị nghệ thuật? Vị nhân sinh? Dấn thân? Viễn mơ? Anh có lựa chọn nào trong khi phác họa chủ đích cho bài viết của mình?*

HKP: Vị nghệ thuật cũng được, vị nhân sinh cũng được, mà vị tiền cũng chẳng sao. Dấn thân cũng thế, viễn mơ cũng vậy. Khi viết phải biết mình định viết cái gì, định viết cho ai và quan trọng nhất là phải viết cho hay, cho tới, cho đạt. Nếu viết không tới, không đạt thì vị cái gì, viễn...thân hay dấn...mơ cũng vát, cũng vô ích. Nên dành thì giờ làm nghề khác có lợi hơn là viết văn, vừa làm mình hao hụt thì giờ và tiền bạc, vừa làm người đọc cũng hao hụt y như...người viết vậy.

NMT: *Lúc này, qua 30 năm sinh hoạt văn chương của anh, anh có vẻ viết hăng nhất. Động lực nào đã thúc đẩy? Vì cần thiết của thời thế? Vì yêu văn chương hơn sau một thời gian chán nản? Vì nhìn thấy được những tia nắng mới?*

HKP: Tôi không viết trong mười năm liền, mỗi lần nhìn thấy các bạn văn có sách mới, tôi đều thấy thèn thẹn. Người xưa có câu: "Sĩ phu ba ngày không đọc sách, soi gương thấy mặt mũi khó coi". Là một nhà văn mà mười năm liền không viết, soi gương không còn là khó coi nữa, mà là tởm lảm, nếu vẫn cứ tìm mọi cách chường cái mặt nhà văn

không viết của mình trong mọi chốn đông người. Đúng như thế, hiện nay tôi có nhu cầu viết, tôi đang sống bằng nghề cầm bút, với một số lương tương tất cho một mình tôi. Tôi không có nhu cầu nhiều, nhà không có, xe cũ không bảo hiểm, không ăn nhậu, không nhảy đầm, không cờ bạc, quả tình tôi đang sung sướng với một số lương khiêm tốn so với những người làm sở Mỹ.

Còn nhìn thấy tia nắng mới? Không. Hiện nay chúng ta đang ở trong một con đường hầm tối như bưng. Chính trị tối theo kiểu chính trị, văn học tối theo kiểu văn học, và ngay cả thương mại, cứ nghe đài, xem cách quảng cáo của các thương gia Việt Nam là thấy ngay về thương mại chúng ta cũng không sáng sủa gì. Bây giờ hành vi viết của tôi cứ cho là đang lặn mò trong bóng tối, đi được bước nào hay bước ấy, lết tới trước, may ra có một ngày nhìn được ánh sáng nơi miệng hầm. Trên năm mươi thì khó ra khỏi căn hầm này, nhưng có thể nhìn thấy được một chút ánh sáng le lói cuối đường hầm.

NMT: *Thói quen của anh khi viết? Nơi chốn, thời gian, điều kiện thích hợp để viết?*

HKP: Tôi làm việc thợ tiện, ca đêm, để cho không buồn ngủ, mỗi khi bấm cái nút cho máy chạy, tôi ngồi xuống và nghĩ ngợi xa gần, riết rồi tiếng máy không còn ứng được vào trí tôi. Cuốn *Ngày N+*... được viết trong xưởng tiện, cuốn *Thư Không Người Nhận* được viết trong lúc bán hàng chợ trời, không có khách. Phần đầu của *Người Trăm Năm Cũ* được suy nghĩ và viết trong những lúc lang thang trên đường, suốt hai năm trời không có một địa chỉ nhất định. Trước kia viết bằng bút, tôi có thể viết tại bất cứ chỗ nào, bàn ăn, ghé đá công viên, trên tay lái xe, nằm dài trong sa-lông phòng khách, ghi chép cả trong phòng vệ sinh. Bây giờ viết bằng máy vi tính, nên phải ngồi vào bàn cẩn thận hơn, thể thôi. Tôi không kiểu cách phải có phòng yên tĩnh, vì trong khoảng 15 năm nay tôi không bao giờ có một căn phòng cho riêng mình.

NMT: *Anh có ước mơ nào cho tác phẩm của mình?*

HKP: Mơ ước? Có chứ. Nhưng không mơ ước cho một mình tôi. khác. Bối cảnh chiến tranh Việt Nam có dư kích thích cho một tác phẩm lớn, không một chút mặc cảm nhược tiểu so với văn học của toàn thế giới. Chính trị, quân sự, kinh tế, kỹ thuật mới có vấn đề cường nhược, chứ còn văn học thì không có đại cường và nhược tiểu. Điều quan trọng là nhà văn phải làm việc nghiêm túc hơn là mê mải lo chức chủ tịch các trung tâm văn bút. Nay chiến tranh tàn đã được hai chục năm, cái dòng cuồng lưu cuốn cuộn máu đào đó giờ đây đã lắng, nước tuy chưa hẳn đã không còn tanh nồng, nhưng người viết đã có đủ thời gian chiêm nghiệm lại mình, nghĩ về đời sống, về tương lai, nghĩ về tác phẩm. Nhất là những nhà văn tại hải ngoại có nhiều điều kiện, đủ tài liệu cũng như phương tiện để sửa soạn cho một tác phẩm có kích thước, có chất lượng. Tôi tin vào những nhà văn trẻ hơn tôi, không bị chiến tranh o ép, không bị những thiên kiến của quá khứ chi phối, được đào tạo kỹ lưỡng, được hấp thụ một nền giáo dục cởi mở, họ sẽ đi xa hơn thế hệ chúng tôi. Trong thế kỷ này có thể văn học Việt Nam chưa chắc đã dương danh được với văn học toàn thế giới, nhưng 20 năm nữa, phải biết đâu chừng 20 năm nữa...

Trích từ hai cuộc phỏng vấn năm 1989 và 1995, talawas biên tập)

---

Hoàng Khởi Phong (tên thật: Nguyễn Vinh Hiến) sinh năm 1943 tại Hải Dương; cựu học sinh trung học Chu Văn An, Sài Gòn 1961; cựu sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà 1963-1975.

Tác phẩm: *Mặt trời lên* (thơ, 1967), *Phục hồi quyền chức làm người* (thơ, 1970), *Trong*

*hoàn cảnh khác* (tập truyện, 1973), *Ngẩng mặt nhìn trăng sáng* (kí sự, viết chung với Hoàng Chính Nghĩa, 1977), *Ngày N+* (hồi kí, 1988), *Thư không người nhận* (tập truyện, 1991), *Người trăm năm cũ* (trường thiên tiểu thuyết, tập I, 1993), *Cây tùng trước bão* (kí sự, 1994), *Những con chuột thời thơ ấu* (tập truyện, 1995), *Viết lên trời xanh* (truyện dài, 1996), *Quán ven sông* (tập truyện, 2001), *Người trăm năm cũ* (trường thiên tiểu thuyết, tập II, 2002)

© 2004 talawas

## **Nhà văn Hoàng Khởi Phong trả lời nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh**

(tạp chí Văn Học số 123 tháng 7-1996)

...Văn chương, cái này đúng là một cái nghiệp đã đe dọa nhiều người, nhiều gia đình. Nó không thua gì hiểm họa chiến tranh. Chả thế mà các tạp chí văn chương cứ hiện ra rồi lại biến đi, còn các nhà văn thì ẩn hiện vô lường. Nghĩ cho cùng thì tôi thấy tội nghiệp cho...tôi và tội nghiệp cho cả...văn chương.

Khi tôi cầm bút, tôi nghĩ tới những "nhà văn" đúng nghĩa. Khi tôi cầm súng, tôi nghĩ tới những "người lính"chính hiệu. Tôi cho là tư cách "nhà văn" nó bao gồm mọi tư cách khác của cá nhân tôi. Nếu những nhà văn có thời đi lính được gọi là " nhà văn quân đội", thì giả dụ có một nhà văn sau năm 75 phải đi đạp xích lô kiếm sống, và hơn thế nữa tác phẩm của ông ta viết về giới xích lô, ba gác, vác thuê, gánh mướn ta có gọi nhà văn đó là "nhà văn Xích lô"không ? Rồi một người nào đó trước kia ở Việt Nam là cảnh sát, ta có gọi ông ta là "nhà văn Cảnh Sát"không ? Bây giờ tôi làm thợ tiện, anh có gọi tôi là "nhà văn Thợ Tiện" không ?

Nhà văn, nhiều đó đủ rồi. Tôi có một thời gian đi lính, nên tôi hay viết về đời lính của tôi nhưng không phải vì thế mà bây giờ tôi vẫn tự coi mình là một quân nhân. Tôi là một cựu quân nhân QLVNCH, cái này không có gì lộn cợn. Nhưng nói tôi đang còn là một quân nhân QLVNCH, thì không sai...nhưng dứt khoát không đúng, nó có cái gì đó không chính danh...

Tôi rất phục những ai định viết gì...thành cái ấy. Trước khi tôi làm một bài thơ, viết một đoạn văn, tôi để hai, ba ngày tìm những hình ảnh chính liên quan đến đề tài tôi chọn, rồi dùng những hình ảnh ấy dẫn ý tưởng của mình đi. Thành thử những bố cục ban đầu ít khi giữ được. Cả loạt bài anh đề cập đến ( Thư không Người Nhận, Thư Gửi Người Bạn Cũ, Cháo Lú...) lúc đầu tôi không định viết như thế, rồi hình ảnh dẫn tôi đi, rồi suy nghĩ cộng với cảm xúc, rồi phản nộ trộn lẫn với đau xót, và những hình ảnh phụ ở đâu tràn về. Rút cục tạp ghi không phải tạp ghi, tùy bút không hẳn tùy bút. Tôi công nhận những bài viết này có nhiều chất chính trị, nhưng cũng có nhiều chất văn chương. điều quan trọng tôi nghĩ là xếp nó vào loại nào, mà tôi làm bật được cái gì trong bài viết.

Trước tiên tôi là nhà văn, vậy bài viết bắt buộc phải có văn chương. Theo tôi một nhà văn, không nhất thiết phải có hành vi chính trị, nhưng trong thời điểm chúng ta, nhà văn nên có ý thức về chính trị. đây cũng chính là điểm mà anh Nguyễn Mộng Giác đôi lần tỏ ý băn khoăn về tôi, bởi vì đối với phần lớn các nhà văn, chữ "chính trị"bao hàm những ý nghĩ không mấy tốt đẹp. Nói tới chính trị là người ta nghĩ tới "thủ đoạn" . Nhưng nếu chúng ta có "thủ đoạn"để cho người xấu không thể hành hạ người tốt, để cho xã hội tốt đẹp hơn, trên ra trên, dưới ra dưới, nhà văn viết những tác phẩm hay hơn, nhà giáo dạy học tốt hơn, nhà binh không lo đến việc phe cánh, bọn tham nhũng không ló mòi ra

được, bọn gian thương hết cục cựa, quan toà ra dáng ông toà, bác sĩ không ham mở phòng mạch...thì nên có những "thủ đoạn"như vậy. Sao lại cản ? Sao lại sợ ?

Tôi không nghĩ những bài viết mà anh đề cập đến là những bài nghị luận chính trị. Nghị luận, tham luận, khảo sát chính trị nên để cho những người làm chính trị viết, không phải nghề của nhà văn. Nhưng cũng không thể cấm một nhà văn, dùng văn chương là ngôn ngữ chính để diễn tả một vài sự kiện liên quan đến chính trị. Tôi không thấy cần xếp loại những bài viết này, mà điều quan trọng là tôi đã chạm được đúng đến vấn đề trong các bài viết của tôi chưa ?

Thói quen cầm bút của tôi, trước tiên là suy nghĩ thật kỹ về đề tài tôi định viết. Chọn những hình ảnh bất mắt liên hệ tới đề tài, rồi dùng những hình ảnh này để dẫn những suy nghĩ, những ý tưởng trong đầu. Có khi suy nghĩ cả tuần mà khi ngồi xuống viết chỉ viết trong một buổi tối mà thôi. Suy nghĩ thì đâu có cần đòi hỏi tới nơi chốn, khung cảnh. Suy nghĩ ở trong đầu, nếu còn cần ngoại cảnh thì có khi ngoại cảnh chi phối cả những suy nghĩ của mình chẳng ? Tôi làm việc thợ tiện, ca đêm, để không buồn ngủ, mỗi khi bấm cái nút cho máy chạy, tôi ngồi xuống và nghĩ ngợi xa gần, riết rồi tiếng máy không còn ứng được vào trí tôi. Cuốn "Ngày N +..."được tôi viết trong xưởng tiện, cuốn "Thư Không Người Nhận" được viết trong lúc bán hàng chợ trời, không có khách. Phần đầu của "Người Trăm Năm Cũ" được suy nghĩ và viết trong những lúc lang thang trên đường, suốt hai năm trời không có địa chỉ nhất định. Trước kia tôi viết bằng bút, tôi có thể viết tại bất cứ chỗ nào, bàn ăn, ghé đá công viên, trên tay lái xe, nằm dài trong sa lông phòng khách, thậm chí còn ghi chú trong phòng vệ sinh. Bây giờ viết bằng máy vi tính, nên phải ngồi vào bàn cẩn thận hơn, thế thôi. Tôi không kiểu cách phải có phòng yên tĩnh, vì nói nào ngay trong khoảng 15 năm nay, tôi không bao giờ có một căn phòng cho riêng mình.

\*\*\*

**Phụ đính I;**



**Cát bụi chân ai: Cuộc phiêu lưu cuối cùng của “con đé mèn”**



Chân dung Tô Hoài

1.

Vài năm trước đây, khi nhà xuất bản Lê Trần cho phát hành cuốn *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương*, một cuộc bút chiến đã xảy ra ở hải ngoại. Tôi không có ý định khơi lại cuộc bút chiến này. Phản kháng hay không phản kháng phải được tranh cãi trong hòa khí. Đập bàn cãi nhau, đâu còn không khí tranh luận nữa. Còn đối với nhà văn, điều quan trọng là tác phẩm, và bối cảnh để hoàn thành tác phẩm.

*Cát bụi chân ai* là một tác phẩm mới của nhà văn Tô Hoài, do nhà xuất bản Hội Nhà văn phát hành vào cuối năm 1992. Chỉ vài ngày sau là đã không còn một cuốn. Chẳng phải vì bị cấm, bị tịch thu, mà bởi vì mọi người muốn đọc. Sách đã phát hành, cho dù muốn thu hồi cũng không còn kịp nữa.

Quyển sách dày hơn ba trăm trang, in trên giấy trắng, là một tiến bộ trong ngành ấn loát nếu so với những quyển sách in trong nước khác. Mở đầu bằng mối giao tình giữa Tô Hoài và Nguyễn Tuân. Kết thúc bằng cái chết của Nguyễn Tuân. Giữa hai nhà văn đó là những kiếp nhân sinh chập chờn như những bóng ma trôi. Giữa hai nhà văn đó là không khí ngột ngạt của văn nghệ, kháng chiến, cách mạng và chính trị. Giữa hai nhà văn đó, cho tới khi có một người nằm xuống, đã một nửa thế kỷ trôi qua. Quốc gia đã thu về một mối, không còn vết chém đứt ngang mình. Có điều cái cách thống nhất đó mang lại cho quốc gia, dân tộc những gì, ngay bây giờ chúng ta đã có thể đánh giá, không cần phải đợi đến sau này lịch sử phê phán. Việt Nam, sau mười tám năm thống nhất, đã trở thành một trong vài quốc gia lạc hậu nhất, nghèo đói nhất, tham nhũng nhất... Tóm lại, Việt Nam nhất rất nhiều thứ, chỉ phiến một điều những thứ nhất này đều được tính theo tiêu chuẩn xấu.

2.

Cuốn sách mở đầu bằng một câu thật giản dị: “Tôi kém Nguyễn Tuân mười tuổi. Trước kia tôi không quen Nguyễn Tuân.”

Những dòng chữ mở đầu tưởng chừng hờ hững kia gọi liên tưởng tới hàng triệu con người ta đã bắt gặp trên sân khấu cuộc đời. Nhưng rồi đám đông chung quanh nhòa dần đi, ánh sáng chỉ vừa vịn soi đủ một thân hình. Ông ta còn trẻ, mắt sáng, tóc hớt cao, áo quần giản dị. Ông ta hiền lành, ngờ ngác như một con dế... Tiếng gáy đầu đời của một anh dế nghe mới vui vẻ làm sao; nó rộn ràng, háo hức, nó mơ mộng đến những cung đường xa. Nhưng đường bay của một cánh dế phồng có là bao so với không gian bao la, bát ngát, trời rộng sông dài. Do đó tiếng gáy đầu đời này Tô Hoài gọi là: *Dế mèn phiêu lưu ký*.

Cuộc phiêu lưu của nhà văn bắt đầu từ cái ngôi làng Nghĩa Đô. Kể từ đó tới nay, đã nửa thế kỷ. Con dế hát ca cho đời xem chừng có khi lạc giọng, mặc dù đã đổi tông khá nhiều

lần.

Thập niên 40, không phải chỉ một mình Tô Hoài muốn làm một con đé hát rong cho đời. Những người đồng trang lứa với ông trên nhiều bộ môn nghệ thuật hợp lại như một ban hợp ca thời đại. Đó là những con người tiên phong của một xã hội đang khao khát sự thay đổi. Cái dòng thơ ngắn gọn, kiểu đường thi, cổ phong, đầy điển tích Hán. Cái hơi văn biền ngẫu cân nhắc, chữ đối chữ đó sau cùng, cũng như thơ, bị đời sống cuốn đi. Những con đé không thể tiếp tục chỉ đứng bên lề cuộc sống đấu tranh chung của dân Việt mà ngêu ngao thơ thần. Họ phải chọn cho mình một thể đứng nào đó, trong một đoàn thể nào đó. Giọng ca bây giờ không còn là của riêng họ, ít nhiều nó phải có hơi hướm của đoàn thể, do đó, trong đời sống, họ cũng bị ảnh hưởng bởi đoàn thể.

Mười năm sau, đoàn thể mà Tô Hoài cũng như phần đông những văn nghệ sĩ đồng trang lứa với ông góp mặt, đã thành công... một nửa. Người Pháp xuống tàu về nước, để lại một vết chém ngang lưng đất nước. Mới thành công một nửa mà máu đã chảy thành suối, xương đã cao thành gò. Nhưng, thành công một nửa thì không phải là thành công. Giang sơn phải thu về một mối, tổ quốc phải là một. Không có gì quý hơn độc lập tự do. Để cho có được điều quý giá này, chắc chắn máu phải chảy thành sông, xương phải cao thành núi. Còn những con đé, những con đé chỉ muốn hát rong cho đời, đã ứng phó thế nào trước những cơn ba đào của đời sống? Đâu đâu cũng chỉ thấy biển máu và nước mắt. Có sá gì những giọt nước mắt của bất cứ ai trong những cuộc họp phê bình kiểm thảo nội bộ?

### 3.

Nếu đời sống là một sân khấu, thì quyển sách của Tô Hoài chỉ là một góc nhỏ, thu nhiều những khuôn mặt và những tên tuổi. Tất nhiên là những tên tuổi lớn trong lãnh vực văn nghệ, sáng tác của họ không ít thì nhiều cũng đã tạo ảnh hưởng rất lớn trong quần chúng. Một Nguyễn Bính sau khi *Lỡ bước sang ngang* gia nhập vào đoàn thể, đã thôi không còn làm những bài thơ tình, đã đi Nam Bộ kháng chiến, đã làm bài “Hành phương Nam,” đã tập kết ra Bắc sau 54. Trước khi đi Nam Bộ, Nguyễn Bính chơi thân với Tô Hoài. Khi ra lại Bắc, Tô Hoài đã là đảng viên lâu năm. Lúc gặp lại, hai bên vồn vã, nhưng Tô Hoài ghi trong truyện: “Duy có cung cách thì thừa gửi, báo cáo anh, đề nghị đồng chí lời thôi quá...”

Thời đó ở ngoài Bắc, do ảnh hưởng của Trung Hoa, người ta đề ra khẩu hiệu: Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng. Nguyễn Bính làm báo *Trăm Hoa*, có lần đề nghị muốn vào Đảng với Tô Hoài, thì được trả lời: “Nói anh Trúc Đường làm đơn rồi hai đứa mình giới thiệu anh theo thủ tục.” Vốn bản tính hiền hòa, Nguyễn Bính tức, để bụng không nói. Trong thời gian này Nguyễn Bính ly dị với vợ, giữ được đứa con. Cảnh gà trống nuôi con nheo nhóc, nhất là với một ông bố thi sĩ, lại trong hoàn cảnh gạo châu củi quế. Có lần quá khổ, trong một lúc quần chí, lại rệu say ngà ngà, ông bố Nguyễn Bính bế con đi chơi thơ thần. Chợt một ý nghĩ thoáng qua đầu, người bố đưa đứa con cho một người đàn ông đang đi tới. Trở về nhà bố say nằm vật xuống. Khi nhớ lại thì thằng bé đã không còn nằm cạnh nữa. Theo Tô Hoài, thằng bé tên Hiền đã thất lạc cho tới ngày nay. Tô Hoài muốn viết truyện ngắn “Tên cháu là Hiền”, mấy chục năm mà không viết nổi. Bây giờ Nguyễn Bính đã chết quá lâu, cái truyện ngắn Tô Hoài định dùng như một lời nhắn tin đã không còn cần thiết. Mới đó mà đã hơn ba chục năm trôi!

Nguyên Hồng, một tên tuổi lớn khác, trước khi gia nhập vào phong trào cộng sản, từng bị thực dân bỏ tù, lại vô sản chính hiệu, nên chẳng bao lâu sau khi gia nhập đã trở thành Tổng thư ký của báo *Văn*, tiếng nói chính thức của Hội Nhà văn, và cũng là cơ quan tuyên



truyền chính thức của Đảng Cộng sản. Vụ *Nhân văn-Giai phẩm* nổ ra. Những cây bút chủ trương bị vây đánh tứ phía trên những tờ báo của Đảng, lại không mua được giấy để ra báo trả lời, bị phong tỏa kinh tế, nói cho đúng hơn bị bóp chặt bao tử. *Nhân văn* tất nhiên phải đình bản. Nhóm *Nhân văn* phân tán, lặn sâu vào những tờ báo của Đảng. Đột nhiên, báo *Văn* đi những bài gây khó chịu. Nguyên Hồng là Tổng thư ký của báo *Văn* cũng bị truy, phê bình là hữu khuynh, bị lũng đoạn. Nguyên Hồng từ từ, cẩn thận, trịnh trọng đặt tập báo trước mặt. Nguyên Hồng nói: "... Tôi làm báo không kể giờ giấc, không quản thức đêm. Tôi bỏ hết sáng tác cổ làm cho kịp. Suốt tuần tôi bận bịu về nó hơn lo con mọn, bỏ ăn, bỏ uống vì nó. Tôi đấu tranh thực hiện đường lối văn học nghệ thuật của Đảng. Thế thì làm sao tôi có thể làm sai... Tôi không thể, tôi không thể..." Rồi Nguyên Hồng khóc nức nở, như một người bị đồng ốip.

Lúc đó ở miền Bắc, bầu không khí văn nghệ ngột ngạt, nghi kỵ giữa những người cầm bút. Theo dõi, tố giác, vu cáo nhau những điều không có thật, hay những điều chỉ nhỏ bằng cái móng tay được thổi phồng lên. Thậm chí Tô Hoài tiết lộ, đã có một nhà văn trẻ nuốt dao cạo tự tử. Chết rồi còn mất đảng tịch, có người thất cổ. Nhóm *Nhân văn* bị truy nã đánh đuổi. Trần Dần cửa cổ mà không chết đến bây giờ vẫn còn sọc, Phùng Cung bị tù biệt giam mười một năm, bị lao. Hoàng Cầm, Phan Khôi, Lê Đạt, Phùng Quán, Chu Ngọc, Hoàng Tích Linh, Trần Lê Văn... tan ra như những cánh bèo. Tới độ Nguyên Hồng không chịu nổi, bỏ về Nhã Nam, nơi mà trước kia trong thời kháng chiến, đã có đạo cơ quan của Nguyên Hồng trú đóng ở đó. Đó là nơi khỉ ho cò gáy, có điều, sau khi những người kháng chiến đóng ở đó thì làm gì còn khỉ với cò. Trước khi đi, Nguyên Hồng làm một bữa chả ram, nhân thật là nhau bà đẻ, mời Tô Hoài tới ăn từ biệt. Trước khi ăn, Tô Hoài cho Nguyên Hồng coi một bài viết mới có liên quan tới cái không khí ngột ngạt này, sau khi xem Nguyên Hồng chửi: "... Tiên sư cha, thằng Câu Tiễn! Ông thì không, Nguyên Hồng thì không. Ông về Nhã Nam, ông đeo chơi với chúng mày nữa..."

Trong *Cát bụi chân ai*, Tô Hoài cho ta biết hầu hết những khuôn mặt lớn của giới cầm bút ngoài Bắc. Một Xuân Diệu và cái tình... trai đeo đẳng tới già không thay đổi. Đồng tính luyến ái cho tới giờ này, thậm chí nhiều nơi ở Mỹ vẫn còn là một điều đại kỵ. Thế mà mấy chục năm trước, trong không khí kháng chiến bừng bừng, những đêm giá rét, Xuân Diệu chui vào giường của hầu hết những người cùng lán. Tô Hoài không bêu xấu người đã chết, bởi vì trong những cơn mê loạn vì thể xác, vì tình dục đó có cả... chính Tô Hoài.

Ở trong nước bây giờ người ta gọi *Cát bụi chân ai* bằng cái tên khác: Cát bụi trần ai! Chỉ khác một chữ, song cái nghĩa của nó rộng lớn hơn nhiều lần. Nếu ở hải ngoại chúng ta tò mò muốn biết những gì đang xảy ra ở trong nước, ít nhất cuốn sách của Tô Hoài cũng cho thấy được nhiều điều. Nó không chỉ nói tới những khuôn mặt lớn. Nó đề cập tới rất nhiều những khuôn mặt bình thường. Nó không chỉ nói đến những người chiến thắng, nó nói cả tới những người bại trận, không phải chỉ bại từ năm 75. Cuộc tranh đấu giữa những người cộng sản và những người không cộng sản bắt đầu từ cách đây nửa thế kỷ. Những cuộc thanh toán lẫn nhau xảy ra khắp nơi. Tô Hoài thuật lại một vụ cộng sản xử tử bảy đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng. Một tử tội luôn miệng hỏi người dẫn mình đi xử bắn: "Ông bắn phát ân huệ phải không?"

Trong tác phẩm, Tô Hoài cũng cho biết những Hoa kiều đã tham gia chiến tranh Việt Nam, và đã bị trục xuất như thế nào trong trận chiến Hoa Việt. Những hàng ăn ban đêm, những tiệm cà phê, bánh cuốn, cháo gà... và những khuôn mặt đặc biệt của chủ nhân. Đây là một nét đặc biệt trong quyển sách, như thể ban ngày không có gì cho nhà văn đáng quan sát, hoặc giả cái xã hội ấy không có một chút ánh sáng ban ngày, đã nửa thế kỷ nay lúc nào cũng tù mù tăm tối, lúc nào cũng rờn rợn. Xã hội dường như lúc nào cũng thiếu con

người, toàn bóng ma trôi chập chờn ngay cả giữa ban ngày. Nó ngộp đến mức thiếu không khí để thở, ngay cả với những đảng viên công lao hãn mã. Còn với quần chúng, không thể lấy gì đo cho đủ được sự sợ hãi, nỗi khổ đau, lòng uất ức, tuyệt vọng... của họ.

Thậm chí một bà già, khi đi mua hàng ở mậu dịch bị từ chối, vì hàng chỉ bán cho cán bộ. Bà già vỗ vào bẹn và gào lên: “Tiên sư mày sao mà đại thế, chỉ để ra nhân dân mà không để ra cán bộ.” Sự uất ức bị dồn nén quá lâu đến độ có lúc làm người ta quên cả sợ!

Quyển sách không hề tỏ lộ một lời bào chữa hay kết tội nào đối với cái chế độ mà Tô Hoài phục vụ nửa thế kỷ rông rã. Chỉ là những cảm nghĩ, những điều mắt thấy tai nghe. Chỉ là những lời thuật lại, không cường điệu cũng như bi thảm hóa. Cái lối kể chuyện của một bà già nhà quê, ngồi bệt xuống đất, ngay lẽ đường, đầu ngõ. Cái lối kể chuyện luôn bắt đầu bằng cách lấy gấu quần lau những giọt mồ hôi, có thể giấu trong những giọt mồ hôi này đôi ba giọt lệ mà người nghe phải tinh ý mới nhận thấy. Chính vì thế mà thái độ chính trị mới mạnh làm sao. Nó làm những người nghe phải đau đớn quần quai cho sự thật. Một chế độ thân nhiên chà đạp lên tâm lòng của mọi con người, chế độ đó không thể nào tồn tại được. Một chế độ dựa vào sự dối trá và bạo lực, cho dù có khổng chế được xã hội, thì cũng chỉ khổng chế được một thời khoảng nào đó. Khi mọi con người trong xã hội đó hết còn sợ hãi, khi mà những nhà văn đã biết khát khao sự thật, khi mà những công thần đã phải đổi giọng, thì đó chính là giờ cáo chung của chế độ.

#### 4.

Năm nay Tô Hoài đã trên bảy chục. Nửa thế kỷ trước ông vào đời với tư cách của một nhà văn, một nhà văn của dân quê nghèo khổ, của những người bị áp bức chà đạp. Ông muốn làm nhà văn, nhưng đồng thời cũng muốn đóng góp tuổi trẻ của ông vào công cuộc giải phóng đất nước. Đó cũng là tâm trạng của phần đông những người cùng thế hệ ông. Càng có học, càng hiểu biết thì lại càng dễ lao mình vào một đoàn thể, một đảng phái nào đó mà họ có dịp gặp gỡ, quen biết. Thập niên bốn mươi thật hiếm thấy một nhà văn nào độc lập. Họ không ở tổ chức này thì cũng ngã vào đoàn thể khác. Những đảng phái này có khi liên minh với nhau, có khi triệt hạ lẫn nhau, có khi che giấu cho nhau, và có khi thủ tiêu lẫn nhau. Năm năm sau khi nhập cuộc, ông vẫn là một nhà văn, song là một nhà văn cộng sản. Ông không thể không biến thái để có thể tồn tại trong một xã hội phải đấu tranh liên tục chẳng những với quân thù, mà còn ngay cả với những người đồng chí. Ngụp lặn trong đời sống đó suốt hơn bốn mươi năm, ông chỉ còn viết những quyển sách được đóng khung sẵn. Trong cái khung này, các nhà văn, nhà thơ trưng lên các khẩu hiệu đã được thi vị hóa. Và sản phẩm là những quyển sách chỉ có giá trị trong từng giai đoạn, những cuốn sách thời chống Pháp, thời cải cách ruộng đất, thời sửa sai và thời chống “Mỹ, Ngụy.” Đó là chưa kể tới những quyển sách viết chống lại những người đã một thời là bạn ông: Những nhà văn trong nhóm *Nhân văn*, những người chỉ có mỗi một tội là yêu sự chân thật và ghét điều giả dối. Chính những điều giả dối này đã làm cho quốc gia của chúng ta hiện nay đang ở trong tình trạng tồi tệ nhất trong suốt bao năm trời.

Con chim sấp chết cất tiếng bi ai, con người sấp chết nói lời nói thật. Huống hồ Tô Hoài là một nhà văn, lại có tài! Nếu ông không thật sự có tài thì những: *O chuột, Để mèn phiêu lưu ký, Quê người* chắc hẳn đã không được in lại ở miền Nam thời trước 75. Có rất nhiều lời nói thật không được may mắn tới tay chúng ta. Phan Khôi với “Nắng chiều,” Nguyễn Công Hoan với *Đống rác cũ*, và thơ văn của biết bao nhiêu người đã chết trong tầm tối, chúng ta thậm chí còn không biết tới tên.

Tôi vẫn tin rằng Nguyễn Tuân, con người nổi tiếng là có những hành động bất ngờ, con

người mà Tô Hoài đã dùng để mở và kết cho quyển hồi ký cuối đời, lại chết trong câm nín mà không để lại cho hậu thế một lời nói thẳng nào. Con người sắc cạnh đó không thể ra đi trong lặng lẽ như thế. Có thể ông ta đã không có đủ thời gian để sửa soạn, có thể cái chết ập đến khá đột ngột, có thể ông có để lại mà chúng ta chưa có cơ hội để thấy, hoặc giả chưa tới lúc thuận tiện để công bố. Có phải Nguyễn Tuân đã nói một câu bất hủ, tuy ngắn nhưng mô tả đúng nhất, cho thân phận những nhà văn xã hội chủ nghĩa: “Tao sống được tới ngày nay là nhờ tao biết sợ.” Có một người con làm đến cấp tướng mà còn sợ đến như thế, thử hỏi nhân dân làm sao mà sống cho ra người?

*Cát bụi chân ai* rất có thể là cuộc phiêu lưu cuối cùng của Tô Hoài, nhưng đó không phải là một cuộc phiêu lưu không chủ đích, cho thỏa máu giang hồ của một nhà văn. Đó chính là hành trình trở về khởi điểm của một nhà văn, và con đường ông phải đi tiếp sẽ đầy chông gai cùng cạm bẫy. Bởi, trong xã hội cộng sản, ông đã chọn con đường của sự thật, một con đường sẽ chẳng có hoa và bướm. Cầu cho nhà văn chân cứng đá mềm!

Trước đây vài năm, một số những tác phẩm trong nước được sáng tác trong giai đoạn Nguyễn Văn Linh tuyên bố cởi trói cho văn nghệ. Những tác phẩm này khi lọt ra ngoài đã được giới thưởng ngoạn văn chương ở hải ngoại nhiệt tình đón nhận. Trong giới cầm bút hải ngoại, có những nhận định trái chiều nhau. Có nhà văn cho đó là những lời phản kháng thật, và cũng không ít người cho là phản kháng giả, theo chỉ thị. [Giả hay thật thì chưa ngã ngũ, nhưng có điều những quyển sách đó đã được khai thác tận tình trên lãnh vực thương mại.]

*Cát bụi chân ai* là một tác phẩm có nằm trong lãnh vực phản kháng hay không khoan hãy xét tới. Nó là một tập hồi ký nên chỉ có vấn đề trung thực hay giả dối là quan trọng. Nó đã được viết không phải để ca tụng lãnh tụ. Kể cả một lãnh tụ đã được thần thánh hóa như Hồ Chí Minh cũng chỉ được nhắc tới tên một lần duy nhất, nhắc như một sự tình cờ. Nó cũng được viết không phải để bài xích ai, tấn công ai. Nó đã được viết như những lời thì thầm trong bóng tối, những lời thật thà mà vì sợ hãi quá lâu không dám nói to. Làm cho âm thanh của nó được to hơn, vang xa là công việc của chúng ta.

\*\*\*

## **Phụ đính II :**

### **“Không, tôi là người viết truyện.”**

Tôi muốn sử dụng chữ “biến cố tương lừa” với tờ báo mạng talawas vì tầm quan trọng của sự việc, thay vì cho đó chỉ là một “sự cố”.

Phần lớn những người chủ trương talawas xuất thân từ miền Bắc, đã sinh ra và lớn lên trong chiến tranh Việt Nam. Hơn ai hết, họ hiểu mình là ai, đang ở đâu, đang làm gì và mong mỗi điều gì (mong mỗi chữ không phải muốn). Chính vì thế mà nội dung của talawas chú trọng vào văn học, xã hội. Có thể nói bài vở của talawas 70% dính dáng tới văn chương, văn học. 30% còn lại thường là những vấn đề của xã hội. Nhìn chung thì talawas cho tôi cảm tưởng nhóm chủ trương cố giữ mình tránh xa địa bàn chính trị. Chính vì vậy mà trên talawas không hề có những bài vở kêu gào lật đổ chính quyền,

chống lại nhà nước. Hình như tôi chưa bao giờ đọc được các bài vở liên quan tới những nhân vật như Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Đan Quế... những người hiện đang đứng đầu gió của phong trào vận động đòi tự do, dân chủ, nhân quyền trong nước.

Một mặt khác, talawas cũng không thể không đề cập tới Bùi Ngọc Tấn, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương... bởi vì các tính danh vừa kể cho dù giữ địa vị nào đó trong xã hội, họ cũng là những nhà văn, những người cầm bút. Khi đề cập tới các nhân vật này, có nghĩa là phải đi qua các tác phẩm của họ, và như thế cho dù có muốn làm một con đà điểu chúi đầu xuống cát để tránh né những vấn đề liên quan tới chính trị, e rằng không được, mặc dầu các nhà văn tôi vừa nêu trên chẳng một ai muốn làm chính trị, song những suy nghĩ của các nhà văn này thì đầy ắp chính trị, bởi vì họ là những kẻ đang bơi ngược dòng.

Nhiều bài dịch đăng trên talawas có động tới chính trị, nhưng phần lớn là chính trị của các nước khác, không phải là chính trị ở Việt Nam. Vả lại chưa có một quốc gia nào mà văn chương và chính trị bị trói gô lại với nhau thành một như ở Việt Nam, thành thử có muốn tránh né thế nào chẳng nữa thì thỉnh thoảng talawas cũng có lần phải nhắm mắt đưa chân, mon men tới lãnh vực mà nhóm chủ trương muốn tránh là chính trị. Nói tóm lại những người chủ trương talawas hiểu rất rõ thân phận của mình, nhưng ác thay talawas có giọng nhẹ, e dè tới đâu chẳng nữa, dưới cách nhìn của những viên chức ở trong nước, talawas cũng không thể nào thoát khỏi phải màng lưới thiên la địa võng của chính trị, xuất hiện dưới thiên hình vạn trạng.

Ở đây tôi tự hỏi điều quan trọng nhất là biện pháp ngăn cản người đọc talawas bằng “tường lửa” có hữu hiệu hay không? Tôi ngờ rằng không. Chẳng những biện pháp ấu trĩ này đã không ngăn chặn được những người đã từ lâu bị giam hãm trong bóng tối của hệ thống thông tin một chiều, nhờ kỹ thuật đã ngoi được lên mặt nước để thở, để nhìn thấy một bầu trời bao la, cùng các vì sao lấp lánh ở chân trời. Sự cấm đoán đó rút cục chỉ thúc đẩy cho những người này tìm mọi cách để vượt qua bức tường lửa, tìm kiếm xem thế giới đang thay đổi như thế nào, và những con người ở các châu lục khác đã tiến bộ như thế nào, so với Việt Nam và so với chính họ.

Tôi đã đọc một số sách biên khảo và các cuốn sử ở trong nước, đặc biệt trong giai đoạn Pháp thuộc, những cuốn sách này chỉ trích triều Nguyễn ngu xuẩn bệ quan tòa cảng, nhắm mắt bịt tai trước những biến chuyển của thế giới bên ngoài... Hành động xây dựng những bức tường lửa này có khác gì cách quản trị đất nước dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức...

Ở đây tôi nhớ tới hình ảnh người thanh niên Trung Hoa, đứng chặn đoàn xe thiết giáp tại Thiên An Môn vào giữa năm 1989. Cả thế giới nhìn thấy hình ảnh này ngay trong lúc nó đang diễn ra, đó là kỹ thuật cách đây mười lăm năm. Vào thời đó còn cần có sự hiện diện của các phóng viên quốc tế, với những phương tiện tối tân của các cơ quan truyền thông lớn nhất thế giới. Kỹ thuật của ngày nay đã bỏ xa thời đó một vạn dặm. Chỉ với một giàn computer bình thường, vài giây sau cả thế giới có thể biết điều gì mới xảy ra ở khắp mọi xó xỉnh trên trái đất này. Và không có một bức “tường lửa” nào có thể dập tắt được hàng triệu ngọn lửa đang dâng lên trong lòng những con người khao khát tự do, dân chủ và nhân quyền.

Sáng nay tình cờ mở cuốn Văn Học số 217, vô tình tôi lật đúng bài của giáo sư Nguyễn Văn Trung viết về nhà văn Milan Kundera. Tôi xin ghi lại vài dòng đầu để tặng anh chị em nhóm chủ trương talawas:

“Kundera, Ông là Cộng Sản?”

“Không, tôi là người viết truyện.”

“Ông là người bất đồng chính kiến?”

“Không, tôi là người viết truyện.”

“Ông theo phe tả hay phe hữu?”

“Không, tôi không theo phe nào cả. Tôi chỉ là người viết tiểu thuyết.”

Tôi không tin những bức tường lửa, những bức tường gạch, những bức tường sắt, những bức tường thép, những bức tường gì chẳng nữa có thể ngăn chặn nỗi các bạn.

© 2004 talawas

## Phỏng vấn nhà văn Thế Uyên

Cách đây một khoảng thời gian chưa lâu, Hoàng Khởi Phong có thực hiện một cuộc phỏng vấn nhà văn Thế Uyên trực tiếp và nhanh qua điện thoại, cho đài phát thanh Á châu Tự do (RFA). Đã bị hạn chế thời lượng khi hỏi, đến khi phát thanh, vì một lý do kỹ thuật, lại giảm một nửa thời lượng dự trữ ban đầu, do đó thính giả đài RFA chỉ được nghe phân nửa bài. Nhà văn Thế Uyên là người vẫn được biết từ lâu về tính hay nói thẳng và nói thật về mọi sự ở đời, đã quen với sự bài viết bài nói của mình bị cắt xén nhiều hay ít, trước sự trục trặc này, chỉ tuyên bố giản dị: “Tôi thích nhiều câu hỏi của bạn. Khi nào có dịp, chúng ta làm lại từ đầu, và lần này sẽ đăng ở các báo thường cũng như báo điện tử...” Mời các bạn đọc theo dõi cuộc phỏng vấn lần 2, dưới hình thức hỏi đáp của hai đũa chúng tôi. Xin đừng ngạc nhiên khi thấy nó không giống lần 1 bao nhiêu.

Hoàng Khởi Phong

\*\*\*

Giới thiệu Thế Uyên.

Đang cư ngụ ở Seattle, nhà văn Thế Uyên tên thực là Nguyễn Kim Dũng, sinh năm 1935 tại Hà Nội, trong một gia đình có truyền thống văn học. Mẹ ông là em ruột nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, và là chị nhà văn Thạch Lam. Nói một cách khác, nhà văn Thế Uyên và người anh ruột Duy Lam đã được ươm bằng chữ nghĩa, ngay từ khi còn trong trứng nước, do đó người ta không lạ khi vừa qua tuổi 20, bút hiệu Thế Uyên đã hiện diện trong làng báo, và chỉ một thời gian ngắn sau đó, ông là người sáng lập tạp chí *Thái Độ*, như là một điểm khởi hành mới trong hành trình chữ nghĩa cho chính bản thân ông. Ông là tác giả của các tác phẩm nổi tiếng trong chiến tranh Việt Nam như *Mười ngày phép của một người lính*, *Tiền đồn* ... Và đặc biệt hơn cả, ông là một

trong những số rất ít nhà văn tiên phong trong việc đụng tới vấn đề tình dục, một vấn đề mà dường như văn học Việt Nam coi như một đại kỵ trong thế kỷ 20 vừa qua.

Về đời thường, nhà văn Thế Uyên nguyên là một nhà giáo, dạy học tại nhiều trường trung học công lập ở miền Nam, rồi thuyền chuyển lên Ban Mê Thuột trước khi bị động viên vào khoá 14 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, cùng một lượt với nhà thơ Thanh Tâm Tuyền. Sau 1975, cũng như hàng trăm ngàn sĩ quan của miền Nam, ông bị đi tù cải tạo một thời gian, trước khi đến định cư tại Mỹ. Cách đây vài năm ông bị “stroke”, bị tê bại một nửa người, phải ngồi trên xe lăn để di chuyển trong nhà, nhưng nhờ nghị lực phi thường ông đã tập viết lại bằng tay trái, và đã viết bài cho các tạp chí văn học hải ngoại. Dưới đây là nguyên văn cuộc mạn đàm giữa hai chúng tôi. .

Hoàng Khởi Phong (HKP): *Xin chào nhà văn Thế Uyên. Chúng tôi xin đi thẳng vào câu chuyện tình dục trong văn học và xin đặt câu hỏi đầu: Gần đây có một số nhà văn nữ trong và ngoài nước đã đề cập mạnh đến vấn đề tình dục trong các tác phẩm của họ. Ông là một nhà văn thế hệ trước, từng viết các tiểu luận cũng như trong tác phẩm đã đề cập đến vấn đề này, ông nghĩ gì về tình dục trong các tác phẩm văn học?*

Thế Uyên (TU): Điều đó là tốt và tự nhiên thôi. Trong một thời gian dài nhiều thế kỷ, các cụ chúng ta coi thường phụ nữ, coi như một thứ dân hạng 2 để thỏa mãn nhu cầu tính dục cho đàn ông, để sinh con đẻ cái và để lao động... nên không quan tâm cho lắm đến sự việc đàn bà cảm thấy những gì, nghĩ gì. Nếu có, thường là đàn ông nghĩ hộ... Đến đầu thế kỷ 20, mới có Anais Nin, người tình của của nhà văn Mỹ Henry Miller, viết một số truyện ngắn và một hồi ký *gợi dục, erotic*, làm ồn thế giới văn học đàn ông chiếm ưu thế tuyệt đối. Sau đó, với phong trào giải phóng phụ nữ lan tràn, càng ngày càng có nhiều phụ nữ tham gia thế giới văn học, kể cả gợi tình gợi dục, và không thiếu những nhà văn nữ hăng hái vượt rào sang địa hạt gợi dâm và dâm ô luôn.

Khi định cư nhiều năm ở thế giới Tây phương, các phụ nữ Việt Nam di dân cũng biến chuyển theo cùng tiến trình với dân địa phương, với cả tư cách độc giả và tác giả. Bởi thế sự xuất hiện của các Mai Ninh ở Âu châu, những Dương Như Nguyễn, Lê Thị Thắm Vân và nhiều nữa ở Mỹ châu, là sự kiện tiến hoá tự nhiên thôi. Còn ở Việt Nam, từ hơn ngàn năm quen mô phỏng, bắt chước Trung Hoa, thì khi có cô Vệ Tuệ xuất hiện và không bị nhốt tù, đó là một thứ bật đèn xanh cho các nhà văn nữ Việt Nam xông lên nhân dịp có “*cởi trói*” và “*Đổi Mới*”. Đợt đầu có Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài... còn hiện nay đợt sóng mới trẻ trung đông hơn nhiều: Đỗ Hoàng Diệu, Lynh Bacardi, Đinh Đình, Nguyễn Ngọc Tư...

HKP: *Cuộc đời ông có thể chia làm bốn giai đoạn: thời thanh xuân trước khi đi lính, thời gian tại ngũ, thời gian ở tù và thời gian ở hải ngoại. Trong mỗi giai đoạn này ông đều có tác phẩm, không ít thì nhiều các tác phẩm này đều đã đụng tới vấn đề tình dục. Xin hỏi ông có gì thay đổi trong suy nghĩ của ông về vấn đề tình dục qua từng giai đoạn của đời sống?*

TU: *Thời thanh xuân*: tôi khá độc lập trong suy nghĩ, nghĩa là mặc dù kính trọng các ông Khổng, Thích Ca, Jesus... và các triết gia tai to mặt lớn của nhân loại, các vị đó không hạn chế được tư tưởng lỏng lẻo của tôi. Với nhiều vấn đề, tôi hay suy nghĩ lầy, suy nghĩ khác, suy nghĩ lại. Chẳng hạn, thấy đa số các nhà văn tiền bối, khi mô tả tình yêu giữa nam và nữ, thường chỉ tả có một nửa, nghĩ là chỉ mô tả phần hồn, mây sao trăng và hoa lá, không tả một câu nào về phần thể xác, nghĩa là chỉ tả tình cảm, bỏ qua thân xác, nhà văn trẻ là tôi không chịu cho thế là đúng, phải tả cả hai diện mới là đủ. Và nghĩ sao làm thế liền, bất chấp mọi khó khăn. Truyện ngắn đầu tay “Những hạt cát” mới chỉ loanh quanh nấn ná một chút ở phần “hình nhi thượng” cô gái, Nhất Linh hình như đã đoán thấy âm mưu sẽ hạ thấp kiểu mô tả xuống đến rốn và dưới nữa, của đứa cháu ngoại này (cháu bên ngoại, và ngoại khuôn khổ), nên từ chối không đăng trên tạp chí ông chủ biên thời đó là *Văn Hoá Ngày Nay*.

*Thời tại ngũ*: Nếu nghề dạy học đã làm tôi hút thuốc lá từ lúc trẻ cho tới khi bị stroke, thì nghề làm lính làm tôi thích bia rượu và thay đổi hẳn quan niệm và cách viết văn. Tôi từ bỏ (hay bị từ bỏ, vì hoàn cảnh sống có tác động mạnh đến bút pháp) lối viết và đề tài cũ, già từ những mối tình trai gái lãng mạn trong thành phố an bình, chuyển sang chiến tranh và các hệ lụy của nó. Với tôi, quân đội và chiến tranh, như một vết cắt, thành *trước* và *sau*, *before* and *after*, trước sex vẫn hiện diện, nhẹ nhàng thôi, bây giờ sex nặng nề, tràn đầy. Như trong *Tiền đồn*, *Mười ngày phép của một người lính*, *Nỗi chết không rời*... Về sau có lần tự phân tích, tôi cho rằng chiến tranh có trách nhiệm trong sự kiện đó. Nhà văn Võ Phiến (một người không đi lính và không ở tiền tuyến với súng đạn chông mìn) không đồng ý với phân tích đó, cho rằng chiến tranh vẫn có đó, cho nhiều người, nhưng không liên quan gì đến tăng hay giảm sex trong văn chương... Tôi tôn trọng ý kiến nhưng không đồng ý với bậc đại trưởng lão này. Để tránh tranh cãi, tôi xin nói lại thế này: Riêng đối với cá nhân tôi, đang khi và sau khi rời mặt trận, tôi cảm thấy phải sử dụng tới sex, tới làm tình, nghĩa là sự sống, tạo sự sống, mới diễn tả được chiến tranh, sự chết, huỷ diệt. Tôi cảm thấy thế thì phải viết như thế, thật tự nhiên, không gò ép.

*Thời gian ở trong tù*: Một nhà văn Pháp không mấy nổi tiếng, Jean Larteguy, có viết nhiều về chiến tranh Đông dương. Trong cuốn *Les centurions*, ông đã để cho một sĩ quan Pháp, khi được tha khỏi một trại cải tạo, nói về sex như thế này: *C'est la grande paix dans le pantalon* (Đại hoà bình ở trong quần), nghĩa đen là con chim không hề ngóc đầu dậy... Nỗi buồn thất trận, thân phận tù đầy, ăn uống quá thiếu thốn, lao động quá nặng, sống xa dân trong rừng núi... là những lý do. Hơn nữa kỷ luật trại về sex nghiêm khắc như trong các chủng viện, và cấm tuyệt đối viết văn làm thơ, trừ khi có lệnh chỉ định người nọ phải đóng góp cho bích báo của trại. Không có lệnh trên mà cứ viết, là bị biệt giam, nhốt hầm, cùm chân cùm tay. Như Nguyễn Chí Thiện, Phan Nhật Nam... Tôi vốn vui tính về văn chương của mình: không cho viết nữa, thì thôi, ta đi chơi trò khác chỗ khác. Bởi thế không có, không thể có tác phẩm nào, trong thời kỳ này, ngoại trừ một vài tiểu phẩm viết sau khi được tha.

*Thời gian ở hải ngoại:* Trước đây văn chương Mỹ cũng kỳ sex như văn chương Việt. Sau đệ nhị thế chiến mọi sự đã thay đổi nhiều, nhất là từ cuộc *sex revolution, sexplosion*, trong thập niên 60 thế kỷ 20. Kể từ đó ai muốn viết nhiều sex ít sex tùy thích, ai muốn cời nhiều cời ít hay cời hết tùy ý, như chúng ta, những di dân tới sau, thấy hiện nay. Những nhà văn như tôi dĩ nhiên vui vẻ hưởng thứ tự do này, dù bị chê bai mắng mỏ bởi không phải là ít những đồng hương mang theo trong ba-lô nhập nội Mỹ những quan niệm xưa, những cấm kỵ của một giáo xứ nông nghiệp châu Á... Nếu tôi viết tiếng Anh, Pháp... cho người bản địa đọc, thì tự do lắm. Còn viết tiếng Việt cho người Việt hải ngoại (và hải nội, đọc qua Net), thì còn nhiều hạn chế. Bởi thế tôi thường dành quyền *edit* rộng rãi cho các chủ biên, chỉ la oải lên một tí nếu bị edit mất tiêu cỡ 1/3 hay hơn bài văn. Trên báo giấy, báo điện tử hay báo nói...

*HKP: Những gì ông trả lời trong hai câu hỏi trước thuộc về các tác phẩm văn học, nhưng trong đời thường ông sẽ hành xử như thế nào nếu như con cháu trong nhà sống hoàn toàn tự do về tình dục như một số nhân vật trong tác phẩm của ông?*

TU: Xin lỗi ông bạn cũ một chút, câu hỏi trên đã đặt trên một số các giả đoán. Trước hết, cái thời mà tác phẩm văn học có nhiều ảnh hưởng tới người đọc, đã qua hơi lâu rồi. Các con cháu chúng ta hiện nay, kể cả ở nội địa, chịu nhiều ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông hiện đại khác, như điện ảnh, video, game điện tử... chưa kể hệ thống TV/cable phong phú. Ảnh hưởng của văn học vẫn còn, nhưng khiêm tốn thôi.

Riêng về con cháu chúng ta ở hải ngoại, chúng không thuộc thế hệ một ½ thì cũng thế hệ thứ hai. Tôi toàn con trai, ba đứa đã có vợ con và nói chung chúng nghiêm túc hơn bố. Tôi không chắc chúng có đọc tác phẩm của bố hay không -- thế giới văn hoá của chúng bằng tiếng Anh, Pháp... nhiều hơn. Còn mấy đứa cháu, sáu đứa tính tới lúc này, chúng là thế hệ 2 rồi, bập bẹ tiếng Việt với ông bà mấy câu thông dụng, là vui thôi, mặc dù bố mẹ nhắc nhở thường xuyên là phải nói tiếng Việt. Khi đã lớn mới hiểu đa ngôn ngữ đa văn hoá là một ưu điểm, mới lại cấp sách trở lại các lớp Việt ngữ. Cứ như thế làm sao đủ khả năng thưởng thức tác phẩm của tôi, nói chi tới ảnh hưởng.

Có một vài nhân vật của tôi thoải mái về tình dục, chứ không tự do phóng túng đâu. Nhưng so với các nhân vật của các tác giả nữ hiện đại, kể cả nội địa, sợ các cô các bà ấy chê là "xưa rồi"...

*HKP : Thưa nhà văn Thế Uyên, ông nghĩ gì về một hiện tượng văn học đang làm xôn xao dư luận trong và ngoài nước, chúng tôi muốn đề cập tới các tác phẩm của Đỗ Hoàng Diệu, Lynh Bacardi, Lê Thị Thắm Vân...*

TU: Tôi đã là người viết những bài giới thiệu/phê bình cả ba nhà văn nữ anh vừa nhắc trên, khi viết cuốn biên khảo: *Tình dục với các nhà văn nữ Việt Nam, trong và ngoài nước*. Khoảng hơn 20 bài. Không phải chỉ có thế, gần đây trong nước còn xuất hiện thêm Đinh Đình, Vũ Lê Phương Trinh, Y Ban...



Có thể cắt nghĩa hiện tượng hay phong trào phụ nữ viết văn erotic, *dâm tình* như sau: Ngoài nước, con gái được học nhiều và cao như con trai, đã quen thuộc với các tác phẩm nhiều sex trong học trình (dĩ nhiên nếu theo học khoa học xã hội, nhất là văn học), như *Lady Chatterley's Lover* (D.H Lawrence), bộ *Tropiques* của H. Miller... do phái nam viết, nữ có Anais Nin (*Henry and June, Delta of Venus...*), Paule Reage (*Story of O.*)... Khi đến lượt họ viết văn, khi cần (không phải lúc nào cũng cần) họ cũng viết nhiều sex hoặc erotic như vậy, cho như thế là tự nhiên, không thấy “sốc” lớn nhỏ chi hết. Ở nội địa, từ khi có Đổi Mới, Đảng nói lỏng giấy trời cho sách dịch, do đó những *romances* Mỹ, Trung quốc... nhiều những đoạn erotic khỏi chê, vẫn được in ra và thường bán chạy, làm độc giả quen dần với truyện nhiều sex. Vậy... (xem trên)

Mặt khác cũng có thể cắt nghĩa bằng sự kiện xã hội nào bị áp chế bởi một hệ chính quyền chuyên chế hay bởi các giáo lý hay giáo phẩm quá thanh giáo, đến độ các vấn đề tình yêu và tính dục bị đè bẹp dí, dồn nén tối đa, thì sự vùng lên của lớp trẻ, lớp người mới, thường bắt đầu cứ nói nhiều về sex trong địa hạt văn chương.

HKP: Theo ông, viết về tình dục có nhất thiết phải rõ mồn một những chi tiết cụ thể các động tác của hành vi làm tình. Nói một cách khác, theo ông, trong văn học có một biên giới nào giữa “erotic” và “porno” là hai từ ngữ khi dịch sang tiếng Việt thì rất mơ hồ?

TU: Không nhất thiết mọi sự “phải thật rõ mồn một” như ông bạn nói. Còn rõ tới đâu, thì tùy hai thứ. Thứ nhất là tùy người viết muốn rõ tới đâu, cũng như nhà nhiếp ảnh căn độ rõ/mờ của tấm hình. Có thể nói mỗi nhà văn có một mức độ rõ riêng, kiểu riêng, như bút pháp vậy. Thi dụ như Lê Xuyên có tiếng là viết văn “mặn”, nhưng toàn chụp xa, độc giả phải tưởng tượng vì có thấy cái gì đâu. Và lại còn tùy theo đề tài truyện, tùy theo tuổi tác của nhà văn (Nhất Linh hồi trẻ sương khói mù mịt chẳng thấy gì cả, khi về già ông viết rõ hơn nét hơn).

Thứ hai là tùy theo resume của từng người đọc. Đưa cho một nữ tu đọc thì *Gone with the wind* cũng là “dâm ô” lắm rồi, trong khi đối với một người trung bình, truyện đó xếp loại lãng mạn... kiểu Tự Lực Văn Đoàn.

Còn biên giới giữa *erotic* và *porno*? Một thẩm phán Tối Cao Pháp Viện Hoa-kỳ đã có lần phán như đùa: “Thế nào là dâm ô? Tôi biết khi tôi trông thấy nó” ... Còn giữa tôi với bạn thì có thể tạm dùng hai tiêu chuẩn: mục đích của người viết và tác động trên người đọc. Người viết mượn sex để diễn tả một cái gì khác, con cu và cái ghêu vẫn ở thể tĩnh, bất động. Đó là *erotic*, gợi tình gợi dục, dâm tình. Còn *porno* dứt khoát dịch là dâm ô, dâm dục, là bên này ranh giới rồi, tác giả viết cốt để kích thích dâm tính người đọc, làm con chim chuyển sang tính cứng, cái ghêu chuyển sang tính ướt...

HKP: Thưa nhà văn Thế Uyên, giờ thì chúng ta tạm ra khỏi lãnh vực tình dục trong văn chương để bước xuống đời thường. Xin ông cho khán thính giả được biết những nỗ lực vô bờ của ông trong khi tập lại tay chân sau khi bị liệt nửa người?

TU: Ngoài chữ “vô bờ” anh vừa dùng, tôi muốn thêm chữ “bất tận” vì tôi khởi sự tập, bị tập thì đúng hơn, ngay từ lúc rời khỏi phòng cấp cứu, cho đến tận lúc này. Mới đầu là tập nhúc nhích, tập ngồi cho vững và lâu, tập ngồi trên xe, tập đứng không đổ... Ngưng tập vài ba hôm, là thấy muốn nằm bẹp một chỗ luôn. Tôi hay nghĩ rằng nếu giàu có, đến được các phòng tập chuyên biệt với các chuyên viên thượng thặng, tôi có thể đi lại được không cần gậy và xe lăn. Nhưng thôi, để một chút gì để ước mơ, mơ màng...

HKP: *Xin ông cho biết trong thời gian là sĩ quan QLVNCH, ông nghĩ gì khi hoàn thành các tác phẩm Mười ngày phép của một người lính, Tiền Đồn, Nghĩ trong một xã hội tan rã... Ông nghĩ gì về chiến tranh và hai thế lực đối chọi là miền Nam và miền Bắc?*

TU: Một câu hỏi quá lớn và phức tạp, không thể trả lời vắn tắt trong một buổi phỏng vấn mà không gây ngộ nhận. Tôi xin nói về một vài điểm thôi. Trong *Mười ngày phép*..., tôi đã viết người lính Việt Nam phải chiến đấu cho các thế lực ngoại lai, Nga Mỹ Pháp Tàu... Hồi đó, một cơ quan truyền thông của Anh đã mỉa mai: “Trung quốc sẵn sàng chiến đấu cho đến người bộ đội... Việt Nam cuối cùng.” Còn một chức sắc Mỹ tuyên bố: “Biên giới Hoa kỳ là sông Bến Hải, VNCH là tiền đồn của Thế giới Tự do...” Trong *Tiền đồn*, chị Ba nông dân tượng trưng cho dân Việt cả Nam lẫn Bắc, phải, được và bị làm tình với cả ba phe lâm chiến hồi đó.

Trong *Nghĩ trong một xã hội tan rã*, tôi phân tích phải trái đúng sai rồi tiên đoán Mỹ sẽ rút quân khỏi Việt Nam và quân đội VNCH sẽ tan rã như chúng ta sẽ thấy trong năm 1975. Nhà thơ Tô Thùy Yên đọc xong cuốn đó đã nói như đùa: “Thế Uyên là một nhà tiên tri bi thảm...” Không biết ngày xưa các tiên tri có lương bổng gì không, còn thứ tiên tri là tôi ấy thì bị ghét bỏ ghê lắm, từ thời đó tới hiện nay.

Nói cho cùng, tôi vẫn thích chế độ Việt Nam Cộng Hoà, dù bị công giáo bảo thủ khổng chế, ít nhất cũng vì họ để tôi sống, viết và xuất bản những cuốn sách như thế. Rất đáng với công tôi cầm súng để bảo vệ trong bao nhiêu năm... Chế độ miền Bắc, từ lúc thành lập 1945 cho tới hiện nay, mặc dù Đổi Mới có làm khá lên, cũng khó mà dung được một nhà văn tương đương như... tôi trong lòng chế độ họ.

HKP: *Nhân đây chúng tôi xin được đặt một câu hỏi về thời gian bị đi tù cải tạo, ông đã gìn giữ tinh thần và thể xác như thế nào?*

TU: Giữ gìn tinh thần: Đây là điểm quan trọng nhất, tôi xin nói trước về phần tôi thôi. Khi đã được phép viết thư về nhà, vợ tôi viết lên an ủi như thế này: “Anh vẫn có dự tính sang Israel sống trong nông trường tập thể kibboutz ½ năm, xem có thể áp dụng cho lớp trẻ Việt Nam sau này không. Nay anh đang sống trong một thứ nông trường tập thể tương tự... lại được chung sống với đồng đội nữa... vui chán còn gì nữa...” Đọc thư này, tôi biết cô vợ nhỏ nhắn vui tính chọc quê tôi, nhưng có phần sự thật ở trong. Tại sao không nhìn thấy những cái vui và buồn của đời cải tạo? Tôi vẫn là kẻ lạc quan: thấy ly có nước, nói: May quá hãy còn đầy một nửa... chứ không bút đầu bút tóc than: Than ôi khổ thân tôi chưa, ly nước chỉ còn có một nửa. Tôi thuộc thành phần ngồi nhìn ngắm

mấy bông hoa cỏ trong hàng rào kẽm gai, chứ không đứng đó nguyên rửa kẽm gai và khóc cho thân tù đầy.

Khi bị đói đến nỗi chỉ nằm mơ được mời ăn tiệc, thì tỉnh dậy, ta đi một đường mưu sinh đã học ở trường võ bị: cào cào, kiến, bò cạp, rắn rết... đều là protein, ta cứ việc xơi tươi hay nướng chui, theo phương châm cái gì nhúc nhích là cái đó ăn được. Cán bộ dùng cái đói để xuyên qua dạ dày không chế tinh thần, để dễ dàng “tẩy não” học viên, chứ không định giết chết họ bằng cái đói (nếu họ định làm thế, số cải tạo bị chết sẽ cao hơn nhiều). Ra khỏi trại nhiều năm, tôi mới “ngộ” ra cái mà Đảng CS cần đạt nhất là bẻ gãy, triệt tiêu ý chí đấu tranh của cải tạo viên, tạo phản ứng phản xạ sợ công an. Tương tự như cây sinh tử phù, bắt uống tam thi não thần đơn trong truyện võ hiệp Kim Dung.

Còn nỗi buồn thất trận ở tôi nhẹ thôi, vì tôi vẫn nghĩ rằng “được làm vua, thua làm ngụy (hay giặc).” Bởi thế tôi ít bị chấn thương chiến tranh hơn một số đồng đội cũ... Còn về thân xác, tôi chọn giải pháp khoẻ nhất là sống theo tiếng keng, keng dậy, keng ăn sáng, keng lao động, keng nghỉ... Không quên tập thể dục hàng ngày dù có lệnh hay không. Ráng tuân theo nội qui, thu hình cho bé lại, một người như mọi người, ai sao ta vậy, nín thở qua sông... Và giữ được như thế, không phải là dễ đâu. Quản giáo vệ binh nhiều kẻ không chịu được một thái độ mà họ qui chụp là ngạo mạn, họ luôn tìm dịp và cơ hội để hành tôi, biệt giam hay nhốt Conex hay hàm tối (không tốt cho sức khoẻ chút nào!).

*HKP : Có dư luận không mấy thiện cảm với ông, vì họ cho là ông đã viết một bài ký, hay truyện ngắn gì đó có tên là “Giáng sinh trong rừng Katum” trên tờ Đứng Dậy, một tờ báo của linh mục Chân Tín và Nguyễn Ngọc Lan, mà trong đó có vài đoạn mà nhiều người cho rằng ông ca tụng chế độ Cộng Sản. Ông muốn nói gì về việc này?*

TU: Có chứ. Điều thứ nhất là xin nhắc là mọi lời nói, chữ viết, nhất là chữ in ra, thời đó, đều phải theo đúng đường lối chính sách của Đảng CS. Đang đói thấy mồ ông nội ông ngoại, nhưng có ai hỏi tới, nhất là người ngoài, phải tuyên bố ngay “nhờ có Bác, Đảng và Nhà Nước, chúng tôi no đủ, không thiếu thốn điều gì, sung sướng lắm...” Tôi đứng tên tác giả hai bài ký đó, nhưng nhiều điều tôi viết chỉ là “bài bỗn” thôi. Như những bài văn bài báo khác. Ngay bây giờ, sau vụ đó gần bốn mươi năm, có Đổi Mới rồi, các nhà văn nhà báo ở Việt Nam hiện nay, năm 2007, mới chỉ nói được một phần ý tưởng của mình thôi, và chỉ về những vấn đề Đảng cho phép. Và vẫn phải nói dối nói trá về khá nhiều điều. Bởi vì nói dối nói bịa là một đặc tính của nền chuyên chính vô sản, “sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi!”

Có một điều tôi nói khá thật trong hai bài ký ở *Đứng Dậy* hồi đó, là trong một buổi chào cờ đầu năm trong trại cải tạo Katum, khi thấy lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện (từ 30 tháng 4/75, chỉ thấy cờ Mặt Trận Nguyễn Hữu Thọ xanh vàng đỏ) tôi *chấp nhận lá cờ đó là cờ của nước Việt Nam*. Khoan nói đến địa hạt tình cảm, thích hay không thích, *de facto* cờ đỏ sao vàng là cờ của nước Việt Nam thống nhất. Điều đó là đúng sự thực, cũng đúng thật như cờ vàng ba sọc đỏ là cờ Việt Nam Cộng Hoà, một quốc gia yếu tướng chỉ tồn tại được có 21 năm (1954-1975) ở Đông Nam châu Á.

Bây giờ lá cờ vàng ba sọc đỏ được một số tiểu bang ở Mỹ công nhận là cờ biểu tượng của cộng đồng di dân Mỹ gốc Việt. May qua, vì về tình cảm, trong những lễ lạc ở Mỹ, tôi vẫn thích đứng nghiêm chào lá cờ vàng sọc đỏ, trong ý thức sáng suốt là nó chỉ tượng trưng cho một quốc gia đã mất. Lâu rồi...

*HKP: Ông có thể cho biết bí quyết nào khiến cho ông giờ đây chỉ còn hoạt động được một nửa người, và đã bước vào tuổi bảy mươi mà ông vẫn cho thấy một tấm lòng ngàn ngụt với văn chương và chữ nghĩa?*

TU: Làm gì có bí kíp nào. Hoạ chẳng nhờ may mắn là lấy được một cô vợ xinh xắn hiền thực, vừa khéo chiều chồng vừa khéo nuôi con (và cháu). Và khéo cả làm bếp nữa...

Ngoài ra có lẽ tại tôi cố giữ tinh thần lạc quan trong mọi tình huống, kể cả tình huống không lạc quan vào đâu được, như mấy tháng đầu sau khi bị stroke. Ngoài ra tôi ráng tránh không oán thù ai nhiều và lâu. Cái gì rồi cũng qua đi thôi. Hết chưa nhỉ? Còn. Tại tôi thích viết văn cho mọi người đọc cho vui. Như cụ Nguyễn Du đã phán: *Mua vui cũng được một vài trống canh...* Tại libido của tôi phong phú trên trung bình một chút chẳng, tôi cũng chẳng biết rõ... Sau cùng chắc là cái “tạng” tôi nó thế...

*HKP: Giờ đây với quỹ thời gian không còn nhiều, điều gì ông cho là quan trọng hàng đầu cho một nhà văn ?*

TU: Sự thành thật, tự do viết, kiến thức và kinh nghiệm. Tôi thường hay góp ý với một vài bạn trẻ: nếu có thể, đừng nên viết về những gì mình chưa hoặc không trải qua.

*Thế Uyên trả lời xong tháng 5/07, Seattle.*

## Hai người đội mũ

Mặt trời đã khuất sau những ngọn cây sao của đường Nguyễn Kim. Hàng cây hiem hoi còn sót lại trong thành phố, bao quanh khu vận động trường có lẽ đã được trồng từ thời Pháp thuộc. Những ngọn cây bên kia đường, ngay trước mặt tiền của sân vận động cao hơn cả khán đài trung ương. Gió chiều thổi lướt dọc trên con đường Nguyễn Kim, vắng tanh không một chiếc xe, không một bóng người.

Gió thổi những cánh hoa sao bay tan tác trên không, trước khi là đà đáp xuống các ngôi mộ của khu nghĩa trang. Nhiều bông hoa bay mãi tới cuối nghĩa trang, đâm sầm vào bức tường thấp bao quanh trước khi rơi xuống đất, hệt như hình ảnh một phi cơ Thần Phong lao thẳng xuống sàn tàu.

Trời đã bắt đầu nhá nhem tối, đột nhiên trong lòng phố vắng vang lên những tiếng động gióng mõ. Tiếng động gây ra bởi một chiếc nặng gõ xuống lề đường. Người chống nặng đội một chiếc mũ lưỡi trai kéo sụp xuống, anh đứng tần ngần cách bức tường bao quanh khu vực nghĩa trang, nhìn vào những ngôi mộ lô nhô trên mặt đất. Đó

đây một vài chữ thập, chữ vạn nhô hẳn lên cao khỏi những nắm mồ. Gió đột nhiên trở nên dữ dội, những cánh hoa sao bị gió hất tung lên trên không trước khi đổi hướng rơi xuống. Những cánh hoa quay vù vù trên không, trông như những người lính nhảy dù đang lơ lửng giữa trời cao. Một cánh hoa vô tình đáp xuống nhẹ nhàng trên vành mũ lưỡi trai, khiến người cụt chân nghển cổ, ngoẹo đầu ngó lên. Hàng trăm những cánh hoa bay tan tác trong lòng con phố vắng. Anh nhớ lại lần đầu tiên phóng mình ra khỏi thân tàu. Anh đã được huấn luyện viên căn dặn: Khi phóng mình ra khỏi thân tàu, phải nhìn xuống đôi tay thu trước bụng, đếm nhẩm 331, 332, 333. Đếm xong ngoái cổ nhìn lên, xem dù lưng có bọc hay không? Nếu không thì phải giật dù bụng để khỏi rơi xuống đất, thành một đồng bầy nhày không hình dạng. Khi dù lưng đã mở, hai tay phải nắm chắc lấy cái đai để điều chỉnh hướng dù.

Anh nhớ lại lần nhảy dù đầu tiên, từ cánh cửa máy bay nhìn xuống, mây vùn vụt trôi tuột xuống phía đuôi tàu. Anh hơi hoảng, còn ngần ngại chưa kịp lấy thế để bung người ra, anh đã bị huấn luyện viên tổng cho một đạp, người anh văng ra ngoài khỏi thân tàu. Thế là anh quên bém hết những điều huấn luyện viên đã dạy dỗ. Lần nhảy dù đầu đời anh như mê đi, chỉ tình người lại khi chiếc dù lưng bọc gió, giật ngược người anh lại. Mãi tới lúc đó anh mới ngược cổ nhìn lên, thấy cánh hoa dù nở rộ giữa trời xanh, mây trắng. Anh ngược cổ lên cũng không đúng cách, nên bị dây dù cửa vào mặt, vào cổ.

Anh tiến lại sát bức tường bao quanh nghĩa trang, bức tường chỉ cao tới ngang ngực. Anh để cái nạng trên thành tường, chống hai tay lên mặt tường, lấy thế rướn người nhảy lên, ngồi trên thành tường, quay mặt ngó ra ngoài đường Nguyễn Kim. Anh bỏ chiếc nón lưỡi trai xuống, dùng ngón tay trở quay quay chiếc nón, như một chiếc chong chóng. Chập sau anh lấy cái nón lau những giọt mồ hôi tưởng tượng, đã bị gió hong khô tự hồi nào. Cái mũ lưỡi trai loang lổ thuốc nhuộm loại dỏm, khiến mặt trên bắt nắng đã trở lại màu ô liu nguyên thủy. Để ý kỹ một chút sẽ thấy cái mũ không phải màu xanh ô liu, mà là màu áo hoa dù, loang lổ màu thuốc nhuộm. Anh quay người lại nhìn vào trong nghĩa trang, miệng lầm nhảm: "Tối nay mình ngủ đây, làm bạn với người chết. Đường quá xa, xe không có, lò cò tới nơi cũng chưa chắc gì đã được gặp bà thầy".

Anh loay hoay đổi thế ngồi, nhìn vào trong nghĩa trang. Nhiều ngôi mộ lớn có mái, coi bộ đêm có mưa cũng không đến nỗi ướt. Anh lại lầm bầm một mình:

"Không biết nghĩa trang có người gác không? Nhảm nhò cái gì, thời này người sống lo không hết chuyện, ai mà huờn đi lo ba cái chuyện người chết."

Anh đội lại cái nón lên đầu, quơ tay lấy cái nạng, gõ nhẹ xuống mặt đất bên trong bức tường, dò thử thế đất mềm hay cứng. Như

thế trước kia hai tay nắm lấy thành cửa máy bay, chuẩn bị lao mình vào không trung. Tuy anh nghĩ nghĩa trang không người gác, anh vẫn cẩn thận ngó dáo dác chung quanh. Khi biết chắc không một ai để ý, anh chống tay trên mặt tường nhảy vào bên trong nghĩa trang. Anh ngừng lại ngó địa thế chung quanh, chọn một vị trí cho anh ngủ đêm nay. Anh tiến lại góc nghĩa trang, nơi có ba bốn nhà mồ khá lớn. Tiếng nạng giống một im bật, trong lúc bóng anh khuất sau những hàng bia lớn.

Anh nằm ngửa trên nền đá vân đen, gối đầu lên cái bị nát. Đá mát lạnh dưới lưng anh, khiến anh rùng mình. Chỗ anh núp đằng sau mấy bức tường bao quanh mấy ngôi mộ, được xây cất như những cái nhà mồ, nên kín gió.

Thỉnh thoảng lẫn trong tiếng gió đêm, anh nghe được một cách rất mơ hồ, tiếng chim thành phố riu rít trên những ngọn cây sao. Những con chim sẽ nhỏ thật khôn, sau nhiều lần may mắn không bị trúng bẫy của con người, chưa kịp làm một miếng thịt, cho dù chỉ nhỏ bằng đầu ngón chân cái, đã làm tổ thật cao trên ngọn cây. Anh không còn đồng hồ đeo tay, thành thử không thể biết bây giờ là mấy giờ đêm, nhưng có lẽ trời chưa khuya, bởi vì anh thấy mắt anh ráo hoảnh. Anh cảm thấy bụng hơi cồn cào vì đói, cả ngày nay anh chỉ có một miếng bánh mì cũ, cùng một củ khoai lang.

Anh chống tay ngồi lên, nhìn ra bầu trời đêm, lấp lánh trên những tầng cây sao cao, những vì tinh tú lấp lánh trong cõi đêm mộng mên. Vàng trắng méo thỉnh thoảng bị mây lướt qua, làm thay đổi hình dạng của toàn thể khu nghĩa trang. Dưới ánh trăng khi tỏ, khi mờ, những ngôi mộ trông nhấp nhòm như biết bò.

Anh cảm thấy hình như người chết làm anh an lòng hơn người sống. Ít nhất nếu có hồn ma trú ngụ trong nghĩa trang này, những hồn ma đó chỉ có thể "*nhát ma*" anh, khiến anh sợ hãi phải bỏ đi, chứ không thể làm anh chết vì đói, vì nhục, vì đau, vì uất. Rất nhiều bạn cũ, rất nhiều người thân của anh đã đột nhiên biến khỏi đời sống này, hết như là một viên sỏi bị ném xuống ao bèo. Viên sỏi khi chạm vào mặt nước còn tạo ra một tiếng động nhỏ, còn những người bạn anh đã mất tích, không hề để lại bất cứ một thứ gì, kể cả một tiếng kêu.

Anh nhòm dậy, nhảy lò cò đến một ngôi mộ khác, ngồi lên trên nóc của ngôi mộ này. Độ vài phút anh quay lại chỗ nằm, mò trong bị lấy ra vài cái mẫu thuốc đã lượm dọc đường, nhồi những nhúm thuốc bé tí tẹo vào một cái tẩu gỗ. Cái tẩu do ông thầy cũ, đang đi tù cải tạo cặm cụi làm, gửi ra cho thằng em thân tín cụt giò. Thỉnh thoảng trong những lúc đi kiếm ăn, ngang qua nhà thầy cũ, thế nào anh cũng ghé vô, thăm hỏi tin tức ông thầy. Cái tẩu đã được bà vợ của ông thầy lên thăm nuôi mang về với một lời nhắn: "*Ráng nhịn nhục mà sống, thần nhiên mà sống. Khi chúng muốn chìm mình xuống, muốn mình sống như một con vật, thì cách chiến thắng hay nhất là hãy sống như một con người! Hãy sống như một con*

người."

Anh lẩm nhẩm trong miệng:

"Tội nghiệp cho ông thầy. Ông ở trồng dâu có biết ngoài này mình sống như thế nào. Mình còn thua cả con chó. Con chó thời này dẫu có bị "làm thịt" như điên, nhưng nó còn có cái mõm để sửa, lúc cùng đường còn quay lại cắn càn. Mình tuy có cái miệng, cũng muốn cầm luôn cho rồi. Mình cũng chẳng mở miệng van xin ai, cứ đến gần người ta hát thật nhỏ vài câu nhạc cũ. Ai có dư thức ăn, và có lòng thương người, muốn cho thì không cần phải van xin. Ai không muốn cho thì có van xin rất cổ cũng không ăn thua gì. Và lại cái thời này ai nấy đều nghèo, đều đói. Thời buổi này khó mà sống cho ra hình dạng một con người. Chắc ông không biết mình đang sống bằng cách ăn xin. Chắc ông không biết lúc này mình có tật hay nói lảm nhảm một mình. Mà cũng có ai là bạn đâu mà không nói một mình?" Đột nhiên một tiếng động vang lên nơi góc trái nghĩa trang. Anh vội ngồi thụp xuống, hướng về phía tiếng động. Ánh trăng loang loáng lướt qua những đám mây khuya lang thang, khiến cho cảnh vật như nhòe đi. Anh nghĩ thầm không lẽ có ma? Cái chất lính trong người anh bùng dậy. Anh nghĩ tiếp, nếu là ma phụ nữ cho mình được nói chuyện đời có khi lại là một niềm an ủi. Mà cần gì phải là ma phụ nữ. Bây giờ mà có người đủ cho mình tin tưởng như "ma" thì bất kể là đàn ông, đàn bà, ông già, bà cả, nít nhỏ con trai, nít nhỏ con gái... Tàu, Miên, Chà Và, Ấn Độ, Lèo cỡ nào cũng cần, người gì cũng thế. Nói chuyện đời chứ có phải bàn chuyện chính trị, chính em gì đâu mà phải lựa người.

Anh cố nhìn qua bóng đêm. Cách anh khoảng chừng ba chục thước, một bóng người đang quờ quạng. Những cử động tứ chi của bóng đen, khiến cho anh có cảm tưởng bóng đen là một con quỷ nhập tràng, mà anh đã thấy trong các phim ghê rợn rở tiền thời con nít. Đột nhiên anh thấy bóng đen loạng choạng ngã chúi về phía trước, và anh biết ngay bóng đen là con người ta, bị vấp té. Ma thì làm sao bị té cho được. Anh nghĩ thầm chắc là một người cùng khổ như anh, coi nghĩa trang như một xóm nhà, tá túc trong một ngôi mộ nào đó. Nếu bóng đen cũng chỉ là một con người như mình thì bận tâm làm gì, nằm xuống ngủ quách cho khỏe. Ngày mai còn phải đi kiếm ăn.

Anh nằm thao thức mãi không ngủ được. Anh nghĩ đến ông thầy, bà thầy. Tội nghiệp bà thầy trước kia con nhà giàu, cho tới khi lấy ông thầy, chưa hề biết làm một việc gì ngoài việc đi học. Ham làm chi mấy cái bông mai trên cổ, ham làm chi ba cái áo hoa dù, để bây giờ phải bòn nhặt mọi thứ đồ dùng đem bán lấy tiền mua gạo. Bán hết đồ rồi thì sống bằng cái gì. Còn phần ông thầy, có bao giờ ông ngó ngang đến nhà với chả cửa. Quan năm suốt tháng hành quân vắng nhà. Bây giờ không biết ông còn nặng được bao nhiêu ký? Thời buổi này càng phương phi béo tốt, tai to mặt lớn bao nhiêu thì càng khổ bấy nhiêu? Anh mong ông thầy nhin được, như ông đã từng khuyên anh. Cái tính của ông anh biết coi bộ khó nhin.

Anh đã đôi lần cố ăn mặc cho khỏi rách rưới, cắt cái bị ăn mày vào một xó, trút vài lon gạo dành dụm cả tuần vào trong một cái túi vải, đem đến bà thầy cho mấy đứa con ông thầy. Mỗi lần như vậy anh liến thoắng hỏi thăm ông thầy, để đại túi gạo vào một góc nhà, trước khi đi như ma đui ra khỏi nhà. Đối với bà thầy, anh dứt khoát là dân buôn chợ trời, thỉnh thoảng trúng mảnh mang gạo cho các con ông thầy cũ.

Anh miên man nghĩ ngợi gần xa, và rồi thiếp đi trong những cơn mơ. Trong cơn mơ anh nhìn thấy những người đồng đội cũ, những ông thầy xưa. Trong cơn mơ, anh còn đủ hai chân, cả bọn lơ lửng giữa trời xanh mây trắng.

Gần sáng anh tỉnh dậy, khi những người lính Nhảy Dù trong cơn mơ của anh đột nhiên thu nhỏ lại, thoát chốc đã biến thành những bông hoa sao, quay cuồng trong cơn lốc, ngập ngựa trên hè phố, tan tác dưới những đế dép làm bằng vỏ xe hơi phế thải.

Khi tỉnh dậy, anh nghe có những tiếng động lạ vang lên từ đầu nghĩa trang. Có lúc tiếng động tiến lại gần, chập sau chúng lại ra xa. Anh nghe có tiếng khùng khắng ho, rồi có tiếng khạc đờm. Anh nghĩ bụng có lẽ mình cũng nên tạo một vài tiếng động, để cho người nào đó biết: Kể từ hôm nay, nghĩa trang này không phải là chỗ của riêng hắn.

Anh chưa kịp gây tiếng động, thì đã nghe một giọng hát vang lên từ cuối nghĩa trang. Lời của bài ca "Trường Sơn Đông" cho anh biết, kẻ đang hát không phải là người cùng phía với anh. Chẳng những thế trước kia nếu chạm mặt nhau ngoài bãi chiến trường, chắc hẳn phải có một người nằm xuống.

### **Người đội mũ tai bèo**

Những tiếng động làm người đội mũ lưỡi trai thức giấc đã khá lâu, nhưng còn nằm nướng trên nóc mộ. Mặt trời đã lên, song những tầng cây sao, và những mái nhà mờ khiến cho anh không nhìn thấy vật nắng đã lên khá cao.

Buổi mai trong khu nghĩa trang yên tĩnh lạ thường. Chỉ có những tiếng chim lao xao trên ngọn cây, thỉnh thoảng có tiếng động cơ xe lớn vọng về từ phía đường Nguyễn Văn Thoại. Giờ này trước kia đông phải biết, vì là giờ người lớn đi làm, trẻ em đi học. Anh nghĩ đến con đường Nguyễn Văn Thoại, dẫn đến cổng trại Hoàng Hoa Thám, trại của đơn vị anh ngày nào. Trại bây giờ đã tan hoang vì trận đánh cuối cùng. Hiện thời trại thuộc quyền cai quản của những người lính khác xa anh từ ngôn ngữ cho tới trang phục, từ vũ khí cho tới chính kiến.

Anh nhìn xuống cái chân cụt quá đầu gối. Phải chi anh bị thương trước đó một năm thì giờ này anh vẫn còn đủ cả đôi chân. Anh



tiếc đã bị thương quá chậm, khi quân địch đã vào tới cửa ngõ của Biên Hòa. Ngày đó đơn vị của anh tăng cường cho mặt trận bảo vệ phía bắc thủ đô. Trước khi trận đánh cuối cùng xảy ra, Quân Y Viện của QĐIII không còn một y sĩ nào. Thuốc men cũng không, thậm chí đến bông băng cũng không. Vết thương chỉ nhẹ như muỗi đốt, một mảnh đạn chui qua các thớ thịt đùi, chạm vào cái xương ống. Ấy thế mà làm độc đến nỗi cụt chân có lạ không?

Anh nằm trên một nắm mộ lớn, có mái che, nên đã có lúc anh tự coi mình như là một nhà vua đang ngự trên long sàng. Những tiếng động lịch kịch vẫn vang lên từ cuối nghĩa trang. Anh nghĩ thầm trong bụng: Lại một tên "*Vua Ăn Mày*" như mình. Chỗ này coi bộ sẽ đất khách.

Anh vẫn nằm yên trên nóc mộ, thần trí lơ mơ quay về ngày cũ. Anh nghe tiếng động lịch kịch, chen lẫn với tiếng hát nhào nhoẹt tiến gần lại ngôi mộ anh đang nằm. Anh nhồm dậy, nhìn về phía tiếng động. Anh bắt gặp một con người tàn tật như anh, còn tệ hơn anh. Anh ta cầm một cái que dò đường, tiếng động lịch kịch tạo bởi cái que quờ quạng trên mặt đất. Dưới ánh nắng ban mai, anh nhìn thấy một cái mũ tai bèo kéo sùm sụp xuống, phủ hết cái trán.

Người đội mũ lưỡi trai lên tiếng ho, khiến người đội mũ tai bèo ngừng lại. Anh ta lắng tai nghe ngóng nơi xuất phát tiếng ho, cái mặt ngờ ngác nghiêng về một phía, khiến cho người đội mũ lưỡi trai nhìn thấy hai cái lỗ sâu hoắm thay cho hai đồng tử. Người đội mũ tai bèo ngần ngừ một chút, rồi lên tiếng hỏi trống không. Giọng Bắc cao và sắc lạnh lạnh vang lên:

"Ai đó?"

Một chút im lặng trôi qua. Người đội mũ lưỡi trai đã ngồi hẳn dậy hướng về phía người đội mũ tai bèo trả lời. Giọng Nam khàn khàn, chen lẫn một chút ái ngại:

"Cũng là dân ăn xin thôi, không có gì phải sợ"

Người đội mũ tai bèo cúi mặt xuống, quơ cái gậy tìm đường. Anh ta nói trống không, trong giọng nói có pha chút giễu cợt:

"Ăn mày thì có gì phải sợ! Nào "*đồng chí ăn mày*" đã trưa rồi, dậy đi kiếm ăn chứ nhỉ."

Nghe chữ "*đồng chí*", người đội mũ lưỡi trai nhăn mặt lại. Toàn thân anh run lên, mấy ngón tay mân mê cái nạng gỗ, trong khi người đội mũ tai bèo nghiêng đầu lắng tai nghe, có ý chờ đợi câu trả lời. Nắng ban mai soi thẳng vào hai người, in trên nền đất nghĩa trang thành hai cái hình dài ngoằng, gầy khúc trên những nắm mộ. Người đội mũ lưỡi trai trả lời bằng giọng trống không, nhát gừng:

"Đi trước đi, có chỗ ở mới phải làm vài việc"

Giọng Bắc lại vang lên sau một tiếng xì dài:

"Chỗ ở mới. Rõ khi, chỉ được cái nói mẽ".

Nói rồi người đội mũ tai bèo quơ cái gậy về phía trước. Bây giờ anh ta không hát nữa, mà chum miệng thổi sáo. Người đội mũ lưỡi trai lắng nghe, âm điệu của bài nhạc líu lo, riu rít như một đứa trẻ nói vội, nuốt chữ. Thật khác xa với âm điệu của những bài hát tango, boléro, cha cha cha của những bản nhạc trước kia anh vẫn nghe trong phòng trà, trên đài phát thanh, đài truyền hình. Người đội mũ lưỡi trai cau mặt nghĩ thầm: Đến nhạc của nó mình cũng không nuốt nổi.

Người đội mũ lưỡi trai muốn chửi vài câu cho hả giận, nhưng rồi anh thấy chả có gì phải giận. Nghĩ cho cùng hấn ta cũng đáng thương, đáng thương hơn anh. Anh đi đứng tuy có khó khăn một chút, nhưng tỉ lệ tàn tật của anh mới chỉ là 50%, còn hấn ta mù mắt thì dứt khoát tàn phế 100%. Chấp làm gì với kẻ yếu thế hơn anh. Và lại hấn cũng không nhìn thấy cái mũ anh đội. Nếu hấn ta chỉ cụt tay, cụt chân thì chắc chắn hấn sẽ không gọi anh là "*anh bạn*".

Người đội mũ lưỡi trai nhìn theo phía sau lưng của người đội nón tai bèo. Chiếc gậy khua khua trên mặt đất tạo thành những vết bụi nhỏ. Anh thấy người đội nón tai bèo khó khăn mãi mới leo ra được được lên mặt tường, kể đó lại loay hoay một hồi mới leo xuống khỏi bức tường thấp ngang ngực.

Anh quay về chỗ cũ, ngồi bó gối ngó lên những ngọn cây sao, được nắng sớm mai nạm vàng ối nơi khán đài trung ương của sân vận động Cộng Hòa. Người đội mũ lưỡi trai thấy cơn giận dữ vô cớ hồi nãy tan đi. Anh mân mê chỗ chân cụt, những số thịt được khâu túm lại bởi một bàn tay vụng về, đã tạo thành một cái sẹo lồi lõm, xấu xí.

Người đội mũ lưỡi trai vươn vai đứng dậy, anh cũng chum miệng huýt gió một bài hát hồi trẻ anh rất thích. Cao hứng anh còn hát vài câu anh nhớ lõm bõm trong một bản nhạc quân hành. Giọng hát khàn khàn của người đội mũ lưỡi trai, được những con chim trong thành phố hát líu lo phụ họa. Anh tưởng chừng như nhìn thấy những đồng đội cũ, những ông thầy xưa đang lơ lửng giữa trời cao.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, khu nghĩa trang đã có thêm nhiều khuôn mặt mới, họp thành một nơi cư trú của những người bị gạt ra khỏi lễ xã hội. Nghĩa trang có khoảng vài trăm ngôi mộ, chứa chấp vài chục con người.

Mỗi đêm người sống và kẻ chết nằm chen kẻ lẫn nhau. Nếu như người chết linh thiêng, thỉnh thoảng hiện hồn về dương thế thì lãnh thổ người chết, của ma đã bị người sống xâm lăng. Mỗi một nhà mồ có

một người sống tá túc. Biên giới của sự sống và cái chết là mặt đất, là nóc mồ.

Không một người sống nào có giường, họ nằm ngủ ngay trên mặt mộ. Vài người mắc võng giăng từ tấm bia này sang tấm bia khác, nằm hóng gió chiều. Phần lớn người sống đều tàn tật, bệnh hoạn. Tất cả những người này đều sống bằng nghề moi các bãi rác, đi ăn xin nương vào hạnh bố thí của người đời. Thảm thương cho họ là người đời lúc bấy giờ tuy giàu hạnh bố thí, nhưng lại nghèo của cải thức ăn. Họ gọi nhau bằng cái tật của mỗi người như "*cha què, anh cụt, lão mù, gã cùi...*"

Mỗi đêm những con người thảm lặng như những cái bóng, vun lá khô lại thành từng đống, gậy vại đóm lửa nhỏ, rải rác trong nghĩa trang. Họ tụ tập thành vài nhóm, mỗi nhóm chiếm cứ một góc. Ánh lửa bập bùng nhảy múa trên các tấm bia, trên các mộ chí, chiếu vào những người chung quanh thành những vũ công ma quái.

Ban đêm người yếu bóng vía, đi ngoài nghĩa trang nhìn vào, chắc chắn sẽ lầm tưởng là thấy ma.

Người cụt đội mũ lưỡi trai và người mù đội mũ tai bèo chung một nhóm. Đó là hai người đầu tiên trú ngụ trong nghĩa trang, mộc nhiên được những người tới trú ngụ sau nể nang đôi chút. Hơn thế nữa chỗ nằm của hai người gần nhau. Hàng đêm hai người này ngồi cách nhau vài nắm mộ thấp, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Thỉnh thoảng họ trao đổi với nhau vài câu hỏi bằng quơ, vài tiếng trả lời nhảm nhăng. Họ nói chuyện với nhau hết như những con chó sủa ma, thỉnh thoảng học lên vài tiếng.

Người mù đội mũ tai bèo hay đi ngủ sớm, và cũng dậy sớm. Anh rời khỏi nghĩa trang đi kiếm ăn, khi những con chim thành phố chưa thức giấc, còn nằm im trong tổ. Mỗi buổi sáng khi thức dậy đi kiếm ăn, anh vẫn còn nghe được tiếng ngủ ngáy, tiếng nói mơ. Anh không biết đèn đường chưa kịp tắt, ngoài phố không một bóng người. Anh cũng không có đồng hồ, mà cũng chẳng màng tới giờ giấc làm chi cho phiền nhiễu.

Người đội mũ tai bèo bị thương trong những ngày cuối của trận chiến. Anh là bộ đội đi B, tiến vào giải phóng Sài Gòn. Đơn vị anh từng thiết theo tầng đánh vào phi trường Tân Sơn Nhất. Mấy năm nay sống trong bóng tối, nhiều lần anh nghĩ tới cái thời khắc kỳ cục của những trận đánh sau cùng.

Trong khoảng hai tuần lễ, đầu cỡ mười ngày, đơn vị anh tiến từ Phan Rang tới Bình Long. Quân đội hai miền đã đánh nhau kịch liệt suốt hai chục năm trời. Đột nhiên quân đội miền Nam không đánh nữa, rút lui như gió cuốn. Không hiểu sao Sư Đoàn 18 của quân ngụy đứng chững lại, chống trả dữ dội tại Bình Long.

Quân hai bên đánh nhau mù trời dậy đất tại những đồn điền cao

su chung quanh thị xã. Trong vòng vài ngày ngắn ngủi, quân hai bên chết cơ man nào mà kể, xác người nằm sấp lớp khắp mọi xó xỉnh trong rừng cây. Khi tiến vào tấn công Sài Gòn, đơn vị anh tan biến hoàn toàn. Anh thoát chết tại rừng cao su Bình Long, được điều sang một đơn vị khác. Anh bị thương tại ngưỡng cửa phi trường Tân Sơn Nhất. Người đội mũ tai bèo nhiều lần oán trách quân đội miền Nam. Phải chi cứ đánh nhau nhè nhàng thêm vài chục năm nữa, bây giờ có thể anh không bị mù. Anh bị một mảnh đạn xẹt qua mặt. Viên đạn phá vỡ sống mũi anh, múc con mắt trái lòi ra ngoài, con mắt phải còn lại sau cùng cũng không chữa được.

Anh mơ hồ nhớ lại khi anh tỉnh dậy, lớp băng quấn trên đầu khiến anh chỉ thấy một màu đen đặc như hắc ín. Anh biết là anh bị thương trên mặt, nơi sống mũi buốt lên tận óc. Thỉnh thoảng những cơ bắp hai bên gò má, sát với thái dương giật liên hồi, và những lúc đó anh chỉ muốn ngã ra bất tỉnh. Khi được viên bác sĩ ngụy, làm việc trong Tổng Y Viện Cộng Hòa cho biết sẽ mù vĩnh viễn. Anh chỉ muốn chết. Sống làm chi cho khổ thân mình, khổ lây tới cả gia đình. Chiến tranh cái gì mà kỳ cục. Đang đánh nhau cầm chừng đột nhiên như một lũ người say máu.

Sau khi tháo băng trên đầu ra, đôi mắt anh chỉ còn lại hai cái lỗ sâu hoắm, nước vàng rỉ ra liên tục, mùi hôi thối xông ra từ chỗ bị thương, kéo theo lũ ruồi nhặng lúc nào cũng vo ve bu kín. Suốt một tuần lễ anh ngồi trên giường, chỉ nghĩ đến chuyện chết. Quê anh tận Hà Nam Ninh, mấy người bạn cùng quê đi B một lượt chẳng còn một ai. Được cho về cũng khó mà lê nổi cái thân tàn về nhà. Mà lê về nhà làm gì với người ngợm như thế này.

Vì đơn vị anh đã tan từ lúc đụng trận tại Bình Long, anh được điều sang đơn vị khác, trong trận đánh sau cùng tại phi trường Tân Sơn Nhất. Khi anh tỉnh lại tại Tổng Y Viện Cộng Hòa, anh chẳng biết ắt giáp gì về đơn vị mới của anh. Cả nước còn đang bận ăn mừng chiến thắng, đơn vị mới của anh rút đi đâu anh cũng không rõ. Thế là anh trở thân cụ một mình trong vùng đất bại trận. Mặc dù anh ở phía thắng trận, nhưng không một nơi nào chính thức lo cho anh. Chưa biết chừng đơn vị mới còn báo cáo anh đào ngũ. Anh ra khỏi bệnh viện và không có một nơi nào để đi.

Tại Ủy Ban Quân quản thành phố, anh được người ta sắp cho một chỗ ở tạm, nuôi cơm ngày hai bữa. Anh chung đụng với khá nhiều thương binh của các đơn vị. Lúc đầu người ta chen chúc xúm xít trong giờ lãnh đồ ăn, thế rồi mỗi ngày một bớt ồn ào. Anh không trông thấy gì, nên không biết những người ở chung với anh đi đâu, làm gì trong lúc lãnh đồ ăn.

Anh chỉ biết một hai người nằm gần giường hay về khuya. Có hôm còn sực mùi rượu, ngủ vùi cho tới trưa hôm sau mới trở dậy. Mãi sau anh mới biết những người này đi ăn xin ở ngoài, vì cơm trong trại quá tẻ. Thế rồi một hôm hai người bạn nằm gần rủ anh ra ngoài cho giã gân cốt. Anh nhập cuộc với họ.

Một hôm trong lúc anh vắng mặt, hai người bạn vẫn đi kiếm ăn chung, và toàn thể các thương binh trong trại bị đưa lên xe tổng về ngoài Bắc hết. Phần anh thoát một cái mà đã đem thân bị gậy năm, bảy năm trời.

Mình anh trở trại giữa một thành phố lạ, mắt thì mù, nhà cửa không có, người quen cũng không.

Thế là anh đã sống trong đêm đen đặng đặng nhiều năm. Không hiểu ngoài Bắc sau chiến tranh, đời sống gia đình anh như thế nào? Cô em kể chắc đã về nhà chồng, thằng em út giờ này chắc đã học hết cấp ba. Không biết nó có thi vào được một trường chuyên ngành nào không? Nhiều năm nay anh lang thang đầu đường xó chợ. Anh tưởng rằng đã hy sinh một phần thân thể cho chiến thắng sau cùng, thì anh phải được đãi ngộ, đền bù xứng đáng với phần thân thể anh bỏ lại nơi chiến trường.

Anh đã không còn lành lặn, để có thể bòn mót chiến công mang về cho bố mẹ anh một chút của cải của miền Nam, thì người ta cũng phải lo cho anh tối thiểu được tươm tất nơi ăn chốn ở.

Mấy năm gần đây, mấy cái loa công cộng đã bót gào lên về chiến thắng Mỹ Ngụy, anh bị công an áo vàng xua đuổi như những con chó ghê. Khi chiến tranh vừa tàn, cái mũ tai bèo và một hai cái huy chương đeo trên ngực, làm cho anh được nể nang phần nào. Thế rồi càng ngày mọi chuyện càng tồi tệ hơn. Tiền tháng dành cho một thương binh, chỉ ăn thôi cũng không đủ. Cơ ngơi này có lẽ đến chết đắp chết dúi, chết bờ chết bụi ở một nơi nào đó. Làm thế nào mà về được quê nhà. Mà cũng chẳng nên trở về nhà làm chi, cho cả nhà thêm sàu nảo. Ở đây khuất mắt cho gia đình được yên một bề.

Nhiều lần anh bị xua đuổi hất hủi. Những người miền Nam nhìn vào cái mũ anh đội, cái huy chương anh đeo ban đầu hơi sờ sợ, bố thí một cách miễn cưỡng. Nhưng rồi cứ ngửa tay ra xin người ta bố thí mãi, thì cái sự sờ sợ ban đầu nhỏ lại. Bây giờ người ta không muốn bố thí cho anh nữa. Thật ra khi giải phóng được miền Nam, mọi người đều nghèo đi. Chính người ta cũng chẳng có gì cho vào bụng. Bụng ai nấy đều đói thì sá kể gì một cái huy chương.

Người đội mũ tai bèo biết được người miền Nam chỉ sợ đám công an áo vàng, bởi vì công an mới có thể làm phiền người ta ngày này sang tháng nọ. Bộ đội phục viên thì là cái thứ gì, thương binh thì đã ăn cái giải gì. Chém giết nhau cho lắm vào, bây giờ chỉ có nước đi ăn mày mà thôi.

Mỗi buổi chiều người đội mũ tai bèo về sớm hơn mọi người. Anh ngồi trên cái mộ anh chiếm ngụ, lục lọi cái sắc cốt đã thủng lỗ chỗ, moi ra những thực phẩm xin được trong ngày. Anh nhá những miếng bánh mì khô khốc, những chén cơm thoáng có mùi thiu. Anh ngửa cổ tu một ngụm nước từ cái bình toong Trung Quốc. Cái sắc cốt, cái

bình toang nước là hai đồ vật kỷ niệm của anh trong thời chiến.

Anh ngẫm nghĩ: Mãi mà mình mới có hăm chín tuổi. Không biết phải sống tới chừng nào mới được chết cho rảnh nợ.

Cả khu nghĩa trang này anh chỉ bắt chuyện với một người. Người đó nằm nơi cái mộ gần anh, người đó có lẽ là một thương binh miền Nam. Anh ta chống nạng đi lọc cọc, thường hay về trễ. Có đêm cao hứng hẳn ta còn hát nhạc vàng, nhạc phản động của quân đội miền Nam. Một ý nghĩ chạy thoáng qua đầu người đội mũ tai bèo. Phải đó, nếu cuộc đời chó má này không dung những người tàn tật, thì tại sao hai người không tựa vào nhau mà sống?

Người đội mũ tai bèo nằm chờ mãi mới nghe thấy tiếng động lịch kịch gây ra bởi chiếc nạng gỗ. Anh nhồm dậy khúng khắng ho như báo trước cho người láng giềng biết anh còn đang thức. Người đội mũ lưỡi trai tỏ vẻ hơi ngạc nhiên, anh hỏi trống không:

"Chưa ngủ sao cha nội Điện Biên, Bắc Kỳ?"

"Tôi có câu chuyện muốn bàn với anh bạn"

"Chuyện gì? Nhưng mà cho tôi kiểu cái chữ anh bạn đi, nghe nó chướng."

Người đội mũ tai bèo ghéch mặt lên, hai hốc mắt như muốn chuyển động. Anh ngẫm nghĩ một chút rồi hỏi người đội mũ lưỡi trai:

"Chả gì tôi với anh cũng là hàng xóm láng giềng, không gọi bằng anh bạn thì gọi là gì"

Người đội mũ lưỡi trai trả lời ngay lập tức:

"Gọi bằng gì thì gọi, chữ anh bạn thì cho tôi xin. Tại anh không nhìn thấy tôi, nên không biết tôi là loại người gì?"

Người đội mũ tai bèo cười méo xệch cả miệng. Dứt cơn cười anh nói:

"Thì cũng đói cơm, rách áo hóa ra ăn mày thôi chứ làm vương làm tướng gì cho cam."

Người đội mũ tai bèo ngừng lại một chút, khi nói tiếp giọng anh gần lại từng tiếng một:

"Anh bạn, anh coi tôi là cái gì cũng vậy mà thôi. Có điều tôi với anh bạn cùng cần sống. Hợp lực lại thì dễ hơn là làm lủi một mình."

Người đội nón lưỡi trai ngó sững vào người đội mũ tai bèo. Đột nhiên anh nghĩ ra một cách để gọi lẫn nhau. Anh nói với người đội mũ tai bèo:

"Tôi có cách. Anh đội mũ tai bèo, tôi gọi tên anh là "*Tai Bèo*". Tôi đội mũ lưỡi trai, anh gọi tên tôi là "*Lưỡi Trai*". Bây giờ anh muốn nói điều gì thì nói lẹ đi cha nội"

"Thỉnh thoảng khuya anh về, tôi nghe anh hát hay ra phết. Nhưng mà buồn quá. Tôi nghĩ bọn mình xoay một cái đàn thùng, tôi biết đánh đàn, tôi đệm cho anh hát. Mình chỉ hát xẩm thôi, không van xin một ai. Mình đến chỗ bến xe, quán xá đông người, hát mấy bài nhạc cũ. Ai có lòng thì bố thí, không thì thôi."

"Tai Bèo này, ý của anh nghe được. Bề gì mình cũng là lính. Cái đời này thật đúng là chó má. Chó má tới độ tôi không thể ngờ được. Anh là phe thắng mà sao không một ai lo cho anh mới là kỳ? Trước kia anh thuộc vào đơn vị nào?"

"Tôi là Sư Đoàn Sát Lưỡi Trai ạ. Mả mẹ chúng nó, nhưng mà sát của tôi đã rỉ rồi anh bạn."

"Tai Bèo này, mai tôi lên nhà ông thầy cũ của tôi. Ông có cây đàn guitare vắt trong xó tủ. Tôi xin thế nào bà thầy cũng cho. Mình hợp lực kiếm ăn, có dư dả chút nào tôi chuyển cho bà thầy đi thăm nuôi ông. Cũng còn may, bà thầy mang đàn dạm bán mấy lần, thời buổi này không có ma nào muốn đàn địch, nên nó còn nằm trong xó tủ"

"Lưỡi Trai này, thời nguy anh là lính gì?"

"Anh bạn Tai Bèo ơi, mình mới kết bạn với nhau chưa ráo miệng. Anh đừng làm chi cái tiếng Nguy đau lòng đó. Tôi là lính Nhảy Dù, ngày xưa đủ sức chơi hơn cơ Sát, Thép, Điện Biên, Sao Vàng, Sao Bạc gì đó. Nhưng mà thôi Tai Bèo ơi, nén chuyện cũ lại. Mình còn sống được ngày nào thì ráng mà sống cho ra cái dạng người. Tôi bất ý kiến của anh bạn, mình không van xin ai cả. Ông thầy tôi trong tù nhấn ra là phải cố sống như một con người. Tai Bèo ơi, đi ngủ đi, mai tôi đi xoay cái đàn. Có đàn rồi đi kiếm ăn chung."

Băng đi thêm một thời gian dài nữa, khu nghĩa trang đông thêm một số người. Những ngôi nhà mồ không một cái nào còn trống. Người đi kinh tế mới trở về nằm vạ vật tại những ngôi mộ lộ thiên. Vài gia đình hai ba người làm một cái lều bằng lá, bằng vải nhựa sát với chân tường.

Nghĩa trang bây giờ đã trở thành một xóm nhà. Con số người chết thì nhất định, còn người sống thì khi tụ, khi tan, ban ngày vắng ban đêm đông có khi còn nhiều hơn số mã trong nghĩa trang.

Lưỡi Trai và Tai Bèo bây giờ ở chung trong một cái nhà mồ, nhường một cái nhà mồ cho một gia đình mới đi kinh tế về.

Không ở chung cũng chẳng được nào, bởi vì ban ngày cả hai đi kiếm ăn, cần phải có một người trông nhà, không sẽ bị người khác tới chiếm chỗ. Tai Bèo và Lưỡi Trai nhường chỗ cho một gia đình có 5 miệng ăn. Họ mới vừa bỏ vùng kinh tế mới trở về. Cả hai nhường chỗ cho gia đình này với một điều kiện: Ban ngày khi cả hai đi kiếm ăn, gia đình này phải cử một người coi chỗ.

Căn nhà mồ chung của hai người khá rộng. Buổi tối sau khi đi kiếm ăn về cả hai chia đôi tiền bạc, phẩm vật thật đều. Cả hai ăn thắm trong bóng đêm. Tối lại hai người nằm ngủ theo góc thước thợ, một người nằm xuôi theo mộ, người còn lại nằm theo chiều ngang phía trên đầu mộ. Họ châu đầu vào nhau, nói chuyện rì rầm cho tới khuya.

Khi cả hai mới biết nhau, họ còn e dè ngần ngại đôi điều. Họ gọi nhau bằng tên Lưỡi Trai, Tai Bèo là hai cái nón làm nên cuộc đời họ. Bây giờ họ đã nói với nhau đủ thứ chuyện. Chuyện nhà, chuyện lính, chuyện trai gái, nhà thổ, chơi bời, ăn nhậu. Cả hai cùng tránh nói về các trận đánh giữa đôi bên. Bây giờ cả hai đã biết thêm một chút về gốc gác gia đình, tên thật của nhau. Nhưng họ thích gọi nhau bằng hình dạng của hai cái mũ. Hai cái mũ đã chụp lên đầu họ, suốt cả tuổi thanh xuân cho tới ngày nay.

Có lần Lưỡi Trai nói với bạn:

"Tai Bèo ơi, ông thầy tôi mới được chuyển về nhà giam trong Nam, cuối tháng này tôi đi thăm ông một ngày."

"Nếu vậy ngày đó tớ nằm nhà. Hai năm nay hình như mình chưa có ngày nào nghỉ. Hai năm nay tớ đàn cựa hát kiếm ăn đỡ nhọc nhằn, mà thu hoạch cũng khá hơn. Nay Lưỡi Trai, tớ thấy cậu có tình với ông thầy cũ mà phát thèm. Bọn Sắt, Thép, Điện Biên của tớ không như vậy. Có thể những thằng lính trơn như tớ thân nhau, nhưng giữa các C trưởng, D trưởng hay cao hơn nữa thì không có tình lắm đâu. Họ không đập lên đầu nhau là tử tế lắm rồi."

Tai Bèo nằm xuống nhắm mắt, chập sau lại nhòm dậy. Anh vớ lấy cái điều cày để trên nóc mộ, châm lửa rít một điều tụt nõ, xong rồi nằm vật xuống quay cu lơ, sùi bọt mép. Qua ánh lửa của que diêm, Lưỡi Trai thấy hai cái lỗ sâu hoắm hoắm trên mặt bạn động đậy. Lưỡi Trai quay ra ngoài, nhìn vào bóng đêm. Tiếng Tai Bèo lại vang lên:

"Lưỡi Trai này, cái bà thầy của cậu lúc này chạy hàng chợ trời có kiếm ăn được không?"

"Tai Bèo ơi, thiếu gì chuyện nói, đừng hỏi ba cái chuyện đó. Mỗi lần lên thăm bà thầy về, tôi mà có súng trong tay thì tôi nổ nhiều thằng"

"Lưỡi Trai này, tớ biết cậu để dành gạo cho con ông thầy. Tớ chẳng liên quan gì đến ông thầy của cậu, nhưng cũng nên nghĩ tới lúc mình đau ốm, không lê thân đi kiếm ăn nổi."

"Tôi nói ông hoài, chuyện của tôi ông đừng xía vô."

"Lưỡi Trai này, tớ biết cậu là người tốt bụng. Tớ nghĩ là cậu có giúp đỡ người ta thì cũng nhín lại một chút để lo cho mình. Tớ nghe mãi chuyện thầy trò của cậu, tớ hiểu lòng cậu lắm, tớ cũng



thương ông thầy cậu. Nhưng tớ thương cậu hơn, bởi vì tớ có biết mặt ngang mũi dọc ông thầy của cậu như thế nào đâu."

Có tiếng con nít khóc đêm trong góc nghĩa trang, chỗ mấy gia đình bỏ kính tế mới liều về Sài Gòn. Lưỡi Trai nhồm dậy, anh bắt chước Tai Bèo làm một điệu thuốc lào tụt nỡ. Anh lằm nhằm trong miệng:

"Minh đã khổ, có nhiều người còn khổ hơn. Khổ đến như thế mà còn đụ cho lằm, đẽ cho nhiều thật là không hiểu nổi."

Tai Bèo vẫn nằm bắt chân chữ ngũ nơi đầu mộ, bỗng cười xằng sặc. Tan cơn cười anh nói với bạn:

"Khi người ta khổ quá, mà lại có cái của đó sẵn bên cạnh, thì đằng nào cũng khổ, phải làm một cái. Sống được lúc nào hay lúc ấy Lưỡi Trai ạ."

Cả hai lại yên lặng, nhưng không một ai ngủ được. Tiếng đứa trẻ khóc ngặt nghèo trong nghĩa trang ban đêm làm cho nhiều người muốn đứng tim. Tai Bèo lại nhồm dậy, anh lục lọi trong cái sắc cốt một hồi, moi ra một một nhúm đường gói trong một miếng giấy báo. Anh nói với Lưỡi Trai:

"Cậu mang hộ tớ cái này cho mẹ đứa bé. Hòa với nước cho nó uống thay sữa, chứ không là đêm nay cả nghĩa trang này không ai ngủ được."

Lưỡi Trai nhồm dậy, anh chống cái nạng lê ra ngoài nhà mồ. Chập sau anh trở về nói với bạn:

"Tai Bèo ơi, bố mẹ đứa bé gửi lời cảm ơn ông. Té ra cha nội cũng là một kẻ có lòng."

"Hôm nào cậu đi thăm ông thầy?"

"Cuối tháng, bà thầy đã xin được giấy phép đi thăm nuôi. Ông nhắn về muốn gặp tôi."

"Tớ nằm nhà một mình thì buồn, muốn đi theo cậu một chuyến thì lại sợ ông thầy cậu khó chịu. Thôi khi nào cậu đi cho tớ gửi biếu ông ấy hai bao thuốc lá. Gọi là của ít lòng nhiều."

"Ngủ đi Tai Bèo, ngày mai có lẽ mình đi kiếm ăn xa một chút. Quanh quần mãi mấy bến xe gần đây người ta nhắn mặt cả hai đứa mình. Tại mấy chỗ cũ bùa hết linh rồi Tai Bèo ạ"

"Mai mình đi đâu?"

"Mai mình đi bến xe lục tỉnh, bến xe đó mới mở có đường xe chạy nhiều nơi, đông hành khách lắm. Hy vọng mình có thể kiếm khá."

Nhưng thôi khuya rồi, ngủ đi."

Thằng bé được một chút nước đường thấm giọng đã thôi không khóc, nghĩa trang rơi vào sự im lìm của bóng đêm.

Sáng hôm sau hai người trở dậy đi trong bóng tối nhờ nhờ. Lưỡi Trai trong lúc vội vã đã chụp lộn cái mũ của bạn lên đầu. Tai Bèo vừa xốc cái quần lên nói với bạn:

"Lưỡi Trai ơi, cậu đội nhầm cái mũ của mình rồi."

"Kệ mẹ nó, mũ nào thì cũng chỉ để che đỡ nắng mà thôi. Hôm nay tớ là Tai Bèo, cậu là Lưỡi Trai. Thích cái nào đội cái nấy. Lẹ lên cha nội. Trưa tới nơi rồi. Cái thằng con nít dịch vật tối qua làm cho cả người sống cũng như người chết mất ngủ cả đêm.

Bóng hai người nhòa làm một, họ diu nhau leo qua bức tường thấp, rồi thất thủ bước thấp bước cao đi vào lòng đường Nguyễn Kim.

*Tháng Hai năm 1996*

## Câu chuyện ở chiến khu D

1-

Gió từ bìa rừng thổi vào quán vắng mang theo cả triệu tiếng rên rỉ của côn trùng. Mới có chín giờ tối nhưng ở cái xóm rừng trong huyện Tân Uyên này khiến cho người ta cảm thấy như đã quá nửa đêm về sáng. Lão chủ quán ngủ gục sau quầy, còn cô phục vụ đang dũa móng tay chờ hai người khách cuối cùng, hai lão già cỡ ngoài sáu chục nhưng cả hai đều có vẻ từng trải và quắc thước. Cả hai ăn ít uống nhiều. Quán chỉ có một món duy nhất là "Lẩu Dê", phần lớn bán cho người ta mang về nhà nhâm nhi, thành thử quán khá rộng nhưng chỉ có vài chiếc bàn gỗ tạp, cùng mười cái ghế nhựa nhiều màu lòe loẹt. Đằng sau quán là một chuồng dê, đủ sức chứa một bầy dê vài chục con, và hôm nào đất khách thì cả chục con dê được hóa kiếp.

Lão chủ quán mới ngoài năm chục, nhưng trông đã hom hem như ngoài lục tuần, già như một con cóc cộ. Dưới ngọn đèn neon bị ám khói hai người khách đã nốc mỗi người một xị rượu, nhưng xem chừng vẫn còn tỉnh táo. Một người khách ngó mông ra ngoài cửa quán, đôi mắt xa xăm, miệng lẩm nhẩm như nói thầm cho mình nghe, nhưng người khách còn lại đã nhượng mắt lên hỏi:

- Ông nói cái gì? Bốn mươi năm trước ông đã hoạt động tại vùng này?

- Chính xác thì mới có ba mươi tám năm, nhưng mà ngày xưa cha cũng là lính ở đây hay sao mà cha quan tâm tới những thay đổi ở vùng này nhiều vậy. Từ hồi trưa tới giờ con mắt cha láo liên, thấy cái gì cũng tò mò tọc mạch. Hỏi đó cha làm gì ở đây?

- Năm 1966 tôi về đây coi một trung đội lính chuyên môn trong một cái đồn nằm đâu đó trong vùng này, nhưng bây giờ thay đổi nhiều quá, thành thử tôi nhận không ra. Tôi nhớ cái đồn đó nằm rất gần một con sông, nhiệm vụ của chúng tôi là kiểm soát tài nguyên, thật ra là kiểm soát các con đường xâm nhập từ ngoài mật khu vào thành và ngược lại.

Thỉnh thoảng tụi tôi phải phục kích ghe xuồng qua lại trên sông, sợ bên kia đưa người và vũ khí từ bụng vào thành, rồi chuyển thuốc men, thực phẩm từ thành ra ngoài bụng.

- Cha nội ơi ngày xưa tôi phải đi B. Từ ngoài đó lội đường Trường Sơn vào tới trong này mất cả năm trời. Dọc đường mấy lần tưởng chết vì bom đạn và sốt rét ngã nước. Tôi nằm trong một toán đặc công hoạt động ở vùng này, cũng đâu đó trong thời gian cha coi trung đội lính ở đây. Tôi tới vùng này sau cha một năm, nghĩa là năm 1967. Nếu cha ở đây hơn một năm thì có thể ngày đó tôi và cha đã rình mò nhau nhiều lần.

- Thời đó chưa xảy ra trận Mậu Thân, chiến tranh thì nhì nhằng, nhưng không phải là không ác liệt. Trung đội tôi không có nhiệm vụ tác chiến, nhưng nằm nhò trong một đơn vị trú phòng, nên dù muốn hay không cũng phải tham dự các cuộc hành quân tuần thám, để hỗ trợ cho các trạm kiểm soát tài nguyên là nhiệm vụ chính của chúng tôi. Đó là lý thuyết, còn trên thực tế thì trong một địa bàn nhỏ bé này, hình như người ta biết nhau gần hết, thành thử chiến tranh hết như là chơi trò cút bắt giữa hai nhóm người biết rõ hành tung của nhau, rình mò mọi sơ hở của nhau. Phía chúng tôi rình mò, truy đuổi, lùng sục, gài bẫy bắt cho bằng được mấy cha huyện ủy, cán bộ kinh tài. Bên mấy cha thì tìm mọi cách để ám sát mấy ông trưởng ấp, phục kích, giật mìn các xe nhà binh. Thỉnh thoảng pháo kích vào chỗ tụi tôi. Có lần đạn lạc vào trường học, chết và bị thương cả chục người. Hồi trưa này đi ngang cái trường đó, bây giờ đã xây lên hai tầng lầu, vì hồi đó chỉ có mấy lớp học, còn bây giờ học trò đông gấp mười.

- Cha nội còn nhớ tới trường học, vậy có nhớ mấy cô giáo dạy ở cái trường này phải không? Ngày đó tôi từ ngoài Bắc vào, trông thấy mấy cô giáo hết như thấy mấy cô tiên. Ở ngoài Bắc thời đó là xã hội chủ nghĩa, lại dồn hết mọi khả năng cho chiến tranh, thất lương buộc bụng ai nấy chỉ có vài bộ quần áo để che thân, làm gì có quần là áo lượt. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy mấy cô giáo mặc áo dài màu tươi từ trên xe Lam ba bánh bước xuống, tôi như mất hồn, không còn nhớ gì đến nhiệm vụ phải bắn chết thằng cha Thiếu Úy Phó Đồn, cũng đi trên chuyến xe Lam này.

Không khí trong quán đột nhiên chùng xuống, một lão già khoắng dưa tìm thịt trong cái lẩu dê, không để ý đến lão già ngồi đối diện, đột nhiên mắt sáng lên một cách kỳ dị.

Tiếng lão ta nghe tưởng như từ một cõi xa xăm hay là từ dưới huyết mộ vọng lên:

- Té ra là ông là định bắn tôi, vì trong cái đồn đó làm gì có Thiếu Úy Phó Đồn, chỉ có duy nhất một mình tôi là Thiếu Úy, Trung Đội Trưởng Trung Đội Kiểm Soát Tài Nguyên. Ngày đó tôi có chiếc xe Jepp, nhưng thỉnh thoảng ngồi xe Lam để có cơ gần mấy cô giáo bắt chuyện, tán tỉnh. Nói tóm lại tôi vì mê gái mà suýt chết, còn ông cũng vì gái mà quên cả giết người.

Cả hai ngưng nói nhìn nhau, rồi cụng ly trong khi lão già có bộ râu bạc hô hoán: "Phụ nữ muôn năm - Phụ nữ muôn năm"

Lão già có cái bụng giống như bụng cóc, vén tay áo nhìn đồng hồ tay, rồi nói trống không:

- Còn sớm chán. Tôi đưa ông đi nằm cà phê võng rồi hãy về ngủ.

- Phải chi ban ngày tôi nhờ ông chở tôi đi loanh quanh chốn cũ, chắc thế nào cũng thấy được một vài chỗ chưa thay đổi, giúp cho tôi khôi phục lại trí nhớ mấy chục năm. Ngày đó tôi mới có hai ba tuổi, bó thân vào một xó rừng. Cả ngày cứ lông nhông ngoài đường, may mà lần ông định bắn tôi trên xe lam không thành, chứ ông mà tỉnh táo và ham giết người, thì có lẽ xương cốt tôi đã mục trong mả từ lâu rồi chứ đâu còn sống tới ngày nay từ nước ngoài về kết bạn với ông.

- Thôi thì chiến tranh khiến quân hai bên phải bắn giết nhau. Có điều tôi là lính nên không thích trò ám sát. Tôi là bộ đội đặc công, đặc công là một chuyện, ám sát lại là một chuyện khác. Và lại tôi từ ngoài đó mới vào, không thuộc đường đi, không rõ địa hình, nên vụ ám sát này về sau phía chúng tôi giao cái vụ ám sát này lại cho các đơn vị địa phương. Mấy cha đó mới biết người nào nguy hiểm cần phải thanh toán.

- Cũng may là thời đó ở phía tôi người ta sớm nhận ra việc kiểm soát tài nguyên không hiệu quả, cuối năm 67 tôi được đổi đi nơi khác, thành thử không bị mấy cha ám sát, phục kích. Có lẽ ông trời muốn cho chúng ta sống để chơi với nhau sau khi cơn chém giết tàn. Nếu tôi và ông không phải là những người chơi với chữ nghĩa thì làm thế nào mà tôi ở nước ngoài mấy chục năm mà lại có duyên văn tự với ông, mới có buổi gặp gỡ này.

- Sáng mai tôi đưa ông đi mọi nơi. Giờ thì hãy đi nằm võng cho các em đấm lưng cho đỡ mỏi. Kể ra bọn mình đã là những lão già, thì không nên ham hố trò trống bỏi, nhưng mà ai cũng có một cái miệng để ăn, bọn mình tới một là giúp cho mấy em, mấy cháu có chút tiền nuôi thân, và ở đó có nhiều trò vui đáo đẽ.

Đột nhiên lão già râu bạc rót ra hai ly rượu, nhưng không uống mà đem ra trước cửa đổ xuống đất. Lão già bụng phê hỏi:

- Ông làm gì vậy. Rượu không hết thì mang về nhà ngày mai uống tiếp.

- Tôi chia cho mấy bạn xưa, đã nằm xuống trong những trò cút bắt mấy chục năm trước ở đây trong xó rừng này. Mong các bạn sống khôn thác thiêng phò hộ cho những thằng còn sống như ông và tôi được than tâm an lạc cho tới cuối đời.

Ồi dào, thời đó ông đi rồi ở đây người ta chết hà rầm, giờ đây biết ai là bạn, biết ai là thù. Thôi thì bạn hay thù gì thì cũng mời các bác về xơi chén rượu lạt, chừng cho tấm lòng thành của hai thằng còn sống. Tôi ở đây gần hai chục năm nay, hồi mới tới đêm nào cũng nghe tiếng gió mà như tiếng hú của các oan hồn.

2-

Khi hai lão già dựng xong chiếc xe gắn máy, bước vào một căn lều của quán thì trời bỗng chuyển cơn mưa, những đám mây đen tụ lại trên trời, thỉnh thoảng những lần chớp như xé toạc trần mây ra làm nhiều mảnh. Trong bóng đêm lão già có bộ râu bạc nhìn thấy thấp thoáng chung quanh vài chỗ có ánh đèn màu lập lòe, chắc hẳn là những quán cà phê khác, mà theo lời lão bụng phê thì ít nhất cũng có vài chục quán cà phê võng trong vườn điều, vườn mít, rừng cao su, và rừng nguyên thủy trong khu vực ngày xưa được gọi là chiến khu D này.

Mỗi quán có chừng năm bảy căn lều vuông mỗi bề chừng ba mét. Mái lều cao và dốc có ba phía che suốt từ nóc lều xuống cách mặt đất khoảng nửa thước. Lều có một lối ra vào không có cửa, hẹp chừng nửa thước, cao hơn một thước, khiến người ra vào phải khom mình cúi xuống mới chui lọt được vào trong khung cửa hẹp. Một ngọn đèn mờ treo tuốt từ trên nóc lều phả xuống dưới một luồng ánh sáng yếu ớt. Mỗi túp lều có chằng ba chiếc võng dọc theo ba cạnh lều, ngay chính giữa lều là một cái bàn thấp để đồ ăn và thức uống cho khách.

Lão già bụng phê loay hoay trên võng, tìm một thế nằm thoải mái. Sau khi cả hai đã yên vị, từ ngoài cửa tiến vào năm, sáu cô gái khoảng chừng trên dưới hai mươi, quần áo xem chừng hơi ít vải, mà cô đi đầu chỉ xấp xỉ ba chục nhưng ra dáng bà chủ cười toe toét với lão bụng phê:

- Anh biến đi đâu cả tháng nay, con Hoài hôm nay nghỉ, có mấy em này các anh chọn em nào.

- Ở đây có ba cái võng, em nào nhanh chân thì ngồi vào chiếm chỗ. Hôm nay anh đãi ông bạn ở phương xa về thăm nhà, các em nhớ phục vụ cho tốt.

Lão già râu bạc giẫy lên như đĩa phải vôi:

- Ông ơi, nếu tôi với ông mấy chục năm trước không bận săn đuổi nhau, rình mò nhau, chém giết nhau, ở ngay chốn này thì có khi tôi với ông lấy vợ sớm cũng nên. Nếu thế thì có lẽ cháu ngoại chúng mình cũng bằng lứa với mấy cô phục vụ này. Vả lại thư giãn cái lối ăn tươi nuốt sống, bỏ sắp bỏ ngựa này tôi không quen. Ông làm gì thì làm, còn tôi nằm võng ngủ lơ mơ là đủ rồi.

- Ông này dở hơi. Cả nước bây giờ dễ chừng có tới vài triệu người làm các nghề bia ôm, cà phê ôm, tắm hơi, gội đầu máy lạnh... Đó là chưa kể cái nghề không vốn có từ thời Quán Trống. Ai cũng hành xử như ông thì mấy em này chỉ có đói rã họng ra.

- Thì cứ coi như tôi dở hơi đi, ông làm cái gì mặc ông. Thôi thì ngày xưa ông ngủ bờ ngủ bụi ở đây, còn tôi thì ngủ trong đồn có giường chiếu chăn nệm. Đêm nay nằm võng ngủ lều tìm lại cái thú ngủ bờ ngủ bụi ở chiến khu D muện có mấy chục năm chứ mấy. Mái lều chỉ cách mặt đất không đầy một thước, khiến cho lão già râu bạc phải ngồi nhòm trên võng, nhìn ra ngoài trời qua lối ra vào hẹp không có cánh cửa. Những đám mây đen dần dần bị gió đánh tan. Ánh trăng mờ mờ phủ xuống mặt đất một màu bàng bạc. Trong lều chỉ còn có một cô gái ngồi chung võng với lão già bụng phệ, hai cô gái khác sau một hồi ngả ngớn, hờ hênh cố ý khiêu khích lão già râu bạc và không hiệu quả, đã đứng dậy dõm bước ra ngoài sau khi đã được lão già râu bạc cho tiền “bo”. Trong tiếng gió rùng, lão già râu bạc nghe được tiếng cười rúc rích của cô gái, tiếng thở hổn hển của người bạn mới quen, nhưng thật ra mấy chục năm trước họ đã từng trông thấy nhau, rình mò nhau và xém nữa thì đã giết lẫn nhau.

Vẳng trong tiếng gió lão già còn nghe được tiếng róc rách của một con nước chảy gần đầu đây. Lão nhòm dậy bước ra ngoài. Thấp thoáng đằng sau khu vườn điều dòng sông như một dải lụa bạc dưới ánh trăng. Lão thầm nghĩ nếu như dòng sông ở ngay đây, con đường trước cửa lều là con đường liên tỉnh thì cái trường tiểu học cũng không xa chỗ này. Trong ánh trăng lão còn nhìn thấy vài cái ống khói của mấy lò gốm trước kia. Trong các lò gốm này lão nhớ có mấy cô giáo trọ ở đó. Có một cô có cảm tình với lão, nên hay kiếm có vào đồn mượn sách báo. Nếu đúng như thế thì chỗ lão đang đứng bây giờ ngày xưa phải là rừng chồi, giờ đây người ta phá đi làm thành các vườn điều, vườn mít và rừng cao su. Không biết cái đồn ngày xưa lão đã từng đưa đơn vị đến đây trú đóng nhờ trong cái đồn này chắc hẳn là không xa. Mặc dù mây đã mỏng đi nhiều, nhưng những làn chớp loang loáng nơi chân trời khiến cho lão già râu bạc chùng chân lại, tự nhủ: “Ngày mai mình sẽ lấy có về sớm, rồi thuê một anh xe ôm nào đó chở mình đi lang thang tới chiều, chắc chắn sẽ tìm lại được vài mẩu quá khứ của mình ở đây”

3-

Lão râu bạc vẫn đứng ngoài cửa lều. Trời đã quá nửa khuya, trần mây đã hoàn toàn bị gió xua đi tan tác khắp bầu trời. Ánh trăng bây giờ như được lọc nên trong vắt. Thấp thoáng chung quanh lão nhìn thấy những tấm bảng hiệu lập lờ của các tiệm cà phê võng. Xen kẽ với các tiệm cà phê có một vài bảng hiệu với ánh đèn néon sáng quắc của

các nhà trọ hay nhà nghỉ. Theo lời lão bụng phệ cho biết thì ở đây, ngay giữa lòng chiến khu D thuở xưa, bây giờ mọc lên cả chục nhà nghỉ, và phòng ngủ. Hồi chiều trong lúc tầu nhập lão bụng phệ đã nói:

- Ngày xưa tôi với ông đâm chém nhau trong cánh rừng này, bây giờ người ta cũng đâm nhau nhưng không phải trong rừng như xưa mà là trên giường.

Lão râu bạc nhìn thấy một tấm bảng của nhà nghỉ ngay xế cửa căn lều lão đang đứng. Giá biểu của nhà nghỉ này cho thấy: Nửa giờ là 40 ngàn, một giờ là 60 ngàn và một ngày là 120 ngàn. Lão râu bạc thầm nghĩ: Mình đã đi nhiều nước, nhưng không một nước nào người ta cho thuê phòng nghỉ trong vòng nửa giờ. Và tất nhiên ai nấy đều biết người ta dẫn nhau vào trong nhà nghỉ nửa giờ, hay một giờ để làm gì?

Lão râu bạc toan quay vào trong lều, chợt khựng lại khi nghe tiếng lão bụng phệ:

- Cái vớng chết tiệt này khó chịu quá. Mình qua bên nhà nghỉ đằng trước đi.
- Không được anh ơi, bà chủ không cho tụi em ra khỏi quán trong ca làm.
- Em cứ làm như anh chưa từng tới quán này bao giờ, hay là ngổ ở đâu tới đây. Hỏi bà chủ của em coi xem anh là người như thế nào.
- Nhưng mà em đâu có biết anh là ai. Em mới ở quê lên làm được một tuần, em đâu có dám đi với người lạ.

Tiếng lão bụng phệ cao lên:

- Em nói cái gì. Anh không phải là người lạ với bà chủ của em. Bây giờ bà chủ của em làm ăn khấm khá chứ hồi mới mở quán cũng đã từng nằm vớng như các em bây giờ.
- Dù gì thì cũng phải có tình cảm với nhau trước khi có chuyện đó.
- Giọng lão bụng phệ rít lên:
- Muốn có tình cảm với em thì phải làm thế nào?
- Thì anh đến đây vài lần nữa.
- Anh trả tiền “bo” cho em nhiều gấp ba lần, coi như đến đây lần thứ ba thì đã coi là có tình cảm chưa?
- Thế thì em mới có cảm tình với anh chứ chưa phải là tình cảm.

Đứng ngoài cửa lều, lão râu bạc không nhịn được cười ha hả:

- Em này có thể làm nhà văn được. Cách em phân biệt cảm tình với tình cảm thì có lẽ nhiều nhà văn có thể hội viên hội nhà văn không nghĩ ra. Thôi đi về ngủ đi cha nội, khuya rồi ở đó mà cảm tình với tình cảm.

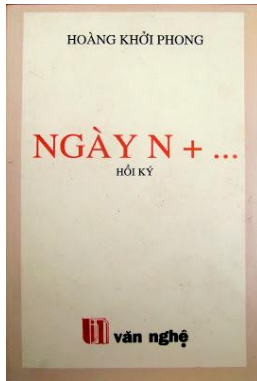
Lão già bụng phệ quay sang nói với bạn:

- Con bé này triết lý gớm. Ông có muốn dắt em nào sang nhà nghỉ với tôi không? Ông đi đi. Tôi nằm vớng ngắm trăng chờ ông nửa tiếng rồi về nhà nói chuyện cũ. Ngày mai ông nhớ chở tôi đi loanh quanh coi lại cảnh cũ người xưa.

*Tháng 11 - 2009*

\*\*\*

**Phụ đính II:**



**Ngày N +....**  
**Hoàng Khởi Phong**  
hồi kí



**Phần 1**

**Pleiku-Tuy Hoà**

Rời phòng họp Bộ Tư lệnh Quân đoàn II, tôi như ngộp trong một cơn địa chấn. Gió thổi tạt vào mặt toàn cát và bụi. Những ngọn cỏ hồng trong sân trực thăng của Bộ Tư lệnh ngã rạp về một phía. Tôi không còn tỉnh táo, không cất nổi tay chân, cả người bải hoải, chung quanh tôi mọi người vội vã. Họ là sĩ quan đơn vị trưởng các đơn vị biệt lập đồn trú trong thị xã Pleiku. Họ vừa cùng tôi tham dự phiên họp kinh hoàng này. Tôi cũng không muốn về nhà, mấy người bạn chắc giờ này vẫn xoa mặt chườm. Kể từ hơn hai tháng nay, khi tôi phải thuyên chuyển khỏi Đà Lạt, vợ con tôi đã về Qui Nhơn với bên ngoại, tôi lên đây một mình tá túc cùng vài người bạn.

Mới bốn giờ chiều, nắng hôm nay cũng vàng màu bệnh hoạn. Giờ này chắc không còn ai ở ngoài Biển Hồ. Chắc không còn ai dưới chân pho tượng Quán Âm trên đỉnh đồi. Không, chắc hẳn thế nào cũng có vài người lướt tép với những chiếc xuồng được biến chế bằng mốp của họ khuấy động khoảng nước xanh êm ả trên mặt hồ.

Không biết giờ này, những gì đã xảy đến cho thị xã Ban Mê Thuột. Sáu giờ sáng nay thị xã này hoàn toàn mất liên lạc với Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, sau khi đại tá Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh gửi bản tin chốt về Quân đoàn, yêu cầu oanh tạc thẳng

vào Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 23. Ông vẫn còn kẹt lại trong đó. Một số các đơn vị đồn trú ngoài thị xã, và đám đông dân chúng thoát đi về phía Nha Trang, họ băng rừng. Tất cả các đường đều bị chặn, có lẽ giờ này họ ở đâu đó trong những khu rừng núi trùng điệp. Bản tin yêu cầu oanh tạc lên đầu của đại tá Quang được nhắc lại nhiều lần trước khi im hẳn.

Tôi hình dung ra thi trấn này. Đây là nơi mười năm trước tôi đã đến, đã ở lại đó. Đây là nơi tôi thực sự trưởng thành. Tôi nhớ rõ từng con đường, từng ngõ hẻm, từng quán ăn, rạp hát, từng tiệm sách. Đây là nơi có người yêu tôi và dĩ nhiên thiếu gì người ghét.

Bây giờ tôi bình yên ở đây, dưới chân pho tượng này, ngày kinh hoàng đã qua, đã chụp xuống thị trấn có một phần đời tôi trú ngụ. Tôi nhớ cái bàn giấy chỗ tôi ngồi làm việc phủ đầy bụi đỏ. Bởi tôi ký giấy tờ cho đơn vị ở mọi nơi, ở bàn bi-da, ở quán cà phê, ký ở nhà, ở ngoài phố. Thậm chí tôi còn ký giấy tờ cho đơn vị ở các cổng trường, chỗ tôi vẫn đậu xe mỗi buổi tan học, đó là chỗ những vạt áo dài trắng túa ra, tràn ngập thị xã buồn muôn thuở này. Từ bàn giấy đó qua khung cửa sổ, đằng sau là dãy nhà khu gia binh đơn vị. Tôi nhớ đến người hạ sĩ già làm tài xế cho tôi trong suốt hai năm trời không được lái xe, bởi lẽ tôi thích lái lái. Ông ta chỉ có nhiệm vụ đổ xăng cho đầy mỗi buổi sáng, và tu bổ mỗi khi cần thiết. Tôi cầu mong ông ta có mặt giữa rừng giờ này. Rồi người lính phụ trách truyền tin, anh này chuyên sửa quần áo cho cả đơn vị, anh đã chết vào dịp Mậu Thân, vì một mảnh pháo ác nghiệt đã cắt tiện cái đầu rời ra khỏi cổ. Sau đó đơn vị lập cái miếu cho anh ta ngay kế ban quân xa. Bây giờ không biết những người lính cũ của tôi ai còn ai mất.

Dĩ nhiên tôi không thể không nhớ đến dàn hoa thiên lý nhà Thanh Tài, xế cửa trường trung học. Trong một đêm trăng sáng, mấy chị em Tài đã hát tiễn tôi đi. Không biết bây giờ những gót chân hồng đó có theo kịp những người dân chạy loạn hay đã ngừng lại và đổ xuống đâu đó giữa rừng già.

Tôi giật mình tỉnh dậy bởi những tiếng đạn pháo kích. Địch pháo vào phi trường, vào kho xăng chỉ vài trái rồi ngưng hẳn. Chỉ vài trái đủ làm dân quân tỉnh Pleiku này hoang mang, số đông sẽ mất ngủ tới sáng. Tin tức về Ban Mê Thuột đã lan tràn khắp nơi. Những trái pháo vu vơ đó quả là những trái đạn có tầm mức phá hủy cao. Nó làm cho nhiều người chết sững. Nó hủy hoại tinh thần ai yếu bóng vía. Trời đã quá nửa khuya. Trăng thượng tuần treo trên đỉnh những ngọn thông xao động bởi gió rừng. Men rượu hồi chiều làm tôi ngây ngất. Những binh sĩ lục đục bỏ hầm pháo kích vào ngủ lại. Tôi thấy không buồn ngủ. Sân doanh trại tự nhiên rộng hẳn ra. Một người lính già đốt lửa bằng lá thông vun lại trong góc lô cốt, ngay tại chỗ ông ta đang gác. Tàn lửa bay cao, tản ra như một bể than lò rèn. Bóng ông ta hắt lung linh trên lô cốt tạo thành những hình thù kỳ lạ. Tôi trở về phòng, vô tình với tay lên kệ sách đầu giường và lấy được quyển truyện *Một thời để yêu và một thời để chết* của Remarque.

\*

Ngày N - 4

Tin tức về Ban Mê Thuột mỗi lúc mỗi tuyệt vọng. Liên đoàn Biệt Động Quân, đơn vị được chỉ định tái chiếm vùng đất đã mất bị chặn đánh tan, khi còn cách thị xã hai mươi cây số. Bây giờ tin tức không còn là mật nữa, ở ngoài phố, ngoài chợ, trong các tiệm cà



phê, quán hủ tiếu, đâu đâu người ta cũng nghe những tin tức khác lạ về thành phố đã mất.

Bỗng nhiên sinh hoạt trọng thị xã nhộn nhịp hẳn lên. Khu chợ trời hình như hụp dài thêm ra, nó không còn lẩn quẩn trước rạp xi nê Diệp Kính và khách sạn Thống Nhất. Khắp nơi người ta khuôn đờ ra bán, trong khi các tiệm buôn lớn lại đóng cửa im lìm.

\*

Ngày N - 3, 6 giờ sáng

Sáng nay tôi thấy mình đứng ở cổng đơn vị cũ: đồn Quân Cảnh Pleiku. Tôi leo lên ngòi trên lô cốt ngay cạnh cổng chính đồn. Chính cái cổng này, và cái sân trải đá của đồn Quân Cảnh Pleiku là di tích của tôi ba năm về trước. Đạo đó tôi và Thiếu úy Võ Văn Oanh, người sĩ quan phụ tá của tôi cùng đáo nhậm đơn vị một lượt. Tôi cảm thấy thiếu thoải mái khi phải sử dụng chung một cổng chính với Tiểu Đoàn 2 Quân Cảnh. Nhân tiện thấy Oanh là một sĩ quan ngoại giao giỏi, tôi giao cho gã nhiệm vụ này. Vài tuần lễ sau Oanh đã biến đồn Quân Cảnh Pleiku thành một đơn vị sáng sửa, với một cổng đá có đắp nổi phù hiệu binh chủng, có cổng gác dành cho người đi bộ, và trải nhựa cái sân đất đỏ đầy bùn trong mùa mưa. Một bức tường thấp ngăn đơn vị tôi tách biệt hẳn với Bộ Chỉ Huy Quân Cảnh Quân Khu. Dĩ nhiên đơn vị tôi vẫn trực thuộc Tiểu Đoàn 2 Quân Cảnh. Nhưng tôi cũng có một khoảng nhỏ riêng tư trong tiểu đoàn, ít nhất cũng có vẻ một đơn vị biệt lập.

Đạo đó tôi chưa lập gia đình nên ở luôn trong đơn vị, từ khi có cổng riêng, và một lô cốt nổi ở góc sân đồn, dưới một cột thông già, mỗi sáng giờ đi học, mỗi chiều giờ tan học, tôi hay lên vọng gác đặt ở lô cốt, và phải trèo một cái thang khoảng chừng mười bậc. Ở trên cao này, tôi nhìn được suốt con đường đi ngang cổng đơn vị, con đường này là con đường chính để dẫn tới trường nữ trung học Pleime, và trường trung học tỉnh hạt Trần Quốc Tuấn. Buổi sáng nào cũng thế, tôi hút tẩu thuốc đầu tiên trong ngày ở đó. Vào những buổi sáng mùa đông, màn sương mỏng giới hạn tầm nhìn, tôi nghe tiếng cười đùa ríu rít, tiếng người nói lao xao trước khi nhận rõ mặt người, trước khi nhận ra rõ những vạt áo dài trắng tinh khiết lướt qua dưới chân tôi. Tôi làm đơn vị trưởng này gần ba năm, thấy họ lớn dần, từ những cô gái nhỏ, đẹp tự nhiên không son phấn, đến lúc họ lớn dần, biết chọn những màu áo, kiểu quần, rồi lớn hẳn, rồi hòa nhập vào cái thị xã của quân đội này. Rất ít người tiếp tục học, bởi lẽ cái thời giá của những năm 70, 71, 72 đó, một sinh viên trọ học ở xa phải tốn chừng mười lăm tới hai mươi ngàn một tháng. Ngoại trừ con nhà giàu có, quyền thế, phần lớn họ ngừng lại ở ngưỡng cửa đại học, nhập vào với đời sống đầy bất trắc của một thành phố lớn mạnh bởi chiến tranh.

Sáng nay, ngày N - 3 của cuộc di tản bi thảm, đứng ở vị trí cũ tôi không còn nghe được tiếng nói lao xao, không thấy những tà áo cũ. Chỉ có tiếng ríu rít của bầy chim sà xuống, bay lên, trong cái sân mênh mông của chùa Phật Giáo Quân Đội, sát bên cạnh đồn Quân cảnh.

Ngày như đọng lại trên pho tượng Phật đứng chơ vơ giữa sân chùa.

\*

Ngày N - 3, 10 giờ sáng

Trung tá Trần Đình Kha, Chỉ Huy Trưởng của tôi đi họp quân đoàn về, ra lệnh triệu tập ngay một cuộc họp đơn vị trực thuộc. Cuộc họp ngắn ngủi: Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn sẽ dời về Nha Trang, các bộ phận chính di tản bằng phương tiện hàng không do Sư Đoàn 6 Không Quân đảm nhiệm, quân dụng nặng di tản bằng đường bộ. Các đơn vị phụ thuộc tự sắp xếp sửa soạn xuống sau. Các đơn vị trú phòng giữ nguyên vị trí. Ông chỉ thị cho các phòng ban của Tiểu đoàn 2 Quân Cảnh sửa soạn di tản. Các đơn vị như đồn Quân Cảnh Pleiku, Đại đội 122 Quân cảnh Điều tra Tư pháp, và Tiểu đội Quân cảnh Điều tra Tư pháp Pleiku ở lại. Riêng đồn Quân cảnh Pleiku tăng phái hoạt động ở phi trường. Bây giờ tôi là một sĩ quan ngồi chơi xơi nước, sau ba năm trưởng đồn Pleiku, hai năm trưởng đồn Đà Lạt. Phần tôi quá dễ.

\*

Ngày N - 3, 1 giờ chiều

Tất cả các sòng mạt chược thường trực như nhà tướng Cẩm Tư lệnh phó Quân đoàn, tướng Tường Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, đại tá Nhu tân tỉnh trưởng, đại tá Sáng An ninh Quân đội, trung tá Hoàn Chiến tranh Chính trị, trung tá Lễ phòng Xã hội, cũng như tại nhà ông Biện lý, ông Dự thăm đều thiếu tay chơi. Lý do là các bà vợ đã di tản, các tay thường trực hoặc bận công vụ, hoặc đã biến như một số các Tu bíp và các thầy cãi.

Đột nhiên tôi nổi giận, đột nhiên tôi hiểu tại sao Ban Mê Thuột mất, và số phận của Pleiku cũng lung linh như ngọn đèn trước gió.

\*

Ngày N - 3, 2 giờ chiều

Phi trường Cù Hanh đầy nghẹt người. Dân chúng bị chặn lại đứng dọc theo cổng phi trường, tràn ra cả khu vực buôn bán do Sư đoàn 6 Không quân thực hiện. Chúng tôi phải tăng cường nhân viên an ninh tại cổng phi trường, tại các sân đậu phi cơ để kiểm soát người ra vào, cũng như hành khách lên phi cơ quân sự. Cảnh hỗn độn năm 1972, mùa hè đỏ lửa tái diễn. Giữa đám đông lo âu, áo quần nhàu nát, tôi bắt gặp những mái tóc làm kỹ, quần áo chưng diện của một số các phu nhân cấp lớn, vài sĩ quan tùy viên chạy lăng xăng. Tôi bắt gặp một số các em chiêu đãi của hội quán sĩ quan Phụng Hoàng, một số điểm cũng chưng diện và cũng có mặt trong danh sách ưu tiên di tản. Giữa những đám hành lý ọp ẹp của gia đình quân nhân là những bộ salon, những đồ gỗ quý được tháo rời ra và bọc trong những bao cát mới nguyên. Đột nhiên tôi nghệt thờ như bị ai đánh một trùy thật mạnh vào ngực. Tôi bỏ phi trường, giao nhiệm vụ cho thượng sĩ Hội thuộc đồn Quân cảnh Pleiku thay mặt tôi trực tiếp chỉ huy tổng quát đám quân nhân tăng phái. Tôi lái xe về tỉnh. Trên đường về, tạt qua nhà Kim Tuấn định rủ anh đi uống cà phê, nhưng cửa đóng im lìm.

\*

Ngày N - 3, 4 giờ chiều

Chiều nay rảnh, lái xe lang thang khắp tỉnh. Từ trung tâm thị xã, tới các con phố vắng. Thành phố như một con bệnh hấp hối.

Rồi quen đường cũ, tôi lái xe về phía quận Lệ Trung. Quốc lộ 19 bị đứt từ hơn tháng nay, con đường hầu như không có xe đò qua lại. Nắng chói chang trên mặt nhựa. Bây giờ là mùa xuân, những đồi cỏ chung quanh thị xã rục lên một màu xanh, gió thổi những hàng lau ngã rạp, nhấp nhô như ngọn sóng. Con đường này tôi qua lại mỗi chiều, hầu như suốt hai năm liền, không ngày nào tôi không đi trừ những ngày đặc biệt. Đạo Ngô Văn Đình Hợi còn ở đây, mỗi chiều trên chiếc xe bò mui, Hợi, Kim Tuấn, Thái Tăng An và tôi thường đi hết đoạn đường này. Bắt đầu từ cổng quân đoàn chúng tôi rẽ phải khi tới cầu số 3, rồi tiếp tục đi hết con đường vòng quanh thị xã do công binh Mỹ thiết lập, để quay trở về từ phía bắc của quận Lệ Trung. Hôm nay, lòng đường trống trải, trên xe chỉ có mình tôi. An và Tuấn còn ở đây nhưng mỗi người đã có những bận bịu riêng của họ. Hôm nay quả tình tôi mới thấy lửa đốt đồng thật đẹp.

\*

Ngày N - 2, 7 giờ sáng

Chuông điện thoại reo hai ba lần mà không thấy trung sĩ nhất Bài, hạ sĩ quan trực nghe, tôi bước lại nhắc máy. Đầu dây bên kia là sĩ quan trực cấp tá của quân đoàn. Ông yêu cầu tôi cho binh sĩ túc trực ở phi trường quân sự và dân sự, chặn tất cả các sĩ quan di chuyển lẻ tẻ, thu hồi giấy phép và sự vụ lệnh. Ông nhấn mạnh một điều đặc biệt là phải giữ lại các y sĩ của Quân y viện Pleiku và của Liên đoàn 72 Quân y. Ông cho biết nhiều thương binh đã chết vì thiếu máu, thiếu y sĩ trị liệu v.v...

\*

Ngày N, 6 giờ sáng

Sáng nay tôi dậy sớm, cả đêm qua trần trọc, chỉ chợp mắt được những giấc ngắn, đầy cơn mê sảng và đầy mộng mi. Giấc ngủ bị cắt quãng bởi những trái đại bác bắn đi, bởi những tiếng keng đỏi gác chung quanh hàng rào phòng thủ. Mỗi lần thức dậy tôi đều thấy qua cửa sổ, thỉnh thoảng những trái hỏa châu lướt nhanh trên nền trời tối thẫm. Gần sáng không thể ngủ lại, vọng từ các phòng sĩ quan bên cạnh, những tiếng lách cách vang lên trong đêm tối, chắc hẳn họ đang dọn đồ đạc và vật dụng cá nhân. Chắc hẳn họ đang phân vân không biết mang đi những gì và thương tiếc những gì phải bỏ lại. Đêm qua yên tĩnh, cái yên tĩnh ngọt ngào của bầu không khí sắp sửa nổ tung vì bão tố. Tôi ngồi dậy, trời hãy còn lờ mờ tối, nhìn quanh phòng, hành lý đã gọn. Bây giờ hành lý của tôi nhẹ nhàng đến thế ư, nó vồn vện trong một cái ba lô đầy: hai bộ quân phục, một

bộ thường phục, những túi nhỏ ngang hông, lót xung quanh ba lô là những sách vở cần thiết. Thật ra chỉ là những cuốn sách tặng của bạn bè tôi, một tập bản thảo và một quyển sách hay mới mua để đọc dọc đường.

Thật không ngờ tôi đã đi qua mười hai năm quân đội, hồi tưởng lại ngày nào mới bước chân vào quân trường Thủ Đức. Thoảng đó đã mười hai năm qua đi, mười hai năm phí hoài tuổi trẻ, đời sống bị cắt rời ra từng mảng vương vãi đó đây. Từ những thành phố địa đầu, tới vùng đồng bằng sông Cửu, từ thị trấn cao nguyên, tới vùng duyên hải, đồng quân trang đầy ắp của ngày mãn khóa buông vãi ở khắp nơi, đám hành lý cứ voi dần, trong khi nỗi buồn mỗi ngày mỗi nặng, mỗi đè nghiệt ngã trên vai.

Bây giờ là sáu giờ sáng của ngày 16-3-1975. Một buổi sáng thứ bảy đẹp, trời trong xanh, những đám mây trắng nõn như bông bay là là trên đỉnh núi xa xa phương bắc. Tôi mở cửa bước ra ngoài, gió thổi nhẹ, những cọng lá thông khô rơi là tả trên thềm, mặt trời chưa lên nhưng đã tỏ mặt người. Có tiếng chim bồ câu gù từ cái chuồng chim của nhà đại úy Bách, người bạn cùng khóa 15 Thủ Đức, thuộc Tiểu đoàn Truyền tin Quân đoàn 2. Đột nhiên tôi liên tưởng đến giọng chim quen thuộc này. Hình như trong suốt đời tôi chưa hề thấy một con chim bồ câu nào gầy. Dù là bồ câu nuôi ở nhà, trong các công viên thành phố hay đồng loại của chúng, những con cu đất, cu gáy nhớn nhò ngoài đồng nội, bầu điều của chúng thường nở phình ra, và âm thanh tất nghẽn trong cái bầu điều đó. Ngay cả những con chim cu gáy, cái tiếng gáy buồn thảm vọng xa trong các buổi trưa hè của thời thơ ấu ngày nào còn vẳng bên tai, còn cái tiếng gù gù của những con chim bồ câu nuôi chật hẹp trong các chuồng sơn lòe loẹt càng phát nản. Âm thanh như một nỗi bức tức. Tôi không hiểu tại sao con người lại coi chim bồ câu là biểu tượng của hòa bình? Bởi hình dáng, bởi đôi cánh, dù bởi gì chẳng nữa tôi dám quả quyết không phải bởi âm thanh của nó. Cái âm thanh này chắc chắn chỉ làm hòa bình bay xa, và bởi lẽ đó, trên trái đất này có lúc nào ngời tiếng súng. Những điểm nóng đó đây trên thế giới đang đe dọa sự an bình của con người.

\*

Ngày N, 7 giờ sáng

Chia tay cùng Thái Tăng An và Nguyễn Phước ở Câu lạc bộ của Tiểu đoàn 20 Chiến tranh Chính trị, tôi lái xe ngang cổng sau của Bộ Tư lệnh Quân đoàn, ghé thăm mấy người bạn trong Trung tâm Hành quân để biết rõ hơn về tình hình, tôi không thể ngờ được với tình hình đó mà cả Bộ Tư lệnh Quân đoàn vắng hoe.

Căn nhà lầu thênh thang trên đỉnh đồi, nơi phác họa, sắp đặt bao nhiêu cuộc hành quân trong suốt mười năm sau cùng của trận chiến, nơi những kẻ quyền uy khệnh khạng ra vào, nơi những sĩ quan áo quân trắng nếp, huy chương đầy ngực, lúc nào cũng nghiêm trọng đó. Bây giờ họ ở đâu, cái hành lang sâu thẳm đột nhiên như dài vô tận.

Ra về bằng cổng trước của Bộ Tư lệnh, tôi bắt gặp trên đường chính một đoàn Thiếu sinh quân, với nón đỏ, cầu vai có ngù đỏ, quần áo trắng tinh, đi đều bước với đội hình diễn binh. Hàng đầu là những em nhỏ mười, mười một tuổi, cao dần, cao dần cho đến hàng sau cùng là những em sắp sửa ra trường. Khoảng chừng hơn một đại đội, không hiểu đám Thiếu sinh quân này đi làm hàng rào danh dự để đón ai tại phi trường? Có lẽ các xe GMC sửa soạn di chuyển nên các em phải đi bộ. Giờ này còn đưa với đón, dần

chào với lễ nghi quân cách. Bỗng nhiên tôi đau thắt ruột.

\*

Ngày N, 9 giờ sáng

Đột nhiên thành phố như nổ tung ra, khắp nơi tiếng động vang lên, người chạy nhón nháo, xe cộ ngược xuôi. Từ khắp nơi người ta đổ dồn về thành phố, sau những im lặng ngọt ngào, sau những chờ đợi nặng nề, khắp nơi người ta túa ra đường, quân và dân xa lẫn lộn, xe lớn, xe nhỏ, ba bánh, hai bánh. Lính đầy trên các xe be, dân đầy trên các quân xa, thành phố như một cái phễu xe khổng lồ, tất cả đổ dồn vào điểm tập trung đoàn xe phía bắc thành phố. Bây giờ thì đã có lệnh chính xác. Người ta quyết định bỏ Pleiku, triệt thoái quân đội về miền duyên hải. Con đường được chọn là Liên Tỉnh Lộ 7.

Như bây ong vỡ tổ, như những con chim bị nạn cháy rừng, người ta hét hoảng gọi nhau, hò hét, hầu như mọi nhà đều mở cửa, người lớn khênh ra đường những gì có thể khênh, trẻ con xách trên tay những gì có thể xách. Xe cộ đậu ngổn ngang trên mọi ngã đường.

Tôi đứng trên lô cốt mọi ngày. Sở 2 An ninh trước mặt, khu gia binh Tiểu đoàn Truyền Tin bên tay trái, bên phải là sở 2 Tuyên úy Phật giáo và nhà bảo sanh Quân đoàn. Nhộn nhịp chưa từng thấy, người ta chất đồ lên xe, những chiếc xe chất nặng tưởng như đây là lần hữu dụng cuối cùng. Máy xe phun khói khắp nơi, người ta như thiếu không khí để thở. Đây là cuộc triệt thoái kỳ lạ, chỉ có một lệnh vồn vẹn: sử dụng Liên Tỉnh Lộ 7 để về Tuy Hoà. Dĩ nhiên về phía quân đội, các đơn vị trưởng có thể lo liệu cho đơn vị của họ một cách tương đối, về phía những người dân của thị xã này, rõ ràng họ hành động như trong một cơn mê sảng. Tôi đứng ngoài cơn mê sảng này. Năng đã lên cao, từ lô cốt của đơn vị, qua cái sân mông mênh của Chùa Phật giáo Quân đội, tôi thấy xóm nhà tôn trên con đường dẫn vào cư xá sĩ quan Trần Quý Cáp im lìm, nhưng hình như những cửa sau đều mở, tất cả chỉ còn những cái xác nhà vô hồn.

Bây giờ là mười giờ sáng. Tiểu đoàn tôi đã sẵn sàng, đoàn xe đậu quay về hướng cổng chính. Tôi đảo qua các phòng, mười năm trước khi còn là thiếu úy tôi đã một lần ghé đơn vị này. Đạo đó gần Tết năm 1965, tôi thuyên chuyển tới đây vì lý do kỷ luật. Tiểu đoàn này mới thành lập, các phòng thông nhau, buổi chiều tiểu đoàn trưởng về sớm, binh sĩ các phòng kê lại bàn ghế châu đầu vào các sòng bài, mỗi ban hầu như có một sòng. Đủ loại, phé, sập sấm, domino... Sĩ quan cũng tham dự tận tình. Thực ra đánh bài sau giờ làm việc cũng chẳng có gì là xấu, chỉ xấu một điều là đơn vị tôi đặc trách kỷ luật cho cả một quân đoàn, các toán tuần tiểu của chúng tôi dẹp các sòng bầu cua, tài xỉu, đuổi binh sĩ, dân chúng chạy tứ tung như đàn vịt xong rồi quay về cũng lại rúc đầu vào các sòng bài, có người quên ăn. Tôi chỉ ghé đây ít ngày chờ đi Ban Mê Thuật nhận trách nhiệm mới. Năm đó tôi đã đến Ban Mê Thuật với đúng mười đồng trong túi.

Hôm nay sau mười năm thành lập đơn vị, tôi đã đi đủ nơi, và trở về với lòng buồn thảm. Nhà xây thêm, phòng đẹp ra, đơn vị quy củ và khang trang. Bây giờ tôi sắp rời vĩnh viễn, lòng như chùng lại. Chỗ này đây, năm 1970, tôi đã chỉ huy một đơn vị nhỏ, chỗ này đây hầu như đã rửa mặt cho tôi sau nhiều năm lặn đạn bị chỉ huy bởi các sĩ quan chẳng ra gì. Chỗ này đây tôi rong chơi với bằng hữu: Kim Tuấn, Thái Tăng An, Ngô Văn Đình Hợi, Nguyễn Bắc Sơn, Thế Vũ, Cam Nhị Thu v.v...

Những kẻ ở xa đến chơi ít ngày cho thỏa máu giang hồ vật: Vũ Hữu Đình, Phan Lạc Giang Đông v.v... Và những học trò của tôi, những học trò nghèo của trường công lập tỉnh hạt, đi về sáng chiều, thỉnh thoảng cười khúc khích khi đi ngang lô cốt, chỗ tôi vẫn đứng hút tẩu thuốc đầu ngày.

\*

Ngày N, 12 giờ trưa

Thị xã Pleiku mỗi lúc một khuất sau lưng, trời nắng gay gắt, đoàn xe như một con rắn khổng lồ, bò chậm chạp trên mặt lộ bóng nhẫy. Đột nhiên phía trước mặt chừng non cây số, một đám người thấp thoáng. Từ xa tôi biết chắc đây là đám Thiếu sinh quân đã gặp buổi sáng lúc ra khỏi cổng Quân đoàn, vẫn nón đỏ trên đầu quần sóc dưới chân, đa số đều đã cời trần, các em đã di hành lần cuối trong bộ quân phục đi phép đó, những vạt áo ka ki trắng vắt vai. Tôi giận run người, tôi ao ước được thấy ngay bây giờ những kẻ trách nhiệm các em, ông trung tá Phan Như Hiên, kẻ đã làm chỉ huy trưởng trường Bộ binh Thủ Đức lúc trường này còn là Liên trường Võ khoa, kẻ đã đến khám phòng tôi mười hai năm về trước khi tôi còn là một sinh viên sĩ quan, đại úy Phú, tiểu đoàn trưởng của các em đâu? Trước đây ông này cũng là một Thiếu sinh quân Vũng Tàu, ông ta có thể ngoảnh mặt với cái quá khứ của mình một cách bình thản thế ư? Các sĩ quan của trường đâu, họ đã dạy dỗ các em thế nào về nhiệm vụ của người lính, họ đã dẫn dắt các em như thế nào trong quân ngũ, bây giờ họ đâu cả rồi. Họ biến đi đâu hết cả.

Sáng nay tôi gặp các em lúc bảy giờ rưỡi, bây giờ là mười hai giờ, các em đã vượt hai mươi cây số trong khoảng thời gian đó. Đa số các em đều là con cháu các quân nhân sắc tộc thiểu số đã hy sinh cho miền Nam này. Các em là dòng dõi của các sắc dân Mường, Mán... vùng Thượng du Bắc Việt, Radhe, Bahnar, Stieng vùng Cao nguyên Trung phần... Trong khoảng vài giờ đồng hồ vừa qua, các em đã bước đi sắt đá trên con đường bội phần. Các em đã làm chính tôi phải xấu hổ. Ở địa vị tôi là một em lớn trong số các em, chắc chắn tôi không có được sự bình tĩnh đó. Thế mà các em đã tập hợp lại, vài em lớn dẫn dắt các em nhỏ, đùm bọc nhau, bình thản lên đường.

Tôi bảo người tài xế bỏ đội hình hàng xe, vượt lên trên các em một quãng, đích thân tôi đeo cái băng quân cảnh hành sự trên cánh tay, cùng với hai người lính giúp sức chặn đoàn xe lại. Tôi chia nhỏ các em mỗi toán năm bảy em, có một em tượng đối lớn, và dồn các em lên bất cứ xe nào còn trống. Tôi vẫn đọc quyển sách, mắt vẫn mở, mà hình như tôi không biết sách viết gì, gấp sách lại tôi cố dỗ một giấc ngủ. Nắng vẫn gay gắt trên đầu.

\*

Ngày N, 5 giờ chiều

Ì ạch mãi rồi đoàn người cũng tới được đoạn đường đất đỏ, chỉ còn năm, bảy cây số nữa sẽ vào Phú Bổn, xưa người ta gọi đây là Cheo Reo. Những chiếc xe dẫn đầu hẳn đã lọt vào thị xã, đoàn xe giảm tốc độ, ngang hông đoàn xe, những chiếc xe Suzuki,

Honda hai bánh tuần tự lướt qua. Hầu như không có một chiếc xe hai bánh nào chở một người, phần lớn chở hai, đôi khi tôi bắt gặp một người lính lái, dĩ nhiên người vợ ngồi đằng sau ôm theo một đồng hành lý, đưa con nhỏ ngồi trên bình xăng, kỳ lạ thay người lính vẫn đeo theo khẩu súng vất vai, bụi đường còn đọng trên khóe mắt của những em nhỏ, vệt nước mắt chảy dài trên má.

Một cột khói bốc cao từ phía thị xã, kế đó là một tiếng nổ lớn. Rồi hàng loạt, địch pháo vào Phú Bổn. Chúng không cần bắn vào đoàn di tản, chúng bắn vào chỗ mà đoàn di tản sẽ đến. Con đường còn dài, còn quá nhiều chỗ lý tưởng để cho những nút chặn, những cuộc phục kích. Pháo vẫn nổ trong thị xã, đoàn người trên xe tủa ra, người lớn, trẻ con khóc như ri. Họ ulla ra các cây lớn bên vệ đường, núp sau các gò đồng. Trong chớp mắt đoàn người biến đi, chỉ còn trơ lại những chiếc xe và vật dụng ngổn ngang, bừa bãi.

Tôi lội sâu vào rừng, cách xa lòng đường khoảng một trăm mét, đột nhiên có một trắng lớn xuất hiện, cái trắng đầy cổ tranh cao ngấp đầu người. Nhô lên khỏi đám tranh là những túp lều xiêu vẹo. Những túp lều nhà binh, mà tôi đoán chắc đây là một địa điểm tụ napan mới thành lập. Nổi bật trong đám lều nhà binh này là vài chiếc lều trắng linh, trắng nõn nà, phải chi có dù đỏ, và vài tàu dừa kết hoa, thì cảnh này hết như những nhà rạp đám cưới kết bằng dù. Đó là chỗ để bà con cô bác hai bên ngồi nhậu chung vui với đôi trẻ.

\*

Ngày N, 10 giờ tối

Quân xa đậu chật sân vận động, dân xa đầy trên các ngã đường. Cheo Reo như tên một lời buồn, bỗng nhiên đón nhận một số dân đông gấp mấy lần dân thị xã, gồm dân chúng của hai tỉnh Pleiku, Kontum gom lại. Không một hiên nhà nào không có người, người ta gối đầu lên vỉa hè, lên những thanh gỗ, nằm co quắp trong các ngõ hẻm, nằm tênh hênh trên các lối đi, rúc trong các quán chợ, đầy người trong các lớp học, chập nghệt trong nhà thờ, chùa chiền. Đêm như loăng ra, người như quắt lại. Đó đây những nhúm lửa được nhúm lên, người ta nấu ăn, những người lính trẻ tụ tập bên những cốc rượu vừa kiếm được.

Thật tình tôi không thể ngủ được, cả đêm qua chập chờn mộng mi, suốt một ngày dài ê ẩm trên xe, xung quanh tiếng nói chuyện rì rào. Tôi thấy rõ những điều thuốc chọt lóe lên, soi tỏ những khuôn mặt đăm chiêu, bơ phờ.

Tôi ngồi dậy, leo lên ghé trọng tài của sân vận động, ở vị trí này, dưới ánh trăng mỏng chín tôi quan sát được khắp chung quanh. Trong cái lờ mờ của ánh sáng này, hình ảnh đau buồn của chiến tranh được soi tỏ. Có tiếng trẻ giật mình khóc khuya, có tiếng chó sủa từ các xóm kế cận. Tôi nghe có một tiếng chó tru dài, tiếng tru này vang lên mỗi khi cả bầu im lặng, nó y như tiếng của một ca sĩ chính trong khi cả bè phụ im lặng của một bản hợp ca tưởng chừng như bất tận.

Tôi ngẩng mặt nhìn trời, đêm sơn cước ở đâu cũng huyền hoặc, bầu không khí lung linh, vàng trắng rờn rợn. Sao đầy trời, lấp lánh như những viên kim cương bày trong tủ kính.

Bây giờ là nửa đêm của ngày 16 rạng ngày 17 tháng 3, người ta đã ký với nhau một văn kiện về hòa bình hơn hai năm về trước. Hai năm đã qua, hòa bình bay cao, như một trái bong bóng bơm quá căng, lên cao thật nhanh và sắp nổ trên trời. Cái giá của hòa bình đang đóng góp bằng máu của người lính đôi bên, máu của những người dân bất hạnh.

Thật tình tôi không ngủ, mắt vẫn mở, hình như tôi mê đi, tôi chợt tỉnh vì một cơn gió khuya, tôi bắt gặp cái bóng của chính tôi đổ dài trên sân tennis. Tôi trở về chỗ nằm, bầy chó vẫn tiếp tục bản hợp ca của chúng.

\*

Ngày N + 1, 5 giờ sáng

Trọn đêm qua và giờ này là thời gian của Cheo Reo. Những người ra đi từ Pleiku và Kontum đã chọn phần số của họ. Những người đó hãy còn chấp chờn trong các ngã đường, họ sẽ phải đi, bởi lẽ không có chỗ để trở về, họ vẫn còn ngủ li bì rải rác khắp trong thị xã.

Sáng nay thiếu tá Nguyễn dậy sớm hơn thường lệ. Sớm hơn mọi khi còn ở tiểu đoàn. Sáng nay ông ta không có tách trà như mọi khi, bù lại cơn ho kéo dài hơn, cơn ho đủ để cho mấy người chung quanh phải trở dậy. Tôi biết rõ thói quen này đã lâu, từ ngày tôi và ông cùng học khóa sĩ quan chuyên nghiệp ở Vũng Tàu. Ông vẫn giữ được thói quen dậy sớm của người lớn tuổi, cũng như tôi vẫn giữ được thói quen thức khuya của thời trai trẻ. Đạo đó, và mãi cả về sau này, tôi vẫn không có thiện cảm với người sĩ quan già có hơn hai mươi năm binh nghiệp này. Khi tôi là chuẩn úy và ông là thiếu úy, học khóa sĩ quan đặc biệt Nha Trang ra, cái xuất xứ đã không làm tôi nể vì. Lại nữa trường gần biển, tối nào tôi cũng lò mò ngoài bãi tới nửa đêm mới về, cứ đang ngon giấc là y như bị đánh thức bởi những tiếng lách cách của ông ta. Bẵng đi mười năm. Cả hai gặp lại nhau nơi Tiểu đoàn 2 Quân cảnh này, tôi vẫn không thể nào có thêm thiện cảm với ông, người có cái khôn của một sĩ quan sắp giải ngũ, ông đang có những toan tính vụn vặt cho ngày về hưu. Bỗng nhiên cơn ho dài hôm nay, và thể ngồi bó gối đó khiến tôi thương cảm vô cùng.

Trong suốt mười hai năm quân đội, tôi chỉ kính trọng hai người trong số hàng chục vị chỉ huy trực tiếp. Ông Nguyễn không phải là một trong hai người này, đôi lúc tôi còn coi thường những thủ đoạn vặt của ông, nhưng hôm nay lòng tôi chùng lại. Tôi nhóm dậy nói chuyện với ông. Một già một trẻ trầm ngâm trong bóng tối. Chúng tôi trao đổi vài câu, cả hai vẫn lắng nghe những tiếng động vụn vặt của đồ đạc xếp lại, tiếng dọn dẹp, không phải của những người đang ngủ ngoài trời, bây giờ là của những người đang trú ngụ trong những ngôi nhà của thị xã nhỏ này. Họ dọn dẹp trong bóng tối, vì thành phố này hiếm điện. Lát nữa đây khi mặt trời lên, khi đoàn người tỉnh dậy để đi nốt quãng đường còn lại, tôi biết thêm một thành phố nữa sẽ bị cuốn đi, bởi một dòng cuồng lưu tạo bởi con người. Chúng tôi mới trải qua một phần ba con đường. Gần một trăm cây số đường tráng nhựa, không giao tranh, không trở ngại, không mô, không mìn. Ho, những người dân của thị xã Phú Bổn sẽ nhập vào với chúng tôi, đoàn xe sẽ dài thêm, và con đường cũng bắt đầu tòi tệ.

Ngày bắt đầu rạng dần, sao đã thưa, vài cơn gió sớm thổi tung những miếng giấy vụn trong sân vận động. Lác đác có những ngọn lửa hồng.



Trung úy Chánh, trưởng đồn Quân cảnh Phú Bổn cùng trung úy San, Tiểu đội Quân cảnh Tư pháp Phú Bổn đến xin lệnh triệt thoái. Ông Nguyễn trở lại cương vị của ông bằng một cái lệnh không chính xác. Có thể hiểu là đồng ý, có thể hiểu là không. Tôi buồn vô hạn, những cái lệnh như thế đã đưa bao nhiêu người đến chỗ chết. Cái thương cảm dành cho ông nửa tiếng đồng hồ trước bỗng biến mất. Tôi nhớ đến mấy em Thiếu sinh quân hồi trưa, tôi nhớ đến người lính chở vợ bằng xe Honda, con nhỏ trước bình xăng và vẫn không quên khẩu súng. Tôi bỏ ra ngoài, đón hai người sĩ quan này ở cổng sân tennis, nói với họ:

"Các anh phải sửa soạn đơn vị, giữ liên lạc thường trực với tiểu khu, Phú Bổn không thể đứng được, Ban Mê Thuột đã mất, người ta đã bỏ Pleiku và Kontum. Cả Bộ Tư lệnh Quân đoàn còn bỏ hướng hồ thị xã Cheo Reo này. Tôi biết chắc các đơn vị ở Phú Bổn sẽ rút ngay sau khi tụi tôi đi, các anh nên theo họ. Đừng quên binh sĩ và vợ con họ."

\*

Ngày N + 1, 9 giờ sáng

Đoàn xe đã nổ máy ba lần, chúng tôi vẫn chưa rời khỏi thị xã Phú Bổn được. Sáng hôm nay gắt hơn hôm qua, mới hơn chín giờ sáng mà đã oi nồng, con đường trước mặt thẳng tắp rồi mất hút trong đám cây rừng. Hôm nay đoàn xe trông thật kỳ dị, nó nham nhở, lẫn lộn giữa đám quân và dân xa, giữa màu xanh ô liu là những chiếc xe be màu đỏ, xanh lòe loẹt, một vài chiếc xe du lịch, mặc dù bùn đất phủ đầy lớp sơn nhưng vẫn giữ được cái vẻ đom đống của nó. Những chiếc xe Lambretta ba bánh phun khói mờ trời, và những chiếc xe Honda vẫn len lỏi di chuyển hai bên, ngay cả khi đoàn xe ngừng lại. Tôi đứng trên mui xe nhìn về phía trước, chung quanh bạt ngàn là rừng núi trùng điệp. Gió thổi những chiếc bạt xe nhà binh căng lên. Những chiếc chăn, khăn trải giường được căng lên che nắng bị gió hát lên, trông như những lá cờ hàng của một đoàn quân thất trận. Sau cùng chúng tôi cũng để Cheo Reo ở lại.

Con đường bây giờ không còn rõ hình dáng, có khúc mới được bồi thêm một lớp đá củ đậu, có khúc giữ nguyên hình dáng của một con đường mòn, không có dấu của lều. Giữa trưa đoàn xe ngừng lại ngang một buôn Thượng, có những căn nhà sàn mái tôn mới cất, tình trạng mặt đường có vẻ tốt. Cả tiếng đồng hồ vẫn không thấy phía trước chuyển động. Đây là một khu đồi cỏ, không một bóng cây chung quanh, không một dòng nước mát. Một vài người lính rời đoàn xe, lững thững vào buôn kiếm nước. Họ trở ra cho biết buôn bỏ hoang, nhiều người khác tiến vào, rồi trở ra với những trái đu đủ xanh, hay buồng chuối chín dờ.

Bây giờ người ta túa vào buôn, cái buôn nhỏ có độ mười, mười hai nóc nhà bằng nhiên bị lục lạo mọi xó xỉnh. Rồi người ta dẫn ra hai người Thượng già, thật già. Cả hai không biết nói tiếng Việt. Một người thông ngôn được gọi tới. Và sau cùng chúng tôi biết lý do tại sao buôn mới cất lại bị bỏ hoang: người Thượng di tản ngược chiều với chúng tôi, chẳng phải là họ về với phía bên kia. Song đã nhiều năm nay, một thiểu số đòi tự trị ở Cao nguyên, đòi lập một quốc gia riêng biệt cho người sắc tộc, đây là dịp họ nghĩ là tốt để thực hiện ý định đó. Bây giờ tôi không còn ngạc nhiên khi cả hai ngày nay bắt gặp nhiều toán người Thượng di chuyển ngược phía chúng tôi, có toán cả trăm người.

Hai giờ chiều, đoàn xe chuyển bánh, bỏ lại đằng sau cái buôn Thượng vừa trải qua một trận lụt người.

\*

Ngày N + 1, 3 giờ 30 chiều

Một khu rừng tuyệt đẹp, những thân cây cao, to, lá như lá bàng. Con đường đồ dốc thoải thoải, bên phải là hàng triệu những tảng đá xanh lớn nhỏ, thỉnh thoảng một khối lớn như căn nhà đứng chênh vênh chờ đổ. Bên trái con đường là một dòng sông nhỏ, nước trong veo, chảy xiết. Bên kia sông là khu rừng tuyệt đẹp, chỉ có các thân cây lớn thẳng tắp, nhiều cây cao hàng chục thước, thân lớn hơn sải tay, lá khô phủ đầy mặt đất. Bây giờ là tháng ba, đang độ xuân về, đáng lẽ khu rừng đó phải xanh biếc, đầy bóng mát, đáng lẽ nó phải là nơi trú ẩn tốt cho những cánh chim rừng. Vậy mà cây cối đã chết đi, hàng loạt. Khu rừng chết vẫn còn đó, nó rụng lá dần, trơ lại những thân khô, nó còn đó đôi khi cả chục năm sau. Khi lớp thuốc khai quang đã mất hết hiệu lực, rồi cỏ bắt đầu mọc, những thân cây khô mục nát đổ xuống. Phải biết bao nhiêu lâu nữa khu rừng mới có được những thân cây cao đường đó.

Đoàn xe bây giờ không còn chạy, như một con rắn già kiệt lực, nó bò từng chập rồi lại ngừng để thở. Một người lính cho tôi biết còn chừng mười lăm cây số nữa đến quận Phú Túc. Như vậy từ sáng tới giờ chúng tôi đi được hơn ba mươi cây số. Đoàn xe bây giờ không còn đội hình, thật ra thì không còn thứ tự của lúc khởi hành. Làm gì có đội hình, đây chỉ là đơn vị trưởng các đơn vị cỡ tiểu đoàn tự lo liệu cho đoàn xe của họ, có chung một nỗi lo, một tần số làm việc, họ tự vá vúi lại, thành một đoàn quân triệt thoái. Rồi dần chúng nhập vào, và bây giờ tôi không còn biết ai là người trách nhiệm cho hơn trăm ngàn người. Tôi biết ông xếp chúa của tôi, trung tá Trần Đình Kha, cũng có mặt trong đoàn triệt thoái này. Có thể có một, hai đại tá, nhưng những người này cũng chẳng bao giờ liên lạc được với những người có trách nhiệm là chuẩn tướng Phạm Duy Tất và chuẩn tướng Trần Văn Cẩm.

Bây giờ là sáu giờ chiều của ngày 17-3-1975, đoàn xe ngừng lại giữa rừng, hai bên đường là những chồi cây nhỏ. Tôi ăn miếng cơm đầu của ngày hôm nay, suốt ngày tôi chỉ nhấm nước, một người lính mang lại cho tôi một gói cơm sậy và một hộp thịt. Tôi không cảm thấy đói, nên lại cất gói cơm vào ba lô. Tôi bỏ xe, xuống đường nằm ngửa mặt nhìn trời cao. Vài ngôi sao mọc sớm lung linh trên nền trời tím thẫm.

\*

Ngày N + 1, 8 giờ tối

Hàng ngàn động cơ rú lên, hàng trăm cái còi inh ỏi, đèn xe sáng rực một góc trời. Tôi ngoảnh lại, ánh đèn xe tưởng như bất tận. Đêm nay có lẽ cả đoàn người sẽ phải ngủ lại quận Phú Túc. Để rồi sáng mai chúng tôi lại cuốn theo một số người, bỏ lại một quận lỵ hoang vắng.

Thấp thoáng hai bên vệ đường vẫn là những chiếc Honda đủ màu, chúng lượn qua

lượn lại để tránh các ổ gà, các mô đá, y như bầy thiêu thân lặn xả vào ánh đèn. Đường thật hẹp, có lúc tưởng chừng như xe tôi móc phải những chiếc ghi đông xe Honda, song kỳ diệu thay, tất cả trơn đi trơn tuột như một con lươn. Nhìn ngược lại tôi thấy đoàn xe y hệt một dòng suối bạc, nó như một con rồng lửa có cái thân thật dài trong các phim thần thoại. Hình như không xe nào cách xe nào quá ba thước, tôi cảm thấy như nghe được tiếng khóc của con nít trên chiếc xe đằng trước. Tất cả trôi về phía Phú Túc, hầu như không có gì có thể cản nổi.

Bỗng tôi thấy một người đi Honda nằm ngang cạnh lộ, cái xe Honda dúm đó bên đường, có lẽ anh ta đã lạc tay lái va vào một chiếc xe nào đằng trước. Chắc chắn anh ta bị thương nặng, cái tay vẫy cao trong ánh đèn. Anh ta nằm chúi đầu xuống, nhiều chiếc xe lướt qua, thật tình khó có thể ngừng lại với cái dòng xe này. Tôi chưa biết phải làm gì, cái tay cứ lớn dần, lớn dần dưới ánh đèn xe, có lúc tôi tưởng chừng cái bàn tay đó sắp mò vào mặt tôi.

Còn bốn xe nữa tới xe tôi, tôi bảo người tài xế tìm cách đậu lại thì cùng lúc đó cách tôi ba chiếc, đột nhiên đèn thắng loé lên, một người nhảy xuống. Chiếc xe sau ngừng lại kịp, nhưng vài chiếc sau tôi thắng không kịp, những cản xe nhà binh va nhau tạo thành những tiếng kinh hồn. Cũng may tốc độ đoàn xe tương đối chậm, nên cũng không có gì đáng tiếc. Qua ánh đèn xe tôi thấy trung úy Nguyễn Bảy, người sĩ quan điều hành của tiểu đoàn tôi đang vực người bị nạn lên, một anh lính giúp sức, cả hai khênh người bị nạn lên xe. Có những tiếng chửi thề ròn tan của mấy tên lính vô lại trong tiểu đoàn.

Sau cùng chúng tôi đến vòng đai của quận lỵ Phú Túc. Tôi mệt mỏi thiết tình. Tôi thiếp đi trên xe, từ lúc trước khi đoàn xe ngừng lại. Lúc mở mắt ra tôi thấy một bãi cát im lìm, chung quanh tôi xe cộ đậu ngổn ngang, vẫn màu trắng mênh mông đó, vẫn cái lạnh ngắt của đêm rừng. Đêm nay tôi thực sự thấm thía cái hay của bà Đoàn Thị Điểm trong *Chinh Phụ Ngâm*.

\*

Ngày N + 2, 9 giờ sáng

Hôm nay thứ hai, 18-3-1975, ngày thứ ba của cuộc triệt thoái, chúng tôi đã ngổn đường nửa đoạn đường. Hình như cam go chỉ mới bắt đầu. Trên bản đồ con đường còn lại cũng cả trăm cây số nữa. Nó xuất hiện trên bản đồ bây giờ không còn là một đường vẽ liền nữa, mà là những gạch nhỏ, đứt quãng. Rời khỏi bãi cát, chỗ nghỉ tạm đêm qua, chúng tôi thực sự bước vào quãng đường bị bỏ quên hơn chục năm qua. Mới ra khỏi quận lỵ chừng ba cây số, dấu hiệu của an ninh hoàn toàn biến mất. Ngoài vòng đai phòng thủ của quận lỵ, tôi thấy một xóm nhà, xóm vắng không một bóng người. Tôi biết chắc nó vẫn là chỗ trú ẩn của một số gia đình, những con chó lớn vờn, một con mèo ngồi sưởi trên nóc nhà, nghển đầu nhìn đoàn xe, rồi lại lim dim đôi mắt. Tôi thấy những lá cờ quốc gia mới sơn trên nóc, và trên một vài cánh cửa là những khẩu hiệu chống chính phủ, đả đảo Mỹ, Ngụy.

\*

Ngày N + 2, 12 giờ trưa

Đột nhiên con đường biến mất, đoàn xe đang từ hàng một, bò chậm chạp trên mặt đường lồi lõm, bỗng nhiên mở ra một khoảng trống, một đồng cỏ bao la. Vài chiếc xe tách ra khỏi hàng, chạy trên lớp cỏ tranh ngả rạp đó, rồi những chiếc khác tách theo, bây giờ là cả một cuộc chạy đua băng đồng, hàng ngang. Một vài chiếc xe đương chạy bỗng sụp hố, những chiếc sau tách sang hai bên. Người trên xe bị nạn túa ra, đẩy phụ với sức máy, rồi người ta sử dụng bạo lực, nổ súng bắt những chiếc xe gần đó ngừng lại, đẩy, kéo xe họ khỏi hố, hoặc dồn người và đồ đạc lên những xe chạy được. Súng bắt đầu nổ từ một phe, bạo lực lan nhanh như lửa cháy đồng, trong chốc lát nó bao trùm đoàn xe, súng nổ khắp nơi, người ta bắn để cướp đường giành đi trước. Bạo lực khởi đầu như thế, khởi đầu bằng một nguyên nhân nhỏ nên cường độ chưa cao. Phải đợi đến lúc địa thế trở lại chật hẹp, lại có dấu vết con đường cái, hàng trăm chiếc xe bây giờ bắt đầu ép vào giữa, ép vào phía xuất hiện của con đường. Bây giờ súng không nổ phát một, người ta bắn hàng tràng đại liên, không bắn chỉ thiên, mà bắn xả trên đầu. Thịnh thoảng tiếng súng phóng lựu nổ về phía hai vệ đường trước mặt. Khói súng khét lẹt. Trẻ con khóc như ri, người sùng đạo cầu Chúa, niệm Phật, kẻ bạo lực bóp cò.

Bây giờ là ba giờ chiều của ngày 18-3-1975. Giao tranh chưa thực sự xảy ra, nhưng súng đã nổ, và có lẽ không một khẩu súng nào không lên đạn. Khắp nơi người ta nhìn nhau nghi kỵ. Khắp nơi người ta đề phòng lẫn nhau, kẻ bên cạnh có thể nguy hiểm. Kẻ thù ở xa chưa tới, và chiếc xe bên cạnh, nếu không biết thật rõ, nếu không cùng đơn vị thì phải coi chừng. Bây giờ không còn ai chỉ huy thực sự ở đây.

Tôi đã qua khỏi cái trạng cổ cao tệ hại đó. Một nửa đoàn xe kẹt lại trong cái đồng cỏ mênh mông, bây giờ chúng tôi tiến thật chậm, chậm như một con ốc sên trên mặt đường. Đoàn xe giảm tốc độ tệ hại, trong khi bạo lực và hỗn loạn khởi đi với gia tốc nhanh.

Súng vẫn nổ đằng sau, chua chát thay tôi cảm thấy hơi mừng khi chỉ nghe những tiếng nổ ròn của đạn M.16, chưa có những tiếng nổ chát chúa của AK.

\*

Ngày N + 2, 6 giờ chiều

Cả ngày nay chỉ di chuyển được mươi cây số, bây giờ chúng tôi ngừng lại ở bìa một ấp định cư. Một ấp Công giáo tương đối trù phú hơn hết kể từ lúc chúng tôi qua khỏi Phú Bổn. Những ruộng mía thẳng hàng, những nương ngô xanh ngát. Bạo lực như dịu lại cùng với nắng chiều sắp tắt. Xe tôi hình như lọt vào khoảng vài trăm chiếc chạy đầu, hầu như không có một chiếc dân xa nào lọt được vào đoàn này, nó lụi đụi đằng sau, bị bỏ lại đó đây trên đồng cỏ, ngổn ngang hàng trăm xác xe, vài kẻ đốt những chiếc xe du lịch đã nâng cao địa vị họ trong nhiều năm nay.

Tôi xuống xe, tìm một chỗ ngả lưng êm ả trong ruộng mía non bên đường. Đoàn xe bây giờ thực sự là trộn trấu. Lúc khởi đi, tiểu đoàn tôi và các đơn vị phụ thuộc có sáu mươi hai chiếc lớn nhỏ, qua cuộc chạy đua băng đồng đó, chung quanh tôi toàn những xe vẽ phù hiệu lạ, lác đác tôi bắt gặp vài binh sĩ dưới quyền. Cách tôi độ mươi chiếc là xe của trung úy Hóa, Đại đội trưởng 24 Quân cảnh Tư pháp và trung úy Vui thuộc Tiểu đội

Quân cảnh Tư pháp Kontum. Hình như họ có dự trữ khá nhiều lương khô quân đội. Cả hai vẫy tôi lại, mời dùng cơm chung. Những miếng cơm san sẻ lúc này quả tình là quý. Nhưng với tình trạng này, chỉ ba ngày nữa sẽ có nạn đói trầm trọng nếu không được tiếp tế lương thực. Tôi thấy Hóa chui vào xe, lục đục một hồi lâu rồi mang ra khá nhiều cơm sấy và đồ hộp. Tôi nói với hai người là phải dè sẻn hơn, và hỏi họ một ít trợ giúp cho mấy đứa trẻ trên xe tôi, vợ con của binh sĩ trong đơn vị. Hóa, Vui có vẻ ngần ngại. Tôi không trách gì hai anh. Nhưng lòng tôi chùng xuống.

Đằng sau xe tôi, trung úy Lộc già, vợ và tám con, mới giải ngũ chừng ba tháng, khi di tản hốt hoảng quay về đơn vị cũ. Vài người lính trong tiểu đoàn cũng có con nhỏ. Tôi nghe chúng khóc đã hai ngày nay. Tiếng khóc của con nít nó ngật nghẻo, tưởng chừng như có thể làm đứng tim người mẹ. Khoảng thời gian năm phút kể từ khi tôi mở lời yêu cầu đó, tôi tưởng thời gian ngừng lại. Người tài xế trên xe Hóa, nói với tôi giọng giả là:

"Xe của ông thầy gần đây, lúc nào tụi tôi ăn ông thầy xuống ăn chung cho vui."

Tôi nổi giận vì câu nói này. Một là tôi không xin cho tôi, tôi đủ sức chịu đựng, đủ tài xoay trở khi cần. Hai là tôi biết rõ họ có rất nhiều, lương thực đủ dùng cho cả tháng. Giữa lúc đó một người hạ sĩ quan khác của Hóa tới cho biết, vợ thượng sĩ Mạnh có thể đẻ non, đau bụng dữ dội, Mạnh đã đi công tác giải giao vài ngày trước khi di tản. Hóa là một sĩ quan tương đối có lòng, anh đứng dậy cùng người hạ sĩ quan đi về phía sau. Thấy vậy tôi cũng đi theo, mãi hơn một giờ sau tôi và Hóa tìm được một bà mẹ trong ấp. Không thể đưa sản phụ về nhà bà ta được, mà nước đầu ối ra nhiều, Hóa, tôi cùng đồng ý phải kiếm một chỗ kín gió, chăng tạm vài tấm bạt, và đứa bé đã ra đời trong cái lều lộ thiên này. Tôi và Hóa ngồi ở xa xa chờ kết quả, cái kết quả mở đầu bằng tiếng khóc trong hoàn cảnh bị đất này. Một vài ngôi sao mọc sớm cùng với tiếng trẻ sơ sinh khóc oa oa trong cái buổi chiều chạng vạng kỳ quặc đó. Bà mẹ cho biết đứa nhỏ tốt nhưng sản phụ hơi yếu. Khỏe làm sao được với cuộc hành trình này. Tôi không biết Hóa giải quyết nốt tình trạng ra sao. Nhưng khi về lại chỗ đậu xe, Hóa đưa cho tôi một thùng lương khô với giọng thật nhẹ:

"Cái này của tụi nhỏ."

Rồi anh ta tiếp luôn:

"Đây là của ông thầy. Miệng nói tay anh đưa cho tôi hai bao thuốc lá quân tiếp vụ."

Ngày N + 2, 7 giờ 30 chiều

Một toán Biệt kích của trung tá Lê Minh cải trang quân phục Việt cộng, dép râu, súng AK xuất phát từ phía trước mặt. Tôi nghe nhiều tin đồn xấu về những lính giả Việt cộng cướp của, giết người, hãm hiếp phụ nữ. Cầu mong có Lê Minh ở đây. Anh ta là bạn cùng khóa cùng trung đội với tôi hồi còn là sinh viên sĩ quan. Trung tá ba mươi tuổi, đem xương máu của anh để đổi lấy những huy chương và những bóng mai trên cổ áo.

\*

Ngày N + 3, 5 giờ sáng

Đoàn xe khởi hành thật sớm. Trời tối mịt. Đêm qua tôi ngủ thật ngon, cả ngày kinh hoàng vậy mà đêm tôi có những giấc mơ thật đẹp. Tôi thấy trẻ lại mười năm, bước vào lớp học. Những em nhỏ áo quần sạch sẽ đứng dậy chào, rồi lớp học bắt đầu trong những tiếng hoan ca. Phải chi tôi trẻ lại thật sự.

Chúng tôi vẫn ì ạch tiến tới, một binh sĩ cho biết tin tệ hại, đã xảy ra từ hai ngày trước. Binh sĩ này có mấy người bạn ở thiết giáp thoát chết trong trận phục kích phía sau đoàn xe, và đã phải chạy thực mạng mới bắt kịp đoàn xe. Trận đánh diễn ra khoảng giữa đường Phú Bổn và Phú Túc, ngay tại khu rừng đẹp với những thân cây khô. Thiết giáp đoạn hậu cho cuộc triệt thoái tệ lậu này. Theo lời mấy binh sĩ thoát chết kể lại, Đại tá Lữ đoàn trưởng đi cùng đơn vị, khoảng một trung đoàn địch bôn tập từ quốc lộ 19 sang, không bắt kịp đoạn đầu của đoàn di tản đã chặn đánh khúc sau. Vị trí thuận lợi cho cuộc phục kích, địa thế chật hẹp, chiến xa không thể xoay trở được, một số nhỏ chạy thoát kịp theo đoàn di tản phần lớn là M113, hầu hết những chiến xa nặng kẹt lại. Đại tá Lữ đoàn trưởng tự sát. Thêm vào đó hai tiểu đoàn Địa phương quân người Thượng cũng nổi loạn, chiếm tỉnh Phú Bổn, truy kích phía sau của đoàn tị nạn, nhiều dân chết, phía cuối đoàn xe bây giờ là địa ngục.

Tôi còn biết thêm một tin tệ hại không kém, cái tin kia đã dừng lại từ hai ngày trước, đã bị bỏ lại đằng sau. Tin tôi mới biết sẽ mang sự tệ hại đến cuối con đường. Tin cho biết là một số Biệt động quân thất trận khi giải vây Ban Mê Thuột, cùng với hậu cứ của các tiểu đoàn Biệt động quân Biên phòng đã bắt kịp đoàn người. Bây giờ họ là những ông vua con của từng đoạn đường. Họ nổ súng bừa bãi, cướp giật giữa ban ngày, họ tước đoạt binh thảo bằng mũi súng của họ, không chừa một ai, già, trẻ, lớn, bé. Họ không chê một thứ gì từ đồng hồ, nhẫn, giày chuyên, tiền bạc, thậm chí họ còn tước cả những đôi giày còn tốt của người khác đang đi, họ cướp ăn, họ giật uống.

Tôi biết chắc chỉ có một vài Biệt động quân làm ầu. Nhưng bọn đào binh, bọn quân phạm, bọn vô lại của tất cả các đơn vị đã cố kiếm cho được những bộ áo ngực trang của binh chủng này. Trời dần sáng, chúng tôi bắt gặp một dòng suối cạn, đường thật hẹp chỉ một xe có thể qua, bờ bên này thoải, bờ bên kia dốc thật gất lại có thêm một khúc queo ngặt nghèo. Xe qua từng chiếc, phải đợi cho chiếc này lên hết dốc chiếc khác mới có thể tiến lên. Một quân xa chở nặng, hư số phụ, tuột dốc lưng chừng đồi, rất may xe không có người và anh tài xế nhảy ra kịp, chiếc xe lật nhiều vòng. Cây cối ngã rạp, đồ đạc văng tứ tung, sau cùng nó nằm ngửa bốn bánh lên trời, một phần xe choán ngay lối lên dốc. Cần phải tránh một tai nạn tương tự, nếu không tất cả đoàn xe sẽ kẹt cứng.

Tôi không rõ ai ra lệnh, một vài quân cảnh tiến ra điều hòa lưu thông, họ hoạt động ở hai đầu dốc. Thượng sĩ Hạp, một nhân viên quân cảnh của trại giam Pleiku điều hành ở dốc cao, anh chặn lại những xe có cần trục, để có thể kéo những xe khác không đủ sức leo, hễ có một chiếc xe cần trục khác tới thì chiếc trước được đi.

Một người lính biệt động quân ngồi nhờ trên xe trục công binh cho là đã bị Hạp xử ức, nên khi có xe khác thay thế gã đã nổ súng bắn Hạp. Anh chết tức khắc.

Bây giờ sức mạnh trong tay không phải là những người cầm súng. Ở đây có quá nhiều súng. Lẽ phải ở trong tay những kẻ dám giết người.

\*

Ngày N + 3, 4 giờ chiều

Bây giờ chúng tôi lết từng chặng, từng chặng. Địa thế ngày càng tệ hại, nhiều lúc đoàn xe phải băng ngang cánh rừng chồi, vòng qua những khu vực lầy lội, tránh những tảng đá to, vượt qua những khe suối nhỏ. Hôm nay lác đác đã có những người đi bộ, chắc hẳn đã có nhiều xe cộ bỏ lại dọc đường. Hôm nay mặt trời thật gắt. Mấy đứa trẻ sau xe tôi đã phơi nắng vài ngày, da chúng đỏ như những con tôm luộc. Nhiều đứa sọp hẳn đi, chúng khóc bây giờ không còn ra tiếng, toàn thân rung lên, bờ môi tái ngắt. Có đứa như kiệt lực. Mấy tấm vải căng tạm đã không đủ che cái nắng quái ác này, càng không đủ với khí lạnh ban đêm. Tôi nhường ca bin xe cho hai em tương đối yếu nhất. Cũng không giải quyết được gì, các em đòi mẹ xem chừng còn khóc to hơn. Tôi quay về chỗ cũ, một em bậy ra xe, người tài xế cần nhân.

Trời chạng vạng tối, đoàn xe phải băng ngang một con suối lớn. Công binh chiến đấu phải ủi tạm một con đường. Rút kinh nghiệm về cái chết của Hạp, hôm nay không hiểu lệnh từ đâu, những người lính công binh mang băng đỏ ở tay phải, đèn hờ phù hiệu công binh nơi tay trái, họ điều hòa lưu thông khá hữu hiệu. Từng chiếc một bò nặng nhọc trên con đường vừa ủi xong, cây cối ngổn ngang bên đường. Những chiếc xe nặng, bánh lún sâu xuống lòng đất xốp, tạo những đường rãnh giữa mặt đường. Thỉnh thoảng xe ủi công binh lại phải cào lại mặt đường. Bây giờ không một ai còn nghỉ đêm. Dư âm của trận phục kích bọc hậu đoàn thiết giáp vô hình chung là động cơ thúc đẩy người ta tiến tới trước, bất kể ngày đêm. Đoàn xe như co mình lại chờ đợi.

Qua khỏi cái vực khốn nạn này, chỉ còn vài cây số nữa là tới quận lỵ Củng Sơn, một quận lỵ của tỉnh Phú Yên, từ đây vượt mười cây số nữa sẽ tới sông Ba, con sông hiền hòa, mở ra bát ngát ở cửa bể Tuy Hoà. Qua sông Ba, con đường trên bản đồ lại trở thành một đường vẽ liền lạc, không còn những gạch đứt quãng. Tôi tính thầm trong bụng, nhiều lắm hai ngày nữa đoàn xe sẽ tới Tuy Hoà, bởi lẽ qua khỏi sông Ba, chúng tôi sẽ hiện diện trên thượng nguồn của đập Đồng Cam. Từ đó về quận lỵ Hiếu Xương hơn hai mươi cây số, con đường xe cộ vẫn sử dụng trong bao nhiêu năm nay, sẽ không còn những chướng ngại vật thiên nhiên như khi rời Phú Túc.

Bây giờ là tám giờ tối của ngày N + 3, xe tôi bắt đầu đổ dốc. Con dốc làm mọi người phải chóng mặt, không một ai ngồi lại trên xe, tất cả đều xuống đi bộ ngay sau xe mình. Tôi vẫn ngồi yên trên ghế trưởng xa, người tài xế già cắn chặt môi, anh để hết số phụ, đạp như gàn lút thẳng, mỗi lần nhấc chân phải lên, chiếc xe như chuyển mình lao xuống, anh lại gò người xuống, như trì cả sức nặng của toàn thân anh trên bàn thắng.

Dưới ánh đèn pha của xe sau rọi tới, bụi đỏ bốc lên mù mịt, xe như đi trên mây, đôi lúc trông thành như thuyền lướt trên sóng. Giữa con dốc, một chiếc xe nằm nghiêng ở đáy vực, dấu vết của tai nạn ngổn ngang chung quanh. Người lính công binh trên đầu dốc cho biết có vài người chết, vì chiếc xe đứt thẳng giữa chừng. Phần lớn là mấy người già quá, không muốn xuống xe. Tôi nhìn về phía đằng sau, qua một con dốc cao, công binh lại phải làm tạm con đường theo địa thế, nên giữa chừng con dốc, con đường queo về phía trái một góc hầu như chín mươi độ. Qua khúc queo này, ánh đèn pha của những chiếc xe sau bị khuất lấp, đêm nay trăng mười hai đã ở xế đỉnh đầu, tôi thấy những người lội bộ sau xe. Dưới ánh trăng tỏ, và trong đám bụi mờ bỏ lại đằng sau, trung úy Lộc già, vợ con ông ta, vợ con binh sĩ, bước thụt thều như những bóng ma kỳ lạ. Điều làm tôi đau lòng nhất, là hình như tôi cũng chịu hoàn cảnh với họ, chia sẻ với họ từng

quãng đường, từng tiếng súng. Rõ ràng là tôi đã chung với họ không thiếu một thứ gì, thế mà giữa tôi với họ hình như vẫn có một khoảng cách. Tại sao lại có khoảng cách này. Chỉ trong một thoáng ngắn của bóng trăng đêm nay, cái hình ảnh lệch thếch của vài em nhỏ chạy lúp xúp cho kịp người lớn, những mái tóc rũ rượi của phụ nữ, tôi hiểu tại sao lại có sự cách biệt này, sự cách biệt không thể nào khóa lấp nổi, khiến tôi không thể nào khổ đau như họ. Nó thật giản dị: vợ con tôi không có đây, vợ con tôi đang ở một vùng an bình tạm nào đó.

Qua khỏi con suối, chờ mọi người lên đủ, người tài xế nhấn ga, chiếc xe lồng lên, nuốt khoảng trống để bắt kịp đoàn xe trước. Chỉ còn 5 cây số đường rừng để tới quận Củng Sơn. Tôi thấy quá nhiều người đi bộ, từng nhóm một, chạy dạt qua hai bên lề đường mỗi khi thấy ánh đèn xe. Tôi hiểu họ không có một chọn lựa nào khác hơn là bỏ xe xuống đi bộ, do con dốc thì ít, nhưng họ sợ hãi nhiều hơn. Họ không muốn kẹt lại đằng sau, ở đó mạng người bấp bênh vô cùng. Bấp bênh tới từ cả hai phía.

Đường trống phía trước mặt, tôi hạ lệnh ngừng xe, kêu gọi mọi người đằng sau thu gọn hành lý. Anh tài xế, tôi và một người lính dọn lại cái móc hậu đằng sau, toàn là quân trang quân dụng của tiểu đoàn. Tôi ra lệnh cho họ vứt bớt những thứ nặng không cần thiết. Bây giờ phải tiết kiệm mạng người, nhưng máy đánh chữ, máy phóng thanh xách tay đó có ích gì đâu trong hoàn cảnh này. Bây giờ tôi không còn chọn lựa, bất cứ ai ở gần xe tôi, xin mời lên đi nốt đoạn đường.

\*

Ngày N + 3, 11 giờ 45 tối

Đoàn xe ngừng lại giữa một cánh rừng chồi. Trăng bị che khuất, nền trời như đặc lại, tắt cả đoàn xe tắt máy, tắt đèn. Có tiếng nhắc chừng đừng hút thuốc. Thật tình tôi buồn cười cho cái kiến thức quân sự này. Nó xứng tài làm tướng ở nước tôi, nếu người đó có may mắn. Đoàn xe dài như thế, ồn như thế, con đường không có chọn lựa nào hơn, nếu địch quân có ở đây, đủ để đánh thì chúng đã đánh mấy ngày nay. Có thể chúng đã có mặt, hoặc là quá ít, hoặc là chưa đủ điều kiện để ra tay. Tôi vẫn nghe những tiếng rì rầm, tiếng những cành khô gãy. Dĩ nhiên không phải là do thú rừng. Thú rừng nào mà không bạt vĩa, mà không chạy xa đoàn xe kỳ lạ và náo nhiệt này. Tiếng động đó tạo bởi những người đi bộ, họ gánh gồng, bồng bế, đầu đội, tay xách, lạng lẽ tiến tới trước. Họ không thể dừng lại.

Đột nhiên có tiếng động cơ vắng lại, có tiếng xích lớn nghiêng trên mặt đường. Ai nấy đều định ninh là tiếng chiến xa. Rõ ràng tiếng động cơ đó có lúc tiến lại gần, rồi lại ra xa, tôi vốn nhạy cảm, nên có thể phân định phương hướng tốt, chắc chắn số chiến xa không nhiều. Nó tiến lại gần, gần đến độ nếu trăng không bị che lấp, chắc tôi đã nhìn thấy nó thấp thoáng sau những chồi cây thưa. Cho tới giờ chưa ai có thể biết đó là chiến xa của phe nào. Tiếng động cơ vẫn âm ì, kéo dài cả tiếng đồng hồ. Có tiếng súng vắng lại. Tiếng nổ súng lớn. Trận đánh chắc ở xa, bởi lẽ những lần lửa đạn liên thanh xé màn đêm, hẳn là phải hàng chục cây số, phía trước mặt đoàn xe. Tôi biết chắc bây giờ địch đã chặn phía trước mặt. Trận đánh vẫn tiếp tục, tiếng xích chiến xa ngừng lại, bây giờ tiếng động cơ máy bay vọng lại, những đốm sáng nhấp nháy trên trời đêm.

Hai chiếc hỏa long xuất hiện trên vùng giao tranh. Đây là những chiếc phi cơ vận tải



C47, C119, C123 biến cải, trang bị những khẩu đại liên sáu nòng. Tốc độ bắn hàng ngàn viên trong một phút. Khi khai hỏa nó rống lên như một con bò thần. Hai chiếc hỏa long bay vòng tròn trên vùng giao tranh, những lần đạn lửa của chúng vẽ thành hai hình nón lật ngược. Cảnh thật đẹp, thật hùng vĩ, trong khi những lần đạn từ dưới đất tạo thành những đường tiếp tuyến, cát tuyến cho hình nón. Bây giờ tôi thấy tận mắt hình vẽ của những bài toán không gian, những bài toán về phép quay của năm đệ nhất. Trước kia tôi vẽ chúng trên mặt phẳng của tờ giấy, để tưởng tượng ra cảnh này. Bây giờ bài toán nghiệm chứng trước mặt, nhưng cái đáp số của nó thì quả là ghê hồn. Hôm nay, quả tình tôi không muốn thấy cái nghiệm chứng của bài toán.

\*

Ngày N + 4, 5 giờ 30 sáng

Tôi thiếp đi một giấc dài trong lòng xe. Khi tôi thiếp đi hai chiếc máy bay vẫn vẽ những hình nón của chúng. Tỉnh thoảng chúng đổi chóp, có nghĩa là đổi mục tiêu tác xạ, kỳ lạ thay những lần tiếp tuyến hình như cũng toa rập theo phép tịnh tiến này. Hỏa châu thỉnh thoảng vụt nổ giữa trời cao, soi sáng một vùng trận địa. Tôi thiếp đi, tôi lại mơ vọng về quá khứ, xa hơn mười năm, mười lăm năm, bắt gặp các ông thầy toán rải rác trong mấy năm trung học, từ thầy Hà Đạo Hạnh gầy gò với chiếc Lambretta trắng, thầy Quán đầy trách nhiệm lương sư với chiếc Mobylette vàng, thầy Nguyễn Xuân Nghiên bên chiếc Taunus 17, Nguyễn Văn Kỳ Cương với chiếc Volkswagen xanh. Một điều lạ là các thầy không dạy học. Trong tay không có cục phấn, các thầy bỗng trở thành những xạ thủ đại liên tụyệt vời, đã bắn những lần đạn lửa tượng hình cho các bài toán của các thầy.

Khi tôi tỉnh dậy, trời vẫn tối lờ mờ, tiếng xích chiến xa lại vang lên. Tôi muốn bỏ xe tiến lên xem chuyện gì phía trước. Chẳng lẽ lại là chiến xa địch, nếu có hẳn là đã có giao tranh bởi lẽ trước tôi cả đoàn xe vài trăm chiếc, ít nhất đoàn xe cũng kéo dài vài cây số trước mặt, nhất định những chiếc chạy đầu phải tiếp giáp với những chiếc thiết giáp này, tại sao không có tiếng súng nổ. Có những tràng M16 nổ chát chúa phía sau. Trời đã lờ mờ sáng, một đoàn độ hơn mười chiếc GMC, những người nổ súng đứng ở bên hông xe dẫn đầu, anh ta mặc đồ bông ngụy trang. Đoàn xe tách vào trong rừng chồi chạy cách lề đường trăm thước. Khoảng một cây số sau, lại có tiếng súng, trong khi những chiếc xe tuần tự lấn vào đường. Thì ra người anh em biệt động quân mở đường lấn. Chưa có máu lúc này. Phải đợi cả tuần lễ sau đoàn xe mới mở đường máu. Bây giờ hãy lấn cái đã. Tôi vững bụng tiến về phía trước.

Tiếng chiến xa đêm rồi chỉ là hai chiếc máy ủi của công binh. Những người lính công binh chiến đấu đã công tác cả tuần lễ trước dọc theo con đường. Họ đã san bằng những chướng ngại. Và chướng ngại sau cùng của họ: sông Ba. Họ làm việc suốt đêm, ủi bãi để lập đầu cầu, song không thể nào lập nổi cây cầu, sông không sâu nhưng bây giờ là mùa nước lũ. Nước từ rừng, từ các triền núi đổ về, chỗ sâu nhất chỉ tới đầu gối, nhưng nước chảy xiết vô cùng. Lòng sông toàn cát và sỏi, thượng sĩ Quán công binh điều hành ở đây, trong lúc chờ vật liệu là những tấm PSB được gửi tới, ông đốc xuất binh sĩ dưới quyền sử dụng hai chiếc máy ủi kéo xe qua sông. Họ làm việc suốt đêm, mỗi lần kéo độ ba xe lớn, hay năm xe nhỏ. Tất cả các xe đều nổ máy sử dụng hết số phụ, xe ủi chỉ kéo phụ lực. Nhiều chiếc Jeep bị ngập nước chết máy giữa dòng, phải nằm lại chờ kéo riêng.

Bây giờ là bây giờ sáng, xe tôi sắp sửa xuống bờ sông hai lần, hai lần đều bị dội ngược lại bởi tiếng súng của người anh em biệt động quân. Người tài xế già nhìn tôi, người lính đi theo cũng nhìn tôi. Thật tình tôi không sợ phải đụng. Nhưng đụng làm gì khi qua con sông Ba này chúng tôi vẫn kẹt lại. Thượng sĩ Quán cho hay mấy ngày nay, Tiểu khu Phú Yên mở đường lên không được, hai tiểu đoàn địa phương quân không thể nhúc nhích nổi vì những cái chốt kinh hồn đóng dọc hai mươi cây số đường. Ít ra phải là năm chục cái chốt. Ông ta cũng chờ bắt tay với địa phương quân cả tuần nay.

Tôi bỏ xe lội bộ lên phía trước. Đã mấy ngày nay không tắm. Mồ hôi và bụi đường phủ một lớp như bồ hóng trên người. Chỗ xe đậu xuống bên sông khoảng chừng 300 thước. Tôi nghe tiếng trẻ cười đùa vang vọng một khúc sông. Mãi tới hôm nay tôi mới nghe loáng thoáng được tiếng cười. Ôi tiếng cười hồn nhiên của bầy trẻ thơ, như những tiếng chim líu lo chào nắng mới.

Năm nay ba hai tuổi, tôi vẫn chưa biết bơi, mặc dù hồi nhỏ nhà tôi ở ngay đầu phố Kho bạc Hải Dương, chỉ băng ngang một con đường là sang đền Kiếp Bạc, chỗ người ta lập đền thờ danh tướng Trần Hưng Đạo, ngay bên bờ sông. Trẻ con khắp phố đũa nào cũng bơi bì bõm từ hồi còn nhỏ, tôi cũng vẫn đi tắm sông mỗi chiều với chúng nó, vẫn bơi y hệt như một con chó quào quào trên mặt nước, không tiến, không lùi, rồi cứ chìm dần. Rồi lớn lên làm việc ở Vũng Tàu, ở Phú Quốc, ở Qui Nhơn, ở Nha Trang, chiều nào tôi cũng đi tắm biển, vẫn không biết bơi. Đôi lúc tôi cũng thèm biết bơi, nhưng cứ hễ ra biển tôi giỡn sóng một hồi rồi lên, ngồi phơi mình trên bãi, rồi về. Các anh tôi bơi cả chục vòng ao lớn, chỉ tôi bơi ngang sông Hải Dương như chơi. Tôi vẫn ì ạch một chỗ giữa dòng. Tôi tự an ủi sẽ cho con trai tôi tập bơi, nó sẽ là một tay bơi có hạng.

Sáng nay, nghe tiếng trẻ cười vang vọng lòng sông, tiếng xôn xao của người lớn, bỗng nhiên tôi thấy thèm biết bơi vô tận. Từ cao tôi nhìn được bao vùng, con sông chảy mạnh, quanh co len lỏi giữa những cao độ chập chùng. Nó rộng cũng nửa cây số. Ở bờ bên kia là một bãi cát vàng mênh mông. Giá không có đoàn xe nhà binh trên đường triệt thoái, tôi tưởng chừng đây như là một ngày hội của phiên chợ bên sông nào đó.

Khi tắm xong trở về, tôi thấy xe tôi đã tiến sát tới bến, người lính đi theo tôi bây giờ cũng mặc đồ bông. Nó nhoèn miệng cười tinh quái với tôi, bên cạnh nó có thêm một vài khuôn mặt mới cũng áo bông, về mặt thật cô hồn.

\*

Ngày N + 4, 12 giờ trưa

Bãi cát bên kia sông Ba đầy xe, những tài xế mở nắp ca-bô, tháo các bugie ướt nước, lục đục cúi lau và kiểm soát lại các bộ phận thấm nước. Bãi cát dài mênh mông, trước khi con đường mở ra từ phía bìa rừng.

\*

Ngày N + 4, 3 giờ chiều

Sau cùng xe tôi cũng qua được dòng sông cuồng nộ đó. Biết bao giờ tôi quay lại được bên sông này. Xe bò từng thước trên bãi cát, có lúc bánh quay tít, xe vẫn đứng yên một

chỗ, mọi người xúm vào đây, cát bắn vào mặt đau rát, không một ai lơ tay, chiếc xe lết từng đoạn, từng đoạn, sau cùng cũng lên đến mặt đường. Đúng lúc đó địch pháo vài trái ngán ngủi, nổ vu vơ giữa rừng chồi.

Không ai bị thương, nhưng ảnh hưởng của vài trái pháo này thật lớn. Nó cho mọi người biết địch có mặt ở đây. Không biết chúng sẽ tấn công lúc nào.

\*

Ngày N + 4, 6 giờ chiều

Cây cầu nhỏ, ván gỗ, trụ xi măng, sườn sắt, bề ngang vừa đủ một xe lớn. Cây cầu bắc ngang dòng nước chảy xiết, dòng nước người ta đã khơi về từ sông Ba, nó chảy song song với con đường vài cây số thì tới đập Đồng Cam, cái đập đã mang lại sự phì nhiêu cho những cánh đồng phía tây nam tỉnh lỵ Tuy Hoà. Đoàn xe ngừng lại tại đây, xe tôi cách xe đầu đoàn chừng một cây số, cứ vài phút tôi lại thấy những xe sang sông sau ủa tôi. Xe tôi đậu ngay đầu cầu. Địch đóng chốt trước mặt. Con đường bây giờ tương đối tốt, tuy mặt đường không tráng nhựa, nhưng đó là con đường người ta vẫn sử dụng từ hai mươi năm nay. Nếu không có những chốt phía trước, thì nhiều lắm là hơn một tiếng nữa tôi sẽ có mặt tại Tuy Hoà, ăn một tô phở, kiếm vài người bạn, kiếm một quán nào đó, kiếm rượu, kiếm những con sò nổi tiếng của đầm Ô Long.

Đọc theo bờ biển, khác với những thị xã khác như Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Qui Nhơn, Nha Trang, Phan Rang thay đổi bộ mặt trong khoảng mười năm sau cùng của trận chiến. Sự thay đổi hào nhoáng bề ngoài nhưng bên trong đầy dẫy những tệ trạng, Tuy Hoà vẫn giữ được cái vẻ đẹp bình lặng của nó. Tôi còn yêu Tuy Hoà qua sự biết ơn của thị xã này với thi sĩ Tàn Đà Nguyễn Khắc Hiếu và nhà văn Y Uyên. Một tên đường dành cho thi sĩ, người hơn nửa thế kỷ trước vì cơm áo đã tha phương cầu thực đến đây. Một pho tượng cho nhà văn trẻ tuổi vì tai trời ách nước, đã có lần làm việc vài năm ở đó. Y Uyên cùng lớp với tôi vài năm ở Nguyễn Trãi, khi sang Chu Văn An anh chọn ban C, còn tôi lựa ban B. Anh lớn hơn tôi ba tuổi, nên hồi đó không bao giờ anh ta chịu quen với tụi tôi. Rồi lớp chúng tôi lớn lên, mỗi người mỗi ngả. Khi nghe tin anh chết, tôi ở mãi ngoài Trung không thể về đưa tiễn anh đến chỗ cuối cùng. Sau này mỗi lần qua Tuy Hoà, tôi đều có ghé thăm pho tượng mà thị xã Tuy Hoà đã dựng để ghi nhớ anh. Bây giờ tôi ngồi đây, con đường thẳng tắp trước mặt, chỉ có hai mươi cây số ngán ngủi nữa, nhưng Tuy Hoà xa thật xa, xa như một niềm tin đã mất.

\*

Ngày N + 4, 9 giờ tối

Xếp của tôi, trung tá Kha, đã leo lên trực thăng từ hai tối trước, chỗ quận Củng Sơn, bây giờ ông phó Nguyễn cũng bỏ tiểu đoàn sang tá túc nơi đoàn xe biệt động quân. Cả tiểu đoàn bây giờ chỉ còn tôi, xe nằm mỗi nơi một chiếc, chưa kể những chiếc đã bỏ lại dọc đường, người thì mỗi người một ngả. Tôi về tiểu đoàn này như một sĩ quan ngồi chơi xơi nước, chờ thời, bỗng nhiên lãnh một quả ra gì, một quả di tản có một không hai trong quân sự. Xếp chúa phải về trước để lo doanh trại cho đơn vị ở Nha Trang, lý do chính đáng, nhưng xếp phó lại di tản cá nhân, ông làm gương cho trung úy Giới, ban nhân viên, ti nạn bên Thiết giáp. Kể từ sau hôm thượng sĩ Hạp bị bắn chết, ngoại trừ

những gì không thể che giấu được của binh chủng còn phơi ra, tôi thấy binh sĩ của tôi bây giờ cũng có áo bông, nón đi rừng, hoặc là ở trần khoác ngoài một chiếc áo giáp. Mạnh ai nấy tìm một chỗ yên thân. Một số binh sĩ bơ vơ đến tìm tôi, góp nhặt lại bây giờ có độ mười chiếc xe lớn nhỏ, khoảng chừng bốn mươi lính và ít ra một trăm rưởi đàn bà con nít. Xe đậu lung tung. Tôi nói với họ:

"Ban ngày các anh có thể đi đây đi đó, nhưng tối đến, phải tập hợp kín đáo bên cạnh xe tôi, đàn bà, con nít có thể ở tại xe, nhưng các anh phải có mặt ở xe tôi mỗi tối lúc tám giờ. Không thể biết đến bao giờ đoàn xe có thể khởi hành. Phải đoàn kết lại. Tôi nghĩ đến việc phải gác chiếc cầu này. Nó mà sụp thì tám phần mười đoàn xe sẽ kẹt lại. Có bốn mươi người lính chỉ để cho hai vọng gác hai đầu cầu, cách nhau chừng hai mươi thước. Tôi có đủ quân số để lo vụ này."

Đêm nay trăng mười hai đã treo cao trên nền trời.

\*

Ngày N + 5, 8 giờ sáng

Quân vận và Quân nhu bán cơm sậy, thịt hộp, sữa, thuốc lá Quân tiếp vụ với giá cắt cổ. Người ta chen lấn nhau mua. Độ khoảng nửa tiếng sau tôi nghe liếng súng nổ. Người ta chạy túa ra. Mấy anh em đồ bông có nhiều chiến lợi phẩm. Thật tình lúc này mà bán lương khô với giá cắt cổ là một hành động đáng bị trừng trị nặng, song tôi cũng không tán thành hành động còn lại. Càng không tán thành nữa, các anh em đó mang đến xe nào có nhiều phụ nữ.

Bây giờ thì có quá nhiều biệt động quân. Có một điều hơi dễ phân biệt. Biệt động quân thật từ trên đầu xuống nón nâu, quần phục binh chủng, có phù hiệu. Còn giả thì hoặc là có quần, không áo. May ra có đủ bộ thì cũng không thể có nón nâu. Đào đâu ra nón nâu lúc này. Những người anh em biệt động quân giả này mới đáng tởm. Họ lũng cảnh sát tước khí giới, làm nhục giữa đám đông, chọc ghẹo phụ nữ một cách thô bỉ. Mới ngừng lại một ngày tưởng chừng như đã tới ngưỡng cửa địa ngục. Cả đêm qua tôi ngủ những giấc ngắn. Chốc chốc xe đổ về một toán từ phía sông Ba. Đêm qua xe tôi đậu ở đầu cầu, đằng sau khoảng chừng chục chiếc, sáng nay phía sau nối dài, cả trăm chiếc.

Vài người lính trong tiểu đoàn nói có vài ngàn chiếc chựa qua sông. Nắng hôm nay thật gắt. Mặt trời như một bó lửa khổng lồ. Không một ngọn gió, hơi người nồng nặc trên các xe. Mới có chín giờ sáng mà tưởng chừng như quá Ngọ. Tôi tìm chỗ tắm, cái dòng nước thượng nguồn của đập Đền Cam này, nước đổ về từ sông Ba, nước tập hợp từ trên rừng nên còn mang mùi ngai ngái của lá. Mùa nước lũ, nước chảy xiết và lạnh như nước đá. Tắm xong, tôi tìm một bóng mát ngả lưng.

Con đường nhô cao khoảng chừng ba thước. Bên trái là những thửa ruộng còn trơ gốc rạ, vài ruộng bắp còn non, xa xa ẩn hiện những mái nhà. Nhiều người tiến vào trong xóm. Tôi ngừng lại tại một khoảng đất đầy những cây chuối hoang, tôi tước một ít tàu khô, làm một chỗ nằm thoải mái. Bây giờ không còn trông thấy đoàn xe, tôi lạc vào một thế giới khác, có tiếng đập của quả tim tôi, mỗi lúc một to, át cả tiếng lao xao của đám đông vắng lại từ mặt đường. Rồi tôi thiếp đi.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy trước mặt một người lính biệt động quân thật. Chắc chắn phải là

thật, cái nón nâu lót trên một hòn đá gổ đầu, bộ quần áo rách bươm, thật tình tôi yên lòng bởi lẽ anh ta không đeo súng, cũng không thấy dao, không thấy những trái lựu đạn. Tôi ngồi dậy dợm đi về xe, cùng lúc người lính này cũng nhòm dậy, thấy tôi anh nhòem miệng cười. Tôi thấy bỏ đi thì kỳ, nên đành ngồi lại. Bây giờ tôi mới nhìn kỹ anh ta. Khó có thể đoán nổi tuổi, sương gió đã làm mặt anh ta xạm lại, thêm vào đó lại bệnh đậu mùa, nên mặt anh bị rỗ khá nhiều. Nhưng anh có đôi mắt thật đặc biệt, thật đẹp, thật buồn, thật xa vắng. Cả hai im lặng, tôi tần mẩn xé mấy tàu lá khô, anh ta nhâm nhi một cọng cỏ.

Đột nhiên anh ta đứng dậy lấy ra một con dao nhỏ, loại dao bấm Trung cộng, anh ta tiến về phía trái, dừng lại bên một bụi trúc nhỏ. Lui cui một hồi, anh ta trở về chỗ cũ, trên tay có vài gióng trúc. Anh loay hoay đánh dấu trên thân đoạn trúc, rồi dùng mũi dao để tiện lỗ làm một cái ống tiêu. Khoảng nửa tiếng sau anh kê gióng trúc lên miệng, thổi vài hơi. Dáng chừng như chưa vừa ý, anh lại tần mẩn làm cái khác, đến lỗ thứ ba, ống trúc bị dập, tét làm đôi. Anh vẫn không tỏ một chút gì trên nét mặt, anh kiên nhẫn gò người trên gióng trúc sau cùng, anh cẩn thận xoay từng mũi dao, sau cùng ống tiêu hoàn thành, anh thổi thử vài hơi gật gù đắc ý. Tôi nằm xuống ngửa mặt nhìn trời, hồn lảng xuống chờ tiếng tiêu của anh. Năm phút sau vẫn yên lặng, hé mắt ra tôi thấy anh thui cái ống tiêu một cách từ tốn. Mãi tới lúc đó anh ta mới nói với tôi:

"Phải thui thì tiếng mới trong."

Rồi tiếng tiêu cất lên, khi trầm khi bổng. Tôi nhớ một đoạn của Kim Dung viết về tiếng tiêu của Nhậm Doanh Doanh trong bộ *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, diễn tả tiếng tiêu ngưng lại lúc bách điều chia ly, trăm hoa tàn tạ, gió lạnh, tuyết tan, vũ trụ ngưng trong cảnh tịch mịch đó. Tôi cho là tiếng tiêu của Doanh Doanh cũng hay đến thế này là cùng, bởi lẽ Doanh Doanh là một nhân vật do trí tưởng tượng phong phú của Kim Dung tạo nên. Tiếng tiêu của người lính Biệt động quân này có lúc làm tôi bay bổng chín tầng trời, có lúc dồn dập như đoàn xe hàng trăm chiếc hàng ngang chạy băng trắng cỏ, có lúc cuộn cuộn như nước sông Ba, có lúc thê lương như tiếng khóc của đứa bé chào đời ngoài đồng trống. Tôi quên hết quá khứ với những mong ước thời trai trẻ, quên hết hiện tại nóng hổi của đoàn triệt thoái kỳ lạ hôm nay, tôi quên cả tương lai vất vả. Hình như tôi vẫn ngủ, tiếng tiêu vẫn mơ hồ lẩn quất bên tai.

\*

Ngày N + 5, 3 giờ chiều

Trực thăng mang sắt PSB đến sông Ba, không thắm vào đâu với nhu cầu của công binh, song cũng đủ cho một lần đường trên bãi cát. Khi bay ngang qua chỗ cây cầu gỗ nhỏ, có người khênh ra một cái băng ca, người phi công động lòng trắc ẩn sà xuống, vài người khênh người bị nạn lên, rồi người ta ùa tới, phi cơ phải cất cánh khẩn cấp. Bây giờ chắc không có ai dám đáp xuống đám đồng hỗn loạn này.

Buổi chiều bọn trẻ ùa xuống nước. Chúng la hét, nghịch ngợm ồn cả một vùng. Bóng mấy người vợ lính lui cui với bầy con nhỏ.

\*

Ngày N + 5, 5 giờ chiều

Gặp Thái Tăng An giữa cầu. An vẫn giữ được nụ cười tươi. Tôi theo An về xe anh, vẫn có ly cà phê buổi chiều. An là loại người cần cà phê hơn cơm, ngày một bữa cơm đủ rồi nhưng cà phê phải ba bữa. Tốt nghiệp trường Mỹ thuật Huế, anh vẫn vẽ mỗi khi rảnh rỗi. Anh nói, nếu thoát về được sẽ ghi lại trên khung vải những hình ảnh đặc biệt của chuyến đi này.

\*

Ngày N + 5, 7 giờ tối

Đài BBC loan tin về cuộc di tản của chúng tôi. Phải công nhận là bản tin xác thực. Trong phần bình luận, luận điệu của đài này có vẻ thiên tả. Nó không được vô tư. Tôi vắng tục. Tuy nhiên trong phần tin chiến sự quân khu 1, tôi nghe được một chút tin về tướng Trường đã mang vợ con từ Sài Gòn ra Đà Nẵng. Ông quyết giữ Huế và Đà Nẵng bằng mọi giá.

Bây giờ là mười giờ tối của ngày 22-3-1975. Đêm nay là đêm thứ sáu của cuộc hành trình. Tôi đứng trên mui xe, nhìn bao quát cả vùng. Trăng hôm nay thật sáng, sáng dị thường, sáng đến độ tôi có thể thấy những con dơi chao muỗm chọt tới, chọt lui giữa bầu trời sẫm. Suốt đêm qua và cả ngày nay tôi thấy xe cứ ùn ùn kéo đến, cái đuôi mỗi lúc một tăng trường. Rồi người đi bộ, gánh gồng bồng bế nhau tới, có người già chống gậy, có em bé còn ẵm ngửa, phần lớn đều nghèo, chắc chắn là nghèo, hoặc là bắt đầu nghèo. Chập tối nay, xướng ngôn viên của đài Đông kinh đã mệnh danh cho đoàn người là những người "bỏ phiếu bằng chân". Tôi có mặt trong đoàn người này, khởi đi từ cao nguyên trung phần, quân và dân ba tỉnh Pleiku, Kontum, Phú Bổn xuôi về miền duyên hải. Cái gì chờ họ ở nơi sẽ đến?

\*

Ngày N + 6, 6 giờ sáng

Ngày thứ ba ngừng lại ở đập Đồng Cam. Sáng nay dậy sớm, mãi tới hôm nay tôi mới để ý đến một cái chòi vịt, người nông dân chủ chòi ở đây, vẫn làm lõi dậy sớm cùng với ánh sáng mặt trời, một đàn vịt chừng hơn ngàn con vịt nhỏ, bằng nắm tay, những con vịt lội ngược dòng nước xiết, trong khi kẻ chăn lững thững đi trên bờ.

\*

Ngày N + 6, 8 giờ sáng

Song song với dòng nước, song song với con đường là hai quả đồi nhỏ. Một đồn địa phương quân án ngữ trên đỉnh ngọn đồi. Sáng nay địch quân đã có mặt ở đỉnh đồi còn lại. Chúng sử dụng súng cối bắn qua đồn, quân trú phòng ở đồn này phản pháo lại. Tôi nghe rõ tiếng depart của cả hai bên. Tôi thấy rõ những trái đạn nổ trên cả hai ngọn đồi. Mỗi bên bắn vài trái rồi thôi. Đoàn người đứng xem một cách vô tư.

Rõ ràng là địch quân chưa muốn đánh vào đoàn người. Chúng chỉ muốn cầm chân chúng tôi tại đây. Với hàng trung đoàn làm chốt trong đoạn đường hai mươi cây số cuối cùng. Với cái đích pháo kích sáng nay. Rõ ràng ý định của địch là muốn bắt sống, hoặc tiêu diệt trọn vẹn chúng tôi. Điều đó tôi nghĩ chúng có thể làm được, nếu tiểu khu Phú Yên không mở đường được, nếu đoàn người cứ ở lại đây, không tiếp tế, không lương thực.

\*

Ngày N + 6, 4 giờ chiều

Đủ mọi tin đồn bao phủ đoàn xe. Tin có kích thước lớn như miền Nam còn từ Phan Rang trở vào, một vùng trái độn từ Phan Rang trở ra giao cho Mặt trận Giải phóng, tin kích thước nhỏ xảy ra trong đoàn người như phụ nữ bị hiếp dâm.

\*

Ngày N + 6, 11 giờ đêm.

Đêm nay đài BBC và Đông Kinh đều nói tới hai cái túi người khổng lồ ở Đà Nẵng và Nha Trang, Cam Ranh. Thế là tướng Trưởng đã bỏ Huế. Dân Huế, Quảng Tín, Quảng nam, Quảng Ngãi, đổ dồn về Đà Nẵng. Dân Tuy Hoà, Qui Nhơn đổ dồn về Nha Trang, Cam Ranh. Chiến sự vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng sôi động không kém. Tôi nghĩ đến những người dân xứ Quảng, những đồi cát chập chùng ven biển và những cơn gió Lào.

Cả quân khu 1 chỉ còn Đà Nẵng thoi thóp hỗn loạn. Hàng triệu người đã bỏ tất cả ra đi về miền Đất Hứa. Nhưng Đất Hứa sau cùng chỉ là những đám mây trôi nổi trên trời. Từ ba tối nay tôi đã nhường ca bin cho hai em nhỏ bị sốt. Tôi ngủ trên một cái võng làm bằng một cái vải bạt nhà binh, mắc giữa hai căn xe. Tôi nằm quay đầu về con nước, trăng lồng lộng trên trời, phản chiếu lấp lánh trên dòng nước chảy mạnh thành những vết sáng loang loáng. Từ lúc nghe tiếng tiêu của người lính biệt động quân tôi tỉnh táo vô cùng.

Có tiếng khuấy nhẹ nước đâu đây, có tiếng phụ nữ, tôi hướng về tiếng động, chừng ba chục thước trước mặt tôi một cậu bé chừng mười tuổi đứng yên lặng trên bờ. Hai thiếu nữ nhô đầu khỏi dòng nước, chắc chắn phải là thiếu nữ thanh tân, bởi tôi thấy rõ hai mái tóc dài. Có lẽ cậu bé đứng canh chừng cho hai chị tắm. Chắc chắn họ phải rất trẻ, bởi nếu không họ đã tắm ban ngày cùng với vợ con binh sĩ. Phải là thiếu nữ thanh tân mới e thẹn như thế. Tôi đã được xem hình chụp bức họa *Les Baigneuses* nổi danh thuở xưa, vô tình hôm nay tôi được chứng kiến những Baigneuses của thời tao loạn, tắm giữa dòng nước thiên nhiên, dưới ánh trăng lồng lộng. Trước mặt là những chốt của tử thần, sau lưng đường về nhà cũ đã hết. Dĩ nhiên là họ tắm có áo quần, nhưng quả tình là đẹp. Tiếc thay không có Thái Tăng An ở đây, anh đã lỡ một cơ hội gọi hứng cho một bức tranh đẹp. Hãy tắm lên các em, mặc dù thâm tâm tôi muốn các em tắm tự nhiên, thoải mái, khỏa thân trong dòng nước bạc. Tôi không phải đạo đức thật, lại càng không phải đạo đức giả, song trong cảnh trăng nước này, các em lại tắm với áo quần thì tôi thấy có một cái gì bất ổn. Tôi chỉ muốn chiêm ngưỡng một nhan sắc, không hề có một

chút dục tính nào trong khung cảnh này.

Tôi ngủ ngon, trăng cao ở trên trời, trong giấc ngủ tôi nghe được tiếng tiêu của người lính nọ, tiếng tiêu dồn dập, háo hức, với hình ảnh hai cô bé tắm khỏa thân trong trăng nước.

\*

Ngày N + 7, 3 giờ 30 sáng

Có tiếng nổ lớn ở phía sông Ba, rồi những tiếng súng nhỏ vang lên đẽm nhịp. Từ nóc xe tôi nhìn thấy những luồng đạn lửa, thỉnh thoảng có những tiếng nổ lớn cùng với ánh lửa bùng ra. Địch tấn công đoạn cuối chưa qua sông. Chắc chắn không phải là pháo kích, không có tiếng nổ depart, những tiếng nổ lớn đó phải là lựu đạn, bộc phá. Chúng tôi qua sông đã ba ngày. Đoạn cuối này hầu như phần lớn là dân chúng, không có ai chỉ huy.

\*

Ngày N + 7, 6 giờ 30 sáng

Từ rạng sáng nhiều toán người đã tới, họ đã đi ngay sau khi cuộc đột kích chấm dứt. Trận đánh chỉ kéo dài mười lăm phút. Một số xe bị phá hủy, một số người chết và bị thương. Một số khác qua sông ngay trong đêm, lằm lũi đi giữa rừng. Lác đác đã tới đây, từng tốp. Có người ngừng lại ở cuối đoàn xe, nhiều người nét mặt sợ hãi còn vương trên đôi mắt, hốt hoảng tiến lên, ngừng lại ở đầu đoàn xe. Cả ngàn chiếc còn kẹt lại bên kia sông Ba.

Có tiếng xì xầm trong bụi lau trước mặt, những cây lau rung rinh. Sợ địch quân có thể tấn công bất ngờ như đã làm trước đó, tôi vẫy hai người lính, cùng rón rén lại gần. Một cảnh thương tâm trước mặt, một em nhỏ chừng mười ba tuổi nằm trên cáng. Cáng được cột bởi những cây gậy đi rừng, rõ ràng là một cáng hướng đạo. Em bé chân trái bị mảnh đạn cắt gần lia đầu gối, máu ướt đầm lớp quần áo buộc quanh vết thương, đôi mắt em thất thần, em vẫy ba người bạn lại, hai em chừng mười bốn và một em chừng mười một. Em nói với các bạn một cách rõ ràng cương quyết:

"Minh, Ngọc, hãy bỏ tao lại đây, hãy đi với mọi người. Chắc tao không thể sống được. Mang theo tao tụi mày sẽ không thoát khỏi đây."

Tôi thấy vẻ ngạt ngừng của hai đứa lớn. Tôi tiến lại gần và nói với tất cả:

"Các em đi trước đi. Để em bị thương ở lại đây, tôi có bác sĩ lo hộ."

Tôi đã nói dối. Tôi biết chắc em bị thương không thể sống nổi. Cái chân trái gần cụt hẳn, máu ra như suối cả mấy tiếng đồng hồ rồi. Tôi biết một bác sĩ Thiết giáp, tôi nhớ xe ông ta cách xe tôi chừng trăm thước. Tôi bảo người lính đi tìm, rồi hỏi hai em Minh và Ngọc phải đi ngay đi. Em nhỏ nhất bây giờ mới tiến lên mở ba lô lấy một chiếc chăn mỏng, đắp lên người bạn bất hạnh. Cả ba lùi lại tôi thấy các em chào nhau bằng kiểu chào hướng đạo. Ba đứa trẻ quay đi, nước mắt dàn dụa. Bóng ba đứa lúp xúp trên mặt đường. Dường như mọi người còn ngủ cả. Chập sau vị bác sĩ tới, ông ta nói với tôi kín



đáo, em nhỏ không thể cứu nổi, mạch đập loạn lấm ròi. Vả lại ông ta cũng chẳng có gì để hành nghề cả, ông chỉ có được một mũi an thần cho nó dịu bớt cơn đau. Chỉ còn có thể để giúp em bình yên đi vào giấc ngủ sau cùng.

\*

Ngày N + 7, 8 giờ sáng

Đoàn người đã ngừng lại đây bốn ngày. Sáng nay sau khi những người đi bộ từ sông Ba tới cho biết đích xác tình hình phía sau, một số người nôn nóng, họ mạo hiểm, mặc thường phục, chạy xe Honda, Suzuki, Vespa đi trước. Có chừng hơn trăm chiếc xe, khoảng độ trên hai trăm người. Họ tập hợp thành đoàn, khởi hành thật từ tốn. Cứ y như là một cuộc đi cắm trại vùng quê. Tôi có vài người lính trong đám người mạo hiểm này. Nhiều người phía đầu đoàn xe, leo lên cao nhìn bóng họ xa dần xa dần.

Có tiếng súng đại liên ở trước mặt, tiếng AK nổ thật ròn. Súng nổ liên hồi trong vòng mười phút. Chập sau vài kẻ mạo hiểm trở về, địch đã xả súng bắn vào những người này không thương tiếc. Chúng chờ cho cả đoàn lọt vào ổ phục kích mới khai hỏa, không có vụ bắn dọa. Chúng bắn chí tinh. Súng đại liên có sẵn yếu tố tác xạ bắn như mưa bắc từ phía sau, phía trước ập lại, súng nhỏ bắn tự động ngang hông. Vài kẻ chạy lết đệt sau cùng thoát nạn. Trung sĩ nhất Mười, người lính cũ của tôi thoát nạn, anh là một trong những kẻ dẫn đầu, khi địch quân khai hỏa, anh bỏ nhảy đại xuống nước, núp vào một bụi lau. Anh thấy rõ chi tiết của cuộc thảm sát. Những kẻ bị thương nặng bị thanh toán ngay tại chỗ, vài người bị thương nhẹ bị bắt sống mang đi. Xác chết kéo dài cả cây số, xe cộ nằm tênh hênh giữa đường. Mười chờ cả tiếng đồng hồ sau, anh nương theo những bụi lau ven bờ, quay ngược về chỗ cũ.

\*

Ngày N + 7, 10 giờ tối

Đài BBC loan tin Đà Nẵng di tản, địch đã vào Quảng Ngãi từ hai ngày trước. Phía nam cao nguyên, Lâm Đồng bị uy hiếp nặng nề. Giọng bình thần của người xướng ngôn viên tả cảnh Đà Nẵng, khiến tôi tưởng như đang nghe đọc truyện ở địa ngục.

\*

Ngày N + 8, 7 giờ sáng

Hôm nay là ngày thứ chín của cuộc hành trình. Tôi đã ngừng ở đập Đồng Cam được sáu đêm năm ngày. Khoảng thời gian này tôi nghiệm thấy cái vô nghĩa của kiếp người. Sống được trong khoảng thời gian này đã khó, sống cho ra người, một con người đúng nghĩa còn khó hơn. Tôi thấy tội nghiệp cho tôi, tội nghiệp cho mọi người, cho cả người cán binh bên kia chiến tuyến.

Mấy tối nay, qua các đài phát thanh ngoại quốc, tôi thấy rõ tất cả đều là lừa bịp. Bàn cờ đã đến hồi kết thúc, người ta sắp xóa đi đánh ván khác. Rõ ràng miền Nam sắp trở thành một quân cờ thí.

\*

Ngày N + 8, 4 giờ chiều

Một chiếc trực thăng bay thật thấp trên đầu đoàn xe, tôi nhìn rõ Kim Tuấn và Võ Sum trên đó, Sum thò cả nửa người ra ngoài, anh thu hình đoàn người ti nạn, Kim Tuấn phía sau, vói tay ra ngoài liệng xuống những ổ bánh mì trong các túi ni lông. Rán đi các bạn ta, hãy thu hình cho trọn đoàn người, hãy nhớ kỹ từng khúc. Hãy nói to với mọi người về hình ảnh mà các anh đã thấy.

\*

Ngày N + 8, 10 giờ đêm

Đà Lạt vừa mất. Lâm Đồng đứng như một ốc đảo giữa rừng. Đài BBC nói đến các hình ảnh đẹp của sinh viên sĩ quan Võ bi Đà Lạt. Họ đã làm trắc diện và đoạn hậu cho quân dân ở đây xuôi xuống Nha Trang. Đoàn di tản này tương đối có kỷ luật và tổ chức chặt chẽ nhất.

Lại thêm một thành phố thân yêu nữa mất đi. Cầu mong cho những người thân và bằng hữu ở đây tới được chỗ an lành. Kể từ hôm nay, trọn quân khu I đã mất, quân khu II chỉ còn lác đác vài tỉnh duyên hải. Bây giờ Qui Nhơn là ải địa đầu, chiến trận khốc liệt tại quận Bồng Sơn, một quận lỵ trù phú nằm trên quốc lộ 1, với những rừng dừa cao vút và thẳng tắp ở đây đang hứng chịu những làn đạn oan nghiệt.

\*

Ngày N + 9, 4 giờ chiều

Hai phi tuần A37 ào tới như một cơn lốc. Tôi thấy rõ những trái bom rơi xuống từ phi cơ. Bom đánh trước mặt đoàn xe chùng hơn cây số. Tôi nghe rõ tiếng phòng không của địch bắn trả. Mãi tới hôm nay mới có không yểm. Điều này ngày mai chúng tôi có thể dọt. Tôi nói với người tài xế già:

"Ông coi lại xe cộ trong buổi chiều nay, rán đừng chết máy giữa đường."

\*

Ngày N + 9, 6 giờ chiều

Gặp bác sĩ Cao Huy Tích, thuộc Quân y viện Phú Bổn, xe của anh hư, tôi mời về xe tôi bất cứ lúc nào. Đúng lúc này gã họ Thái lại tới tìm tôi san sẻ một chút cà phê vừa kiếm được. An nói có lẽ ngày mai mà không đông được, thì ngày mốt anh sẽ tính đi bộ cùng một số nhỏ những lính thuộc tiểu đoàn 20 Chiến tranh Chính trị. Họ có một hướng dẫn viên người địa phương. Cứ men theo sông Ba khoảng vài cây số, có một con đường

mòn, đường đi tắt của những người nông dân trong vùng này lợi bộ đến Tuy Hoà. An nói với tôi, nếu muốn hãy đi cùng anh, không thể chờ đợi đây lâu hơn. Tin tức ngày càng tồi tệ. Tôi trả lời anh tôi còn hai đêm để quyết định việc này. Tuy trả lời vậy, song tôi biết chắc tôi sẽ không tham dự việc này.

\*

Ngày N + 10, 8 giờ sáng

Hôm nay là ngày 27-3-1975. Chúng tôi rời Pleiku được mười một ngày. Nằm ở đập Đồng Cam này vừa đúng một tuần. Tôi vẫn chưa thấy cái đập tuy rằng nó ở cách chỗ chúng tôi chừng ba cây số. Có tiếng động cơ trực thăng lại gần, chúng xuất hiện từ xa như những chấm đen, lớn dần, lớn dần rồi bất thần chúng xả những làn khói trắng về phía sau, trong khi những hỏa tiễn lao về phía trước.

Đám đông bỗng hỗn loạn, người chạy ngược xuôi, trong chớp mắt không một ai còn ở mặt đường. Đêm qua người ta đã xì xào về đoạn đường hôm nay. Hàng ngàn động cơ như rú lên cùng một loạt. Cùng lúc đó trên trời xuất hiện thêm hai phi tuần A37. Người phi công gan dạ bay thật thấp, tôi thấy rõ cái mũ tròn và bộ đồ bay màu da cam, anh vẫy chào đoàn xe phía dưới, rồi vọt cao lên trời, lên cao mãi nhỏ như một con én, bỗng chúc đầu lao xuống. Tôi thấy những cụm khói nhỏ bên hông tàu, những cụm khói của đại bác phòng không nở ra những bông hoa trắng trên nền trời xanh bát ngát. Phi cơ vẫn lao xuống với tốc độ phản lực, xuống thấp sát những ngọn cây trên đỉnh núi, một trái bom thoát khỏi thân tàu, cùng lúc với chiếc phi cơ vọt thẳng lên trời.

Từng trái một, hai chiếc A37 như không biết có những khẩu phòng không dưới đất, đạn đạn như lưới trên trời, những bông hoa trắng nở ra liên hồi. Như một cuộc biểu diễn của các tay bay lão luyện, mấy chiếc trực thăng cũng góp mặt, chúng chọt tới, chọt lui như những con dơi chao muỗi, chòng chành như những con thuyền giữa sóng lớn, ở cao độ thấp hơn, phóng những hỏa tiễn xuống vị trí địch.

Trái bom cuối cùng đã thả, hai chiếc A37 vọt lên trời như những chiếc pháo thăng thiên, hai người phi công gan dạ vòng về cuối đoàn xe, họ bay ngay trên đầu mọi người, họ vẫy cánh chào từ biệt ở phía trước mặt, rồi lên cao, và khuất lấp giữa trời.

Bây giờ là 8 giờ 40 phút, một chiếc trực thăng bay sà sát trên đầu chúng tôi, người xạ thủ đại liên nhô nửa mình ra khỏi thân tàu, rõ ràng anh khoát tay về phía trước. Máy xe vẫn nổ, phải chăng đây là hiệu lệnh lên đường. Có sự nhúc nhích phía trước, rồi đoàn xe cựa mình tiến tới, từ giã xóm nhỏ bên đường. Giã từ cái chòi vịt im lìm, giã từ người nông dân chủ chòi làm lúi bên con nước xiết. Đại bác nổ rền từ phía trước, đây là những khẩu đại bác phòng không của chúng tôi, cũng may có được vài xe thiết giáp phòng không dẫn đầu, mấy người xạ thủ tác xạ vào bất cứ chỗ nào khả nghi, từng tảng đá lớn tung lên, từng ngôi nhà tranh bốc cháy. Tôi biết có nhiều ngôi nhà cháy oan, có nhiều người vô tội chết.

Làm sao hơn được trong lúc đây là đoàn xe chạy chết. Đoàn xe khởi đi như một con thú dữ, địch bám sát hai bên đường, chúng tôi búng từng chót, đại bác 37 1y, bốn nòng bắn trực xạ cho những mục tiêu trong vòng ba trăm thước. Đoàn xe chạy tới đâu, ghi dấu khói lửa hai bên vệ đường đến đó. Địch chôn nhiều mìn trên đường, khoảng hai cây số đầu tiên, chúng tôi búng đi được một chót lớn. Địch pháo vào đoàn xe, bây giờ chúng

đã biết đoàn người quyết đi, đã biết chúng tôi cố mở đường máu trở về, và dĩ nhiên địch quyết ngăn lại bằng mọi giá.

Một trái 82 ly rớt trên mặt đường phía sau xe tôi chừng năm chục thước, trái đạn nổ ngang hông một xe Jeep, hai người chết ngay, vài người bị thương. Làm sao chúng tôi có thể mang những người chết theo, người chết được đặt bên vệ đường, xe sau tiến tới, chiếc xe Jeep được hất ra khỏi lề. Từng chót một, những chiếc thiết giáp mở đường ngừng lại, những người lính biệt kích tiến lên, họ thanh toán nốt mục tiêu, ghi dấu những trái mìn phát hiện bằng những tờ giấy được chặn bởi một cục đá. Họ dò mìn bằng đôi mắt, bằng kinh nghiệm, làm sao tránh khỏi những trái mìn chôn giấu kỹ. Bây giờ làm gì có thời gian sử dụng máy dò mìn, và lại địch cũng mới bôn tập tới đây, chúng cũng không có đủ thời gian để chôn giấu kỹ.

Bây giờ đập Đòng Cam thấp thoáng trước mắt, nằm vắt ngang dòng nước. Con đập thật nhỏ, thật cũ, những thành cầu sắt bắc xung quanh nên trông giống một cây cầu hơn là một cái đập. Qua khỏi đập là một thôn xóm nhỏ, những mái nhà lá nằm sát nhau, nổi bật trên cánh đồng, địa thế bây giờ chỉ còn những trái đồi nhỏ, sát hai vệ đường là cánh đồng cỏ lác. Súng nổ ran phía trước, và chiếc thiết giáp đầu đoàn bò chậm chạp trên cầu.

\*

Ngày N + 10, 11 giờ sáng

Bốn cây số đã qua với một tiếng đồng hồ. Địch pháo trước mặt, đoàn xe ngừng lại. Chiếc thiết giáp chạy ở phía đầu đoàn xe quay nòng qua trái, tôi thấy rõ một tòa cổ miếu nằm thênh thang giữa đồng bi búng hẳn lên, thấp thoáng xa xa, bóng của những người lính biệt kích thoăn thoắt hai vệ đường, đoàn xe tiến tới từng thước đất, từng thước đường.

Đường cái quan tương đối rộng, xe Honda họp thành hai trác diện dị kỳ.

\*

Ngày N + 10, 11 giờ 30

Xe tôi đã qua khỏi đập Đòng Cam, dòng nước bây giờ mở rộng sau cái đập, chừng năm chục thước bề ngang, nước chảy lờ đờ, những đám lộc bình trôi hờ hững. Tôi ngửi thấy mùi thối của những xác chết lâu ngày, cùng với sự xuất hiện của những căn nhà đầu tiên, vài căn đang cháy dở, cái thôn xóm nghèo chừng năm mươi nóc gia, bỗng nhiên mang cơn đại họa. Bây giờ mùi thối đã bớt đi, bởi những căn nhà cháy khét lẹt. Cuối thôn con đường quẹo phải, một cây cổ thụ che khuất tầm nhìn, mùi thối lại xông lên nồng nặc. Qua khỏi khúc quẹo con đường mở ra trước mắt, hàng trăm chiếc xe Honda, Suzuki, Vespa nằm rải rác trên một đoạn đường một cây số. Người chết khắp nơi trên khúc đường này. Đây là những kẻ mạo hiểm của ba ngày trước, những người mang tính mạng ra đánh một canh bạc cuối. Họ đã tính sai về lòng nhân đạo của những người bên kia.

Nắng như đổ lửa trên đầu, hơi người chết xông lên khiến cho nhiều người lộn mưa. Tôi

trông thấy chiếc Vespa trắng của trung sĩ nhất Khánh, một người lính cũ của tôi. Không biết Khánh có thoát nạn không? Chúng tôi ngừng lại giữa những xác người ngổn ngang. Nhiều xác đã trương lên, nhiều xác đã bắt đầu chảy nước vàng. Mấy người biệt động quân giả lại một lần nữa có dịp trở thành những con thú, họ gỡ những chiếc đồng hồ tay của người chết, họ bỏ xe hơi xuống đi bộ kiểm những xe còn tốt của người đã chết.

\*

Ngày N + 10, 1 giờ trưa

Ba xác chết trôi lững lờ trên dòng nước, một xác trương to và trắng như một con heo cạo. Kỳ lạ một điều là hình như chúng tôi không thể vượt khỏi ba xác chết này, bởi lẽ chúng tôi vừa chạy vừa búng chốt đằng trước. Cứ khoảng hai cây số một chốt lớn, ngừng lại chờ thiết giáp và biệt kích dọn xong con đường. Khoảng thời gian chờ đợi này, ba cái xác cứ tuần tự lướt qua.

\*

Ngày N + 10, 2 giờ 30 chiều

Đoàn xe tới một làng tương đối trù phú, có vài ngôi nhà gạch ngói đồ tươi, có những cây cau cao đang trổ trái. Làng ở bên kia dòng nước, tôi thấy những chiếc cầu nhỏ để dân chúng xuống tắm giặt. Địch bắn từ bìa làng, hàng ngàn cây súng trên đoàn xe đáp lễ, M79 đẽm nhện như pháo cối. Ít nhất cũng nửa làng ra tro. Dòng nước vẫn chảy thẳng, ba cái xác người lơ lững trôi xa.

Bây giờ chúng tôi quẹo trái về quận Hiếu Xương, mười ba cây số được đánh đổi bằng sáu tiếng đồng hồ, chỉ còn ba cây số nữa chúng tôi bắt tay được với địa phương quân, họ có hai tiểu đoàn ở đây, mở đường hơn tuần lễ không được. Gặp họ kể như chúng tôi thoát hiểm. Trận đánh giảm cường độ, bây giờ chỉ còn súng nhỏ nổ từng chập. Người ta không còn xả súng bắn bừa vào những chỗ khả nghi nữa. Lác đác dọc đường, dân địa phương xuất hiện, những người dân hiền hòa ở đây, bày ra vệ đường từng lu nước lạnh, từng mẹt trái cây, và thức ăn tạm cho người chạy giặc đỡ đói lòng.

Có một lúc im tiếng súng, tôi nhìn về phía sau, đoàn xe bị cắt ra làm nhiều quãng, xe hai bánh và người đi bộ lũ lượt trên đường, trám vào các quãng trống đó nên đoàn xe hầu như vẫn liền lạc. Bọn lính trên xe tôi nói cười huyên não.

Một trái khói tím trước mặt, một tràng M16 nổ vu vơ, mấy chiếc xe đầu đoàn ngừng lại, rồi một chiếc xe Jeep tách ra đậu ven đường, vài người lính biệt kích từ trên xe bước xuống, họ tiến vào một khoảng trống có nhiều ngôi mộ cổ, những ngôi mộ có tường bao quanh như một lăng tẩm nhỏ. Vài phút sau họ trở ra, một người lính biệt kích khoát tay, cả đoàn xe từ từ chuyển, chiếc xe Jeep vẫn đậu ở đó, mấy người lính biệt kích đứng tản mát chung quanh, trong khi vị chỉ huy của họ ngồi bất động trên xe Jeep.

Đột nhiên chiếc xe Jeep nghiêng đi, cùng với một bó lửa tỏa ra, xe bốc cháy, một trái B40 bắn sè đã kết liễu vị sĩ quan biệt kích. Sự kiện xảy ra như chớp mắt, trước mặt xe tôi chùng năm chục thước. Xác người sĩ quan đổ xuống, nửa thân trên nhô hẳn ra thành xe. Những người lính biệt kích chồm dậy, họ tủa vào mấy ngôi mộ, đạn rít bên tai,

đạn cây dưới đất. Họ xung phong vào địa thế trống trải, thượng liên đích nổ ròn tan. Một người lính biệt kích đang chạy, bật ngựa về phía sau, anh bị thương ở chân, lặn người hai vòng, núp vào một bờ đất nhỏ, trong khi các bạn anh bọc vòng hai cánh. Nhiều tiếng M79 nổ, từ phía sau mấy ngôi mộ. Ba người áo đen từ trong mấy ngôi mộ chạy ra, nhưng không chạy được xa, ngã vật xuống bởi những làn đạn của những tay súng lão luyện. Chúng ngã xuống cùng lúc với một trái lựu đạn nổ trên đầu.

Trận đánh diễn ra không đầy năm phút, kể từ lúc trái B40 nổ, cho tới khi những người lính biệt kích trở về khiêng xác vị chỉ huy của họ xuống, mui xe Jeep vẫn cháy âm ỉ.

Những người lính biệt kích này, đã theo chúng tôi suốt đoạn đường. Đêm đêm, họ vẫn âm thầm đi kích để bảo vệ cho đoàn xe. Chỉ còn một cây số nữa là bạn. Trong 6 tiếng đồng hồ liên tục, những người này đã giẫm nát những chốt địch.

Bây giờ là bốn giờ rưỡi ngày 28-3-1975. Vĩnh biệt người sĩ quan biệt kích vừa nằm xuống, vĩnh biệt người chết dọc đường, vĩnh biệt những người đã nằm xuống cho chúng tôi kéo dài hơi thở. Khoảng bao lâu nữa chúng tôi sẽ thiếu khí trời. Tôi nhớ đến tiếng tiêu của người lính biệt động quân, cái vô nghĩa của kiếp người, trong một sát na ngắn ngủi.

Có thể tối nay, những người dân Sài Gòn, những người dân ở các vùng yên bình tạm bợ sẽ được nghe một mẩu tin nhỏ trên các đài phát thanh hoặc trên màn ảnh nhỏ: "Quân và dân ba tỉnh Kontum, Pleiku, Phú Bổn đã đến được Tuy Hoà."

Ngày N + 10, 6 giờ chiều

Đám đông dân chúng thị xã Tuy Hoà tụ tập bên đường, họ hoan hô chúng tôi, những biểu ngữ chằng la liệt giữa các hàng cây, giữa các trụ đèn, và giữa những con ngựa gai chặn đường vào thị xã. Đoàn xe rẽ phải để đến địa điểm tập họp trong phi trường quân sự ở đây sẽ có ủy ban tiếp đón. Ở đây sẽ cung cấp nhiên liệu, lương thực để tiếp tục chuyến đi về Nha Trang. Ít ra ở đây cũng có người tinh táo. Không thể để cho đoàn người vào Tuy Hoà. Những người lính biệt động quân giả sẽ làm nát thành phố.

Một người lính quân cảnh ngoắc xe tôi ngừng lại. Thiếu úy Huy, trưởng đồn quân cảnh Tuy Hoà tiến đến chào. Anh mời tôi về đồn quân cảnh Tuy Hoà. Xếp chú Trần Đình Kha chờ tôi ở đó. ông cho biết đại cương: Bộ Chỉ huy Quân cảnh chỉ định tôi nhiệm vụ mới, thay thế thiếu tá Đèo Ngọc Thanh Chỉ huy trưởng trại Tù binh Qui Nhơn, ông Thanh là một trong vài sĩ quan làm tôi quý mến. Xuất thân khóa 8 Đà Lạt, đại úy từ năm 1962, lúc đó đại tá Kinh, Chỉ huy trưởng binh chủng bây giờ còn là trung úy. Thiếu tá Thanh đi phép Ban Mê Thuột và kẹt tại đó.

\*

Ngày N + 10, 9 giờ tối

Tôi đứng cô đơn trên thành cầu, sau lưng là thị xã Tuy Hoà, một cây số trước mặt là ngã ba, nơi trước đó 4 giờ đồng hồ, chiếc xe đầu đoàn rẽ phải vào quốc lộ 1, bên trái không đầy cây số là bờ biển. Gió từ đại dương thổi về, lộng trên tóc tôi, quần áo bay

phần phật. Xe cộ vẫn ùn ùn kéo tới. Người ta đã mở mấy con ngựa gai trên đường rẽ vào thành phố, một vài xe tách đám đông ngược về hướng tôi. Tất cả vẫn trôi đi, trời đã tối mịt, và đoàn xe tưởng chừng dài như vô tận. Tôi chặn một chiếc Honda vừa trôi tới. Tôi hỏi người lính lái xe như một người ngoài cuộc. Người lính nhìn tôi trong một thoáng giây, rồi anh nói nhẹ như một cơn mơ:

"Xe còn dài lắm, ít ra cũng tới nửa khuya mới hết. Nếu kể cả người đi bộ thì phải tới sáng mai."

Tôi quay mặt ra biển. Đại dương gầm thét xa xa, trời tối như mực. Hôm nay là ngày 28-3-1975, miền Nam Việt Nam đã đứng vững như một quốc gia hơn hai mươi năm. Người ta đã ký với nhau một hiệp ước hòa bình. Hơn hai năm trước gặp Phan Nhật Nam bên kia bờ Thạch Hãn, tôi và Nam cũng có mặt thi hành việc trao đổi tù binh của văn kiện này. Đã lâu không gặp Nam, tối đó về Huế tôi rủ Nam đi nhậu. Chúng tôi chọn một quán vắng trên bờ sông Hương. Hôm đó trăng cũng sáng vàng vạc. Bình thường cả hai chúng tôi đều là loại chịu nói, lại có rượu vào nên nổ như pháo rang. Nam hỏi:

"Ông là lính trừ bị, hòa bình rồi sẽ giải ngũ. Vậy thì giải ngũ ra ông làm nghề gì?"

Tôi dần mặt ra, thật tình chưa bao giờ tôi nghĩ đến vụ này. Nam phá lên cười và tiếp:

"Mẹ kiếp. ông làm quân cảnh, mà ông lại làm thơ, ông lại mê văn nghệ, ông nhậu như hũ chim, tôi sợ giải ngũ ông không có sức để đạp xích lô."

Đêm đó Nam rủ tôi về chỗ anh trọ. Anh nói lung tung về hòa bình, anh vẽ ra thật nhiều viễn ảnh, song tôi thấy viễn ảnh nào cũng đen tối, cho dù hòa bình thực sự có về với chúng tôi. Thế mà hòa bình không về. Kể từ hôm mất Ban Mê Thuật đến nay, vốn vẹn mười sáu ngày, Miền Nam thu nhỏ lại một chiều dài năm trăm cây số. Bây giờ Bình Định là ải địa đầu. Thị xã Quy Nhơn nằm trong tầm đại bác của địch. Bắc quân đang dốc toàn lực hàng chục sư đoàn Nam tiến. Chúng dốc toàn lực vào các trận đánh qui mô, bỏ sở trường là chiến tranh du kích, để đánh những trận địa chiến, bởi lẽ chúng biết chắc sẽ thắng.

Trời đã quá nửa khuya. Ngoảnh mặt lại tôi vẫn thấy thỉnh thoảng một ánh đèn xe lạc lõng xuất hiện nơi ngã ba, ánh đèn quét một vùng rộng trước mặt. Hai bên đường, những người bỏ phiếu bằng chân vẫn đi lầm lũi. Tất cả xuôi Nam. Họ sẽ tới đâu khi ván bài đang cạn nước. Mai này tôi ngược ra phía bắc. Quy Nhơn bây giờ là ải địa đầu. Mai này tôi tới đó không biết có cơ hội trở về cây cầu đang đứng hôm nay?

Trăng hai mươi mốt mọc muộn nhô lên. Tôi rời lan can cầu, ngồi vào tay lái chiếc xe Jeep vừa mượn của đồn quân cảnh Tuy Hoà. Tôi chưa muốn về nghỉ. Thành phố không một bóng người. Tôi quyết định đến thăm Y Uyên, một người đã chết. Biết đến bao giờ tôi mới lại được ngắm lại chân dung anh qua pho tượng nhỏ của thành phố đáng yêu này?

\*

## Phần 2

### Qui Nhơn-Phú Quốc

Ngày N + 10, 11 giờ khuya

Khi tôi lái xe về đồn Quân cảnh Tuy Hoà, dòng xe cộ vẫn không ngớt lao về phương Nam. Tất cả thành phố nhà nào cũng cửa đóng then cài, nhưng tôi biết chắc mọi nhà đều còn thức. Từ trên xe nhìn ra, hầu hết các nhà còn đèn sáng. Tôi nghĩ đến Pleiku, Kontum, Phú Bổn, Đà Nẵng, Huế v.v... Tôi nghĩ xa hơn một chút về chiến tranh Nam Bắc Hàn hơn hai mươi năm trước, và không hi vọng một chút nào về sự tham chiến của Liên Hiệp Quốc vào Nam Việt Nam. Chắc chắn vậy Nam Việt Nam sẽ phải tự lực và làm gì để có thể chặn đứng được Bắc quân. Tôi muốn nói tới chặn đứng lại cái đà vũ bão của Bắc quân chứ không hề nghĩ tới việc đổ bộ ra bên ngoài vĩ tuyến 17 như quân đội Liên Hiệp Quốc đã làm đối với chiến tranh Nam Bắc HHHàn. Cả vùng I và quân đoàn 1 đã tan biến đi, bây giờ là vùng II đang rã thành những mảnh nhỏ.

Thật là kỳ lạ, chiến tranh gì mà giống hệt như một phản ứng hóa học, quân lực miền Nam càng lúc càng giống như nước bị bốc thành hơi, nó biến đi như bọt xà bông tan trong nước. Thế mà mai này tôi ngược ra phía Bắc, mai này tôi phải tới Qui Nhơn, nơi đó có cả một đơn vị đang chờ ở đó, không những thế vợ con tôi ở đó, một chỗ yên bình tạm thời chưa có giao tranh. Đó là chỗ tôi phải tới phải nhận lãnh trách nhiệm làm con chim đầu đàn. Cầu mong cho tôi đủ sáng suốt, đủ bình tĩnh, bởi lẽ mỗi một quyết định của tôi từ mai sẽ không còn ảnh hưởng tới cá nhân tôi, mà ảnh hưởng tới vận mạng của hơn một trăm binh sĩ dưới quyền cùng vợ con họ, và tất nhiên cũng ảnh hưởng tới số phận vợ và hai con đang nôn nả chờ tôi về, chờ tôi dẫn họ ra khỏi vùng trời đầy bất trắc đó.

\*

Ngày N + 11, 7 giờ sáng

Trung tá Trần Đình Kha, Chỉ huy trưởng Quân cảnh vùng II Chiến thuật chờ tôi tại đồn Quân cảnh Tuy Hoà. Ông muốn đích thân trao cho tôi công điện từ Bộ Chỉ huy Quân cảnh. Tưởng cũng nên nhắc lại ông Kha có tham dự cuộc rút lui đường bộ từ Pleiku xuống Tuy Hoà, đầu ông chỉ hiện diện có bốn ngày đầu, rồi sau đó leo lên trực thăng về Nha Trang trước để sửa soạn đón cả đơn vị. Ông Kha đã ra Tuy Hoà cả mười ngày nay phần để lo đón tiếp đơn vị, kiểm điểm một cách tạm thời những ai còn, những ai mất. Có lẽ ông Kha cũng muốn nhấn nhủ tôi đôi điều, khi muốn đích thân giao công tác này. Phần chính điện văn:

1. *Đại úy Nguyễn Cao Thịnh thuộc Bộ Chỉ huy Quân cảnh Quân khu 2 được chỉ định thay thế thiếu tá Trương Văn Cao trong chức vụ Chỉ huy trưởng trại giam Pleiku.*



2. *Thiếu tá Trương Văn Cao chuyển về Ủy ban Liên lạc bốn bên.*
3. *Đại úy Nguyễn Vinh Hiển được chỉ định chức vụ Chỉ huy trưởng trại giam Qui Nhơn thay thế thiếu tá Đào Ngọc Thanh. Đồng thời đại úy Nguyễn Vinh Hiển được chỉ định kiêm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Quân cảnh khu chiến miền Bắc...*

*Các nơi nhận khẩn thi hành.*

Cái khôi hài của công điện này ở chỗ, nó đến tay đại úy Nguyễn Cao Thịnh thì đơn vị của ông ta đã tan biến mất trong đoàn người hỗn độn của liên tỉnh lộ 7. Còn đối với tôi, thì Bộ Chỉ huy Quân cảnh có lẽ trong lúc bối rối, lo lắng về các đơn vị nhỏ, rời rạc còn lại ở vùng II nên mới đề ra cái chức vụ Chỉ huy trưởng Quân cảnh khu chiến miền Bắc, lại quên không cho biết vùng Bắc là vùng nào? gồm những địa danh nào? giới hạn của nó tới đâu?

Tôi cũng chẳng buồn hỏi lại trung tá Kha. Nói cho cùng, trên liên tỉnh lộ 7, khi ông Kha leo lên trực thăng về trước với lý do chính đáng để lo doanh trại cho đơn vị ở Nha Trang, thiếu tá Nguyễn Tiểu đoàn phó, kiêm Chỉ huy phó Quân cảnh Quân khu II tách ra khỏi đơn vị, ông ta đi lẫn với Liên đoàn Biệt động quân. Cũng không nên trách ông Nguyễn, đó là tình trạng chung của đoàn di tản, không có chỉ huy, mạnh ai nấy lo. Ngay từ khi thượng sĩ Hạp thuộc trại giam Pleiku bị bắn chết, tôi để ý tới các binh sĩ của binh chủng tôi nguy trang tới mức tối đa, có thể họ lo Việt cộng tấn công thì ít, mà lo những thù oán cá nhân nhiều hơn. Nếu Việt cộng có tấn công thì đó là tình trạng chung, còn trả oán lại là chuyện riêng mà binh sĩ của binh chủng Quân cảnh đành phải chấp nhận. Tới bây giờ tôi xót xa nhận thấy vấn đề lãnh đạo, chỉ huy của quân lực miền Nam. Ngoại trừ các đơn vị trực tiếp chiến đấu, thực sự đổ máu nơi trận địa, nơi những người lính Nhảy dù, Thủy quân Lục chiến, Biệt động quân, hay các trung đoàn, tiểu đoàn bộ binh v.v... . Cấp chỉ huy ở những đơn vị này có một phong thái khác với phong thái của các đơn vị yểm trợ. Quân lực miền Nam sản xuất những trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng có thể nói là hàng đầu của thế giới, chính nhờ vậy mà miền Nam đã đứng vững suốt hai mươi năm. Nhưng đối với các đơn vị yểm trợ thì sao? Lấy ví dụ như quân đoàn II, có một ông đại tá trưởng phòng 4, coi tiếp liệu cho cả vùng II chiến thuật xuất thân khóa 13 Thủ Đức, và chuyên cấp cấp, cũng như dẫn gái cho tướng Toàn từ lúc mới ra trường, trong mười hai năm leo từ chuẩn úy tới đại tá không một ngày trận mạc.

Lấy một ví dụ khác, trong binh chủng của tôi, cái binh chủng lo về quân phong, quân kỷ cho quân lực miền Nam. Nhìn bề ngoài chúng tôi vẫn có kỷ luật, bởi lẽ kỷ luật là sức mạnh của quân đội, nhưng bên trong mòm mống bất phục nảy ra ở khắp mọi nơi. Không có một cái nhà nào dột ở dưới đất. Nó dột từ trên mái. Trong suốt mười hai năm phục vụ trong ngành, tôi đã đi đủ bốn vùng chiến thuật, hiện diện tại các đại đơn vị của binh chủng, và tôi đau lòng nhận thấy tôi không hề tâm phục, khẩu phục được bất cứ một cấp chỉ huy nào. Binh chủng tôi đã không có những người tài năng, với những người tương đối có đức độ, thì đòi hành cho tã ra, công danh, sự nghiệp cứ thụt lùi mãi. Cầm cái công điện chỉ định chức vụ mới, tôi thoáng ngậm ngùi, bởi lẽ nếu không có cuộc "di tản chiến thuật", chắc chắn tôi sẽ không bao giờ được chỉ định giữ chức vụ này.

Năm, bảy năm trước nó là chỗ người ta đổ đờ Mỹ, nó là chỗ dành cho tay chân, đàn em

của mấy xếp bụi. Dầu chút công danh cuối mùa có khó nuốt như một trái đắng, tôi cũng sẽ nhận. Nếu không tôi cũng phải tạm vắng mặt ít nhất 10 ngày, để vợ ra Qui Nhơn đưa vợ con tôi lánh nạn, có một chút phương tiện trong tay vẫn hơn là không có gì.

\*

Ngày N + 11, 9 giờ sáng

Đích thân Thiếu úy Huy, Trưởng đồn Quân Cảnh Tuy Hoà lái xe đưa tôi ra trạm kiểm soát, ở đó Huy đón một chiếc xe đò để gởi tôi ra Qui Nhơn. Huy phân trần với tôi là không thể cho tôi mượn một chiếc Jeep với tài xế lái đưa tôi ra đó, anh có vẻ ái ngại, chúng tôi trao đổi với nhau thật ít lời. Tôi tuyệt đối không có một chút buồn nào về việc ngồi xe đò ra Qui Nhơn. Xét ra trong hoàn cảnh này, mặc dân sự đi xe đò có khi an toàn hơn hai thầy trò cưỡi một chiếc Jeep. Tôi cẩn thận nhét vào bụng một khẩu Colt 9, thủ trong túi một trái lựu đạn Mini, những thứ này hiển nhiên không phải để đánh nhau với Việt cộng, nhưng đủ để ép chúng phải khai hòa, trong trường hợp chính tôi không có đủ can đảm tự sát. Tôi không bao giờ muốn bị bắt sống vì hai lý do: Một là trong những năm làm việc ở trại giam Phú Quốc và trại giam Biên Hoà, những người anh em bên kia có ưu ái tặng cho tôi một bản án, khi bị bắt, sớm hay muộn họ cũng truy nguyên được tôi là ai, và bản án chắc chắn sẽ được thi hành trong tầm tối. Hai là tôi vốn có một chút tự ái, sĩ diện hão, chắc chắn không chịu nổi những bạo hành về tinh thần trong lúc bị giam giữ. Những bạo hành về thể xác có thể chấp nhận được, vả lại đã tới đường cùng, trước sau cũng chỉ một lần.

Chọn một ghế sát với cửa lên xuống, tôi tuyệt đối không có một chút lo ngại nào. Tìm trong túi hành lý, lấy một quyển sách để đọc, lại đúng là quyển truyện của Remarque. Quyển sách này đúng là một ám ảnh lớn của tôi trong thời gian gần đây, cái không khí tôi đang thở cũng sặc mùi thuốc súng, cũng nhầy nhựa máu xương. Chỉ khác với cái khí hậu ở trong truyện là giá băng của mùa đông ở Âu châu, nên xác người còn tươi nguyên bởi những lớp tuyết phủ, còn chúng tôi đang ở vào mùa khô của vùng nhiệt đới, thầy người trương lên, ruồi, nhặng, kiến bu đen kịt và mùi hôi thối xông lên nồng nặc.

\*

Ngày N + 11, 12 giờ trưa

Xe bắt đầu leo dốc đèo Đại Lãnh. Người ta thường ca tụng phong cảnh đèo Hải Vân. Riêng tôi, thấy Đại Lãnh đẹp hơn Hải Vân. Nó hùng vĩ hơn, ngay cả cái tên. Tên Hải Vân có vẻ lãng mạn, thơ mộng, trong khi tên Đại Lãnh nghe có vẻ ngang tàng khí phách hơn, với một ngọn núi đứng riêng biệt ngay ngoài vịnh, ngọn núi thẳng như một tòa thành cổ, có một vách núi bích lập trông từ xa như một bức tường thành, ở trên đó cây cối xanh rì. Đại Lãnh dễ chừng không dài và không cao bằng Hải Vân, nhưng nếu có thấp cũng không thấp hơn mấy chút. Hàng triệu tảng đá xanh, tảng nào cũng dị dạng, có những tảng to bằng cả căn nhà nằm rải rác dọc theo chân đèo. Con đường len lỏi giữa những tảng đá chập chùng, càng lên cao càng ngoằn ngoèo, có chỗ như ruột dê. Lên tới đỉnh đèo một ngôi chùa lớn mới dựng, ngôi còn đồ ầu, và tường vôi còn trắng ngát. Mới hơn một năm trước đây, chỗ của ngôi chùa chỉ là một cái am nhỏ, người ta

thiết lập để cúng vái những người chết oan uổng dọc đường. Dựng một ngôi chùa ở đây quả là đúng, xa thị trấn ồn ào, phong cảnh có sơn có thủy. Chỉ phiền một điều, mấy nhà sư thật trẻ và trông thật bặm trợn, nơi đây cần một nhà sư càng già càng tốt, càng đạo hạnh càng tốt.

Những nhà sư trẻ tôi thấy hôm nay, có vẻ giống sư của chùa Thiếu Lâm, lúc chùa này mới khởi thủy, có nghĩa là bộ áo nhà tu chỉ là cái vỏ ngoài che đậy, bên trong họ là những hiệp sĩ cứu khổn phò nguy, chính những nhà sư của chùa Thiếu Lâm này đã giúp một phần không nhỏ cho Lý Thế Dân tạo lập nhà Đường. Rồi nhà Lý của nước ta, khởi đi từ hậu viện của một ngôi chùa. Cuối đời Trần đầu nhà Lê, sư nhiều đến nỗi nhà nước phải khảo hạch kinh điển, mười người có đến sáu bảy phải trả áo lại cho tăng viện. Kể từ sau vụ Phật giáo ở miền Trung, thật tình mà nói chùa chiền không còn lo Phật sự thuần túy, nhiều chính khách núp dưới bóng tăng bào, nhiều thanh niên đến tuổi đi lính, cũng vào ở đó, và sau cùng Việt cộng cũng có mặt. Gia đình tôi có thể nói là một gia đình sùng đạo. Mẹ tôi, vợ tôi ăn chay một tháng bốn ngày, các anh tôi một tháng hai ngày. Nhưng tôi, tôi vẫn không thể cảm nổi những nhà sư thật trẻ. Dẫu cho những nhà sư thật trẻ đó đi tu thật, đi tìm chân lý thật. Nhưng hễ cứ mười tám, mười chín tuổi mới đi tu, thì xin phép tôi ngờ.

Xe ngừng ở cổng chùa, một vài người khách trên xe bước xuống, tôi nhìn thoáng qua tia mắt họ và cảm nhận chắc chắn họ không phải là khách hành hương, chắc chắn họ viếng chùa với mục đích khác. Tôi e ngại mình sẽ phải đụng độ với họ trong vài ngày ngắn ngủi sắp tới. Với cái đà "di tản chiến thuật" này nhiều lắm là một tuần lễ nữa tôi có thể gặp lại họ. Cầu mong cho linh cảm của tôi sai.

\*

Ngày N + 11, 2 giờ chiều

Chung cục tôi cũng tới nơi phải tới, xe đồ ngừng ngay trước cổng trại. Đây có lẽ là lần đầu nhậm đơn vị kỳ cục nhất của tôi. Tôi đã chọn một bộ quần áo thám thương nhất, và lết một đôi dép da lừng thừng tiến về cổng chính. Hạ sĩ quan đốc canh nhận ra tôi, anh ùa ra cùng vài người lính, họ chào tôi với nét hân hoan lộ rõ trên nét mặt. Cứ nhìn ánh mắt của những người lính trong đơn vị, tôi cảm nhận ngay lập tức đây chính là những chiếc huy chương của tôi.

Cả đời binh nghiệp của tôi mỗi lần thay đổi thường đánh dấu bằng những lệnh phạt, nhưng ở đơn vị nào cũng vậy, khi ra đi bao giờ đám binh sĩ cũng tiếc thương, nhưng nhớ tận tình. Trong cuối mùa thảm kịch này, tôi đến đây không ít thì nhiều cũng mang lại tin tưởng cho cả đơn vị. Mấy người lính trẻ từ các phòng ốc ùa ra, họ gọi nhau ơi ới. Tôi nhận ra một số khuôn mặt quen thuộc: những người lính ở rải rác tại những đơn vị cũ, những học viên ở Vũng Tàu. Cả chục người xúm xít quanh tôi, có người bạo miệng nói:

"Tụi em tưởng Đại úy sẽ không ra." Rồi như sợ lỡ lời anh ta chữa lại:

"Tụi em nghĩ ông thầy sẽ không ra sớm sủa như thế này."

Công điện tới đây đã một tuần lễ, nhưng mọi người đều biết là đại úy còn kẹt với Tiểu đoàn 2 Quân cảnh trên đường chạy loạn.

Một người lính tương đối lớn tuổi, giằng cái xác tay của tôi:

"Em là tài xế cho Thiếu tá Thanh. Đề em đưa đại úy về phòng nghỉ."

Tôi dặn anh ta:

"Mời tất cả các sĩ quan và trưởng ban quân xa họp tại phòng tôi trong vòng một tiếng nữa." Đám lính dẫn ra ngoài, tôi nghe những bàn cãi xôn xao:

"Tao biết chỉ (vợ tôi) ở đây, thế nào ảnh cũng ra mà, có ảnh là mình đỡ lo rồi."

Một giọng khác nghi ngờ:

"Mày nói ông có vợ ngoài này thì ông ra ông lo cho vợ con ông chứ."

"Dấu sao có một người chỉ huy vẫn hơn. Mày đã làm việc với ông bao giờ chưa?"

"Chưa."

"Chưa mày mới nói vậy. Tao nghĩ rằng vài ngày nữa mày sẽ biết thế nào là anh Ba Râu."

Tôi bỏ vào phòng tắm.

\*

Ngày N + 11, 2 giờ 30 chiều

Khoác bộ quân phục vào người bước ra sân trại, còn nửa tiếng nữa tôi sẽ chính thức đương đầu với tình hình của đơn vị, tôi muốn dạo một vòng. Năm bảy năm trước đây, với một người khéo xoay sở, thì đây là chỗ hái ra tiền. Dấu tích của một thời vương giả còn sót lại nơi bàn giấy của Chỉ huy trưởng, những dụng cụ văn phòng của quân đội Hoa Kỳ. Bàn ghế, tủ giường đẹp đẽ, ngăn nắp. Sân trại vắng hoe.

Mấy năm trước đây khi hai bên chưa trao đổi tù binh, trại này chứa tất cả tù binh phụ nữ của toàn quốc gom lại, đâu cũng cả ngàn nữ tù binh. Những nữ tù binh này ở trong một khu riêng biệt chiếm nửa diện tích, nửa còn lại tùy tình hình chiến sự có sức chứa năm, bảy trăm tù binh nam chờ ra hải đảo. Một dãy Conex với hàng rào kẽm gai bao quanh nằm trong khu sân trại. Đây chắc là chỗ nhốt tù binh bị phạt biệt giam. Thiếu úy Cẩm sĩ quan điều hành trại thấy tôi ở ngoài sân, anh chạy ra chào có ý chờ tôi hỏi về tình hình đơn vị. Thoạt nhìn anh tôi đã có một chút tin cậy. Tôi nói với Cẩm:

"Tôi muốn coi hệ thống phòng thủ."

Cẩm đi phía trái tôi, thụt lùi đằng sau một bước. Vòng đai phòng thủ dài hơn hai cây số, nhiều chỗ bị nước mưa sùi mòn, chổ chui qua một cách dễ dàng. Và dĩ nhiên người còn có thể dễ dàng hơn nữa. Cẩm có vẻ ái ngại trình bày:

"Thưa Đại úy từ ngày trại trao trả hết tù binh, vấn đề phòng thủ vòng đai có vẻ lơ là, nhưng tại Bộ chỉ huy hệ thống phòng thủ rất kiên cố. Mình có hai pháo đài, mỗi pháo đài có cả đại liên 50."

"Anh cho tôi biết về tình trạng bãi mìn."

"Nó vẫn còn hữu dụng, Đại úy."

"Tình hình các đơn vị bạn thì sao?"

"Thưa Đại úy, chung quanh các đơn vị bạn phần lớn là các đơn vị tiếp liệu của quân nhu và quân cụ, họ cũng như chúng ta là lính chuyên môn, lính văn phòng. Dường như các đơn vị đó cũng triệt thoái khá nhiều về Nha Trang, quân số mỗi đơn vị còn lại nhiều lắm là một nửa. Chỉ có trại giam mình như rắn không có đầu, chúng tôi không biết làm gì hơn là chờ đợi. Thật tình mà nói khi nhận công điện chuyển của Đại úy về đây, cả đơn vị đều lên tinh thần. Thiếu tá Thanh đi phép rồi biệt tích ở Ban Mê Thuật cả tháng nay. Bây giờ không biết số phận ra sao? Tôi cho xe Jeep vào Tuy Hoà đón Đại úy đã hai ba ngày ngay từ lúc nhận được công điện. Chờ lâu quá họ mới về vì vợ con họ cũng kẹt lại cả ở đây."

"Cảm có vợ chưa?" Tôi hỏi bằng một giọng thân ái.

"Thưa Đại úy rồi, chúng tôi được một cháu ba tuổi."

Tôi leo lên một tháp canh của trại. Những tháp canh của trại giam cao ngạo nghề này để lính gác có thể quan sát hoạt động của tù binh trong trại. Cắm leo theo tôi. Từ vị trí cao này, nhìn được khắp vùng, sau những doanh trại quân đội, sau nhà cửa của dân chúng là những cánh đồng phì nhiêu của tỉnh lỵ Bình Định. Một con sông nhỏ phía tay phải độ hai cây số, xa hơn nữa về phía tây, những ngọn núi nhô lên khỏi đồng bằng, đây là một trong rất nhiều nhánh nhỏ đâm ra biển của rặng Trường Sơn.

Chính nơi đây hai thế kỷ trước một vĩ nhân của dân tộc Việt ra đời. Chính nơi đây ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ đã từ đất dấy lên, từ địa vị khiêm nhường một biện lại chuyên thu thuế, một nông dân thuần túy, cũng chỉ vì tình cờ thua bạc hết tiền thuế để nộp, Nguyễn Nhạc nổi lên vô tình khơi động đúng cái lòng mong mỏi của dân chúng đôi bờ sông Gianh. Nguyễn Nhạc thật khá giống như Trần Thiệp trước thời Hán Sở tranh hùng. Không có Thiệp chưa chắc Hạng Võ và Lưu Bang xuất hiện. Không có Nguyễn Nhạc, chắc chắn Nguyễn Huệ sẽ chỉ là Nguyễn Huệ và sử Việt sẽ mất một chương về Quang Trung Hoàng Đế. Phải có Nguyễn Nhạc là nguyên tố chính của phản ứng lịch sử dưới thời Trịnh Nguyễn. Giai đoạn lịch sử đó là đầu mối của nhiều triều đại thay đổi trong lịch sử sau này, mà ở đó Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đã vào Nam, Nam tĩnh, ra Bắc, Bắc yên. Để đến khi lên ngôi Hoàng Đế, ông đã dùng chiến thuật thần tốc trong mười ngày từ Phú Xuân tiến đánh Thăng Long. Quân số đã ít vừa đi vừa mộ thêm quân, dẫu cho quân đội bây giờ, phương tiện cơ giới đầy đủ, cũng không thể làm được.

Đám sử gia của triều Nguyễn, vì một chút đỉnh chung đã bôi lọ con người Nguyễn Nhạc, một giai đoạn lịch sử trong đó có bao nhiêu nhân vật kỳ lạ, như ông giáo Hiến kẻ khai mở trí tuệ cho ba anh em Tây Sơn, rồi mối thù giữa Trương Văn Hạnh và Trương Phúc Loan, mà ở đó thầy giáo Hiến vì muốn trả thù cho tri kỷ Trương Văn Hạnh, đã lặn lội sông hồ từ Nam ra Bắc, sau cùng bắt gặp được tại Phú Phong, ba anh em Nguyễn

Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ. Cái ngẫu nhiên của lịch sử thật ra không phải tình cờ. Đó là sự sắp xếp của Trời, của Người và sau cùng nảy ra Quang Trung Hoàng Đế. Tôi chợt nghĩ làm anh hùng thật ra cũng không khó bởi lẽ thời thế tạo anh hùng. Theo tôi làm một người bình thường lương thiện và yêu nước mới thật là khó. Càng khó hơn nữa nếu muốn yêu nước, lương thiện trong lúc loạn lạc như giờ này còn khó hơn một bậc. Hôm nay là ngày 29-3-1975, tôi dùng cách địa danh lịch sử không đầy năm chục cây số. Bối cảnh đất nước cũng chia đôi như thời Trịnh Nguyễn, cũng hỗn loạn, cũng nhiều nhượng, quân đội hai miền Nam Bắc, hay khác đi hai nửa phần dân tộc đương bị đẩy vào một trận chiến còn khốc liệt hơn thời Trịnh Nguyễn. Bởi lẽ Trịnh Nguyễn có đánh nhau cũng chỉ là nội bộ dân Việt, bây giờ đằng sau Nam và Bắc là những thế lực quốc tế. Chúng ta có quá nhiều khó khăn thế mà chúng ta thiếu ông giáo Hiến, thiếu Nguyễn Nhạc, thiếu Quang Trung Hoàng Đế.

\*

Ngày N + 11, 3 giờ chiều

Toàn thể sĩ quan của trại hiện diện trong văn phòng, có cả một bác sĩ rất trẻ, Y sĩ Trung úy Huấn Y sĩ trưởng bệnh xá của trại giam và hạ sĩ quan trưởng ban quân xa. Tôi vào đề ngay bằng cách tự giới thiệu ngắn và gọn:

"Tôi thành thực cảm ơn tất cả các anh đã hiện diện đầy đủ. Rút kinh nghiệm của cuộc di tản đường liên tỉnh lộ 7, tôi yêu cầu mọi người tin tưởng ở tôi, cũng như tôi tuyệt đối tin tưởng nơi các anh. Chúng ta sẽ phải tự lo liệu lấy. Tôi tiên đoán sẽ phải rút lui trong vài ngày sắp tới và chúng ta có một lúc hai kẻ địch: Việt cộng và thời gian. Có vài việc phải làm ngay:

- Tất cả các ban thu dọn hồ sơ căn bản.
- Tiếp liệu và quân xa báo cáo tình trạng xe, nhiên liệu, lương khô cũng như vũ khí đạn dược.
- Điều hành báo cáo về tình trạng quân số, cũng như tình trạng tù binh.
- Đại đội chuyên trách tù binh chia cho tôi thành sáu tiểu đội, chia đều các hạ sĩ quan và binh sĩ, mỗi tiểu đội có một, hai hạ sĩ quan kinh nghiệm làm trụ, khi di chuyển thì tiểu đội nào đi với tiểu đội ấy.

Như các anh biết tôi tới đây vừa được một tiếng đồng hồ, bây giờ tôi về nhà, trong hai giờ nữa tôi muốn thấy báo cáo chi tiết của mọi ban trên bàn giấy tôi. Và đúng 6 giờ chiều nay, tôi muốn hội toàn thể binh sĩ các cấp ở hội trường. Sau đó tôi muốn làm việc riêng với Điều hành, Tiếp liệu, Nhân viên và bác sĩ Huấn."

Đây rõ ràng không phải là buổi hội. Mọi người lục tục ra về, tôi giữ người hạ sĩ quan

trưởng ban quân xa lại và hỏi:

"Đơn vị có bao nhiêu xe GMC và xe Dodge còn sử dụng được?"

Anh ta trả lời:

"Minh có năm xe GMC thì ba chiếc hư, một chiếc dùng để chở nước, còn xe Dodge có hai chiếc hiện đang sử dụng tốt."

Tôi hạ lệnh:

"Thượng sĩ cho tháo bỏ cái cistern nước. Ba chiếc hư còn lại, tháo đồ của xe này ráp vào của xe khác. Ông làm sao cũng được, tôi muốn có ba chiếc GMC sử dụng được, chậm nhất là sáng ngày mốt phải thi hành xong."

"Thưa Đại úy nếu muốn mình có thể có bốn chiếc GMC nhưng Đại úy cho tôi bốn ngày, tới sáng ngày mốt thì mình chỉ có thể tháo được cái cistern nước để sử dụng được hai chiếc."

"Tôi nhắc lại cho Thượng sĩ biết mình có hai kẻ địch, một là Việt cộng thì còn ở hơi xa, nhưng thời gian là kẻ địch ngay trước mắt. Ông cần bao nhiêu người để phụ tôi sẽ cung cấp. Ngay cả nếu cần phải mượn thợ chuyên môn ở ngoài, cứ gọi họ vào làm. Tôi sẽ có cách trả công cho họ. Ông có vợ con, nhà cửa ở đây không?"

"Thưa Đại úy có. Tôi ở đây lâu rồi, sáu năm rồi, nhà tôi ở ngay Phú Tài này. Vợ tôi buôn bán lãnh nhãng qua ngày."

"Xe phải xong sáng ngày mốt. Tôi sẽ cho di tản vợ con binh sĩ của toàn thể đơn vị vào Nha Trang trước, ông cũng nên thu xếp nhà cửa, đồ đạc, cái gì quý giá nhỏ thì mang theo, lớn thì chôn cất, giấu diếm. Chắc chắn chúng ta sẽ phải rút về phía nam. Rán sửa xe đi, làm cả đêm nay và ngày mai, nếu cần cả đêm mai. Minh không còn chút thì giờ nào để phung phí đâu Thượng sĩ."

\*

Ngày N + 11, 3 giờ 45 chiều

Trung sĩ Phúc, người đã làm việc với tôi nhiều năm trước ở trại giam BiênHoà, lái xe đưa tôi về nhà. Kể từ giờ phút này Phúc tạm lái xe cho tôi, Phúc còn độc thân, không bận rộn vợ con như người tài xế cũ của Thiếu tá Thanh. Đạo ở BiênHoà chưa có vợ, tôi nổi tiếng là một sĩ quan vô kỷ luật nhất của binh chủng, đối với các hạ sĩ quan trẻ như Phúc quả tình tôi là một loại đàn anh đúng nghĩa. Phần lớn họ gọi tôi bằng anh xưng em. Cấp bậc chỉ để cho các hạ sĩ quan già, cũng như quân nhân các đơn vị khác gọi. Phúc nói với tôi:

"Bọn em định chuẩn rồi, thấy Thiếu tá Thanh đi mãi không về mấy ông già trong đơn vị mạnh ai nấy lo thân, mấy sĩ quan thì lại quá trẻ. Anh mà không về thì cũng cả chục thăng dọt."

"Tình hình đơn vị ra sao? Nói chung về tinh thần."

"Thì anh thấy rồi đó, không một ai biết phải làm gì? Giờ này mà ông Trung úy ban Tiếp liệu còn lo đi xin đồ các đơn vị dọn đi bỏ lại. Người thì không lo, chỉ lo của. Mà nào có phải của quý giá gì cho cam."

Phúc cho xe chạy len lỏi giữa bến xe Lam đầu thị xã Qui Nhơn. Tôi nhìn thấy những cửa hiệu đóng im lìm, nhưng người thì qua lại vội vã tấp nập.

"Anh ở chỗ nào?"

"Chú cho tôi về Tăng Bạt Hổ, chỗ gần chợ."

\*

Ngày N + 11, 4 giờ 15 chiều

Khi tôi bước chân vào nhà, cô em vợ trông thấy đầu tiên, kêu gọi om xòm.

"Anh Hiển về, má, chị Hải ơi. Bố về Quang ơi."

Má và vợ tôi từ trong nhà ùa ra như cơn lốc. Vợ tôi mừng không nói được câu nào, còn bà cụ thì vừa khóc vừa kể lể. Mọi người hỏi han tíu tít. Tôi bế đứa con gái nhỏ lên. Nó mới ăn thôi nôi được vài tháng. Ngày đây tuổi nó tôi không về được, khi nó ra đời tôi phải đi trao đổi tù binh, cái tên dài thậm thụt tới năm chữ của nó là do vợ tôi đặt trong lúc tôi vắng nhà. Con bé lâu ngày mới gặp bố, toét miệng ra cười, trong lúc mẹ, bà ngoại lại âm thầm khóc. Tôi nói với mẹ và vợ tôi:

"Con đổi về ngay đây rồi. Nhưng việc trước mắt là cả nhà phải chạy loạn trước. Con về để má và em con khỏi phải lo, bây giờ cả nhà thu dọn đồ đạc, chỉ mang quần áo, tiền bạc và những gì quý giá. Nhà thì dĩ nhiên còn đó, chỉ sợ mình không về được thôi. Còn bàn ghế, tủ giường, ti vi, tủ lạnh ở đâu cứ để nguyên đó. Má, nhà con và các em sẽ đi vào Nha Trang ngày mốt. Đoàn xe của con chỉ có thể tới đó. Nhưng nếu được má và em ghé nhà bác Năm một ngày thôi, rồi vào Sài Gòn ngay. Con sẽ gửi thư mang tay cho mấy người bạn ở phi trường Nha Trang. Nhưng nhớ là nếu không đi phi cơ quân đội, thì dù là xe đò, ghe, cái gì cũng được phải vào Sài Gòn. Đừng lo về phần con."

"Anh đi ngay à?"

"Anh phải vào trại ngay bây giờ."

"Để em kêu người đi mua đồ ăn cho anh. Cơm chiều bây giờ mới sửa soạn."

"Anh không thấy đói, anh không thấy đói cả tháng nay rồi."

Thật vậy cả tháng nay tôi không bao giờ thấy đói, cứ tới bữa thì có gì ăn nấy. Những ngày nằm trên đập Đồng Cam, có ngày chỉ ăn hai hộp trái cây loại lương khô của Mỹ, có lẽ sự lo sợ làm cho con người ta no. Ngôn ngữ Việt quả là kỳ diệu LO và NO khác nhau một trời một vực nhưng cả hai đều liên hệ tới cái bụng.



"Má và Mợ lo cho anh lắm. Mợ gửi thư ra ngoài này hỏi, nhưng em đâu có biết gì. Má thì lúc nào cũng nói em đừng lo. Má nói anh giỏi giang, nhanh nhẹn và lại tốt bụng nữa. Không mệnh hệ gì đâu. Em thì em thấy nhiều người chết quá. Lại chết toàn người tốt bụng không à. Nhưng em đâu có dám nói gì. Tối nào má với em cũng niệm Phật, cầu xin Phật Tổ từ bi gia hộ cho anh, tai qua nạn khỏi."

"Tối nay em với má qua nhà dì Năm, cậu Sáu hỏi xem có ai muốn đi về Nha Trang không? Nhớ chỉ là người không thôi. Hỏi vậy thôi, chứ anh biết dì Năm, với cậu Sáu chưa chắc đã đi đâu."

"Bao giờ anh đi? Bao giờ thì anh vào Nha Trang?"

"Anh mong mỗi là anh không phải vào Nha Trang. Nhưng tình hình càng lúc càng bi đát. Anh mong có được một tuần lễ để sắp xếp đơn vị, nhưng chắc là không lâu được như vậy."

"Anh có tin gì của ba ở Pleiku không?"

"Trước khi đơn vị di tản, anh đến đón ba. Nhưng ba nói chạy đi đâu cũng vậy thôi. Và lại ba buôn bán, lại già rồi, ba không muốn đi."

"Anh chị Trinh, anh chị Hai con bác Năm có đi không?"

"Anh không biết. Anh chị Trinh thì đã có chiếc xe LandRover, dư sức chạy nếu họ muốn chạy. Còn anh chị Hai thiếu gì tiền mua vé máy bay chợ đen. Họ đã vào Sài Gòn rồi."

"Bây giờ anh đổi về Đồn quân cảnh Qui Nhơn hả?"

"Không, anh đổi về trại giam ở Phú Tài."

"Sao anh không xin đổi về trước đây vài tháng?"

"Anh không xin đổi về. Ở trên chỉ thị anh về đây bởi vì bây giờ không có ai muốn ra đây. Dẫu sao thì anh cũng có mặt gần nhà vào giờ phút này là quý rồi. Em có bận không? Nếu không, anh muốn lái xe chở em với con đi một vòng thị xã."

Tôi cần một chút thì giờ suy nghĩ trước khi về lại trại, vợ tôi bế đứa con gái nhỏ ra xe, trong khi thằng lớn mới 3 tuổi được dì dắt ra xe ngồi chễm trệ từ trước. Có vợ con ngồi bên cạnh, tôi cảm thấy an tâm hơn, tôi lái xe ra bờ biển, chỉ độ năm phút. Cả một bãi biển vắng như bãi tha ma. Những Kiosque này ngày xưa nhộn nhịp biết bao, bây giờ gió biển thổi hất những tấm vải của những chiếc ghế đập vào khung gỗ kêu loạt xoạt. Tôi nhìn ra khơi, vắng bóng cả ghe thuyền. Vắng trong gió tiếng tiêu của người lính Biệt động quân tôi đã nghe được trong buổi trưa cách đây không lâu đột nhiên nghe rõ mồn một. Đã tới lúc bách điều chia ly. Trăm hoa tàn tạ, gió lạnh tuyết tan. Trận chiến rồi sẽ ngừng trong cảnh tịch mịch đó. Tôi nhìn lại vợ tôi, con tôi và hiểu rằng những người thân yêu đó rồi sẽ có một ngày rất xa.

\*

Ngày N + 11, 6 giờ chiều

Hội trường tương đối rộng. Để chừng đã cả năm nay không có một lần nào đơn vị sử dụng, nhện giăng đầy, bụi phủ khắp nơi. Có một chút cảm động khi tôi nhìn thấy tấm bảng đề tên, cấp bậc và chức vụ của tôi, nước sơn còn mới có lẽ chưa khô, được gắn vào cái bục thuyết trình. Đó là những huân chương đúng nghĩa của nó. Chờ cho tiếng hô chào kính dứt, Thiếu úy Cẩm đón tôi đưa lên bục thuyết trình. Tôi nhìn thấy hai nhóm rõ rệt. Phía Đại đội chuyên trách tù binh, Trung úy Đại đội trưởng đứng đầu, kế đó có một Thiếu úy, sau lưng hai vị này sáu tiểu đội đứng ngay hàng thẳng lối, với những hạ sĩ quan đứng trước. Phía Bộ chỉ huy Trại y sĩ Trung úy Huấn đứng đầu, kế đó là các sĩ quan phụ trách các ban, cùng tất cả nhân viên của Ban chỉ huy, để chừng cũng đến ba mươi người phần lớn là hạ sĩ quan. Khoát tay cho mọi người ngồi xuống. Mất chừng ba phút tôi mới mở được lời, những câu nói khó khăn ban đầu qua đi, tôi nói với họ về liên tỉnh lộ 7, tôi nói tới cuộc rút lui của quân dân ba tỉnh Pleiku, Kontum, Phú Bổn. Tôi nói tới việc chỉ huy của Tiểu đoàn 2 Quân cảnh. Tôi nói về cái chết của Thượng sĩ Hạp thuộc Trại giam Pleiku, tôi nói tới vợ Thượng sĩ Mạnh thuộc Đại đội 24 Quân cảnh Tư pháp để giữa đồng trống, tôi nói về ba em nhỏ hướng đạo sinh, tôi nói về trường Thiếu sinh quân. Âm thanh của chiếc loa phóng thanh dội lại bốn góc tường, tôi nghe được giọng tôi giống hết gã xướng ngôn viên của đài BBC, đài Đông Kinh, nó giống như tiếng vọng của địa ngục.

Đổi sang một giọng khác, tôi kêu gọi mọi người hãy tin vào tôi, tôi không hứa hẹn được một điều gì, nhưng tôi cam kết với họ là tôi "CÓ MẶT". Tôi kêu gọi mọi người cùng "CÓ MẶT" với tôi cho tới phút chót của đơn vị. Chúng tôi là những binh sĩ chuyên môn, nhưng không phải vì thế mà chúng tôi không biết chiến đấu. Chúng tôi đã được dạy bò, dạy bắn, tấn công, phục kích, canh gác v... v... Chúng tôi được huấn luyện thành một người lính, giờ phút này đây hãy đứng thẳng như một "NGƯỜI LÍNH".

Để có thể đứng thẳng như một "NGƯỜI LÍNH" tôi quyết định đưa vợ con binh sĩ vào Nha Trang trước. Tôi muốn biết ý kiến của toàn thể đơn vị. Đừng quên là vợ con tôi cũng sẽ đi với tất cả vợ con của các anh. Tôi cũng thông báo trước. Khi đơn vị triệt thoái, tôi không muốn có một người không phải là LÍNH trong đoàn xe.

\*

Ngày N + 11, 7 giờ 45 chiều

Đồ ăn đã nguội, tôi ngồi vào ghế thủ vị, bác sĩ Huấn bên tay phải, Trung úy Đại đội trưởng bên tay trái, ngoài ra có tất cả sĩ quan của trại cùng vài ba hạ sĩ quan của ban Điều hành, Tiếp liệu. Đây là bữa tiệc đơn vị đón tôi. Những dịp thay đổi đơn vị trưởng như thế này trước kia là một lễ nghi kiểu cách. Họ dềnh dàng, dò xét, thăm hỏi xã giao. Họ bồn chồn lo lắng vì sợ phải thay đổi địa vị, chức vụ. Dĩ nhiên nó cũng thịnh soạn chứ không đơn sơ, đạm bạc như bữa cơm hôm nay, trong hoàn cảnh này không ai có thì giờ để bày vẽ, nhưng tôi cảm ơn những người đón tôi vô cùng. Nó không có sơn hào hải vị, không chả phượng râu rồng, cũng không mổ bò, đái trâu. Tôi đột nhiên thấy đói, đói như cả tháng nay chưa hề ăn.

Mới không đầy ba giờ trước, vợ tôi muốn đi mua đồ ăn cho tôi, tôi gạt phắt đi. Bây giờ là lúc tôi đói thật, tôi ăn tận tình, một mạch bốn chén cơm, trong lúc mọi người mới ăn một, hai chén. Có thể là họ giữ ý, có thể là họ LO, tôi đã có quá nhiều điều LO rồi, bây giờ tôi đói.

Lợi dụng một khoảng thời gian ngắn trong bữa ăn, tôi đề nghị quyết xét lại toàn bộ khả năng đơn vị, đúng thật ra thì xét xem phải làm những gì cần thiết khi rút lui.

1. Trước tiên về phía tù binh, chúng tôi còn 27 tù binh bị bắt sau khi Hiệp định Paris ký kết, nghĩa là sau khi trao đổi hết tù binh vào năm 1973, rồi từ đó hai bên đều tố cáo nhau vi phạm đình chiến. Kết quả cụ thể của vụ vi phạm này là người vẫn tiếp tục ngã, lửa vẫn tiếp tục cháy và đạn vẫn tiếp tục bay. Có giao tranh là lại có tù binh, do đó chúng tôi có 27 tù binh này. Đây là điều phiến toái nhất cho đơn vị trong lúc này. Dẫu sao chẳng nữa tôi sẽ cố tới mức tối đa, để bảo vệ sinh mạng của chính chúng tôi cũng như chu toàn nhiệm vụ được giao phó. Đây là vấn đề nát óc nhất, nhưng chắc chắn là tôi sẽ giải quyết được.
2. Về Tiếp liệu: cái tôi cần là lương khô dự trữ, nhiên liệu đủ dùng cho toàn thể xe cộ, bây giờ không phải là lúc bàn giao, kiểm điểm về bàn ghế, tủ giường, máy đánh chữ v.v... Tôi chỉ thị cho nhân viên lập một danh sách các quân nhân có gia đình sẽ di tản vào ngày mốt. Đồng thời Tiếp liệu có bổn phận phân phối hết số gạo dự trữ của đơn vị cho cái danh sách này. Tôi muốn mọi người yên tâm rằng cho dù vợ con họ có phải vào trại tị nạn ở Nha Trang, thì ít nhất vợ con họ cũng không đến nỗi sợ đói trong những ngày đầu bơ vơ nơi xa lạ. Tất cả lương khô quân đội, sẽ được phân phối đồng đều cho mọi quân nhân.
3. Một nội lệnh sẽ được gửi đến Ban chỉ huy cũng như Đại đội chuyên trách Tù binh, ấn định khi di chuyển trên xe mọi quân nhân chỉ được mang quần áo cá nhân, vũ khí, cũng như lương khô được cấp phát. Tuyệt đối không mang theo những vật dụng nặng nề, cồng kềnh như xe Honda v.v... Nói tóm lại nhẹ nhàng và gọn ghẽ tới mức tối đa.
4. Riêng với bác sĩ Huấn, tôi muốn ông kiểm soát lại những thuốc men và dụng cụ y tế tối cần thiết, nếu cần sẽ đi Nha Trang, Cam Ranh, về các kho y dược, các đơn vị quân y lớn cung cấp cho đầy đủ. Tôi nhấn mạnh là ông lo được càng nhiều thuốc men càng tốt.

Tôi nhớ đến hàm binh Xích Bích. Chém giết sắp đến hồi trời sầu đất thảm, tên đạn lại vô tình làm sao tên đạn có thể biết phải mất mười hai năm học trung tiểu học và bảy năm y khoa mới sản xuất được một bác sĩ. Tôi nhớ đến cảnh Bàn Thống tung tin vịt để giúp Từ Thứ có cơ không phải hiện diện trong hàm binh Xích Bích. Tôi thấy sự có mặt của bác sĩ Huấn không thật cần thiết. Toàn đơn vị từ trên xuống dưới đều mạnh cùi cùi, còn khi hữu sự có lẽ chính bác sĩ Huấn cũng không giúp được chúng tôi nhiều nhận gì. Tôi nghĩ đến con số thống kê cứ hai chục hay ba chục ngàn người Việt, mới có được một bác sĩ. Tôi tiếc những năm học này, bởi lẽ tôi lêu lổng từ nhỏ, xong trung học đã nghĩ

rằng mình tài giỏi rồi giang hồ vật, đúng là nhỏ mà không học lớn làm... Đại Úy. Tôi không thể chính thức nói bác sĩ Huấn ở lại trong đó, nhưng tôi nghĩ rằng Huấn đã đậu tới Bác sĩ chắc phải hiểu ý tôi muốn gì: "Ông không cần gấp, cứ từ từ, kiếm chỗ để cho bà ấy trú ngụ xong, lo thuốc men càng nhiều càng tốt rồi hãy ra đơn vị. Có khi cũng cả tuần lễ." Tình hình này làm gì có được một tuần lễ.

\*

Ngày N + 11, 11 giờ đêm

Tôi lái xe chậm rãi trên vòng đai phòng thủ, hệ thống ánh sáng tốt, lính gác đầy đủ. Thiếu úy Đại đội phó cùng đi với tôi, anh có vẻ là một thư sinh, một thầy giáo hơn là một quân nhân.

Qua khỏi hàng rào là một bãi đất trống, dĩ nhiên đây là bãi mìn nhằm ngăn chặn Việt cộng len lỏi, đột kích vào đơn vị tôi để giải thoát tù binh. Tôi nghe những tiếng động ồn ào từ các đơn vị bạn. Tiếng động cơ xe gầm rú. Trong bóng đêm, phải nhìn qua bãi đất trống thế mà tôi vẫn thấy sinh hoạt ở hai đơn vị phải, trái của tôi rất nhộn nhịp. Tôi hỏi băng quơ:

"Họ làm gì bên đó?"

"Chắc họ cũng sửa soạn di tản đó, Đại úy."

"Mình lái xe sang họ coi được không?"

"Bây giờ giới nghiêm rồi. Dĩ nhiên là mình đi được nhưng không biết ai sẽ tiếp Đại úy bây giờ."

"OK sáng mai tôi muốn qua các đơn vị bạn để thăm hỏi tình hình."

\*

Ngày N + 12, 1 giờ sáng

Gấp tất cả các báo cáo chi tiết của ban lại, tôi đọc hờ hững những tập "Nhật ký đơn vị", lật qua lật lại đọc những biến cố lớn nhỏ đến với đơn vị từ ngày thành lập. Tôi đọc để mà đọc, bởi không biết để làm gì. Lạ nhà khó ngủ, lo sợ, đủ mọi chuyện. Những tiếng động ồn ào từ các đơn vị bạn càng lúc càng dữ dội.

Tôi ngồi dậy, đi xuống ban quân xa. Thượng sĩ Trưởng ban cùng cả tiểu đội lính đang quần thảo với chiếc xe GMC có cistern nước.

Họ đã tháo được hết các đai sắt. Bây giờ là lúc trục nó xuống. Thấy tôi người hạ sĩ già hơn hai mươi năm quân vụ chạy lại chào, tôi hỏi thêm về những chiếc xe còn lại, ông ta trả lời:

"Chiếc này coi như xong. Còn chiếc kia hơi rắc rối, nhưng tôi hứa với Đại úy chiều mai mình có ba chiếc GMC chạy ngon lành, không thua gì xe của Quân vận."

\*

Ngày N + 12, 8 giờ 30 sáng

Tôi choàng tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao, đêm qua tôi trần trọc mãi, tới gần sáng mới thiếp đi một giấc dài đầy nặng nhọc.

Mới tháng ba mà nắng đã đổ lửa trên đầu. Đơn vị lại nằm lọt giữa một khu thấp, nên nóng dữ dội. Đã từ gần tháng nay, tôi quen ngủ với quần phục trên người. Những hôm nằm gần đập Đồng Cam, có hôm còn không cởi cả giày. Đánh răng, xúc miệng xong tôi bước ra bàn giấy. Một tờ báo để ngay ngắn bên cạnh chồng hồ sơ trình ký. Ngay trang đầu hình ảnh tơi tả của đoàn người về từ liên tỉnh lộ 7. Một bài thật dài về vụ rút lui này, một bài khác về tình hình vùng I, và sau cùng một bài nữa về tình hình vùng IV.

Nói chung tình hình vô cùng đen tối. Tôi để ý một bài nhỏ nhưng nó không kém quan trọng tới Việt Nam, đó là quốc hội Mỹ đang biểu quyết ngân sách viện trợ. Quốc hội Mỹ thông qua một ngân khoản ba trăm triệu Mỹ kim mà họ gọi là "viện trợ nhân đạo", nhưng viện trợ quân sự thì còn đang bàn cãi chờ biểu quyết. Đây là lần đầu tiên tôi thấy danh từ "viện trợ nhân đạo". Trước giờ chỉ có "viện trợ kinh tế và quân sự". Nam Việt Nam ngoài những bất lợi quân sự đối với kẻ địch là Việt cộng, đang chịu một trận chiến nữa với những người bạn, đó là trận chiến của những từ ngữ ngoại giao. Tôi e rằng trong khu rừng từ ngữ ngoại giao này chúng ta lại một lần nữa thất bại. Lại một lần nữa chúng ta lạc nẻo đường về.

Trung úy Đại đội trưởng đại đội Quân cảnh Chuyên trách Tù binh bước vào với vẻ mặt hốt hoảng:

"Đại úy hai đơn vị bên cạnh mình họ rút hết rồi. Dân chúng đang hôi của ở đó. Để tôi đưa Đại úy đi một vòng chung quanh các đơn vị bạn."

"Không cần nữa. Ông gọi ngay hộ tôi ông Tiếp liệu và Quân xa lên gặp tôi. Mời cả bác sĩ Huấn nữa. Riêng ông thông báo cho đại đội của ông tôi sẽ cho di tản vợ con binh sĩ vào Nha Trang đúng 1 giờ trưa nay. Chỉ thị cho binh sĩ chỉ mang quần áo mà thôi."

\*

Ngày N + 12, 9 giờ sáng

Tất cả sĩ quan có mặt đầy đủ nơi phòng tôi. Tôi không rào đón gì cả, nói ngay:

"Tiếp liệu còn bao nhiêu gạo dự trữ, chia đều ra các bao cát, mỗi đầu người mười ký gạo."

"Minh còn nhiều hơn số đó, Đại úy."

"Càng tốt, phát cho mỗi người mười lăm ký. Nghĩa là mỗi người một bao cát đầy và một túi hành lý gồm quần áo, chăn màn v.v... Ông cấp sự vụ lệnh cho bác sĩ Huấn Trưởng đoàn xe vào Nha Trang liên lạc với kho y dược trong đó. Chọn cho tôi bốn tài xế để lái hai xe GMC và hai xe Dodge, với một sự vụ lệnh khác trở về vào ngày mai. Tôi muốn một sĩ quan đi vụ này, dẫn đoàn xe về trại tị nạn Cộng sản ở Nha Trang xong trở về vào ngày mai. Đừng quên là cả đơn vị chờ xe về mới có xe đi tản. Bất cứ thiếu úy nào đi cũng được ngoại trừ Đại đội trưởng, Điều hành và Tiếp liệu. Ban Điều hành thảo cho tôi một phúc trình về tình hình địa phương, xin lệnh Bộ Chỉ huy Quân cảnh cho phép rút toàn đơn vị vào Qui Nhơn. Ở Phú Tài bây giờ mình trống hai mạng sườn, sẽ là cái đích thu hút địch tấn công. Tôi không nghĩ là mình sẽ có công điện trả lời. Không một ai dám trả lời thuận đâu. Nhưng một cách gián tiếp, tôi muốn trong Bộ Chỉ huy biết tôi đang làm gì, định làm gì. Tôi cũng không nghĩ là phúc trình mình gửi về trong đó kịp. Bây giờ tôi vào Tiểu khu để xin rút lui vào trong đó."

"Minh sẽ giải quyết hai bảy tù binh như thế nào?"

"Ngay bây giờ tôi sẽ xin Tiểu khu giải tán trại Quân kỹ. Giờ này phải tổng mấy ông nội say rượu, vô kỷ luật, trể phép, đào ngũ v.. v.. đó ra ngoài mặt trận. Ít nhất mình có chỗ trống để nhốt tù binh an toàn. Đồng thời quân số tham chiến tại chỗ có thể tăng lên cả tiểu đoàn, nếu tôi thuyết phục được Tiểu khu mở cửa cả Quân lao ra. Tôi sẽ về lại trại trước một giờ. Đích thân tôi sẽ kiểm soát đoàn xe chở vợ con binh sĩ di tản trước khi khởi hành."

\*

Ngày N + 12, 10 giờ 30

Trung tá Tham mưu trưởng Tiểu khu Bình Định tiếp tôi tại văn phòng. Sau khi nghe trình bày lý do thăm viếng. Tôi đi thẳng vào vấn đề:

"Xin Trung tá tặng phái cho đơn vị tôi một Đại đội Địa phương quân, để có thể phòng thủ đơn vị hữu hiệu đồng thời giữ an ninh được một phía cho Tiểu khu Bình Định."

"Ông tưởng là tôi nặn ra người được à?"

"Nếu vậy Trung tá cho tôi rút vào trong Qui Nhơn, tôi sẽ có cách tăng cường cho Tiểu khu Bình Định một tiểu đoàn."

"Quân số của ông có bao nhiêu?"

"Hơn một đại đội, Trung tá."

"Thế thì ông nặn ra người à?"

"Thưa Trung tá không. Nhưng tôi đề nghị với Trung tá mình giải tán đám binh sĩ bị thọ phạt tại Đồn Quân cảnh Qui Nhơn, ở đó có cả trăm binh sĩ bị thọ phạt, cũng như những binh sĩ bị bắt vì quân phong quân kỷ ngoài phố. Nếu mình thả cả các binh sĩ đào ngũ, cũng như cưỡng bách những thanh niên trốn quân dịch trong quân lao ra, thì con số

một tiểu đoàn đầu có thám gì. Nhưng điều quan trọng nhất là vấn đề trật tự và kỷ luật. Cả thành phố giờ này hỗn loạn vô cùng, phải đem một chút sinh khí lại cho dân chúng biết rằng quân đội còn hiện diện ở đây, phải trấn an mọi người. Tôi tin rằng đồn Quân cảnh Qui Nhơn không đủ sức để làm việc này, họ còn đang điên đầu lên ở ngoài bến tàu cũng như ở phi trường."

"Anh theo tôi vào gặp Đại tá Tiểu khu trưởng."

Ngày N + 12, 10 giờ 30

Tôi ngồi chờ ở phòng đợi. Trung tá Tham mưu trưởng vào gặp Đại tá Tiểu khu trưởng một mình. Mười phút sau, tôi được mời vào. Đại tá Tiểu khu trưởng hỏi ngay:

"Anh còn tù binh không?"

"Thưa Đại tá còn, tôi còn 27 tù binh mới bị bắt trong những vụ chạm súng gần đây."

"Anh xử bắn họ hết xong rồi tôi cho rút vào trong này."

"Thưa Đại tá tôi không thể làm vậy được. Đó không những vi phạm qui ước Genève về tù binh chiến tranh, mà cũng không giải quyết được gì. Đó là việc riêng của đơn vị tôi. Xin Đại tá để tôi được phép tự lo liệu."

"Nếu anh rút vào sẽ nhốt họ ở đâu?"

"Thưa Đại tá, như tôi đã trình bày với Trung tá Tham mưu trưởng. Tôi sẽ nhốt họ ở phòng giam của đồn Quân cảnh Qui Nhơn. Nếu thiếu an toàn tôi sẽ nhốt họ ở quân lao, trong trường hợp Đại tá quyết định đẩy các đào binh ra ngoài mặt trận."

"Anh cho tôi biết qua kế hoạch vấn đề trật tự lại thành phố?"

"Thưa Đại tá chúng tôi có đủ người và xe để đi tuần 24/24, mỗi lần đi là sáu xe jeep do một sĩ quan đi trên xe dẫn đầu, và một xe gắn đại liên M60 đi sau cùng, chạy với tốc độ thật chậm đồng thời phóng thanh một nội lệnh, một nhật lệnh hay thông cáo gì đó do Đại tá ký. Nội dung trấn an dân chúng, kêu gọi đồng bào bình tĩnh và kêu gọi quân nhân đào ngũ, cũng như thanh niên bắt phục tùng trình diện tại đồn Quân cảnh Qui Nhơn. Cuối ngày tôi sẽ cho dẫn sang phòng 1 Tiểu khu làm thủ tục nhập ngũ. Ngoài ra kể từ bây giờ, tôi cất một xe Jeep hộ tống lúc nào cũng đi theo Đại tá. Đã đến lúc mình phải xử bắn tại chỗ những binh sĩ đào ngũ cũng như những quân nhân cướp bóc dân chúng. Binh sĩ của tôi sẽ làm việc này, giúp Đại tá củng cố lại cái uy vũ của quân đội. Phải chặn đứng sự hoảng sợ. Phải đứng lại chiến đấu chứ không bỏ chạy nữa."

"Rồi ông về thu xếp đơn vị đưa vào trong này, nhưng ông sẽ đóng ở đâu?"

"Thưa Đại tá tôi sẽ tạm đóng ở đồn Quân cảnh Qui Nhơn. Tôi đã cho người liên lạc về việc đó rồi. Thưa Đại tá một nửa tiếng nữa tôi sẽ cho xe Jeep hộ tống Đại tá trình diện ở đâu?"

"Cho họ trình diện ở đây được rồi."

\*

Ngày N + 12, 11 giờ sáng

Tôi tạt vội qua nhà, Phúc đương giúp vợ tôi và má tôi thu xếp nhà cửa, có một người lính nữa phụ với Phúc dùng những thanh gỗ đóng bít các cửa sổ và cửa sau. Mặt trước là cửa sắt kéo ra kéo vào, được trang bị với bốn, năm cái khóa to tướng. Vợ tôi mắt rướm rướm, chạy vô chạy ra nhưng chẳng làm gì ra hồn. Tôi thấy bà cụ xách theo một cái quạt máy, chắc định dùng đỡ khi vào Nha Trang. Tôi định cản nhưng lại thôi. Lát nữa mới đúng là lúc bỏ cái quạt lại.

\*

Ngày N + 12, 1 giờ trưa

Đoàn xe đã nổ máy, một số vợ con binh sĩ đồn Quân cảnh Qui Nhơn và Đại đội D2 Quân cảnh cũng có mặt đi ké. Họ mang theo một số đồ cồng kèn, tôi bảo họ bỏ xuống, vài người xuống xe, họ không muốn đi nữa. Tôi thầm cảm ơn các binh sĩ của tôi, vợ con họ không một ai mang theo cái gì ngoài ít quần áo và mỗi người một bao gạo nhỏ. Ai nấy đều mang theo lương khô mới được cấp phát sáng nay. Mỗi người trên xe chỉ có một túi đồ. Tôi dịu dàng bảo vợ tôi:

"Em để cái quạt lại cho anh dùng, ở đây nhà tôn nóng quá. Vào trong đó em chỉ ở nhà bác Năm một, hai ngày mà đã có quạt trần."

Vợ tôi biết ý giao ngay cho Phúc mang xuống.

Tôi dặn bác sĩ Huấn:

"Đoàn xe sẽ trở về ngày mai, ông cứ yên trí lo thuốc men dụng cụ cho đầy đủ."

Quay sang Thiếu úy Đại đội phó tôi nói:

"Chậm lắm là bốn giờ chiều mai tôi muốn thấy ông mang bốn chiếc xe này về. Nó là sinh mạng của cả đơn vị trong những ngày sắp tới. Đồn Quân cảnh Qui Nhơn chỉ có toàn xe Jeep thôi. Chỉ trừ trường hợp ông bị phục kích, bị giật mình thì không kể. Ông nhớ là chậm trễ lắm là bốn giờ chiều ngày mai phải có mặt. Đừng để mọi người thất vọng."

"Anh Ba yên tâm. Em sẽ về đúng giờ."

Xiết tay vợ tôi, hôn các con tôi xong, tôi trở về đứng ở đầu thềm, nhìn đoàn xe khuất dần, khuất dần về phương nam cho tới khi khuất hẳn. Tôi quay vào bảo Phúc:

"Chú lái xe cho anh ra đồn Quân cảnh."

"Anh ăn hủ tíu xong sẽ đi. Hồi nãy chị đi mua phở cho anh không được. Em đã hâm nóng rồi. Anh ăn xong mình đi ngay."



Trong lúc tôi ăn, Phúc loay hoay với một khẩu súng M18. Đây là súng M16, nhưng có gắn thêm một khẩu M79 và dùng hai cò khác nhau. Tôi hỏi Phúc:

"Cái này ở đâu?"

"Súng của Thiếu tá Thanh để ở trong tủ quần áo. Hồi sáng nay em dọn lại tủ để có chỗ cất đồ cho anh thì thấy nó."

"Thiếu tá Thanh còn gì trong đó không?"

"Còn toàn đồ lặt vặt em lấy xếp lại một chỗ rồi. Bác có đưa em năm ngàn bảo lo đồ ăn cho anh. Em không cầm song chị Hải cứ bắt em cầm. Bác muốn đưa nhiều nữa nhưng em nói sao Bác không đưa thẳng cho anh? Bác với chị thương anh để sợ đó."

"Ông già vợ tôi có hai vợ, bà cụ không hẳn đã thương tôi đâu. Lo tôi giống ông cụ thì có lẽ đúng."

\*

Ngày N + 12, 2 giờ 30 chiều

Trung úy Trần Thanh Kiệm, Đại đội trưởng Đại đội D2 Quân cảnh kiêm Trưởng đồn Quân cảnh Qui Nhơn đón tôi tại đơn vị. Kiệm vốn là nhân viên cũ của tôi từ năm 1964 ở Quảng Ngãi. Cả hai cùng ra trường một dịp, Kiệm xuất thân khóa 1 Hạ sĩ quan Điều tra Tư pháp, còn tôi khóa 15 Sĩ quan Trừ Bị Thủ Đức, kể đó năm 1965 Kiệm cũng theo tôi đi Trung đội Kiểm soát tài nguyên ở Hậu Nghĩa. Sau cùng mỗi người một ngã, anh được theo học khóa 1 Sĩ quan Điều tra Tư pháp, ra khỏi ngành tư pháp về lại tiểu đoàn tôi từ khoảng một năm nay. Tôi cảm thấy an tâm khi gặp Kiệm ở đây hơn là một người khác. Tôi hỏi Kiệm:

"Anh có nhận được công điện bổ nhiệm tôi của Bộ Chỉ huy gửi cho anh một bản không?"

"Có Đại úy. Nói nào ngay không có công điện đó, tụi tôi cũng vốn là nhân viên cũ của Đại úy, hưởng hồ trong tình trạng này. Không biết mấy anh em trong Trại giam có trình cho Đại úy biết không? Tôi cũng nóng ruột chờ ông ra mãi. Ngày nào cũng hỏi thăm. Mãi tối hôm qua mới biết là Đại úy ra ngoài này rồi. Lúc đó đã chín giờ tối, muốn xuống đó gặp Đại úy lắm, nhưng nói thật Đại úy đừng cười. Đây xuống đó cả chục cây số, mà tình trạng này đi đêm cũng ngại lắm. Sáng nay tôi lại phải có mặt ở bến tàu. Tình hình bi đát quá. Tôi sợ mình thua mất. Mùa hè 72, tôi ở Sài Gòn, nên không rõ các nơi khác như thế nào, nhưng mấy hôm nay tôi quan sát ở bến tàu chỗ Bộ Chỉ huy Tiếp vận, di chuyển một số quân dụng nặng vào Nam, tôi thấy mình hết thuốc rồi, Đại úy."

"Nếu tôi hỏi qua tình hình đơn vị của anh có gì trở ngại không."

"Không Đại úy. Vả lại bây giờ theo công điện Đại úy là cấp Chỉ huy của tôi ở ngoài này rồi. Bây giờ mà giao được luôn cho Đại úy tôi còn mừng nữa là khác."

"Tôi không muốn xen vào nội bộ của anh. Tôi chỉ muốn biết để phối hợp hoạt động với anh mà thôi. Chậm lắm là sáng mai tôi sẽ dọn cả đơn vị tôi ra ngoài này. Tôi đã trình với Đại tá Tiểu khu trưởng, anh cho phóng thích mấy thằng ôn vật bị giam quân kỷ trong đồn ra, không cần biết họ ở đâu. Ở đâu cũng là lính. Cho người dẫn họ sang phòng 1 tiểu khu, họ sẽ được tái vũ trang, phân phối tới các đang vị tại đây, đưa ra tham chiến tại mặt trận Bồng Sơn ngay chiều nay."

"Đại úy để tôi làm tờ trình về Bộ Chỉ huy đã."

"Tôi chịu trách nhiệm về việc này. Mình đâu có thả họ lấy tiền. Mình mang họ qua phòng 1, giờ này là lính thì phải chiến đấu. Mình có bao nhiêu quân phạm cả thấy?"

"Còn cả hơn trăm người. Đủ mọi thành phần. Mà tôi sợ rằng mình có giao cho phòng 1 đưa họ ra mặt trận họ cũng sẽ chuồn luôn. Đã mất người lại mất luôn cả súng nữa."

"Đó không phải việc của mình. Tiểu khu khi giao cho các đơn vị tác chiến chắc họ cũng có cách của họ. Và lại mình sẽ lập một tuyến trì binh (Tuyến trì binh là một danh từ hoàn toàn có tính cách quân sự. Trì binh tức là những binh sĩ trì hoãn ra mặt trận. Tuyến trì binh là một hoạt động của quân cảnh nhằm bắt những binh sĩ lén lút ở lại đằng sau mặt trận) ở đằng sau mặt trận. Kể từ ngày mai anh sẽ có thêm cả trăm nhân viên do tôi cung cấp. Và lại súng mất nhiều rồi, mất thêm ít nữa cũng không sao."

"Đại úy còn bao nhiêu tù?"

"27 người, tôi sẽ nhốt ở trại quân kỷ của ông. Tôi sẽ xin với Đại tá phóng thích cả quân phạm ở trong quân lao ra mặt trận. Nếu ông ấy đồng ý tôi sẽ nhốt tù ở đó an toàn hơn. Và nếu phải rút lui thì còng họ ở lại đó. Chiều nay tôi muốn nói chuyện với toàn thể binh sĩ của ông được không? Vào khoảng sáu giờ. "

"Được Đại úy. Đại úy định nói về vấn đề gì vậy?"

"Tôi cho họ một ít kinh nghiệm về cuộc rút lui liên tỉnh lộ 7 về đây. Tốt nhất là đừng rút lui. Mà nếu phải rút lui, tôi muốn đơn vị của ông và tôi đã được sửa soạn kỹ lưỡng, và tốt nhất là đoán đúng ngày giờ để rút trước. Chỉ cần ba tiếng đồng hồ thôi. Những hỗn loạn phút ban đầu là địa ngục. Tôi đã thấy địa ngục một lần kéo dài cả tháng rồi. Tôi không muốn thấy nó nữa. Thà đứng lại chiến đấu tới phút chót. Tôi thật nản cái cảnh kéo lê súng mà chạy mà chạy như một con chó cụt đuôi. Bây giờ tôi về lại Trại giam. Tối nay anh soạn thảo cho tôi một kế hoạch tuần tiểu đặc biệt. Anh dành hết binh sĩ của anh ở bến tàu để điều hòa ngoài đó. Số còn lại nhập với đơn vị tôi chia làm ba toán. Một toán đi tuần, một toán trừ bị ở tại trại, một toán hạ phiên được nghỉ, đi ăn uống lo thu dọn đồ đạc v.. v... Ngày mai tôi sẽ dọn hẳn ra và mình làm việc chung."

Phúc vừa nỏ máy, xe dọm chạy thì Trung úy Kiệm chạy ủa từ trong văn phòng ra. Xe ngừng lại. Kiệm đưa cho tôi một gói giấy miệng nói:

"Anh em ở Đồn Qui Nhơn định mời anh Ba Râu đi ăn một bữa, nhưng giờ này chắc không được. Biểu Đại úy cặp rượu uống chơi."

"Cứ giữ ở đây, mai tôi ra mình uống sông cũng được."

"Kệ nó, ông cảm xuống đêm nay thỉnh thoảng tu một hớp đâu có chết ai mà Đại úy sợ. "

\*

Ngày N + 12, 5 giờ chiều

Thượng sĩ Trưởng ban Quân xa lên gặp tôi tại văn phòng, và báo cáo là đã sửa được thêm hai xe nữa. Nhưng ông chỉ bảo đảm một chiếc chạy tốt thôi. Chiếc còn lại ông ta không dám chắc.

Tôi thở ra nhẹ nhõm. Nếu ngày mai, ngày mốt xe ở trong Nha Trang về không kịp cũng có cái để mà lết đi. Suốt hai hôm nay tôi chạy đua với cái đồng hồ, bây giờ mới có một chút an ủi nhỏ. Tôi vỗ vai người hạ sĩ quan già đầy thân ái, miệng nói:

"Đâu có cần bốn ngày phải không ông? Chỉ sợ mình không có lòng làm công việc đó, đừng có nói bốn ngày, nếu ông không muốn sửa nó sẽ nằm đó thiên thu. Vợ con ông đi hết chưa?"

"Đi rồi Đại úy. Tội nghiệp bà ấy với mấy đứa nhỏ. Tôi ở lính đã hai mươi lăm năm, nhưng chưa bao giờ phải sống xa vợ. Hồi xưa đi thụ huấn thì đương nhiên ai cũng phải xa gia đình. Đi công tác nhiều lắm là vài ba ngày."

"Đừng có mong gặp sớm. Gặp sớm ngày nào là chạy ngày đó. Tôi muốn đứng lại. Đứng lại để chiến đấu như một người lính."

Tôi rủ ông xuống câu lạc bộ đơn vị kiếm một chai bia uống chơi.

Mấy binh sĩ đang ngồi chơi domino cho qua chuyện thấy tôi vào đều có vẻ mắt tự nhiên. Tôi sà xuống ngồi gần ngay họ, và hỏi:

"Đánh ăn tiền hay ăn chơi."

Dĩ nhiên họ đánh ăn tiền song vài ba chục một ván domino một trăm điểm đâu có thể coi là cờ bạc. Một thiếu úy và một chuẩn úy thật trẻ đến ngồi bàn tôi. Họ cũng có vẻ lúng túng. Tôi nói chuyện băng quơ với mọi người. Tôi rủ cả hai đi theo tôi ra Đồn Quân cảnh Qui Nhơn. Tôi dặn Trung úy Đại đội trưởng thay mặt tôi tập họp điểm danh quân số 100%. Kể từ bây giờ mỗi quân nhân phải có trong túi quân trang hai bộ quân phục, lương khô được cấp phát và vũ khí đạn dược đầy đủ.

Còn quá sớm để tới đồn Quân cảnh Qui Nhơn, tôi đi đường vòng hướng đông qua ngã kho đạn, qua những cánh đồng trống, qua một con sông nhỏ và ruộng hai bên đường lấp lánh ánh mặt trời. Cảnh tịch mịch một cách kỳ lạ. Vắng người, vắng cả chó, mèo, trâu bò, xe cộ. Bầu không khí sặc mùi ẩm đạm thê lương. Xa về hướng tây, những ngọn núi đầu tiên của quận lỵ Phú Phong nhô lên ngạo nghễ. Tôi nghĩ đến ngọn cờ đào của anh em Tây Sơn. Tôi nhớ đến bài thơ của Ngọc Hân công chúa khóc chồng, tôi nhớ đến tướng Võ Văn Dũng, một tướng của Quang Trung Hoàng Đế trên đường đi sứ Trung Hoa về đã khóc chủ soái mình bằng bốn câu thơ tự đáy lòng:

Bố y phát tích ngũ niên trung.

Kim cổ tri vi sự bất đồng.

.....  
Bất ư Đường Tống thuyết anh hùng.

Tôi giận mình không làm sao nhớ hết được bốn câu thơ chữ Hán này, nhưng tôi biết chắc ý của nó: "Từ áo vải phát cờ nổi lên có năm năm. Trước và sau không có ai như thế. Nếu Trời cho vua ta sống thêm một giáp nữa. Thì bọn Đường, Tống đâu có đáng xưng hùng." Bối cảnh lịch sử hiện nay cũng Nam Bắc chiến tranh. Đằng sau lưng miền Bắc, chẳng những con cháu của bọn Đường, Tống, Hán, Mãn lại còn thêm bọn bạch quỷ Nga la tư. Đằng sau lưng miền Nam, bọn tài phiệt tư bản đang bỏ của chạy lấy người. Chiến tuyến của miền Bắc bây giờ là quận Bồng Sơn. Mắt tôi hoa lên, tôi nhìn những đám mây nổi cuộn cuộn giữa trời. Những đám mây tạo thành những hình thù kỳ lạ trên trời cao, có lúc những đám mây này trông giống như hình ảnh đoàn quân của vua Quang Trung hai thế kỷ trước, với voi lồng phía trước, ngựa hí đằng sau, những binh sĩ nằm cẳng chạy lúp xúp trong đêm tối. Hãy đốt lửa lên, nổi tiếng trận lên, tôi muốn nghe tiếng trống thúc vang hồi, tôi muốn nghe nhạc võ Tây Sơn.

"Anh có muốn ghé qua nhà không? Em đưa anh về nghe."

"Nhà với cửa gì, chỉ sợ không còn mạng mà về nhà thôi."

Tôi sờ vào túi, chẳng còn một điếu thuốc lá, quay xuống dưới tôi hỏi:

"Có cậu nào còn thuốc lá cho tôi một điếu."

"Còn sớm mà anh, Bác với chị Hải dặn em là mỗi chiều ghé qua nhà vài phút thôi."

"Cái thằng này gặp bà cụ có hai ngày nay mà suốt ngày Bác với chị Hải. Cho anh lại đồn."

Tôi thấy mình vô lý, có thể vì Phúc hỏi đúng vào lúc tôi đang như thiếp đi và tưởng chừng như tôi đã lạc bước trở về hai thế kỷ trước, làm một tên lính chạy lúp xúp với cái cẳng đè nặng trên vai, nhưng lòng vui bão táp. Tôi ân hận nên quay sang nói với Phúc dịu dàng:

"Mày cho anh với hai ông này xuống đồn Quân cảnh, rồi tạt qua nhà một chút độ nửa tiếng quay lại đón anh được rồi."

"Anh có muốn ăn gì không? Bác nói trong tủ lạnh có nhiều đồ ăn Bác mua sẵn cho anh đó."

"Lại Bác với chị Hải nữa rồi. Anh không thấy đói, nhưng có chai rượu ông Kiệt mới cho. Mày kiếm cái gì nhậu được đem về trại tối nay mấy anh em mình lai rai chơi."

\*

Ngày N + 12, 9 giờ tối

Tôi chán chả muốn xuống câu lạc bộ ăn cơm nữa. Có chai rượu của Kiệt cho, tôi rủ một số lính cũ, cùng tất cả sĩ quan về phòng tôi ngủ. Phúc không biết đào ở đâu ra một con gà quay, câu lạc bộ mang lên một thố tôm khô, củ kiệu. Ly tách không có, tôi bảo mọi người uống bằng cái nắp chai vậy. Chuyện nhau mỗi người một tua. Hết tua này tới tua khác. Ai có việc thì đi làm, xong việc hãy trở lại. Đây là đêm cuối cùng của đơn vị này. Ông sĩ quan Tiếp liệu hỏi toàn những câu lẩn thẩn về sổ sách kế toán giải quyết làm sao v.v.. Tôi bảo một chuẩn úy trẻ:

"Cậu chạy ra ngoài, lấy cái xe của tôi đi một vòng coi lính gác, rán giữ vững đơn vị cho tới sáng mai. Cũng chả có gì lo đâu, Việt cộng thì còn đang lo tấn công cỡ đại đơn vị, họ không thèm tấn công các doanh trại đâu, nhưng cứ cẩn thận là hơn."

"Đại úy, mai mình rút vào trong Qui Nhơn, có phải phá hủy những máy điện không?"

"Phá hủy làm gì, máy điện để cung cấp ánh sáng chứ Việt cộng có dùng nó để cho điện giật bọn mình chết đâu mà sợ. Có mấy khẩu đại liên 50, anh đem hết hộp cơ bằm, vát xuống giếng, đạn cũng bỏ xuống giếng luôn. Biết đâu mình có ngày về trại còn biết chỗ vớt lên mà xài."

"Mai mấy giờ mình đi Đại úy?"

"Mình không rút luôn một lần đâu, cứ thông thả mỗi lần đi như đi chợ mưòi, mưòi lăm người một chuyến GMC, dẫu sao mình chỉ thực sự bỏ khi đoàn xe ở Nha Trang về. Sáng mai cho thiêu hủy hết những hồ sơ không cần thiết. Dặn lính đứng có từ biệt người quen, chủ nợ gì cả. Cứ tà tà mà đi. Sáng mai bảy giờ đại đội cho tôi một trung đội tăng phái đồn Quân cảnh Qui Nhơn trước. Trung úy Kiệt sẽ giao cho ông năm chiếc xe Jeep để đi tuần, cộng với một chiếc của mình là sáu. Ông Thiếu úy ở ban Nhân viên là trưởng toán này. Tôi có dặn Trung úy Kiệt ở ngoài đó rồi. Anh gắn cho tôi hai khẩu M60 trên xe chạy đầu và xe chạy cuối. Giữ tốc độ tuần tiểu độ mưòi cây số giờ. Đi khắp hang cùng ngõ hẻm."

"Hết rượu rồi Đại úy."

"Hết thì đi ngủ. Đào đâu ra nữa bây giờ?"

\*

Ngày N + 13, 8 giờ 30 sáng

Xuất phát từ đồn Quân cảnh Qui Nhơn, một toán tuần tiểu gồm sáu xe Jeep. Một xe có gắn đại liên M60 đi đầu và một xe gắn đại liên đi đoạn hậu. Mỗi xe bốn nhân viên quân cảnh trang bị sắc phục Quân cảnh hành sự, băng Quân cảnh tay trái, nón sắt hai lớp có lưới, đi thật chậm quanh những khu đông đúc nhất. Viên thiếu úy ngồi trên xe đầu, dùng loa phóng thanh đọc một bản thông cáo:

"Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý! Đây là thông cáo đặc biệt của Đại tá Tiểu khu trưởng Tiểu khu Bình Định kiêm Thị trưởng thị xã Qui Nhơn:

"Cùng toàn thể đồng bào của thị xã Qui Nhơn. Như toàn thể đồng bào đã biết, Bắc quân đang dốc toàn lực để xâm lăng miền Nam. Sau những bất lợi ban đầu Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã củng cố lại hàng ngũ, chúng ta đang chặn đứng đà tiến của Bắc quân tại Bồng Sơn. Chúng ta sẽ phản công để chiếm lại những phần đất đã mất. Tôi kêu gọi toàn thể đồng bào hãy bình tĩnh, giới hạn các di chuyển không cần thiết. Lệnh giới nghiêm bắt đầu từ 8 giờ tối tới 6 giờ sáng hôm sau. Tôi tha thiết kêu gọi toàn thể đồng bào triệt để thi hành thông cáo này, ngõ hầu mang trật tự về cho thị xã chúng ta, để quân đội rảnh tay chặn đánh những đạo quân tiên phong của Cộng sản Bắc Việt đang xuất hiện ở ngưỡng cửa thị xã chúng ta.

Qui Nhơn, ngày... tháng... năm...

Đại tá Tỉnh trưởng Qui Nhơn, kiêm Tiểu khu trưởng Tiểu khu Bình Định."

Từ một xe Jeep khác, một giọng đặc biệt Bình Định vang lên, tôi chọn Trung úy Đại đội trưởng để đọc bản văn thứ hai này, bởi lẽ ông là người Bình Định, sinh ra và lớn lên ở đây:

"Cùng toàn thể thanh niên của thị xã Qui Nhơn nói riêng và tỉnh Bình Định nói chung. Chính nơi đây hai thế kỷ trước Quang Trung Hoàng Đế đã phát ngọn cờ đào để dựng lên nghiệp lớn. Chính nơi đây ca dao tục ngữ đã xác định tinh thần thượng võ của chúng ta:

Ai về Bình Định mà coi

Đàn bà cũng biết múa roi đánh quyền.

Hỡi các con cháu của Quang Trung Đại Đế. Chúng ta không thể để cho phương Bắc, tay sai của con cháu Tôn Sĩ Nghị đặt chân chúng lên phần đất của Quang Trung Hoàng Đế. Chúng ta phải chặn đứng bọn tay sai của đế quốc Cộng sản lăm le thôn tính chúng ta. Đất nước đang lâm nguy, và Qui Nhơn, Bình Định thân yêu của chúng ta đang nằm trong tầm đại bác của bọn Cộng sản vô thần.

Hỡi thanh niên của Bình Định, các bạn là con cháu chằng những của Quang Trung Đại đế, lại còn là hậu duệ của những Bùi Thị Xuân, Trần Quang Diệu, những danh tướng xa xưa đã từng đem máu xương mình, trộn vào mảnh đất cát rồn chôn nhau. Hỡi các quân nhân còn đang nghỉ phép tại nhà, hỡi các thanh niên bắt phục tòng và đào ngũ. Các bạn hãy mạnh dạn đứng lên bảo vệ chính đất đai của các bạn, chính gia quyến của các bạn. Hãy mạnh dạn đứng lên, những lỗi lầm cũ nếu có sẽ được xóa bỏ. Hãy đứng lên an nguy của tỉnh nhà không phải chỉ nằm trong tay quân đội mà thôi. Nó còn nằm ngay trong tay của chính các bạn. Phòng tuyến mộ nhập ngũ của Tiểu khu Bình Định cũng như Quân trấn Qui Nhơn lúc nào cũng mở cửa để đón các bạn tình nguyện trong đoàn quân chống giữ tỉnh nhà."

Tôi chưa bao giờ viết diễn văn, thông cáo, và đã phải mất bốn tiếng đồng hồ đêm qua, viết và xé không biết bao nhiêu lần mới thành hai bản văn tương đối tạm tạm này. Đọc lại nó tôi rất ngượng, dầu thế nào cũng phải làm một cái gì. Ít hay nhiều tôi rất thành thực trong hai bản thông cáo đó, tôi không bưng bít sự thật, Cộng sản hiện mới chỉ ngấp nghé ở Bồng Sơn, tôi không nói láo là quân ta đang chiến thắng. Tôi ngượng ở chỗ không nói hết sự thật là chúng ta đang bại. Tôi có ý tìm ông sĩ quan Trưởng phòng 5 của Tiểu khu Bình Định, nhưng không thể gặp được ông ta. Chính ra loại văn chương

thông cáo này là nhiệm vụ của phòng Tâm lý chiến. Lẽ ra họ phải có một xe phóng thanh đi với chúng tôi, cực chẳng đã tôi đành phải viết hai bản thông cáo này và sử dụng máy phóng thanh xách tay của đơn vị.

\*

Ngày N + 13, 11 giờ sáng

Trung tá Tham mưu trưởng Tiểu khu Bình định muốn gặp tôi ở đầu dây điện thoại. Ông ngỡ ý khen ngợi và kêu tôi tiếp tục như vậy, ông ghi nhận thành phố có vẻ có trật tự lại. Ông đã chỉ thị cho Cảnh sát Dã chiến gác trên các cao ốc trong thành phố.

Ông hỏi có cần ông giúp gì không? Được dịp tôi xin ông lương khô và nhiên liệu càng nhiều càng tốt. Ông cho biết nhiên liệu thì nhiều vô số kể, nhưng lương khô thì ông không biết có hay không. Tuy nhiên ông cũng vẫn ký giấy cấp phát cho đơn vị tôi 500 khẩu phần lương khô. Lãnh được hay không là do còn hay hết.

\*

Ngày N + 13, 12 giờ 30 trưa

Tôi và Trung úy Kiệm gặp nhau riêng trong văn phòng của Kiệm, bây giờ tôi đang ở nhờ làm gì còn văn phòng. Tôi nói với Kiệm:

"Tôi có chuyện tối quan trọng muốn bàn với ông."

"Bộ mình rút ngay bây giờ hờ Đại úy."

"Không phải, nhưng có liên quan đến chuyện rút lui."

"Đại úy chạy từ Pleiku rồi về tới đây. Thấy cái gì phải làm Đại úy cứ ra lệnh."

"Bây giờ cậu cho tôi một chiếc Jeep tuần tiễu quanh Ty ngân khố, nếu cần thì cho một người túc trực ở đó."

"Bộ mình định làm một cú đặng có tiền chạy hay sao?"

"Cậu điên rồi, nội cái ý đó không cũng đủ mười năm tù, còn thực hiện nó thì phải bắn. Nhưng ý cậu cũng không sai ý mấy xếp bự là mấy. Người ta sẽ ẵm bạc trước rồi mới dọt. Mình cho người túc trực ở đó, hễ các xếp bự đến đây là sắp dọt đó. Tôi cho một xe Jeep đi bên cạnh Đại tá Tiểu khu trưởng, ngoại trừ việc để củng cố uy quyền, cũng có vụ này luôn. Bây giờ mình phải có hai tần số để liên lạc. Một tần số chung với tần số của Tiểu khu. Nhưng khi nào phải báo động cho đơn vị thì dặn các toán tuần tiễu vào máy xin đổi sang tần số làm việc riêng của mình. Thế là đủ hiểu."

"Đại úy đã nói vậy thì cứ như thế mà làm."

"Bây giờ cậu dặn riêng cái toán tuần tiễu ở kho bạc cho tôi, còn toán đi với Đại tá Tình trưởng tôi đã dặn họ rất kỹ rồi. Tuyệt đối kín và tuyệt đối tinh táo. Tình hình ở bến tàu ra sao?"

"Nản lòng lắm đại ca, quân dụng đi cũng lắm và điểm dọt theo cũng nhiều. Em nào cũng nói là vợ con quân nhân."

"Lính của mình có đủ để làm việc ở ngoài đó không?"

"Dư nữa là khác Đại úy."

"Chiều nay tập họp binh sĩ, cậu thay mặt tôi phổ biến một nội lệnh thông báo cho mọi người biết kể từ giờ phút này mỗi người trong lúc hành sự, thi hành công tác v.v... phải mang đủ hai bộ quần áo, lương khô và súng đạn đầy đủ. Tất cả những thứ này để ngay trên xe tuần tiễu. Cậu họp với mấy sĩ quan bên đại đội chuyên trách, phân phối trước xe cộ cho từng toán, từng tiểu đội, chớ có làm ồn lên. Về phương tiện tôi có ba GMC, hai xe Dodge cùng năm xe Jeep. Nhập quân số hai đơn vị lại, cộng chung số xe cộ và phân phối cho hợp lý. Bây giờ tôi về lại Phú Tài. Xế chiều tôi sẽ ra."

\*

Ngày N + 13, 2 giờ 30 chiều

Mãi hai ngày nay, bây giờ mới có chút thì giờ để thờ. Tôi nói Phúc lái xe tạt qua nhà. Căn nhà vô chủ nào cũng lạnh lẽo, cũng vô duyên. Phúc làm như quen thuộc căn nhà hơn tôi. Hấn lôi ra đủ thứ để ăn được, để gói được mang đi, những thứ ăn tại chỗ, những thứ ăn dọc đường, gã thấy tôi nhìn chăm chú gã nói:

"Những thứ này chị Hải làm sẵn, dặn em lo cho anh, chị với Bác lo cho anh quá trời. Chị dặn em đủ thứ việc nào là anh không thích ăn cá, anh thích ăn phở, không thích mì, thích hủ tiếu bò viên có gân, sách v.v..."

Tôi băng khuâng, không biết giờ này vợ con tôi đang làm gì? Còn ở Nha Trang hay đã vô được Sài Gòn. Sáng nay liên lạc với Đại úy Vũ đồn Quân cảnh Nha Trang, song không được gặp. Tôi liên lạc với Võ Ý cũng không được, chỉ gặp Trung tá Trang của Sư đoàn 2 Không quân, ông cũng không hứa hẹn được điều gì. Ông chỉ nói là sẽ cố để giúp vợ con tôi một chỗ ngồi trong phi cơ quân sự.

"Hôm qua em hỏi thằng Quang nó đi với mẹ hay ở với bố. Nó nói với em nó muốn ở với bố. Thằng nhỏ trông giống anh như hai giọt nước. Con Hằng cũng giống anh, nhưng có vẻ giống chị Hải nhiều hơn. Nếu không có giặc giã chắc anh chị hạnh phúc lắm."

"Chú làm gì vậy?"

"Em nấu bậy bạ nồi cơm, có thức ăn sẵn anh em mình làm một bụng. Nói đại có chết bất đắc kỳ tử thì mình cũng no, không có làm ma đói khổ lắm."

Tới bỏ lên lầu. Căn nhà bốn tầng này là kết quả buôn tần, bán tảo của một đời bà mẹ vợ tôi. Ông già có vợ hai ở trên Pleiku, một tay bà cụ gây dựng cho các con, tôi nhìn quanh



các phòng. Trên bức tường phòng chính của lầu hai, hình vợ chồng tôi hôm đám cưới, hình hai đứa nhỏ. Đây chắc là phòng bà cụ dành cho vợ tôi. Tôi lên lầu ba, một căn phòng để thờ Phật Tổ, có hình bà cụ ngoại của vợ tôi, mới mất được hai năm, có hình cô em vợ tôi mới chết vì đau màng óc được mấy tháng. Tôi leo tuốt lên sân thượng.

Từ trên vị trí cao này nhìn được bao quát cả thành phố Qui Nhơn. Biển vẫn trong và xanh, nhưng cái chợ ồn ào náo nhiệt khi trước chỉ có vài người lèo tèo qua lại. Tôi đã thấy những thành phố chết: Pleiku, Phú Bổn và bây giờ là Qui Nhơn, mỗi nơi chết một cách khác. Pleiku nơi có cả trăm ngàn quân, hàng trăm đơn vị lớn nhỏ chết như mảnh hổ trúng ngọn lao chí tử, nó lỏng lên, sải bốn vó trên đường chạy trốn. Phú Bổn lại giống như một con nai trúng đạn, nằm thõ dốc chờ chết. Nhưng Qui Nhơn thì khác hẳn, nó cũng là mảnh thú, chưa bị trúng lao, chưa bị trúng tên, nhưng đang bị dồn tới đường cùng. Hẻm núi ở trước mặt lại bị chặn, nó đang co cái thân thể khô vĩa lại. Nó biết được những gì sắp đến nên trông rõ sự đau đớn tuyệt vọng nơi mỗi con đường, mỗi ngõ hẻm, mỗi căn nhà, và mỗi người dân. Tôi thèm được nghe tiếng ngựa hí, voi lồng, quân reo, trống thúc. Nhưng tôi chỉ nghe được tiếng chân rón rén của Phúc lên gọi tôi xuống ăn cơm.

\*

Ngày N + 13, 3 giờ chiều

Đích thân tôi lái xe tới nhà Nguyễn Mộng Giác. Nhà đóng im ỉm, gọi cửa mãi không thấy ai trả lời. À thì ra tên thầy giáo trông có vẻ lù đù hiền hòa này không chậm chạp như tôi nghĩ, lại thêm một Từ Thứ nữa thoát thân. Tôi lái xe tới nhà Lữ Quỳnh, gã còn ở trong trại chưa về, gặp vợ Lữ Quỳnh mới biết Giác đi về Sài Gòn khá lâu, thế mà hồi nãy tôi nghĩ sai về Giác, dẫu sao cũng được, còn ai là bạn tôi ở thành phố này, tôi đều muốn họ có cánh mà bay cho hết.

\*

Ngày N + 13, 3 giờ 30 chiều.

Phúc vừa lái xe lọt vào trong cổng trại tôi đã thấy ông bác sĩ Huấn đứng thờ thẩn nơi hành lang. Tôi giận điên người lên. Cái ông này chậm hiểu thế mà lại đậu được bác sĩ. Tôi đã dặn kỹ ông ta là không vội ra ngoài này. Có ai phạt vạ gì đâu mà ra sớm thế. Tôi cố giữ giọng hòa nhã hỏi:

"Sao ra sớm thế ông Đốc? Có lo được thuốc men cho đầy đủ không?"

Huấn cười, cái cười không ai có thể giận được, anh nói nhỏ nhẹ:

"Thưa Đại úy không. Ở trong đó cũng như ngoài này, chẳng có ai làm việc, tôi có chờ thêm vài ngày nữa cũng thế thôi. Nha Trang cũng thế, Qui Nhơn cũng vậy. Tôi muốn ra ngoài này với đơn vị."

Tôi nhìn thật sâu vào mắt Huấn, tôi thấy rõ là Huấn hiểu những ý ngầm của tôi. Có thể

anh muốn ra đây chia sẻ với mọi người, anh như có mặc cảm phạm tội nếu ở lại Nha Trang, đây không phải là phạm kỷ luật của quân đội, bởi lẽ anh đọc rõ ý tôi là ở lại trong đó. Anh muốn ra ngoài này đó là tình đồng đội, tình Người, và cũng có thể đó là lương tâm của một y sĩ trẻ. Đột nhiên tôi nhớ lại lời vợ tôi nói hôm nào:

"Người ta chết nhiều quá. Lại chết toàn người tốt bụng không à?"

Tôi vỗ vai Huấn hỏi thân ái:

"Ông Đốc ăn gì chưa? Chú Phúc ơi, làm cái gì ăn đi có chết cũng thành con ma no. Bảo mấy ông ở Nha Trang mới về lại ăn luôn một thể. Ăn xong là bọn mình dọt, ăn xong là già biệt Phú Tài."

\*

Ngày N + 13, 4 giờ chiều

Chuông điện thoại reo vang, tôi cũng không buồn nhấc, Phúc cầm lấy ống nghe, gã nói:

"Anh ở bên ban Truyền tin gọi anh xuống, có một ông Thiếu tá nào ở Cục An ninh Quân đội Sài Gòn muốn nói chuyện trực tiếp với anh trên máy siêu tần số. Tôi đứng dậy ra ngoài. Thì ra bố mẹ tôi ở Sài Gòn quá nóng ruột, đã nhờ một ông chú họ liên lạc với tôi. Tôi nhờ chú thưa với bố mẹ tôi là vợ con tôi đã vào Nha Trang, ở nhà đừng lo cho tôi lắm."

Bây giờ tôi mới nhớ mẹ tôi. Dường như trong đời tôi hiếm khi nào tôi nhớ tới mẹ. Tôi nhớ bà cụ lo cho tôi từng lọ chà bông khi tôi học ở Thủ Đức. Hồi đó khi nói chuyện quân trường tập diễn binh cho cả nhà nghe, bọn sinh viên sĩ quan chúng tôi hay đếm bò, gà, cá, heo thay vì đếm một hai ba bốn. Bà cụ hỏi tại sao lại đếm bò, gà, cá, heo. Tôi giải thích đó là thực đơn của trường cứ một bữa ăn bò, một bữa gà, một bữa cá, một bữa heo. Bà cụ biết tôi không ăn cá, nên tuần sau về phép tôi có một hũ chà bông, khi thì giò kho khô. Tôi nhớ tới bố tôi, tôi nhớ tới bài thơ làm riêng cho ông cụ:

...Chúng con đem xương máu đắp đường,

Nâng gót chân cha trở về nhàn hạ...

Đường về chắc chắn lại không có trong đời bố tôi. Đường đi cho đời tôi rồi lại cũng không có nốt. Không biết đời các con tôi sẽ ra sao?

Tôi ngồi thừ ra ở trong phòng truyền tin, tiếng rè rè của cái loa khuếch âm của hệ thống siêu tần số đều đều liên tục, Phúc liền vào nói:

"Anh về ăn cơm, bác sĩ Huấn và mọi người đang đợi anh."

\*

Ngày N + 13, 5 giờ chiều

Thế là chúng tôi bỏ lại đơn vị, chúng tôi đi trong lặng lẽ, ông sĩ quan Tiếp liệu trước khi đi còn khóa cổng đơn vị bằng ba cái khóa tổ chảng. Doanh trại này tôi mới ở có ba ngày. Thế mà tôi nhớ từng pháo đài, từng vọng gác, từng cái bóng đèn hàng rào phòng thủ. Nói chi tới sân cờ, tới phòng hội, câu lạc bộ. Phải chi tôi đổi về đây vài tháng trước, có một ít ngày thần tiên với vợ con. Phải chi... ước chi... Nếu mà...

\*

Ngày N + 13, 5 giờ 30 chiều

Xe rẽ vào đồn Quân cảnh Qui Nhơn, tôi đã thấy ló nhỏ một đám thanh niên quân phục lẫn thường phục. Tôi hơi ngạc nhiên vì sự hiện diện của đám người này, thì Trung úy Kiệm đến chào và nói:

"Kết quả mấy cái thông cáo của Đại úy đó. Anh Ba giỏi thật, làm những việc ít người làm, văn chương cũng hay nữa."

Tự nhiên bụng tôi quặn lại. Sao mà nhiều oái oăm thế này, muốn ông Huấn ở Nha Trang thì ông lù lù vác xác ra, viết hai cái thông cáo phản chính để dân chúng bớt dao động, hoảng hốt, lại vồ được vài chục ông đi trình diện. Miền Nam đâu cần vài chục người, cần trăm ngàn người nữa kìa. Thật ra cũng không cần thêm người, chỉ cần những người chỉ huy, quyết tâm đánh. Quang Trung Hoàng Đế đâu có nhiều quân. Tôi nói với Kiệm:

"Không phải vì văn chương đâu, vì họ sợ bị bắt đó. Chưa bao giờ Qui Nhơn lại được tuần tiểu kinh hoàng như vậy, họ trình diện là vì sợ đó thôi. Ngày mai ông cho đọc một cái thông cáo kêu gọi dân giữ trật tự thôi. Tôi không muốn đọc cái thông cáo số hai nữa. Nướng thêm một số người cũng chẳng ích gì. Ông vẫn cho người thường trực ở Kho bạc phải không?"

"Dạ, ngoài ra tôi có tăng cường thêm nhân viên của trại giam để lập tuyến tri binh phía bắc thành phố. Tôi không muốn đưa nhân viên đi quá xa. Tôi chỉ tăng cường thêm nửa tiểu đội nhân viên ở Trạm kiểm soát phía bắc."

"Vậ đủ rồi. Từ giờ trở đi đào binh trình diện thì giữ lại chuyển qua phòng 1, còn thanh niên tình nguyện thì kiếm cơ cho họ về nhà."

"Đại úy, tôi nghe tin đồn là mình sẽ nhường cho Mặt trận Giải phóng từ vĩ tuyến 14 ra nghĩa là cỡ từ Nha Trang ra. Đại úy nghĩ coi có lý không?"

"Tôi cũng muốn tin như thế lắm. Nhưng giả thử nếu ông có thể đớp được cả tô phở trong lúc đói mờ người, ông có sẽ cho thằng khác nữa tô không?"

"Không, nhưng chuyện này đâu có giống tô phở, Đại úy."

"Nó vậy đó, chúng ta chỉ là dăm cọng giá trong tô phở đó mà thôi."

\*

Ngày N + 13, 8 giờ tối

Vài sĩ quan bên Quân cảnh Tư pháp lại thăm, họ hỏi tôi về dự tính thế nào trong những ngày sắp tới. Phần lớn họ cùng khóa với Trung úy Kiệm, đôi người là học viên của tôi ở trường Quân cảnh. Cũng như Kiệm họ có được thông báo một bản về vị trí của tôi: "Cái chức vụ Chỉ huy trưởng Quân cảnh khu chiến miền bắc" nghe vừa giễu, vừa nhà quê. Họ nửa như muốn nhập chung chạy với tụi tôi khi rút lui, nửa họ lại muốn độc lập. Họ dò ý kiến, tôi thì sẵn sàng nếu họ ngờ ý, nhưng tôi không muốn tự mình gánh thêm một chút trách nhiệm bâng quơ. Tôi có cả ngàn mối lo. Họ thì chỉ muốn biết lúc nào tôi dọt, để dọt theo, nhưng không muốn đi cùng đoàn. Do đó hai bên nói chuyện nhạt nhẽo, gượng gạo. Kiệm nói với tôi:

"Mặt trận Bồng Sơn chắc sẽ vỡ không chịu nổi. Hôm nay ở Trại kiểm soát mạn bắc dân chạy về lũ lượt anh Ba à."

"Tôi không sợ Việt cộng tấn công, tôi chỉ lo đêm nay nó tung một tiểu đoàn án ngữ quốc lộ 1 chỗ đồi núi hiểm trở như đèo Đại Lãnh là bọn mình như cá ở trong rọ rồi."

"Ngày mai mình dọt đi anh Ba."

"Tôi cam đoan với cậu mình sẽ dọt ngay khi nào những xếp lớn dọt. Tôi không muốn dọt. Tôi muốn đứng lại chiến đấu như những người LÍNH."

"Anh Ba à, lính của mình người ta gọi trại đi quân cảnh là quân kiểng đó, mình là lính kiểng mà nhập cả hai đơn vị lại chưa được hai trăm mống. Đánh chắc cái gì anh Ba."

"Từ hôm ra ngoài này tới giờ, tôi chưa bao giờ có ý định đánh nhau, tử thủ gì cả, bởi tôi biết rõ phẩm chất đơn vị mình, biết rõ những người lính của mình. Cái mà tôi toan tính phần lớn là chuyện rút lui, nhưng không thể bỏ chạy nhục nhã như thế. Hễ còn những người chiến đấu phía trước mặt, thì tôi còn ở lại đây. Chẳng để làm gì cả. Nhưng phải ở lại cho tới khi không thể ở lại."

"Thôi kệ mẹ mọi chuyện, anh Ba cho mời mấy ông kệ của anh Ba lại nhậu vài ly chơi."

"Ông đã cho đi tản vợ con binh sĩ của ông chưa? Tôi nản cái cảnh lúc hữu sự vợ bừ, con dúi lấm."

"Tụi tôi đâu có xe GMC như anh Ba. Nhưng mà tụi nó cũng cho vợ con về nhiều lắm rồi. Những người nào ở lại phần lớn là người địa phương."

"Tôi báo trước cho ông biết, lúc phải đi là sẽ đi liền trong năm phút, mười phút không có chờ đợi bất cứ ai."

"Được rồi anh Ba. Kệ mẹ nó, đi nhậu anh Ba."

\*

Ngày N + 13, 11 giờ đêm

Tôi nói với Phúc:

"Chú lái xe cho anh đi xem toán tuần tiễu làm ăn ra sao." Phúc và tôi chưa kịp leo lên xe thì đằng sau đã có tiếng người:

"Anh Ba cho tôi đi với."

Tôi quay lại, bác sĩ Huấn ngượng ngập khi gọi tôi là anh Ba, nhưng tôi đọc trong mắt anh, tất cả những gì quý mến. Có hai sĩ quan trẻ nữa cũng nói theo:

"Anh Ba cho tụi em đi với. Ở đồn này muốn đi lên."

Tôi nói với Phúc:

"Thôi chú để anh lái, chẳng lẽ bắt ông Đốc ngồi đằng sau. Mà có buồn ngủ ở nhà mà ngủ, anh đi với ba ông kẹ này được rồi."

"Không em muốn đi, để em vào mang cây súng "Đại Cờ Việt" theo hể có thằng Việt cộng mà mẹ nào em quạt cho nó về với Bác Hồ luôn."

Thành phố không một bóng người, những con chó nhớ chủ lang thang trong các ngõ hẻm, tụ tập nơi những đồng rác. Những con chuột chạy nhón nhợ trong bóng tối. Qui Nhơn như một con mãnh thú, đã lột lưới thợ săn, nhưng chưa bị một cái lao, một mũi tên nào. Nó vùng vẫy trong cái lưới cứ mỗi lúc mỗi thu hẹp. Bây giờ nó đang thở dốc. Nó đang thở dồn dập chờ người ta xỏ một cái đòn lòn dưới bụng nó, trói bốn chân lại thế là xong.

Tôi bắt gặp toán tuần tiễu đang chạy vòng khu chợ, thấy xe tôi, họ ngừng lại. Tôi nói với Thiếu úy trưởng toán tuần tiễu cứ tiếp tục, tôi cho xe chạy vào hàng thứ hai, bản thông cáo số 1 tôi viết đại thay lời ông Tỉnh trưởng kêu gọi dân chúng giữ trật tự được đọc vang lên trong bóng đêm. Tôi ra dấu cho ngừng lại, tôi bảo người sĩ quan trưởng toán:

"Thôi ông đừng đọc nữa. Nghe nản bỏ mẹ, ông không thấy là người ta đã giữ trật tự rồi đó sao, có ai di chuyển nữa đâu mà ông cứ đọc hoài. Phải biết lúc nào cần làm gì thì làm chứ cứ như cái máy ấy."

Xe tiếp tục chạy trong thành phố như đi trên mây. Tôi quay lại hỏi hai người ngồi sau:

"Mấy ông có vợ con gì chưa?"

"Chưa anh Ba. Tụi em còn là con bà phước."

"Thế là tốt rồi. Vợ con lúc nào có chả được. Còn trẻ mà, tàn cơn chinh chiến rồi tha hồ mà vợ con."

"Còn ông Đốc gởi bà ấy ở đâu?"

"Nhà tôi có bà cô ruột ở Nha Trang. Tôi biết Anh Ba có ý muốn tôi ở lại Nha Trang, nhưng thú thật với anh Ba, tôi thấy ở trong đó nản quá. Giá chạy được vào Sài Gòn ngay thì tôi đưa vợ tôi về Sài Gòn rồi mới mò ra, nhưng mà đâu có phương tiện để đi. Vợ tôi nó cũng đòi ra lại ngoài này. Sáng nay nó đi chợ mua cả đồ ăn cho tôi. Nó biểu Đại úy chực nem với một cây giò, nãy giờ tôi đâu có dịp đưa cho anh Ba."

"Thôi ông cứ giữ lấy, bà xã tôi mua cả đồ ăn để trong tủ lạnh ở nhà. Thằng ma gà Phúc này cứ vài tiếng lại về nhà vồ ra ăn. Nó sợ làm ma đói lắm."

"Trung úy Kiệm có đưa một cô nào đó vô trong đồn Quân cảnh đó anh." Phúc góp vào.

"Kệ ông ấy, mình ở nhờ nhà người ta mà."

"Còn hai ông kệ ngồi sau có ông nào cần dẫn cô nào chạy không? Nếu là người tử tế, người yếu của các ông thì tôi chấp nhận được. Còn bán ba hay là cà chớn thì đừng có mang theo, xui cả đám đó."

"Không có đâu anh Ba."

"Về nhà nhậu đi anh, bác sĩ Huấn nói bà ấy gọi biểu anh nem thì về cho rồi. Thành phố gì mà như nghĩa địa ấy."

"Mày chỉ sợ là ma đói thôi. O.K. về nhậu."

\*

Ngày N + 14, 9 giờ sáng

Trung úy Kiệm lái xe đưa tôi đi quan sát bến tàu. Quân dụng, cơ giới xếp hàng chờ xuống tàu dài cả cây số. Tôi nói với Kiệm:

"Anh check lại máy truyền tin của họ hộ tôi. Tôi không muốn còn sót lại dù chỉ là một người lính."

"Đừng lo anh Ba, máy truyền tin ở đây có hư cũng còn có điện thoại. Chỉ sợ ở trạm kiểm soát phía bắc thôi."

"Tôi nghĩ đến chuyện này rồi. Khi phải rút thì toán tuần tiểu đương phiên vòng lên Trạm kiểm soát bắc bốc hết nhân viên ở đó. Toán ở bến tàu thì đã có xe cơ hữu, trạm kiểm soát mặt nam thì đương nhiên đoàn xe của mình sẽ ngang qua đó."

"Anh Ba mà không về thì tụi tôi không biết đường nào mà mò."

"Ông nói vậy thì biết vậy, chứ ông đâu có vừa gì. Đã cho vợ con về trước, phút chót này ra một cô bồ ở trong đồn. Có mình ông tôi nghĩ ông dám vồ ty Ngân khổ lắm."

"Anh Ba nói vậy tội nghiệp. Vồ ty Ngân khổ để mà bị xử bán à."

"Thôi về đi ông."

\*

Ngày N + 14, 12 giờ trưa

Đang ăn cơm ở đồn Quân cảnh Qui Nhơn với Kiệt, Huấn v.v... bỗng tôi nghe cái loa của máy truyền tin vang lên rõ mồn một:

"Phú Quốc gọi Đống Đa Hồng Hà."

Phú Quốc là danh hiệu tôi đặt cho toán hộ tổng của Đại tá Tiểu khu trưởng. Hồng Hà là danh hiệu của tôi. Tôi nuốt vội miếng cơm vừa và, bước tới bực điều hành chỗ để máy.

"Phú Quốc gọi Hồng Hà trả lời."

"Hồng Hà nghe đây."

"Phú Quốc đang vào tần số liên lạc stop. Hồng Hà trả lời."

Năm phút trôi qua, tôi chuyển sang tần số riêng, giọng Thượng sĩ Điệp một nhân viên cũ của tôi ở Pleiku, nhanh nhẹn, tháo vát, một hảo thủ bóng chuyền của cả Quân đoàn 2 được tôi cử đi trưởng toán này. Qua tần số mới giọng Điệp vang lên:

"Phú Quốc gọi Hồng Hà. Trả lời."

"Không cần phải ngại thọa nữa. Cứ nói thẳng rõ. Hồng Hà tôi nghe đây."

"Trình anh Ba, mặt trời lên con chim, có cả sao hai nữa. Mọi khi đi tôi đều được chỉ thị, kỳ này không."

"Anh đang ở đâu?"

"Cách anh Ba bốn sải phía trước mặt."

Vậy là họ ở cách đây bốn mươi cây số về phương bắc. Vậy là họ đang ở Bộ Tư lệnh Tiền phương Sư đoàn 22, có sao hai nữa tức là có cả Thiếu tướng Tư lệnh Sư đoàn 22. Như vậy là Bồng Sơn vỡ rồi, không biết họ có lập phòng tuyến mới ở phía sau không? Nếu lập phòng tuyến mới ở Phù Cát thì Qui Nhơn còn đứng vững được hai, ba ngày nữa. Nếu không Qui Nhơn sẽ vỡ ngay chiều nay. Tôi nói với Điệp:

"Anh cứ Zu-lu đi, tôi cho người lên thế."

"Tôi nghe Hồng Hà năm."

Rồi máy truyền tin, tôi quay vào bàn ăn nói với Kiệt và Trung úy Đại đội trưởng của tôi:

"Rồi, không có gì cuống quít cả. Người nào đội nấy, Kiệt cho gọi người của mình ở bên

tàu về, chỉ thị toán tuần tiểu đương phiên cứ đi tuần như thường lệ, tiến lên phía bắc đón toán kiểm soát trì binh của mình rồi tiếp tục đi tuần trong thị xã. Khi nào có lệnh sẽ không quay về đồn. Hẹn gặp họ ở trạm kiểm soát phía nam rồi từ đó mình đi luôn. Tôi còn chờ báo cáo của toán tuần tiểu ngoài ty Ngân khố. Còn ông cho tập hợp 27 tù binh lại."

Tôi muốn nói chuyện với họ. Tôi nghe một giọng nói băng quơ ở ngoài vọng vào:

"Bản mẹ nó hết đi anh Ba."

Ngày N + 14, | 2 giờ 30

Đây là lần đầu tiên và có lẽ là lần cuối cùng tôi nói chuyện trực tiếp với tù binh. Họ có vẻ lo sợ trong đáy mắt. Dĩ nhiên họ cũng đánh hơi được cái gì bao quanh họ. Họ sợ tôi bạo hành, ngược đãi họ. Không một ai già cả trong đám này. Họ đều là tù binh Bắc Việt xâm nhập. Tôi từ tốn nói với họ:

"Tôi là Chỉ huy trưởng mới của các anh. Thiếu tá Đèo Ngọc Thanh đã đổi đi đơn vị khác. Ở đây ai có cấp bậc cao nhất?"

Thái độ cố hữu của tù binh Cộng sản là không bao giờ trả lời.

"Tôi nắm hồ sơ của các anh trong tay. Tôi biết ai là người có cấp bậc cao nhất. Nhưng tôi muốn xem thái độ cộng tác của các anh mà thôi. Cốt cách của các anh tôi biết rất rõ. Hiện tình hình chiến sự bất lợi cho chúng tôi. Tôi được lệnh di chuyển các anh tới chỗ an toàn hơn. Tôi muốn bảo vệ sinh mạng các anh. Nhưng các anh phải tự bảo vệ các anh trước bằng cách tuyệt đối thi hành những mệnh lệnh do toán áp giải của tôi ban ra. Khi di chuyển trên xe phải ngồi, không một ai được đứng. Không được nói chuyện. Nói tóm lại càng giữ im lặng càng tốt. Tôi sẽ có lệnh riêng cho toán áp giải các anh." Quay qua ông Đại đội trưởng chuyên trách tù binh tôi nói nhỏ:

"Ông đã cho chỉ thị đặc biệt cho nhân viên đi xe này chưa? Còng tay họ lại, nếu cần bịt mắt. Về kỹ thuật giải giao trên xe chắc tôi không phải nhắc các anh phải không?"

"Tôi có ra lệnh rõ ràng chi tiết cho họ rồi. Cũng không cần phải bịt mắt vì xe đó tôi có cho chằng bạt kỹ lưỡng rồi. Chỉ có người tò mò tới tận nơi mới biết xe đó chở tù thôi."

"Mấy giờ rồi ông Kiệm?"

"Mười hai giờ ba lăm, anh Ba."

"Ông đã gọi toán hành sự ở bến tàu về chưa?"

"Họ về rồi."

"Toán tuần tiểu đã bốc người của mình ở trạm kiểm soát chưa?"

"Để tôi lên máy check lại."

Từ máy truyền tin vang lên:

"Kính Kỳ gọi Hồng Hà."

Mọi người căng lên. Kính Kỳ là danh hiệu tôi đặt cho chiếc xe tuần đặc biệt chung quanh Ty Ngân khố. Ai cũng biết cái gì phải đến đã đến.

"Hồng Hà nghe."

"Mặt trời vừa mới mọc."

"Kính Kỳ zu-lu đến nhà mới sẽ có người đổi phiên. Trả lời."

"Tôi nghe Hồng Hà năm."

"Ông Kiệm đâu rồi, check cho tôi toán tuần tiểu đương phiên. Bây giờ là mười hai giờ bốn lăm. Tất cả có mặt ở trạm kiểm soát phía nam thành phố lúc một giờ ba mươi. Xuất phát từ đây ông Kiệm đưa toán tuần liễu hạ phiên chạy vòng vòng trong phố một chút rồi hãy trở xuống hướng nam. Nhớ là tôi không muốn thấy có những người không phải là lính trong đoàn xe. Khoan đã, mình có bao nhiêu xe có gắn đại liên."

"Đồn có bốn, mình có hai anh Ba."

"Đây là thứ tự đoàn xe: toán tuần tiểu thượng phiên đi đầu, kế đó hai xe GMC, một xe



chờ tù có một xe đại liên chạy kế. Rồi tới toán tuần tiễu hạ phiên của ông Kiệm, kế đó là một xe Jeep gắn đại liên, rồi hai xe Dodge, rồi hai GMC còn lại, sau cùng là toán tuần tiễu chốt. Minh có bao nhiêu Jeep cả thấy?"

"Đồn và đại đội D2 Quân cảnh có chín, mình có năm, anh Ba."

"Giữ cho tôi một Jeep đại liên đi sau chốt."

"Trong trường hợp bị phục kích thì sao anh Ba?"

"Thường thường khi phục kích đoàn xe bao giờ địch cũng đánh cắt ra làm hai, ba khúc. Những xe nào đi đầu thoát khỏi đợt đi luôn. Tuyệt đối không quay lại. Những xe bị kẹt lại dĩ nhiên là phải chiến đấu rồi. Bình tĩnh là yếu tố duy nhất để tìm đường sống. Nhảy ngay xuống xe, nấp vào hố, mương, gò đất, gốc cây... Tất cả những xe đại liên nào không trúng đạn giây phút đầu là phải khai hỏa ngay lập tức vào hai vệ đường, đừng có hốt hoảng cứ dằng trước mà nã đạn thì bắn lộn vào quân nhà đó. Phải nhớ là bình tĩnh, bình tĩnh, bình tĩnh."

"Tôi đi được chưa anh Ba?"

"Rồi, anh có năm phút để dặn lính mấy điều vừa rồi, anh đi ngả kho đạn tới trạm kiểm soát nam chờ tôi."

"Bao giờ em đi anh Ba?"

"Toán của ông đi với tôi, chờ ông Kiệm đi trước độ mười phút, toán của ông có hai GMC cứ tà tà đi thẳng quốc lộ 1 không phải vòng vèo đâu."

"Xe anh Ba đi ở chỗ nào?"

"Kế chiếc xe đại liên sau cùng. Kể từ giờ tất cả các máy truyền tin phải mở 24/24."

\*

Ngày N + 14, 1 giờ 30 phút

Tôi nói Thiếu úy Cẩm cứ dẫn đoàn xe đi từ từ tới điểm hẹn, tôi muốn nhìn thành phố Qui Nhơn lần chốt. Chính nơi đây vợ tôi đã sinh ra, và đã lớn lên. Chính nơi đây ngay sau khi thành hôn tôi phải về ra mắt cả họ ngoại vợ tôi. Vì tôi là một anh Bắc Kỳ, mấy người anh em họ với vợ tôi lúc đầu nhìn tôi hơi kỳ, nhưng rồi họ thân với tôi ngay. Chính nơi đây qua Nguyễn Bắc Sơn tôi giao tình với Nguyễn Mộng Giác, Lữ Quỳnh. Từ liên hệ này lan sang những Lữ Kiều, Nguyễn Minh, xem chừng ra Qui Nhơn tặng cho tôi nhiều hơn những nơi khác. Những nơi khác tôi đến với lòng phiền muộn và đi với lòng buồn bã, ở đâu đâu tôi cũng làm rơi vãi tuổi trẻ, ở đâu đâu tôi cũng chỉ thấy cái không khí thời chiến hủy hoại chúng ta đến tận cốt rể. Chỉ nơi đây Qui Nhơn cho tôi được đôi điều ấm cúng của tình người, để sau cùng hết sức oái ăm, hết sức oan trái, tôi đến đây ba ngày nhìn thấy Qui Nhơn rồi cũng chẳng còn gì? Có còn chẳng chỉ là mấy cái tháp của dân Chăm đã dựng cách đây vài thế kỷ. Rồi những tháp Chăm này sẽ đứng vững được bao lâu?

Tôi đi ngang qua một cây cầu nhỏ ở đầu thị xã, mấy người nghĩa quân già vẫn giữ an ninh đầu cầu. Tôi nhìn thấy những cánh bèo của mùa hè đầy hoa tím, tôi nhìn thấy những ngọn lúa ngã rạp dưới gió. Và đây những cao ốc đầu tiên của thành phố, những người cảnh sát dã chiến còn đang đứng gác trên các cao ốc, những bầy sẻ vẫn bay lên, xà xuống, những con én lạc đàn của mùa xuân đang chao mình trong nắng. Tất cả có biết không? Những người có trách nhiệm với Qui Nhơn đang tìm cách đào tẩu. Những người mới mấy tháng trước đây còn khệnh khạng ra vào, còn quyền uy ngập mặt, họ đang cúi đầu xuống, giấu mặt đi, len lén đào tẩu không một lời báo động với thuộc hạ. Cả tôi nữa, tôi đã dàn ra một số những xen kịch đủ để làm cho những người dân yên tâm ở trong nhà, đủ cho những người nghĩa quân già gác trên đường vào thị xã, những người cảnh sát dã chiến phòng thủ trên các cao ốc. Tôi cũng bỏ đi như một tên ăn cắp. Phải chi tôi được chỉ huy bởi những tiểu tướng của Quang Trung. Những tiểu tướng ít

tài nhưng có dư lòng quyết chiến. Đắt Qui Nhơn ời? Sao cay nghiệt thế này.

\*

Ngày N + 14, 1 giờ 45

Bây giờ thì xa hẳn rồi. Qui Nhơn ở đằng sau lưng mười cây số. Trong suốt mười cây số vừa qua, có những lúc tôi giận mình đến nghệt thở, muốn bảo Phúc thắng xe lại, để tôi xuống, đưa cho tôi khẩu "Đại Cờ Việt" của ông Thanh. Tình hình này rồi sớm hay muộn cũng có lúc mình là cá nằm trên thớt. Tại sao không nhân cơ hội cái lưới chưa chụp xuống thì làm bậy một vài đường gươm.

Phải đổi máu của mình lấy một chút gì chứ? Phải đổi thịt của mình lấy một chút gì chứ? Nhưng rồi tôi vẫn ngồi bất động trên xe và bây giờ là đoàn xe trước mặt, Qui Nhơn mười cây số sau lưng.

Tôi biết phẩm chất lính của tôi. Họ đều có người thân ở Nha Trang, Sài Gòn. Và cả tôi nữa. Trăm tay súng của hai đơn vị gộp lại chúng tôi cũng chỉ là một con chốt nhỏ. Bỏ bèn gì. Phúc vừa lái xe vừa liên lạc, gã nói vào ống liên hợp:

"Hồng Hà gọi."

"Phú Quốc nghe năm."

"Kinh Kỳ nghe năm."

"... nghe năm."

"Hồng Hà đã nhìn thấy nhà mới." Tôi giằng lấy cái ống liên hợp nói không ngụy thoại gì cả:

"Kiệm, Cảm cho khởi hành đi, giữ tốc độ đều, khoảng cách đều. Xe đi đầu đừng có chạy nhanh quá."

\*

Ngày N + 14, 3 giờ 20

Qua con dốc này là tôi đã có thể nhìn thấy những cánh đồng đầu tiên của tỉnh Tuy Hoà. Từ cuối đoàn xe tôi thấy chiếc đầu tiên đã lên tới đỉnh. Tự nhiên tốc độ phía trước chậm lại. Tôi nghe báo cáo từ cái loa truyền tin:

"Kinh Kỳ gọi Hồng Hà."

"Tôi nghe."

"Trình anh Ba một GMC bị hư không chạy được."

"Đẩy nó sát vệ đường, san người sang những xe khác. Tôi lên đó ngay bây giờ."

Chiếc xe đã bò lên được đỉnh đèo, tôi bảo Phúc mời mấy sĩ quan lại hội ý với họ một chút. Vài phút sau mọi người hiện diện đủ. Tôi nói:

"Tôi muốn có ý kiến chung về một việc. Bây giờ là ba giờ rưỡi. Mình nghỉ đây nửa tiếng rồi lên đường. Mình có thể tới Tuy Hoà vào lúc hơn năm giờ, nếu mình đi luôn tới nay thì mới có hi vọng tới Nha Trang. Trong trường hợp phải đi đêm tôi muốn biết ý các ông đi thẳng hay ghé Tuy Hoà nghỉ mai đi."

Một phút nặng nề trôi qua. Trung úy Kiệm lên tiếng trước:

"Nghỉ đêm ở đây đi anh Ba. Mình dợt khởi Qui Nhơn rồi. Thế là an toàn tương đối rồi. Đi đêm tôi sợ đường không bảo đảm."

"Ý kiến các ông kia sao?"

"Anh Ba quyết định sao cũng được. Tụi em không có ý kiến."

"Tôi thấy đã đi thì đi luôn. Mình sẽ vượt đèo Đại Lãnh vào lúc sáu giờ rưỡi. Trời hãy còn sáng. Nhớ đêm nay họ chỉ cần có một đại đội mò được đến đây, rồi đóng chốt bít khúc đèo Đại Lãnh lại thì mình công cốc."

Thế là mấy người nhao nhao lên:

"Đi luôn đi anh Ba."

Đúng lúc đó tôi thấy còi xe inh ỏi. Một đoàn xe lẫn lộn năm chiếc vừa Jeep cảnh sát, vừa xe du lịch dân sự lại có thêm một chiếc Jeep nhà binh bắt đầu leo dốc. Đó là đoàn xe của Đại tá Tiểu khu trưởng tiểu khu Bình Định, cùng Trung tá Trưởng ty Cảnh sát. Tôi quay mặt đi, giấu một nụ cười, không có lẽ giấu một hạt lệ thì đúng hơn. Tôi cười vì tôi đã tính đúng giờ khắc phải bỏ. Tôi khóc cho những người ở lại vẫn tin rằng giờ này cấp chỉ huy của họ còn đang hiện diện đâu đó trong nhiệm vụ. Tôi không sợ phải chạm mặt Đại tá ở đây, nhưng không muốn nhìn thấy ông khi đi ngang chỗ tôi, nên cố tình ngồi quay lưng lại. Dầu sao thì tôi cũng chẳng hơn gì ông ta. Nói cho cùng tôi cũng chỉ là một sĩ quan đào nhiệm, dù cho tôi có mang hết được binh sĩ của tôi, tôi vẫn là một cấp chỉ huy hèn nhất không hơn kém. Tôi nghe giọng một người sĩ quan trẻ nói băng quơ:

"Anh Ba Râu nhà mình giỏi thật."

\*

Ngày N + 14, 6 giờ 40

Tuy Hoà ngay trước mặt, có một giây tôi muốn rẽ vào, nhưng xe tôi chạy gần đoạn hậu, tự nhiên tôi thấy nóng ruột kỳ lạ, máy mắt, tim đập loạn xạ. Trong suốt một tháng nay, nhiều lần cái chết xảy ra ngay trước mắt, nhưng chưa bao giờ gặp hiện tượng này. Tôi nói với Phúc:

"Tự nhiên anh linh tính như có chuyện bất trắc sắp xảy ra. Anh muốn trở lại Tuy Hoà đêm nay."

"Chắc tại anh suy nghĩ nhiều quá đó, bây giờ mình trở đầu đoàn xe không kịp đâu anh." Lúc đó tôi mới để ý tới trên đường thiên lý, không phải chỉ có một đoàn xe của tôi. Một đoàn xe khá đông, nhưng tôi đoán chắc là gồm rất nhiều đơn vị, họ qua mặt đoàn xe tôi dễ dàng vì tốc độ của chúng tôi tương đối chậm. Tôi muốn đoàn xe của mình không bị chen kẽ bởi những xe lạ. Tất cả cứ trôi về phương nam trong lúc nắng chiều lịm dần. Ban đầu tôi còn nhìn thấy những xe chạy đầu, dần dần chỉ thấy vài xe trước mặt. Xe đã phải lên đèn, những chiếc xe đầu đoàn đã bắt đầu leo dốc đèo Đại Lãnh. Đúng vào lúc đó tôi thấy một bó lửa tủa ra từ bụi cây ven đường, một chiếc xe chạy bên hông đoàn xe tôi bị trúng đạn, nó chạy nghiêng hai bánh vài chục thước nữa trước khi lật xuống bên vệ đường. Đoàn xe của tôi bị cắt khúc trên đầu bốn chiếc Jeep của toán tuần tiểu một, cùng với chiếc GMC chở tù binh và một chiếc Jeep đại liên đi kế lờng lên chạy về trước. Phúc thắng xe thật gấp, liếc mắt lại đằng sau, thấy đường trống, bẻ quặt tay lái, chân đạp thắng, chiếc xe như oằn lại, chồm lên vệ cỏ bên đường rồi trở mũi ngược lại hướng Tuy Hoà không đầy chớp mắt. Tôi hét to:

"Stop lại." Tôi nhảy xuống núp vào một mô đất ngay bên đường. Cả đoàn xe còn lại của tôi đã dừng lại kịp thời, những binh sĩ trên xe nhảy xuống. Một số người chạy ngược lại phía tôi. Tôi thấy đã đến lúc phải đứng dậy. Tôi xách khẩu "Đại Cò Việt" chạy lên phía trước. Súng nổ ran ở phía đầu đoàn xe. Hai chiếc xe đại liên phía trước khai hỏa không ngừng dọc theo hai vệ đường. Vài binh sĩ xách súng chạy lúp xúp theo tôi. Địch chỉ bắn có một trái B40 rồi thôi. Tôi nói với Kiệt và ông Đại đội trưởng của tôi:

"Đi tiếp hay quay lại?"

"Quay lại đi anh Ba."

"Tôi nghĩ là mình nên đi bừa đi, hiện giờ nó mới có chỉ ít người bắn một trái B40 rồi thôi. Đợi đêm nay nó về đây đông hơn là mình bỏ mẹ."

"Tôi chỉ sợ mình lên được nửa đèo nó lăn đá xuống mình cũng đủ lật xe mà chết."

"O K. mình quay lại. Bây giờ xe tôi đậu đầu, đường hiện trống, các ông ra lệnh cho trở đầu đoàn xe mình về lại Tuy Hoà."

\*

Ngày N + 14, 8 giờ 20 tối

Thiếu úy Huy đồn Quân cảnh Tuy Hoà tới gặp tôi với vẻ mặt lo sợ:

"Ngày mai tôi rút theo Đại úy được không?"

"Ra lệnh cho anh rút không thuộc vào thẩm quyền của tôi. Nhưng nếu anh hỏi tôi giúp cho anh một số ý kiến. Trước tiên là phải tuyệt đối bình tĩnh. Sửa soạn đơn vị kỹ càng. Cất một người lúc nào cũng đi theo hộ tống Đại tá Tỉnh trưởng để có thể biết lúc nào phải rút."

"Cả ngày nay tôi không thấy ông Tiểu khu trưởng."

"Còn ông Tham mưu trưởng thì sao? Tiểu khu ngày hôm nay có làm việc không?"

"Có Đại úy. Buổi trưa nay tôi có họp với toàn thể các sĩ quan trưởng phòng của tiểu khu. Đại tá Tiểu khu trưởng ra một số chỉ thị xong rồi đi từ lúc đó tới bây giờ tôi không thấy."

"Anh có chắc là ông ấy còn ở đây không?"

"Chắc còn Đại úy. Chắc ngày mai tôi dọt theo đoàn xe của Đại úy cho rồi."

Chúng tôi ngồi bó gối nhìn nhau. Đồn Quân cảnh Tuy Hoà nhỏ bằng cái lỗ mũi, quân số của nó vòn vẹn trên dưới có mười bảy, mười tám người. Đột nhiên nó phải chứa hơn trăm người từ Qui Nhơn về, lính ngủ la liệt khắp nơi. Nhưng tôi biết họ nhắm mắt chứ chưa một ai ngủ thật. Tôi, Kiệt, Cẩm, bác sĩ Huấn, Huy và mấy người sĩ quan trẻ tôi chưa thuộc hết tên của trại giam Qui Nhơn đều im lặng hút thuốc. Phúc chạy lăng xăng. Nó mang ở đâu về mấy đòn bánh tét. Phúc cắt ra mời mọi người ăn. Mỗi người cầm một miếng chiếu lệt, Phúc nói với tôi:

"Em kê cái ghế bố cho anh trong phòng Thiếu úy Huy đó, khi nào anh buồn ngủ đã có chỗ sẵn."

"Chú ngủ ở đâu?"

"Em ngủ ở đây."

"Còn mấy ông kẻ này thì sao?"

"Lo gì anh Ba, kê mấy cái ghế sát lại với nhau, kéo mấy cái bàn ráp lại. Thiếu gì chỗ."

"Ngày mai mình đi lúc nào Đại úy."

"Càng sớm càng tốt. Tôi nghĩ là mình dậy độ sáu giờ, sắp xếp đoàn xe xong bảy giờ là vừa. Thôi đi ngủ đi mấy ông kẻ."

\*

Ngày N + 14, 12 giờ 30 đêm

Tôi không sao ngủ nổi, ngồi dậy quàng trong bóng đêm. Tôi thấy Huấn cũng không ngủ được, tôi rủ Huấn ra ngoài. Cả hai đi lặng lẽ. Đồn Quân anh Tuy Hoà tọa lạc ngay bên cạnh Tiểu khu. Từ quốc lộ 1, nếu lấy hướng nam bắc làm chuẩn, khu vực buôn bán, dân chúng ở nằm bên tay trái, bên tay phải phần lớn là các ty sở và đơn vị quân đội. Một con đường khá rộng dẫn từ quốc lộ 1 ra tới sát biển. Con đường dài chừng hơn một cây số, hai bên đường là những hàng phi lao thẳng tắp. Cảnh đêm cũ ở Phú Bổn lại tái diễn. Người ta ngủ ở khắp nơi, xe nhà binh, xe dân sự nằm dài theo hai vệ đường và đều quay đầu ra quốc lộ 1. Không ai bảo ai, họ đều hướng về một phía. Phía đó là sinh lộ duy nhất đưa họ xuôi nam. Phía đó là phía duy nhất giúp họ tránh khỏi nơi dầu sôi lửa bỏng, nơi tên bay, đạn lạc và mạng con người rẻ hơn bèo.

Cảnh chinh chiến ở đâu cũng vậy, thời nào cũng thế. Huấn nói với tôi:

"Anh Ba à, tôi nghi ngày mai mình có thể bị đụng nặng. Anh Ba có tin vào số mạng không?"

"Ông Đốc ời, suốt đời tôi, tôi không bao giờ tin vào số mạng, tôi không tin cả Phật, Chúa, tôi chỉ tin ở tôi thôi."

"Từ hôm có công điện cử anh Ba ra ngoài này, tôi nghe lính bàn tán về anh Ba nhiều lắm. Cứ theo cách họ nói thì anh có vẻ là một sĩ quan của đoàn quân Lê dương, nên lúc

đầu tôi không mấy thiện cảm với anh Ba. Đến khi gặp anh rồi mới thấy lính nói về anh Ba không đúng."

"Ông nghĩ tôi như thế nào?"

"Mới có bốn ngày kể từ lúc anh Ba bước chân vào đơn vị, tôi không thể nói gì cho đúng về một cá nhân. Nhưng chắc chắn bọn lính nói sai về anh Ba. Ít nhất là nói không đủ. Ở Phú Quốc anh Ba hay đánh tù lắm phải không?"

"Không. Tôi hay đánh lính của tôi mỗi khi họ bỏ đơn vị đi cả mươi, mười lăm ngày khiến người khác phải gác thay. Tôi đánh lính như anh đánh em vậy."

"Anh Ba bị các xếp ghét lắm phải không?"

"Họ không ghét tôi đâu, họ sợ thì đúng hơn."

"Anh Ba bị phạt nhiều lắm phải không?"

"Độ tám mươi ngày trọng cấm đầu có nhiều so với mười hai năm quân ngũ. Mỗi năm trung bình có bảy ngày."

"Anh Ba ghét Mỹ lắm phải không?"

"Không. Tôi ghét da trắng, mắt xanh, tóc vàng, mũi lõ."

"Tôi thấy anh Ba có vẻ nghệ sĩ hơn là chiến sĩ."

"Thế là ông cũng làm về tôi luôn. Suốt đời tôi chỉ mê dạy học, tôi cũng thích văn chương lắm. Nhưng văn chương không phải cứ làm vài bài thơ là thành thi sĩ, hay viết một hai cái truyện ngắn lèm bèm mà là văn sĩ đâu. Hãy nhìn trước mặt ông coi. Chúng ta có biết bao nhiêu điều phải nói, thế mà các ông văn nghệ sĩ hàng đầu của chúng ta còn mãi thai nghén trong các tháp ngà. Văn chương của tôi chính là đời sống của tôi. Tôi sẽ là nhà văn. Bây giờ thì chưa."

"Tụi nó nói anh Ba có in sách, dường như là hai quyển thơ phải không?"

"Đúng, thật ra nó cũng chưa phải là thơ. Đó là những phần nộ, những bất công, những dồn nén không có lối thoát nên tôi để nó bùng lên trong vài trang giấy. Minh về đi ông Đốc."

Gió thổi từ biển về luồn qua những rặng phi lao, tạo nên những tiếng thì thầm, tiếng oán than, đôi lúc nó rít lên, trong lúc những cơn phi lao rơi là tả xuống mặt đường.

\*

Ngày N + 15, 3 giờ sáng

Tôi vẫn không sao ngủ được, càng suy nghĩ càng thấy cuộc chiến đang đi vào hồi kết cục. Tôi sinh ra ở miền Bắc, lớn lên ở miền Nam. Tôi nhớ như in ngày lên mười một tuổi, vừa đậu tiểu học xong thì cha tôi có một quyết định lớn, ông bỏ hết gia tài, sản nghiệp, bỏ cái dinh cơ đã được tạo dựng từ nhiều thế hệ trước, tay trắng dẫn anh em chúng tôi vào Nam. Bởi lẽ đó đối với tôi cả miền Bắc, ngoại trừ căn nhà tôi, còn tất cả là phát nguyên của máu và thù hận. Những năm cơ cực ở miền Nam qua đi, các anh chị tôi trưởng thành, mỗi người gầy dựng cho mình một tiểu gia đình ấm cúng, hòa thuận. Chúng tôi lớn lên trong sự cần mẫn của cha tôi, trong sự lương thiện của một gia tộc thắm nhuần Nho giáo. Do sự lương thiện này mà các anh tôi mỗi người có được một căn nhà đơn sơ, nằm trong các ngõ hẻm ở Phú Nhuận, ở Bàn Cờ, ở Phú Thọ v.v... Các anh tôi đi làm bằng những phương tiện khiêm nhường, những chiếc xe Mobylette hay Honda. Nhưng không phải vì vậy mà tôi không yêu miền Nam vô vàn. Tôi yêu từng con đường, từng ngõ hẻm, từng sân banh, từng xóm điểm.

Năm hai mươi tuổi tôi nhập ngũ tình cờ, nhưng không phải vì vậy mà tôi không yêu quân đội. Chính quân đội đã cho tôi thỏa mãn trọn vẹn cái máu giang hồ vất của tôi. Do đó trong hồ sơ quân bạ của tôi người ta đã phải đóng thêm vài tờ giấy để phụ ghi về mục chuyển chuyên. Những xáo trộn về chính trị đã thay đổi dần bộ mặt miền Nam. Cha tôi một công chức đã về hưu, sau cùng đã đi gác đêm cho những cơ sở tư nhân Mỹ. Mỗi lần thay đổi giường máy cai trị, miền Nam lại tiến xa hơn trên vũng lầy tồi tệ. Những

năm gần đây nhất, càng lúc tôi càng có cơ hội để chứng nghiệm những nhân vật cao cấp của miền Nam, tiêu máu xương thuộc hạ như tiêu bạc giả. Ngay cả quân lực miền Nam, cái xương sống của chế độ, cái tập hợp kỳ diệu này đã chống đỡ miền Nam qua những thời điểm đẫm máu nhất của nội bộ dân Việt, cái tập thể kỳ lạ đã giúp miền Nam đứng vững trong Tết Mậu Thân 68, đã chống đỡ miền Nam suốt một mùa hè 72. Bây giờ cái tập thể kỳ diệu đó đang tan ra, cái khối vững chắc đó, do những thâm thấu của chính trị, đã chia ra thành những mảng nhỏ. Và bây giờ mùa xuân năm 75 những mảng nhỏ này đang vỡ vụn ra từng phần.

Trong bóng đêm đầy đặc, giữa tiếng muỗi vo ve, thạch sùng tắc lười, đột nhiên tôi nghe được những âm thanh kỳ lạ, hỗn tạp. Những âm thanh của sắt thép chém vào nhau, của bom đạn, của những đường đạn đạo đi qua thân người, có lúc tôi còn nghe được cả tiếng ngựa hí, quân reo, voi lồng, đường tên xé gió. Tất cả vang lên trong đầu tôi, tôi tưởng chừng như sắp chết giữa những âm thanh kinh hoàng đó, thì đột nhiên những tiếng động đó chấm dứt. Trong bóng đêm một hai tiếng tiêu nổi lên. Khúc tiêu dồn dập hơn, hình ảnh người lính Biệt động quân ngày nào đang thổi khúc tiêu chót trong cơn tàn chinh chiến. Bóng anh rõ hơn, cặp mắt anh sâu thẳm như bóng đêm, và tôi thiếp đi trong tiếng tiêu kỳ diệu đó.

\*

Ngày N + 15, 6 giờ 30 sáng

Tôi giật mình choàng dậy bởi những tiếng lách cách của bàn ghế thu dọn lại. Phúc đã nai nịt gọn gàng từ hồi nào. Sáng nay tôi mới nhìn thấy rõ Phúc tuy hơi mập, nhưng rất điển trai, trông lại phúc hậu, đúng là típ người mà vợ tôi mô tả là "tốt bụng". Bỗng nhiên tôi ghét, sợ cái chữ "tốt bụng" này. Những lời nói của vợ tôi mấy bữa trước như ám ảnh tôi: "Người ta chết nhiều quá, lại chết toàn người tốt bụng không à!" Mới sáng ra đã có những ý nghĩ không hay. Phúc lẳng xẵng thu dọn đồ đạc. Nó nói với tôi:

"Anh đánh răng rửa mặt. Em đã pha sẵn cho anh một phin cà phê. Để em ra ngoài kia kiếm bậy bạ cái gì anh em mình ăn sáng rồi đi là vừa."

Lại một ý nghĩ không tốt nữa. Tôi lại sợ cái chữ "ma đỏi" của Phúc. Tôi xót xa nhìn Phúc như nhìn một đứa em nhỏ sắp rơi xuống hố mà không làm gì để giúp được. Tôi không hiểu tại sao Phúc lo cho tôi nhiều thế. Mấy năm trước khi Phúc làm việc với tôi ở Biên Hoà. Tôi còn bận mò người để chống đỡ những thủ đoạn vặt vãnh của một anh xếp, mà binh sĩ Quân cảnh gọi trại tên anh thành ra "MA SANH QUÍ", vì cái tên thật của anh này khi dịch ra tiếng Việt là ngựa sanh rùa. Sáng nay tôi hiểu ra, quân lực miền Nam bên cạnh những người đã chết rất trẻ, đã anh hùng tới phút chót của đời, bên cạnh những Nguyễn Đình Bảo Nhảy dù, Lê Hằng Minh Thủy quân Lục chiến, Lưu Trọng Kiệt Biệt động quân, cùng hàng vạn những người anh hùng khác đã chết không nêu danh tánh, chúng ta có không thiếu loại hai anh em ma sanh ra quỷ, ngựa sinh ra người này. Chúng ta có không ít những người mà binh sĩ gọi là thượng đội hạ đạp, nịnh trên nạt dưới, tham nhũng, hối lộ, lạm quyền v.. v... Những người anh hùng thật sự không sớm thì muộn cũng đã trở về an nghỉ thật sâu trong lòng đất. Mùa chinh chiến đang ở vào hồi kết cục, cảnh cuối của một giai đoạn lịch sử nào mà không kết thúc bằng những bãi tha ma?

Huấn, Kiệm, Cẩm và mọi người khác đã lục tục dậy tất cả, họ cũng khấn áo kỹ càng, tôi nói với Cẩm:

"Cậu ra check lại mấy cái xe, bảo mấy ông tài lo xăng nhớt, nước nôi cho cẩn thận.

Hôm nay mình phải leo đèo Đại Lãnh."

\*

Ngày N + 15, 7 giờ sáng

Thiếu úy Huy đồn Quân cảnh Tuy Hoà đang xem lại giấy tờ sổ sách của đơn vị. Huy nói với tôi:

"Tình hình này chắc tôi cũng rút luôn hôm nay, Đại úy. Sáng nay tôi dậy sớm, vào Tiểu khu thấy trống trơn, có một ông sĩ quan trực đêm qua, nhưng sáng nay ông ấy biến từ sớm."

Đúng lúc đó tôi nghe tiếng depart của súng cối. Cái tiếng depart này làm tim tôi muốn vỡ ra từng mảnh. Nó cho tôi linh cảm thấy trước tôi không phải chạy đâu xa, họ đã có mặt ở đây. Có nhiều đủ để cảm chân chúng tôi ngay tại cái rọ này. Chắc chắn họ sẽ đóng một chốt thật lớn trên đầu đường ra quốc lộ 1, chúng tôi có cả ngàn người lính ở đây, nhưng chúng tôi không có người chỉ huy. Không ai có thể bảo ai lúc này. Một tiếng nổ lớn kinh hoàng vọng lại từ phía quốc lộ. Một cụm khói bốc cao. Đám đông ủa chạy lại phía tôi, rồi tiếng depart thứ hai, thứ ba. Dường như trong gió, có tiếng rít của đạn súng cối, hai quả đạn sau này có điều chỉnh kỹ hơn, nên nó nổ ngay giữa đoàn xe, không biết có ai tử thương không. Tôi đảo mắt một vòng, một chiếc xe Dodge trúng đạn bốc cháy, đám đông kinh hoàng chạy ngược lại phía tôi, đàn bà, con nít khóc như ri, còn những người mang quân phục, người thì có súng, người thì tay không.

Giữa đám đông hỗn loạn này tôi thấy một người lính vừa chạy vừa thay áo, cởi được cái áo lính gã vứt xuống đường, vừa chạy vừa moi trong túi xách một cái quần dân sự. Gã ngừng lại ngay giữa đường, cởi nốt cái quần. Đôi giày nhà binh làm gã không kéo được cái quần ra, gã ngồi xuống vừa cởi giày, mặt như là mếu.

Tôi muốn bắn gã ta nhưng ngừng lại kịp thời. Tôi nhân danh cái gì mà bắn người lính này, vốn từ lâu rồi là lính kiểng. Cứ trông bộ mặt gã ta, giữa đất Tuy Hoà, một chân trên bờ, một chân dưới biển, mà mặt trắng như sữa, lại còn cái kính Ray Ban gọng vàng. Cái quần vẫn còn kẹt ở đầu gối, cứ nhìn những tảng mỡ bụng trắng nhễ nhại, cứ nhìn cái bắp vế nhéo nhẹt, tay chân run lẩy bẩy, thì tôi biết đây không phải là lính của vua Quang Trung. Những người lính của vua Quang Trung thường mặt xạm đen vì nắng gió, hai thế kỷ trước cũng thế, bây giờ cũng vậy. Hai thế kỷ trước họ cứ đi mỗi nhóm ba người, hai người vồng một người, thay phiên mà đi, hề cứ ngồi vồng là ngủ, xuống đất là đi. Cứ đằng trước mà tiến. Cứ thế trong mười ngày tiến một mạch từ Phú Xuân tới Thăng Long, trong một đêm đánh đồn Ngọc Hồi, Hà Hồi, bắt sống không còn một mạng giặc. Sầm Nghi Đống phải treo cổ tự sát. Thừa thắng quân kéo tới bờ vây Thăng Long. Cứ hai mươi người khiêng một cái tạm gọi là lá chắn, phủ đầy rơm rạ ướt để đỡ tên, đạn, và quân có đoản đao, đoản kiếm nương theo đó mà tiến đến chân thành. Người này ngã kẻ kế tiến lên. Như sóng dâng, như vũ bão. Tôn Sĩ Nghị phải mở cửa sau, bỏ quân, bỏ lính, bỏ ấn tín, phủ hiệu mà chạy. Hậu duệ của những người lính này, hai thế kỷ sau cũng vậy. Mặt vẫn xạm đen vì nắng gió, thân thể dẫu có nhỏ bé nhưng chắc nịch. Họ vẫn thường đội nón đỏ, nón xanh, nón nâu, vẫn mang hai mươi kí vừa vũ khí, đạn dược, lương thực trên người. Họ đã chống đỡ miền Nam suốt hai chục năm, chỉ tiếc thay những tướng quân không phải là những Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Vũ Văn Dũng, Ngô Văn Sở v.v...

Bởi chúng ta có quá nhiều tướng kiểng "Quế tướng quân" nên mới có cái hạng lính mới nghe tiếng súng mà đã cởi giày, tụt áo. Bây giờ thì gã đã cởi xong giày, đá cái quần lính ra xa, xô vào người một cái quần thường, bây giờ trông gã bánh trai, diêm dúa. Gã nhập vào đám đông. Bây giờ tôi trông thấy rất nhiều người cởi giày, bỏ áo. Có những cái áo có lon mai bạc, mai vàng trên cổ. Chưa bao giờ tôi thấy nhục nhã thế này. Địch còn cách đây cả cây số, mới có ba trái bích kích pháo mà cả đoàn quân đã tan. Tôi nhìn thấy từ quốc lộ 1, hai chiếc chiến xa dĩ nhiên của địch, lù lù tiến tới. Hai chiếc chiến xa đậu lại, bóng chúng đen sậm trên nền trời mỗi lúc mỗi tỏ. Hai họng súng đại bác quay về phía chúng tôi. Một trái đạn nổ trong tiểu khu. Đám đông từ trong Tiểu khu túa ra. Từ

sáng tới giờ, từ lúc Thiếu úy Huy nói chuyện với tôi thì tiểu khu hầu như đã bỏ trống. Những trái đạn bích kích pháo ban đầu làm cho người ta chạy vào trú ẩn trong đó, bây giờ phát đại bác nổ trong Tiểu khu, nên đám đông lại chạy ngược trở ra. Tôi nói với Kiệm, Cẩm và những sĩ quan của đơn vị tôi:

"Minh bị chặn đầu rồi. Tập hợp toàn thể lính lại, chúng ta vào trong tiểu khu cố thủ."

Kiệm hốt hoảng rõ rệt, anh không hô nổi một cái khẩu lệnh tập hợp. Bởi chính Kiệm bây giờ cũng đã áo quần dân sự. Tôi nhìn thấy lính của tôi, lác đác đã có người trút bỏ quân phục. Tôi buồn bã hỏi Thiếu úy Huy:

"Sau Tiểu khu có ngã nào đi được không?"

"Không Đại úy. Kế tiểu khu là một xóm chài, mình sát ngay bờ biển rồi Đại úy. Chạy dọc theo bờ biển mình còn phải qua hai nhánh sông. Mà rút cuộc mình vẫn phải ra quốc lộ 1. Mình có thể thoát thân bằng đường biển. Nhưng đâu ra thuyền lúc này."

"Vậy thì mình phải rút vào Tiểu khu. Địch đâu có nhiều. Nếu nhiều, họ đã tấn công vào đây rồi. Họ chỉ bắn vài phát là vì họ cũng không có đủ lực lượng. Dồn thú tới đường cùng còn nguy hiểm huống hồ dồn cả ngàn người có vũ khí trong tay. Tập hợp lại. Anh em mình vào Tiểu khu, ở đó có hàng rào, có lũy đất bao quanh, có địa thế rõ ràng để phòng thủ. Tập hợp lại."

Đích thân tôi ra lệnh tập hợp. Quân số của tôi và Kiệm cộng lại là một trăm sáu mươi lăm người. Một số thoát đi tối hôm qua, bây giờ ít nhất cũng còn một đại đội đầy đủ. Vũ khí thì không bao giờ thiếu, người ta đã vớt xuống đường như củi khô.

\*

Ngày N + 15, 7 giờ 15 phút

Kiệm, Cẩm, Huy đưa lính của ba đơn vị: Trại giam tù binh Qui Nhơn, Đồn Quân cảnh Qui Nhơn, Đồn Quân cảnh Tuy Hoà vào trong Tiểu khu xong. Tôi thấy đám đông hỗn loạn bên ngoài chạy tới chạy lui, tiến ra quốc lộ 1 thì không được, Việt cộng có hai chiến xa đậu ngạo nghễ ở đó, chạy lui ra phía xóm chài, rồi cũng không có ngõ thoát. Cảnh tượng trong Tiểu khu còn làm tôi nã lòng hơn nữa. Bốn chiếc xe V100 (giống thiết giáp nhưng chạy bằng bánh cao su) nằm im lìm với đại liên 30 trên pháo tháp, quân phục vắt la liệt. Tôi nhìn thấy một áo có lon trung tá, nếp hồ ủi còn láng bóng. Bảng tên trên cái áo này là "Hung" không biết là Hưng hay Hùng. Trên cái áo này, tôi nhìn thấy một cái "lục quân huân chương" trơ trên nắp túi áo trái. Cái huy chương này dùng để tưởng thưởng cho những người hội đủ điều kiện nghĩa là mười năm "sĩ quan" đổ lên. Ông Hưng hay Hùng ơi, ông giả đồ khiếm tốn chỉ đeo "Lục quân huân chương" làm gì, mang tới lon trung tá thì tối thiểu cũng phải mười năm quân vụ. Đến tôi là đại úy quen mười hai năm quân vụ có tới tám mươi ngày trọng cấm mà cũng còn có "Lục quân huân chương" như ông, thì có danh giá gì cho cam.

Nhưng phải công nhận rằng ông không "hùng" bằng tôi, hay ít ra gọi cho đúng: ông "hèn" hơn tôi. Giờ này áo ở đây mà người "hùng" biến đâu. Tôi nhìn quanh, tưởng chừng như bất cứ ai mặc dân sự lớn tuổi cỡ bốn mươi trên hay dưới một chút, đều có thể là trung tá Hùng hay Hưng này. Nhưng chỉ bắt gặp những khuôn mặt sợ hãi, hốt hoảng. Tôi thấy phải chặn đứng tình trạng này. Tôi nói với Phúc:

"Chú chạy ra xe GMC của mình lấy cho anh cái máy phóng thanh xách tay lại đây."

"Anh làm gì với cái đó?"

"Kêu gọi mọi người bình tĩnh. Kêu gọi mọi người chống cự chờ tiếp viện của quân đoàn."

Năm phút sau Phúc mang về cho tôi một máy phóng thanh xách tay. Đứng trên đầu một xe GMC đậu ngang cổng Tiểu khu Tuy Hoà, tôi kêu gọi mọi người hãy tỉnh cơn mê sáng lại. Từ trên nóc xe cao này tôi nhìn thấy một chiếc trực thăng đậu im lìm sau những lùm



cây, trong một bãi đất trống phía sau Tiểu khu.

\*

Ngày N + 15, 7 giờ 30 phút

Giữa đám đông hỗn độn ngược xuôi, giữa những tiếng kêu gọi âm ỉ, giữa những tiếng súng cá nhân vọng từ đầu quốc lộ lại, giọng tôi cất lên. Qua cái máy phóng thanh xách tay, tiếng tôi nghe rõ mồn một:

"Các quân nhân thất lạc đơn vị chú ý. Các quân nhân thất lạc đơn vị chú ý. Chúng ta đã bị địch chặn đầu trên đường ra quốc lộ 1, chúng ta đã bị bao vây ở đây. Chúng ta chỉ có một đường sống duy nhất là chiến đấu. Bây giờ còn quá sớm để Không quân có thể yểm trợ chúng ta. Chúng ta có cả ngàn tay súng ở đây, địch cũng không có nhiều. Tôi Đại úy Nguyễn Vinh Hiển Chỉ huy trưởng Trại giam Tù binh Việt cộng Qui Nhơn, đơn vị tôi quyết định rút vào cố thủ trong Tiểu khu Tuy Hoà. Tôi kêu gọi mọi quân nhân thuộc các đơn vị hãy ở lại chiến đấu cùng đơn vị chúng tôi. Chúng ta phải kháng cự lại trong lúc chờ không quân tới giải tỏa quốc lộ 1. Phải bình tĩnh chiến đấu như một người LÍNH."

Tôi kêu gọi lần thứ hai, một đại úy khác đứng lại, anh đeo phù hiệu quân cụ, anh nói với tôi: "Đại úy cho tôi mượn cái máy phóng thanh." Anh nhảy lên mũi xe đứng kế tôi, anh xưng tên họ, cấp bậc, đơn vị, anh cũng kêu gọi binh sĩ thuộc đơn vị anh ở lại chiến đấu. Rồi một trung úy thuộc Tiểu khu Bình Định, anh cũng mượn máy phóng thanh kêu gọi các quân nhân khác hãy ở lại chiến đấu. Trong máy phóng thanh anh lập lại tên tôi và nói: Tôi kêu gọi mọi người ở lại chiến đấu, và nhận sự chỉ huy của Đại úy Nguyễn Vinh Hiển.

Cả ba chúng tôi đứng chờ vờ trên mũi xe, một phút trôi qua, tôi thấy một số binh sĩ súng cầm tay đi vào Tiểu khu, một vài chuẩn úy, thiếu úy thật trẻ, tiến vào đứng lơ ngơ bên trong vòng đai phòng thủ. Tôi nói với ông Đại úy Quân cụ:

"Ông kêu gọi thêm độ vài lần nữa, tôi phải vào trong tổ chức phòng thủ."

Tôi bắt tay ông ta, chúng tôi xiết tay nhau thật chặt, mắt nhìn mắt, diện đối diện. Gió từ biển thổi vào tóc anh và tóc tôi dựng lên. Tôi nhảy xuống xe bước vào Tiểu khu.

\*

Ngày N + 15, 7 giờ 45 phút

Tôi nói với đám đông:

"Địa thế đây rất dễ cho chúng ta phòng thủ. Có hàng rào, lũy đất sẵn sàng, vuông vức bốn cạnh. Bây giờ các anh đứng bốn hàng dọc, các sĩ quan đứng trước. Hiện thời binh sĩ của đơn vị tôi đã chia đều trên bốn mặt của Tiểu khu. Mỗi một hàng sẽ lo một mặt. Tôi cũng đã có sĩ quan của tôi ở đủ bốn nơi, các anh sẽ nhận lệnh trực tiếp từ máy trung úy của tôi."

Trong chớp mắt đám đông chia ra làm bốn hàng, có cả chục sĩ quan, cao nhất là một đại úy. Một đại úy già chắc cũng sắp đến tuổi về hưu. Tôi nói với ông ta:

"Đại úy phụ với tôi coi tổng quát. Ông nhiều tuổi hơn tôi, nhiều kinh nghiệm nhà binh hơn, ông thấy gì phải làm cứ việc ra lệnh. Kể từ giờ phút này, lính trong đơn vị tôi sẵn sàng nghe lệnh của ông."

"Tôi là sĩ quan tài chánh có biết đánh nhau bao giờ. Đại úy cứ chỉ huy đi."

Bây giờ tôi có tới hơn ba trăm tay súng. Để chừng đến bốn trăm người. Quân số này tương đương với một tiểu đoàn. Nhưng súng ống thì nhiều vô kể. Tôi nói với Kiệm bây giờ đã khoác thêm một chiếc áo Jacket nhà binh, có hai mai trên cổ áo:

"Ông cho câu công tác hai chiếc V100 này lại, chạy đậu bít cổng ra vào cho tôi. Mời ông Đại úy Quân cụ vào. Ai muốn chiến đấu nãy giờ đã hiện diện trong Tiểu khu. Xong

rồi ông ra kiểm điểm lại coi tất cả có bao nhiêu đại liên M60 và bao nhiêu súng phóng lựu M79."

Kiểm xem chừng đã bình tĩnh trở lại. Anh hăm hở chạy đi, hai chiếc V100 phun một lớp khói đặc, trước khi nổ máy. Bây giờ tôi có một ban chỉ huy tiểu đoàn gồm bốn sĩ quan trời ơi: tôi, một Đại úy Tài chánh, một Đại úy Quân cụ, một Trung úy Địa phương quân. Súng đạn nhiều vô số kể. Không kể bốn ụ đại liên 30 trên bốn lô cốt bốn góc Tiểu khu, trên các lũy đất phòng thủ, ngoài trừ mặt tiền là nhà dân chúng, chúng tôi đã bố trí hai xe V100 với hai ổ đại hên bên trên, ba cạnh còn lại, một phía là biển, hai phía là đồng trống lác đác có vài căn nhà dân. Trên ba cạnh này cứ mỗi mười lăm, hai mươi thước tôi lại có một M60 và cứ mỗi M60 lại có một M79 phóng lựu đi kèm. Lác đác đó đây tôi thấy một vài ống phóng hỏa tiễn chống chiến xa loại cá nhân. Tôi thầm nghĩ trong bụng với quân số thế này, với vũ khí đó, và vị trí phòng thủ kiên cố Việt cộng muốn xơi tái chúng tôi cũng cần phải có quân số đông gấp đôi, và cũng phải bỏ xác lại không ít. Tôi nói thầm với mình: Phải đổi máu mình lấy cái gì chứ.

\*

Ngày N + 15, 8 giờ 30 phút

Một tràng đạn AK nổ chát chúa phía đằng sau Tiểu khu, tôi chạy lại đó. Trên lũy đất phòng thủ, hàng trăm khẩu súng đủ mọi loại trả lời, hàng trăm người lính bắn xối xả về phía trước. Tôi chưa nhìn thấy bóng dáng một địch quân, chỉ là một cánh đồng lúa xanh rờn. Bốn năm khẩu M60 rung lên, đất bay mù trời dưới nhịp bắn tự động. Tôi hỏi Kiệm, người phụ trách mặt này:

"Cái gì vậy? Địch đâu?"

"Bọn nó núp ở bờ ruộng trước mặt đó, Đại úy."

"Đồng không?"

Để trả lời tôi một tràng AK nổ ròn rã. Địch núp ngay trước mặt, khoảng 100m. Tôi chợt nghĩ ra họ không có nhiều, họ chỉ có vài người ở phía này, họ muốn dò thử lực lượng chúng tôi. Chỉ năm phút qua, họ đã biết phẩm chất của những người lính bên trong hàng rào. Cứ tình hình này họ cứ việc nằm dưới ruộng, bắn bâng quơ vào trong này, rồi hàng trăm khẩu súng khai hỏa, chả mấy chốc mà núi đạn cũng hết. Chả mấy chốc mà họ tiến vào với tiểu đội đủ bắt một tiểu đoàn lính đầu hàng. Tôi hét lớn:

"Không được bắn bừa bãi, chỉ khai hỏa khi thấy rõ địch quân. Đại liên bắn nhịp ba, nhịp bốn. Phúc đâu. Lấy cho anh cái máy phóng thanh."

Một tràng AK nổ phía tay phải, thêm bắn bên đó cánh cũ tái diễn, tôi nghe cả tiếng M79 bắn đẽm cho M60. Tôi nhìn thấy lính phòng thủ mặt mày tái mét. Tôi quay lại hội ý với ông Đại úy Quân cụ và ông Đại úy Tài chánh. Bây giờ chúng tôi chia ra mỗi người một mặt. Tôi nói với hai người bạn đồng cảnh:

"Ra lệnh cho họ bắn cầm chừng phải tiết kiệm đạn." Phúc đã mang máy phóng thanh về. Tôi mặc áo giáp, đội nón sắt, đứng thẳng trên lũy đất. Dĩ nhiên tôi cũng sợ, nếu bên ngoài kia địch chỉ có một người bắn giỏi, có một chỗ nấp bắn thì tôi là một cái bia không chổi cãi được.

Tôi nghe giọng tôi vang lên trong lúc cả hai phía đều im tiếng súng:

"Các quân nhân chú ý! Các quân nhân chú ý! Chỉ khai hỏa khi thấy rõ địch. Tôi nhắc lại chỉ khai hỏa khi thấy rõ địch quân. Đại liên bắn nhịp ba, nhịp bốn, không được bắn bừa bãi, phỉ đạn."

"Bên phải nghe rõ."

"Bên trái nghe rõ."

Bây giờ thì dường như mỗi sĩ quan phụ trách một ổ đại liên. Cảnh tượng hệt như trên thềm bắn ở các quân trường. Chỉ cần có sĩ quan giám xạ, hạ sĩ quan phụ trách thềm bắn để sửa thế bắn cho những người bắn tập trên xạ trường. Đây không phải là những người lính đối diện với địch quân, mà là những đại đội khóa sinh, đang thực tập tác xạ. Trên bờ mấy thửa ruộng ở bên ngoài chắc địch quân đang tìm một cách khác để tấn công. Lợi dụng lúc cả hai bên ngưng tiếng súng, tôi đi một vòng tuần hành quan sát cả trong lẫn ngoài. Không biết địch sẽ làm gì. Tôi thắc mắc nhất là tại sao hai chiếc chiến xa của địch lại án binh bất động. Chúng vẫn đậu im lìm trên đầu quốc lộ. Chúng cũng không thèm sử dụng hai khẩu đại bác trên pháo tháp. Tôi thầm nghĩ mình cần vài người can đảm. Với hàng trăm chiếc xe đậu thành hàng dài trên con đường dẫn ra quốc lộ 1, chỉ cần vài người men theo hông những chiếc xe này tiến ra. Chỉ cần một tiểu đội không sợ chết. Tôi không nghĩ là "cảm tử", cảm tử có nghĩa là mười phần chết đến chín, nhưng tình cảnh này không đến độ như thế. Chỉ cần một tiểu đội không sợ chết, trang bị ống phóng M72, tiến ra hạ được hai chiến xa này thì chúng tôi thoát. Ít nhất cũng thoát được ra quốc lộ 1, nếu không chúng tôi hoàn toàn bị vây khốn. Tôi nhìn lại chung quanh, chắc chắn phải là một tiểu đội có sự thuần nhất về chỉ huy, có sự thuần nhất về đơn vị. Tôi nói với Phúc:

"Tìm cho anh Thượng sĩ Điệp lại đây"

\*

Ngày N + 15, 9 giờ sáng

Phúc dẫn Điệp lại chỗ tôi. Tôi cho Điệp biết ý định muốn triệt hạ hai chiếc thiết giáp của Việt cộng. Tôi nhìn thấy thật rõ những giao động trên nét mặt Điệp. Tôi biết Điệp khá lâu. Anh là một hạ sĩ quan thật trẻ với cặp bạc thượng sĩ, anh đã làm việc với tôi hơn một năm trời ở Pleiku. Anh đã có vợ và hai con. Tôi nói rõ ràng:

"Đây không phải là lệnh. Đây là yêu cầu, nhưng tôi biết anh có thể làm được."

Một phút nặng nề trôi qua. Điệp nói với tôi:

"Anh Ba cho em vài phút, em kiểm mấy khẩu M72 với vài người nữa chịu chơi đi với em".

"Cứ kiểm người đi, kiểm trong đơn vị mình được rồi. Kiểm mấy cậu còn độc thân nghe Điệp"

"Anh Ba yên trí. Em ở đây lâu rồi, em biết thằng nào chịu chơi, thằng nào chơi chịu."

\*

Ngày N + 15, 9 giờ 15 sáng

Một trái bích kích pháo nổ ngay sân cờ Tiểu khu Tuy Hoà, một người chết ngay, một người bị thương nặng và vài người bị thương nhẹ. Cùng lúc đó tiếng hô xung phong vang lên từ mấy bờ ruộng. Hàng chục khẩu M79 và hàng chục khẩu M60 khai hỏa. Rõ ràng địch vẫn chỉ khiêu khích để binh sĩ trú phòng hao tổn đạn dược. Họ bắn không kể trời đất gì nữa. Tôi gào vào máy phóng thanh xách tay:

"Bên phải ngừng bắn!"

"Bên trái ngừng bắn!"

Bây giờ các sĩ quan chỉ còn là khẩu đội trưởng của một ổ súng đại liên. Tôi thầm cảm ơn Huấn vô cùng. Anh đã làm tất cả những gì một y sĩ trẻ mới ra trường có thể làm được. Anh băng bó cho mấy người bị thương nhẹ, chích một liều thuốc an thần cho người bị nặng. Kẻ chết thì đã chết rồi. Chúng tôi khuan xác người vừa nằm xuống tới một căn phòng trống trong tiểu khu. Trong suốt một giờ liền, địch bắn bằng quơ vài quả đạn súng cối, nổ nhiều tràng AK vào trong Tiểu khu. Số tổn thất nhân mạng không bao nhiêu, nhưng tôi không làm sao kiểm soát nổi binh sĩ. Trong vòng đai tiểu khu, những khẩu M60 và M79 đua nhau nổ, lác đác đã có vài khẩu hết đạn. Khói súng và cát bụi bay mờ trời, mùi thuốc đạn khét lẹt. Tình trạng này chỉ kéo dài một tiếng nữa, địch chỉ cần tiếp tục khiêu khích thêm một tiếng nữa, tôi e rằng đến cả những khẩu colt cũng hết đạn.

Thượng sĩ Điệp dẫn một bán tiểu đội đến gặp tôi, trong số này kể cả Điệp là bốn quân nhân Quân cảnh. Hai binh sĩ còn lại không thấy mang phù hiệu binh chủng bên tay áo. Tôi đoán có lẽ họ là lính Tiểu khu Tuy Hoà. Tôi nói với Phúc:

"Em đưa khẩu Đại Cờ Việt cho Thượng sĩ Điệp."

Tôi dặn Điệp:

"Đừng có liều mạng quá, anh không nghĩ là phá nổi được hai chiếc tăng này mình sẽ vượt nổi Đại Lãnh hôm nay. Hay là thôi. Em đi kiếm cho anh vài cái thuyền lại đây. Chắc chắn quanh đây phải có thuyền của dân biển."

"Anh Ba cứ cho em chơi thử một chuyến. Nếu không được mình tính kế chuồn cũng chưa muộn."

Đúng lúc đó, tôi nhìn thấy hòng súng đại bác trên chiến xa chuyển động. Từ xa tôi thấy chiếc xe như nhẩy giật lùi về phía sau, tôi hiểu cái gì sẽ đến trong vòng nửa phút. Viên đạn nổ ngay cổng Tiểu khu, cách một chiếc jeep không đầy 20m. Tôi nấp ở ngay đuôi chiếc xe V100 đậu chắn ở cổng ra vào, thế mà còn cảm thấy luồng ba động của tiếng nổ như muốn hất tôi ra ngoài. Thêm vài người lính nữa bị mảnh đạn văng phải, nằm la liệt ngay cổng Tiểu khu. Đám đông nhón nháo chạy tìm chỗ nấp. Một người lính cúi đầu xuống đồng cát cứu hỏa, lấy tay moi cấp kỳ một cái lỗ đủ để dấu đi cái đầu, trông giống một con đà điểu chúi đầu trong cát. Trái đại bác thứ hai nổ, trái này là loại đạn WP (White Phosphorite), nó tạo một lớp khói trắng dày đặc, mảnh của nó văng tới đâu lửa cháy, khói tuôn tới đó. Rất nhiều người bỏ vị trí chạy hẳn ra ngoài, trốn vào trong xóm nhà dân trước mặt tiểu khu. Tôi liếc mắt nhìn chung quanh hàng rào phòng thủ, loáng thoáng có những khẩu súng đại liên không xạ thủ. Không có thì giờ để kiểm điểm quân số, nhưng tôi biết chắc bây giờ cái quân số tiểu đoàn vá vúi cấp kỳ buổi sáng chỉ còn quá nửa. Đơn vị tôi tuy chưa tan rã, song tôi biết chắc một số ít đã tự động bỏ vị trí

phòng thủ. Tôi gọi Kiệm đang định dợm chạy ra ngoài:

"Kiệm, anh mời cho tôi ông sĩ quan Quân cụ lại đây, mình tính cách rút lui."

Kiệm đi ngay và trở lại tức thì. Tôi nói với ông Đại úy Quân Cụ:

"Tình cảnh này chắc mình phải chạy đường bộ, rồi kiếm thuyền để rút khỏi đây. Những người đã bỏ đi mình cũng không thể cản nổi. Bây giờ Đại úy muốn rút cùng với tụi tôi hay ông sẽ đi riêng?"

"Tôi sẽ sát cánh với Đại úy cho tới phút chót."

"Trung úy Kiệm, Thượng sĩ Điệp lấy một tiểu đội đi trước về hướng nam kiếm cho tôi vài cái thuyền. Tôi chắc dân ở đây sẽ neo thuyền ở một chỗ nào đó. Tôi với Đại úy tập họp lính dẫn đi sau. Ông Kiệm đem theo một máy truyền tin để liên lạc với tôi."

\*

Ngày N + 15, 9 giờ 45 sáng

Tôi hạ lệnh cho Thiếu úy Cẩm:

"Anh tập họp đơn vị cho tôi nói chuyện vài phút."

Chỉ năm phút sau các binh sĩ của tôi đã tập họp xong, tôi biết chắc có nhiều người đã tự động tan hàng, trước khi tôi có ý định tuyên bố tan hàng. Chỉ còn không đầy ba trung đội lính, ai nấy mặt mày sớn xác.

"Cùng toàn thể các anh em thuộc Trại giam và Đồn Quân cảnh Qui Nhơn: Tôi đã giữ đúng lời hứa với các anh em khi đến đảo nhậm đơn vị này. Tôi đã "CÓ MẶT" với đơn vị cho tới phút chót. Bây giờ phút chót đó đã đến. Tôi cho phép bất cứ ai muốn đơn độc thoát hiểm. Tôi vẫn "CÓ MẶT" với bất cứ ai giờ này vẫn còn muốn rút lui như một đơn vị. Nếu thoát thì thoát cả, nếu bị bắt thì bị bắt cả."

Một vài người tách khỏi hàng quân. Đúng lúc đó, tôi nhìn thấy từ ngoài cổng Tiểu khu, một bóng người cao lớn đi trước, đằng sau là ba người khác cũng cao lớn không kém. Tôi tưởng là hoa mắt, nhưng không phải, đích thị Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm, sĩ quan phụ tá hành quân Quân đoàn II, đi cùng một đại tá, và hai trung tá tiến vào Tiểu khu. Một đám đông quân nhân đi theo mấy sĩ quan cao cấp này. Chuẩn tướng Cẩm vẫy tôi lại và nói:

"Hiển, ở lại phòng thủ Tiểu khu đi, tôi gọi máy bay sẽ đến giải vây cho mình."

Tưởng cũng nên nhắc lại, Chuẩn tướng Cẩm biết tên tôi, vì thời gian tôi ngồi chơi xơi nước ở Pleiku, thỉnh thoảng có dịp tôi đánh mà chược tại nhà ông. Lúc đó phong trào mà chược đương lên, tôi cũng tập tễnh đua đòi. Tôi khựng lại, đã cả tháng nay thất vọng, đã cả tháng nay thấy sao khó như thấy ma quỷ. Hôm nay, giờ thứ hai mươi lăm ma quỷ hiện hình giữa ban ngày. Thành thực mà nói, ông Cẩm không phải là type chỉ huy tôi chịu. Miền Nam có hơn một trăm ông tướng, tướng sạch có đếm chưa đủ đầu ngón tay, tướng không sạch không bần bao nhiêu? Còn lại tướng bần có bao nhiêu?

Thời gian tôi ở Pleiku, ông Cẩm làm phó cho "Quế tướng công Nguyễn Văn Toàn", chính ông theo "Quế tướng công" từ vùng I vào, đó là điểm tôi không thể nào quên được, mặc dù ông Cẩm chưa có điều gì quá đáng về nhân cách cũng như về phong cách chỉ huy. Dù sao ông Cẩm xuất hiện đột ngột làm tôi quên cả thắc mắc, mấy người lính dõm bỏ hàng quân lại trở về. Không một ai chối cãi được, ông Cẩm xuất hiện như mang một luồng sinh khí mới cho đoàn quân đang tan rã. Không ai bảo ai, mọi người đều ra vị trí phòng thủ. Ông Cẩm nói với tôi:

"Chú ra đốc chiến anh em đi, tôi gọi máy bay ở Nha Trang rồi, họ sẽ lên yểm trợ mình. Rán đi kỳ này về anh chạy cho chú một bông mai bạc."

Tôi khựng lại, nhìn ông Cẩm một cách soi mói. Đây là cung cách chỉ huy của "Quế tướng công". Tôi quên sao được chiến sự của mùa hè 72, tôi ở Pleiku một mình, vợ con đã di tản vào Sài Gòn để tránh tên bay đạn lạc. Rồi rảnh tôi hay la cà khắp nơi, có hôm ngủ trong phi trường, hôm thì ngủ ở Câu lạc bộ sĩ quan quân đoàn, có hôm ngủ tại Liên đoàn 72 Quân y. Lần đó địch quân vây một căn cứ Biệt động quân Biên phòng, tôi tình cờ ngủ đêm trên quân đoàn, nhân tiện xuống coi binh sĩ tôi gác phòng Trung tâm hành quân. Tôi đi với Đại úy Bảo Đồng, sĩ quan trực Trung tâm Hành quân. Qua máy truyền tin siêu tần số, tôi nghe giọng viên sĩ quan chỉ huy trú phòng như lạc đi, địch quân cỡ hai trung đoàn vây đánh một căn cứ. Quân số phòng thủ là một tiểu đoàn Biệt động quân Biên phòng. Gọi là tiểu đoàn cho oai, thực ra chỉ gồm hai đại đội, phần lớn binh sĩ người Thượng, Bảo Đồng nói với tôi:

"Căn cứ chắc đỡ không nổi, một là quân trú phòng quá ít, lại không có ý tử chiến, hồi chiều Trung tâm Hành quân đã điều động một tiểu đoàn Bộ binh của trung đoàn 47 đến giải vây, nhưng chắc cũng không thấm gì. Họ còn cách căn cứ quá xa, và công đồn đã viện vốn là chiến thuật sở trường của địch. Chính tiểu đoàn Bộ binh cũng đang bị vây khốn ở bên ngoài."

Tôi nghe tiếng kêu cứu thảm thiết của hai cánh quân nhà. Giọng người chỉ huy căn cứ nghe rất quen, quen ghê lắm, không hiểu đã gặp ở đâu. Tôi hỏi Bảo Đồng và được biết đó là Thiếu tá Đồng Đăng Khoa, một người bạn học của hơn mười năm trước, của Đề Nhất B Chu Văn An niên khóa 1961. Tôi không thể nào ngờ đã nghe được tiếng bạn mình trong hoàn cảnh tuyệt lộ.

Đúng lúc đó "Quế tướng công" bước vào Trung tâm Hành quân mang theo đầy mùi rượu thịt, mặt đỏ gay, cổ bạnh ra, khệnh khạng bước tới máy truyền tin, nói qua ống liên hợp không ngụy thoại gì hết:

"Trung tướng tư lệnh đây, máy cũng vào. Mai qua xuống gần lon thiếu tá cho em."

Tôi bỏ ra ngoài, về phòng nằm thao thức nhớ bạn cho tới sáng. Tới chiều Bảo Đồng cho tôi hay, Không quân đã dội bom cày nát căn cứ, Đại úy Tiểu đoàn trưởng Bộ binh được vinh thăng cố Thiếu tá. Địch quân tràn ngập căn cứ lúc hai giờ sáng, người bạn thiếu thời của tôi đã mở một đường máu, dẫn được không đầy trung đội thoát thân. Anh đang bị thấm vắn trên quân đoàn chờ ra tòa quân sự. Giờ đây ông Cẩm cũng không khác gì, mới ba phút trước ông mang đến cho tôi một trời hy vọng, qua một câu nói ngắn ngủi ông đã cho tôi một niềm cay đắng ê chề.

\*

Ngày N + 15, 10 giờ 15 sáng

Địch bắn vào tiểu khu một quả bích kích pháo nữa. Từ mé sau Tiểu khu có tiếng động cơ trực thăng nổ. Tôi mừng rỡ nghĩ rằng đã có không quân tới yểm trợ, nhìn lên trời không thấy bóng dáng những con chuồn chuồn sắt đâu, cát bụi bay mù. Tôi nhớ ngay tới chiếc trực thăng tăng sáng nay đậu ở bãi đất trống, khuất sau những hàng cây. Tôi thấy một người trung tá đi theo Chuẩn tướng Cẩm dõm chạy ra ngoài, tôi nghe giọng một người nói lớn:

"Đù mẹ thằng chả bỏ mình lại rồi anh Hai."

Đến bây giờ tôi mới thấy ngoài Chuẩn tướng Cẩm, một Đại tá, hai Trung tá, phái đoàn của tướng Cẩm có thêm một người nữa cũng cao to béo trắng không thua ông Đại tá là mấy. Người này mặc quân phục không đeo lon, tướng mạo hao hao ông Cẩm.

Vấn người này to tiếng:

"Em đã nói anh Hai đừng xuống. Chết thì chết hết, đù mẹ thằng chả bây giờ ẵm trọn gói..."

Tôi lấy làm lạ, cứ theo cấp bậc người dám nói to sau ông tướng Cẩm phải là ông Đại tá, rồi mới tới hai Trung tá, nhưng cả ba người này nín lặng. Ông Cẩm lui vào một chỗ khuất ít người, nói liên hồi vào cái máy truyền tin nhỏ xíu. Giọng ồm ồm của người không đeo lon lại nổi lên:

"Anh Hai gọi làm chi mất công. Đù mẹ nó đã đồng thì trời gọi. Đã nhắc anh Hai vụ thằng cha tỉnh Kontum đâu có chết vì đạn Việt cộng, mà chết vì đạn ở Pleiku đó."

Tôi thấy một Trung tá đưa mắt cho người đó như ngằm bảo im đi, nhưng người đó như lơ đi không thấy, giọng anh ta nhỏ đi như rên:

"Anh Hai tin người ta làm chi cho khổ tui. Thằng chả không muốn dọt, con mẹ cũng muốn dọt. Con mẹ không muốn dọt thì mấy thằng chó đẻ đàn em thằng chả cũng đòi dọt. Anh Hai ơi là anh Hai."

Rồi cao giọng gã tiếp:

"Mấy ông nội lính cụ, lính kiểng này mà đánh chác cái gì? Tử thủ cái gì? Nó mới nã có mấy trái pháo mà bắn té đá vãi phân không kể trời đất. Nó chưa tấn công là vì nó chưa muốn đó thôi. Đù mẹ tử thủ cái con cặc."

Tôi vừa xấu hổ, vừa tức, vừa buồn cười. Gã nói đúng, địch chưa tấn công vì chưa muốn đó thôi. Dẫu sao cho tới lúc này ông tướng Cẩm cũng làm cho tôi yên tâm được phần nào. Có tới một ông tướng phụ tá hành quân Quân đoàn ở đây, có máy truyền tin liên lạc thẳng được với Quân đoàn vẫn còn hơn không.

\*

Ngày N + 15, 10 giờ 30 phút

Suốt nửa tiếng vừa qua, địch chỉ bắn vu vơ vài tiếng A.K. Có một lúc tôi mong họ tiến vào, tấn công biển người càng tốt. Tôi hiểu lính của tôi, cho dù đây là phần đất của vua Quang Trung thuở xưa, nhưng người bây giờ không phải là người của hai thế kỷ trước. Do đó tôi mong họ tràn tới, càng đông càng tốt để binh sĩ của tôi có cơ hội đổi máu mình lấy một chút máu địch. Từ lúc mờ sáng tới giờ, chúng tôi có thấy địch xuất hiện, nhưng trong một tầm xa, lại núp dưới các bờ ruộng, họ chỉ khiêu khích chúng tôi, chỉ pháo ít trái đạn đủ để tinh thần chúng tôi giao động, kết quả của những trái pháo này quả tình là hữu hiệu dấu chỉ có vài người chết, vài người bị thương nặng và không đầy mười người bị thương nhẹ. Nhưng cái khí thế thoi thóp ban đầu tôi qui tụ được xem chừng đã hết.

Ngoài cổng Tiểu khu, trong cái xóm nhà dân trước mặt, người ta ẩn núp mỗi lúc mỗi đông, quần áo dân sự mỗi lúc mỗi nhiều và ngoài bãi biển người ta ló nhố như đi trẩy hội, bắt cá. Trong vòng đai phòng thủ bây giờ chỉ còn lác đác người. Tôi nhắm đếm đơn vị của tôi còn không đầy một đại đội một trăm hai chục người. Một vài sĩ quan biến mất, cộng chung với lính không phải cùng đơn vị tất cả không quá một trăm năm mươi người. Tôi tiến đến Chuẩn tướng Cẩm:

"Thưa Chuẩn tướng chắc bây giờ là lúc mình phải rút đường bộ. Bây giờ còn có quân, có lính, còn chỉ huy. Nếu không rút bây giờ sợ lát nữa hỗn quan hỗn quân, chỉ còn nước chờ cho địch tiến vào bắt sống."

"Nán thêm chút nữa đi. Tôi gọi máy bay từ sáng tới giờ, chắc Không quân đang trên đường tới đây."

"Tôi hy vọng họ đến giải cứu chúng ta, nhưng tôi nghĩ là đơn vị tôi sẽ chỉ chờ thêm nửa tiếng nữa."

\*

Ngày N + 15, 10 giờ 45 phút

Tôi nghe tiếng départ súng cối từ hai, ba phía. Tôi chạy vội tới đuôi của chiếc V100. Chỉ trong vài giây ngắn ngủi, hai trái cối nổ trong vòng đai, đất đá, mảnh đạn văng lên mái tôn nghe rào rào.

Một trái quả tầm nổ ngoài bãi đất trống chừng hai mươi mét. Vài tiếng départ nữa, lính bỏ chạy tóa ra ngoài, không một ai cản nổi. Trong chớp mắt, trước sau cả chục trái đạn bích kích pháo nổ trong hàng rào phòng thủ. Vài trái W.P gây nên những đám khói trắng mờ mịt. Con pháo vừa dứt, tôi quay lại, trong sân Tiểu khu Tuy Hoà vắng hoe, ngoài phái đoàn của Chuẩn tướng Cẩm, tôi, ông Đại úy Quân cụ, Điệp, Phúc và chừng hơn hai mươi người nữa còn nấp trong các vị trí tác chiến. Một người lính bị thương khá nặng, bị một mảnh đạn lớn văng vào chân, máu ra ướt hết cả một ống quần. Tôi không nhìn thấy vết thương, nhưng thấy anh ta lết người ra ngoài cổng. Đã đến lúc quyết định sống chết, tôi nói với người chiến hữu Quân cụ:

"Chắc phải đồng thời ông."



Chúng tôi bỏ vị trí đi ra ngoài, Chuẩn tướng Cẩm bỏ ra theo tụi tôi, Phúc mang theo một cái túi xách tay, gã moi ra trong cái túi này hai bộ quần áo dân sự, đưa cho tôi và ông Đại úy Quân cụ, miệng nói:

"Anh Ba thay đồ đi để dễ trà trộn trong đám đông."

Tôi cầm lấy bộ quần áo dân sự nửa muốn thay, nửa không. Hình ảnh anh lính kiểng mà tôi muốn bắn sáng nay trở về. Tôi nói với Phúc:

"Không cần, có thay đồ bây giờ nó bắt được nó cũng đâu có thả."

Tôi bỏ cái áo jacket vẫn khoác trên người từ hồi sáng sớm. Chiếc áo có cấp bậc, phù hiệu binh chủng cũng như bằng tên. Sáng nay không hiểu vô tình hay hữu ý tôi mặc một chiếc áo nhà binh trơn không có lon lá gì cả. Trút cái áo jacket bên ngoài ra, tôi cũng chỉ là một binh nhì không hơn kém. Tôi có hơi ngượng về vụ này, nhóm người của ông Cẩm hợp với nhóm của tôi, một trung tá đi theo ông Cẩm kiếm được một cái áo chemise ca rô, trông thật không giống ai, quần lính, giày trận, áo ca rô bỏ ngoài. Tôi hỏi ông Cẩm:

"Chuẩn tướng có muốn thay quần áo không?"

"Không."

Ít nhất tôi còn kính nể hành vi này, vả lại thành thực mà nói, có muốn thay, Chuẩn tướng Cẩm cũng không thể đào đâu ra một bộ dân sự hợp với khổ người to lớn của ông.

Cảnh tượng ngoài bãi biển làm tôi không tin ở mắt mình. Một đám đông chạy lên, chạy xuống như một đám rồng rồng mắt mẹ. Quân phục vũ khí, quân dụng vứt đầy mặt đất. Ông Cẩm vừa đi vừa gọi liên hồi vào máy truyền tin. Đó là một loại máy truyền tin dân sự, chỉ lớn bằng bàn tay. Tôi nghĩ chắc nó tốt hơn, và tầm hoạt động xa hơn những máy truyền tin quân đội. Tôi không nghe tiếng trả lời, chỉ thấy ông Cẩm nói tới tấp vào máy. Nhắm hướng nam, dọc theo bãi biển, chúng tôi đi như chạy. Vài phút sau đó tôi hiểu được tại sao ngoài bãi biển, trong một khoảng bờ biển chật hẹp người ta nhiều như rồng rồng mắt mẹ. Vì ngay phía sau tiểu khu có một nhánh sông, có lẽ trên bản đồ nó không có tên.

Trên thực địa phía nam Tiểu khu Tuy Hoà khoảng một cây số, một nhánh phụ của sông Đà rặng ă ra biển. Bề ngang chưa đầy một trăm mét, nhưng nước chảy xiết vô cùng và cũng rất sâu. Nước chảy với tốc độ của một dòng cuông lưu. Những người đến trước tụ tập đầy trên bờ. Nhấp nhô theo sóng, trôi ra cửa biển tôi thấy lác đác vài xác người, và ngay trên bờ hai chiếc thuyền lớn neo thật chặt. Con thuyền không chủ đã tan hoang vì những sợ hãi, bức tức, uất ức của đám đông đứng trên bờ. Những vết đạn chạy dọc thân thuyền và một lỗ thủng lớn chắc đã được tạo ra bởi một viên M79 bắn trực xạ trong tầm gần.

Tôi nghĩ thầm thôi xong. Đồi tôi chắc kết thúc trong tầm tối, trên bờ sông vô danh này bởi một lẽ rất giản dị: tôi không biết bơi. Cái đám đông cả ngàn người tới trước tôi không lẽ không ai biết bơi, thế mà họ thúc thủ nơi đây là đủ hiểu mức nguy hiểm của dòng nước vô danh này.

\*

Ngày N + 15, 11 giờ 00 phút

Tôi tuyệt vọng ngồi xuống cạnh bờ nước, châm một điếu thuốc thờ khói lên trời cao. Trời đẹp, trong, xanh, cao vút với những đám mây trắng. Cuối chân trời, hướng nam, những ngọn núi của đèo Đại Lãnh đứng sừng sững. Tôi kiểm soát lại những vật dụng tùy thân. Khẩu "Đại Cồ Việt" đã đưa cho Điệp, tôi cũng không muốn lấy lại. Điệp ở cạnh tôi. Phúc cũng đứng sát đó. Nhóm người của Chuẩn tướng Cẩm cũng có mặt. Và người bạn Quân cụ cũng còn đây, hầu như tất cả đơn vị tôi đều hiện diện, có khác chăng bây giờ không có ai nhận lệnh của ai nữa. Dòng nước này chỉ huy tất cả, nó bắt mọi người ngừng lại, nó bình đẳng mọi người kể từ ông tướng xuống tới người lính. Tôi buồn bã gọi Điệp và Phúc lại. Điệp vốn là một thể thao gia, tôi hỏi hai người:

"Có cách nào qua sông không?"

Phúc nói liền:

"Anh Ba đợi ở đây, em bơi qua bên kia, chạy vào trong xóm kiếm sợi dây kéo anh qua."

"Em cứ lo cho em đi, anh đợi Chuẩn tướng Cẩm gọi máy bay tới"

Tôi nói để mà nói, tôi nói để Điệp và Phúc khỏi bận tâm về tôi. Điệp nhìn tôi một cách kỳ lạ.

"Em có thể bơi qua được, cứ để cho nước cuốn mình trôi ra ngoài biển, đừng bơi cưỡng lại, nó có cuốn mình ra ngoài đó một cây số là cùng, rồi từ đó mình bơi trở vào bờ bên kia. Nhưng em chỉ có thể bơi nổi một mình thôi."

Tôi thấy Phúc tháo giày, cởi bỏ cái quần dài, vẫn còn chiếc áo lính, tiến thẳng xuống dòng nước. Phúc đã xuống hẳn dòng nước. Nước tới đầu gối nó. Nước tới đùi. Nước tới bụng... Đột nhiên Phúc hăng căng, chìm xuống. Khi ngoi đầu lên, Phúc đã bị cuốn đi cả mươi thước. Tôi thấy Điệp gào to:

"Bơi xuôi dòng. Phúc, cứ bơi xuôi dòng."

Phúc dường như có nghe Điệp mách nước, hẳn bơi xuôi theo dòng. Một cơn sóng nhồi Phúc lên cao, rồi nhận Phúc xuống dưới, khi nhô đầu lên Phúc hốt hoảng đổi hướng bơi sang bờ bên kia. Một cơn sóng kế, Phúc lại bị hất lên, nhận xuống. Tôi thấy Phúc cuống quýt, đập tay chân loạn xạ. Tôi không biết bơi nên biết rõ những phản ứng Phúc đang làm giống hệt như tôi giỡn sóng mỗi buổi chiều ở Phú Quốc, Vũng tàu. Động tác này không phải là bơi mà là vụng vay dưới nước. Đứng trên bờ Điệp kêu gọi rói rít:

"Đừng có phí sức, Phúc. Cứ để nước kéo ra biển, rồi sẽ bơi vào bờ sau. Phúc ơi ! Đừng có phí sức."

Tiếng Điệp không còn gào lên nữa mà như một lời thì thầm, một lời khẩn nguyện. Phúc bây giờ đã bị cuốn ra xa khỏi chỗ ban đầu cả một trăm thước, và mới chỉ bằng ngang chưa được hai mươi thước.

"Đừng có phí sức Phúc ơi ! " Tôi thấy tôi đang khấn thầm trong miệng như vậy "Đã bảo là đừng có lo cho anh. Anh đâu đáng để cho chú phải bơi qua bên kia, kiếm sợi dây kéo anh qua."

Dòng nước đã đưa Phúc ra xa, nhấp nhô theo từng cơn sóng, ban đầu tôi còn thấy Phúc vùng vẫy tay chân, bây giờ tôi hy vọng quá xa tôi không trông thấy, nhưng Phúc vẫn còn cử động, vẫn bơi, vẫn còn tỉnh táo thực hiện điều Điệp nhắc.

\*

Ngày N + 15, 11 giờ 15 phút

Nhóm người của Chuẩn tướng Cẩm và tôi vẫn thúc thủ bên bờ. Điệp đã để lại khẩu "Đại Cồ Việt" chỗ tôi. Anh chạy đi hỏi nào tôi không biết. Cái hình ảnh của Phúc bị nước nhồi lên nhận xuống làm tôi hết can đảm xuống mé nước. Kể từ lúc không còn thấy Phúc nhấp nhô theo sóng, tôi như người mất hồn. Ngồi xuống bãi cát, quay lưng lại dòng sông, tôi nhìn về phía Tiểu khu Tuy Hoà. Nhiều cột khói bốc lên ở đó, tiếng người lao xao chung quanh tôi hầu như cả đơn vị tôi, cả đơn vị của Kiệt, Huy đều hiện diện đủ, súng ống đầy bãi biển. Tôi quay nhìn về phía những người sẽ tới bắt tôi. Khẩu "Đại Cồ Việt" còn đây. Trong bụng một khẩu Colt 9. Cái ý tưởng của mấy hôm trước khi bước lên xe đồ trở về lảng vảng trong óc tôi: "Chắc chắn không thể để bị bắt, trong trường hợp tồi tệ nhất, nếu không đủ can đảm để tự kết liễu tôi cũng có thể ép những người anh em bên kia khai hòa." Tôi ngồi quay lưng lại con nước đợi chờ điều tồi tệ nhất có thể xảy ra đến.

Tôi nhìn thấy một người lính vừa chạy vừa ngھn cổ tu những giọt nước cuối cùng trong bi đống. Rồi anh quăng cái bi đống đã cạn nước xuống bãi cát không thương tiếc. Một ý nghĩ vừa lóe lên trong óc tôi. Chỉ cần năm, bảy cái bi đống tôi có thể nổi trên nước một cách dễ dàng.

Tôi vùng dậy, chạy ngược lại đường cũ, đảo mắt tứ phía. Tôi định kiếm mấy cái bi đống, đổ hết nước ra, đây nắp chặt lại, chỉ cần năm bảy cái rồi lấy dây giày cột quanh người là tôi sẽ nổi, rồi cứ thế để cho nước cuốn ra hẳn ngoài xa, khi đà của dòng nước yếu đi sẽ bơi vào bờ bên kia. Tôi lục lọi các túi đồ người ta vứt lại đầy trên bãi cát, cả mười phút trôi qua, tôi chỉ kiếm được vồn vẹn hai cái bi đống nhà binh và một cái bình nhựa độ ba lít, tôi ngồi xuống loay hoay cởi giày, cột tất cả thành một chùm. Đúng lúc đó tôi thấy Điệp đi tới, một tay xách cái can đựng xăng nhà binh đã sơn màu dân sự, tay kia Điệp xách hai cái nệm xe hơi có bọc vải nhựa ở ngoài, khẩu M16 vẫn đeo ngang vai. Điệp dáo dác tìm tôi. Thấy tôi loay hoay với đống đồ nghề vượt sông, Điệp cười tươi tỉnh:

"Để em dìu anh Ba bơi qua sông."

"Em tìm ông bạn Quân cụ lại đây, rủ ông ấy bơi qua một thể"

"Người ta đông như thế này, ông ấy lại biến mất từ hồi nào, làm sao tìm được bây giờ?"

"Liệu có thể dìu thêm một người nữa được không?"

"Được chớ anh, mình chỉ cần nổi, không bị nhận chìm là được rồi. Anh đừng có vùng vẫy, đập loạn xạ, chắc chắn là sẽ qua được"

Rồi Điệp giễu:

"Anh đập chân nhịp ba, nhịp năm như anh dặn người ta bắn đại liên là được rồi."

"Chắc chắn mình diu thêm được một người nữa không?"

"Chắc chắn."

"

Vậy để anh rủ ông Cẩm bơi qua, bè gì ông cũng là ông tướng."

"Chỉ sợ mấy ông tá đi theo ông bu lại là mình chết chìm cả đám."

"Đừng lo, họ không dám vọng động đâu."

\*

Ngày N + 15, 11 giờ 45 phút

Chuẩn tướng Cẩm, tôi và Điệp xuống tới mé nước, phải chi tôi được chụp ảnh lúc này thì chắc là đẹp giai lắm: Hai bi đồng cột hai mạng sườn, ngực độn cao bởi cái bình nhựa ba lít dưới lớp áo trận. Ông Cẩm to con ở giữa, tôi và Điệp hai bên, cả ba đều chân trần. Một ý nghĩ khôi hài chợt đến, đồng thời một tin tưởng mãnh liệt cũng thoáng qua: Tôi sẽ thoát hiểm. Chắc chắn tôi sẽ thoát hiểm.

Nước đến bụng, chúng tôi mới cách bờ không đầy mười thước, rồi tôi hụt căng, nhưng tôi nổi, ít nhất là từ cổ trở lên. Hai chân ông Cẩm đập đùng đùng xuống nước, Điệp và tôi mỗi người giữ một tay vào cái nệm xe hơi, tay kia Điệp khoát nước một cách từ tốn. Nước chảy mạnh dữ dội, chúng tôi xa bờ từ từ theo một đường chéo. Bề ngang con sông chưa đầy một trăm thước này, chúng tôi qua nó bằng một đường chéo dài gấp bốn lần. Lên được bờ bên kia, tôi mệt muốn đứt hơi, ngồi bệt xuống bãi cát, thở hổn hển.

Tôi chưa bao giờ mệt đến thế, mệt hơn cả những trận banh tôi đá liền một mạch cả hai tiếng đồng hồ, mệt hơn cả lần di hành mãn khóa của trường Thủ đức với hai mươi kí trên lưng, đi bộ liên tục hai mươi lăm cây số dưới trời mưa to, gió lớn. Có lẽ mệt hơn thế nhiều, chúng tôi ngồi đó nhìn những bạn đồng đội bên kia mỗi lúc mỗi gần kề cái lưới.

Chuẩn tướng Cẩm nói:

"Hiển, làm sao cứu thằng em ruột của anh, nó còn ở bên kia bờ."

Trong một thoáng giây, tôi ân hận là mình đã làm một việc thừa. Đáng lẽ tôi phải tìm cho được người bạn Quân cụ, đem qua sông. Dẫu chúng tôi chỉ biết nhau vồn vẹn bốn năm tiếng đồng hồ. Nếu không tìm được ông ta, cái người đáng lẽ tôi phải rủ đi, phải mang được qua sông phải là Kiệt, Huấn, Cẩm v.v... Tất cả họ đều lảng vảng đâu đó. Tôi giận mình đã tự rước vạ vào thân. Tôi quay lại:

"Thưa Chuẩn tướng, bây giờ tôi đi kiếm thuyền. Chuẩn tướng có đi với tôi hay không?"

"Em cứu thằng em của anh hộ anh đi Hiền. Anh chờ ở đây. Để anh gọi máy bay tới."

Để chấm dứt tình trạng lằng nhằng tôi nói:

"Chuẩn tướng cứ gọi máy bay đi. Tôi vào trong xóm kiếm một hóp nước, và kiếm dân chài có thuyền xong tôi sẽ quay lại."

Tôi tin là ông biết tôi nói cho qua chuyện. Mặt ông thẫn thờ nhìn qua con nước. Đến bây giờ tôi mới biết cái người phát ngôn những câu chượng tai đó là em ruột ông. Tự nhiên tôi thương cảm ông vô cùng. Cái ý nghĩ giận lẫy về ông trong vài phút trước tan đi nhanh như một cơn gió. Ít ra ông Cẩm không để cho tôi phục trong cung cách một cấp chỉ huy cao, ông cũng làm cho tôi kính nể cái cung cách người anh của ông đối với em út trong nhà. Điệp đưa mắt nhìn tôi. Tôi hiểu ý anh ta muốn gì.

\*

Ngày N + 15, 12 giờ trưa

Tôi và Điệp bước vào một xóm nhỏ có chừng hơn mười nóc nhà, xóm vắng lặng không người, không còn cả súc vật. Chúng tôi uống nước trong một cái phuy dựng đằng trước một căn nhà giữa xóm. Điệp vừa cười vừa nói với tôi:

"Hồi nãy em tưởng anh Ba muốn cứu em ông Chuẩn tướng"

"Anh đâu có điên."

"Bây giờ mình dông về hướng nam đi anh. Cái thằng Phúc giá đừng vội thì giờ này đủ anh đủ em cả."

"Cái xóm không có một bóng người, kỳ cục thật."

"Bọn này cũng chẳng tử tế gì, cho mẹ nó một mớ lửa đi anh"

"Bậy nào, dân chúng ở đâu mà chả sợ tai bay vạ gió. Chú xem có cái gì gặm được không? Đề phòng chuyện phải lợi bộ, trốn tránh suốt ngày."

"Không có gì đâu anh Ba. Bọn này mà trốn thì đến củ khoai chúng không mang được, chúng cũng vùi xuống cống, chờ khi nào tan giặc về, moi lên. Mà mình đâu có thì giờ để kể cà. Mình đi anh Ba."

Trở lại bãi biển, chúng tôi nhắm hướng nam tiến bước. Tôi ngó lại chỗ cũ, ông Chuẩn tướng Cẩm vẫn còn đó, đi qua đi lại bên bờ sông. Đám đông bên kia sông vẫn không bớt được chút nào, vẫn vòng lên lộn xuống như rùng rùng mắt mẹ. Cát khô rít dưới chân trần, tôi và Điệp đi như chạy. Ít nhất chúng tôi cũng thoát được cái bẫy đầu của thiên nhiên, tôi bước như một cái máy, dường như cái đầu không thuộc vào đôi chân. Đôi chân như của một người nào cho mượn, cái đầu hình như còn ở lại với Huấn, Kiệm,

Cầm, với hàng trăm binh sĩ ở bên kia sông. Có lúc tôi nghĩ tới người bạn Quân cụ, Tài chánh, có lúc tôi nghĩ tới những người tôi không có thiện cảm như em ruột ông Cầm.

"Anh Ba, thuyền nhiều quá. Đù mẹ thuyền thì neo giữa sông, còn bọn thuyền chài thì ở đầy trên bãi."

Tiếng Địch oang oang mang tôi về thực tại. Đã đến một dòng sông thật rộng: sông Đà rằng. Con sông tỏa rộng ra ở cửa biển. Rộng tưởng chừng không thấy bờ bên kia. Mênh mông, bát ngát. Xa bờ chừng trăm thước, một dãy thuyền lớn nhỏ cả trăm cái, neo một hàng dọc. Trên bờ dân chài thứ thật, che bạt tránh nắng, moi cát đốt lửa nấu cơm, lằm lì không nói, họ lặng lẽ như những cái bóng, nhưng trong ánh mắt, tôi biết họ lo lắng vô cùng. Họ sợ những người chạy chết như tôi làm ầu, chỉ cần một người làm ầu là tất cả những con thuyền đó sẽ lãnh đủ tai họa. Tôi gặp lại thêm sáu người nữa của đơn vị cũng đã đến được đây trước.

Chúng tôi họp lại được một nhóm tám người. Thuyền neo đầy ở trước mặt. Tôi tiến đến hỏi một người đàn ông đứng tuổi đề nghị thuê thuyền của ông ta. Ông ta nói ông không có thuyền, ra ngoài này để tránh hai bên giao tranh, tránh bị đạn lạc. Tôi hỏi một người thứ hai, cũng những luận điệu cũ. Biết có hỏi thêm nữa cũng vô ích, nhưng tôi sẽ có cách biết ai là chủ một cái thuyền. Ít nhất cũng có thể biết ai là chủ một cái thuyền. Tôi nói với Địch:

"Chú bơi ra ngoài kia, lấy đại cho anh một cái thuyền, càng lớn càng tốt."

"Em đâu có biết lái ghe, anh Ba."

"Anh đâu có bảo chú lái, anh bảo chú cứ chiếm đại một cái ghe. Thằng chủ sẽ xuất hiện để mình nói chuyện."

Địch và một người nữa đi xuống nước. Sông Đà rằng rộng dễ chừng hơn mười, mười lăm lần con sông cũ, nhưng cũng trái ngược lại, nước làm như không chảy, nước như đứng im, bởi vì ngay đây đã là cửa biển, nước không còn là nước ngọt, không trong xanh như nước biển nhưng cũng không đục ngầu như nước sông. Tôi thấy Địch lội một quãng thật xa trước khi phải bơi. Cả hai chọn con thuyền nhỏ gần nhất, thực ra chỉ là cái ghe đuôi tôm. Địch leo lên trước, còn người kia tìm cách gỡ sợi dây buộc vào thuyền bên cạnh. Một người đàn ông bỏ lều chạy vội ra, miệng la lớn:

"Ghe đó của tôi, không chạy được đâu. Máy hư rồi."

Để trả lời câu nói, tiếng động cơ máy đuôi tôm nổ nổ dồn dập. Ghe đã được tháo dây, tách khỏi hàng, Địch cố gắng lái cho chạy thẳng vào bờ. Địch vẫy tôi rời rít, cho máy nổ nhỏ lại, cố giữ cho chiếc ghe đứng lại:

"Anh Ba, có ghe rồi"

Tôi chặn người đàn ông lại:

"Ông đưa tụi tôi ra ngoài khơi. Có tàu của hạm đội Mỹ, và tàu Hải quân đón tụi tôi ở ngoài ấy."

"Tôi không đi đâu cả."

Tôi rút khẩu Colt 9 ra, lên đạn:

"Ông có đưa tôi đi không? Nếu tôi chết ở đây, có thể ông sẽ chết. Ít nhất là tôi có thể phá nát ghe của ông. Phá nát tất cả ghe ở đây luôn."

Người đàn ông thách:

"Cứ bắn đi"

Tôi tức đến nghẹt thở. Một người lính lên đạn khẩu M16. Tôi chặn người lính lại kịp thời, rồi tiến tới nắm cổ áo ông ta:

"Có đi không?"

Dí khẩu Colt 9 vào màng tai ông ta, khi bóp cò, tôi chĩa súng lên trời. Tiếng nổ làm ông ta hết hồn, biết là vừa thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, ông ta như muốn xỉu, đứng không vững, miệng líu ríu:

"Thầy Ba để tôi đưa qua sông."

"Tôi không qua sông. Tôi muốn ông đưa tôi ra ngoài xa, sẽ có tàu lớn của Hải quân, sẽ có tàu lớn của Mỹ."

"Ghe của tôi nhỏ lắm không ra ngoài xa được."

"Cứ đưa tôi ra ngoài biển, không gặp tàu lớn thì cứ ven bờ mà đi."

Tôi lấy trong túi ra năm ngàn đưa cho ông ta.

"Đây là tiền xăng đưa tôi ra ngoài biển. Nếu không gặp tàu lớn, ông đưa tụi tôi đi thoát, tôi sẽ biếu ông một trăm ngàn."

Chiếc ghe thì quá nhỏ cho chúng tôi tám người, thêm người chủ ghe. Ông ta chắc đã hoàn hồn, có vẻ như vẫn còn ù tai bởi phát súng bắn dọa, nên nhìn tôi gườm gườm, thỉnh thoảng lên giọng nhắc chừng chúng tôi:

"Ngồi yên, đừng có quày người qua lại! Không thấy ghe muốn khẳm rồi sao?"

Mặt nước cách mạn ghe có một gang, mỗi lần sóng lớn, nước chạm vào ngón tay tôi buông thõng ngoài mạn thuyền. Không hiểu vì phải chạy gỏi sóng hay sao, ông ta cho thuyền chạy ngược lên phía bắc trước khi chuyển hướng chạy ra khơi. Một lần nữa, tôi nhìn thấy những binh sĩ của tôi. Họ kêu gọi tôi vang một góc bãi. Tôi nhìn thấy Huấn, thấy Kiệt, thấy thật nhiều người nữa. Điệp nhắc chừng:

"Anh Ba à, thuyền muốn khẳm rồi đó. Không ghé vào đó được đâu."

Rồi Điệp chửi thề nhỏ để người chủ thuyền không nghe thấy.

"Đù mẹ ngược lên trên này làm gì? Gặp mấy thằng khùng sợ hoảng nó ria cho một tràng thì chỉ có nước ngáp."

Tôi cúi mặt xuống hổ thẹn. Dường như cả đơn vị còn đó mà lời hứa "CÓ MẶT" của tôi đã bị gió thổi xa bay. Lời hứa "CÓ MẶT" của tôi đã bị sóng lồi ra biển.

\*

Ngày N + 15, 12 giờ 15 phút

Đám đông trên bãi khuất dần về phía sau, tôi nói với tất cả mọi người:

"Điệp hỏi coi ai còn tiền, gom lại cho anh, để anh thương lượng với ông chủ ghe."

Chập sau chúng tôi góp được hơn năm chục ngàn. Tôi nói với ông chủ ghe.

"Cứ đưa tôi ra xa một chút nữa. Gặp tàu Hải quân chúng tôi cho ông hết."

"Không có tàu Hải quân ở đây đâu thầy Hai."

"Sao ông biết?"

"Có thì có từ hôm rày, không có thì ngày mai cũng không có chớ đừng có nói bây giờ."

"Ghe của ông có chạy được tới Nha Trang không?"

"Ghe này là ghe câu, đâu có chạy xa được."

"Cứ men bờ mà đi tới đâu hay tới đó."

"Hay là thầy Hai để tôi chở thầy Hai về bến thương lượng với mấy chủ ghe khác, phải có ghe lớn mới đi Nha Trang được."

"Không ông cứ giữ khoảng cách thấy bờ, cứ men theo bờ chạy cho tới lúc nào gặp thuyền lớn thì chúng tôi sẽ thương lượng với họ."

"Điều này chắc mình chỉ còn đủ dầu chạy 2 tiếng nữa là cùng."

Điệp nổi nóng:

"Đù mẹ còn cỡ nào, chạy cỡ nấy. Hết dầu thì chèo bằng tay. Không có vụ quay lại."

Tôi nói với Điệp nhưng muốn để ông chủ ghe yên tâm:

"Cứ yên trí đi, chút nữa thế nào cũng gặp ghe lớn."

"Thầy Hai với mấy ông đây cứ yên tâm đi. Chút nữa thế nào cũng gặp ghe lớn."

\*



Ngày N + 15, 12 giờ 45 phút

Một chiếc ghe lớn từ xa chạy ngược lại. Một người lính lên đạn khẩu M16 bắn chỉ thiên một tràng. Cái ghe lớn hoảng sợ quay hướng khác. Tôi phát câu chửi thề:

"Bố khỉ chỉ bắn sáng. Sao hồi sáng không bắn hăng như thế. Đưa khẩu súng đây, vứt mẹ nó xuống biển cho rồi Điệp."

Mấy người lính im thím thít.

"Thầy Hai đừng lo, tôi rành mấy người ở đây lắm. Không gặp ghe người này cũng gặp ghe người khác. Ghe hồi nãy của thằng cha Bảy. Thằng chả nhát lắm, không dám ở lại bãi nên đem toàn gia lên ghe chạy lòng vòng ngoài biển chờ hết súng thì về. Có điều thầy Hai nói mấy ông đây đừng có bắn bậy, tới giờ tôi vẫn chưa hoàn hồn."

"Rồi, có ghe nữa anh Ba."

"Đâu hướng nào?"

"Hướng mười giờ đó anh Ba."

Tôi quay lại nhìn theo hướng người vừa nói, thấy một chiếc ghe lớn hơn ghe thằng cha "Bảy nhát" nào đó hồi nãy. Ông chủ ghe đổi hướng chạy tới chiếc ghe lớn. Vài phút sau chúng tôi nhìn rõ bóng người qua lại trên ghe. Ông chủ ghe gọi ới ới:

"Phải ghe thằng Quới đó không? Có thằng Quới đó không?"

"Phải chú Sáu không?"

"Tao chứ còn ai nữa? Có mấy thầy này muốn thuê ghe vô Nha Trang. Ghe tao không đủ sức."

"Ở nhà ra sao?"

"Tụi tao trên bãi đâu có biết gì, nhưng chắc không sao đâu."

"Nhà tui có cháy không?"

"Tao ở bãi đâu có biết, nhưng tao nhìn về xóm mình hoài thấy không có khói. Có cháy chỗ Tiểu khu, nhưng không biết xóm đó có sao không?"

"Hết đánh rồi hả chú Sáu?"

"Tao đâu có biết? Có mấy thầy này muốn vô Nha Trang mấy có chớ không? Nếu không để tao tìm ghe khác!"

Tôi nói với ông chủ ghe:

"Chú Sáu cứ cập vô ghe anh Quới đi, để tôi muốn thương lượng thẳng với anh."

Hai chiếc ghe sáp lại từ từ. Anh Quới người chủ ghe bự đó hỏi tôi:

"Mấy thầy muốn vô Nha Trang hả?"

"Phải. Bao thuê ghe của anh từ đây vô đó bao nhiêu tiền?"

"Mấy thầy tám người cả thầy phải không? Hai mươi ngàn một người. Thôi tất cả một trăm năm chục ngàn."

"Được rồi. Bây giờ tôi chỉ có năm chục ngàn ở đây, nhưng tôi có chiếc đồng hồ Longine trị giá một trăm ngàn. Nếu anh muốn lấy tiền mặt thì theo tôi về nhà ở Nha Trang, tôi sẽ trả cho anh."

"Rồi mới thầy lên ghe đi."

Tôi bảo Điệp đưa thêm cho chú Sáu năm ngàn nữa. Tôi nói với chú Sáu vài lời cảm ơn, vài lời xin lỗi về phát súng bắn dọa sát mạng tang làm chú sợ tới giờ này. Chú Sáu cười nói:

"Tôi biết thầy đâu có dữ dằn gì. Ai mà không có lúc hoảng hốt. Thôi chúc thầy Hai với mấy ông đây vô Nha Trang bình yên."

\*

Ngày N + 15, 1 giờ trưa

Tôi quá mệt và buồn ngủ, phần vì đêm qua không chợp mắt được, phần vì gió biển mát, và sau cùng có lẽ ghe nhỏ bị sóng nhỏ nên say sóng. Tôi nói với Điệp:

"Chú canh chừng, anh ngủ một chút lấy sức."

"Anh Ba ngủ đi, yên tâm, thoát rồi anh Ba."

Tôi thiếp đi giữa tiếng gió biển hòa với tiếng sóng, ban đầu còn nghe tiếng máy ghe nổ, tiếng sóng vỗ mạn ghe, tiếng gió hú trên cao. Mắt tôi trĩu nặng, nhưng tai vẫn nghe được, những âm thanh hỗn tạp ban đầu thưa dần. Rồi bỗng nhiên thấy tôi đang lơ thần giữa phố Pleiku, giữa đồi Đà Lạt, giữa đồn điền Ban Mê Thuột. Rồi người ta đông vô kể, hàng rào kẽm gai trùng trùng lớp lớp. Những bộ áo nhà binh xanh, những bộ áo tù nâu, những chòi canh, những bãi mìn. Những khuôn mặt rõ nét hơn, những bằng hữu cũ, những người thân yêu xưa, tôi không thấy một người nào cười. Tất cả đều lặng lẽ, và có rất nhiều khuôn mặt đăm lệt. Biết là tôi đang ngủ mơ, nhưng giữa mộng và thực dường như không có gì khác biệt. Giữa con bướm và Trang Tử, bọn hậu sinh như tôi thấy dường như là một.

Biết là tôi đang mơ, nhưng dường như cái thực không có thật. Có lúc đang ban ngày, tôi thấy mình là lính của vua Quang Trung đang vượt đèo Tam Điệp, đang chạy lúp xúp trong đêm tối, đang ngủ mê mệt trên võng. Buổi sáng nay có một lúc ngồi thừ người bên dòng sông, tôi tưởng mình là lính của... Lê Chiêu Thống. Bọn tướng tá của Tôn Sĩ Nghị và của nhà Hậu Lê đâu có phải tìm xa, tôi gặp hàng ngày. Lính của tôi đã tiền hô hậu ủng "Qué tướng công" cả năm trời hay sao? Những mệnh phụ phu nhân có đạo đường như tôi gặp đầy trong các "xóm" bán phần buôn hương.

Đâu có gì khác biệt giữa một ông dược sĩ cho thuê bằng mở pharmacy, với một cô gái giang hồ bán trôn nuôi miệng. Bởi rõ ràng ông dược sĩ được biểu tượng bởi cái bằng, ông cho thuê cái bằng có khác gì cho thuê cái thân. Khôi hài nhất là chúng ta đang ở vào thời kỳ mao hóa. Cái gì người ta cũng có thể làm giả được, kể cả nhân cách, kể cả những thứ thật trừu tượng, không trông thấy, không sờ được, không ngửi được, không mó được, không ăn được. Những thứ đó có nơi người ta gọi là độc lập, tự do. Có chỗ gọi là hòa giải dân tộc. Ở chùa nó là đạo pháp. Ở nhà thờ là niềm tin. Trong học đường nó là tương lai. Chính phủ và quốc hội gọi nó là hiến pháp. Những nhà văn gọi nó là tự do tư tưởng. Máy ông ký giả gọi nó là đệ tứ quyền... Mặc dù xuất hiện dưới hình thức nào, tất cả những món hàng đó trong thời đại của chúng tôi người ta làm giả được tuốt. Có nhiều khi cái giả đẹp hơn cái thật. Những cái giả này góp phần thành xã hội Việt Nam cả hai miền Nam và Bắc. Góp thành bom dội xuống bên này và bên kia dòng sông Bến Hải. Góp thành súng của các nơi gửi về giúp đỡ cả hai nửa phần dân tộc. Góp thành đạn để dân Việt bắn lẫn vào nhau, và máu đổ ra chan hòa mặt đất.

Tất cả những món hàng giả tạo này, sơn phết lòe loẹt, đã làm cho miền Nam mỗi ngày mỗi mất dần đi chính nghĩa ban đầu. Những kẻ lãnh đạo miền Nam mỗi ngày mỗi lộ bản chất nhu nhược, tay sai. Những mệnh phụ của miền Nam trong lúc tô son điểm phấn mỗi ngày mỗi vẽ giúp cho bộ mặt miền Nam những nét nguệch ngoạc, lem luốc, xấu xí. Trong khi đó ở miền Bắc, những kẻ lãnh đạo với tài phù thủy đã nặn ra được cái chính nghĩa không có thực, mỗi ngày mỗi tô điểm cho cái chính nghĩa mao hóa "dân tộc" này, để đẩy hai thế hệ thanh niên vượt Trường Sơn bằng những đôi chân trần. Từng bước một, từng nấc một, cuộc nội chiến đến với dân Việt êm như một con rắn trườn đi trên mặt đất, êm như một con nước lớn từ từ đang dâng lên cao. .

Càng ngày cái tập đoàn lãnh đạo của cả hai miền Nam Bắc càng để lộ ra cái bộ mặt tay sai, đã dẫn dắt hai nửa phần dân tộc vào một cuộc chiến ủy nhiệm. Nam hay Bắc rồi đây không có ai thắng trận chiến này. Máu xương của dân tộc Việt đổ ra, chỉ đủ cho các cường quốc nghiêng được cán cân quyền lực thêm một nấc, trong các bàn hội nghị.

Tôi biết rõ là tôi đương ngủ mê. Nhưng có gì bảo đảm giữa mộng và thực không phải là một. Hai ngàn năm sau, con bướm của Trang Tử vẫn còn đó. Bây giờ con bướm đó đã sản xuất thành hàng triệu con bướm khác sinh sôi khắp mặt địa cầu "... *Chúng ta chẳng qua chỉ là hai quốc gia, nằm trên đầu hai cái sừng của một con ốc sên, và trận chiến diễn ra trên trán của con ốc sên này. Máu chảy thành sông, xương cao thành gò...*" (Nam Hoa Kinh). Bãi chiến trường đó giờ đây đang vào hồi cuối. Khi cái màn kéo xuống, chắc chắn chúng ta sẽ có được bóng tối.

Những âm thanh chát chúa lại một lần nữa trở về, những khuôn mặt mờ nhạt dần đi, âm thanh càng lúc càng hỗn loạn. Tiếng bom rơi, đạn rít, tiếng người rên xiết, oằn oại, tiếng xích chiến xa nghiền trên mặt đường, rồi cả tiếng khóc chào đời của các hài nhi. Đầu tôi muốn vỡ ra thành trăm mảnh, thành ngàn mảnh. Đột nhiên tất cả đều im lặng, và sau cùng tiếng sáo của anh lính Biệt động quân mặt rỗ trên đập Đồng Cam ngày nào rõ dần lên. Cả người tôi như một sợi dây bị kéo căng quá độ, sắp sửa đứt, thì sức kéo bỗng nhiên biến mất, sợi dây chùng lại, tôi ngủ yên trong tiếng tiêu huyền hoặc này.

Ngày N + 15, 6 giờ 30 phút

Điệp đánh thức tôi dậy. Tôi không ngờ đã ngủ một giấc dài như vậy.

"Anh Ba, sắp tới Nha Trang rồi."

Dưới ánh nắng chiều thoi thóp, làm như tôi nhìn thấy một thành phố không sức sống. Dường như đây chỉ là điều tôi cảm thấy. Ghe còn cách bến ba, bốn cây số. Dù cho không thể thấy rõ những sinh hoạt của con người, nhưng cũng phải thấy hoạt động máy móc, xe cộ, tàu bè. Ghe chạy ngang qua một hòn đảo nhỏ cách bờ chừng hai cây số, lướt qua vài chiếc ghe neo ngay một chỗ khuất của đảo, người ta đang ào xuống ghe. Đây chắc hẳn là dân Nha Trang chạy loạn. Không biết những bằng hữu của tôi ở Nha Trang giờ này đang làm gì. Vợ con tôi đang làm gì. Hai ngày trôi qua, chiến tuyến đã lui được một khoảng cách từ Qui Nhơn tới Nha Trang. Tôi nói Điệp mời anh Quới xuống đây nói chuyện với anh. Quới nhường tay lái cho một người khác tiến đến chỗ tôi ngồi.

"Anh cho tới Cầu Đá. Trước khi xuống ghe tôi sẽ đưa tiền cho anh."

"Thầy Hai có bao nhiêu tiền mặt?"

"Tôi có khoảng năm chục ngàn. Nhưng không thể đưa hết cho anh được. Phải giữ lại cho mấy người này mỗi người vài ba ngàn."

"Tôi cũng biết vậy, cái đồng hồ của thầy Hai trị giá bao nhiêu?"

"Hồi nãy tôi nói với anh hơn một trăm ngàn, nhưng thật ra có tám chục ngàn thôi. Tôi không muốn nói dối anh nữa, anh đã giúp tôi thoát chết, ít nhất là thoát bị bắt. Tôi cảm ơn anh vô cùng".

"Nhà thầy Hai có ở đây không?"

"Nhà tôi ở Sài Gòn, vợ tôi vô Nha Trang trước tôi vài ngày, không biết đã đi Sài Gòn chưa. Anh theo tôi về, nếu gặp vợ tôi, tôi sẽ giao đủ số tiền cho anh."

"Thầy Hai để tôi nói chuyện với mấy anh em tôi đã."

Trong lúc Quới nói chuyện với mấy người khác trên ghe, tôi bảo Điệp:

"Chú chia cho mỗi người hai, ba ngàn. Phần của anh, chú giữ luôn, còn lại giao cả cho anh Quới. Cái đồng hồ của anh đây, chú đưa luôn cho anh ấy."

"Đù mẹ nó cắt cổ mình đó anh Ba. Giá xe đồ chừng bốn trăm lẩy gấp mười cũng là quá rồi."

"Kệ nó, nếu không có ghe chắc giờ này mình như ông Kiệt rồi em. Hoặc có thể mình cũng như Phúc rồi. Giữ được mạng về tới đây là khá lắm rồi."

Chập sau Quới trở lại:

"Hồi tôi ra giá sao thầy Hai không trả giá?"

"Anh chịu đi là quá tốt rồi còn trả giá gì nữa."

"Bây giờ thầy Hai đưa tôi nửa tiền, nghĩa là hai mươi lăm ngàn thôi, và chiếc đồng hồ. Lấy hết tiền mặt, mà cô đi Sài Gòn rồi thì thầy Hai và mấy ông đây không xoay trở được. Chỉ lấy cái đồng hồ thôi thì tôi không có tiền mua dầu gasoil."

Đến bây giờ tôi mới hiểu tại sao Y Uyên yêu Tuy Hoà đến thế. Và tại sao Tuy Hoà có tên đường Tân Đà và pho tượng nhỏ của Y Uyên. Tôi quay lại nói với Điệp:

"Chú còn đợi gì mà không trả tiền cho anh Quới. Thôi tụi tôi cảm ơn anh Quới với các anh em trên ghe."

"Thầy Hai với mấy ông đi may mắn nghe."

\*

Ngày N + 15, 6 giờ 45 phút

Cầu Đá thật giống như một bến đò bỏ hoang, trông tiêu tụy đến độ như ở đây chưa có tiếng súng mà trận đánh đã tàn. Không một nhà mở cửa, không một quán bán buôn. Tôi hỏi Điệp và mấy người lính trong đơn vị.

"Bây giờ các chú muốn đi đâu?"

"Tụi em có người quen ở đây, thôi tụi em tự lo liệu lấy."

"Em phải vào trại tị nạn Cộng sản tìm gia đình ở đó rồi dẫn vào Sài Gòn."

"Hẹn gặp các chú ở Sài Gòn."

Tôi đón được chiếc Honda ôm, về tới nhà ông bác của vợ tôi đã tám giờ tối. Cả nhà còn đủ cả. Vợ tôi đã vào phi trường hai hôm trước, một người bạn bên Không quân giúp đỡ có danh sách trên chuyến bay quân sự, nhưng đúng lúc đó một số lính của sư đoàn 23 sau khi thất trận ở Ban Mê Thuột tràn về, phi trường tạm đóng cửa một ngày, sau đó chuyến bay bị hủy bỏ.

Gia đình ông bác đã vào Sài Gòn cả tháng trước, căn nhà rộng thênh thang, đầy đủ tiện nghi. Ngoài lý do chuyến bay bị bỏ, vợ tôi cũng muốn nấn ná thêm vài ngày chờ tin tức của tôi. Chỗ tôi tạm trú gần phi trường, suốt đêm tiếng máy bay lên xuống vùn vủ. Tôi ngồi dậy, lên lầu mở cửa sổ nhìn về phi trường. Vợ tôi lên theo, chúng tôi ngồi bên nhau nói với nhau những câu ngắn, băng quơ. Giọng vợ tôi đầy lo sợ:

"Anh à, trưa nay em vào Đồn Quân cảnh Nha Trang, em thấy trống trơn."

"Em có gặp ông Trung tá Kha hay Đại úy Vũ không?"

"Không. Cửa đồn mở toang hoang, còn vài người lính, có một chú hồi đó làm việc với anh ở Pleiku, chú đó có biết em, em quên tên chú đó rồi. Chú nói Tiểu đoàn 2 Quân cảnh cũng đã di tản sáng nay."

"Sao em không đi xe đồ hay máy bay dân sự vào Sài Gòn trước. Bây giờ tình hình quá khó."

"Má muốn mua vé chợ đen, bao nhiêu má cũng mua nhưng không kiếm được chỗ bán."

Còn xe đồ thì chật như nêm. Nói thật em cũng muốn nấn ná chờ anh."

Trong bóng tối, tôi xiết chặt tay vợ tôi. Tôi hiểu vợ tôi yêu tôi và chỉ lo cho tôi, do đó chẳng biết gì về những khó khăn cấp kỳ đang chụp xuống đầu mọi người. Tôi lờ mờ thấy cái định mệnh khắc nghiệt sắp chụp xuống đầu chúng tôi.

"Mấy ngày nay em có tới thăm anh Trương Hồng Sơn bạn anh không?"

"Em đâu có biết nhà anh Sơn. Có lẽ giờ này anh chị ấy cũng đã đi Sài Gòn rồi."

"Em có đến thăm vợ chồng anh Há không?"

"Há nào? Anh nhiều bạn quá, có người em còn không biết tên nữa làm sao biết nhà?"

"Sáng mai anh đến kiếm anh Sơn, nếu Sơn không còn ở đây anh sẽ đi thuê thuyền. Thôi đi ngủ."

\*

Ngày N + 16, 7 giờ sáng

Tỉnh dậy, bước ra cửa sổ nhìn xuống đường, tôi biết lại có thêm một thành phố nữa đang dần chết. Điều kỳ lạ là mỗi thành phố chết một cách khác nhau. Pleiku như một mảnh hổ bị lao, Phú Bổn như một con nai trúng đạn, Qui Nhơn là một con gấu bị dồn tới đường cùng, gằm gừ một hồi rồi cũng sập bẫy, Tuy Hoà giống như một con cá lớn đã lọt vó, bốn góc nước cứ cạn dần rồi trơ trên nền vãi thưa. Bây giờ là Nha Trang. Nha Trang như là một thành phố chết bởi bệnh dịch. Sáng nay những người Nha Trang lủ lượm, buồn thảm, bồng bề, gồng gánh xuôi Nam. Họ khóc tức tưởi, không kêu gào, không than vãn. Những dòng nước mắt chảy lạnh lẽ trên những gò má hốc hác vì lo lắng, không ăn, thiếu ngủ. Họ là những người chạy bệnh dịch, bệnh thời khí của vài chục năm, trăm năm trước, khi mà nền y khoa thô sơ chưa hiểu rõ cách ngăn ngừa sự truyền nhiễm. Thật là cảnh tượng thê thảm nào lòng. Tôi đóng cửa sổ bỏ vào trong đánh răng rửa mặt. Bước xuống nhà dưới, tôi dặn má và vợ tôi:

"Má với em sửa soạn, con đến nhà người bạn xem anh ta có giúp gì được không. Nếu không thì dù có phải lội bộ như mọi người chắc cũng phải đi."

\*

Ngày N + 16, 7 giờ 30 sáng

Trương Hồng Sơn đón tôi ngay ngưỡng cửa. Chúng tôi đều ngạc nhiên lẫn cho nhau tại sao còn ở chốn này. Sơn kéo tôi vào nhà, ngồi chưa yên Sơn đã hỏi tôi dồn dập:

"Ông ở đâu mà mò tới đây lúc này?"

"Tôi ở Qui Nhơn vào."

"Sao lại Qui Nhơn? Tôi nghe ông ở Đà Lạt mà?"

"Tôi dời Đà Lạt, dời về Pleiku lần thứ ba, ngồi chơi sơi nước được hai tháng, kể đó là chạy Liên tỉnh lộ 7. Sau đó nhận công điện ra chỉ huy ở Trại giam Qui Nhơn."

"Giờ này mà còn ham làm Chỉ huy trưởng Trại tù. Bớ khỉ. Bỏ quách hết chứ. Phải lo cái mạng, nhất là cái mạng của ông. Tôi không ngờ tới giờ này mà ông tới dạ đến thế."

"Tôi sáng hơn bất cứ lúc nào, tôi nhận ra Qui Nhơn để đưa vợ con tôi chạy. Ngay cả không có vợ con tôi ở đó tôi cũng ra, ông Thanh bị Việt cộng bắt khi đi phép ở Ban Mê Thuột, bỏ đơn vị hơn một tháng nay rồi không có ai coi. Tôi đã làm hết sức tôi có thể làm."

"Còn bà ấy với hai đứa nhỏ đâu?"

"Ở Nha Trang được bốn ngày nay, tôi ra tới Qui Nhơn, việc đầu tiên là đưa vợ con lính, vợ con tôi vào Nha Trang. Mãi hôm qua đơn vị tôi mới chạy, bị đánh tan ở Tuy Hoà. Cả ba đơn vị về còn được tám mống. Tám mống kể cả tôi."

"Như vậy là ông bị đụng nặng rồi. Anh em chết nhiều không? Còn có tám mống thì chắc là bị đất lằm."

"Chết vài ba người, nhưng có lẽ bị bắt sống trọn gói."

Tôi kể vắn tắt cho Sơn biết qua cảnh chạy Liên tỉnh lộ 7, cảnh chạy ở Tuy Hoà. Tôi cho Sơn biết không thể ở lại được. Sơn nói với vợ:

"Anh đi với anh Hiền uống cà phê coi tình hình chút."

Chúng tôi không cần đi đâu xa, Sơn lái chiếc Jeep dân sự ra tới phố chính thì ngừng lại. Tôi nói với Sơn:

"Ông mới là tối dạ, đã làm sĩ quan Quân cảnh coi tù binh ở Phú Quốc, dầu cho có biệt phái về dạy học chẳng nữa cũng phải chạy. Ông hãy nhìn những người dân kia, không có đi coi tù ở Phú Quốc, cũng chẳng dạy đại học như ông, thế mà họ còn đi lủ lượt như thế. Ông chưa thấy tận mắt Đại lộ kinh hoàng năm 72 phải không? Mấy tháng sau tôi đi trao đổi tù binh, có những đoạn xe công binh phải ủi xác người ở dọc đường, mới có lối cho đoàn xe của tôi chạy tới địa điểm trao đổi tù binh. Ông mới là tối dạ, đã làm tới sĩ quan Giám thị Trưởng khu, mà lại là Trưởng khu Tù binh xâm nhập, giờ này còn ở đây thì tôi không hiểu nổi."

"Tôi có cái kẹt khó giải quyết."

"Bây giờ ông coi có quen ai có thuyền không?"

"Ông đi với tôi vô Đại học Cộng đồng Duyên hải. Kiểm cái bus của trường rồi tôi chạy với ông."

Sơn chở tôi vô trường Đại học Nha Trang. Dọc đường người tản cư đông như kiến, càng lúc càng nhiều. Càng lúc càng cảm thấy có một cái gì bất ổn. Chiếc xe bus của trường còn đó, không chạy được, người ta đã lấy mất cái bình điện.

Trên đường về chúng tôi im lặng. Sơn rủ tôi ghé vào một quán quen còn hé cửa. Rồi anh nói như mơ:

"Tôi cũng biết tôi phải chạy, nhất là đã làm việc với ông ở Phú Quốc ít nhiều cũng ảnh hưởng. Hôm qua giá gặp ông thì có lẽ tôi có cách sử dụng chiếc bus này hợp pháp. Bây giờ dù có muốn sử dụng bất hợp pháp cũng không được."

"Ông có chiếc Jeep đó sao không chờ tụi nhỏ chạy?"

"Vấn đề chính là ở chỗ đó."

"Tôi không hiểu."

"Hai vợ chồng tôi và năm đứa nhỏ Na, Nô, Ni, Nu và Ti nữa là vừa vặn, cố lắm thì mang được thêm bà cụ. Bà cụ tôi thì không muốn bỏ gia đình thằng em tôi. Nó là con út. Giàu con út, khó con út đó mà."

Rồi đột nhiên Sơn đứng dậy quả quyết đưa chìa khóa chiếc Jeep cho tôi.

"Ông chạy đi, ông không thể ở lại, ông cần chiếc Jeep hơn tôi. Tụi nó vô đây cái xe của tôi chỉ có giá trị bốn cái bánh để làm dép Bình Trị Thiên. Nó không có giá trị gì trong những ngày sắp tới, ông lấy chạy đi."

Tôi nhìn thật sâu vào mắt Sơn, chúng tôi từng làm việc với nhau trước khi là bạn, đã từng sát cánh với nhau trong những ngày ghê tởm ở Phú Quốc. Ngày đó tôi hai mươi bốn, hai mươi năm tuổi Sơn có lẽ hơn tôi một, hai tuổi. Sau những ngày ê chề lê lết ở các đơn vị lớn của binh chủng, tôi đứng đầu danh sách những sĩ quan thuyên chuyển ra Phú Quốc. Nói rõ ra là bị phạt quá nhiều thì đi trước, còn Sơn và một số các tân sĩ quan khác mới ra lò, không có cổ không có cánh, thì Phú Quốc làm chuẩn. Lúc đầu tôi không muốn làm việc, định ba gại để bị phạt ra khỏi binh chủng thì sẽ về lại đất liền. Nhưng rồi một loạt những sự việc xảy ra chẳng những đã bắt tôi làm việc, tôi còn tình nguyện nhận những chức vụ khó khăn nhất, đảm nhiệm một lúc ba chức vụ. Tôi kiêm nhiệm Trưởng khối Điều hành, Trưởng ban Giám thị kiêm luôn Sĩ quan An ninh và Sĩ quan Tâm lý chiến. Có một thời gian sĩ quan làm việc dưới quyền tôi nhiều bằng sĩ quan của một tiểu đoàn canh gác tù binh ngoài đảo. Dưới tay tôi qui tụ những thành phần bất hảo nhất của binh chủng, đồng thời cũng có những khuôn mặt sự phạm thật sự như Trương Hồng Sơn, Hoàng Phùng Quyền. Tôi chọn Sơn làm Giám thị trưởng khu Tù binh Sĩ quan Bắc Việt, bởi lẽ tôi muốn cho tù binh thấy rõ phẩm chất những sĩ quan trẻ tuổi miền Nam.

Những sĩ quan trẻ cỡ tôi và Trương Hồng Sơn không thối thân từ quân đội Liên hiệp Pháp, đã mang một tinh thần khác với các sĩ quan lớn tuổi, được đào tạo từ thời Tây. Cổ vấn Mỹ của đơn vị tôi nhiều như ruồi, để ý chúng tôi từ chút. Họ bảo vệ tù binh như một cách gián tiếp bảo vệ những người phi công Mỹ đang bị giam tại Hotel Hilton Hà Nội. Chúng tôi, những sĩ quan trẻ tuổi của miền Nam, cứ việc mình mình làm, đường mình mình đi.

Sơn và tôi làm bạn với nhau một năm trời ngoài đảo. Chúng tôi làm bạn với nhau bốn tháng ở Vũng Tàu, khi Sơn về thụ huấn và tôi sau khi mãn hạn Phú Quốc, để đổi về đất liền với một điều kiện là trở thành sĩ quan huấn luyện viên bắt đắ dĩ, dạy môn Tù binh Chiến Tranh. Rồi chúng tôi làm bạn với nhau ở Pleiku, khi Sơn mãn khóa huấn luyện



thuyền chuyển về đó, còn tôi mười lần thuyền chuyển thì chín lần hoặc là bị phạt hoặc là không được lòng cấp trên. Cứ thế tình bạn chúng tôi âm thầm, lặng lẽ. Bây giờ gặp nhau trong cuối mùa thảm kịch này, chúng tôi mắng lẫn nhau là tối dạ, nhưng thật ra đang lo cho nhau từng hơi thở nhọc nhằn. Tôi hỏi:

"Ông có gặp ông Vân không? Võ Phong Vân đó, hẳn cũng biết phái về đây dạy học ở vùng này phải không?"

"Hắn dạy ở Cam Ranh. Tôi có gặp hắn đôi lần, nhưng lâu lắm rồi, hai năm nay không gặp."

"Còn Trần Thái Long sao?"

"Tên này phát quân đội hơn ông. Hẳn không xin biệt phái, bây giờ hẳn cũng đại úy rồi đó ông biết không?"

"Ông có nhớ Yên Bằng không? Yên Bằng hồi xưa ở Phú Quốc ấy."

"Tôi không có máu văn nghệ, giờ này chết đến đít rồi mà còn yên với bằng. Bọn nó mà vô được ông là tha hồ mà bằng yên. Chìa khóa đây ông đồng đi."

"Tôi nản chạy đường bộ lắm rồi. Có cả triệu cái bắt tắc, vả lại tôi nghĩ còn nước còn tát. Ông sinh trưởng ở đây, dạy học ở đây, lại được tiếng là giáo sư trẻ có lương tâm nghề nghiệp, làm gì mà chẳng có vài sinh viên nhà có ghe. Ông đưa tôi đi tìm ghe, chừng không có sẽ tính sau."

\*

Ngày N + 16, 10 giờ sáng

Từ Cầu Đá trở về, tôi và Sơn ghé lại quán cà phê cũ. Chúng tôi chạy đôn chạy đáo tới những xóm chài, tới vài nơi mà Sơn đoán là có thuyền, nhưng không có kết quả. Chúng tôi ngồi chờ người trong quán. Nha Trang bây giờ là con bệnh đang trong giờ hấp hối. Còn Sơn và tôi cũng chẳng khác gì, Sơn đưa chìa khóa cho tôi một lần nữa.

"Thôi ông dọt đi, sáng tới giờ tôi đưa đi kiếm ghe là để chiều lòng ông thôi. Không có ghe nào giờ này đâu. Dẫu có bọn nó cũng dẫu bên mấy cái đảo nhỏ. Tôi đã nhất quyết không đi từ bốn ngày trước rồi, cứ xem ông đủ biết chạy tới đâu mất tới đó, có chạy tới Sài Gòn cũng thế thôi. Mà đến khi trở về có khi nhà cửa mình lại tan hoang. Tôi dạy học ở đây mấy năm, có dành dụm mua được cái rẫy. Bọn nó vô đây thì tôi làm rẫy sống cũng chả sao. Tôi không cần cái xe jeep này nữa. Ông đồng đi."

"Trong tình bạn giữa tôi với ông, tôi không khách sáo. Nhưng bà ấy thì sao?"

"Vợ tôi cũng đồng ý với tôi là chạy đi đâu rồi cũng thế mà thôi. Chỉ có ba tuần lễ mà mất đất từ vĩ tuyến 17 tới tận Nha Trang này rồi. Tôi quyết định ở lại sống với nền nhà cũ và mảnh vườn mới vừa có được."

"Không, tôi hỏi ông vụ cái xe cơ."

"Nói thật với ông, tôi muốn giao xe cho ông sáng nay ngay tại nhà, để ông chạy sớm được giờ nào hay giờ ấy, nhưng tôi không muốn đưa xe trước mặt vợ tôi. Tụi tôi chưa bao giờ nghĩ là ông có mặt ở đây vào giờ này. Tôi đã chọn ở lại, còn ông cần xe hơn bất kỳ ai. Ông biết đàn bà họ có những suy nghĩ đàn bà. Tôi sẽ giải thích với vợ tôi sau. Ông đi đi đừng để bị bắt."

"Tôi đưa ông về nhà."

"Tôi lợi bộ về được rồi, có vài trăm thước thôi. Đi đi, tôi không muốn giao xe cho ông trước mặt vợ tôi mà."

Chúng tôi xiết tay nhau thật chặt như muốn truyền cho nhau một chút sinh khí.

"Xe đầy xăng, bánh hơi mềm một chút, có bánh sơ cua ở băng sau. Thượng lộ bình an nghe ông."

"Cho tôi gửi lời chào bác và cảm ơn chị. Hôn mấy đứa lỏi Na Nô Ni Nu Ti hộ tôi."

Và tôi nhủ thầm:

"Vĩnh biệt ông. Vĩnh biệt Nha Trang."

\*

Ngày N + 16, 12 giờ trưa

Nha Trang đằng sau 10 cây số. Nằm rải rác trên đường thiên lý, vài cỗ trọng pháo 155 ly. Họng sáng sủa như bạc dưới ánh mặt trời buổi trưa. Một vài chiếc thiết vận xa M113 nằm chúi đầu xuống ruộng. Không có dấu tích của giao tranh. Chắc bị bỏ lại vì hư hỏng. Không ai cảm thấy cái nóng của buổi trưa. Đã cả tháng nay dường như con người dị ứng với khí hậu và thời tiết. Hai đứa con tôi ngồi yên trên xe, không vói vính. Người cũng như thú lúc nào cũng có thể cảm nhận những bất trắc sắp xảy đến.

Kể từ lúc chia tay với Sơn, tôi đâm ra đâm chiêu lo nghĩ. Dẫu biết tất cả những lý lẽ Sơn nói đều là "logic": Chạy tới đâu rồi cũng thế thôi. Miền Nam đã đến lúc tàn tạ, lịch sử sắp chuyển sang một trang mới. Không hiểu chiếc xe của Sơn tặng sẽ giúp tôi chạy được tới đâu? Càng lúc tôi càng cảm nhận được điều Sơn nói. Kể từ lúc bước chân lên chiếc GMC của Tiểu đoàn 2 Quân cảnh trên Pleiku, mới hơn nửa tháng trời, miền Nam Việt Nam, cái nửa phần đất mà hàng triệu học sinh trung tiểu học mỗi lần phải học địa lý được tô bằng màu vàng. Nửa phần còn lại được tô bằng màu đỏ. Màu vàng càng lúc càng nhỏ lại, màu đỏ càng lúc càng loang xuống, đã xóa nhòa một nửa màu vàng. Tôi kiểm điểm lại những thành phố đã đổi màu trong một ngày, trong một đêm, trong một giờ ngắn ngủi của nửa tháng qua. Cứ mỗi thành phố mất đi, một phần đời tôi bị thiêu hủy, bị xóa bỏ. Bởi một lẽ rất giản dị, sẽ không bao giờ được trở lại những nơi tôi đã làm việc, những nơi tôi từng rong chơi.

Vĩnh biệt Huế, Đà Nẵng, vĩnh biệt Pleiku, Kontum, vĩnh biệt Qui Nhơn, Nha Trang, và vĩnh biệt chính tôi, vĩnh biệt cái phần đời trẻ trung, sôi nổi, điên cuồng, mơ mộng và đôi

khi lý tưởng. Vinh biệt phần đời đã trải ra từ một xóm núi tỉnh Quảng Ngãi, đến một hàng dương của quận Bồng Sơn, từ một buôn Thượng nằm heo hút trong rừng Trường Sơn đến thị trấn Đà Lạt kiêu sa, đài các. Còn phần đời tôi chưa sống không biết sẽ trôi về đâu. Đột nhiên nhớ tới mấy câu thơ đã làm gần mười năm trước:

*...Tiếng lách cách đạn lên nòng súng  
Hơi thở dồn và lồng ngực vỡ tung  
Đốm lửa thuốc lá lóe lên rồi vụt tắt  
Đó là chiến tranh  
Việt Nam 1967. . .*

và một đoạn trong bài thơ khác:

*...Cuộc chiến này tôi đã đợi từ lâu  
Nó đã đến với nguyên hình bản thể  
Rất êm như loài rắn.  
Rất êm như con nước lớn từ từ  
Tôi đã thét thật to  
Xin giã từ tất cả: "Kể cả tôi"  
Xin giã từ tất cả: "Kể cả tôi"*

\*

Ngày N + 16, 1 giờ 30 phút

Vừa ra khỏi một khúc quanh, phía trước mặt chừng một cây số, tôi thấy người ta thật đông. Có lẽ đường bị kẹt, sau đám đông kia 10 cây số nữa là Cam Ranh, chẳng lẽ địch đã chiếm Cam Ranh. Vô lý, nếu địch đã chiếm tỉnh lỵ này, thì đám đông kia không thể có. Có lẽ một chiến cụ quá to bị bỏ lại dọc đường đã tạo nên trở ngại khiến đoàn xe bị kẹt. Xe tôi nhập vào đoàn, tôi hỏi vài xe trước, họ cũng không biết cái gì đằng trước. Họ đến đây đã một tiếng đồng hồ, lâu lâu lại nhích được năm, mười thước. Kẹt xe một đoạn đường dài cả năm cây số. Ruột tôi nóng như thiêu, tự nhiên tôi bồn chồn, không phải vì sợ Việt cộng tấn công. Đoàn xe này dường như toàn dân xa, toàn là người chạy loạn. Không phải là Việt cộng không tấn công dân xa, có lẽ họ chưa có mặt, để có thể thị oai. Chỉ cần vài tràng AK bắn lên trời bây giờ đủ để cho mọi người bỏ chạy. Tôi không thể bỏ xe để lên phía trước tìm hiểu việc gì, xe sau mỗi lúc mỗi tới nhiều thêm. Chỉ còn chừng hơn một cây số nữa là tới một ngã rẽ vào rẫy của ông bác tôi. Xe trôi đi từng thước, từng thước một. Nhiều lúc cả đoàn xe ngừng lại không nhúc nhích cả nửa giờ đồng hồ.

Suốt cả buổi sáng nay, từ lúc gặp Trương Hồng Sơn, tôi như một kẻ xa lạ. Sự chọn lựa ở lại của Sơn làm tôi liên tưởng đến chung cuộc của trận chiến này. Chạy tới đâu rồi cũng thế thôi. Trong óc tôi bây giờ là những đoạn phim thời sự đã coi: Những hố chôn người tập thể ở Huế dịp Mậu thân, những cuộc tàn sát tập thể ở Trung Hoa Lục địa. Đó là những hình ảnh không một ai có thể phủ nhận giá trị thật, không một ai có thể ngụy tạo được những hình ảnh này để tuyên truyền, lừa gạt, bịp bợm. Rồi những tác phẩm như *Chú Mạ Què* của Lý Cẩm Dương, những nhân vật như Boris Bodnariuk trong *La second chance* của Georghiu. Tôi nhớ đến những bản thống kê kèm theo tài liệu hình

ảnh, Staline đã tàn sát hàng chục triệu người Nga, Mao Trạch Đông còn trên chân Staline trong việc tạo ra những con suối máu người.

Ở đâu cũng giống nhau, chỗ nào Cộng sản chiếm được thì lập tức sẽ có hàng loạt người phải chết. Con người sẽ được phân ra thành một loại nào đó, phải được tái giáo dục theo đường lối mới, theo nếp sống mới, suy nghĩ mới hay sẽ bị loại bỏ không thương tiếc. Có một số giai cấp được lưu dụng, nhưng phải thay đổi tập quán suy nghĩ cũng như phương pháp làm việc, một số giai cấp phải bị triệt tiêu. Phải chăng đó là đấu tranh giai cấp? Trong những bưu thiếp gia đình tôi đã nhận được từ miền Bắc vào những năm 56, 57, và nếu chỉ đọc những dòng chữ một cách bình thường, thì không một ai biết đích thực những gì đã xảy ra ở miền Bắc. Phải là những người trong cuộc mới có thể hiểu được. Trong bưu thiếp viết: "Tuấn đã vào vườn trẻ với Dũng", thì chỉ có người trong gia đình mới hiểu được Tuấn đã chết bởi lẽ Dũng đã chết từ năm, bảy năm trước. "Chú Mậu hiện làm than với anh Kỳ" thì chỉ người nhà mới biết chú Mậu hiện ở tù, vì anh Kỳ cũng đang ở tù.

Tôi nghĩ đến những năm làm việc ở Phú Quốc, Biên Hoà và Qui Nhơn. Tôi nghĩ tới những tù binh ở đảo nhìn tôi với đôi mắt rực lửa căm thù. Tôi biết chắc những gì sẽ đến với cá nhân tôi trong hồi kết cuộc. Chạy tới đâu cũng thế thôi. Cần một chỗ trú ẩn an toàn cho vợ con tôi. Sự an toàn hiểu theo nghĩa giản dị nhất, không một ai biết gốc tích vợ con tôi. Cần nhất là lúc chộn rộn ban đầu của cuộc đời này, người ta có thể chết chỉ vì một lời tố cáo vu vợ, chỉ vì một oán hờn nhỏ trong quá khứ. Đôi khi chỉ vì vài đồng bạc, một cái lườm nguýt, một câu nói hớ hênh cũng đủ rủ tù. Phải có một chỗ trú cho vợ con tôi, mà những hàng xóm láng giềng không một ai biết gốc tích tôi.

Xe vẫn trôi đi trong cái nắng bốc lửa của buổi xế chiều. Chừng năm trăm thước nữa sẽ tới ngã rẽ vào rẫy nhà bác tôi. Tôi nhìn người bạn đời, đầu gối tay ấp của tôi, tôi nhìn các con tôi. Một ý nghĩ điên dại thoáng qua. Tôi mong một trái B40, một trái mìn, một trái lựu đạn nổ ngay vào xe tôi. Chỉ một tiếng nổ thôi, sau đó không còn gì, không còn tôi, không còn vợ, không còn con, không còn điều gì phải bận tâm, suy nghĩ, lo lắng, sợ hãi. Tôi quay xuống nói với bà nhạc:

"Con đưa má với em con vô rẫy bác Năm. Đường như thế này không thể chạy được. Bây giờ phải tìm chỗ trú, rồi sẽ tính sau."

"Má cũng nghĩ vậy nhưng không dám nói với con, vì má là đàn bà, đâu có biết việc giặc giã ra làm sao?"

"Anh định ở nhà Bác luôn à?"

"Không anh đưa má, em và các con vô đó, anh quay trở ra ngoài này nghe ngóng, tìm kiếm phương tiện."

"Đừng bỏ con với em ở lại đây nghe."

Đã đến lúc tôi phải nói thật. Tôi nói cho vợ tôi nghe những suy nghĩ trong một tiếng đồng hồ bị kẹt xe.

"Mình thua rồi, anh Sơn tặng cho mình chiếc xe mà không chịu chạy trong lúc anh ấy có đủ thì giờ và phương tiện là em hiểu rõ hoàn cảnh bị đất cõ nào. Chạy tới đâu mất tới đó. Anh từ Tuy Hoà trở ra phần để lo cho đơn vị, phần để lo cho em và các con. Rồi

hôm qua anh trở về cũng chính là để dẫn em và các con chạy giặc. Bây giờ thì anh biết chắc là tuyệt vọng rồi. Anh không bao giờ muốn bỏ em và các con để chạy một mình. Điều quan trọng nhất là em và các con có một chỗ trú an toàn. Em không thể về Đà Lạt, Pleiku được, em cũng không thể về Qui Nhơn được. Em chỉ có thể về Sài Gòn, ở một nơi thật ít người biết em là vợ anh. Anh cũng không thể để bị bắt được. Lại càng không thể để bị bắt cùng với em và các con, vì như vậy em và các con sẽ không bao giờ được sống bình thường. Má, em ở tạm đây trong những ngày đầu, khi mọi chuyện tương đối êm, má về lại Qui Nhơn, còn em vô Sài Gòn."

Vợ tôi khóc lặng lẽ. Tim tôi thất lại.

"Anh đi ngay bây giờ à?"

"Vào nhà bác Năm xong anh sẽ đi liền. Em hủy giấy hôn thú, giặc giã thế này, giấy hộ tịch cháy, mất là chuyện thường. Làm lại khai sinh cho các con. Đưa các con vào Sài Gòn ở với ông nội. Nhớ những điều anh dặn."

Má tôi lục trong túi xách, đưa cho tôi một gói giấy dầu:

"Con cầm lấy chút tiền để tiêu dọc đường."

Bà đưa thêm cho tôi một cái lắc vàng. Tôi chỉ lấy gói tiền. Đó là lần đầu tiên và là lần cuối cùng tôi cầm tiền của bà nhạc.

"Con xin má chút tiền này đủ rồi. Còn cái lắc để má giữ, con cũng không còn sống lâu để mà tiêu tới cái lắc này."

"Con đừng nói dại. Cứ yên tâm đi. Má bảo bọc em con cho tới khi nào nó vô được Sài Gòn."

"Anh đi nghe. Em và các con bình yên."

\*

Ngày N + 16, 5 giờ chiều.

Người đông như kiến trong vũng biển hẹp. Đây là eo biển trước khi tới vịnh Cam Ranh. Từ trên quốc lộ 1, tôi thấy trong cái vũng biển nhỏ này hai cái xà lan nằm im lìm. Tôi nói người lính chạy Honda ôm cho tôi xuống đó. Chắc chắn tàu lớn sẽ vào kéo mấy xà lan này đi. Người lính nói:

"Xà lan chờ người từ vùng I về đó, nó nằm đó hai ba ngày nay rồi. Xuống đó làm gì?"

"Kệ nó, anh cho tôi xuống đó, tôi trả tiền anh đủ mà."

"Tôi nói cho ông biết: Hôm mấy chiếc xà lan này kéo về tới đây, mấy cái tàu kéo chặt dây rồi chạy đi luôn, người chết quá trời, con nít chết vì thiếu sữa, người lớn chết vì khát và vì súng đạn. Xác người khênh lên bờ chặt cả bãi biển. Cả trăm mạng."

"Cứ cho tôi xuống đó. Ngồi trên xà lan vẫn còn có hy vọng hơn chạy ngược chạy xuôi. Sao người ta lên đó đông quá vậy?"

"Tại vì họ cũng như ông ở nơi khác chạy về nên không biết. Cho tiền leo lên đó tôi cũng không lên. Mà chạy đi đâu cũng vậy thôi."

"Cho tôi xuống đó."

\*

Ngày N + 16, 7 giờ chiều.

Trời đã bắt đầu tối, xà lan người chật như nêm cối, có lúc tôi muốn lên bờ, trở lại đón vợ con tôi, nhưng lời của anh lính lái Honda làm cho tôi ngừng lại. Ban đầu tôi còn duỗi được cái chân, bây giờ ngồi gục đầu gối xuống gối, không có một chỗ để chen chân. Người lính nói đúng. Cứ như thế này người ta chết ngộp ngay giữa biển khơi, chết vì không cựa quậy được, chết vì hoảng sợ, chết vì những hành động trong lúc tuyệt vọng của người bên cạnh. Cho dù tàu lớn có tới kéo đi, hành trình kéo dài trên biển chỉ hai ngày có lẽ quá nửa số người trên xà lan sẽ chết. Tôi gục đầu trong gối, không nghe được bất cứ một âm thanh, nào ngoài tiếng tiêu của người lính Biệt động quân. Có hai điều thật kỳ lạ ám ảnh từ một tháng nay: Hễ cứ cầm đến sách là y như rằng tôi vớ được quyển truyện của Remarque, quyển sách đó bây giờ đã nằm đâu đó ở Tuy Hoà. Và tiếng tiêu của người lính Biệt động quân trên đập Đồng cam thì dường như lúc nào cũng lẫn quất chung quanh.

Tôi chập chờn nửa thức nửa ngủ, nửa người phía dưới đau như dằm, tê dại đi, nửa phía trên lơ mơ lúc như ngủ, lúc thấy như của một người khác cho mượn. Tôi thấy tất cả mà dường như không thấy gì. Tiếng tiêu của người lính bật đi, lập tức những âm thanh xa lạ, như oán, như than, tiếng kêu như từ chín tầng địa ngục vọng về. Dường như vùng biển này trước đây là của dân Chăm, thế thì chúng tôi, trên con tàu ma này đúng là những oan hồn uổng tử của vài thế kỷ trước, đã mất nước trong tay nòi Việt. Trong bóng tối dày đặc của đại dương, lẫn trong gió hú như vọng lại tiếng oán than của người dân Hời mất nước.

Có ánh đèn từ ngoài khơi tiến vào, cùng với tiếng động cơ của tàu lớn. Tôi nhòm dậy, nhìn ra khơi, không thấy hình dạng con tàu, nhưng chắc chắn nó đang trực chỉ hướng chúng tôi, ánh sáng soi tỏ hình ảnh hỗn độn dị thường. Tàu lại gần, gần hơn nữa, đó là một chiếc tàu đổ bộ, dân chúng quen gọi là tàu há mồm. Tôi ngồi ở cuối xà lan, có đứng dậy cũng không thể thấy cái gì đang chờ ở phía trước, xung quanh tiếng cầu nguyện vang lên. Những câu "Nam mô cứu khổ cứu nạn Quán Thế âm Bồ Tát" xen lẫn với tiếng "Lạy Cha chúng con ở trên trời cầu cho chúng con là kẻ có tội".

Xà lan từ từ tách bến. Nửa tiếng sau, trên mặt biển đen ngòm, một con tàu của Hải quân Mỹ đang neo, to dềnh dàng như một tòa building. Đèn pha sáng rực một vùng. Hai cái thang dây được bỏ xuống, người ta giành giật nhau leo lên, tôi bỗng thấy hổ thẹn, phải chi hỏi nãy cứ về đón vợ con, thì giờ này có lẽ cũng chưa đến độ chia ly. Không biết giờ này vợ tôi đang làm gì trong cái mái tranh hẻo lánh đó. Không biết giờ này con tôi có còn thức để thấy mẹ chúng khóc đau đớn, nghẹn ngào.

Tôi nhập với dòng người như có một sức mạnh nào đó đẩy tôi lên tàu. Cơ thể tôi như rã ra. Lên được sàn tàu, tôi thấy chỗ của vợ tôi hiện đang trú ẩn là đúng. Dưới sàn đây những đồng nôn, mưa, có cả phân và nước tiểu. Người nằm ngòì giống như một hộp cá mòi. Tôi chọn được một cái hốc thật nhỏ bên hông ụ đại bác. Tôi ngòì xuống, thiếp đi, và rất mong được chết yên bình như lúc này đây, người ta sẽ quăng tôi xuống biển, sẽ không một ai hay, không một ai biết. Vợ tôi chắc chắn sẽ buồn, nhưng còn hơn là nghe tôi bị xử bắn, bị lãng nhục trước khi được chết, còn đỡ hơn nghe tin tôi tự bắn vào đầu. Cứ thế tôi tỉnh dậy, rồi thiếp đi, tàu chạy dập dờn trên sóng.

Khi tôi tỉnh hoàn toàn, mặt trời đã lên ngang tầm mắt, mọi vật sáng tỏ hơn. Tôi không còn tin ở thị giác, muốn đứng dậy làm một vài cử động cho giãn gân cốt, cũng không thể được, ngay trên đầu tôi, những phụ tùng linh kính của ổ súng phòng không trên tàu. Tôi chỉ có thể khom người, cử động hai cánh tay tê dại vài lần cho máu lưu thông đều, rồi ngòì xuống tựa lưng vào giá che của khẩu đại bác, đạp hai cái chân lên cao, giống như người tập thể dục mỗi buổi sáng. Sàn tàu nhầy nhụa những đồ ăn bị nôn mưa, lẫn những thứ được bài tiết ra. Tôi khát nước, nhưng đào đâu ra nước lúc này. Một vài cánh chim biển lạng lờ chao trong gió, dang đôi cánh trắng rục rờ trong nắng mai, dưới bầu trời xanh ngọc thạch. Tôi nhủ thầm tốt hơn hết là ngủ lại. Cần nhất là đừng suy nghĩ gì cả, những suy nghĩ trong hoàn cảnh tuyệt vọng này sẽ không giúp gì được cho tôi, mà có khi còn đưa tôi đến chỗ tìm về cái chết.

\*

Ngày N + 17, 12 giờ trưa.

Cái mặt trời quái ác sao nghiêng đi quá chậm, tôi mong nó khuất lẹ, để khỏi phải nhìn, để khỏi phải nghe, để cho một ngày chóng qua. Cứ tốc độ này, nếu tàu chỉ đi Sài Gòn có lẽ tối nay sẽ tới, nếu đi Vũng Tàu, chiều nay sẽ lên bờ. Tôi hết chịu đựng nổi rồi, tôi muốn chấm dứt cái cảnh địa ngục này.

\*

Ngày N + 17, 5 giờ chiều.

Tôi xin được một hớp nước của một người đàn ông nằm nửa người dưới sàn tàu, hai chân gác lên ụ súng. Ông ta nằm bệt ở đó từ lúc lên tàu tới giờ. Chúng tôi trao đổi vài câu chuyện vu vơ, ông đề nghị tôi giữ chỗ hộ, cho ông ta ra ngoài một chút rồi sẽ vào giữ chỗ cho tôi.

Khi tôi thoát ra khỏi cái thế ngòì bó gối đó, tôi tưởng chừng như muốn té mấy lần, có té cũng không đau, bởi chắc chắn tôi sẽ té trên một thân người nào đó. Tôi lết được ra mũi tàu, một người đàn ông ngòì chễm chệ trên cái trụ sắt tròn đường kính nửa thước, nhô hẳn lên sàn tàu chừng một thước. Cái trụ này để cột dây neo tàu. Không hiểu bằng cách nào ông ta có thể ngòì trọn vẹn một đêm và một ngày. Tôi đứng sát mạn tàu, nhô người ra ngoài hít thở không khí trong lành của đại dương. Tàu vẽ trên mặt biển một đường dài trắng toát. Không thấy bến bờ, mũi tàu cứ hướng nam trực chỉ, không hiểu chúng tôi sẽ xuống bến nào. Mặt trời chỉ còn một nửa nhô trên mặt nước. Tôi muốn đứng ngắm

thêm một chút nữa cho tới khi nó mất hẳn dưới chân trời, nhưng tôi phải đi vào, nếu không muốn đập lên người ta khi di chuyển trong bóng tối. Tôi trở về chỗ cũ, người đàn ông cho nước lại đưa cho mấy miếng bánh lát. Tôi cầm lấy nhưng không ăn, dù cả đêm qua và ngày nay không có chút gì trong bụng. Đêm lại ập xuống như một cái bẫy.

\*

Ngày N + 17, 11 giờ đêm.

Ban ngày tôi mong đêm xuống, nhưng trong bóng tối đêm nay, đêm thứ hai trên tàu, lại mong mặt trời lên. Tôi muốn thời gian đi thật nhanh. Tôi trần trọc, chập chờn, nửa tỉnh, nửa mê. Từ hôm bị chặn đánh tan đơn vị, tôi hết còn ngủ mơ thấy mình là lính của vua Quang Trung nữa. Hai ngày nay, từ lúc chia tay vĩnh viễn với vợ con, trong những lúc chập chờn thức ngủ, cái ý nghĩ chết chóc cứ lảng vảng trong đầu. Có một khẩu Colt 9 phòng thân khi lên tàu bị Mỹ tịch thu, bây giờ muốn chết thì chỉ có nước cắn vào lưỡi, đập đầu vào ụ súng, hay nhảy xuống biển. Không phải bất cứ ai cũng có thể thực hiện được ý định này, từ suy nghĩ đến hành động có một khoảng cách xa. Tôi vẫn cố sống, vẫn tìm mọi cách để thoát hiểm, nhưng vẫn không thể không ân hận, dẫu cho có lý luận cách nào chẳng nữa, dẫu cho viễn ảnh của trận chiến thế nào chẳng nữa, tôi vẫn ân hận rằng mình đã để vợ con lại tháo chạy một mình. Dẫu cho tôi có suy nghĩ đúng, hành động đúng, tôi vẫn vô vàn ân hận. Khúc tiêu bách điệu chia ly, trăm hoa tàn tạ của ngày nào trên đập Đòng cam lại vang lên.

\*

Ngày N + 18, 5 giờ 30 sáng.

Tôi thức dậy giữa tiếng lao xao của đám đông, boong tàu có vẻ trống trải hơn, thì ra tàu sắp cập bến. Tôi hỏi người đàn ông đã cho nước, bánh, và được biết tàu sẽ cập bến Phú Quốc. Trời vẫn còn tối mù, nếu không chắc chắn sẽ nhận ra được từng bãi biển tôi rong chơi tám năm trước. Ít ra cũng còn có người tỉnh táo để không cho tàu cập bến Sài Gòn. Dẫu nhà tôi ở Sài Gòn, tôi cũng vẫn thấy quyết định thành lập một trung tâm nạn nhân chiến cuộc ở Phú Quốc là hợp lý. Từ khi trao đổi tù binh trại trổng trơn có khả năng tiếp nhận năm chục ngàn người. Dẫu sao Phú Quốc chẳng phải nhà cũ của tôi là gì?

\*

Ngày N + 18, 7 giờ 45 phút.

Khi đặt chân xuống cầu tàu, cũng như mọi người, tôi bị một binh sĩ Quân cảnh khám. Anh ta chắc là quá bận, nên cứ thấy người là khám. Rồi bỗng nhiên nhận ra tôi, anh ta la thốt thanh gàn như khóc.

"Sao mà ra nông nổi này ông thầy ơi?"



Tôi không biết anh ta, nên còn chưa biết phải làm gì. Còn anh ta cuống quít thiếu điều quên phận sự. Nhìn dáo dác kiếm người trưởng toán, không thấy. Anh ta gọi báo cho mấy người Quân cảnh khác đương làm việc gần đó.

"Anh Ba Râu về được đây rồi Thượng sĩ ơi!"

Một vài người Quân cảnh chạy đến chào, tôi nhìn thấy thật rõ niềm thương cảm trong đáy mắt họ. Đó mới thật là những huy chương của tôi, mới thật là một chút hào quang cay đắng cuối mùa trận chiến. Người thượng sĩ nói với một binh sĩ:

"Mày đi kiếm cho Đại úy một lon nước Coca hay Pepsi gì cũng được. Để tao gọi máy báo cho Thiếu tá Mạc. Rồi quay lại tôi ân cần:

"Để tôi đưa Đại úy vào chợ An Thới kiếm bầy bọ tô mì chờ Thiếu tá Mạc ra."

"Thôi anh cho tôi ra nghỉ ở xe được rồi."

"Đại úy ở vùng I về phải không?"

"Không tôi ở Trại giam Qui Nhơn."

"Có ai đi theo Đại úy không?"

"Không."

Tôi thấy người hạ sĩ quan khựng lại nhìn tôi. Tôi hiểu rõ ý tứ của những cái nhìn đó nên nói với ông ta:

"Đơn vị tôi bị chặn đánh tan ở Tuy Hoà. Chạy vào Nha Trang còn được tám người rồi từ đó mạnh ai nấy đi."

"Anh em mình chết nhiều không Đại úy?"

"Chính mắt tôi thấy chết có hai người, nhưng bị bắt sống trọn gói ở ngay Tiểu khu Tuy Hoà, tôi cưỡng bách được chiếc ghe chạy thoát vào Nha Trang."

"Mình vô chợ đi Đại úy."

"Để tôi ngồi đây được rồi."

\*

Ngày N + 18, 8 giờ sáng.

Giọng Thiếu tá Nguyễn Trọng Mạc Chỉ huy trưởng Trại Cai Ma túy vang lên trong máy truyền tin. Ông ra lệnh cho Thượng sĩ trưởng toán lái xe đưa tôi về thẳng văn phòng. Trước kia có một đạo, tôi và Thiếu tá Mạc cùng tiểu đoàn, ông ta coi đồn Đà Lạt, còn tôi coi đồn Pleiku. Thỉnh thoảng có gặp nhau ở Tiểu đoàn bộ, Thiếu tá Mạc không phải là

một cấp chỉ huy đủ để cho tôi phục, nhưng tôi cũng không thể xem thường cung cách của ông. Có lần ngại cho tôi bị đi nhiều quá, trước khi thuyền chuyển ra vùng I, ông rủ tôi đi ăn, và rượu vào lời ra, ông nói:

"Đối với thượng cấp moa kính trọng, nhưng không nịnh bợ, luồn cúi. Xa được chừng nào tốt chừng nấy. Đối với thuộc cấp moa nghiêm, không gần gũi quá cũng không xa cách quá, còn với phụ nữ, lúc nào moa cũng có một nhánh hoa trên tay, thế là thành công ở đời."

"Đối với phụ nữ cầm nhánh hoa không chưa đủ."

"Thì cứ khen tưới hột sen lên, nếu cần quì gối thì dòm trước dòm sau, không có ai thấy thì quì lâu một chút cũng chả sao. Vả lại trước sau gì mình cũng quì gối mà."

Ông Mạc cười hóm hỉnh trong cái vụ quì này. Rồi thân mật hơn, gần gũi hơn, ông mắng đùa tôi:

"Mẹ kiếp cả cái binh chủng này có được một ông làm thơ, viết văn, tôi tưởng ông văn nhân, nho nhã lắm, nào ngờ gặp mặt thì mới biết ông là con trâu điên, lúc nào cũng chỉ chực húc. Nhưng mà nói thật, có nhiều thằng cũng nên húc cho nó bỏ mẹ. Tôi chỉ cầu mong một cách thành thật, đừng có bao giờ ông vác mặt về làm việc với tôi. Nhớ là tôi không sợ, nhưng mà có cái mặt ông chán lắm."

Sáng nay Thiếu tá Mạc đón tôi với vẻ mặt làm lì, nhưng ông ta mừng rỡ thật tình khi bắt tay:

"Có một thằng lính của ông đi tàu đến đây trước ông một, hai ngày gì đó, nó nói hết tôi nghe vụ ở Qui Nhơn rồi. Bây giờ vợ con ông ra sao?"

"Nhà tôi và hai cháu hiện kẹt ở Cam Ranh."

"Ông chạy hai phò như vậy, lại nằm trên tàu Mỹ về đây thì chắc là nhược lắm rồi. Bây giờ tôi lo cho ông vài bộ quân phục, tắm bồ lại cho ông vài ngày. Tôi sẽ đánh công điện về Bộ chỉ huy, ông ở đây cứ tùy nghi."

"Thiếu tá lo cho tôi một chỗ trong chuyến bay tiếp tế về Sài Gòn."

"Về làm gì? Đợi dăm bữa nửa tháng cho ra môn ra khoai rồi hãy về đâu có muộn."

"Tôi nóng ruột lắm, ông cho tôi về biết đâu trời dun rui cho có cách tìm lại vợ con."

"Nói thật ông biết là mình thua rồi. Bây giờ mình chỉ mất dần đi chứ không có lấy lại được mảnh đất nào. Ông có biết ông là ai không? Ông có biết ông đang ngồi ở Phú Quốc, chỗ mà bấy, tám năm trước ông thành danh là Hai Râu không? Việt cộng nó vô được ông nó thích lắm đó."

"Ông cứ giúp tôi một chỗ bay về để nghe ngóng tình hình vợ con tôi."

"Chính bởi vợ con ông kẹt ở Cam Ranh, tôi mới nói ông ở đây, phút chót mình còn leo lên tàu Mỹ, tàu của Hải quân mình, cùng lắm là ở đây thiếu gì thuyền để mình dọt. Mẹ kiếp tướng tá của mình nằm ở Guam cả trăm, còn vợ con các xếp nằm ở đó cả ngàn

rồi, ông có biết không?"

"Không còn vợ con thì còn bố mẹ, ông cứ lo cho tôi máy bay đi."

"Tôi nói thật với ông, doanh trại Tiểu đoàn 14 Quân cảnh trước, bây giờ là chỗ tiếp nhận mấy anh làm cho Mỹ như đám D.A.O., mấy anh làm Đài phát thanh "Giơm thiêng cứu quốc", "Mẹ Việt Nam"v.v... Mỹ sẽ bỏ cửa chạy lấy người. Mà mình thì lấy gì mà đánh đám. Tôi đã đưa toàn gia ra ngoài này. Tôi lấy cái tình cũ ở Tiểu đoàn 2 Quân cảnh nói với ông, ở đây đi Mỹ với tôi. Ông còn trẻ, còn có thể làm lại cuộc đời bên đó."

"Tôi biết là Thiếu tá quý tôi lắm mới giải bày gan ruột, nhưng ông cho tôi về Sài Gòn, ông không lo hộ thì tôi đi ghe về Rạch Giá, rồi đi xe đò về Sài Gòn. Tôi không thể ngồi ở đây được đâu."

Mặt ông Mạc lạnh tanh lại, ông nói:

"Được rồi, ông về Sài Gòn. Ở đây với tôi một tuần, mỗi ngày ăn một con gà cho người mập lại một chút. Về Sài Gòn với thân hình này để mà nhát thiên hạ à?"

Chúng tôi cùng im lặng, chừng như thấy mình hơi quá lố, ông Mạc hỏi tôi.

"Ông có chơi với Nguyễn Đình Thiều không?"

"Thiều Quân cảnh hả?"

"Không, Thiều nhà văn Không quân ấy."

"Không, tôi chỉ biết, quen sơ sơ thôi chứ không thân. Nhưng có gì không."

"Hắn chết rồi, tôi tưởng các ông nhà văn, nhà thơ dễ biết nhau. Hắn bị Không quân đưa ra đây để cai ma túy. Hắn chết vì bệnh, vì đủ mọi thứ phá nát cả người. Hắn mới chết chừng hơn vài tuần. Mộ của hắn cũng gần nghĩa địa tù. Nếu ông thân với hắn, tôi bảo thằng cốt đột của tôi lái xe đưa ông đi thăm, không thân thì thôi."

Tôi nghĩ đến danh từ "Nhà văn Không quân" mà ông dùng. Ông Mạc chắc cũng gọi như người ta đã từng quen miệng khi nói tới các nhà văn, nhà thơ gốc quân đội. Cái chữ "Nhà văn Quân đội", "Nhà thơ Không quân", "Nhà văn Mũ đỏ", "Nhà thơ Hải quân" này nghe giễu không thể tưởng được. Cũng may tôi chưa bị ai gọi là "Nhà thơ Quân cảnh". Cứ nghe như thế là người ta hình dung ra được một cậu, phùng má trợn mắt thổi cái tu huyết, thơ phú thì sặc mùi bắt bớ với quân phong quân kỷ. Cũng may thơ phú tôi dài thậm thụt, lại chuyên trị về tự do, đã phá những thành đồng vách sắt đại loại được gọi là thơ tranh đấu. Nói đại nếu mà được phe nhóm thổi lên thành một "nhà thơ Quân cảnh" thì chắc tôi cũng xấu hổ mà chết. Cũng vì những sản phẩm "Quân đội" này mà chúng ta có một chính sách chiến tranh tâm lý rất ư lạ lùng. Nó mị quân một cách trơ trẽn. Những anh thợ hát phùng mỏ gân cổ lên hát những bản nhạc thổi hoẵng cả lên, làm cho người ta ngộ nhận về quân đội không ít. Kịp đến khi hiểu "hoa cài thép súng", hay "trăng treo đầu súng" gì đó nó không thật, nhiều cậu bé thơ ngây bỏ cả hoa, bỏ cả súng, bỏ cả trăng và dĩ nhiên bỏ cả quân phục. Ông Mạc cắt ngang sự suy nghĩ của tôi:

"Ông còn muốn về Sài Gòn nữa không?"

"Chắc chắn tôi phải về, Thiếu tá."

"Nghỉ khỏe vài ngày đi, tôi lúc này bận mờ người, phần phải lo cho cái trại cai ma túy, phần phải đối phó với hoàn cảnh thực tại. Tôi đã dặn người lo cho ông đủ mọi thứ, ăn ở. Ông ở tạm đây vài ngày. Bây giờ tôi phải đi lo công việc. Có mấy chiếc Jeep thì hư hỏng không có cơ phận thay thế, còn có một chiếc tôi dùng, một chiếc để điều hành đơn vị. Ông cần đi đâu cứ bảo tụi nó lái cho ông đi rồi đón về."

"Tôi chắc chẳng đi đâu đâu, Thiếu tá."

"Nghe nói hồi xưa ở đây ông quen tới mấy cô y tá, quen cả con ông chủ vừa cá, vừa nước mắm mà."

"Mấy cô y tá quen cả nước Quân cảnh Phú Quốc chứ riêng gì mình tôi. Còn thú thật, tôi mà chịu nổi mùi vừa nước mắm thì tôi đã tình nguyện ở đây luôn rồi."

"Phụ nữ thì mười vị đã có tới sáu vị là hũ mắm rồi, có bê một hũ cũng đâu có sao?"

"Xin lỗi Thiếu tá, giá nó là một hũ mình chịu được, nhưng nó là một vừa cơ mà."

"Ông có lý. Thôi tôi dọt."  
Ngày N + 18, 12 giờ trưa.

Tôi vừa đẩy cửa bước vào văn phòng, Thiếu tá Mạc nói ngay:

"Tôi bảo nó dọn sẵn cơm cho ông rồi. Xin lỗi tôi phải ăn với gia đình. Ông cứ tự nhiên."

"Có cơm ăn là quý rồi. Tôi vừa nóng ruột, vừa sốt bụng."

"Chiều nay đi coi xử tử không?"

"Bộ có đặc công Việt cộng trà trộn vào bị bắt hay sao Thiếu tá?"

"Không phải, một thiếu úy và một binh sĩ Thủy quân Lục Chiến."

"Tại sao?"

"Trên mấy chiếc tàu chở nạn nhân chiến cuộc từ vùng I vô, có nhiều vụ cướp của, giết người và hiếp dâm. Có vụ xảy ra ngay giữa ban ngày. Giết người vứt xác xuống biển. Trước khi tàu cập bến, Hải quân Mỹ đã liên lạc về đây nên khi xuống tàu, mọi người đều bị khám xét, có một số nạn nhân chịu nhận diện thủ phạm. Hai người bị tố cáo không biết có giết người không? Có hiếp dâm không? Nhưng trong ba lô họ có cả mấy trăm lượng vàng."

"Thế thì xử tử là phải. Nhưng quá trễ. Nước mình trong thời chiến hai mươi năm, tôi thấy tòa án quân sự 95% chỉ xử tội đào ngũ, biển thủ v.v... Dường như tòa quân sự mặt trận mới mở có vài lần. Một lần xử tử mấy anh Thượng Fulro, một lần xử tướng Vũ Văn Giai cái hồi 72, xử huê. Đáng lẽ mình phải xử tử vài anh tướng, cho về hưu độ hai mươi, ba mươi anh tướng khác, cách chức một số đại tá. Nếu năm năm trước mình đã làm như vậy thì hôm nay chưa chắc đã như thế này."

"Ông có muốn đi coi không?"

"Không, tôi nản cái vụ đó lắm. Ngày mai có máy bay không Thiếu tá?"

"Không. Chiều nay có một chuyến nhưng chắc là không kịp. Ba ngày nữa mới có chuyến khác."

\*

Ngày N + 18, 3 giờ chiều.

Thượng sĩ Nhu, nhân viên cũ của tôi tám năm về trước lại thăm. Ông ta xin tình nguyện phục vụ ở đảo luôn ba năm tới ngày giải ngũ. Ông có hai con đã lớn, gái thì có chồng, trai thì đã đăng lính. Trước kia nhiều lần tôi bị mang tiếng oan là đánh tù cũng bởi ông này. Ông hỏi tôi về tình hình chiến sự cũng như những bạn đồng ngũ cũ. Tôi nhờ ông liên lạc cho tôi biết ngày giờ của ghe chạy đường Phú Quốc Rạch Giá, đề phòng trong trường hợp vì lý do nào đó không thể có chỗ máy bay.

\*

Ngày N + 18, 5 giờ chiều.

Tôi ngồi bó gối trên nền nhà cũ. Căn nhà tranh đã mất dấu, nhưng thêm xi măng còn nguyên. Chính nơi đây, trên cái thềm nhà này bảy tám năm trước, chúng tôi, một số những sĩ quan trẻ của miền Nam, có thể gọi là ưu tú bởi vì trong số đó: cử nhân triết Trần Lam Giang, cao học khoa học Trương Hồng Sơn, cao học luật Nguyễn Quốc Sứy. Tốt nghiệp đại học sư phạm Hoàng Phùng Quyền, Cao Huy Tào, Lê Thừa Nghiệp... Chúng tôi mở một trận chiến khác với tù binh Việt cộng. Thành thực mà nói, trận chiến này không sòng phẳng với cả hai phía. Tôi thích trận chiến ngoài mặt trận hơn. Thắng là thắng, thua là thua. Dĩ nhiên thắng và thua được cộng trừ bởi những thân người. Thắng bởi ưu thế về hỏa lực, về nhân số, về địa hình, về phẩm chất binh sĩ và sau cùng là khả năng của cấp chỉ huy cộng với một chút may rủi của Trời. Trận chiến nơi chót cùng hải đảo này khác hẳn. Nó không sòng phẳng, bởi lẽ, cho dù chúng tôi là những binh sĩ, những sĩ quan coi tù, chúng tôi cũng chỉ là những tù binh không hơn kém. Chúng tôi có một chút thoải mái ở ngoài hàng rào. Nhưng chúng tôi là một tập hợp những con người buồn bã, bởi trong tâm khảm mọi cá nhân nơi đây, ngoại trừ một số người hiếm muộn được chọn lựa để có những ngoại bổng, để có những chức vụ làm bàn đạp cho địa vị tương lai. Hết thấp cổ bé miệng, hết bị phạt là trực chỉ Phú Quốc. Bởi vậy, mọi quân nhân mong trả nợ hết một năm về lại đất liền. Không một người nào ý thức được vị trí mình. Phía tù binh thì khác hẳn. Chúng xa hẳn được cái không khí chết chóc, thiếu ăn mất ngủ trong rừng. Không sợ pháo, không sợ B52, không sợ tải đạn, vận lương, giao tranh. Chúng ung dung ăn cho mập, bồi bổ lại sức khỏe của những năm chạt vật, mò mẫm trong rừng. Chúng được bảo vệ bởi những cố vấn Mỹ, bảo vệ chúng như một bảo đảm cho những phi công Hoa Kỳ bị rơi ngoài Bắc. Chúng đông hơn mười lần chúng tôi, chúng ở trong hàng rào, ngày ngày làm tạp dịch vài tiếng đồng hồ vớ vẩn, cơm no, tối về học tập. Chúng giữ vững hàng ngũ, tổ chức bằng cách lâu lâu lại biểu tình bãi thực

một lần, lâu lâu trừng trị một vài tù binh để củng cố lại hệ thống đảng, đoàn ngũ. Còn chúng tôi cố gắng chu toàn bổn phận chúng tôi, giảm thiểu tới mức tối đa những hành động vi phạm kỷ luật, những vụ đào thoát, trốn trại, thanh trừng.

Ở nơi đây bảy năm trước, tôi xót xa nhận thấy phẩm chất binh sĩ của chúng tôi nó rời rạc vô hồn. Và ngược lại trong hàng rào, chúng là những thí dụ tuyệt hảo về những phản ứng có điều kiện của Pavlov: chuông rung, đèn sáng lên, hạch nước miếng hoạt động. Chúng tôi, một số rất ít những người trẻ tuổi có thao thức tới vị trí của mình, có suy nghĩ đôi chút đến tương lai miền Nam như Trương Hồng Sơn, Trần Lam Giang, đã lúng túng giữa hai thái cực.

Chính tại thềm nhà cũ này, chúng tôi bàn cãi tranh luận, họp hành đủ mọi thứ chuyện. Từ công vụ cho đến đời sống riêng tư. Bây giờ nhà cũ đã phá, nền cũ còn đây. Những hàng rào kẽm gai nghiêng ngả, tù binh đã trao đổi hết từ đầu năm 73, bây giờ những người tù binh cũ đó cùng với đồng bạn của chúng, đang dồn ép miền Nam trong trận chiến cuối.

\*

Ngày N + 18, 6 giờ chiều.

Tôi ghé thăm trường tiểu học "Vườn Hồng", di sản thứ hai của tôi sau cái nhà nhỏ trên đỉnh đồi. Không giống như cái nhà chỉ còn nền, trường học được mở ra khi quân số Quân cảnh ở đây lên tới hai tiểu đoàn, một số binh sĩ mang vợ con ra ngoài này ở. Cả xã An Thới có một ngôi trường của ông cha đạo chỉ vồn vẹn hai lớp vỡ lòng. Tôi đã sử dụng quyền hành lấy một số tù binh vào rừng đốn cây, cắt tranh và làm một ngôi trường có bốn lớp học.

Tôi đề nghị với xếp, cắt cử bốn quân nhân Quân cảnh mặt mũi sáng sủa, có bằng Trung học, khỏi canh gác, khỏi dính líu với trại giam. Làm thầy giáo bắt đầu dĩ. Dần dần tới bốn Tiểu đoàn Quân cảnh, học trò nhiều thêm. Bộ Quốc gia Giáo dục sát nhập trường này vào hệ thống giáo dục của ty Tiểu học Kiên Giang. Trường vẫn giữ tên cũ do tôi đặt "Vườn Hồng" và dưới cái bảng gỗ tên trường, tôi đã viết hai câu thơ:

*"Khi sương mai long lanh trên đọt cỏ*

*Là lúc vườn hồng hé nở nụ tươi."*

Tám bảng tên trường, hai câu thơ cũ vẫn còn đó. Cổng mở, các cửa lớp đóng kín. Tôi lưỡng lự bước vào sân, vẫn còn những cầu tuột, xích đu, tất cả đều là những sản phẩm do tôi cung cấp. Không biết những học trò nhỏ đầu tiên bây giờ ở đâu? Các em hẳn đã theo bố mẹ về đất liền, bố mẹ các em, chắc có người từng sự tại vùng I, vùng II. Cầu mong cho tất cả các em đừng có ai nằm xuống ở dọc đường.

\*

Ngày N + 19, 10 giờ sáng.

Hôm nay ngày 6-4-75. Tôi nóng ruột một cách kỳ lạ, tôi đi lững thững trên con đường mòn dẫn ra bãi Kem, một bãi biển tuyệt đẹp, nằm cách trại giam chừng hai cây số. Tôi bắt gặp rất nhiều dân tị nạn đặc biệt cũng đang phơi mình tắm nắng ở đây. Họ là nhân viên của các cơ sở Mỹ, có danh sách ưu tiên di tản vì sợ nguy hiểm đến tính mạng một khi Việt cộng chiếm được miền Nam. Những người này sướng thật. Phục vụ chính nghĩa của miền Nam, nhưng lãnh tiền của ngoại quốc vừa nhiều, vừa an toàn. Chẳng phải trận mạc, bom đạn gì cả, lãnh lương gấp năm, gấp mười những người đang đổ máu ở ngoài mặt trận. Mới hơi nguy hiểm đã được bốc ra chỗ an toàn. Trong đất liền bây giờ, động dạng một chút là họ đã vù ra tàu Mỹ. Bây giờ họ đang cười đùa âm ý, họ đang giỡn sóng, trong lúc cả nước đang ngập mặt vì lửa cháy, đạn bay, và những thân người ngã gục.

Trong đám người này cũng có những người buồn thật vì phải bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ địa vị ăn trên ngồi trốc, lên xe xuống ngựa. Nhưng cũng có những người ra dáng là mình khôn ngoan, chọn được một vị trí đúng trong khi chống cộng. Bởi vì bước sắp tới của họ, là vĩnh viễn bỏ lại quê nhà, cái nơi chỉ có máu và nước mắt. Những người đó chắc trong vài năm nữa sẽ ghê tởm nước mắm, sẽ bịt mũi trước mắm nêm. Bây giờ họ đã ra dáng là người Mỹ lắm rồi. Cứ trông những cái nhún vai, cứ trông những cái máy ảnh họ đeo lủng lẳng ở cổ, cứ trông những quần áo được mua từ các P.X. Mỹ là đủ biết.

Họ đâu cần biết chỉ cách họ một bãi đất trống, một hàng rào kẽm gai, trong những khu giam giữ tù binh cũ, có mấy chục ngàn đồng bào của họ đã tan cửa, nát nhà, đã trải qua cùng cực của khổ đau trước khi đến được chỗ này, đang chờ đợi một chút tin lành cho đất nước. Nếu có được chút tin lành này, họ sẽ xin được trở về chốn cũ đã phải bỏ đi, để xây dựng lại từ đầu, khởi đi lại từ đống vỡ cũ. Tình hình này chắc chắn chỉ có tin dữ. Tôi bước dọc bãi biển. Những hàng dương rạp theo gió.

Leo lên một ghềnh đá cao, tôi nhìn về phía nam đảo, bắt gặp một phiên muộn khác. Một căn nhà bẽ bề trên một đảo nhỏ đối diện với mũi ông Đội. Hòn đảo này bề dài chừng hơn một cây số, và căn nhà ngồi sáng dưới ánh mặt trời. Đó là căn nhà mát của Đại tá Nguyễn Ngọc Thiệt, cựu Chỉ huy trưởng Quân cảnh hay đúng hơn cựu xếp xồng binh chủng. Chắc hẳn những vật dụng để xây cất căn nhà mát này không thể mua và mang ra từ trong đất liền. Nó phải là vật liệu tại chỗ. Những tôn, xi măng, gạch, ngói đó phải là một phần nào vật liệu để xây cất trại giam, để xây cất khu gia binh, để xây cất nhà thương, trường học v.v... Tôi nghe nói Đại tá Thiệt còn có một quán ăn đẹp kinh khủng ở mũi Né Phan thiết, xây cất như một lữ quán trên xa lộ Mỹ. Và thỉnh thoảng có dịp đến cư xá Lữ gia để thăm bạn, tôi đi qua nhà riêng của Đại tá Thiệt. Nó giống như một ốc đảo đặc biệt nổi lên giữa những vi la khác, nó có đủ cái hợm hĩnh của non bộ vĩ đại với vòi nước phun, với tượng và đủ những cái "kỳ dị" khác. Đây mới chỉ là tài sản của một Đại tá lo về quân phong, quân kỷ và ngành tư pháp của quân đội. Hèn nào ông Kỳ có một cái trại hàng trăm mẫu ở Khánh dương. Ông Khiêm có một lâu đài ở Đà Lạt. Ông Thiệu cũng đang sửa soạn một miếng đất ngon nhất, đẹp nhất và dĩ nhiên lâu đài cũng phải bự hơn của ông Khiêm ở Đà Lạt. Ông Viên có nhà mát ở Vũng Tàu. Các tướng hét ra lửa, mưa ra khói ở miền Nam, mỗi ông đều có một cái gì đó ở Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang, Vũng Tàu, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Cần thơ.

Cái thời của vua, chúa đã qua, bây giờ là thời của các ông tướng. Mỗi ông do những thỏa hiệp ngầm với nhau, do sự đồng ý với người Mỹ. Nói cho đúng hơn do sự đẹp lòng với người Mỹ, vừa được ăn trên ngồi trốc, nắm quyền sinh sát một vùng. Hồi tưởng lại cái thời cũ, cái thời quân đội Pháp, có ông còn là đội, là cai, có ông là trung úy, đại úy

trông thấy Tây là sợ, trống ngực đánh như trống làng. Hai mươi năm qua đi, thời cuộc đẩy các ông lên nắm quyền uy tột đỉnh. Phu nhân của các ông, có bà trước kia bán cháo, bán chè ở ngoài hàng rào trại binh, bây giờ đã đọc điển văn, đã họp báo với một mô kiến thức hổ lớn của nồi chè hai mươi năm trước.

Miền Nam quả là đã đến hồi mặt vận.

\*

Ngày N + 19, 2 giờ chiều.

Ghé văn phòng ông Mạc để hỏi vụ phi cơ, và được trả lời từ bây giờ chỉ biết trước khi nào phi cơ sắp tới. Điều này chắc tôi sẽ đi ghe về Rạch Giá rồi đáp xe đò về Sài Gòn. Thượng sĩ Nhu, nhân viên cũ cho tôi biết ghe đi Rạch Giá có hàng ngày. Khởi hành ở An Thới vào hồi sáu giờ chiều, sáng hôm sau đã tới Rạch Giá. Tôi quyết định ngay chiều nay sẽ vĩnh viễn giã từ Phú Quốc.

Ghé văn phòng Thiếu tá Mạc để từ giã. Nhưng không gặp, nhờ một hạ sĩ quan Quân cảnh lái xe đưa ra chợ An Thới, hẳn tưởng tôi đi thăm người quen, đến khi biết tôi muốn đi ghe về Rạch Giá, hẳn có vẻ ngậm ngùi. Ngang qua chợ An Thới, những căn nhà lụp xụp của tám năm trước đã thay đổi gần hết, tôi thấy một số người quen cũ. Cứ trông dáng điệu là đủ biết họ không còn là ngư dân thuần túy nữa.

Thôi giã từ tất cả, vĩnh biệt nền nhà cũ, mái trường xưa. Không biết rồi đây khi sương mai long lanh trên đọt cỏ, có còn nụ hồng nào để hé nở nữa không? Giã từ bãi Kem, mũi ông Đội, những di tích của Gia Long trong thời tẩu quốc. Giã từ chợ An Thới, cùng với những ngư dân mỗi ngày mỗi xa biển hơn, giã từ luôn cả những vựa nước mắm, kể cả cô Lài, cô Lý, cô Huệ, cô Bông của một ngày nào tám năm trước. Và sau cùng vĩnh biệt một phần đời sôi nổi nhất, hào hứng nhất, thi vị nhất, phũ phàng nhất, lý tưởng nhất, và chó đẻ nhất của tôi ở phần đất này.

\*

### **Phần 3** **Sài Gòn - Subic Bay**

Ngày N + 20, 5 giờ 30 sáng.

Ghe lớn cập tại Hòn Tre, còn cách bờ, cách Kiên Giang một khoảng nước nữa. Chỗ này nước thấp, đáy biển có những luồng cát bất ngờ, ghe lớn hay mắc cạn, tôi chuyển xuống một ghe nhỏ, nhỏ như chiếc ghe tôi đã cưỡng bách ra biển ở Tuy Hoà. Trời vẫn còn tối, chỉ có tiếng máy nổ của cái máy đuôi tôm, và tiếng đập của quả tim. Rồi một thoáng băng khuâng tới Nha Trang, Cam Ranh, không biết giờ này vợ con tôi đang làm gì? Những gì đã xảy ra ở nơi có những người thân yêu nhất? Ba ngày nay, tôi như bị bỏ quên, bị gạt hẳn ra khỏi cái thế giới kinh hoàng của cuối mùa trận chiến. Tôi tránh hẳn cả việc nghe tin thời sự của đài BBC, VOA. Tôi như một người khác, ngu ngơ, đần độn,



ngớ ngẩn. Tôi oán trời, trách đất, nguyên rủa con người. Tôi cáu giận chính tôi, khinh miệt chính tôi, và cũng chẳng tin một mảy may vào Phật, Chúa. Đã đến lúc bách điều chia ly, trăm hoa tàn tạ, vũ trụ chìm trong cảnh tĩnh mịch. Những tia sáng đầu tiên lan nhanh trên mặt biển. Cảnh bình minh trên mặt biển bao la, bát ngát. Tôi đã nhiều lần nhìn mặt trời lên, mặt trời lặn ngoài biển, đã từng chờ trăng nhô cao khỏi mặt nước. Mỗi lần mỗi khác, tùy thuộc chỗ mình ngắm là núi, đồi, biển khơi hay rừng rậm, nhưng nó cũng tùy thuộc nơi lòng mình vui buồn. Có một điều chắc chắn những lúc bắt đầu và chấm dứt của một ngày, những lúc khởi đầu của bóng trăng bao giờ cũng đẹp. Cái đẹp của thiên nhiên thay đổi với cảm nghĩ con người, có lúc nó hùng vĩ, có lúc nó lãng mạn, và đôi lúc thê lương, ảm đạm.

Buổi sáng nay, mặt trời đỏ rực rỡ vừa nhô lên khỏi mặt nước, ánh sáng nhò nhò biến đi, lập tức màu chu sa choán đầy mặt biển, nước đổi màu trong một sát na, biển trở thành một biển máu. Đẹp như cảnh tượng phim kinh dị, đẹp lạ thường, hôm nay tôi nhìn mặt trời mọc không phải với tâm trạng của thi sĩ, cũng không phải tâm trạng của tráng sĩ, hôm nay tôi ngắm nó với tấm lòng của kẻ bại trận, thê lương, ảm đạm biết chừng nào.

Xuống bến như một kẻ mộng du, tôi đi giữa những phố trệt còn ngái ngủ. Cái nhộn nhịp trên bến dưới thuyền của bảy năm trước còn đâu? Tôi nhớ những lần tôi tới rong chơi đây một ngày, cũng không hẳn rong chơi, đến để xả những dồn nén sinh lý trong một căn nhà nào đó, trên một thân thể nào đó. Đến bằng những chiếc P.C.F. (khinh tốc đỉnh) đầu tiên của vùng IV duyên hải, những chiếc tàu chạy như ngựa tể một mạch Phú Quốc - Rạch Giá chỉ trong hai giờ đồng hồ, cả bọn xuống phố chợ kiếm vài chai bia, vài cút rượu, tọng vô họng, rồi chui tọt vào một xó nào đó, kiếm một căn nhà nào đó, một cô gái làng chơi nào đó rồi để cho cái thú tính, không phải... để cái phần người nhất làm việc. Tất cả gồm trong bốn, năm giờ đồng hồ, rồi lững thững xuống tàu, tể một mạch về đảo, về với những hàng kẽm gai nghiêng ngả, với những bộ áo nâu của tù, xanh của lính. Về với nỗi phiền muộn đã được gói ghém trong câu thơ sau này nhiều binh sĩ Quân cảnh thỉnh thoảng còn đọc cho nhau nghe với nụ cười hờn hậu. Hờn hậu bởi họ không cảm nhận nỗi nỗi buồn của tôi:

*Ngàn năm Phú Quốc nhớ hoài.  
Tù trong là giặc, tù ngoài là ta...*

Hôm nay tôi xuống bến Rạch Giá với cõi lòng bù ngùi của kẻ tử tù, mà cái gông thì chập chờn trước mắt.

\*

Ngày N + 20, 3 giờ chiều

Xe đậu ở đầu cầu Bến Lức, chốn này đây tôi đã qua chơi mười bảy năm trước, khi vừa đậu Trung học, được ông anh Cả dắt theo công tác giáo dục cộng đồng. Trong quán ăn, tôi đã được thưởng thức lần đầu canh cải bẹ xanh mà người ta đập vào hai trái trứng, đó là một trong những món canh ngon nhất với khẩu vị tôi. Chẳng những ngon mà còn là một hòa hợp màu sắc tuyệt hảo. Giữa màu xanh của cải bẹ, hồng của thịt nạc, trắng của lòng trắng và màu vàng của lòng đỏ. Dường như tôi đã yêu Bến Lức, Long An qua tô canh này. Mười bảy năm đã qua, tôi không được làm việc ngày nào ở đây, nhưng

mỗi lần đi qua là một lần nao nao trong dạ.

Hôm nay, nhường chỗ cho sự nôn nao thương nhớ, là những xót xa, trắc ẩn. Xót xa chờ đầy trên những ghe, thuyền đậu chi chít trong lòng sông. Cả đến những cái ghe này hôm nay cũng khẽ dập dìu trên nước, cũng neo chặt một chỗ, cũng ngỡ ngác vô hồn. Những trẻ em bán mía ghim, những cô gái bán khóm, trái cây, bán chim đều biến mất. Thay vào đó là những chướng ngại vật trên đường, những phuy sáng sơn trắng, sơn đỏ, đồ đầy đất nằm giữa quốc lộ, tạo thành những lối đi zic zac, cùng với những con ngựa gai chằng chịt, những ụ súng đầy bao cát, và những người lính có vẻ lo âu của những con chim bị cháy rừng, bị động ổ.

Suốt từ sáng tới giờ hầu như đối với tôi, sông rạch của vùng IV, ruộng đồng của vùng III, tất cả như đang chờ một điều gì đó sắp bùng ra. Tất cả như co mình cho nhỏ lại, chờ đợi một tai họa sắp sửa chụp xuống. Dường như tất cả mọi người đều biết tai họa đó là gì, điều mà họ bồn chồn lo lắng chính là tai họa đó sẽ lớn cỡ nào?

\*

Ngày N + 20, 5 giờ chiều

Con đường của hai mươi năm trước, mười hai năm trước, năm năm trước xuất hiện trước mặt. Hai cây trứng cá cha tôi trồng mười lăm năm trước đang đầy hoa và trái. Lớp trẻ con cũ trong xóm đã lớn, đã đội nón đỏ, nón xanh và đang ngu ngơ đầu đó trong cơn bão lửa. Lớp trẻ hôm nay là những đứa đã chào đời khi tôi vừa nhập ngũ, tuy nhiên người thì có khác hơn câu: "*Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi*". Tôi có xa nhà nhưng không phải ly hương, biệt vô âm tín như tâm sự của thi sĩ. Và hôm nay trở về cũng chưa là lão đại về tuổi tác, nhưng tâm hồn tôi "lão đại" hơn cả "lão đại" thi sĩ. Bởi khi ông về thì chiến tranh đã dứt, có cái băng khuâng, bụi ngùi của cuộc chiến tàn. Nhưng vẫn có một chút hy vọng qua cái cười của lũ nhỏ hỏi ông ở đâu tới. Cái không khí của thơ Đường trong bài thơ đó kết thúc bằng hy vọng sẽ không còn chết chóc, không còn ly hương, chiến tranh thật sự sẽ không còn ngự trị nữa. Nhà sẽ không còn cháy, người sẽ không còn ngã. Chiến tranh thời xưa khác. Dứt là dứt hẳn, không còn tù đày, không còn chết chóc. Nhưng chiến tranh hiện tại khác hẳn. Dứt là có một bên bại. Kẻ thắng cười ngạo nghễ, định đoạt số phận của kẻ bại. Phe thắng trận sẽ nhân danh hàng trăm thứ để cưỡng đoạt tài sản, bắt bớ, tù đày, hành hạ, loại trừ phe thua. Chỉ một vài câu hỏi của những đứa trẻ đã làm "Hạ Tri Chương" xúc động, xuất thần trong một phút, và hậu thế chúng ta có được một bài thơ tứ tuyệt "Hồi Hương Ngẫu Thư" tuyệt vời.

Lũ trẻ trong xóm hôm nay, không có đứa nào hỏi tôi từ đâu tới, chúng vẫn chơi đùa hồn nhiên. Nhưng cái xóm cũ, nơi mà tôi đã dần trải suốt cuộc đời niên thiếu, nơi tôi đã nghịch ngợm, leo trèo, chạy nhảy, đá bóng. Nơi mà tôi nhớ từng viên gạch, từng cái cổng, từng căn nhà, từng đồng rác đó đang run lên. Cả cái cư xá đó như muốn thay mặt cho đám trẻ con hỏi han tôi, an ủi tôi nên vì đó mà hai cây trứng cá cha tôi trồng ngày cũ, đã nường một cơn gió nhẹ, thả những cánh hoa nhỏ màu trắng, thả những chiếc lá khô, trước khi nghiêng cả cái thân hình xum xuê hoa lá đó đón chào chủ cũ mệt mỏi trở về.

Không có gì thay đổi dưới mái nhà tôi càng ngày càng quạnh quẽ. Cha tôi vẫn nằm trong cái võng kết bằng dây dù tôi mang từ đảo Phú Quốc về. Giờ này là giờ ngủ buổi

chiều trước khi ông dậy đi làm tối, cái kính lão xệ xuống sống mũi, tờ báo úp trên ngực, dưới sàn nhà một quyển Tiểu Ngạo Giang Hồ nằm tênh hênh trên nền gạch bông. Có một linh cảm nào đó giữa cha và con, nên ngay khi tôi sắp bước chân qua ngưỡng cửa, ông đã choàng dậy. Ông bỏ hẳn kính xuống, nhìn tôi một cái nhìn sâu thẳm, trước khi hỏi dửng dưng từ tốn:

"Anh mới về hả? Chị với các cháu đâu?"

"Nhà con và các cháu kẹt ở Cam Ranh rồi."

"Anh tắm rửa, thay quần áo rồi ra đây cho cậu hỏi. Tội nghiệp các cháu tôi, chúng còn bé bỏng quá."

Mẹ tôi từ hàng xóm về, mới thấy bóng tôi trong nhà đã khóc nức nở. Cha tôi gất một cách bực tức.

"Bà làm cái gì vậy? Con nó đã chết đâu? Chỉ sợ ít hôm nữa rồi không còn nước mắt mà khóc thôi."

Đây là một trong thật ít lần hiếm có cha tôi nói những điều từ ái với tôi. Thuở nhỏ tôi nghịch ngợm lêu lổng, bỏ học ngang chừng. Tôi đã làm bao nhiêu hy vọng của cha tôi tiêu tan, nên ông nghiêm khắc với tôi hơn với các anh tôi. Tôi biết cha tôi gất mẹ tôi vì chính ông, ông cũng linh cảm sẽ còn rất ít thì giờ để nói với tôi những lời từ ái.

\*

Ngày N + 20, 7 giờ 30 tối.

Tất cả các anh chị tôi đều có mặt, cả vợ chồng cô em gái tôi, người em rể vốn là bạn cùng lớp với tôi từ mười lăm năm trước. Đã ba năm nay, ngay cả ngày giỗ tết, gia đình tôi cũng không thể nào họp mặt đầy đủ, những người vắng mặt hôm nay là vợ con tôi. Chiều nay, tình cờ cháu con anh Hai tôi ghé thăm ông nội, thấy tôi về, nó tự động đi loan báo cho tất cả các anh chị tôi. Các anh mừng tôi với vẻ mặt rầu rĩ, các chị có người đã muốn khóc khi không thấy các con tôi. Phải mất hơn ba tiếng đồng hồ để kể tóm tắt những cuộc hành trình của tôi Pleiku Tuy Hoà, Qui Nhơn, Phú Quốc. Tôi nghe giọng tôi cũng giống hết giọng của gã xưởng ngôn viên đài BBC, đài Đông kinh. Nó giống như giọng người ta kể chuyện về địa ngục. Điều mà tôi buồn bã nhất, bực dọc nhất với chính tôi, là cả gia đình không ai trách tôi một câu về việc vợ con kẹt lại Cam Ranh. Mẹ tôi, các anh chị tôi khen tôi tháo vát, nhanh nhẹn, quyết định sáng suốt. Những câu khen ngợi này cay đắng biết chừng nào. Sau cùng cha tôi nói với các anh em tôi với một giọng nghiêm nghị:

"Cậu già rồi, trên lục tuần gần bảy mươi so với các cụ, các bác trong họ kể là đã thọ. Gia đình mình cũng không còn lạ gì với cách hành xử của Cộng sản. Bọn chúng vào đây, sống được thì cậu sống thêm vài năm nữa, nếu không thì chỉ một cái tặc lưỡi là xong. Anh Cả ở trong ngành sư phạm chắc cũng không đến nỗi gì. Anh Ba là hạ sĩ quan quân y có tù đầy cũng không lâu, chỗ đâu mà nhốt cả triệu người. Anh Hai, anh Tư và anh Năm rần mà tìm cách ra ngoại quốc. Riêng anh Năm thì giữ lấy một khẩu súng lục

phòng thân, chúng vô đây, đi không được thì nên tự xử lấy. Cái tính của anh không thể ở tù Cộng sản được một tháng đâu. Đẳng nào chị ấy với các cháu cũng kẹt ở Cam Ranh rồi, có một thân thì dễ xoay trở. Cậu mong các anh chị thoát thân được cả, nhưng tình hình này so với năm 54 khó gấp mười, gấp trăm. Ngày đó cậu cho anh Cả về quê thử sống với chúng vài tháng, thế mà ngay trong 300 ngày đình chiến đó, chúng chưa thò cái móng vuốt ra mà mình còn chịu không nổi, còn bỏ sản nghiệp, mồ mả tổ tiên vô Nam này. Bây giờ đâu có ngày nào đình chiến. Thua là kể như xong.

\*

Ngày N + 21, 8 giờ 30 sáng.

Buổi sáng tôi đi trình diện Bộ chỉ huy. Tôi phải làm một phúc trình tổng quát cho đơn vị sau khi di chuyển. Sau đó phải tới Tiểu đoàn 5 Quân cảnh, ngay trước cửa phố Tàu bay, đó là nơi tập trung tất cả các quân nhân Quân cảnh thuộc quân khu I và II về được tới Sài Gòn, chúng tôi sẽ được phân phối tới các đơn vị khác. Cả Tiểu đoàn 2 Quân cảnh tập hợp được hơn năm mươi người, con số về được Sài Gòn có thể nhiều hơn, nhưng có lẽ nhiều người không trình diện. Tiểu đoàn 1 Quân cảnh còn thế lương hơn nữa, hiện diện vẫn vẹn ông Trung tá Tiểu đoàn trưởng, và lèo tèo một dúm người không đầy một trung đội. Trại giam Đà Nẵng được bốn, năm người. Trại giam Pleiku một mình Đại úy Nguyễn Cao Thịnh và bảy, tám binh sĩ. Và sau cùng đơn vị của tôi, trại giam Qui Nhơn hiện diện được đúng một tiểu đội không hơn kém.

Thân nhân các binh sĩ ulla tới các đơn vị trưởng hỏi thăm tin tức người nhà. Tôi muốn biến đi, chạy trốn trước hàng trăm câu hỏi. Tôi đoán nhậm đơn vị có ba ngày, ngay cả các sĩ quan còn chưa nhớ hết tên, chưa quen hết mặt, làm sao có thể trả lời những câu hỏi kèm theo những tiếng nấc nã lòng. Một bà cụ trông phúc hậu, hiền lành đi cùng một cô gái đến hỏi thăm tin tức của Phúc. Tôi làm sao dám trả lời sự thật. Bà cụ dường như có được một người nào cho biết những ngày cuối cùng Phúc lái xe cho tôi, nên cứ đeo riết lấy tôi hỏi tới tấp. Sau cùng tôi phải nói dối là tôi thấy Phúc bơi qua sông chạy trước tôi, rồi từ đó tôi không gặp. Tôi muốn độn thổ bởi cái nhìn của cô gái không biết liên hệ thế nào với Phúc, cái nhìn dò xét, đo lường câu trả lời của tôi.

"Đại úy cứ nói thật đi, phải anh Phúc chết đuối rồi không?"

"Ai cho cô biết vậy?"

"Thì mấy người ở Qui Nhơn vào đó."

"Thế thì cô cứ tin mấy người đó đi. Hỏi tôi làm chi?"

"Đại úy là người lớn nhất. Tôi muốn Đại úy trả lời cho rõ."

"Tôi trả lời rồi. Tôi thấy Phúc bơi qua sông, rồi từ đó tôi với Phúc thất lạc."

"Mình về đi má, mấy người càng lớn càng lo cái mạng, ổng nói vậy thì biết vậy."

"Tội nghiệp nó hiền lành phúc hậu, ông trời sao mà ác quá, bắt nó chết không còn thân. Trời ơi là trời, nhà tôi hồi nào tới giờ tu nhân tích đức. Sao mà chung cuộc thảm quá

vậy?"

"Đại úy cho má tôi biết ngày nào anh Phúc rời Tuy Hoà."

"Tôi rời Tuy Hoà ngày 2-4 hồi 11 giờ 30 sáng."

"Tôi về đi má, nếu anh không về thì mình cũng có ngày cúng kiếng anh rồi."

Tôi nhìn theo bóng hai người, bà cụ mặc áo dài màu đen, áo cô gái màu trắng. Hai cái màu tang tóc đó nổi bật giữa sân cờ của Tiểu đoàn 5 Quân cảnh.

\*

Ngày N + 21, 4 giờ 30 chiều.

Ra khỏi doanh trại Tiểu đoàn 5 Quân cảnh, tôi như trở thành một người khác, hết còn bận bịu với công vụ, phần của tôi đã xong, đơn vị tôi cũng như hàng vài chục đơn vị khác nhỏ hơn đã đóng quyển "Nhật ký đơn vị" lại. Tất cả quân nhân binh chủng tôi ở vùng I và vùng II bây giờ nhập lại thành một tiểu đoàn duy nhất, quân số cũng không đủ một tiểu đoàn, chờ trang bị lại. Phần tôi có một chức vụ "buồn cười" là sĩ quan đại diện Bộ chỉ huy Quân cảnh tại Quân vụ Thị trấn Sài Gòn. Dĩ nhiên là chẳng có việc gì để làm, vì ở Biệt khu thủ đô, có tới nguyên một tiểu đoàn Quân cảnh hoạt động. Càng tốt, đỡ phải vào Bộ chỉ huy hàng ngày là đủ vui rồi.

Cưỡi một chiếc Honda đi mượn, tôi chạy khắp Sài Gòn, và nghiệm thấy một điều cho tới bây giờ, ngày 8 tháng 4 năm 75, dường như Sài Gòn vẫn chưa có gì thay đổi, dân chúng có vẻ lo lắng nhưng không thái quá. Những chỗ ăn chơi vẫn đông như hội, kẻ có tiền vẫn vung qua cửa sổ mua lấy một nụ cười. Dường như họ cố tin rằng có một giải pháp trái độn, Mặt trận Giải phóng miền Nam sẽ có một khoảnh đất từ vĩ tuyến 14 trở ra, và tại vùng trái độn này sẽ theo đường lối trung lập. Có những người tỏ ra am tường hơn, và lập luận rằng Mỹ không thể nào bỏ được Việt Nam, nếu có bỏ cũng còn vài năm nữa, bằng một phương thức ôn hòa, nghĩa là sau cùng cả miền Nam sẽ trung lập trước khi bị xích hóa hoàn toàn. Có hàng trăm kiểu tin đồn, những tin đồn này làm điên đầu những kẻ muốn suy nghĩ, vì tin đồn nào cũng có một vài bằng cứ, một vài dấu hiệu đủ để bảo đảm cho những ai đa nghi nhất. Tôi được nghe hàng chục giải pháp, nào là Bảo Đại sẽ về nước, nào là đảo chánh để đưa thành phần thứ ba ra cầm quyền, rồi thì hàng chục nhân vật lăm le thành lập chính phủ.

Các tay tổ hoạt động chính trị sa lông xoay như chong chóng, các chính khách tên tuổi ngược xuôi như đèn kéo quân. Về phía quân đội, một số tỉnh trưởng nổi danh tham nhũng, bắt tài bị thuyên chuyển, các sĩ quan tương đối có khả năng chỉ huy được bổ nhiệm thay thế. Không phải vì tình thế đã làm sáng mắt các ông Tướng của miền Nam, nhưng thật ra những kẻ có tiền đã chạy được khỏi chỗ chết, tránh xa được những vùng lửa cháy, đạn bay. Đến bây giờ tôi mới thấy thấm thía cái hoạt cảnh của thời Chiến quốc: Quan liêm nên làm mà không nên làm, quan tham không nên làm mà nên làm của Ưu Mạnh, khi diễn tả cảnh con cái của ông quan liêm Tôn Thúc Ngao.

Báo chí loan tin một Đại tá pháo binh trên đường rút lui về phía nam, thấy Nha Trang bỏ ngõ hai ngày, mà chưa thấy một đơn vị Cộng Sản nào xuất hiện ngoài ngưỡng cửa thị

xã. Quốc lộ 1 bị kẹt, ông Đại tá pháo binh này kéo quân vào Nha Trang, vẫn hồi trật tự trong thành phố và tổ chức phòng thủ. Bây giờ tuyến đầu là Phan Rang, đây chính là nơi ông Thiệu ra đời, đây chính là nơi mà mọi tin đồn quy tụ vào chỗ giải pháp trái độn từ Phan Rang trở ra, lại cộng thêm với việc Nha Trang bỏ ngõ hai ngày mà không có Cộng sản xuất hiện, cùng với việc ông Thiệu chỉ định Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi làm Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn III (quân đoàn I, II đã giải tán, những phần đất còn lại của quân đoàn II sát nhập vào quân đoàn III) Cùng đi với tướng Nghi còn tướng Nguyễn Văn Sang thuộc Không quân, Bộ Tư lệnh Tiền phương được đặt ở Phan Rang, quê hương bản quán của ông Thiệu. Những sự kiện này làm cho luận cứ của giải pháp trái độn chắc chắn hơn, nhiều người thở ra nhẹ nhõm.

\*

Ngày N + 22, 10 giờ sáng.

Hôm nay mùng 9-4-75, báo chí đăng tin tình hình chiến sự đột nhiên sôi động ở vùng IV. Suốt một tháng nay, cơn bão lửa thổi theo chiều bắc nam, nó ngừng lại ở Phan Rang, dễ chừng cũng đã bốn ngày. Dường như gió đã xoay chiều, nên vì đó chiến sự ở đồng bằng sông Cửu có những biến chuyển mới. Ở vùng đất này, Cộng sản không tấn công đại đơn vị, cũng chưa chiếm hẳn một vùng đất nào, nhưng chúng xuất hiện quấy rối ở khắp nơi, những địa điểm giao tranh, chạm địch cỡ đại đội, tiểu đoàn trải rộng ra trên khắp vùng lục tỉnh. Trên trang nhất của các nhật báo, những thay đổi về chính trị của miền Nam chiếm nhiều cột lớn: ông Đại tướng Thủ tướng của miền Nam Trần Thiện Khiêm và nội các của ông giải tán, dân biểu Nguyễn Bá Cẩn, Chủ tịch Quốc hội thành lập nội các mới. Nếu sự thay đổi nhân sự này xảy ra vài năm trước, đó là dấu hiệu tiến bộ của dân chủ. Thế nhưng nó xảy ra giờ này, lúc nguy kịch nhất của miền Nam, lúc giao tranh thập tử nhất sinh, những nhân vật lãnh đạo cần sự am tường, hiểu biết về quân sự hơn lúc nào hết.

Tôi nhớ tới một bài phiếm luận của Sức Mấy viết vài năm trước, khi dân biểu Nguyễn Bá Cẩn thay thế dân biểu Nguyễn Bá Lương làm Chủ tịch Quốc hội. Nguyễn Văn đoạn chót ông Sức Mấy viết tắt trong cái phim của ông: "B.C. mà thay B.L. thì cũng thế". Chỉ vài chữ ngắn ngủi đó ông Sức Mấy đã cho người đọc thấy cái nhân cách, cái khả năng của hai ông cụ và tân Chủ tịch Quốc hội, nói chi tới các dân biểu. Tôi nhớ tới những danh từ "dân biểu gia nô", "báo gia nô". Phải chăng những thứ "gia nô" này góp phần không nhỏ vào hoàn cảnh đất nước hiện tại. Các dân biểu trong quốc hội ngoài thành tích "buôn lịch cời trường", ngoài thành tích "không có đàn bà ai đẻ ra đàn ông", ngoài thành tích "tiếng chuông Thiên mục, canh gà Thọ xương", và ngay cả những ông được gọi là dân biểu đối lập, đã có biết bao người "đối lập nằm vùng", "đối lập cuội". Họ đã giúp ông Thiệu trong mùa "ứng cử độc diễn" năm 71. Cách đây vài tháng, họ giúp ông Thiệu thông qua một tu chính hiến pháp cho ông Thiệu được ứng cử kỳ ba và nhiệm kỳ là năm năm. Bây giờ với "nhân cách" đó, với "khả năng" đó, ông Nguyễn Bá Cẩn nhảy vào tham chính, giữ vai trò nhân vật thực sự số hai của miền Nam.

Ông vốn xuất thân là một công chức cao cấp, do sự gặt đầu không thắc mắc với tất cả những gì các ông tướng, các ông tỉnh muốn, ông nhảy vào quốc hội. Ở nhà hát lớn trong vài năm, gặt lấy gặt để, gặt không thương tiếc, ông nhảy vào vị trí "gia nô" hàng đầu. Bây giờ ông nhảy ra đóng chơi vở kịch liêu minh cứu chúa, để ông Đại tướng Thủ tướng yên tâm rũ áo từ quan, về nhà phụ vợ sửa soạn va li. Hạm đội Mỹ hiện đang lớn

vờn ngoài khơi, ở trong nước, chợ đã về chiều, còn gì mà không thu thập của cải đi lập nghiệp phương xa cho chắc dạ.

Bà Khiêm nổi tiếng là người buôn tằm, bán tảo. Những món hàng bà bán đều không sờ được, chỉ gọi được có cái tên thôi, bà buôn bán lảng nhảng, dăm cái chức vụ tỉnh trưởng, quận trưởng, trưởng ty cảnh sát. Hàng của bà đâu có nhiều nhận gì, bà đâu có đủ mặt hàng. Đã thế bà lại hay thăm viếng các quân nhân bị thương trong các quân y viện, những lúc thăm viếng như thế, bà sợ uy tín của chồng bị sút mẻ, nếu ăn mặc luộm thuộm, nên bà có các chuyên viên làm tóc cẩn thận, phục sức kỹ lưỡng như các tài tử điện ảnh quốc tế, đeo nữ trang như các bà hoàng thuở xưa vì chồng bà làm... thủ tướng kia mà. Đâu có giản dị được. Có dạo bà phải bán đồng nát, đến độ bà mua được hết những cái vỏ đạn đại bác bằng đồng của cả quân đội, mua hết những dư liệu chiến tranh. Cái hồi bà buôn bán ở Long An, mấy thằng đàn em ông thủ tướng lảng xãng quá, dùng cả còi hụ của xe Quân cảnh mở đường, làm cho đàn em ông số một cáu quá, bắt lảng xết. Rồi để củng cố lại cái tinh thần thượng tôn luật pháp, một anh đại úy Quân cảnh và mấy thượng sĩ, trung sĩ các ké bị ra tòa, đi Côn đảo bóc mười quyền lịch suy nghĩ chuyện đời. Bây giờ hàng họ của bà đã hết, đồng nát không còn, tình hình này miền Nam chắc chắn mất, đâu còn đánh nhau, đâu còn dư liệu chiến tranh để bà xuất cảng sang Nhật. Ông Thủ tướng từ quan là phải, ông đâu có tham quyền cố vị, ông muốn về nhà ở đâu đó bên Mỹ, bên Pháp gì đó, ở Thụy sĩ Thụy xiếc gì đó. Nước sắp hòa bình rồi, để cho ông Nguyễn Bá Cẩn lập nội các dân sự là phải rồi. Ông Thủ tướng Khiêm vốn là người thâm lặng, ông ở quân đội leo lên tới chức Đại tướng chẳng có tai tiếng gì, ông cũng không thích tuyên bố, cứ ngậm miệng làm việc, bây giờ đã đến lúc từ quan vui thú điền viên. Ông thật là người hiền, khi đất nước cần ông nhảy ra gánh vác, khi đất nước yên, ông cáo lão trở về thơ thới, hân hoan. Miền Nam bất hạnh quá, có ít người tri túc như ông.

Bỏ tờ báo xuống, tôi đứng dậy ra ngoài. Giữa trưa hè của miền Nam, tôi tưởng chừng đang lặn mò trong đêm tối.

\*

Ngày N + 22, 5 giờ chiều

Ghé thăm vợ chồng chú em bên cư xá ngân hàng thuộc xã Tân quy đông, Khánh hội. Đan, tên chú em tôi vốn là con ông chú áp út, chú tôi vào Nam từ những năm đầu 40, khi cha tôi di cư vào Nam chú thím tôi mất sớm. Cha tôi mang cả anh em Đan, Hòa về. Đàng nào thì nhà cũng đã nghèo từ lúc di cư vào Nam, thành thử tuy là em, nhưng lớn hơn tôi vài tuổi, lại ở trong nhà từ ngày còn niên thiếu nên tôi quen gọi bằng anh, hết như các anh ruột tôi trong nhà.

Đan kể cho tôi nghe về huyền thoại của một nữ bộ đội cấp Tiểu đoàn trưởng của Việt cộng miền Nam, chỉ còn có một vú vì hồi đánh Tây bị Pháp bắt, tra tấn đến nỗi mất một bên ngực. Dân chúng đồn đãi người đàn bà này đã chỉ huy một cánh quân chiếm đánh Lâm đồng. Cái vú già một vú này đang đuổi đánh miền Nam cật lực. Tôi không lạ với những tin tức loại này, tôi càng không lạ với những huyền thoại mà cả hệ thống tuyên truyền Cộng sản đã thổi vào thôn quê, thành thị. Họ rỉ tai cho những người dân chất phác hiền lành, rồi một đồn mười, mười đồn trăm, có những tin đồn hết như truyện thần thoại. Những Kim Đồng, Sáu Đậu trong chiến tranh Pháp Việt, những Nguyễn văn Trỗi của chiến tranh hiện tại, đều láo toét hết. Có thể có Kim Đồng, Sáu Đậu, Nguyễn văn

Trối, nhưng truyện thực không xảy ra như thế, tất cả đã được bóp méo, đôi khi dựng đứng hẳn thành một nhân vật đầy hào quang, đầy chính khí. Nghĩ xa hơn một chút, cái giặc Cộng sản đã nguy rồi, nhưng cái giặc dốt nát cũng nguy hiểm không kém. Cứ ôn cố tri tân thì thấy, nếu dân trí thời Hồ Quý Ly sáng suốt hơn, chắc giai đoạn lịch sử đó phải viết lại. Nếu đám sĩ phu Bắc hà dưới thời Quang Trung mà hết lòng với Tây Sơn, chưa chắc gì Gia Long đã quang phục nổi. Không nói đâu xa, bài học Tết Mậu thân năm 68, rồi mùa hè năm 72, Việt cộng pháo không thương tiếc vào dân chạy loạn ở Đại lộ kinh hoàng, những bài học đó đâu có xa xôi lâu lắc cho cam, nó nóng hôi hổi, có nhà còn chưa hết đại tang, thế mà những huyền thoại kiểu bà già một vú này vẫn được loan truyền, thì đủ hiểu giặc dốt đôi khi tệ hại hơn cả Cộng sản.

Tôi không có hứng thú về những mẩu chuyện khởi đi không có thật, lại được loan truyền nhanh chóng bởi sự ngu muội nên sang nhà cô em út tôi cũng ở trong cư xá này. Nó chưa về, tôi không muốn về nhà. Tôi ghé một quán nhậu ở Cầu hàng, một cái quán nằm cạnh bờ sông. Kiểm một cái bàn sát ngay mé nước, gọi một chai bia cao, một đĩa đồ nhậu, tôi đọc ẩm trong ánh nắng mỗi lúc mỗi tàn. Còn gì mà không đọc ẩm, dăm thằng bạn thân, đang ngộp mặt với thân chết, đang đánh chí tử ở tuyến đầu Phan Rang, Long Khánh, Bình Tuy, đang bị bỏ rơi dần dần trong những vùng đất chết.

Đại úy Đàm Quang Thức Nhảy dù, em cô cậu với tôi bỏ xác ở Khánh dương (Cả chục năm sau này, khi đã sang Mỹ tôi nhận được tin ở nhà cho biết Thức còn sống, phải đi tù), Đại đội Trinh sát của Thức đoạn hậu cho Lữ đoàn, dường như không một ai dưới sự chỉ huy của Thức về được Sài Gòn. Cô tôi khóc sưng cả mắt. Cháu ruột tôi y sĩ Đại úy Nguyễn Đức Mạnh cũng Nhảy dù kẹt lại đâu đó ở Phan Rang. Y sĩ Trung úy Nguyễn Hồng Đức Biệt động quân, y sĩ Trung úy Vũ Dương Hoa Biệt động quân, y sĩ Trung Úy Nguyễn Mạnh Tiến Biệt động quân, cả ba bác sĩ này áng chừng mang nặng lời thề Hypocrate vừa tròn một năm, nên cũng như y sĩ Trung úy Huấn trong đơn vị tôi, và đã không một ai có mặt cạnh tôi giờ này. Nguyễn Hồng Đức, tên em nhỏ ngày nào trong cư xá, hăm hở từ biệt vợ có chửa, bụng vượt mặt lên đường ra Phan Rang. Tôi làm sao có thể bảo Đức nên ở nhà.

Một người em khác, Cao Xuân Huy Trung úy Thủy quân Lục chiến, chưa hết thương tích đã chống gậy ra Quảng Trị cách đây hơn một tháng. Lữ đoàn của Huy tan tác ở vùng hỏa tuyến. Những bạn văn của tôi, ở rải rác đủ bốn vùng chiến thuật và những binh sĩ cũ của tôi ở các quân khu, những người bạn thiếu thời, những cô bạn gái cũ: Thu, Thanh, Sơn ở Sài Gòn đều đã yên bề gia thất trước tôi, Thanh Tài và Hường ở Ban Mê Thuột, rồi những hình bóng cũ ở khắp nơi tôi đã đi qua, cùng những người tôi yêu mến. Tôi cầu nguyện cho họ và những người thân yêu của họ qua được cơn địa chấn này. Tia nắng cuối cùng lấp lánh trên con nước, sông Sài Gòn đục ngầu và đầy phù sa, con nước buổi chiều được nắng nham lên một màu vàng bệnh hoạn. Dòng nước lấp lánh như hàng triệu những tấm gương nhỏ, phản chiếu lên trời những ký hiệu S.O.S. Những ký hiệu mà các tàu biển chỉ gửi đi vào giây phút cuối trước khi chìm dần.

Tôi gọi nhà hàng một chút rượu đế, tôi rót rượu xuống lòng sông, gọi những men cay đắng này cho những người vừa nằm xuống ở khắp nơi trên giải đất khốn cùng này. Dấu cho ngã xuống ở Huế, Đà Nẵng, Qui Nhơn, Nha Trang, Pleiku, Ban Mê Thuột, Khánh dương. Dấu có chìm trong lòng biển ở Tiên Sa, Tuy Hoà, Bình Tuy, Phan thiết. Dấu nằm xuống trên bộ hay lịm dần trên tàu, ghe, xà lan, phải chăng tất cả đều nằm xuống cho miền đất này được kéo dài hơi thở. Họ nằm xuống những mong cơn địa chấn ngừng lại. Nhưng tôi biết chắc sẽ vô ích, cũng vô ích như chút rượu tôi đã rót xuống dòng nước này, sẽ mất tăm.



Bên kia sông lác đác đã lên đèn, bóng tối phủ dần những con tàu chiến nằm im lìm trong bến. Những con tàu hàng đen đũi yếu ớt phun một lớp khói lờ mờ đi trên mặt sông, khói tàu bị gió thổi ngã rạp trên boong. Vài chiếc đèn ngang đang đi những chuyến chót. Trời tối hơn nữa, làm nhà hàng Majestic nổi bật lên. Chính cái bến đó: hai mươi năm trước, tôi một học sinh năm đầu trung học, từ thành phố nhỏ Hải dương ngoài Bắc đặt chân xuống bến tàu, đặt chân xuống miền Nam, vào một buổi trưa giữa tháng 3-1955, đã ăn bữa cơm đầu ở miền Nam, ăn một món ăn xa lạ với người Bắc là thịt kho với trứng. Đã hai mươi năm qua, tôi đã hàng ngàn lần ăn lại món ăn này. Cậu bé ngỡ ngàng ngày xưa, kinh ngạc khi thấy người ta xé đôi tờ giấy một đồng thành hai cái năm cúc. Đã phì cười khi thấy người ta gọi xe ngựa là xe thổ mộ, gọi bao diêm là cái hộp quẹt, gọi cái tầy là cục gôm, gọi cái thìa là cái muỗng v.v... Ôi chao bao nhiêu là thích thú, ngạc nhiên, buồn cười. Hai mươi năm qua đi, cái hộp quẹt dần dần trở thành diêm quẹt, thìa, muỗng, chén, bát, tôi gọi làm sao cũng không còn buồn cười nữa. Chơi bi cũng thế, bắn đạn cũng vậy, cậu bé ngày xưa không bao giờ nghĩ đến việc kẻ Bắc, người Nam.

Tất nhiên sự phân biệt này vẫn có trong đầu óc của các người lớn tuổi. Dường như tôi đã thoải mái hơn khi làm quen với phụ nữ miền Nam. Các phụ nữ Bắc, phụ nữ Trung có những nét đáng yêu riêng của họ, song tôi yêu vô vàn cái hồn hậu, tự nhiên của phụ nữ miền Nam. Họ ít có mặc cảm giàu, nghèo, thành kiến Nam Bắc, cho dù họ là cô Lại, cô Lý, cô Năm, cô Ba ở các vườn tược trù phú của miền Nam, trên các ghe thuyền chi chít của Lục tỉnh, hay họ là Jacqueline Phấn, Cécile Trang, Marie Hoài của Sài Gòn, Cần Thơ, Sa Đéc, họ vẫn có chung một đặc tính là cởi mở, ân cần với người phương xa. Xin đừng một ai hiểu lầm sự ân cần, cởi mở này là dấu hiệu của bụng thả, dễ dãi.

Chính nơi đây, băng qua con nước này, dưới chân nhà hàng Majestic, tôi bước những bước đầu tiên trên miền Nam, tôi đã dần trải cả quãng đời thiếu niên, cái thời học sinh trung học ở thành phố Hòn ngọc Viễn đông này. Tôi đã lớn lên, đã chống đỡ cho sự thay đổi của bộ mặt thủ đô, cả cái xấu lẫn cái tốt trong mười hai năm dằng dặc. Tất cả rồi sẽ qua đi, tất cả rồi sẽ ngừng lại, tất cả rồi sẽ đổ vỡ.

Hỡi những ai vừa nằm xuống, xin nhận những giọt rượu tôi rót xuống bến sông này cùng với trái tim tôi, mà nhịp đập không còn theo cung bậc cũ.

Ngang qua một ngõ nhỏ, một em bé mặt mũi lem luốc mời gọi khách qua đường. Tôi còn biết làm gì hơn là tặc lưỡi lần theo ngõ tối.

Ngày N + 25, 1 giờ trưa

Mặt trận Xuân Lộc, Long Khánh đã khai diễn được bốn ngày, trên ba trận tuyến bao vây ba mặt tỉnh lỵ Long Khánh. Cộng quân nhảy vọt qua tuyến đầu Phan Rang, nơi tướng Nghi, tướng Sang lập phòng tuyến mới của miền Nam. Những người tin vào giải pháp trái độn cuồng cuồng lo sợ, những người có địa vị một chút, những người có máu mặt một chút, những người giàu sổi nhờ chiến tranh, những người sống bám vào những dịch vụ liên hệ tới quân đội đồng minh giống như những loài ký sinh trùng trong cơ thể con người, cũng như cả Sài Gòn chìm trong những ý nghĩ bỏ chạy, chủ bại. Tiền sự giá kinh hoàng, vàng và đô la Mỹ leo thang như hỏa tiễn.

\*

Ngày N + 26, 9 giờ sáng

Tướng Kỳ viếng thăm Tư lệnh quân đoàn III của tướng Toàn, ông Kỳ tuyên bố nhiều câu nầy lừa với các phóng viên báo chí tháp tùng chuyến thăm viếng này. Ông tuyên bố sẽ biến Sài Gòn thành một Stalingrad, và sẽ dùng vùng IV như một cứ điểm chống cự cuối cùng của miền Nam, và sẽ chiến đấu đến người chết. Đây là ông tướng đa diện nhất của miền Nam, xung quanh ông có đủ các loại người. Từ những chuyên gia chính trị, đến những ông thầy bói, thầy tướng, có cả những thủ lĩnh sinh viên xuống đường.

Xuất thân là một phi công vận tải, những tình cờ của lịch sử đẩy ông Kỳ vào những vị trí then chốt của miền Nam. Năm 1963, khi ông Diệm bị lật đổ, ông còn là Trung tá, năm 1966 ông thăng Thiếu tướng, dùng một cái ông là Thủ tướng. Nội các của ông được mệnh danh là nội các của dân nghèo. Ông lập pháp trường cát, bán chơi một anh lái gạo. Ông sang thăm Đài loan, nằng nặc đòi bay biểu diễn phi cơ phản lực, làm nước bạn sợ toát mồ hôi, ông sang thăm Thái lan, được các sinh viên của nước bạn làm hàng rào danh dự thả confetti hoan hô, ông liệng confetti trở lại các nữ sinh viên. Ông nhường ông Thiệu ứng cử Tổng thống, ông làm phó. Rồi ông phát phẫn khi bị ngồi chơi xơi nước.

Năm 1971, ông Kỳ định ứng cử tổng thống, hôm đi nạp đơn ứng cử tại quốc hội, ông kéo một phái đoàn nghênh ngang xuống đường y như đi tiến chiếm quốc hội. Dịp này ông đi một vòng bốn vùng chiến thuật vận động ứng cử. Tại Pleiku, trong một buổi nói chuyện với tất cả các đơn vị trưởng, ông nói với những người hiện diện: "Tôi đã trình bày với ông Thiệu là nước mình đang ở trong tình trạng chiến tranh, cần phải tiết kiệm, Tổng thống Thiệu và tôi sẽ làm gương trước cho mọi người, ăn một ngày hai bữa cơm rau. Chỉ mười phút sau, một Đại tá thuộc Sư đoàn 6 Không quân mời ông vào phi trường Củ Hanh dự tiệc. Ở đó người ta mở sâm banh, mặc ten hàng chục kết, người ta vật dê, mổ bò, bữa ăn trên quý đầy sơn hào hải vị. Ông Kỳ nổi tiếng về lời tuyên bố. "Trên ba mươi lăm tuổi là vất đi", không biết năm nay ông Kỳ bao nhiêu tuổi? Và tôi ngờ cho cái sự hiểu biết của bất cứ ai gần gũi ông Kỳ, nhất là những người định làm chuyện lớn với ông Kỳ, định đảo chánh, định cách mạng, định tử chiến.

\*

Ngày N + 26, 3 giờ chiều

Chính phủ Lon Nol của nước bạn Kampuchia chỉ còn kiểm soát được vùng đất duy nhất là thủ đô Nam Vang. Khmer đỏ hiện đang vây cứ điểm cuối cùng này. Kiều dân Mỹ ở đây đã di tản hết, thay vào đó là một đơn vị Thủy quân Lục chiến, tăng cường an ninh cho toà đại sứ Mỹ ở Nam Vang.

\*

Ngày N + 28, 10 giờ sáng

Áp lực của Cộng sản tại mặt trận Xuân lộc, Long Khánh ngày càng mạnh, Sư đoàn 18 Bộ binh, trực diện với ba sư đoàn địch, và đã chặn được cái đà vũ bão của Bắc quân. Hiện tượng hết như một ngọn đèn cạn dầu bùng lên phút chót trước khi tắt. Sư đoàn 18 chẳng những là một sư đoàn thành lập chưa lâu, lại do tướng Lê Minh Đảo chỉ huy, một tướng rất trẻ của miền Nam, chuyên giữ những chức vụ tham mưu và hành chánh, trước khi được bổ nhiệm chức vụ Tư lệnh Sư đoàn, Sư đoàn 18 đã rửa mặt cho quân lực miền Nam. Cộng sản với ba sư đoàn chính quy, không kể bọn địa phương, được tăng cường thiết giáp và đại pháo tới mức tối đa, đã tưởng sẽ quét Long Khánh trong một ngày, một giờ, nhưng đã khựng lại ở đó suốt một tuần lễ. Các đơn vị tác chiến của Sư đoàn 18, một chống ba, bốn, năm, có chỗ một chống mười. Trận chiến càng kéo dài, sức chống trả càng mãnh liệt. Sư đoàn 18 làm cho bọn phóng viên ngoại quốc vốn thiên vị phải sửng sờ kinh ngạc. Những người lính Bộ binh của miền Nam không còn đất để lùi. Họ đứng lại, tựa lưng vào nhau, tựa lưng vào các thân cây trong rừng cao su, giữ từng tấc đất, giữ từng ngôi nhà, từng nắm mộ còn sót lại của miền Nam. Sư đoàn 18 không biết còn chống trả được bao lâu khi vũ khí, đạn dược và binh sĩ đều không còn để bổ sung và thay thế.

\*

Ngày N + 29

Khmer đồ pháo không thương tiếc vào Nam Vang. Nhân viên Tòa đại sứ Mỹ ở đây đã di tản từ ba ngày trước. Diễn biến này cho người ta thấy rõ hơn bộ mặt thật của các đại cường, và bề bàng cho những quốc gia nhược tiểu. Lon Nol, Tổng thống được đặt lên bởi người Mỹ, được sự hỗ trợ của Nam Việt Nam đã được Mỹ bốc đi, với một số những nhân vật hàng đầu của Nam Vang. Nhân vật số hai của Nam Vang, Thủ tướng Sirik Matak, khi được Tòa đại sứ Mỹ mời lên trực thăng di tản đã từ chối, dấu biết rằng hành động đó giúp ông có một sợi dây treo trên cổ. Ông làm cho cả thế giới bàng hoàng, ông gửi lời cảm ơn nước Mỹ, cảm ơn Đại sứ Mỹ bằng những lời chua chát, đắng cay. Những lời nói này biểu hiện đúng mức nhất vị trí của những người yêu nước thật sự, trong những quốc gia đang bị giằng co bởi những ảnh hưởng quốc tế. Ông trả lời cho Gunther Dan, Đại sứ Mỹ ở Nam Vang bằng một lá thư, cũng nên nhắc lại nguyên văn phần chính lá thư này:

*"...Tôi chân thành cảm tạ ông Đại sứ đã nỗ lực giúp tôi đi tìm tự do. Tiếc rằng tôi không thể ra đi một cách hèn nhát như vậy. Đối với ngài, và đối với quốc gia vĩ đại mà ngài đại diện, tôi chưa hề nghĩ quý vị có ý tưởng bỏ rơi một dân tộc biết lựa chọn tự do. Quý vị khước từ bảo vệ chúng tôi, chúng tôi không thể làm gì khác hơn trước điều ấy. Ngài ra đi, chúng tôi chúc ngài và quý quốc mọi điều hạnh phúc dưới vòm trời.*

*Hãy nhớ rõ nếu tôi chết tại đây, tại xứ sở yêu dấu của tôi thì đó là một điều tồi tệ. Tôi đã mắc phải lỗi lầm, chỉ vì tôi đã tin ở người Mỹ. Xin ngài nhận nơi đây cảm nghĩ thân hữu và rất chân thành của tôi..."*

\*

Ngày N + 31, 3 giờ chiều

Mặt trận Phan Rang vỡ từ đêm hôm trước. Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi Tư lệnh mặt trận, Tướng Nguyễn Văn Sang Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân và một Đại tá Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn Nhảy Dù bị bắt sống. Cộng quân tràn qua phòng tuyến này ào đến tăng cường cho mặt trận Bình Tuy - Long Khánh, nơi những người lính của Sư đoàn 18 Bộ binh đang tả xung hữu đột với quân số đông gấp bốn lần của Cộng quân. Khắp miền Nam rúng động.

Cả Sài Gòn hốt hoảng, điên cuồng. Lác đác những biểu ngữ hoan hô chiến thắng của Sư đoàn 18 Bộ binh đã bị tháo xuống, vài nơi người ta treo lên những khẩu hiệu mới lừng lờ dễ giải thích như:

"Chỉ có hòa hợp, hòa giải dân tộc mới giải quyết được chiến tranh."

\*

Ngày N + 31, 5 giờ chiều

Sau cùng Nam Vang cũng đổ xuống, Khmer đỏ hoàn toàn làm chủ Kampuchia, Thủ tướng Sirik Matak bình tĩnh nạp mạng, thản nhiên đi thụ nhận sợi dây thừng Cộng sản dành cho ông.

\*

Ngày N + 31, 6 giờ chiều

Tướng Kỳ lại nói chuyện ở nhà thờ Tân Sa Châu, trước một cử tọa đông đảo, phần lớn là những giáo dân ngoài Bắc di cư vào Nam năm 54. Ông Kỳ trấn an mọi người bằng luận cứ: "Chạy đi Mỹ làm gì, ở đó đâu có cà pháo, mắm tôm. Uống sữa tươi không tốt, bị té re hoài." Ông quả quyết sẽ ở lại chiến đấu, cùng lắm là chết dưới tay người anh em bên kia. Ông cũng nói là ông đã đi quan sát vùng IV, đã nói chuyện với tướng Nguyễn Khoa Nam Tư lệnh vùng này. Ông nói mập mờ là sẽ nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử, dường như ông muốn thay ông Thiệu lãnh đạo trận chiến cuối cùng này.

\*

Ngày N + 32, 9 giờ 00 sáng

Một phần lực cơ của Không quân Việt Nam oanh tạc Dinh độc lập. Đài phát thanh của Mặt trận Giải phóng miền Nam rêu rao là binh sĩ miền Nam đã vùng lên chống Thiệu và bè lũ tay sai.

Buổi tối đài phát thanh Sài Gòn cho biết tin đích xác, đó là Đại úy Nguyễn Thành Trung, người được Việt cộng móc nối đã tiếp tay với Cộng sản, dùng một chiếc A37 của Không quân Việt Nam bỏ sót lại tại phi trường Phan Rang, bay về oanh kích dinh Tổng thống.

Cánh trái của dinh bị một trái bom hư hại nhẹ, nhưng gia đình ông Thiệu không một ai hề hấn gì. Bà Thiệu đang ở Luân Đôn mua bán đồ cổ, các con ông Thiệu hiện đang ở Âu châu, chỉ còn mình ông Thiệu hiện diện trong cái dinh cơ lớn nhất của miền Nam. Giờ đó muốn diệt ông Thiệu thì phải cần hai chục trái bom, phải cần mười chiếc bay hàng ngang thả cùng một lúc mười, hai mươi trái bom đánh sập cả cái dinh cơ đồ sộ. Một chiếc A37 thả hai trái bom nhỏ xíu đó thì nhằm nhò gì.

\*

Ngày N + 32, 10 giờ sáng

Sài Gòn mỗi lúc một giống Nam Vang. Các trục lộ chính dẫn đi các tỉnh đều bị địch quân quấy phá. Giao tranh lê tề xảy ra ở Biên Hoà, Long thành, Long An, Củ chi, vòng vây mỗi lúc mỗi chặt lại. Tin tức ở Nam Vang qua đài phát thanh BBC kinh hoàng hơn những truyện thần thoại của Dante viết về địa ngục. Tối nay tôi ngủ ở nhà một người bạn ở đầu đường Phan Thanh Giản, gần cầu xa lộ Biên Hoà. Ngôi nhà ba tầng này có một thời đã là nơi tụ họp cuối tuần của vài chục người, tuổi từ hai mươi tới ba mươi. Chúng tôi học tập ở đây, hội thảo ở đây, vẽ những ước mơ tương lai khi hòa bình trở lại. Chúng tôi chống giữ miền Nam tận tình.

Những anh em tôi đã chết rải rác từ Cổ thành Quảng Trị tới một cánh đồng heo hút ở Cao miên, từ cao nguyên Trung phần, tới miền đồng bằng duyên hải. Máu của anh em tôi đã đổ xuống phần đất này, đã thấm vào những mạch đất ở đây, dấu biết rằng chết cho một chính nghĩa không trọn vẹn, bởi miền Nam mỗi lúc mỗi ung thối, mỗi lúc sa chân sâu hơn trong vũng lầy tội tệ. Làm sao tôi quên được Hùng đã chết ở Quảng Trị, chết cùng một lúc với dân chúng ở thị xã này, vì bị bao vây lâu ngày thiếu lương thực và món ăn hàng đêm là đại pháo của Bắc quân. Chết vào lúc trên trang nhất của các báo đăng hình ảnh đám cưới con gái ông Thiệu, cô dâu phải bắc một cái ghế leo lên để cắt cái bánh cưới cao hai thước rưỡi. Cảnh đã chết ở Cao miên, chết tức tưởi trên một cánh đồng hiu quạnh, trong khi ở Sài Gòn, ông Thiệu đọc cử, ông Kỳ dọa đảo chánh, ông Minh đang chơi lan, và chung quanh đó những kẻ đón gió trở cờ xun xoe vằng vạ. Còn nhiều cảnh đời cay đắng thê lương hơn, nhưng chúng tôi vẫn tin vào tuổi trẻ của chúng tôi, vẫn tựa lưng vào nhau chiến đấu cho miền Nam, bởi tương lai không phải cứ chờ thời gian là có. Phải chiến đấu, phải lo kiến thiết cũng như muốn hòa bình phải sửa soạn chiến tranh.

Chính tại căn nhà này, anh em chúng tôi tụ họp quây quần, ra đi khắp bốn phương rồi lại trở về từ bốn phương. Mỗi tháng một đôi lần, anh em chúng tôi ngồi lại, có những người traten mạc ở xa như Cao Xuân Huy một năm có mặt đôi lần. Từ khi phải đổi lên vùng II, tôi cũng chỉ có mặt bất thường mỗi khi được về phép. Chính nơi đây chúng tôi bàn bạc, hoạch định, vẽ những mơ ước chờ bầu trời xanh trở lại. Những năm sau cùng, các buổi họp mỗi ngày mỗi vắng vẻ quạnh quẽ đi, traten chiến mỗi lúc mỗi khốc liệt, chúng tôi chiến đấu cho tương lai của miền Nam, và cay đắng chấp nhận hiện tại của miền Nam. Chính nơi đây khi Cảnh chết, trong không khí tưởng niệm trăm ngày, Văn hát cho anh em nghe một bài thơ phổ nhạc, kết bằng bốn câu:

*Anh em chiêu hồn người vì nước  
Ra đi không về muôn đời sau*

*Ngàn năm bóng xế với tiếng ca kinh cầu  
Cùng thương xót bóng anh về trời  
(Thơ và nhạc Chu Đắc Văn)*

Và cũng chính Chu Đắc Văn hát cho anh em nghe một bản khác, có một đoạn:

*...Ngày anh đi ánh trăng rời suốt đời hiu hắt  
Từ hôm nay những cánh tay bỗng xuôi ngàn năm  
Lời ca tôi xin là nơi tiếc thương mà thôi  
Biết bao giờ thôi, biết bao giờ nguôi u hoài  
Từ khi anh chết chim đã bay về trời  
Vùng mây kéo lê nỗi buồn kiếp nào thôi  
Thời gian ngóng trông xa hoài như ngày mai  
Tiếng người khóc  
Chìm theo bao ước mơ tuổi thơ đắm thắm  
Còn đâu ánh hương nồng bây giờ đã tan  
Như lòng thương nhớ cũng xa vô ngần  
Ngày anh đi đến phương trời, nơi chiều biên giới  
Ngày anh đi đến phương trời máu khô quê người ...*

Cũng chính nơi đây, trong một dịp khác, khóc một người anh em trẻ tuổi vừa tròn mười tám, chết đâu đó mất xác trong rừng Trường Sơn, Văn đã làm một bài nhạc khác: "Một bài ca cho người lính nhỏ". Tôi không thích bài hát này lắm, bởi cái không khí hơi phản chiến của nó. Nhưng làm sao có thể tránh những rung cảm nghệ sĩ, khi hiện tại đen tối như thế, khi người chết chẳng những là một chiến hữu, còn là người thân, còn có chung một chút huyết thống, dẫu không phải là anh em ruột, nhưng chia sẻ với nhau cay đắng ngọt bùi, thở với nhau một bầu khí oi nồng, sặc mùi tử khí. Và lại, những điều Văn viết ra tuy có hơi phản chiến, nhưng cũng khó có thể trách anh, vì thật sự chúng ta có những người lính quá trẻ, chết khi mà bản thân chưa hề biết đến thân thể đàn bà, còn nói chi tới quốc gia, dân tộc, tự do, no ấm... Tuy không thích nhưng tôi vẫn nhớ lời ca này, nó gọi lên những tình cảm riêng tư của chúng tôi với một người anh em chưa kịp biết yêu người khác phái:

*Con tôi người lính nhỏ  
Môi khô và mắt đỏ  
Tình yêu tổ quốc gây thơ  
Em tôi người lính nhỏ  
Vác súng còn hững hờ  
Nửa đêm buồn bắn vu vơ  
Con thương mẹ muốn về  
Em thương chị muốn về  
Kéo không người khóc dầm dề  
Không không mẹ khóc rồi  
Không không chị khóc rồi  
Mẹ khóc chị khóc sớm tối  
Mái tóc bạc không ngờ  
Đôi mắt mẹ phai mờ  
Chờ con dù chết xuống mồ  
Thương con còn thương hoài*

*Nhớ mãi và nhớ hoài*  
*Tình yêu mẹ lúc chào đời*  
(Nhạc và thơ Chu Đắc Văn)

Hôm nay, ngày 19-4-75, trên cái sân thượng căn nhà cũ, căn nhà chúng tôi đã vẽ biết bao nhiêu mơ ước cho cuộc đời mở cửa ở tương lai. Chúng tôi đề nghị ưu tiên cho ngành sư phạm, các em chúng tôi hễ xong tú tài ưu tiên thi ngành sư phạm, dẫu nghề giáo mỗi ngày mỗi mệt, nhưng chúng tôi cần những ông thầy. Chẳng những chỉ dạy chữ nghĩa, tính, toán, văn chương, khoa học, còn phải dạy cho học trò mình cái lòng yêu quê hương, do tổ tiên truyền lại. Chẳng phải chúng tôi đã đồng ý chấp nhận cái cay đắng, nghiệt ngã của hiện tại để mơ ước tới một tương lai hay sao? Các lớp người lãnh đạo ù lì, tay sai tôi tớ ngoại nhân nay đâu có sống lâu như ông Bành tổ được. Sẽ có lúc xuất hiện một lớp người mới, xây dựng lại những đổ vỡ này khi chiến cuộc tàn.

Đêm nay, cái sân thượng đột nhiên rộng mênh mông, tôi và anh bạn đứng nhìn bầu trời lấp lánh những vì sao, trăng của tháng tư sáng một màu sữa, huyền hoặc. Dưới bóng trăng, nương theo cơn gió nhẹ, tôi gửi lời cầu nguyện cho những Nguyễn Thế Tuấn, Chu Đắc Văn, Nguyễn Hồng Đức, Vũ Dương Hoa, Cao xuân Huy, Nguyễn Tự Lập, Trần Ngọc Nguyên, Nguyễn văn Tầm, Nguyễn Mạnh Tiến... Tôi cầu nguyện cho những người anh em ở Huế, Đà Lạt, Nha Trang, Cần thơ và ngay cả Sài Gòn này giữ được hơi thở trong trang lịch sử đen tối nhất của dân Việt.

Ngày N + 32, 9 giờ tối

Dời khỏi quân vụ thị trấn, tôi tạt vào Tiểu đoàn 6 Quân cảnh trong Biệt khu thủ đô, gặp đại úy Lương văn Nhật, tay thiện xạ số một của binh chủng, cũng là một bạn cũ. Nhật rủ tôi về ngủ ở Tiểu đoàn 6 với anh, anh nghĩ đến phút chót của Sài Gòn, cũng như tôi đã từng muốn mua bầy một đường gươm ở Tuy Hoà. Anh muốn tập hợp một số binh sĩ sử dụng lần chót tài nghệ của anh.

Tôi đã kinh nghiệm vụ này tới hai lần, một lần lúc dời Qui Nhơn và một lần lúc bị vây đánh ở Tuy Hoà. Những dự định, toan tính đó không bao giờ thành sự thật. Đối với những đơn vị quen tác chiến, họ có thể làm được, nhưng đối với binh chủng tôi thì nhiều lắm Nhật cũng lồi theo vào phút chót được dăm người, chẳng ích gì. Tôi trả lời ừ ào cho qua. Tôi biết thêm một chút về tin tức chiến sự ven đô thành. Lễ tế đó đây, Việt cộng đã xuất hiện ở Hóc môn, ở Cây da xà, ở Ngã năm Bình hòa. Sáng mai tôi muốn đi thăm những người chết. Sáng mai tôi muốn xuống nghĩa trang Gò Vấp, nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, và nghĩa trang quân đội trên xa lộ Biên Hoà.

\*

Ngày N + 33, 12 giờ trưa

Tôi ngồi dưới chân pho tượng "Tiếc thương" ngay cổng nghĩa trang quân đội. Những người lính kỷ luật lúc sinh thời, vẫn giữ được cái kỷ luật lúc chết, mộ chí của họ sắp hàng ngay ngắn, như đang tập hợp lúc sinh thời, mắt nhìn vào ót người đằng trước.

Dường như ở đây, họ còn thuần nhất hơn lúc sống, không có đồ đại lễ, không có huy

chương, không có sự phân biệt giữa những bộ đồ được o bế kỹ lưỡng, ủa hồ thẳng tắp và những bộ đồ tác chiến, rách toạt. Không có sự khác biệt của giàu nghèo, chẳng những thế, họ còn thuần nhất hơn cả lúc sống ở chỗ bây giờ không còn ai cao, ai thấp. Khi sống sắp hàng, những người cao đứng trước, thấp đứng sau, bây giờ mộ chí của họ cao bằng nhau, rộng bằng nhau, ai đến trước xếp hàng trước, ai đến sau xếp sau, cứ tuần tự theo thời gian, chứ không theo cấp bậc, chức vụ. Những người sống cố làm cho họ khác biệt hơn một chút, nơi những tấm bia, những bình hoa, những trang trí nơi phần mộ, nhưng đó chỉ là những tiểu dị trong cái đại đồng. Bây giờ nơi nghĩa trang này họ thật sự là huynh đệ chi binh, họ bình đẳng từ một vị tướng tới anh binh nhì. Nghĩa trang hoàn tất chưa đầy sáu năm, cũng đã mười lần tôi đến, tiễn đưa bằng hũu. Tôi đến mộ từng người, nhìn ảnh cũ, khuôn mặt xưa, thấp cho từng người không phải là những nén hương lòng tưởng nhớ, mà là những điều thuốc lá lúc sinh thời.

Những người bạn chắc chắn đã được thân nhân cúng kiến hoa quả rượu thịt, mấy ai nghĩ đến người chết nếu linh thiêng thêm một điều thuốc hơn một tô canh, một con gà, một mâm xôi, một nải chuối. Tiếc rằng tôi không mang được cả phê pha cho họ mỗi người một ly. Gió thổi từ bờ sông, từ ruộng đồng tạt vào mặt tôi toàn cát và bụi. Tôi đứng dậy, thấp mấy điều thuốc còn lại cho những ngôi mộ tôi không quen biết, những đầu điều thuốc thỉnh thoảng lóe lên. Trong năm ngày nữa, mười ngày nữa, có thể tôi sẽ cũng nằm xuống, nhưng chắc một điều tôi không có cơ hội được nằm ở đây, bên những đồng đội cũ. Và ngay chính họ đã yên nghỉ ở đây, trong một thời gian không lâu nữa, những kẻ chiến thắng sẽ nhân danh đủ thứ để lôi họ ra khỏi chỗ an nghỉ cuối cùng này.

Hẹn gặp các bạn cũ, và những bạn mới chưa từng quen. Hẹn gặp ở một nơi nào khác ngoài nghĩa trang này, có đáng gì mảnh đất linh thiêng này khi cả miền Nam sụp đổ, rồi đây pho tượng "Tiếc thương" cũng bị chúng cường bách lôi đi, cũng chẳng xá gì, bởi lẽ sau cùng cả địch, cả ta đều gặp nhau ở một thế giới khác.

\*

Ngày N + 33, 6 giờ chiều

Vừa đẩy cửa vào nhà, mẹ tôi mắng cho một chập: "Anh đi đâu mà đi biệt cả ngày lẫn đêm. Anh thật là một người vô tình, vợ con mắt tích mà đứng dưng như không có gì, tôi không ngờ anh bạc như thế". Tôi không cãi lại một lời, làm sao mẹ tôi có thể hiểu những đón đau, những phần nộ trong lòng tôi lúc này. Tôi không chỉ đau đón cho vợ con tôi. Tôi đã lớn lên ở miền Nam, tôi đã chống đỡ cho miền Nam và không phải miền đất này chỉ có vợ con, bố mẹ, anh em mà thôi. Ngay giờ đây tôi xót thương cả những người tôi ghét. Thiên tai sắp sửa chụp xuống cả phần đất này, cũng như đã chụp xuống cả miền Bắc hai mươi năm trước. Bóng tối đã ập tới đã làm tiêu mòn nửa dân tộc, chúng tôi chống đỡ cho miền Nam những mong có ngày, xé được màn đêm, mang được chút ánh nắng ấm áp của phương Nam ra ngoài Bắc. Nào ngờ bóng tối đi nhanh hơn, mạnh hơn, nó sắp sửa bao trùm toàn thể quốc gia, trọn vẹn dân tộc. Bọn lãnh đạo của miền Nam đang tháo gỡ cho chính gia đình chúng, đang vơ vét của cải, vàng bạc và ngay cả đồ cổ của quốc gia cũng được chúng thu gọn lại, chở ra nước ngoài làm của riêng.

Cha tôi can thiệp:



"Bà làm sao biết con nó không khổ đau, trông mặt anh ấy như chết rồi. Bà mặc con làm gì thì làm có được không? Nó có nhân tình, nhân nghĩa gì đâu? Ngay cả nó có vậy cũng chả sao".

Quay qua tôi, ông nói:

"Anh đi đâu thì đi, hàng ngày cũng nên tạt qua nhà một chút để mọi người yên tâm".

Mẹ tôi dọn cơm cho tôi, mắt mẹ tôi có những giọt lệ chưa ráo. Tôi không đói, nhưng cũng ráng ăn ba chén cho vừa ý mẹ tôi.

Bà cụ lần trong túi lấy ra được một tờ giấy hai chục đô la, đưa cho tôi và nói:

"Anh cầm lấy, lỡ có đi được ra nước ngoài thì cũng có cái tiêu. Mẹ chỉ còn có thế".

Tôi nuốt cơm, nuốt luôn cả những giọt nước mắt mặn mặn của chính mình.

\*

Ngày N + 34, 9 giờ sáng

Báo chí loan tin một buổi nói chuyện với quốc dân trên truyền hình của Tổng thống Thiệu hồi 7 giờ 30 tối nay. Hiện diện trong buổi nói chuyện này sẽ có Chủ tịch Lương viện, Thủ tướng Chính phủ, Nghị sĩ, Dân biểu...

\*

Ngày N + 34, 2 giờ chiều

Mỹ kim tăng giá từ một ngàn một đô la lên tới mười ngàn một đô la trong vòng một tuần lễ. Vàng cũng tăng giá tới nửa triệu một lượng. Xe hơi xuống với giá rẻ mạt.

\*

Ngày N + 34, 5 giờ chiều

Phan Nhật Nam ngồi uống bia, chửi đổng ở nhà hàng Thanh bạch. Định ghé vào ngồi với Nam một lúc rồi lại thôi. Ông nội Nam này cứ có vài chai bia là nhớ bạn cũ khóc mũi mẫn, tận tình. Bữa nay chai không xếp đầy mặt bàn, mà quái lạ không thấy bạn ta khóc. Mắt Nam long lên, đổ ngẫu, mấy người bạn ngồi cùng bàn với Nam làm lì không nói, nón đồ dất ở cầu vai áo trên.

\*

Ngày N + 34, 7 giờ tối

Cha tôi và tôi ngồi ở quán cà phê Năm Đường, đối diện với nhà tôi qua đường Trần Quốc Toản. Mọi khi giờ này quán không có một chỗ ngồi, những bác tài taxi, những bác phu xe phải đứng chờ tại quầy nhận ly cà phê, rồi đem thức uống của mình ra xe nhấm nháp. Hôm nay quán chỉ có lác đác vài người và cha con tôi. Ông cụ rủ tôi ra uống ly cà phê, cha tôi tuyệt không nói một câu nào về việc chạy ra nước ngoài hay ở lại. Nhưng gì định nói, ông cụ đã nói hôm tôi mới về tới Sài Gòn. Đã mười ngày nay ông cụ cầm nín, lặng lẽ ra vào, săn sóc tôi một cách kín đáo. Con đường Trần Quốc Toản hôm nay cũng vắng vẻ lạ thường. Tiếng cha tôi vang lên:

"Ngày đó phải để anh ở Cô nhi viện gần một năm, khi đón anh về cậu có một điều sai là chiều anh quá để bù lại những ngày anh phải thiệt thòi, khi sống xa nhà với những trẻ mồ côi khác. Đến khi anh đậu Trung học, bắt đầu đua đòi, cậu lại sai một lần nữa là nghiêm khắc quá đối với anh, cậu chỉ lo anh hư hỏng, lêu lổng. Cậu biết anh thông minh nhất trong năm anh em, đáng lẽ cậu phải hướng dẫn anh hơn là trừng phạt mỗi khi anh có lỗi. Năm anh học đệ nhị, có lần cậu xích chân anh vào chân bàn, có lần cậu cạo trọc đầu anh bắt quỳ ở cửa. Các anh hôm nay có được chút học hành vốn liếng là do mợ. Ngày cậu đi kháng chiến, nếu mẹ các anh như người ta thì bây giờ các anh đi đập xích lò hết. Do đó, ít khi cậu tranh cãi với mợ những chuyện trong nhà. Cậu chỉ muốn anh hoàn tất đại học, cứ đậu cử nhân, kỹ sư đi rồi muốn yêu nước, thương nòi gì cũng được, muốn văn chương, cách mạng gì cũng không sao. Đâu phải cậu không thích chuyện thay đổi, nhưng anh chưa có đầy đủ cái vốn liếng học thức thì chỉ lót đường cho người mà thôi."

"Ngày anh bỏ học đăng lính, cũng là ngày cậu buồn bã nhất, kể từ khi gia đình di cư vào Nam, vì cậu mong anh có được một tương lai rạch rỡ hơn các anh Phong, Lưu, Hoạ, Diệu. Anh thông minh, học một hiểu hai, muốn phục vụ xứ sở có nhiều cách hữu hiệu hơn hà tất cứ phải đi lính."

"Rồi cậu lại sai lầm một lần nữa, đáng lẽ cứ để anh ở Biệt động quân, hay vận động cho anh về Nhảy dù cho hợp với ước mong của anh, thì cậu lại vận động cho anh về Quân cảnh, muốn anh có chút điều kiện để hoàn tất cái học vấn nửa vời của anh. Chỉ vì bao nhiêu người cũng muốn như cậu, muốn con mình an thân, mà bây giờ kết cuộc thế thảm thế này."

"Anh tìm cách xuất ngoại đi, nếu không đi được thì nhớ những điều cậu đã nói hôm trước. Ai cũng chỉ một lần chết thôi. Chúng bắt được, anh sẽ chết nhục nhã, cay đắng. Phần chị ấy và các cháu cứ yên tâm, cậu sẽ tìm về đây. Nhớ kỹ những gì cậu vừa nói."

\*

Ngày N + 34, 7 giờ 30 tối

"Đù mẹ thằng chả, muốn chạy làng hả? Đù mẹ thằng chó đẻ"

Cha tôi quay lại, một bác tài xế taxi, mắt hướng về cái TV của tiệm cà phê Năm Đường:

ông Thiệu đã bắt đầu nói chuyện với quốc dân trên làn sóng truyền hình. Tôi đứng dậy đi trả tiền xong trở về chỗ ngồi.

"Đi về xem ông Thiệu nói gì đi anh".

\*

Ngày N + 34, 8 giờ 00 tối

Bữa nay ông Thiệu trông đẹp trai hơn mọi khi, trên làn sóng truyền hình, suốt một tiếng đồng hồ liền, ông Thiệu công kích thái độ của người Mỹ, ông lên án Mỹ phản bội, xé bỏ mọi cam kết với Việt Nam Cộng hòa, dồn quân đội và nhân dân miền Nam vào chỗ chết trước cuộc xâm lăng của Cộng sản Bắc Việt. Trong phần lên án thái độ của người Mỹ, loáng thoáng tôi nghe được những câu:

"Tôi đã nói với người Mỹ là máu xương thì Nam Việt Nam không thiếu, chúng tôi chỉ thiếu quân viện, vũ khí, đạn dược... Trong lúc Bắc Việt nhận hai tỷ Mỹ kim của Nga và Trung cộng, thì Nam Việt Nam bị bó tay bởi ba trăm triệu viện trợ nhân đạo và viện trợ kinh tế.

Ông Thiệu khóc khi xin từ chức, ông xác định ông xin từ chức thì quân đội có thêm một người nữa.

"Tiên sư thằng chó đẻ".

Cả đời tôi chưa bao giờ nghe cha tôi chửi thề, văng tục trước mặt con cái. Đây hẳn là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi nghe một lời thô tục từ cha tôi, ông tiếp:

"Đúng là một bọn phường tuồng, một bày chó đẻ".

\*

Ngày N + 34, 11 giờ 30 tối

Tối nay tôi ngủ ở nhà, trên cái chỗ tôi đã nằm mười lăm, hai mươi năm trước. Vẫn là cái giường sắt bệnh viện của quân đội Pháp để lại, cha tôi đã mua ở đâu đó trong đồng đồ lạc xoong khi mới vào Nam. Đây là mái nhà tôi từ khi tôi còn là một cậu học sinh nghịch ngợm phá phách nhất của cái cư xá công chức này.

Chính cái giường này tôi đã nằm xấp nhận cả ngàn roi đòn vào đít, hai cây trứng cá ngoài kia là lối ra duy nhất của tôi hàng đêm, cứ mười giờ tối khi lên giường cha tôi khóa cửa lại, ông muốn ngăn tôi đi chơi đêm, và cứ mười giờ rưỡi khi cha tôi đã ngủ đều, tôi leo lên mái nhà sau, trườn ra cây trứng cá đằng trước, êm như một con mèo. Tôi vốn là thủ lĩnh của mấy tên sần sần một lứa với tôi trong cư xá, những Nguyễn Tiến Linh, Nguyễn Tự Lập, Nguyễn Hồng Đức, Nguyễn Thành Quan, Nguyễn Ngọc Huân... đang chờ tôi đi trừng phạt những nhà nào đã chửi bới chúng tôi vì lỡ đá banh vào nhà họ, chơi u lờ đụng vào con cái họ. Chúng tôi lớn lên như thế, tuần tự năm một chúng tôi

rời trung học, trở thành những người hữu dụng của miền Nam. Có người đã thành bác sĩ như Đức, tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh như Lập, Huân và dở nhất như tôi, Linh, Quan đều trở thành những sĩ quan của Việt Nam Cộng hòa. Đây là mái nhà tôi mà sao hôm nay xa lạ dị thường. Tôi không thể nào ngủ nổi, âm hưởng bài diễn văn của ông Thiệu làm tôi bàng hoàng. Có thể nào như thế được chẳng?

"Tôi đã nói với người Mỹ là máu xương miền Nam chúng tôi không thiếu, chúng tôi chỉ thiếu quân viện, thiếu vũ khí đạn dược..."

Hãy hỏi ông Thiệu, ông Khiêm, ông Kỳ, ông Viên, khi các ông chưa lãnh đạo miền Nam, gia sản các ông có những gì? Và bây giờ các ông có những gì? Chúng ta đâu có thiếu quân viện nếu chúng ta biết sử dụng quân viện đúng mức, thì bây giờ chúng ta cũng vẫn cầm cự được một thời gian. Lãnh đạo một quốc gia đâu có phải là việc làm của từng ngày. Ngay từ lúc phải vào hội nghị ở Paris, ngay từ lúc phải cãi cọ về vụ bàn tròn, bàn vuông, về vị trí của từng phái đoàn, về cách phát biểu của mỗi phe là đã phải tính đến lúc mình phải đơn độc chống trả với đối phương. Lời của ông Thiệu mỗi lúc mỗi làm buốt giá đầu óc. Phải, chúng tôi đâu có thiếu máu xương, chúng tôi có nhiều máu xương nữa là khác, và ông Thiệu chẳng bao giờ tiếc món hàng rẻ mạt này. Ông Thiệu, ông Kỳ, ông Khiêm, ông Viên và nhiều "danh tướng" nữa, đã đem máu của người miền Nam rải đầy trên đồi núi, trên ruộng đồng, trên sông rạch. Máu mà tiết kiệm làm gì? Phải bán cho hết đạn đại bác 105 ly để bà Khiêm có vỏ đạn bằng đồng bán cho Nhật bản, phải giữ cho được những lăng tẩm cũ của miền Nam, để cho bà Thiệu thu thập được các đồ cổ của tiền nhân, máu phải đổ ra chan hòa cho xứng tài danh tướng vừa có văn vừa có võ của ông Viên, ông ở trên chóp của cái thang quân đội, ông đứng giữa những tranh chấp chính trị, ông Viên là người thanh liêm, nhưng bà Viên thì sao? Bà có đỡ đầu cho đàn em cật ruột của bà không? Có đứa nào thậm thụt cửa sau tư dinh không?

Cả thành phố Sài Gòn như muốn co nhỏ lại. Tôi mở cửa, ra ngồi dưới tàn cây trứng cá như ngày nào thơ ấu, nghe những tiếng đại bác bắn đi từ Phú lâm âm ỉ vọng về. Tôi nhìn những con chuột thành phố, những con chó vô chủ, những con mèo hoang thơ thẩn ăn đêm. Năm nay tôi ba mươi hai tuổi, đúng hai mươi năm có mặt ở phần đất này, có mười hai năm phí hoài tuổi trẻ, mười hai năm đóng góp rất nhiều mồ hôi, rất nhiều tâm trí. Có thể tôi chưa hề làm cho quân đội được đẹp thêm, nhưng chắc chắn tôi không bao giờ làm cho nó xấu đi. Những năm lặn đạn với gần hai mươi ngàn tù binh ở Phú Quốc, rồi gần một năm lao đao ở trại tù binh Biên Hoà, ở đây tôi không lao đao với tù binh mà lao đao với anh Chỉ huy trưởng được binh sĩ gọi trại cái tên tiếng Hán có nghĩa là "Ngựa sanh Rùa", thành tiếng Việt là Ma Sanh Quĩ. Kiểm điểm lại mười hai năm quân ngũ, đủ bốn vùng chiến thuật, mười bốn thành phố, một hải đảo, ở đâu đâu tôi cũng chỉ gặp những phiền muộn nã nề, cay đắng, ê chề, nhục nhã. Làm sao mà không ra nông nổi này khi suốt mười hai năm, tôi chưa bao giờ gặp một cấp chỉ huy tôi tâm phục, khẩu phục.

Quân đội là một tập thể vĩ đại, thế mà trong binh chủng tôi, cái binh chủng lo về quân phong, quân kỷ và tư pháp cho quân đội, giềng mối cho sức mạnh của toàn quân, cũng không thiếu gì những con người ăn bẩn. Đầu mỗi kỷ luật là sức mạnh của quân đội nằm trong tay binh chủng tôi, tôi đau buồn và nhận rằng trong mười hai năm vừa qua, tôi gặp được đúng ba vị có đức độ xứng đáng là cấp chỉ huy tốt. Tiếc thay đức độ không chưa đủ trong trận chiến này.

Do đó máu thì chúng tôi không thiếu. Hỡi những "danh tướng" của miền Nam, các ông

Thiệu, Khiêm, Kỳ, Viên, Quang, Toàn... và nhiều danh tướng khác nữa. Các ông có bao giờ biết đến câu: "Nhất tướng công thành vạn cốt khô". Các ông để ý đến chuyện vật này làm gì? Vả lại các ông đâu có... công thành, các ông thủ thành thôi. Bởi vì thủ thành nên mười năm qua triệu cốt khô rồi. Và thành vỡ các ông chỉ cốt giữ mạng mình, nhà cửa, dinh thự... Mồ mả ông cha không thể mang đi, các ông bỏ lại. Các ông đã có nhà cửa ở nơi khác đẹp đẽ hơn, hành lý các ông gọn lỏm, cũng chẳng thèm đóng tuồng mang theo một cục đất quê hương như tướng Khánh ngày nào. Ông Thiệu tuyên bố từ chức và quân đội sẽ có thêm một tay súng nữa, một "danh tướng" nữa. Còn những "danh tướng" khác thì sao? Những ông được báo chí một thời ca tụng là tướng sạch như ông Thắng, ông Chinh, ông Trường đâu? Đàn em tướng Toàn đã giúp tướng Hiếu, một trong vài tướng sạch thật sự của miền Nam đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tướng Phú hiện nằm bệnh viện, nhưng các ông Thắng, Chinh, Khang, Trường đâu? Phải xuất hiện vào lúc này để cứu vãn phần nào sự tan vỡ của quân đội. Các ông đâu có phải là úy là tá, các ông là những ông tướng, quân đội đâu có bạc đãi cũng đã là tướng. Bạc đãi gì, ông Khang là trung tá năm 63, năm 67 đâu có bớt quyền uy cũng là trung tướng, sao để cho mình ông Kỳ bốn ba quá thể. Ông Kỳ là ông tướng nói chứ không làm, đâu có lì bằng ông Thiệu, đâu có tham bằng ông Quang, đâu có những bằng ông Toàn.

Tôi thiếp đi, máu xương thì miền Nam đâu có thiếu, máu xương thì miền Nam đâu có thiếu, tôi thiếp đi và trong giấc ngủ, tôi biết là tôi mơ thấy ông Thủ tướng Sirik Matak của Cao miên bị treo cổ. Ông đã thản nhiên thụ nhận sợi dây oan nghiệt cho lỗi lầm tin vào người Mỹ của ông.

\*

Ngày N + 35, 10 giờ sáng

Gặp Hải quân Thiếu tá Nguyễn Trường Yên, một bạn học thuở xưa, anh là hạm trưởng chiếc HQ8, tàu của anh hiện đang neo ở Sài Gòn. Tôi hỏi Yên trong trường hợp cuối cùng có xuất ngoại không? Yên cười buồn bã, anh cho tôi biết, dĩ nhiên anh muốn đi và sẽ đi, vấn đề ở chỗ không biết lúc nào. Tôi ngó ý với anh về cảnh ngộ tôi. Yên cho tôi biết tàu có thể chở vài trăm người, nhưng lúc này chưa thể làm gì, ngay cả toàn gia nhà anh, ông cụ, bà cụ cũng không thể lên tàu lúc này. Yên vẫn giữ được cung cách chỉ huy của anh khi nói:

"Hễ cứ còn chỉ huy, còn lệnh lạc, còn người chiến đấu thì tao còn ở lại. Tao nói thật với mày, mấy ông anh tao ông nào cũng đòi đưa vợ con lên tàu trước, mày biết tao mười anh em, tám người đã yên bề gia thất. Tao đâu có thể đưa cả đại đội toàn gia lên tàu. Mà nào phải chỉ có vợ con các ông ấy không mà thôi? Ông nào cũng có cả một hệ thống nhà vợ nữa. Tao có tàu trong tay, đủ chỗ để đưa cả đại gia đình, nhưng không phải là lúc này, hễ còn người trước mặt, còn đánh, còn bắn, tao còn ở lại.

Tao đã đón mấy ông ở Sư đoàn 3 chạy về, nhục không thể tưởng được. Mày nhớ ông tướng Nguyễn Duy Hình không? Hồi ông còn thiếu tá ở gần nhà thằng Hải đó, bây giờ ông làm Tư lệnh Sư đoàn 3. Lúc miền Trung tan hàng, ông dọt được lên tàu tao với một số tòng vong. Trông ông như người hết hồn, thờ thẩn. Mẹ kiếp không biết lúc ông đi duyệt hàng quân ra sao, chứ lúc lên tàu tao trông phát nản. Mày chạy đường bộ mấy quả như thế mà mò về được tới đây, chắc mày cũng phải tởm lảm. Có bỏ lính chạy lấy mạng không? Nói chơi thôi, lính của mày mà đánh chác cái gì, lính của tao cũng vậy.

Tao gặp thằng Hải chồng con Hợi em mày, nó thuật lại chuyện mày chạy từ Pleiku về Tuy Hoà, rồi lại ngược ra Qui Nhơn chạy tới Phú Quốc, đôn đáo, nhanh nhẹn thế mà còn mất cả vợ con. Yên tâm đi ma gà, tao có tàu trong tay. Mỗi chiều về nhà ăn cơm để vợ con yên trí. Mày gặp tao mỗi ngày, sáu giờ chiều, có gì thì dọt theo tao..."

"Này mày có con đào nào ở đây không? Đi từ già nó đi, vui thú với nhau đi, nếu không có thì xuống xóm đi. Leo được lên tàu tao rồi thì bước chân đi cấm kỳ trở lại. Ông đi Mỹ rồi, chán lắm, nản lắm. Đù mẹ đánh nhau thực mạng mấy chục năm, anh dũng như thế, hùng tráng như thế, đùng một cái đù đánh chác gì, chỉ có chạy thực mạng, lộn lạo cái con c..."

"Nói thật mày nghe hôm anh Thiệu lên TV từ chức, tao ở trên tàu, ngay lúc đó tao cáu quá. Giá có cái bản đồ thủ đô Sài Gòn, ông điên lên, ông quay đại bác bắn lên bờ, căn tọa độ kỹ càng, ông nã mẹ nó vài phát rồi ông chạy. Nhưng nghĩ lại, còn vợ con, còn bố mẹ, vả lại thằng pilot chó đẻ nằm vùng Nguyễn Thành Trung đó để hai quả bom, chắc vừa bay vừa run nên bỏ trúng sân thôi. Lại nữa vợ con nó dọt trước, đang bán đồ ở Luân đôn, đang du hí ở Âu châu, ông muốn bắn một phát chết cả nhà nó. Cái dinh to quá, phải cần chục khẩu đại bác, khai hỏa một lần, tàu của ông có mỗi khẩu, bắn được hai phát là nó muốn khuyu rồi, tàu cũ phế thải của Mỹ mà, làm ăn gì được. Nói tóm lại là cậu Thiệu cao số. Đù mẹ thằng đó chắc trước kia tổ tiên nó là Chàm, nên bây giờ nó báo oán dân Việt."

\*

Ngày N + 35, 4 giờ chiều

Tòa đại sứ Mỹ, phi trường Tân Sơn Nhất đầy người xin đi tị nạn. Trên trang nhất các nhật báo, hình ảnh của các Camp city ở Guam, ở Wake, cũng như hình ảnh của những người châu chực chen lấn ở các cơ sở Mỹ. Giá có thi sĩ Trần Dần ở đây, ông sẽ làm được bài thơ cả ngàn câu về cảnh này. Nó thể lương, âm đạm hơn cả trăm lần đạo di cư 54. Dấu sao năm 54, có bỏ xứ Bắc mà đi vào trong Nam vẫn còn trong đất nước của mình. Bây giờ là biệt xứ.

Nhớ tới một đoạn thơ xuôi tôi làm mười năm trước:

*...Trời thu đất Bắc dâng sầu.*

*Anh mười tuổi nhỏ, cấp bị xuống tàu thật to hoan hỉ. Lại thắc mắc: mắt người lớn sao bỗng dựng đồ lệ?*

*Sao bỗng dựng đương vui mừng hơn hờ, tiếng còi tàu rẽ sóng ra khơi, mắt nhỏ anh dâng triệu triệu lớp buồn.*

*Ngày trở lại, chắc không còn mùa thu sầu úa, chắc không phải ngày đông tàn lụi, nắng hạ cháy da.*

*Ngày đó hẳn là mùa xuân có hoa lá thắm màu chim chóc hót líu lo ngoài nội.*

(Mặt trời lên, nhà xuất bản "Đại Nam văn hiến 1967")

Khi tôi làm bài thơ này, tôi đã ở quân đội hai năm, mơ một ngày trở lại đất Bắc vào một mùa xuân dân tộc, có hoa lá chim chóc vang lừng. Nào ngờ mười năm sau, kết quả trái ngược, Bắc quân vào đây, và cả dân tộc chìm trong mùa đông tang tóc.

\*

Ngày N + 35, 6 giờ chiều

Yên nói đúng, tôi đã thăm người sống, đã viếng người chết rồi, bây giờ phải xuống xóm. Phải đi thăm các chị em ta. Một mai khi phần đất này đổi chủ, hàng vạn chị em ta sẽ như chim vỡ tổ.

Ông Diệm thật sai lầm khi quyết định bài trừ nạn mại dâm. Vấn đề không phải là bài trừ, bởi vì không thể nào bài trừ được, chỉ có thể kiểm soát để bảo đảm, ngăn ngừa bệnh tật. Có tới một triệu quân dưới cờ, trong đó phải có vài trăm ngàn trụ chưa có vợ hoặc xa nhà. Cấm mại dâm thì sẽ có hiếp dâm. Mẹ kiếp, có cậu Đại tá Tỉnh trưởng còn bị tố cáo là hiếp dâm vợ con binh sĩ, mấy cô giáo cô thế. Thật là tên làm sao thì bào hao làm sao, đúng là loại ngựa để ra người thì mới có thể hành động như thế đối với thuộc hạ của mình. Làm sao mà không mất nước, làm sao mà không tan nhà, có phải không ông "Quế tướng công"? Có phải không người "anh cả Trường Sơn", người đã lập một "trung tâm dưỡng quân" ngày nào trên đất Pleiku. Không biết ai đặt cho cái "sở điểm" của Quân đoàn 2 bằng một cái tên hay ho như thế, văn chương tao nhã như thế. Tôi nghĩ ông Vĩnh Lộc có lý trong ý định thành lập "trung tâm dưỡng quân", nhưng sai lầm khi bắt Quân cảnh của đơn vị tôi canh gác trung tâm này. Đi giải quyết vụ đó, mà có mấy anh Quân cảnh dòm lom lom thì "lên" thế nào nổi. Rõ ràng là đơn vị tôi bị ép, nhất là tôi chưa vợ mà đi giải quyết vụ đó, gặp mấy cậu lính trong đơn vị chạy ra chào, cười cười thì... Trung úy đành nhịn.

\*

Ngày N + 36, 7 giờ tối

Có tin đồn ông Thiệu muốn tâu tán toàn thể số vàng dự trữ của quốc gia. Chuyến bay bị hủy bỏ, nghe đâu tới 16 tấn vàng, không lấy ra khỏi ngân hàng được, vì bị phó thủ tướng đặc trách kinh tế Nguyễn văn Hảo chặn lại. E rằng lời hứa của ông Thiệu: "Tôi từ chức thì quân đội có thêm một người nữa" lại cũng cuội mà thôi. Bà Thiệu đã tâu tán được bao nhiêu đồ cổ rồi, bây giờ ông Thiệu muốn gom một mớ nữa. Cú này ông chơi trội, ông mang vàng của cả nước đi, ông bán máu suốt tám năm làm Tổng thống, bà Thiệu lại phúc hậu, đâu có biết buôn bán như bà Khiêm.

Ông bạn làm Tổng thống, giao cái vụ vàng trắng, vàng đen cho tướng Quang, giao vụ gạo, thuốc trụ sinh cho tướng Nghi, bà Thiệu thì chỉ được các anh Tỉnh trưởng đàn em, biểu cái gì cầm cái ấy, đâu có kế hoạch như bà Khiêm, đâu có giang sơn một cõi như bà Viên. Ông bán máu xương, vàng đen, vàng trắng vát vãi mãi mới có số vàng gửi trong ngân khố, đó là tài sản của công ty "danh tướng Nguyễn văn Thiệu, Đặng văn Quang", bây giờ ông mang đi. Nhiều ngày nay loan truyền trong dân chúng một bài diễn văn đọc nhạt theo giọng ông Thiệu: *"Đất nước còn tôi ở Sài Gòn, đất nước lâm nguy tôi ra Phước tuy, đất nước mất tôi lên đệ thất hạm đội. Máu là của đồng bào, xương là của chiến sĩ, nhưng Đù mẹ vàng là của tôi..."*

Hèn nào, mấy năm ngồi chơi xơi nước, ông Kỳ cái kính đến thế.

\*

Ngày N + 38, 10 giờ sáng

Lập trường của Cộng sản là không chiu nói chuyện với ông Thiệu. Ông Thiệu đã từ chức, đã cút thì bọn chúng cũng lại trở mặt, không chịu đối thoại với ông Hương. Chúng tuyên bố trên đài phát thanh: ông Hương với ông Thiệu không khác gì nhau. Chúng muốn nói chuyện với thành phần thứ ba như ông Minh Cờ chẳng hạn. Những người tự nhận là thành phần ở giữa nặng xì cả lên, mặt mũi tự nhiên quan trọng hẳn ra. Nhà hát lớn, chỗ trước kia các đại diện của dân miền Nam, nhộn nhịp ra vào, các dân biểu "gia nô" và "đối lập cuội" trước kia gặt đầu trước tất cả mọi điều ông Thiệu và ông Khiêm muốn, bây giờ lệ làng đón gió gặt đầu trước tất cả cái gì Việt cộng muốn. Chưa chi đã có chủ mới ngay được, tài thật. Tất nhiên một số cậu đã cao bay xa chạy, đã chuồn từ cả tháng trước. Chính cái bọn vận động cho ông Thiệu qua mùa độc cử năm 71, chính cái bọn a tòng sửa hiến pháp bằng một tu chính án, cho ông Thiệu được thêm một nhiệm kỳ nữa, chính cái bọn đó đang vận động ép ông Hương trao quyền cho ông "Minh Cờ"

\*

Ngày N + 38, 3 giờ chiều

Cộng quân mở một mặt trận mới tấn công vào Long Thành và Phước tuy. Nhờ sự chiến đấu dữ dội của Nhảy dù, Thủy quân Lục chiến và Thiết giáp, đường Sài Gòn Vũng tàu vẫn còn giao thông được. Họ sẽ giữ được trục lộ này tới bao giờ?

\*

Ngày N + 38, 7 giờ tối

Trường Võ bị Quốc gia Đà Lạt đã dời về Long Thành. Lễ mãn khóa diễn ra trong một bầu không khí u uất, ở một doanh trại điều tàn của Mỹ để lại. Những sinh viên sĩ quan của hai khóa chót ra trường cùng một lúc. Họ giống như những trái cây bị ép non, có một lớp vỏ ngoài đẹp đẽ của những trái chín, nhưng lớp ruột bên trong còn sượng, chưa đủ già. Họ đã mặc đồ đại lễ tiến ra mặt trận. Mặt trận đâu có xa xôi gì, nó lờn vờn ngay ngưỡng cửa Long Thành, và cách cổng quân trường chưa đầy một cây số.

\*

Ngày N + 38, 8 giờ 30 tối



Không biết phải làm gì cho hết những giây phút ngột ngạt, khó chịu, hết ra lại vào, ngay cả ba đứa nhỏ con anh Tư tôi dường như cũng bị lây sự lo sợ của người lớn, ra vào khép nép. Cha tôi bình thản lạ thường, mẹ tôi bồn chồn, nóng nảy, bà cụ lấy cổ bài tổ tôm ra, bày trận phá hoại, lần nào cũng bí.

Tôi thưa với cha tôi về việc có tàu Hải quân do Yên chỉ huy đậu bến Sài Gòn, tôi có thể đi vào phút chót với Yên. Tôi nói với cha tôi:

"Các anh chị con, ai cũng đông con. Anh Phong bốn, anh Lưu sáu, anh Hoạt tám, anh Diệu bốn, chị Hiền ba, cô Hợi một, cô Nga ba, kể cả người lớn, nhân số toàn gia gần năm mươi người, vả lại, con không biết ý kiến các anh chị đi hay ở thế nào. Nhà con đã kẹt ở Cam Ranh, hay cậu mợ đi với con".

"Cậu mợ già rồi, chỉ quần chân anh thôi. Vả lại chắc gì đi được. Hơn thế nữa, bỏ con cháu ở đây, phiêu lưu tới một xứ sở xa lạ không ích gì. Anh đi một mình, bàn với anh Diệu coi. Anh ấy là sĩ quan Cảnh Sát, cũng cần thoát hiểm như anh. Cậu muốn ở lại đây, chôn ở đây. Anh không cần bận tâm. Anh liên lạc với anh Yên chặt chẽ, đừng ham chơi, chán nản. Nếu ra được nước ngoài anh rán học hành lại, cậu chết cũng mãn nguyện. Biết đâu trời còn thương, có ngày quay về sử dụng được cái sở học nơi xứ người".

"Con làm nhà trên Đà Lạt, những mong có ngày vợ con hầu hạ cậu mợ khi tuổi hạc đã cao, con biết đã làm cậu thất vọng nhiều. Cơ sự như thế này, con định mời cậu mợ đi sang Mỹ với con".

"Anh lẩn rồi, cậu đi làm gì? Cậu biết lòng anh là đủ. Ngày vợ chồng anh làm nhà trên Đà Lạt, tuy anh chưa nói ra, cậu cũng biết bụng anh muốn phụng dưỡng cậu mợ. Trời đã an bài, số cậu vất vả lúc già, không được hưởng chút an nhàn. Cưỡng lại vô ích. Sang Mỹ rồi cũng chết vì nhớ thương con cháu, có khi lại còn chết sớm hơn là đằng khác. Vả lại đa thọ là đa nhục. Bọn chúng vô đây, nếu sống được cậu hưởng thêm tuổi trời vài năm nữa. Cậu đã sáu lăm gần thất thập cổ lai hy rồi. Còn nếu không thể sống được với chúng thì chỉ một cái tặc lưỡi là xong. Anh đi một mình. Cần nhất là phải tiếp tục việc học bỏ dở của anh. Cậu tiếc cho anh lắm, cậu tiếc cái thông minh của anh, anh không có được cái chí của anh Phong, của chú Bảy. Anh mà có chí bằng nửa chú Bảy thôi, anh sẽ hơn người".

"Hay là con mai danh ẩn tích ở lại đây. Sài Gòn đông tới hai, ba triệu người, chúng không thể kiểm soát hết được. Con cũng không muốn bỏ nhà con với hai đứa nhỏ ở lơ vơ".

"Anh lại nghĩ quẩn rồi. Anh phải đi, nếu sau này bọn chúng có tử tế, mình vẫn tìm cách để xum họp được. Miễn là còn người và có lòng chung thủy thôi. Anh Yên là bạn như thế nào với anh? Sao cậu chưa bao giờ nghe anh nhắc tới tên?"

"Dạ, Yên bạn học với Hải chồng của cô Hợi, anh ấy mơ làm hạm trưởng Hải quân từ ngày còn học trung học. Mong của Yên như vậy kể như đạt được một nửa. Thành thạo hẳn mới đi chơi với con. Chắc cậu không biết Yên đâu, ông cụ của Yên hồi xưa có đạo làm Trưởng ty công an ở Hải Phòng".

"Như vậy cậu biết ông cụ anh ấy. Dường như ông cụ tên là Nguyễn Trường Cửu thì phải? Nếu đi được thì liên lạc với thằng Nguyên con anh Lưu ở bên Úc, hai chú cháu

anh ở chung được với nhau thì càng tốt. Thành bé ở bên ấy chắc cũng đang sốt ruột lo cho gia đình. Nếu không được qua Úc với cháu, cũng chịu khó liên lạc với nhau. Nó lớn nhất nhà, song tính nết hơi yếu đuối, không được như mấy thằng em nó, hay thằng Sĩ con anh Phong. Thành đó tính hiếu thảo, cả nể, không biết sau này có bị vợ ăn hiếp không? Anh có điều gì căn dặn cậu không?"

"Con xa nhà đã lâu, lần này chắc là biệt vô âm tín, lang thang nơi quê người. Con cầu xin ông bà tổ tiên phù trợ cậu mợ lúc nào cũng mạnh khỏe, bọn chúng vô đây, chắc không một ai có thể nhả nhả được. Con chỉ cầu mong cậu mợ khỏe mạnh, vui vẻ. Con chỉ mong có bấy nhiêu thôi. Cậu có nhắn gì cháu Nguyên không."

"Anh nói cho cháu biết, ông nội lúc nào cũng thương nhớ đưa cháu du học phương xa. Dặn nó nhớ những điều ông nội nhắn nhủ trước khi lên phi cơ xuất ngoại. Thế là đủ."

\*

Ngày N + 39, 10 giờ sáng

Giải pháp Dương Văn Minh mỗi lúc mỗi rõ nét. Cựu Ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu, đương kim Thượng nghị sĩ, tiếp xúc nhiều nhân vật để thành lập nội các. Ông Mẫu chú trọng rất nhiều đến những chính khách trong thành phần thứ ba. Thành phần này được dân chúng gọi đùa là thành phần lũng lảng ở giữa.

Mặt khác, tướng Kỳ hướng dẫn một phái đoàn tướng lĩnh yết kiến Tổng thống Trần Văn Hương. Tướng Kỳ muốn nắm quân đội, muốn tử chiến. Cũng nên ghi nhận trong lần tiếp xúc này, luận điệu của ông Kỳ bớt quá khích, bớt hăng như lần ông xuất hiện ở nhà thờ Tân Sa Châu vài ngày trước. Một nguồn tin khác được loan truyền khá rộng trong dân chúng, trong trường hợp Mỹ bỏ Sài Gòn như bỏ Nam Vang, ông Kỳ và các tướng lĩnh khác cùng với một số đảng phái chính trị sẽ bắt cóc ông đại sứ Mỹ Graham Martin cùng toàn thể nhân viên tòa đại sứ Mỹ ở Sài Gòn. Nhóm của ông Kỳ định dùng những con tin này ép chính phủ Mỹ tôn trọng những cam kết với Việt Nam Cộng hòa, viện trợ cấp bách vũ khí, đạ được để miền Nam có đủ phương tiện chống trả Cộng sản.

Tôi suy gẫm về nguồn tin này thấy có hai điểm đáng ngờ đây chỉ là những tin vịt:

Một kế hoạch như thế không thể phổ cập rộng rãi, bộ bọn CIA đàn em của Polgar mù và điếc hết cả sao? Cả tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ, với những vũ khí tối tân nhất, chắc là những người gõ hay sao? Quan trọng nhất là tướng Kỳ. Ông có phải là loại người dám làm những việc trọng đại như thế chẳng? Tôi ngờ rằng không. Ông Kỳ là người thích nói, có cái phổi to và sộp, người ta quen gọi là phổi bò. Ngay cả ông Kỳ làm thật, tóm cổ được ông đại sứ Graham Martin thật, cũng không đi đến đâu, chỉ tỏ làm tình hình nát thêm, sẽ đổ máu thêm vô ích. Những người làm chính sách của Mỹ cũng đã tiên liệu những việc có thể xảy ra, chắc chắn họ đã tính đến việc này. Chắc chắn họ sẽ có biện pháp của họ. Và lại, lòng dân đã nát rồi. Số phận của Nam Việt Nam đã tận, không một ai có thể gỡ nổi.

Thứ hai, những tin đồn loại này sẽ làm cho tình hình rối loạn hơn lên, nó làm cho dân chúng không biết đường nào mà xoay trở. Nó có thể được loan truyền từ phía Cộng sản, nó có thể được loan truyền bởi những người thiếu ý thức, chỉ muốn mọi người tin

rằng họ là những nhân vật quan trọng, am tường tình thế, nó cũng có thể được loan truyền từ CIA để chặn trước, vô hiệu hóa bớt những phản ứng của những người xúc nổi như tướng Kỳ.

\*

Ngày N + 39

Áp lực của Cộng sản trên trục lộ Sài Gòn Vũng Tàu mỗi lúc mỗi nặng nề. Từ nửa tháng nay, những người có tiền mà không có điều kiện di tản bằng đường hàng không, đi Vũng Tàu tìm phương tiện tự túc. Rất nhiều nhóm trông cậy vào những ghe đánh cá lớn ở Vũng Tàu có thể mang họ ra thoát được Việt Nam. Trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, chưa bao giờ dân Việt muốn bỏ nước đi nhiều như bây giờ. Ngay cả cách đây hơn một thế kỷ, lúc triều đình Huế dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức ban dụ cấm đạo gay gắt nhất, một số dân công giáo băng rừng tới Thái lan lập nghiệp. Con cháu số giáo dân này, hiện vẫn còn là một lực lượng Việt kiều đáng kể ở Thái lan, nhưng con số di dân hồi đó đâu có thấm gì với hiện tại. Hơn một thế kỷ trước, dưới triều đại phong kiến, vi phạm tới luật triều đình bị xử trảm như chơi, thế mà số giáo dân còn ở Việt Nam chiếm một tỷ lệ cao hơn những giáo dân muốn tị nạn gấp mười. Bây giờ Cộng sản mới lộ mặt ra, chẳng có đạo dụ gì cả, chưa ban bố một hiệu lệnh nào, thế mà dân chúng đã co vòi lại, bỏ của chạy lấy người, thờ Phật cũng chạy, thờ Chúa chạy còn lẹ nữa. Đủ hiểu bọn chúng không khá được. Trục lộ Sài Gòn Vũng Tàu từ một tuần nay là lối thoát duy nhất cho những ai không đủ điều kiện chui lọt vào tòa đại sứ Mỹ, vào phi trường Tân Sơn Nhất. Giữ lâu được chừng nào, sẽ có nhiều người đi thoát chừng nấy. Các đơn vị một thời của quân lực Việt Nam Cộng hòa ngày nào, các anh Nhảy dù nón đỏ, Thủy quân Lục chiến nón xanh và Thiết giáp nón đen đang đèo đèo dân chúng miền Nam bằng cách cố giữ cho được lối thoát này.

\*

Ngày N + 40

Tổng thống Trần Văn Hương, ông giáo già của miền Nam, của hội Liên trường, mới tuyên thệ nhậm chức được vài ngày đã bị các dân biểu "đón gió" trở cò ép thoái vị. Ông khóc trước quốc dân, ông đọc diễn văn trước lưỡng viện, và nêu một câu hỏi lớn: "Người ta coi chủ quyền quốc gia, coi hiến pháp như món hàng đem bán."

Cụ giáo Tổng thống ơi, cụ làm rồi, để hậu sinh chúng cháu nhắc cụ một việc: Hơn hai ngàn năm trước đây, vào cái hội thịnh nhất của Khổng học, cái bóng của Khổng Khâu còn in rõ nét nhất trên vòm trời Trung hoa, rõ đến độ ép cái hình ảnh an nhiên tự tại của Lão, Trang lu mờ, nhường chỗ cho đám môn hạ của Khổng Khâu như Tử Cống, Tử Lộ, Tử Tích... xông xáo xe ngựa, quyền uy ở khắp các triều đình. Vào lúc mà cái học của Khổng Khâu, cái đạo đức chính trị của các nhà lãnh đạo được đề cao tới mức tối đa, ở nước Tàu của cụ Khổng nảy ra một anh Lã Bất Vi. Anh này vốn là con buôn, một hôm hỏi bố:

"Buôn bán hàng hóa lời lãi như thế nào?"

"Lãi gấp đôi."

"Buôn bán vàng bạc, châu ngọc lãi gấp mấy?"

"Lãi gấp mười."

"Buôn vua thì sao?"

"Lãi không biết đến đâu mà kể."

Thế là cậu Lã Bất Vi lân la làm quen với Tử Sở, một anh con không có gì xuất sắc của vua Tần, lúc đó đang làm con tin ở nước Triệu. Họ Lã dùng mảnh khốe con buôn, sau cùng cũng mang được Tử Sở về Tần được làm vua, họ Lã còn mang cả vợ lẽ đã có thai gả cho anh vua cù lần này. Cái thai sau này trở thành Tần Thủy Hoàng, bạo chúa số một của Trung hoa. Thời phong kiến ông vua là trên hết trong sự sắp xếp tôn ti trật tự xã hội: quân, sư, phụ. Có ông vua trong tay là có cả nước trong tay, xử anh nào chết phải chết, cho ai sống được sống. Lã Bất Vi buôn được món hàng vạn thặng này, xoay cả nước Tần trong tay, rồi cuộc cũng chết bởi chính anh con Tần Thủy Hoàng.

Hai ngàn năm trước, người ta đã mua bán được cả nước, huống hồ bọn lái buôn trong thời đại nguyên tử ngồi một chỗ, bấm những cái nút, mọi sự kiện của tất cả thế giới đều hiện lên màn ảnh TV. Bọn buôn nước đã tinh khôn gấp vạn lần họ Lã, bọn bán nước còn ngu độn, cù lần gấp trăm lần Tử Sở, Tử Sở chẳng những không bán nước, lại còn được chọn làm vua, ngồi làm cha người ta, có tam cung lục viện, việc nước thì giao quách cho họ Lã còn muốn gì nữa. Nhưng bọn bán nước ngày nay, mỗi đứa bán một chút, mỗi đứa bán một mảnh. Bán mảnh lớn thì vô nhiều tiền như cậu Thiệu, cậu Khiêm, cậu Quang, cậu Toàn, còn bán mấy mảnh vụn thì cũng vô được xe hơi, nhà lầu, cơm ngon vợ đẹp.

Cụ giáo Tổng thống ơi, bọn hậu sinh chúng cháu xin trả lời câu hỏi của cụ: "... Người ta coi chủ quyền quốc gia, coi hiến pháp như một món hàng để bán sao?..." Thưa cụ đúng vậy. Không tin, cụ hỏi mấy anh học trò của cụ coi, có anh còn thuộc sách của họ Lã hơn bài học cụ dạy nhiều. Cháu cũng xin thưa với cụ giáo Tổng thống một điều nữa: "Cháu không dám coi Lã Bất Vi như một anh bán nước, anh đó buôn nước Tần, dĩ nhiên đã đem vợ mình đổi lấy món hàng, thì món hàng đó phải ghê gớm cỡ nào. Họ Lã, xét cho cùng, có công với nước Tần, có công với Trung hoa, nội việc gôm thâu lục quốc đã tiết kiệm biết bao xương máu cho dân Trung hoa hơn hai ngàn năm trước. Thời Xuân thu Chiến quốc kéo dài cả ngàn năm. Thất quốc tranh hùng, đánh nhau trời sập đất thảm thế mà đến tay họ Lã, rồi Tần Thủy Hoàng kế tục thu về một mối. Người như họ Lã, bây giờ người ta gọi là Chính trị gia.

Các chính trị gia khôn ngoan giỏi giang thì có lợi cho đất nước, còn ngu muội thì chỉ có bán nước đi mà thôi. Tiếc thay, phần đông những người hoạt động chính trị của miền Nam có rất ít người khôn ngoan giỏi giang, họ mới nhìn thấy cái ghế Tổng, Bộ trưởng là đã sừng run lên rồi, họ cần ngồi vào chỗ đó, ngồi để mà hưởng lợi. Còn họ Lã dĩ nhiên là lời to, nhưng họ Lã đã nhọc công gây dựng nước Tần, đã lao tâm tổn trí đến độ sau này, anh con ruột là Tần Thủy Hoàng ngửa mắt, ban cho một chén thuốc độc. Họ Lã còn đáng yêu một điểm là để lại cho hậu thế chúng ta một bộ sách Lã thị Xuân thu. Họ Lã đâu có tài văn chương, nhưng đã gom hết mấy anh nhà văn cỡ nhỏ, gom góp tài liệu, sách vở hoàn tất bộ sách để đời này. Khi bộ sách xong, đem treo ngoài chợ và rao

ai sửa được một chữ thưởng ngàn lượng vàng. Chẳng có ai được lãnh giải văn học nghệ thuật của họ Lã cả. Máy chính trị gia cỡ Tổng Bộ trưởng của miền Nam, và cả những chính trị gia độc lập nữa, có anh nào làm được cái gì hay ho đâu mà dám coi thường họ Lã.

Cụ giáo Tổng thống ời, cụ chơn chất như thế mà nữ lòng nào đi làm phó cho anh Thiệu. Cháu e rằng, hậu thế khi đọc lại sách cũ, có kẻ sẽ hiểu lầm cụ. Cái đức của cụ bạc lắm, cụ ngồi chung với bọn Thiệu Khiêm làm gì, để đến nỗi bây giờ mang tiếng với đám hậu sinh.

\*

Ngày N + 40, 3 giờ chiều

Lại xuống xóm cho qua ngày giờ. Chưa chi các chị em ta đã tan đàn xẩy nghé, biếng nhác phần son, hành nghề... không tích cực. Tôi cũng chẳng hứng thú gì, có điều không biết làm gì cả. Từ Biệt khu Thủ đô ra, định chạy lên nhà anh cả tôi, ngang qua chỗ rạp xi nê Khải hoàn, chẳng hiểu sao khi thắng xe lại, tôi thấy mình còn cách cái villa hành nghề của chị em ta có một quãng đường ngắn. Giờ này, anh Cả tôi chắc chưa về. Tôi còn biết làm gì hơn là chui tọt vào đó.

\*

Ngày N + 40, 5 giờ 30 chiều

Anh Cả tôi vẫn chưa về, tôi ngồi chờ ở bàn giấy làm việc của ông. Xung quanh tường, những giá sách kê cao đến tận trần, anh tôi là người mê sách. Để chừng một thư viện nhỏ trong căn phòng này, cả ngàn quyển đủ mọi loại, loáng thoáng thấy một vài quyển sách do các bạn văn tặng, tôi vất vương vãi ở nhà, anh tôi đem về đây giữ hộ. Trên tường, một bức sơn dầu của Nguyễn Trí Minh, bức tranh này Trương Hồng Sơn tặng cho tôi, vì Sơn là em ruột họa sĩ Trương thị Thịnh, vợ Nguyễn Trí Minh. Bức tranh vẽ mấy con ngựa rừng đang gặm cỏ trên một cánh đồng. Có cái bao la bát ngát của trời đất, có cái ngênh ngang của một con ngựa ngênh cổ hí, khi tặng cho tôi, Sơn nói: Ông cũng giống như những con ngựa này, đang cố gắng chống trả lại những áp đặt trên người ông, ông cố hắt những bộ yên, những sợi dây cương lỏng lẻo cùng với hai miếng da che mắt. Ông vùng vẫy nhưng những yên, cương, những miếng da che mắt đó vẫn còn như bộ quân phục ông mặc trên người. Ông là con ngựa chưa được thuần nên ít có tên nài nào muốn cưỡi. Tôi mong ông giữ được cái không thuần này. Một bức tranh thiếu nữ của Thái Tăng An vẽ, và một bức khác của Hoàng Đăng Nhuận. Tranh của Nhuận là thủy thái họa. Tất cả những tranh này, trước kia tôi treo ở nhà tôi trên Đà Lạt. Khi phải đổi đơn vị, tôi mang về gửi anh Cả tôi.

Tranh của An gợi nhớ lúc tôi ở Pleiku, thơ có Kim Tuấn, Cao Thoại Châu và tôi, họa có Ngô Văn Đình Hợi, Thái Tăng An. Chúng tôi dựng quán cà phê Tay Trái, tên này do Cao Thoại Châu đặt, vì anh lập luận "Tay Trái" là nghề tay trái đó mà. Bọn văn nghệ lão lếu như mình, trong thời buổi này, mười tên thì có đến chín tên thò tay mặt đặt tay trái. Nhưng tận trong đáy lòng, anh tôi biết anh nghĩ khác. Tay trái gần với trái tim hơn. Quán

dựng lên được sáu tháng, lúc đầu rất đông, sau vài buổi đọc thơ chống chế độ, khách ít người lai vãng. Rút cục còn toàn các cậu chủ và bằng hữu đọc thơ cho nhau nghe. Riết rồi thân hữu cũng sợ liên lụy, nhìn lại còn có có mươi người khách, mà thường xuyên nhất lại chính là hai ông Trưởng ty An ninh Quân đội và Trưởng ty Cảnh sát. Thế là đóng cửa.

Tranh của Nhuận gọi cho tôi thời ở Đà Lạt. Thơ có Lê văn Ngăn, Nguyễn Xuân Thiệp và tôi, họa có Hoàng Đăng Nhuận, Thái Lãng, Trần Hoài, nhạc có Lê Uyên Phương, văn có Nguyễn Quang Tuyền, Trần Hữu Lục, kịch có Lữ Kiều. Có nhiều người đứng chàng hảng như Lãng văn và họa, Lữ Kiều văn và kịch, Ngăn, Thiệp và tôi thơ và văn. Khách thập phương thì nhiều biết bao nhiêu mà kể, những bạn văn của chúng tôi ở khắp chốn thỉnh thoảng ghé chơi. Căn nhà tôi có một đạo như nhà vắng lai. Vợ tôi đã cầm nhẫn cưới, bông tai, dây chuyền không biết bao lần để tôi có thể đi bằng hữu.

Tranh của Nguyễn Trí Minh do Sơn cho gọi tôi nhớ tới những bãi biển tuyệt vời ở Phú Quốc, đến những hàng rào kẽm gai, đến những rừng cao su, đến tù binh, tôi nhớ đến một câu thơ tôi làm khi còn ở Phú Quốc, thấy mình cũng chẳng hơn tù binh là bao:

*... Và vì vậy cũng như anh  
Tôi chỉ là một tù binh không hơn kém  
Bị vây bủa trong thời nội chiến  
Bị cầm tù tuổi trẻ  
Bị nghiền lối ngày mai*

Tất cả những vùng đất vừa kể, sớm hay muộn rồi cũng bị lật nhào. Máu xương đổ ra cho miền Nam suốt hai mươi năm, rút cục cũng không trở được một nhánh hoa tự do đúng nghĩa. Thật ra cái cây của miền Nam trồng không thuần giống tự do, nó đã bị cớm, nó đã bị sâu, nó đã bị rỗng ruột. Đã đến lúc những giàn giá đỡ, đã đến lúc cháy nhà ra mặt chuột, nên vì đó mà cây không trở hoa, nó kết cho miền Nam một trái đắng. Trái đắng của tù ngục, của nhục nhằn.

Anh cả tôi đã về, tôi ăn với anh tôi một bữa đạm bạc. Một người bạn với anh tôi xoay được một danh sách tị nạn do Mỹ chọn lựa, và đã điền tên gia đình anh tôi trong cái manifeste này. Anh tôi chêm cả tên tôi vào danh sách. Anh tôi cũng không hy vọng gì nhiều. Không một cái gì chắc chắn trong lúc này. Tôi không biết anh tôi nghĩ gì? Anh đã từng du học ở Mỹ một năm, tu nghiệp về sự phạm, dường như anh tôi cũng không thích Mỹ lắm. Anh muốn đi chỉ vì tương lai của mấy đứa nhỏ mà thôi. Ăn xong, tôi thấy anh hi hục với mấy kệ sách, anh muốn thu dọn trước những sách nào còn có thể lộ diện ở miền Nam, bóng anh tôi đổ dài trên đồng sách vở ngổn ngang.

Ngày N + 41

Rốt cuộc, ông Minh Cờ cũng giật được cái cờ để phát. Sáng nay, ông tuyên thệ nhậm chức Tổng thống. Thủ tướng Vũ Văn Mẫu trình nội các lâm thời với một danh sách vốn vẹn có bốn người. Ông Mẫu, ngay khi nhậm chức đã tung ra một quả bom, làm cả miền Nam ngơ ngác. Ông chính thức gửi văn thư yêu cầu Mỹ rút khỏi Việt Nam, từ ông Đại sứ đến nhân viên các cấp, nhất là cơ quan D.A.O. Người Mỹ đâu có cần ông Mẫu đuổi, họ bỏ miền Nam vì miền Nam hết còn giá trị với người Mỹ. Họ đã biết chắc được mâu thuẫn giữa Trung cộng và Nga khó có thể hàn gắn được. Trung cộng mỗi lúc mỗi ngã dần theo Mỹ để được hưởng một chút tiến bộ về khoa học kỹ thuật. Họ đã dùng Trung

cộng để ngăn chặn Nga, họ thả miền Nam bởi vì đối với dân Việt, kẻ thù nguy hiểm nhất lúc nào cũng là Trung cộng. Nuốt được miền Nam, bọn Cộng sản ngoài Bắc sẽ phải ôm chân con gấu Nga ở xa, để chống con chó sói Trung cộng ở gần, nghĩa là Mỹ đã đẩy Việt Nam vào thế ngăn chặn Trung cộng ở phía Nam.

Kampuchia là lá bài của Trung cộng với Pol Pol và đám Khmer đỏ hiếu sát. Rồi đây, trong vài năm tới, tình hình Đông Nam Á đổ có yên được. Ông Mầu ơi, ông khỏi cần đuổi Mỹ. Họ đang kiếm có để đi. Giờ thì họ đã có có để ra đi sớm sủa. Ván bài miền Nam đã vật đến lá chốt.

Ngày N + 41, 10 giờ sáng

Đài Phát thanh Quân đội đọc nhật lệnh của Tân Tổng Tham Mưu Trưởng. Tôi nghĩ tới văn phòng Đại tướng Cao Văn Viên trong Tổng tham mưu tổng trờn, sáng nay ông đã không tới văn phòng, và tập hồ sơ trình ký còn dờ dang trước bàn giấy. Trên đài phát thanh, người được bổ nhiệm chức tân Tổng Tham Mưu Trưởng là Trung tướng Vĩnh Lộc, có một thời được mệnh danh là "Anh Cả Trường Sơn". Ông cựu cũng như tân không ai có mặt ở văn phòng. Ông cựu Đại tướng Viên có lẽ đã có mặt ở tàu Mỹ.

Mấy năm sau này, khi sự tranh chấp quyền lực giữa các tướng mới nhen nhúm, ông Kỳ phôi bò, bị ông Thiệu cho vào xiếc, ngồi chơi xơi nước, thỉnh thoảng ngửa miệng tuyên bố vài câu vớ vẩn vô hại. Hai tướng còn lại là ông Thiệu và Khiêm ở trên hai cái đỉnh của quyền lực. Mỗi người có một phe nhóm riêng, vây cánh riêng. Đại tướng Tổng Tham mưu trưởng đứng giữa các tranh chấp quyền lực này. Ông được ông Thiệu tin cậy, và ông Khiêm nể mặt. Những anh nhà báo, nhà văn quân đội thay phiên bốc thơm ông Tướng "văn võ song toàn này". Võ thì tôi chưa biết rõ, tôi là một đại úy, nghề cao cổ, kiểng hãnh chân lên thì tôi cũng chỉ với tới ông Đại tá xếp xòng của tôi. Khi tôi là thiếu úy, ông Viên là Thiếu tướng Tư lệnh quân đoàn III, thỉnh thoảng tôi được nhìn, chỉ đứng xa nhìn thấy ông to lớn, có dáng võ biền, chỉ có dáng võ biền thôi, còn thực sự tôi cũng không biết. Còn văn thì ông Viên ra sao? Tôi biết ông học thi cao học văn chương Pháp. Trong các tướng thối thân từ quân đội Pháp, học lực trung bình thì có Trung học hồi xưa, khá thì có Tú tài, còn dốt đi từ khó xanh khó đỏ đi lên cũng không phải là ít. Giữa đám tướng lãnh như thế, có một ông có "Cao học văn chương" đâu phải bỡn. Tôi không bao giờ dám coi thường lòng hiếu học của ông. Có điều phàm làm tướng, chỉ huy cả triệu quân dưới cờ, thì trọng trách phải giữ cho quân đội được nghiêm minh, trên dưới rõ rệt. Quân ra quân, tướng ra tướng. Những năm trước 70, quân đội còn có chút tôn ti. Từ đó trở về sau, quân đội do những thâm thấu của chính trị, mỗi ngày mỗi nát ra. Ông làm Tổng Tư lệnh có bao giờ nghĩ đến điều này? Tệ trạng tham nhũng mỗi ngày mỗi lớn, đến độ lập ra một nha Tổng thanh tra Quân lực, rút cục cái nha này, mỗi lần đi tới đâu, là cả địa phương phục dịch, bưng bít. Những người lính chiến đấu thiếu giày, thiếu áo, thiếu lương khô và thậm chí cả đạn dược. Nạn lính ma, linh kiểng có mặt trên cả bốn quân khu. Có bao giờ ông nghĩ đến những điều này hay ông còn bận đi học. Giả dụ như một người khác trong địa vị của ông, có đi học cũng phải kín đáo, lén lút một chút, chứ đâu có lộ liễu đến độ cả nước biết ông thi cao học văn chương. Đám sinh viên văn khoa nhiều người đã vô cùng khó chịu, trước một ông Đại úy nào đó mỗi lần đi lấy cua cho Đại tướng, mặt vênh vào như mới dự trận về. Đó là văn của ông. Võ mãi hôm nay tôi mới thấy rõ, ông cuốn gói, không một lời từ giã ngay cả những người làm việc trực

tiếp dưới quyền ông, trong văn phòng của ông. Ông bỏ cả ấn tín, phù hiệu, và cái cờ nhỏ có bốn sao của ông để lại nơi bàn giấy. Thật chẳng khác nào đám tướng cuối triều Trần.

Ông quên cả những nhật lệnh ông đọc mỗi dịp Tết về gửi toàn quân, cả triệu người đứng nghe im phăng phắc. Mãi tới hôm nay, tôi mới nhìn rõ cái nhân cách "văn võ song toàn" của ông Đại tướng. Giờ này đâu đó trên tàu Mỹ, không biết họ chào ông Đại tướng của miền Nam với lễ nghi quân cách như thế nào?

\*

Ngày N + 41, 12 giờ trưa

Đường Sài Gòn Vũng Tàu bị địch chặn ngang gần cầu Cỏ May, Cộng sản pháo vào phi trường Biên Hoà. Đại tá Tỉnh trưởng Biên Hoà Lưu Yểm cùng một số thuộc hạ bỏ đơn vị chạy về Sài Gòn. Không hiểu ông "Qué Tướng Công" đang làm gì, còn có mặt ở Bộ Tư lệnh Quân đoàn III, hay ông đã tháp tùng Đại tướng Tổng Tham Mưu Trường "thăm viếng" Hải quân quân lực bạn? Thế là một phần đời nữa của tôi đã trôi ra biển. Bây giờ địch không còn tiến đánh từng thành phố, quân ta bỏ chạy trên nhiều mặt trận. Tôi nhớ những ngày tháng thụ huấn ở trường Quân cảnh Vũng Tàu năm 1964, rồi sau đó năm năm đi đủ nơi, trở về làm một sĩ quan huấn luyện viên bất đắc dĩ. Tôi nhớ tới những ngày ngắn ngủi ở Biên Hoà, năm 1965, tôi bị phạt chờ Tiểu đoàn III Quân cảnh tổng đi nơi khác. Dịp chờ đợi này, tôi là sĩ quan hộ tống đạn dược, mỗi ngày hộ tống hai chuyến xe bom. Một cho phi trường Biên Hoà, một cho phi trường Tân Sơn Nhất. Năm đó Bắc Việt đang bị Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ oanh tạc dữ dội. Bom đạn sao mà nhiều đến thế. Nếu Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ cứ oanh tạc Bắc Việt bằng gạo, có lẽ chiến tranh sẽ có những biến chuyển khác ngay từ dạo đó. Bởi Bắc Việt hàng năm hạn hán mất mùa, lại dồn mọi nỗ lực cho chiến tranh, nên nạn đói luôn luôn đe dọa ngoài đó. Cứ oanh tạc bằng gạo, chắc chắn những xạ thủ phòng không ngoài Bắc sẽ bắn máy bay cách xa cả cây số, vừa đỡ tốn máu xương cả hai bên, mà có khi Bắc Việt còn thua xiềng liềng. Vả lại gạo rẻ hơn bom đạn cả ngàn lần.

\*

Ngày N + 41, 12 giờ 30

Nhiều phản lực cơ Phantom của Mỹ xuất hiện trên vòm trời Sài Gòn, sau đó hàng trăm chiếc trực thăng đủ mọi kiểu bay rợp một góc trời. Mỹ chính thức bỏ Việt Nam, quay lưng lại với người bạn đồng minh nhỏ bé mà một thời báo Mỹ ca tụng với những danh từ hoa mỹ: "Tiền đồn chống Cộng", "Pháo đài Tự do". Vài chiếc trực thăng bỏ hàng ngũ, bay đến những cao ốc có người Mỹ trú ngụ, đáp trên nóc những cao ốc này. Cả Sài Gòn ngẩn cổ nhìn lên trời, nhìn những chiếc máy bay lạ, đủ kiểu như những tín hiệu cuối cùng của sự sống

\*



Ngày N + 41, 2 giờ chiều

Giao tranh giữa hai bên diễn ra khắp các nơi phụ cận Sài Gòn trong một bán kính không đầy hai mươi cây số. Sài Gòn mỗi lúc mỗi giống Nam Vang. Bên ngoài tòa Đại sứ Mỹ, dân chúng tụ tập hàng ngàn người. Những người có Pháp tịch cũ, đã trở lại Việt tịch bây giờ lại hốt hoảng xin trở lại Pháp tịch.

\*

Ngày N + 41, 4 giờ 30

Dân Sài Gòn đập cửa phòng thông tin Hoa Kỳ. Dân chúng lũ lượt khuân đi những bàn ghế, máy đánh chữ, dụng cụ văn phòng, sách vở. Sau cùng họ chất cả tấn báo chí, tranh ảnh lại và đốt những món đồ không quý giá này.

\*

Ngày N + 41, 6 giờ chiều

Yên cho tôi biết, toàn thể đại gia đình anh đã thuê một số phòng khách sạn gần ngay bờ sông Sài Gòn. Vợ con Yên vẫn ở tại nhà anh ở đường Chi Lăng Phú nhuận. Anh cho tôi biết là sẽ đi rất bất ngờ, anh dặn tôi đi đâu cứ cách vài tiếng là phải ghé bến tàu hoặc về nhà anh ở Phú nhuận, hoặc trên khách sạn chỗ toàn thể đại gia đình anh tập trung.

\*

Ngày N + 41, 8 giờ tối

Địch quân tấn công quận Hóc Môn và Trung tâm huấn luyện Quang Trung. Sài Gòn bây giờ nằm trong tầm đại bác của Cộng sản. Chúng đã có mặt ở bốn phía. Thế mà không thấy ông Kỳ và cái plan biến Sài Gòn thành Stalingrad đâu cả?

\*

Ngày N + 41, 2 giờ đêm

Suốt từ chập tối tới giờ, tôi nghe những tiếng nổ của súng lớn vẳng từ xa lại. Đêm nay 29-4-1975, trăng hạ tuần trông giống như một cái sừng trâu mỏng, nhọn. Tôi leo lên mái nhà, nằm dưới cái tàn cây trứng cá, ngửa mặt nhìn trời, thỉnh thoảng lao vụt qua màn đêm, những chiếc máy bay cô quạnh, đơn lẻ. Xóm đêm tĩnh mịch, tiếng những con vật ăn đêm mò mẫm trong bóng tối, và tiếng quả tim tôi đập mỗi lúc một to. Tôi chợt nghĩ tới số phận tôi qua lời tiên đoán của "Khô cụt", một người tài hoa ngày nào trên đất Đà Lạt.

Khôi xuất thân khóa 16 Đà Lạt, ra trường xong được một thời gian, gửi lại cho miền Nam một bàn tay. Cách đây sáu tháng, có lần ghé nhà tôi chơi, ngủ đêm. Khôi hỏi tôi về ngày sinh tháng đẻ của tôi, anh nổi tiếng là một người coi tử vi giỏi. Tôi gạt đi vì chẳng bao giờ tin vào "khoa học huyền bí".

"Tôi chỉ nhớ ngày tây, lại không rõ giờ nào làm sao ông hành nghề được."

"Bố khi, tôi biết ông không tin. Cho ông hay có nhiều thằng đặt bạc trước mặt tôi cũng không coi, tôi chỉ coi cho những người tôi quý thôi. Thôi được, đưa ngày sinh của hai đứa nhỏ đây. "

Chập sau, Khôi nói với tôi bằng một giọng hết sức nghiêm trọng:

"Số hai đứa nhỏ kỳ lắm, tụi nhỏ sẽ phải xa bố, xa mẹ. Cứ theo như lá số của cả hai đứa, tôi thấy việc đó sắp xảy ra. Ông có xin du học hay chạy chọt làm Tùy viên quân sự ở đâu không?"

"Không."

"Thế thì kỳ thật, cứ như tài nghệ của tôi về tử vi, tôi quả quyết với ông, hai đứa bé này hễ có bố thì không có mẹ và ngược lại. Và thời gian xa vắng này kéo dài lâu lắm, giá chót là 15 năm đổ lên. Đưa ngày sinh tháng đẻ của ông đây."

"Đã nói với ông rằng tôi không bao giờ hỏi bà cụ tôi về vụ tôi sinh giờ nào. Có đưa cũng vô ích."

"Mẹ kiếp, nước sắp đại loạn hay sao mà tôi bảm tử vi cho mấy đám, đám nào cũng có cái vụ xa cách, chia lìa, tan tác."

Giờ đây tôi biết Khôi đã đoán đúng. Cũng như tiếng tiêu của anh Biệt động quân ngày nào báo hiệu trước, đã đến lúc bách điều chia ly, trăm hoa tàn tạ.

\*

Ngày N + 42, 8 giờ sáng

Đài phát thanh Quân đội từ mấy ngày nay không hề có bình luận, thông cáo hay tin tức, thay thế vào đó những bản nhạc hùng. Hôm nay thế chỗ cho những bản nhạc hùng tráng, quân hành, là những bản nhạc nặng tình quê hương, những bản nhạc có thể đứng dưới mọi chế độ.

Đài phát thanh Sài Gòn đọc hết thông cáo này đến thông cáo khác, kêu gọi dân chúng bình tĩnh, giới hạn di chuyển, và kêu gọi quân đội ở yên vị trí, tiết kiệm máu xương.

Đài phát thanh của Việt cộng loan báo tới tập những phần đất chiếm được, và rêu rao chính sách mười điểm về cái gọi là "chủ trương hòa hợp dân tộc".

\*

Ngày N + 42, 11 giờ trưa

Giao tranh vẫn tiếp diễn xung quanh Sài Gòn. Quân lực miền Nam bây giờ không còn một ông tướng nào, ngay cả những ông tá cũng khó kiếm. Sự chống trả của miền Nam hiện nằm trong tay những sĩ quan cấp úy cỡ đại đội trưởng. Cả quân lực tan biến hết, đọng lại còn những đơn vị nhỏ chai lì cố giữ từng tấc đất trong phạm vi trách nhiệm của những quân nhân vô danh.

\*

Ngày N + 42

Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng trên làn sóng điện. Ông kêu gọi mọi quân nhân buông súng chờ các đơn vị của Cộng sản đến tiếp thu.

\*

Ngày N + 42, 3 giờ chiều

Ghé nhà Nguyễn Trường Yên, Yên không có nhà, vợ con Yên đồ đạc sẵn sàng. Tôi có ý định chờ Yên về đi luôn một thể. Tôi nóng ruột muốn chạy về nhà đón anh Tư tôi, vừa ra khỏi ngõ nhà Yên, một trái đại bác nổ trên đường Chi Lăng, trái nổ làm tử thương ba người dân, bị thương nhiều người khác. Người chết nằm tênh hênh trên mặt lộ. Địch pháo tới tập vào phi trường Tân Sơn Nhất. Nhiều cụm khói bốc cao tại phi trường.

\*

Ngày N + 42, 4 giờ 30 chiều

Nhà đóng cửa im lìm. Cậu mợ tôi, anh chị Tư tôi và lũ nhỏ không một ai có nhà. Vừa ra khỏi cổng gặp Tô Thế Liệu, một anh bạn dạy võ bị. Anh đến tìm tôi kiếm đường chạy ra ngoại quốc. Tôi và Liệu chạy thẳng ra khách sạn nơi toàn gia đình Yên trú ngụ, dọc đường thấy dân chúng phá nhiều căn nhà trước đây do Mỹ trú ngụ. Liệu lái xe len lỏi giữa dòng xe cộ hỗn loạn ngược xuôi. Dường như không một ai tỉnh táo, biết mình phải làm cái gì, định làm cái gì? Cảnh bến tàu làm tôi không còn tin ở mắt mình. Dân chúng bị chặn lại ở cổng Bộ Tư Lệnh Hải quân, một số xe du lịch bỏ lại đậu ngổn ngang trên bờ. Một số trẻ em bán báo, đánh giầy hôi của, đập kính xe lấy đồ đạc bên trong. Tôi gặp Yên đứng đón người nhà ngay cổng Bộ Tư Lệnh Hải quân.

Tôi hỏi Liệu:

"Sao ông đi hay ở?"

"Đi chứ, nhưng tao còn kẹt cái xe đi mượn của ông anh phải mang về trả"

"Giờ này còn sợ mất chiếc Honda này làm gì? Mạng còn không lo, lo gì cái xe."

"Không được, tao phải trả ông ấy cho đảng hoàng, tao sẽ quay lại."

"Tao cũng chỉ đi nhờ thôi, không một ai hứa với ai điều gì bây giờ."

"Mấy giờ tàu nhỏ neo ông Yên?"

"Không biết chắc giờ nào. Nhà tao cũng còn kẹt người, kẹt cả đồng người, bây giờ mới có 6 giờ, chắc cũng phải tối mới đi được."

"Tôi quay về đón ông anh tôi, ông cho tôi một giờ, tôi trở lại, ông đón tôi ở ngoài này được không?"

"Không được. Tao đâu có đưa gia đình tao vào bằng cổng Bộ Tư Lệnh. Tao đón bằng ca nô."

"Sao ông Liệu?"

"Tao phải về."

\*

Ngày N + 43, 8 giờ sáng

Tàu đã ra tới Hải phận Quốc tế. Từ đài chỉ huy của chiếc HQ 8, tôi dùng ống nhòm quan sát tứ phía. Cả một hạm đội què quặt diu nhau trên con đường vô định. Trên vùng biển này, hạm đội Mỹ với những tàu chiến khổng lồ xuất hiện rải rác trong tầm quan sát. Qua máy truyền tin, hạm đội Việt Nam liên lạc với nhau, sắp xếp lại đội ngũ. Chiếc HQ 8 có bốn máy liệt hai, được chiếc khác giòng dây kéo phụ.

\*

Ngày N + 43, 10 giờ sáng

Một phi đội trực thăng của Không quân Việt Nam bay quần trên chiến hạm Mỹ, và tuần tự đáp xuống, cứ đổ hết người trực thăng bị hất xuống biển, lấy chỗ cho chiếc khác đáp. Tôi thấy một máy bay quan sát thả một vật to xuống biển, mới đầu tôi tưởng là bom, tới khi thấy ca nô Mỹ cấp cứu, tôi mới biết đó là người phi cảng bỏ máy bay nhảy xuống nước. Anh ta nhảy không có dù ở một độ cao cách mặt biển chừng hai, ba chục thước. Chiếc máy bay không người lái tiếp tục bay về phía trước, rồi mất hút trong khoảng tiếp giáp giữa trời và biển.

\*

Ngày N + 44, 4 giờ chiều

Tàu tới hải phận Phi Luật Tân. Tôi nghe được trên máy truyền tin một giọng chỉ huy, ra lệnh cho hạm trưởng chiếc HQ 8 phải hạ cờ Việt Nam Cộng hòa xuống, treo cờ Mỹ lên để tiến vào hải cảng Subic.

\*

Ngày N + 44, 5 giờ chiều

Bạn tôi, Hải quân Thiếu tá Nguyễn Trường Yên, trong vị trí chỉ huy cuối cùng của anh, trước sự chứng kiến của hơn hai trăm người "may mắn" có mặt, xếp hàng trên boong tàu. Phía đối diện là thủy thủ đoàn với quân phục đầy đủ. Chúng tôi làm lễ hạ kỳ lần chót, chúng tôi hát bài quốc ca lần chót với đúng lễ nghi quân cách. Bạn tôi co tay mặt để lên vành mũ kết. Tôi thấy những giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên khuôn mặt r ám nắng của anh. Không phải chỉ riêng Yên khóc. Dường như bất cứ ai có mặt trên tàu, ý thức được chuyến hải hành lần cuối này đều hát lạc giọng. Lời ca bị gió biển át đi, và lá cờ dường như rục rĩ hơn trong nắng chiều.

Lá cờ Mỹ được kéo lên, những ngôi sao trắng nhảy múa bay lượn dưới bầu trời xanh của miền nhiệt đới.

Tôi thấy một vài thủy thủ liệng nón của họ xuống biển, có cả một hai cái mũ kết sĩ quan với cặp lon vàng chói. Cảnh hết như đoạn cuối của phim: "Tant qu'il y aura des hommes". Có khác chăng là người. Chúng tôi bỏ lại những gì xác định vị trí của chúng tôi, vị trí của những kẻ đã làm mất quốc gia mình, để đi vào vùng trời vô định của những kẻ lang thang vô tổ quốc. Còn người thiếu phụ trong phim, liệng xuống biển một vòng hoa cuối cùng cho người tình, và cũng đồng thời giã biệt vùng đất bất ổn của chiến tranh, của bom đạn, để trở về với xứ sở thanh bình, yên vui bên những người thân yêu của bà.

\*

Ngày N + 44, 9 giờ tối

Một đám thanh thiếu niên, gây một đồng lửa nhỏ trên boong tàu. Họ tình cờ gặp nhau trong hoàn cảnh bi đát này. Họ hát với nhau những bản nhạc nói về quê hương, nói về chiến tranh, họ hát với nhau những bản nhạc tình. Gió biển thổi nhẹ làm ngọn lửa nhảy múa trên boong. Đôi lúc tôi muốn xuống ngồi với họ, nghe những giọng hát học trò, hát bằng trái tim tinh khôi của họ. Nhưng rồi tôi vẫn ngồi yên trên đài chỉ huy, như tôi đã ngồi suốt ba ngày nay. Tôi thiếp đi giữa gió biển, giữa lời ca, giữa những ánh sáng bập bùng. Tôi thiếp đi giữa những tiếng tiêu huyền diệu của anh lính Biệt động quân ngày nào trên đập Đồng cam, trong lúc con tàu tiến dần về bến.

## Thay đoạn kết

### Thư gửi các em học sinh trường tiểu học Vườn Hồng

*California, tháng 8, năm 1988*

*Thân gửi các em học sinh của trường Tiểu học Vườn Hồng*

Đáng lẽ trường của các em tên là Nguyễn May, để kỷ niệm một binh sĩ Quân cảnh của Tiểu đoàn 7, chết trong lúc anh canh gác tù binh, đang triết hạ những cây cao su, khai quang khoảnh đất để dựng lên ngôi trường đặc biệt này. Tôi phản đối cái tên này, thứ nhất nó không hay, lại cũng không may gì cả. Hạ sĩ Nguyễn May, dù đã được huấn luyện kỹ lưỡng kỹ thuật canh gác, áp tải tù binh, trong một phút lãng mạn nhớ nhà, anh bỏ cái nón sắt xuống, ngồi tựa vào gốc cây hút thuốc. Một tù binh, trong lúc đốn cây cao su, đã bất ngờ bổ một búa vào đầu Nguyễn May. Anh chết tức khắc, đám tù binh túa ra chạy trốn. Sự kiện xảy ra đột ngột đến độ khi hai người binh sĩ cùng toán với Nguyễn May, bắn được loạt đạn chỉ thiên lên trời, thì mười bảy người tù đã khuất trong những lùm cây tứ phía. Có ba người tù già không dám chạy ngồi lại sợ mặt cắt không còn hột máu. Tôi không muốn dùng tên trường Nguyễn May, bởi lẽ sau này, khi chiến tranh tàn, sẽ không còn lính, không còn tù, nhưng ngôi trường còn đó, vẫn là chỗ học hành của các trẻ em xã An Thới. Cái tên gọi chết chóc, lính, tù và thù hận đó không nên tồn tại với những trẻ em sẽ theo học vỡ lòng tại trường này.

Đó là việc hai mươi năm trước, cũng khoảng tháng 8, ngôi trường khai giảng lần đầu, có độ ba mươi, bốn mươi em đủ các trình độ từ lớp một đến lớp năm, chen chúc, xúm xít trong hai phòng học rộng. Hai ông thầy bắt đầu dĩ là hai binh sĩ Quân cảnh có dáng thư sinh, có bằng Trung học đệ nhất cấp, bởi vì trường của các em không phải do Bộ Giáo dục dựng lên, cũng không phải do Cục Xã hội, Cục Tâm lý chiến của Tổng Cục Chiến tranh Chính trị làm ra. Đó là ý kiến của tôi, được Thiếu tá Đoàn Đức Hải Chỉ huy trường đòi thứ ba của Trại giam Tù binh Phú Quốc chấp thuận. Trại giam được thành lập chưa được một năm mà đã đến đòi Chỉ huy trường thứ ba, đủ hiểu những biến cố xoay quanh hơn một ngàn binh sĩ Quân cảnh, Công binh, Địa phương quân, mười cổ vắn Mỹ, tám ngàn tù binh trong một khoảnh đất dài năm cây số, ngang bốn cây số đó nó phức tạp, đa dạng như thế nào.

Do đó, một buổi sáng hai mươi năm trước, không có cát bằng khánh thành, ngôi trường âm thầm khai giảng với bảng tên kỳ khôi có bốn hàng chữ. Hàng chữ đầu, khổ vừa ghi "Bộ Chỉ Huy Trại Giam Tù Phiến Cộng Trung Ương Phú Quốc", hàng chữ thứ hai to hơn gồm: "Trường Tiểu học Vườn Hồng". Ngay dưới bảng tên trường có hai câu thơ với khổ chữ nhỏ nhất:

*Khi sương mai long lanh trên đợt cỏ  
Là lúc vườn hồng hé nở nụ tươi.*

Sự kiện có hai câu thơ ngay trên cái bảng tên trường, đủ hiểu mọi người còn bận tới mặt với những sinh hoạt của một trại tù, vừa khai phá rừng, vừa thành lập trại, vừa tiếp

nhận, quản trị, canh gác. Không một ai để ý đến con cái binh sĩ không có chỗ học. Nên ý kiến của tôi khi được chấp thuận, tôi muốn thực hiện ra sao chẳng ai buồn ngó ngang, đếm xỉa. Tôi dù bận mờ người, giữ một lúc ba, bốn chức vụ, nhưng tôi vẫn thiết tha đến ngôi trường này.

Trong sân chơi, các em có cầu tuột, có xích đu, có cả những khóm hoa cúc dễ coi sóc và những cây mai rừng được bứng về trồng ngay trước cổng. Có tới gần mười ngàn tù binh thì vấn đề nhân công đâu có khó gì. Bên trong các lớp học, tôi treo một bức bản đồ Việt Nam suốt từ mũi Cà Mau tới ải Nam quan, trên tấm bản đồ này là câu châm ngôn: *"Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời"*.

Ngày đó tôi hai mươi lăm tuổi, phải làm một sĩ quan cai tù bất đắc dĩ, còn các em là con của các binh sĩ phục vụ cho miền Nam, cũng vì tai trời ách nước, nên có mặt ở nơi góc bể chân trời này, thiếu cả ánh sáng đèn điện mỗi đêm. Tôi cũng muốn nhắc tới những ngư dân Quỳnh Lưu, đã một lần đứng dậy đòi quyền làm người, phát động một cuộc nổi dậy chống bạo quyền ngoài Bắc năm 56, và phiêu dạt từ xứ Nghệ an tới chót cùng hải đảo này. Các em con của các ngư dân này chưa hề một lần thấy ánh sáng đô thị, chưa bao giờ thấy xe hỏa, chưa một lần thấy được con báo, con voi. Đó là bối cảnh chung của ngôi trường kỳ dị Vườn hồng, nó được khai sinh bởi những tình cờ của cuộc nội chiến nòi da xáo thịt. Nếu muốn chính danh hơn nữa, thì đây là cuộc chiến ủy nhiệm của hai khối quyền lực Tư bản và Cộng sản, mà ở đó, những kẻ lãnh đạo của hai miền Nam và Bắc, đã đẩy hai nửa phần dân tộc vào một cuộc chiến tranh mà cả hai đều rêu rao giương cao ngọn cờ dân tộc, nhưng sự thật, cả hai guồng máy lãnh đạo đều không một bên nào đích thực đại diện dân tộc.

Chính nơi đây, tôi đau buồn thấy cái vô lý của đời người, cái vô nghĩa của cuộc chiến. Chính nơi đây, tôi thấy người anh là lính Công binh, góp phần kiến thiết trại giam để nhốt người em ruột của mình. Chính nơi đây, Nguyễn May trong lúc nhớ nhà, châm điếu thuốc, không có khói buồn bay lên cây, mà nhận một nhát búa bổ đôi sọ. Chính nơi đây, tôi thấy tù binh Nguyễn Mạnh cũng chỉ vì nhớ nhà, muốn xin hồi chánh, đã được các bạn đồng tù của Mạnh tặng một cái đinh đóng xuyên qua màng tang. Rồi những em bé con của các ngư dân An Thới, cứ sần sần năm một, cứ mỗi ngày hai lần giải trí bằng côm, và việc học ngừng lại ở hai năm đầu của bậc tiểu học.

Tôi nghĩ tới cụ Phan Bội Châu cả đời bôn tẩu, những mong dành được quyền tự quyết cho dân tộc Việt, và tôi nghĩ tới cụ Phan Chu Trinh cũng cả đời lặn lội với ý tưởng phải cải tiến dân sinh trước, để làm bàn đạp cho các cuộc vận động lớn của dân tộc. Tôi hiểu rằng cả hai cụ Phan đã thất bại, bởi quan điểm của hai cụ đều có chỗ cực đoan, quan điểm của hai cụ phải được dung hòa, bồi bổ lẫn cho nhau. Nên tôi yêu ngôi trường đó biết dường nào, nên tôi treo ở các phòng học bản đồ nguyên vẹn của nước ta, bởi vì Nam hay Bắc nếu còn chấp nhận di động trong quỹ đạo của đế quốc đỏ hay đế quốc trắng, thì tâm nguyện của cụ Phan Sào Nam sẽ chẳng bao giờ thực hiện được. Tôi treo câu châm ngôn : *"Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời"* để tưởng nhớ cụ Phan Tây Hồ. Ngày nào còn giặc đốt, ngày đó chúng ta còn khó thực hiện được chuyện thống nhất xứ sở.

Thời của chúng tôi và các em quả là khó hơn thời của hai cụ. Hai cụ chỉ cần chống một lực lượng ngoại bang, còn chúng ta phải cố gắng thoát ra khỏi ảnh hưởng của cả hai

khối Tư bản, Cộng sản. Họ đâu có tử tế gì hơn Thực dân Pháp, nếu không muốn nói họ tệ hại hơn. Bởi lẽ thời của các cụ, nước ta chỉ có một kẻ thù rõ rệt trước mặt. Bây giờ cùng một lúc chúng ta có hai kẻ thù, lộ dạng dưới hình thức hai người bạn, giúp chúng ta thật nhiều bom, đạn, súng ống, và máu của cha anh, bằng hữu chúng ta đổ ra từ Nam quan tới mũi Cà mầu, chỉ để cho những tập đoàn lãnh đạo tại Nga, Mỹ chia chác những quyền lợi, những tài nguyên trên khắp địa cầu.

Các em thân mến,

Ngày đó, các em tuổi từ năm đến mười, tôi hai mươi lăm tuổi, mỗi lúc mỗi xót xa cho thân phận những kẻ trong hàng rào. Họ là những thí dụ tuyệt hảo của phản ứng Pavlov. Họ gặt đầu và lắc đầu y hệt nhau trước một sự việc. Họ tuyệt thực, biểu tình phản đối không nhận quần áo cũ của lính "ngụy", bởi vì quần áo họ còn lành, rồi chỉ vài tháng sau, họ lại biểu tình đòi phát quần áo cũ của lính "ngụy" vì quần áo họ đã rách. Họ là những con người khác nhau về vóc dáng, nhân dạng, nhưng bên trong họ là những cái máy phản ứng như nhau với những điều kiện, hoàn cảnh giống nhau. Những xót xa của tôi không dừng ở đó, đối với những người ngoài hàng rào như ba của các em, như tôi, tôi đau buồn thấy hàng ngũ của chúng ta rời rạc quá, những bất công không phải chỉ lần quất ở Sài Gòn, ở Cần Thơ, ở Nha Trang. Chính ngay nơi đây, tôi thấy khoảng cách của giàu, nghèo quá xa, tôi thấy những binh sĩ của tôi phục vụ tổ quốc qua hai thái độ: Kẻ thì du lịch đủ năm trở về nhận một chỗ tốt hơn, người thì mong cho chóng hết hạn đi đây, trở về nguyên quán. Chúng ta vạch ra một con voi, khi nặn xong, nó ... không phải là con chuột, nó là con mèo cũng chẳng to hơn con chuột là mấy. Tôi bất lực trong hiện tại bao nhiêu, tôi càng để tâm tới ngôi trường của các em nhiều hơn. Bởi lẽ đó, nhiều hôm rảnh rỗi, tôi lái xe tới quan sát các em, nghe tiếng cười đùa hồn nhiên của các em. Mỗi lần như vậy, tôi như có đủ sức chịu đựng thêm một ngày hay một tuần, những công việc bên hàng rào kẽm gai trùng điệp, cùng với những phản ứng đồng bộ của tù binh mỗi ngày mỗi nhiều.

Tôi không được dự ngày khai trường thứ hai của các em, trước đó một tháng, tôi dời về đất liền. Hôm ra phi trường già từ nơi đây, tôi ngừng xe tại cổng trường, nhìn các em chơi đùa hồn nhiên nơi cầu tuột, nơi xích đu. Cửa lớp đóng trong những tháng hè, nên tôi không nhìn được một lần chót bản đồ nguyên vẹn đất nước ta, và câu "Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời", vốn ám ảnh tôi từ ngày còn là một cậu bé học trường Tiểu học Hải dương. Và lại bất cứ căn phòng nào, lớp học nào đóng kín cửa ra vào, cửa sổ, đều là những căn nhà buồn bã. Tôi lên phi cơ với tấm lòng của lớp học đóng cửa trong những ngày hè.

Các em thân mến,

Năm nay tôi bốn lăm tuổi, xa nhà mười ba năm. Các em, từ những bé năm đến mười tuổi, ngày nay đã trở thành những thanh niên từ hai mươi đến ba mươi. Ngôi trường xưa nếu còn, chắc cũng mang tên khác. Cái bản đồ chắc đã được tô màu đỏ và dĩ nhiên cái câu "Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời" đã được thay bằng những câu khác như "Yêu nước là yêu Chủ nghĩa xã hội". Những người mặc áo nâu trước kia bây giờ mặc áo xanh, còn những người trước mặc áo xanh như ba các em và tôi, giờ đây có lẽ chỉ mặc trần trụi một chiếc quần đùi trong ban ngày, ban đêm dùng cái áo mỏng để thay chăn. Chiến tranh đã tàn, nhưng khoảnh đất cũ vẫn đầy thù hận, máu vẫn đổ ra, bởi vì những con người phản ứng đồng bộ trước kia, đột nhiên chạm mặt chiến thắng, chạm mặt sự thật: Họ mất hoàn cảnh chung, điều kiện chung, họ mất luôn cả điểm tựa chung



là chiến tranh, do đó họ mất luôn cả sự đồng bộ về phản ứng. Mỗi cá nhân phản ứng một khác. Mỗi một tỉnh ủy, đảng ủy, chính ủy chạm mặt với một thực tế khác, lại có một sự hiểu biết khác, nhưng tựu trung những sự hiểu biết của họ đều quá lỗi thời, vì đã từ lâu họ được tôi luyện trong chiến tranh, và hầu như họ đã quên hết tất cả thế giới bên ngoài.

Do đó họ lạc hậu so với nhân loại, họ quản trị toàn bộ quốc gia mười ba năm nay, họ có được một kỳ công khác là kéo quốc gia thụt lùi lại nửa thế kỷ so với toàn nhân loại. Tôi không có gì để viết cho các em còn ở lại quê nhà, vì tôi không có đủ can đảm nói về những khổ đau mà bản thân tôi không có mặt. Điều tôi biết chắc là những em còn ở lại mỗi ngày mỗi chịu những khó khăn hơn. Và lại không có gì vô lý cho bằng ngồi an toàn ở xa quê hương nửa vòng trái đất, lại muốn những người ở lại làm điều này, làm điều khác. Chỉ có những kẻ vô sĩ mới có thể ngoạc mồm ra rao giảng về những điều họ không hoàn toàn biết, lại càng vô sĩ hơn nữa khi rao giảng về những điều không có thật.

Vả chẳng nữa, những dòng chữ này không thể chấp cánh bay qua đại dương được. Tôi chỉ biết gửi tới các em còn ở lại lòng khâm phục của tôi đối với những khó khăn, những bất trắc mà các em đang hứng chịu, đang đương đầu.

Chắc hẳn một số em đã theo cha mẹ tị nạn ngay khi miền Nam sụp đổ, đôi kẻ chậm chân hơn là những thuyền nhân đến rải rác trong những năm phong trào vượt biên lên cao, nhiều kẻ bây giờ đã nằm im đâu đó trong lòng đất, dưới đáy biển. Tôi mong gửi những dòng chữ tâm sự này đến với các em hiện đang "may mắn" có mặt ở ngoài phần đất quê nhà.

Đã mười ba năm nay, những kẻ ly hương như chúng ta, cứ đến tháng tư lại tổ chức thật nhiều lễ lạc. Mấy năm xa nhà đầu tiên, tôi rất hăng tham dự những buổi lễ này, những đoàn thể mọc lên như nấm, những tổ chức được khai sinh nhiều như những tổ hợp tác xã nơi quê nhà. Thế hệ của tôi, bốn mươi đến năm mươi tuổi hiện đang nắm giữ "diễn đàn" chống Cộng ở ngoại quốc, thế hệ của tôi đang hô hào trên "diễn đàn" bảo tồn văn hóa, thế hệ của tôi hiện nay đang đứng ở đầu ngọn sóng ly hương, thế hệ của tôi hiện đang chống đỡ với sức hút của hội nhập, đồng hóa nơi xứ người. Do nhu cầu thực tế, thế hệ của tôi đã lập nên hàng ngàn tổ chức, đoàn thể ở khắp bốn biển năm châu. Điều đau buồn nhất là dường như những hoạt động ồ ạt của thế hệ chúng tôi phóng vào khoảng không, bởi vì nó không hữu hiệu. Bởi vì chính chúng tôi chưa bao giờ sống thực, bởi vì chính chúng tôi chỉ là những con người giả do nhu cầu xã hội tạo thành. Năm 1963, khi có cuộc đảo chánh lật đổ chế độ của Tổng thống Ngô Đình Diệm, chúng tôi tưởng chừng đã đóng góp rất nhiều cho lịch sử, và rồi chúng tôi dừng lại ở đó, đóng góp tuổi trẻ của chúng tôi cho một chế độ còn tồi tệ hơn cả cái chế độ mà người ta gọi là "gia đình trị". Đôi kẻ hài lòng với cái danh vọng nhất thời, trở thành những lãnh tụ sinh viên, chuyên xuống đường hoan hô đã đảo. Đôi kẻ trở thành dân biểu, những công cán ủy viên, những thứ trưởng rất trẻ trong một bầu không khí hỗn loạn của chính trị.

Trong một thời khoảng ngắn ngủi từ cuối 63 đến đầu 66, miền Nam chúng ta thay đổi lãnh đạo bốn lần và để chừng đến năm, sáu nội các gộp mặt. Những năm đầu 60, chiến tranh chỉ là những hoạt động lẻ tẻ, phá rối trị an, Cộng sản ban đầu chỉ có một số rất nhỏ còn mai phục tại miền Nam sau hiệp định Genève 1954, thấy rõ sự suy yếu chính trị

của miền Nam, nên bọn đầu sỏ ở Hà nội quyết định dựng lên tổ chức Mặt trận Giải phóng miền Nam, nhưng kỳ thực Bắc việt đã dồn hết nỗ lực vào trận chiến này. Thời điểm này, Nga và Trung hoa chỉ có những xung đột ngầm, nên cả hai hỗ trợ miền Bắc tối đa. Để có thể giữ vững vai trò của mình tại Đông Nam Á, Hoa Kỳ vận động với một số các quốc gia khác tham chiến. Năm 1965, khi thế hệ chúng tôi ngẩng mặt lên, phía trước đã là cả khối Cộng sản và quay sang hai bên phải trái, tám quốc gia trong khối tự do đã hiện diện ở miền Nam.

Chiến tranh, từ những hoạt động quấy phá lẻ tẻ vài năm trước, đột nhiên vươn mình lớn dậy nơi Đồng xoài, Bình giả, nơi Đổ xá, Pleime. Trong không khí chính trị, chúng tôi bị nhào nặn thành những con người giả, bây giờ trong chiến tranh, chúng tôi bị cuốn đi bởi bom, đạn và xác người, nên không còn có dịp để nhìn kỹ lại con người đích thực của thế hệ chúng tôi, cũng như những đóng góp đích thực của chúng tôi. Chúng tôi có những ngộ nhận đáng tiếc, hết như một cậu bé nhìn bóng mình trong vách tường, và tưởng chừng như mình vụt to lớn như Phù Đổng. Chúng tôi tham dự một đêm hát cho quê hương trong khuôn viên đại học, và tưởng chừng như chúng tôi đã sống và thờ cho quê hương. Chúng tôi làm vài bài thơ, dăm bản nhạc tranh đấu, đã tưởng chừng như chúng tôi đang phản kháng. Chúng tôi làm một vài bài thơ, viết một vài bài văn thơ đã kích chế độ, đã tưởng chừng như chúng tôi đang đối lập. Chúng tôi tham dự vài buổi xuống đường đã tưởng chừng chúng tôi đang làm cách mạng...

Các em thân mến,

Tôi không hề chối cãi sự bất phục nơi các em dành cho thế hệ chúng tôi, bởi vì miền Nam mất không hoàn toàn do lỗi của những người lãnh đạo miền Nam, càng không phải do lỗi của người Mỹ đã bỏ rơi chúng ta. Chính "thế hệ chúng tôi" đã đóng góp một phần không nhỏ cho sự thất bại ê chề nhục nhã này. Phải mang các em từ đường phố vào trường học, một số "giáo sư" trong thế hệ chúng tôi lại mang những em đang ở trong lớp xuống đường. Phải nói tiếng nói bất khuất của tuổi trẻ trong diễn đàn quốc hội, nhiều dân biểu trẻ tuổi "gật" trước những yêu sách của chính quyền, của nhà thờ, của chùa chiền. Phải nói tiếng nói chí công của pháp luật, nhiều thẩm phán của thế hệ chúng tôi nói tiếng nói của cường quyền. Phải nói lên những thống khổ của dân chúng, nhiều ký giả của thế hệ chúng tôi nói lên tiếng nói của tiền bạc. Phải viết những tác phẩm cổ võ, hô hào cho sự chiến đấu bảo vệ tự do, nhiều nhà văn của thế hệ chúng tôi viết những tác phẩm để phục vụ thị hiếu tầm thường của con người. Phải tố cáo những bất công, những những lạm trong quân đội, nhiều người trong thế hệ chúng tôi làm ngơ trước tệ trạng làm suy yếu quân đội, chạy chọt lấy một chỗ an nhàn. Nếu những người lãnh đạo quốc gia là cột trụ của căn nhà, những cơ quan trung ương là những cái đà chính, thế hệ chúng tôi chính là những cái đà phụ, những tấm ván. Căn nhà của chúng ta có những cột trụ bị mối đục luỗng, những đà chính bị mọt ăn, những đà phụ rời rạc, gãy vụn. Một căn nhà như thế không thể nào đứng vững trước trận bão của chiến tranh.

Đã mười ba năm nay, mỗi lúc tôi một thấy "thế hệ chúng tôi" đang dựng lại ngày cũ. Những năm ngơ ngác ban đầu trên xứ người qua đi, những con người ngụy tín cũ dần dần hồi phục. Nên vì vậy mà mười ba năm nay, cho dù "thế hệ chúng tôi" thành lập cả ngàn đoàn thể, tổ chức, chúng tôi lẫn xả vào chống Cộng, nhưng bọn Cộng sản vẫn mạnh khỏe ở bên kia bờ biển. Chúng tôi còn bận giành quyền lãnh đạo lẫn nhau, chúng tôi còn bận đổ tội lẫn cho nhau, chúng tôi còn bận chống lẫn nhau, trước khi có dịp

chống Cộng.

Hãy nhìn kỹ những vết xe chúng tôi để lại, hãy nhìn kỹ những con đường chúng tôi đi, dấu vết xấu xí nham nhở chúng tôi để lại khắp miền Nam và giờ đây chúng tôi mang sang xứ người những ví dụ tuyệt hảo của lòng háo danh, ích kỷ, hời hợt, tự mãn, đổ ky, giả trá. Xưa kia, chúng tôi được xã hội nặn thành những con người giả, bây giờ tôi tệ hơn, chúng tôi tự phết thêm một lớp sơn lên những con người giả hình cũ, những mong lớp sơn mỏng biến chúng tôi thành con người mới không vết tích.

Hãy nhìn kỹ những gì thế hệ chúng tôi làm, tôi không muốn vạch cái áo vá víu trên lưng chúng tôi cho các em xem, đây những nhọt bọ, tôi viết những dòng chữ này cũng hết như nghiền răng bóp vỡ một cái ngòi. Trên lưng chúng tôi có cả trăm cái nhọt bọ này, và dường như nó đã lây sang các em. Có rất nhiều dấu hiệu của sự truyền nhiễm tính xấu. Hãy ngừng lại tự kiểm. Hãy sống đích thực, yêu ra yêu, ghét ra ghét. Muốn ăn chơi cứ ăn chơi cho thỏa, không giấu giếm, không ngụy tạo. Muốn hội nhập với đời sống nơi đây, hãy lao vào đời sống mới với hết khả năng. Nơi đây chính là nơi pha trộn mọi chủng tộc, mọi màu da. Nước Mỹ có hình ảnh của một con bạch tuộc, nghìn cánh tay, nó ngấu nghiền mọi nền văn minh, cả cái tốt lẫn cái xấu. Nó nghiền nát mọi quá vãng con người, để cải biến thành một con người khác máy móc hơn, ít cảm tính hơn.

Các em thân mến,

Tôi cố hình dung ra các em nơi xứ sở này. Có thể tôi đã gặp các em đâu đó trong những dịp lễ lạc, hội họp. Nếu các em "may mắn" rời khỏi nước vào tháng 4-75, và được sự hướng dẫn tận tình của cha mẹ, giờ đây các em có thể là những người trung lưu trong xã hội Mỹ, một kỹ sư, một bác sĩ hay một người thợ tiện như tôi.

Các em có thể đã yên bề gia thất, có một mái nhà và đang mờ người giữa những đồng "bill" đầu tháng. Chậm chân hơn và mới thoát hiểm một vài năm, các em có thể còn đang lặn lội trong các trường, đang tìm một nghề nghiệp nào đó nuôi thân. Cũng có thể các em đang hoạt động trong cộng đồng, hoạt động trên lãnh vực văn hóa, chính trị, cách mạng. Các em có thể đang mưu cầu một đường về, một ngày về. Tôi thiết tha yêu cầu các em một điều duy nhất: Hãy sống thực với chính mình, bởi lẽ chúng ta có thể dối trá với mọi người, nhưng không thể dối trá chính mình, và dối trá chính là khởi đầu của sự hèn hạ.

Không một ai có thể cưỡng bách các em về, nếu lòng các em đã chọn nơi đây là đất lành. Các em có thể cư xử như một người Do thái đối với quốc gia họ, người Do thái đã lưu vong hơn hai ngàn năm, họ lập lại quốc gia với dân số chưa đầy ba triệu người, nhưng ba mươi triệu người Do thái ở khắp nơi trên trái đất đã đóng góp tích cực cho quốc gia họ đứng vững trước làn sóng thù nghịch, của hơn một trăm triệu người Á Rập vây quanh khoảng đất quê hương của họ. Chuyện về hay ở là chuyện của mai hậu, đó không phải là việc làm của một người, của một nhóm người, đó cũng không phải là việc làm của một năm, hai năm, năm năm. Đó là việc của nhiều thế hệ, đó là việc làm của mọi người, làm với lòng thành của mình tin vào tương lai của quốc gia chúng ta. Tôi không bao giờ lo sợ nước Việt bị mất đi trên bản đồ thế giới. Tiền nhân chúng ta đã đứng vững được suốt mười thế kỷ đô hộ của Bắc phương, cha ông chúng ta cũng đã đuổi được người Tây phương ra khỏi bờ cõi. Người Mỹ, Nga, Nhật, Pháp, Anh, Đức... có thể sau này sẽ thiết lập những cộng đồng con người trên những hành tinh xa xôi.

Song trên mặt địa cầu, này tôi vẫn vững tin quốc gia chúng ta sẽ còn đó mãi mãi. Điều mà tôi băn khoăn, chính là trong hoàn cảnh khó khăn của đất nước hiện tại, các em và chúng tôi sẽ đóng góp, sẽ phục vụ cho quốc gia một cách hữu hiệu. Chúng ta không những chỉ chống Cộng, mà phải chống lại mọi chế độ đi ngược lại đại khối dân tộc. Nếu "thế hệ chúng tôi" ý thức được điều này sớm sửa hơn, nếu chúng tôi can đảm chỉ trích, vạch rõ những sai lầm của miền Nam từ hai, ba thập niên trước, có lẽ giờ này các em và chúng tôi đang ở một nơi khác, làm một công việc khác.

Dường như "chúng tôi" đang đi lại những vết xe cũ, do đó cộng đồng Việt nơi đây mỗi lúc mỗi giống như miền Nam thu nhỏ lại, hãy cứ mở những tờ báo phát hành ở khắp nơi, những con người giả hình cũ đang xuất hiện, với một lớp sơn mỏng hào nhoáng bên ngoài, họ có mặt ở mọi nơi, từ các công xưởng tới các văn phòng, từ cơ sở thương mại tới các đoàn thể. Họ ủng hộ người này, đả kích người khác, họ quyên tiền, họ gây quỹ, họ làm cho tôi có cảm tưởng một khi đại cuộc chống Cộng đã xong, các em và chúng tôi lại một lần nữa phải chống lại những sai lầm gây nên bởi lòng háo danh, ích kỷ, hời hợt, tự mãn, đố kỵ và giả trá. Tôi không chấp nhận chống ngoại thù trước mặt, và dung túng nội thù ngay sát nách mình. Bài học năm 75 còn đó, trong hàng ngũ chống Cộng của chúng ta đã dung dưỡng những kẻ nguy hiểm không thua gì Cộng sản. Giờ đây chúng ta phải đặt một nền móng suy nghĩ khác, không thể dễ dãi với những kẻ đội lốt chống Cộng mà mưu lợi cho cá nhân mình.

Đối với các em đã nhận nơi này là quê hương, đã quay lưng lại với phần đất cũ, các em có lý của các em, các em không có trách nhiệm gì trong việc mất miền Nam, các em không có bản phận chuộc lại những lỗi lầm cũ, tôi chỉ xin các em một điều, hãy lương thiện và thành thật, hãy sống trung thực với những yêu, ghét của chính mình, hãy sống với quả tim chân thật, yêu đời và yêu người. Tôi cầu chúc các em bắt gặp được cái bóng hạnh phúc nơi xứ người, mặc dù tận trong thâm tâm tôi, tôi biết con đường các em chọn rồi cũng không dễ dàng.

Đối với các em nghĩ đến ngày về, nghĩ đến những trách nhiệm liên đới với cha, anh, với bằng hữu, đồng bào, chắc chắn con đường đó không phải chỉ có hoa và bướm. Các em đã chấp nhận chông gai, các em đã nhận lãnh trách nhiệm, ngoài trái tim phải có để yêu mãnh liệt con đường các em chọn, các em còn cần phải có một bộ óc đủ để phân biệt chân, giả. Đừng thấy người ta tụ họp chào cờ, hát quốc ca và nghĩ ở đó toàn là người yêu nước. Ông Thiệu và đàn em ông ngày nào mà chả chào cờ. Đừng thấy người ta họp hành chống Cộng, mà nghĩ ngay ở đó một đường về đã mở. Đã nhiều kẻ đăng đàn cổ võ chống Cộng, một thời gian ngắn sau hiện nguyên hình là một kẻ nằm vùng. Nếu họ nằm vùng vì lý tưởng, các em còn không đau, có khi chỉ vì bọn Cộng sản quăng cho chút tiền, là có thể liếm được những bãi nước miếng chính họ vừa nhổ. Tôi chưa nói tới những kẻ có máu lái buôn trong người, họ hiện diện ở khắp nơi, chỗ nào đông người là có họ, cái họ chú tâm, để ý không phải là mục đích của đám đông, không phải là chống Cộng, không phải là văn hóa... Họ cần đám đông, đó là vấn đề "business" thuần túy. Đã chọn con đường chông gai, ngay cả tính mạng các em cũng không tiếc, nhưng cần nhất đừng lầm, mỗi một lần chúng ta lầm, là một lần cái đích dang xa, là một lần chúng ta mòn mỏi. Đời người dài được là bao, chúng ta không thể đem trái tim nồng nàn của chúng ta, giao cho bất cứ tổ chức nào, đoàn thể nào chúng ta chưa biết rõ. Tôi biết chắc ngọn lửa chống Cộng vẫn âm ỷ trong lòng mọi người trong nước cũng như ngoài nước. Tôi biết chắc chắn còn rất nhiều người trước thế hệ chúng tôi, những người trong thế hệ

chúng tôi và cả thế hệ các em yêu nước thật sự, đương tìm tòi một đường hướng mới hữu hiệu hơn, đang tìm cách ngồi lại với nhau trong tinh thần mới.

Các em thân mến,

Tôi vững tin vào lịch sử, tôi vững tin vào tương lai, mọi đế quốc rồi sẽ sụp đổ như băng tuyết tan dưới ánh mặt trời, càng lúc tôi càng có cảm tưởng đó. Tư bản cũng như Cộng sản hoặc nó phải biến đổi cho hợp với nguyện vọng của nhân loại, hoặc nó phải sụp đổ nếu nó cưỡng lại đà tiến chung của nhân loại. Ngày đó có thể là năm năm, có thể là mười năm, có thể là hai mươi năm, nhưng những dấu hiệu thay đổi bắt đầu lộ dạng. Chúng ta không chờ ngày đó, cả nhân loại đang thúc cho ngày đó tới sớm, và chúng ta sửa soạn cho ngày đó.

Hơn nửa thế kỷ trước, khi đặt nền móng cho cuộc đấu tranh của dân Việt, hai cụ Phan vẽ ra hai con đường, một là dành lại chủ quyền cho quốc gia, hai là cải tiến dân sinh, cả hai quan niệm đó phải được thực hiện song phương. Những khó khăn của chúng ta so với các cụ đã không ít đi, lại còn nhiều hơn nữa chúng ta không bị đô hộ bởi Nga, Tàu nhưng Nga, Tàu đã chi phối quốc gia chúng ta tới tận cổ rễ. Cách dạy dỗ và đào tạo của người Cộng Sản đã cho thấy dân trí ngày nay so với thời các cụ cũng không hơn mấy chút. Chúng ta còn có thêm một khó khăn mới trong thời đại chúng ta, đó là khoa học kỹ thuật tiến những bước của đôi hia bầy dặm, sự tiến bộ khoa học này đưa đến việc hình thành những đế quốc kinh tế như Nhật Bản, Tây Đức. Trong mai hậu, việc của chúng ta chẳng những phải đối phó với Cộng sản, Tư bản, chúng ta còn phải đối phó với những tính toán của các con buôn quốc tế, sẽ nhảy vào khai thác đất nước chúng ta.

Với những em đã chọn được con đường, đã chọn được tổ chức, tôi cầu chúc các em đã chọn đúng, có một con đường đúng. Hãy lên đường bằng con tim quả cảm của các em và bằng trí óc sáng suốt, minh mẫn, hãy yêu mãnh liệt sự chọn lựa của các em và đủ sức đi suốt con đường các em đã chọn. Dầu có chết, các em đã sống đích thực với những điều các em trân quý ở trong lòng. Với các em không chấp nhận nơi đây là quê hương, lại chưa tìm được cơ hội đóng góp tuổi trẻ cho đại cuộc, tôi tha thiết mong các em bình tĩnh, cùng tôi quay lại lớp học cũ đọc lại câu: "Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời", dầu ở đâu chẳng nữa chúng ta cũng có một phần đời trên lưng, một xã hội trước mặt, hãy tìm tòi, hãy học hỏi. Các em hãy cùng tôi lật lại một trang sử cũ viết về phong trào Đông Du, bao xương máu đã đổ ra, bao tâm trí đã hao mòn, bao thân xác đã ngã gục và cụ Phan Bội Châu chỉ có thể mang được vồn vẹn vài trăm người lén lút cầu học nơi xứ người. Trăm cay nghìn đắng, rốt cuộc Nhật cũng lấy lòng Pháp, cụ phải giải tán phong trào lếch thếch dìu nhau về Trung Hoa, và từ đó điều động công cuộc chống Pháp để dành lại chủ quyền cho nước nhà. Cũng chính nơi đây cụ Phan và những người đồng chí đã "dưỡng hổ di họa", đã làm ngơ cho Hồ Chí Minh nương tựa nơi xứ người, để rồi cụ bị thực dân Pháp bắt do sự chỉ điểm của những người Cộng sản.

Trong tận cùng của bất hạnh, nước mất, nhà tan, hàng triệu người chết trong lao tù, chết ở Lào, Miên, chết trong lòng biển, chúng ta có một điều an ủi nhỏ, là sự có mặt của hàng triệu người Việt lưu vong khắp địa cầu, các em cùng tôi tính nhẩm một điều, cứ một trăm người mới có một người về, thì mai này chúng ta cũng có mười ngàn người trở về từ khắp mọi nơi, đã ra đi với lòng buồn bã, nhưng sẽ trở về cùng với những điều học hỏi được nơi xứ người để đóng góp vào việc kiến thiết lại xứ sở. Cho dù cả ngàn

người mới có một người về, chúng ta vẫn có hàng ngàn khoa học gia, hàng ngàn chuyên viên, trí thức. Ngay cả nước Nhật khi bắt đầu canh tân dưới thời Minh trị đều có được nhiều chuyên viên, trí thức như thế. Ngày mà lịch sử xoay dòng chắc chắn không xa. Hãy bình tĩnh học hỏi, đừng trở về với đầu óc trống, e rằng chúng ta sẽ chỉ giúp đất nước chúng ta những sự khốn cùng.

Các em học sinh trường Tiểu học "Vườn Hồng" thân mến,  
Tôi gửi tới các em những dòng chữ này, không cổ vũ các em hội nhập đời sống nơi đây, không thúc bách các em phải nghĩ đến chuyện trở về. Chỉ tha thiết mong mỗi nơi các em một điều: Hãy trung thực với hoàn cảnh các em đang sống, như Phùng Quán đã viết: "Yêu ai cứ bảo rằng yêu, ghét ai cứ bảo rằng ghét". "Thế hệ chúng tôi" đáng bị các em bầy tỏ lòng chán chường, oán ghét. Bất cứ ai dính dự vào miền Nam, đều có lỗi. Lớn có lỗi lớn, nhỏ có lỗi nhỏ. Hãy nhìn những kẻ đang vỗ ngực tự hào mình vô tội. Một là họ ngu, hai là họ tưởng mọi người ngu. Cả hai điều đó đều không chấp nhận được. Điều tôi đau buồn chính là gần đây, trên những diễn đàn nổi, sự tham gia của lứa tuổi các em mỗi lúc mỗi nhiều. Tôi bắt gặp bóng dáng "thế hệ chúng tôi" nơi các em, từ khuôn viên một trường đại học, đến một buổi nói chuyện văn nghệ, từ một đoàn thể xã hội, tới một buổi họp mặt thân hữu, những quần áo đẹp, những bắt tay xã giao, những nụ cười thối lợ, những câu nói nước đôi, những thủ đoạn vặt vãnh, những tiểu xảo, những đả bôi, những lừa lọc, những bon chen... Tất cả chỉ là những hư danh phù phiếm.

Hãy ngừng lại các em, cuộc đời nơi đây đâu không hoàn toàn đẹp, nhưng vẫn có ý nghĩa của nó, vẫn có cả triệu con đường mở ra trước mặt, chọn con đường nào cũng vậy: Đời sống chỉ hoàn toàn có nghĩa khi nó được điều động bởi một khối óc minh mẫn, cõi mở và một trái tim chân thành, lương thiện. Hãy nhìn lại mới ngày nào các em năm, mười tuổi, giờ đây đã hai mươi, ba mươi, chẳng mấy chốc đợt sóng của "thế hệ chúng tôi" tan biến đi, đợt sóng của các em tiến tới. Tôi mong nó tiến tới mãnh liệt, xóa hết những dấu vết xấu xí "chúng tôi" để lại. Tôi không bao giờ mong một đợt sóng lẫn lẩn, ẻo lợt, hờ hững, chưa kịp tiến vào bờ, đã tan biến mất tăm trước khi chạm đất.

Các em thân mến,  
Nếu có dịp tình cờ nào đó, các em đọc lá thư này, đọc quyển sách này. Xin hãy coi đây như là một lời xin lỗi chân thành nhất của tôi gửi đến các em, bởi chính tôi đã đóng góp một phần, cho dù chỉ là một phần rất nhỏ trong trang sử u buồn này.

Sau cùng tôi xin gửi lời chúc tâm nguyện nhất tới tất cả các em, và hy vọng một ngày nào đó không xa, khi lịch sử xoay dòng, các em và tôi có dịp về thăm ngôi trường cũ để chứng nghiệm một lần trong đời câu châm ngôn: "Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời".

*California, tháng 10, năm 1988.  
Nguồn: Nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1988,  
bản đăng trên talawas với sự đồng ý của tác giả*